LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 130

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

SỐ 1739
(QUYỂN 11 →40)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1739

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 11

Mười thần lúa... thần ngày là nhân quả lợi sanh của mười hạnh. Thần lúa là hạnh tư lương như người đời dùng lúa làm thức ăn nuôi sống sắc thân. Trong pháp Phật mười Ba-la-mật là thức ăn nuôi lớn pháp thân, đoạn trừ dần tập nhiễm thế gian, trí bi rộng lớn, hiểu rõ tập khí đó. Theo pháp ba thừa, mười tín, mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng là bốn vị tư lương. Từ địa thứ nhứt trở về sau là vị kiến đạo gia hạnh, vì ba thừa giáo cho rằng: các vị trước mười địa trải qua một tăng kỳ kiếp tu hạnh hữu vi hữu lậu, địa thứ nhứt là thấy đạo. Theo Hoa Nghiêm, mười tín là tin mình đủ trí lớn, tánh tướng như Phật, trụ thứ nhứt nhờ sức định thấy đạo. Mười trụ là vị thấy đạo. Mười hạnh, mười hồi hướng, mười địa là gia hạnh. Vì nhân quả vị này như Phật, dùng hạnh Phổ Hiền thành tựu trọn vẹn một cách rộng lớn. Hạnh Phổ Hiền, nhân quả lý trí mà mười trụ thấy biết không phải là pháp hữu vi vô thường của trời người. Trong pháp giới chơn như tất cả lý trí tánh tướng, quả Phật, hạnh Phổ Hiền đều là tư lương, không thể thiếu một pháp nào. Nếu thiếu là tâm còn phân biệt tịnh nhiễm. Vì thế quả Phật trang nghiêm hạnh nguyện, và ngược lại nên là Phật Hoa Nghiêm. Do vậy trong mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng, Phật, Bồ-tát cùng tên. Phật gia hộ bằng mười ba pháp. Theo ba thừa, Bồ-tát thường sanh về cõi tịnh, bốn cõi thiền là cõi tịnh. Vào cõi dục là vì nguyện giữ hoặc để độ sanh. Với Hoa Nghiêm, ngay trụ phát tâm thứ nhứt đã đủ lý trí quả hạnh tánh tướng, động tịnh sanh tử Niết-bàn. Dùng thể dụng pháp giới đối tự tập nhiễm, không

trước sau cũ mới. Theo ba thừa, gia hạnh là địa thứ nhứt, tư lương là mười tín... mười hồi hướng, năm vị không có quả Phật. Địa thứ mười tuy thấy đạo nhưng chưa hợp chơn như. Trong kinh này, mười tín đã tin tâm mình đủ mười cõi nước (như trước). Vì mười tín thuộc hữu vi nên cõi Phật là cõi có hình sắc. mười Đức Phật mà vị này phụng sự cũng từ tâm mình, tu tập quả Phật thành tựu mười trí. Vì còn tâm sanh diệt nên vị mười tín còn có cõi nước, trí Như Lai. Nhân của mười trụ... Đẳng giác là hạnh Phổ Hiền, quả là lý trí pháp thân hoặc nhân quả tác động qua lại. Với hai nhân quả như vậy, năm vị sẽ có 100 nhân quả, mỗi vị lại có năm nhân quả, cộng thành 110. Nhân quả Phật trong mười trụ là mười cõi Nhân-đà-la, Ba-đầu-ma... mười Đức Phật Thù Đặc Nguyệt... mười Bồ-tát Pháp Huệ... là nhân của hạnh Phổ Hiền, vì mười trụ nhập định đạt trí huệ vi diệu nên cõi nước là Hoa, từ hoa kết trái, quả Phật Nguyệt... là đoạn trừ phiền não nóng bức được thanh tịnh dịu mát như mặt trăng. Thấy đạo đoạn hoặc là cõi nước. Nhân-đà- la hoa (Năng chủ hoa), trụ phát tâm thứ nhứt sanh trong nhà Phật, là pháp sư thuyết pháp độ sanh. Ba-đầu-ma hoa (Hoa sen đỏ), trụ trị địa tăng tiến tu tập đạt quả thù thắng hơn. Tên của các Đức Phật, cõi nước, Bồ-tát đều tùy địa vị không phải do người khác đặt vì tự mình tu tập. Trong mười hạnh, mười cõi nước tên Huệ, mười Đức Phật tên Nhãn là quả, mười Bồ-tát công đức lâm... là nhân (mười hồi hướng mười địa rõ như trong kinh). Tóm lại, mười Đức Phật là quả, mười Bồ-tát là nhân. Trong lần thuyết pháp thứ nhứt, Như Lai là quả năm vị; Phổ Hiền, trời, thần là nhân. Tỳ-lô-giá-na là nhân tu hành của Phổ Hiền, trời, thần, thân mình là quả trí sai biệt. Trí quả Phật tánh là nhân. Vì thân tu tập chính là quả lý tánh, nhân quả thể dụng đan cài. Vì thế trong phần khen ngợi đức, sau khi khen ngợi công đức của Phật, trời thần khen ngợi trí đức của mình như Phật. Đó là điều kiện để người tu học vào pháp giới. Mê là phàm, ngộ là Phật. Tu tập cả trí bi. Như cõi Tam Nhãn của thiện tri thức thuộc hạnh Hoan Hỷ của Thiện Tài cũng chính là mười cõi Thân Huệ, Bảo Huệ... của mười hạnh. Tam nhãn: ma ha Bát-nhã, giải thoát, pháp thân, hoặc là trí, huệ, pháp nhãn. Như ba mắt của trời Ma-hê-thủ-la. Tất cả pháp Phật không ngoài pháp thân trí lớn này. Nghĩa của mười cõi nước có tên Huệ cũng là tam nhãn. Do vậy, cõi nước của thiện tri thức hạnh thứ nhứt của Thiện Tài là cõi tam nhãn. Tỳ kheo tên Thiện Kiến cũng là hạnh thứ mười. Mười Đức Phật Thường Trụ Nhãn, Vô Thắng Nhãn... Thiện Kiến là đủ ba mắt. mười hạnh dùng ba mắt trí nhận biết căn tánh của chúng sanh để tùy thuận độ thoát. Tỳ kheo Thiện Kiến thiền hành trong rừng là biểu

hiện nơi hành hạnh độ sanh. Trong lần thuyết pháp thứ nhứt này, thần lúa là hành trang của mười hạnh đạt quả Phật, chúng sanh vào vị Phật, Bồ-tát nuôi lớn từ bi. Nhân quả của mười vị này cũng chính là nhân quả hành tướng của năm vị. Vì nhân quả Phật, Phổ Hiền, thể dụng tánh tướng trước sau đồng nhứt. Vì thế năm mươi hành trang, năm mươi quả Phật của năm vị dung nhiếp đan cài làm nhân quả cho nhau. Hạnh Phổ Hiền được biểu hiện bằng trí Như Lai nên không nhiễm ô, quả Phật được trang sức bằng hạnh Phổ Hiền nên trọn vẹn bi trí. Nếu thiếu một thì không thành và là hạnh quả của trời người. Dù vượt trên cõi trời vẫn chỉ là nhị thừa, Bồ-tát ra khỏi đời sống trong cõi tịnh hay Bồ-tát giữ hoặc độ sanh, không phải là sự dung nhiếp tự nhiên của lý trí tánh tướng động tịnh bi trí thế gian xuất thế gian. Quả Phật là mười hạnh cũng như hoa trái tự nhiên thành tựu bằng công đức không tạo tác. Đoạn này được phân thành bốn ý như trên. Nêu số lượng như hàng đầu của kinh. Mượn vị biểu hiên pháp, thần lúa là hành trang mười hạnh. Giải thích danh hiệu theo hạnh nguyện: Nhu Nhuyến Thắng Vị chuyên tu thí Ba-la-mật (Hạnh Hoan Hỷ). Thí có hai: pháp, sự. Pháp vui vẻ giảng dạy giáo pháp cho chúng sanh, nuôi lớn bằng pháp lạc, thuần phục tâm tánh. Sự: thần lúa làm cho lúa má tốt tươi nuôi thân chúng sanh. Tùy nơi độ sanh mà tên gọi của các vị khác nhau.

Thời Hoa Tịnh Quang chuyên tu giới Ba-la-mật. Biết khả năng của chúng sanh, tùy thuận hóa độ là thời hoa, khiến chúng sanh đạt giới tánh là tịnh quang. Ví như hoa của năm thứ lúa thóc, kết trái theo thời gian.

Sắc Lực Dũng Kiện chuyên tu nhẫn Ba-la-mật, từ hạnh nhẫn thành tựu công đức là dũng kiện, từ hạnh nhẫn đạt thân tướng tốt đẹp. Trong các loại sức mạnh, sức gió mạnh nhứt, trong mọi hạnh, hạnh nhẫn là hơn hết, tám gió không khuynh động. Nhẫn nại trong mọi hành động là dũng kiện. Thiện tri thức hạnh thứ ba của Thiện Tài - Ưu-bà-di Cụ Túc - hành hạnh nhẫn này, vì nhẫn là quả của các vị.

Tăng Trưởng Tinh Khí chuyên tu tinh tấn Ba-la-mật. Vào đời độ sanh bằng sức tinh tấn, lòng từ bi và pháp lực nhưng không mong cầu đền đáp là Tăng trưởng tinh khí. Nếu không có sức tinh tấn thì không hành động.

Phổ Sanh Can Quả chuyên tu thiền Ba-la-mật. Pháp tánh là thiền, phát sanh trí vi diệu hành mọi hạnh là Phổ sanh quả. Trong tánh thiền trí hạnh đan cài ngay nhân là quả, quả có từ nhân, trước sau không khác. Quả thật, hạnh Phổ Hiền dung hợp nhau vì từ quả có nhân, từ nhân sinh

quả.

Diệu Nghiêm Hoàn Kế chuyên tu huệ Ba-la-mật vì hành mọi hạnh bằng trí vi diệu, hạnh trí trang nghiêm cho nhau, đem lại lợi ích cho chúng sanh thành tựu quả đức. Hoàn Kế là trọn vẹn trí hạnh.

Nhuận Trạch Tịnh Hoa chuyên tu phương tiện Ba-la-mật, hành hạnh từ bi độ thoát chúng sanh hiểu pháp.

Thành Tựu Diệu Hương chuyên tu nguyện Ba-la-mật, thành tựu trí không dụng công và năm phần hương. Với trí vi diệu, vị này biết căn tánh của chúng sanh, thuyết pháp đem lại lợi ích, thành tựu ba hương giới định huệ.

Kiến Giả Ái Lạc chuyên tu lực Ba-la-mật, thành tựu pháp lực đem lại lợi ích cho chúng sanh, những người nghe pháp đều quí kính.

Ly Cấu Tịnh Quang chuyên tu trí Ba-la-mật vì trí tuệ đoạn trừ cấu nhiễm mình người. Phần khen đức như trong kinh.

Hạnh Nhiêu Ích thứ hai, từ thế giới Ba-la-mật, mười vị thần sông tu tập mười Ba-la-mật.

Phổ Pháp Tấn Lưu chuyên tu thí Ba-la-mật (các vị sau cũng vậy). Thiện tri thức hạnh Nhiêu Ích của Thiện Tài - đồng tử Thích Thiên, một trong một vạn đồng tử - đang vun cát đùa chơi bên bờ sông, biểu hiện từ giới tánh hành vô số hạnh tạo lợi ích cho chúng sanh. Phổ phát tấn lưu là pháp nhứt thừa.

Phổ Khiết Tuyền Nhuận chuyên tu giới đây là pháp trời người ba thừa. Dùng pháp thuật tạo lợi ích cho chúng sanh là Phổ khiết.

Hạnh Vô Vi Nghịch thứ ba, từ thể nhẫn Ba-la-mật, mười vị thần biển tu tập mười Ba-la-mật, vì hạnh nhẫn như biển lớn dung chứa nước của các dòng sông. Thể của nhẫn là pháp tánh từ bi, đưa tất cả chúng sanh - những kẻ sống trong vô minh sanh tử - vào dòng pháp là hạnh vô vi nghịch, phần nói về thiện tri thức hạnh thứ ba của Thiện Tài có câu: phía nam có thành tên Hải Trụ, nữ cư sĩ tên Cụ Túc, mặc y phục trắng, xõa tóc dài, hành mọi hạnh độ sanh bằng pháp nhẫn, tâm rộng lớn như biển, đủ phước trí đem lại lợi ích cho chúng sanh. Nhẫn là quả của muôn hạnh, dung nạp tất cả.

Hạnh Vô Khuất nhiễu thứ tư: từ thể tinh tấn Ba-la-mật, mười vị thần nước tu tập mười Ba-la-mật, vì nước có khả năng làm sạch, Bồ-tát này dùng nước pháp tánh siêng năng độ sanh, biết rõ căn tánh tạo lợi ích cho mọi loài, chúng sanh được toại nguyện, không quấy nhiễu. Siêng năng dùng pháp độ sanh là tinh tấn. Các vị khác cũng vậy. Nếu không hiểu được sự thống nhứt của các pháp thì không thông đạt ý kinh.

Như hạnh tinh tấn Ba-la-mật trong mười hồi hướng dung hợp lý trí tánh tướng bình đẳng tự tại. Đạt một trong năm vị là đủ năm vị, nhưng còn thứ tự là do sự tu tập thuần thục hay chưa thuần thục. Tuy phân chia thứ bậc nhưng thể tánh giống nhau, không trước giữa sau. Hãy xét các pháp bằng thật tánh, không nên xét bằng vọng tình, một giọt nước trong biển cũng có vị mặn như biển, rồng cá báu vật đều ở trong biển. Vì giáo hóa chúng sanh nên hành vô số hạnh, tên tuy khác nhau nhưng thể đạo trước sau là một như mọi hình tượng trước gương sáng. mười địa thành tựu công hạnh, vị đẳng giác tự tại độ sanh. Nếu phân biệt rằng: mười trụ là thấy đạo, mười hạnh chuyên tu tâm ra khỏi đời, mười hồi hướng chuyên về hạnh nguyện trọn vẹn bi trí, mười địa tích tập công đức, địa mười một tự tại vào đời độ sanh thì đó chỉ là mô hình mẩu để kẻ hậu học biết. Nếu không, chúng không biết nương tựa vào đâu để phát tâm tu học.

Hạnh Vô Vi Loạn thứ năm, từ thể thiền Ba-la-mật, mười vị thần lửa tu tập mười Ba-la-mật. Vi độ sanh nhưng luôn tịch tịnh, thần lửa là thể định, tịnh nhưng luôn hành, ngay sự là lý, trí bi dung hợp. Như quẻ ly ở phía nam của Kinh Dịch. Nếu nói về con người, đó là tâm; nếu nói về pháp, đó là trí rỗng lặng không; Nếu là hiện tượng bên ngoài, đó là mặt trời; nếu là các bộ phận của thân, đó là mắt. Nếu là pháp, đó là trung đạo, là hiểu rõ, minh là trống rỗng là trí soi rõ mọi hiện tượng, là điện Phổ Quang, là nữ thần ý nghĩa Thiện Tài đi về phía nam là thế. Hạnh này dùng trí sáng (thần lửa) phá trừ u tối, không mê muội, không bị ngăn che.

Hạnh Thiện Hiện thứ sáu, từ thể Bát-nhã Ba-la-mật, mười vị thần gió tu tập mười Ba-la-mật. Đó là quẻ tốn giữa chi thìn tỵ trong Kinh Dịch, là nữ thần, là pháp tắc, là ngôn luận, là giáo lịnh. Như quẻ càn ngũ thế trong Chu Dịch, trên là quẻ tốn, dưới là quẻ khôn, là quan. Kinh Dịch nói: gió thổi trên mặt đất có thể nhìn thấy qua sự rung động của các vật. Người quân tử chỉ dạy mọi người đều nghe theo. Tốn là gia phong lễ giáo. Hạnh này thành tựu trí huệ thuyết pháp giáo hóa chúng sanh. Như Lai mượn khoảng thời gian giữa giờ thìn tỵ làm pháp tắc trai giới, là khoảng giữa tốt xấu, đoạn trừ chấp trước đến giờ ngọ hợp mọi pháp, trên hợp với sao Giác, Giác là sao Thiên Môn. Nghĩa là giờ này tu sĩ thuyết pháp lợi sanh. Như miệng dùng để ăn uống thuyết giảng. Khả năng khai hoa kết trái thành hoại là hạnh thiện Hiện. Phần sau có chép: như biển có bốn đức:

1) Năng tập: chứa nhóm vật báu (trí Đại Viên Cảnh).

2) Năng thành: có được vật báu (trí thành sở tác).

3) Giản trạch: phân biệt báu vật (trí Diệu quan sát).

4) Năng tán: loại trừ vật xấu (trí bình đẳng).

Bốn trí này tượng trưng cho thần gió tự tại hiển hiện các pháp. Như Đức Phật trong tín thứ sáu ở phía đông nam tên Cứu Cánh Trí. Quẻ tốn ở phía đông nam, tốn là gió. Kinh Dịch chép: tốn là ngôn luận, vì trí có khả năng hiển hiện các pháp. Phương là pháp vì pháp ấy không phương hướng.

Hạnh vô trước thứ bảy: từ thể phương tiện Ba-la-mật, mười vị thần hư không tu tập mười Ba-la-mật. Từ pháp không hành hạnh độ sanh là vô trước. Thể của phương tiện Ba-la-mật là pháp không, thần là trí không đắm nhiễm, vì từ pháp không pháp khởi trí huệ.

Hạnh Nan đắc thứ tám, từ thể nguyện Ba-la-mật, mười vị thần phương hướng tu tập mười Ba-la-mật. Vì khó đạt trí không dụng công thể trí thanh tịnh, phòng hộ bằng nguyện, nhớ nghĩ thệ nguyện xưa nên hành hạnh độ sanh, không ở trong sanh tử Niết-bàn. Hạnh này thành tựu trí thuyết pháp độ sanh. Như bốn quẻ: chấn, khảm, đoài, ly ở bốn góc đều biểu hiện cho trí không dụng công.

Hạnh thiện pháp thứ chín, từ thể lực Ba-la-mật, mười vị thần đêm tu tập mười Ba-la-mật. Thành tựu pháp lực, phân biệt thuyết giảng giáo pháp. Dùng pháp Phật xua tan đêm dài sanh tử. mười vị thần này đều là nữ thần, là tri thức ở mười địa của Thiện Tài. Vì thể của hạnh dung nhiếp pháp mười địa.

Hạnh chơn thật thứ mười, từ thể trí Ba-la-mật, mười vị thần ngày tu tập mười Ba-la-mật. Vì trí sáng soi khắp mọi nơi. Trí không tạo tác nhưng hợp với mọi hiện tượng là thần. Trong phần khen đức có câu: siêng năng độ sanh làm trang nghiêm cõi nước. Bi là cung, trí là điện, dùng bi trí giáo hóa chúng sanh.

Từ A-tu-la vương đến thiên tử Nhựt... mười chúng tiêu biểu cho mười hồi hướng. Vì sao? Vì A-tu-la ở trong biển không bi chìm. Mười trụ mười hạnh phần nhiều là tu bi trí xuất thế. Hồi hướng là đưa chơn vào tục, thành tựu viên mãn bi trí ngay trong thế gian. Bồ-tát hồi hướng với tâm bi rộng lớn, không chứng chơn như, hiểu rõ chơn tục là một, ở trong đời nhưng không đắm nhiễm, tự tại độ sanh. Đoạn này được phân thành bốn ý như trên. Số lượng như ở hàng đầu trong kinh. Mượn vị biểu pháp. A-tu-la tiêu biểu cho hạnh cứu hộ chúng sanh nhưng không chấp nơi tướng chúng sanh của hồi hướng. A-tu-la vào biển không bị chìm, lên cõi trời nhưng không có khoái lạc như trời. Cũng thế Bồ-tát này ở trong sanh tử nhưng không đắm say năm dục, sống trong Niết-

bàn nhưng không hưởng tinh lạc. Phẩm pháp giới có câu: thành tựu hạnh vượt trên thế gian của Như Lai như A-tu-la vương, Bồ-tát này tự tại trong sanh tử Niết-bàn. A-tu-la còn gọi là A tố lạc. A là không; tố là dạo chơi, là vi diệu; la là vui đùa. Theo luân Bà Sa, A-tu-la không phải là trời, tuy thuộc cõi trời nhưng dối trá, không có được sự diệu lạc của cõi trời. Cũng thế, Bồ-tát này với tâm bi, tùy phương tiện làm mọi việc dường như dối, sống trong sanh tử nhưng không say đắm năm dục, cũng không hưởng pháp lạc tịch tịnh vượt khỏi thế gian của Niết-bàn. Vị này chuyên tu thí Ba-la-mật. A-tu-la, các bản xưa dịch là Bất Tu, mẹ của Tỳ ma, cõi trời yếu kém. Theo kinh A-hàm, vào kiếp thành, chúng sanh ở cõi trời Quang Âm xuống biển tắm, xuất tinh tạo thành trứng, tám ngàn năm sinh ra một người nữ to lớn như núi Tu Di, có 990 đầu, mỗi đầu có một ngàn mắt, 990 miệng, mỗi miệng có bốn răng, từ răng phóng ra lửa, 24 tay, 990 chân, vui chơi trong biển. Khi tinh vào thân tạo thành trứng, trải qua tám ngàn năm sinh ra Tỳ-ma-chất-đa-la, có chín đầu, mỗi đầu có một ngàn mắt, trong miệng thường phun nước, 990 tay, tám chân, thân lớn gấp năm lần núi Tu Di, ăn bùn đất và ngó sen, luôn đấu tranh với trời (rõ như trong kinh chánh pháp niệm). Trụ xứ của A-tu-la có năm:

1) Trong núi báu trên đất.

2) Phía bắc núi Tu Di. Cách biển khoảng 21.000 do tuần có A-tu-la tên La Hầu (chướng ngại: dùng tay che kín mặt trời) thống lãnh vô số chúng.

3) Từ đó trở xuống khoảng 21000 do tuần có A-tu-la tên Dũng Kiện thống lãnh vô số chúng.

4) Cách 21000 do tuần nữa có A-tu-la tên Hoa Man thống lãnh vô số chúng.

5) Cũng cách tuần ấy nữa có A-tu-la tên Tỳ Ma chất Đa La (Hưởng cao). Cha của Xá Chi. Xá Chi là vợ chính của Đế Thích. Lúc cha của Xá Chi đánh nhau với Đế thích nói rằng: Ta là Tỳ Ma chất Đa La lập tức núi non ở cõi Diêm Phù chuyển động. Trong đó có thành tên Quang Minh. Theo luận Phật Địa, A-tu-la thuộc cõi trời. Theo Tỳ Đàm, A-tu-la thuộc loài quỉ. Tỳ Ma chất Đa La: chủng chủng sự Tỳ Ma là khắp nơi, chất Đa La là đồ trang bị. Vì lúc chiến đấu với Đế Thích, vị này trang bị binh khí (tên Hưởng Cao hay Nguyệt Cư là sai). Theo pháp sư lễ đời Đường, A-tu-la thuộc cõi quỉ. mười A-tu-la trong kinh này là sự tiến tu, lòng bi của Bồ-tát không hạn lượng như A-tu-la vào biển không bị chìm. Bồ-tát không chìm trong cõi ác, không cao ngạo, dùng chơn pháp

để nhiếp phục thế gian, ở trong biển khổ như không bị khổ. Giải thích tên theo hạnh, La Hầu La chuyên tu thí Ba-la-mật. mười nguyện là thể của mười Ba-la-mật, không mong cầu lợi ích riêng mình. Việc tu ở dưới núi Tu Di, vào biển không bị chìm đều là mượn hình tượng biểu hiện pháp để chứng minh hạnh độ sanh bằng tâm bi, dung nhiếp chơn tục của hồi hướng. La Hầu La là chướng ngại. Bồ-tát vào đời bằng tâm bi, diễn giảng pháp không, đóng cửa cõi ác.

Tỳ Ma Chất Đa La chuyên tu giới Ba-la-mật, với tâm bi vị này pháp nguyện độ sanh trong ba cõi sáu nẽo. Thể của giới là bi nguyện, tự tại vào đời.

Xảo Huyền Thuật chuyên tu nhẫn Ba-la-mật. Bồ-tát nhẫn nại ở trong sanh tử, thấy mọi việc là giả.

Đại Xuyến Thuộc chuyên tu tinh tấn Ba-la-mật, dùng mọi hạnh độ sanh.

Đại Lực chuyên tu thiền Ba-la-mật ở trong biển khổ nhưng không khổ.

Biến Chiến dùng trí sáng độ sanh.

Kiên Cố Hạnh Diệu Trang Nghiêm trang sức bằng tâm bi và phương tiện độ sanh.

Quảng Đại Nhân Huệ, độ sanh bằng nguyện trí. Vì vị này đạt trí thù thắng, nhớ đến nguyện xưa vào đời độ sanh.

Xuất Hiện Thắng Đức thành tựu lực Ba-la-mật.

Diệu Hảo âm thanh, thuyết pháp bằng trí. Phần bốn như trong kinh. Mười vị này trong hợp chơn tục bằng tâm bi, ở trong sanh tử nhưng không bị đắm nhiễm. mười trụ, mười hạnh thông đạt trí hợp chơn như nên là thần. mười hồi hướng, mười địa đều được biểu hiện bằng vua (tự tại).

Hồi hướng Bất Hoại thứ hai, dùng trí vào đời độ sanh thành tựu tâm bi, thông đạt chơn tục hòa hợp. Nghĩa của kinh Diệu pháp Liên Hoa cũng như vậy. Dùng trí hiểu biết dung hợp chơn tục thực hành mọi hạnh. Nghĩa là vào đời độ sanh bằng trí bi. Hành hạnh Phổ Hiền là liên, hành hạnh bằng trí là Diệu pháp, đủ tánh chơn như, dung hợp thế tục là Bất Hoại. Đó là sự tự tại của trí không nương tựa và tánh bồ đề. Vị này được biểu hiện bằng Ca Lâu La (chim cánh vàng). Phần này cũng phân thành bốn ý như trên. Số lượng như hàng đầu trong kinh. Mượn vị biểu pháp. Chim này nhìn thấy rồng trong biển sắp chết dùng hai cánh cắp lên. Phẩm pháp giới chép: thệ độ chúng sanh ra khỏi biển khổ. Bồ-tát hồi hướng thường ở trong sanh tử, dùng mắt trí quan sát chúng sanh nào căn tánh thuần

thục, dùng hai pháp chỉ quán đưa chúng sanh đến bờ Niết-bàn. Tánh pháp là thể của chỉ, trí không tánh là thể của quán. Không phải người quán, đối tượng quán. Vị này chuyên tu giới Ba-la-mật. Như biển không chứa xác chết giới trí bi không có sự thấy biết tịnh nhiễm của nhị thừa trời người. Hai cánh của chim cách nhau 36 vạn dặm. Giải thích theo hạnh nguyện: Đại Tốc Tật lực chuyên tu thí Ba-la-mật, Bồ-tát này phát lòng từ, dùng sức chỉ quán vào đời độ sanh, tích tắc đưa chúng sanh qua bờ Niết-bàn. Tích tắc ấy không thuộc tích tắc của xưa nay ba đời. Như chim cánh vàng cắp rồng, thời gian ấy là Tốc Tật. Phần khen đức có câu: cứu độ tất cả chúng sanh ra khỏi biển khổ sanh tử, đạt đạo Bồ-tát. Vào biển vô minh, dùng sức định huệ quán sát, một sát na hợp chơn như thấy rõ việc ba đời sự hiểu biết và tu tập đó là phát tâm. hai việc đó là một. Trong hai việc đó, việc thứ nhất khó đạt. Nghĩa là phàm phu khó đạt chơn như, không phải khó đạt quả Phật. Vì tâm ban đầu và tâm Phật là một. Pháp, tri, thời gian không thay đổi. Đó là thể dụng của pháp giới. Hãy xét bằng định huệ, không nên suy bằng vọng tình.

Hồi hướng Đẳng nhứt thiết chư Phật được biểu hiện bằng Khẩn Na La Vương. Vì nhẫn là hạnh đầu trong mọi hạnh độ sanh khiến chúng sanh đạt đạo của tất cả các Đức Phật. Khẩn-na-la Vương là nghi thần, hạnh chủ. Hình dáng giống người, trên đầu có sừng như bò, ai thầy cũng nghi, không biết là người hay là gì. Bồ-tát này thành tựu tâm bi, vào sáu cõi bằng hạnh nhẫn, loài người thấy vậy nghi ngờ không biết là phàm hay là Thánh. Nếu là phàm sao có trí huệ như Phật? Nếu là Thánh sao làm việc phàm? Thần này thường làm các trò chơi cho cõi trời, chuyên tu nhẫn Ba-la-mật. Nếu không có hạnh nhẫn thì không có hạnh khác. Phần này cũng được phân bốn ý như trên. 10 Khẩn na la thuộc súc sanh.

Hồi hướng chí nhứt thiết xứ được biểu hiện bằng Ma-hầu-la-già-vương (Đại mãng, đại thắng là già, hung phúc hạnh) chuyên tu tinh tấn Ba-la-mật. Hung phúc hạnh: tìm pháp vui lợi sanh, không cao ngạo. Vị này vào trong sáu cõi, là thần trong coi chùa viện, hộ trì pháp Phật. Phẩm pháp giới có câu: gặp Phật vui vẻ, cúi mình cung kính. 10 Ma-hầu-la-già-vương tu tập mười Ba-la-mật từ thể tinh tấn Ba-la-mật. Vị này dùng phương tiện sống trong chúng sanh, làm mọi việc như chúng sanh dạy chúng đoạn ái. Phần khen đức dạy: siêng năng tu tập mọi phương tiện, khiến chuúng sanh đoạn trừ lưới si.

Hồi hướng vô tận công đức tạng thứ năm, từ thể thiền Ba-la-mật mười Dạ Xoa Vương tu tập mười Ba-la-mật. Dùng thiền định độ sanh

khiến chúng sanh không loạn tưởng, đạt vô số công đức. Dạ Xoa: khổ hoạt, tư sát. Dùng thiền định quán sát nhiếp phục tâm vọng loạn đau khổ của chúng sanh. Tỳ Sa môn thiên vương thống lãnh chúng Dạ Xoa ở phía bắc núi Tu Di.

Hồi hướng tùy thuận kiên cố, từ thể Bát-nhã Ba-la-mật, 10 Tỳ Lâu tu tập mười Ba-la-mật. Tỳ Lâu Bác Xoa Long Vương (cũng là Dạ Xoa thống lãnh vô số chúng ở phía tây núi Tu Di) Phú Đa Na: Quỉ coi bệnh nóng. Trí của Bồ-tát này tự tại trước có không, thuyết pháp độ sanh như rồng ẩn hiện trong hư không làm mưa. Tỳ Lâu Bác Xoa (nói đủ là Tỳ lộ ba ha ngặt xoa, tạp ngữ chủ, xú mục). Tỳ: Chủng chủng; lộ: sắc; ba ha ngặt xoa: căn tánh trang điểm mắt bằng các loại màu sắc như Bồ-tát trang bị kiến thức không đắm nhiễm. Rồng có năm loại:

1) Như voi.

2) Như rắn.

3) Như ngựa.

4) Như cá.

5) Như ễnh ương.

Thiên Trụ Long Vương là chúa tể loài rồng thân hình như voi.

Nan đà long vương (Hoan Hỷ) là chúa tể loài rồng thân hình như rắn A na bà đạt đa long vương (thanh vương) là chúa tể loài rồng thân hình như ngựa. Loài rồng này không bị ba tai họa:

1) Cát nóng không rơi trên đầu.

2) Không hành dục bằng hình thức ngựa.

3) Không sợ chim cánh vàng. Nhưng loài rồng này còn một khổ: gió thổi bay áo. Theo trí luận, loài rồng này là Bồ-tát trụ thứ bảy.

Bà Lâm Na Long Vương (thủy thiên) là chúa tể loài rồng thân hình như cá.

Ma Na Tô Bà Đế Long Vương (ma na tư: từ tâm, gió mưa không hại được nên còn có tên là Đắc ý: Ma na là ý cao: đủ oai đức) là chúa tể loài rồng thân hình như ễnh ương. Luật tứ phần chép: trong các khoảng thời gian: sanh, ngủ, giận, hành dục của loài rồng này, thân hình chúng không đổi. Đây là theo giáo pháp ba thừa. Trong nhứt thừa, loài rồng cũng đạt pháp cao thượng, quả Phật, Bồ-tát nhưng vì hóa độ chúng sanh nên hiện thân ở các cõi. Ở đây khen ngợi sự ra đời của Phật nên mượn vị biểu pháp.

Long Vương Tỳ Lâu Bác Xoa đoạn diệt khổ não bị thiêu đốt của các loài rồng. Bồ-tát này dùng trí Bát-nhã quán pháp không, dùng mọi thứ ngôn ngữ diễn giảng. Vị này là vị tu thí Ba-la-mật trong mười hồi

hướng.

Sa Kiệt La Long Vương (Diêm hải) đạt pháp tích tắc chuyển thân rồng thành vô số thân hình khác nhau. Bồ-tát này vào sanh tử thành tựu tâm bi, tu giới Ba-la-mật đạt thần thông biến hóa.

Vân Âm Diệu Tràng Long Vương, dùng ngôn ngữ thanh tịnh đi khắp nơi thuyết giảng pháp Phật, là quả của hạnh nhẫn.

Đức Xoa Ca Long Vương là khả năng phá hoại và pháp bị phá hoại vì lúc loài rồng này giận người và súc vật đều chết.

Cựu dịch là Đà thiệt long vương vì nói nhiều nên ví nhiều lưỡi, không phải nhiều lưỡi thật, tu pháp Bát-nhã Ba-la-mật, giỏi giảng thuyết.

Hồi hướng Đẳng tùy thuận nhứt thiết chúng sanh biểu hiện bằng Cưu bàn trà. Vị này thành tựu tâm bi vào đời độ sanh. Đây là loài quỉ hút tinh khí nên cũng có tên là Đông Qua Quỉ. Theo kinh chánh pháp niệm: tên của loài quỉ này nghe như Bồ-tát ghét bỏ chúng sanh. Nhưng còn có tên khác là Tùy Thuận. Tùy Thuận tất cả chúng sanh kể cả địa ngục. Vị thần này là thiên vương phía nam thống lãnh hai bộ chúng:

1) Cưu bàn trà.

2) Bệ lệ quỉ.

Cưu bàn trà, bọc dái to như quả bí đao, khi đi phải đặt lên vai, khi ngồi phải ngồi xổm. Phẩm pháp giới dạy: siêng năng đoạn trừ tập khí quỉ đói. Cưu bàn trà là tham đắm như quỉ đói. Bồ-tát tùy thuận đoạn trừ tâm tham bằng lòng bi.

Hồi hướng chơn như tướng biểu hiện bằng Càn Thát Bà Vương (Tầm hương) sống bằng hương thơm. Bồ-tát này thường dùng năm phần hương làm vui chúng sanh. Văn sau có câu: siêng năng tu tập pháp Phật. Phẩm nhập pháp giới chép: luôn làm vui chúng sanh. Càn thát bà vương là làm vui chúng sanh bằng pháp lạc. 10 vị này là mười Ba-la-mật trong thể nguyện Ba-la-mật.

Hồi hướng vô phược vô trước biểu hiện bằng Thiên Tử Nguyệt chuyên tu lực Ba-la-mật. Dùng trí không, không trói buộc để độ sanh, đoạn trừ phiền não đạt pháp thanh tịnh. 10 thiên tử này là mười Ba-la-mật trong nguyện Ba-la-mật.

Hồi hướng nhập pháp giới vô lượng biểu hiện bằng Thiên Tử Nhựt. Trí Ba-la-mật của vị này như mặt trời soi sáng mọi hiện tượng. Vị trí cao, công năng lớn. Trí của Bồ-tát này là cao lớn đem lại lới ích cho tất cả trời người... ngoại đạo. 10 thiên tử này là mười Ba-la-mật trong trí Ba-la-mật. mười Ba-la-mật của năm vị tùy địa vị hiểu ý , nếu căn cứ

theo một ví dụ thì không thể biết được. Như về vị trí và công năng của mặt trời, luận câu xá chép: mặt trăng cách mặt đất bốn vạn do tuần, chu vi mười do tuần, hai mặt của mặt trăng làm bằng thủy tinh và bạc nên khi xoay chuyển có chỗ tối sáng. Thuyết này chưa tin được. Hãy xét theo kinh, như kinh A Hàm cho rằng: trên mặt trăng có cõi nước rộng 1960 dặm, hai phần bằng vàng, một phần bằng lưu ly, nhìn xa như hình tròn, cõi trời sống 500 năm, con cháu nối tiếp một kiếp. Vì mặt trăng mặt trời tiếp cận nhau nên có tối sáng. Chu vi mặt trời 50 do tuần, cõi nước ở mặt trời rộng 2040 dặm, làm bằng vàng, trang sức bảy báu, ghế ngồi của vua rộng 2000 dặm, tuổi thọ bằng tuổi vị trời ở mặt trăng. Cõi này được nâng giữ bằng phong luân nên xoay quanh núi Tu Di. Thiên Tử Nhựt Nguyệt đều thuộc bốn thiên vương. Biểu hiện cho bi nguyện, trí không nương tựa của hồi hướng. Thể của bi trí là pháp không, tùy căn tánh hóa độ nhưng không tạo tác, lợi sanh bằng trí không dụng công.

Từ Thiên Vương cõi trời 33 đến trời Đại Tự Tại là nhân quả của mười địa. Địa hoan hỷ cũng được phân thành bốn ý:

1. Nêu tên: Thích ca nhân đà la... mười thiên vương;

2. Mượn vị biểu pháp: Bồ-tát địa hoan hỷ đạt pháp lạc, không đắm say năm dục thế gian như dâu lạc mà trời Đao lợi hưởng thụ, lại như lên đến đỉnh núi thân bằng hư không. Vị này đạt pháp không, đoạn một phần tập nhiễm hữu vi của mười trụ... mười hồi hướng. Núi Tu Di, trời Đao lợi là pháp tượng trưng để chúng sanh dễ hiểu. Mười trụ, mười hạnh như thần, mười hồi hướng như vua, mười địa như trời. Biểu hiện cho sự tăng trưởng. Kinh nhân vương chép: Tập chủng Đồng luân cai trị hai cõi; Ngân luân cai trị ba cõi; Tánh chủng tánh đạo chủng kiên đức chuyển luân thất bảo kim luân cai trị bốn cõi. Địa một là đao lợi, địa hai là Dạ ma... sự phối hợp ấy biểu hiện cho sự thù thắng của phước trí. Về thật thể, Bồ-tát thành tựu bi trí hiện khắp sáu cõi làm lợi ích cho tất cả. Vì pháp tánh tự tại như trời không thích khoái lạc thế gian. Theo kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát địa thứ nhứt thường làm vua cõi Diêm Phù. Mười thiên vương tiêu biểu cho sự thù thắng. Núi này còn gọi là núi Diệu Cao, ở trên biển, cao vượt mặt nước tám ức do tuần, sâu vào đáy biển tám ức do tuần, làm bằng bốn báu, phía bắc bằng vàng, phía nam bằng lưu ly, phía tây bằng thủy tinh, phía đông bằng bạc, hình dáng như trống, bên trên có bốn tầng, bốn thiên vương ở bốn phía. Trên đỉnh núi có bốn ranh giới, mỗi ranh giới có tám thiên vương, Đế Thích ở giữa. Phía dưới có bảy tầng biển, núi kim bao quanh.

Ca Lâu La bay nhanh khoảng bảy ngày là đến. Những vị trời ở

núi kim đều thuộc dòng dõi bốn thiên vương, thân cao một do tuần, áo dài hai do tuần, rộng một do tuần, nặng sáu thù, sống một ngàn năm. Một ngày đêm cõi này bằng 100 năm cõi người (mỗi năm cũng có 12 tháng, mỗi tháng 30 ngày). Theo câu xá tam pháp, vị trời này có năm tên: Năng chủ, Thích Đề Hoàn Nhân, Kiều Thi Ca, Thiên Đế Thích, Nhân Đà La Thiên. Trung Hoa dịch là thiên chủ thích ca nhân đà la. Thích Ca là 100 (100 lần lập đàn vô giá). Vị này tu thí Ba-la-mật. Mười thiên vương là mười Ba-la-mật trong thí Ba-la-mật. Cũng được phân thành bốn ý như trên. Vị này thấy rõ các pháp thế gian là khổ, không, vô thường, giả, do duyên sanh, không hình tướng nên bố thí thân thể tài vật, tin tu pháp Phật đoạn trừ tâm tham của cõi dục bằng pháp thí, chưa hiểu 12 duyên. Địa thứ sáu mới thông đạt pháp duyên sanh. Địa ly cấu thứ hai, từ thể giới Ba-la-mật, mười thiên vương Dạ Ma tu tập mười Ba-la-mật. Cõi trời này ở trong hư không, cách mặt đất xa. Bồ-tát vui với giới pháp, tu mười pháp lành. Thể của giới là pháp thân. Biên giới núi Tu Di kề với cõi người, là thế gian, cõi này ở trong hư không là xuất thế gian. (Địa thứ nhứt được ví như luyện vàng trong lửa, chưa dùng thuốc để luyện. Địa thứ hai đã biết dùng thuốc). Giới là thuốc, thể vàng thuần nhứt, dùng giới đối trị hoặc chướng ái dục... của cõi dục, sống trong từ bi nguyện lực, bốn nhiếp pháp, bốn tâm vô lượng, 37 phẩm trợ đạo, bi trí tự tại. Dạ Ma Thiên: thời phần thiên, cõi trời này không phân thời gian theo mặt trời mặt trăng mà phân thời gian bằng sự nở khép của hoa sen. Thân cao hai do tuần, áo dài hai do tuần, nặng ba thù, sống hai ngàn năm (tất cả đều gấp hai lần cõi trước). Địa thứ ba tu chín định đoạn trừ hết phiền não ba cõi, sanh trong nhà Phật, đủ tánh Như Lai.

■

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 12

Địa phát quang thứ ba, từ thể nhẫn Ba-la-mật, mười thiên vương Đâu Suất tu tập mười Ba-la-mật, Đâu Suất còn gọi là Tri túc. Luận Phật địa dạy: thân sau cùng của Bồ-tát giáo hóa ở cõi này. Kinh Anh Lạc nói: địa mười một là vị còn một đời thành Phật, mới là thân sau cùng của Bồ-tát (ở cõi thiền thứ năm). Trời tri túc là thân sau cùng. Bồ-tát ở cõi này tùy thuận hạnh độ sanh không cùng của Như Lai. Vị trước trừ hoặc chướng thô trọng của cõi dục bằng tịnh giới. Vị này đoạn trừ tập nhiễm của cõi bằng chín định, vượt trên ba cõi (như luyện vàng giỏi không bị hao hụt). Dùng định tôi luyện, mắt pháp quán sát, thực hành đầy đủ, hiểu rõ pháp chơn. Người cõi dục tu định để trừ hoặc chướng cõi dục. Cõi trời tu huệ đoạn chướng chấp định. Cứ tuần tự đoạn trừ như vậy. Bồ-tát địa thứ sáu ở cõi sơ thiền quán 12 duyên đối trị chướng định, tùy thuận pháp độ sanh nhưng không đắm nhiễm. Cõi trời này, thân cao bốn do tuần, áo dài tám do tuần, rộng bốn do tuần, sống bốn ngàn năm (mọi thứ đều gấp hai lần cõi trước). Người tu ba pháp giới định huệ được sanh về cõi này. Nếu chỉ tu thí giới thì sanh về cõi trời khác, còn buông lung. Giáo pháp nhứt thừa không như thế. Trí thông đạt là thiên nhãn.

Địa Diệm Huệ thứ bốn, từ thể tinh tấn Ba-la-mật, mười thiên vương Hóa Lạc tu tập mười Ba-la-mật, quán sát tu tập 37 phẩm tự đạo (với thệ nguyện vị ấy đạt pháp như vậy) độ sanh và làm trang nghiêm hạnh nguyện, vui với việc độ sanh. Như cõi trời này vui với sự biến hóa (thích biến hóa, cảnh vốn không, do tâm biến hóa) Bồ-tát này tu tập pháp quán không, ngoài tâm không có cảnh, dùng 37 phẩm trợ đạo đối thị hoặc chướng của tà đạo và cõi trời này, trang nghiêm bằng trí huệ, giáo hóa chúng sanh. Kinh Anh Lạc có câu: Bồ-tát địa hoan hỷ là nghịch lưu, địa ly cấu là đạo lưu, địa thứ ba là nhập lưu, thứ tư là Tu-đa-hoàn, thứ năm là Tư-đà-hoàn, thứ sáu là A-na-hoàn, thứ bảy là A-la-hán, thứ tám là biến hóa sống chết thứ chín là trí huệ vi diệu, thứ mười là pháp vân. Bồ-tát mười trụ vào dòng pháp tự tại đạt quả Phật. Theo

Hoa Nghiêm, trang năm vị, mỗi vị đều có 10 quả Phật nhân Phổ Hiền. mười tín biết rõ tánh phân biệt của mình là quả Phật Bất Động Trí, chỉ vì sự hiểu biết khác nhau nên vị thứ có cao thấp. Tất cả đều được xét bằng sáu tướng, cùng một sát na. Nếu thấy có nhanh chậm là trái thật pháp. Vị này siêng tu 37 phẩm trợ đạo trừ tập nhiễm ba cõi. Vị trời này, thân cao tám do tuần, áo dài 16 do tuần, rộng tám do tuần (mọi thứ đều gấp hai cõi trước).

Địa Nam Thắng thứ năm: từ thể thiền Ba-la-mật, mười thiên vương cõi Tha Hóa tự tại tu tập mười Ba-la-mật, cõi này ở trên cùng cõi dục. Bồ-tát khó vượt cảnh dục là Nan thắng, Bồ-tát năm địa trước chưa hoàn toàn tự tại trước dục vọng, nhờ sức quán chiếu tu tập pháp Ba-la-mật nên không bị chìm đắm trong dục, chưa được tự tại như địa thứ tám dùng trí, không dụng công. Bồ-tát này quán mười đế đối trị tập khí nhiễm tịnh nơi ba cõi đạt năm minh. Nếu không quán mười đế, cõi này là cõi ma khó trừ tập khí ba cõi. Ma Ba tuần ở cõi này quán mười đế cũng là Bồ-tát, không tu tập là ma. Tha hóa tự tại là vui với sự biến hóa của người khác. Bồ-tát này vui với việc ban vui cho chúng sanh. (Như luyện vàng trang sức xa cừ). Vị trời này thân cao 16 do tuần, áo dài 32 do tuần, tuổi thọ... gấp hai cõi trước.

Địa Hiện Tiền thứ sáu, từ thể Bát-nhã Ba-la-mật, mười thiên vương Đại phạm tu tập mười Ba-la-mật. Bồ-tát này quán 12 duyên sanh đạt ba pháp giải thoát: không, vô tướng, vô nguyện. Trí huệ thù thắng. (Trừ hàng sơ thiền thích cảnh tịnh, không hiểu chơn như, tu định ở cõi dục, như Bồ-tát ba địa trước). Bồ-tát tu định ở cõi định, tâm thù thắng, dùng pháp đối trị, hiểu rõ chơn như. Với tánh không nương tựa Bồ-tát luôn ở trong ba cõi nhưng không đắm nhiễm (đại phạm xưa dịch la thi khí, nay dịch là phạm ma, Trung Hoa dịch là Thanh Khiết tịch tịnh) vì sơ thiền thuộc cõi sắc, không có người nữ, không có dục nhiễm. Theo luận Phật địa, đoạn dục tịch tịnh là phạm thiên. Theo kinh trường A Hàm, tiếng nói thanh tịnh là phạm. Thi khí là trừ kế, lễ kế, hỏa đỉnh, vì nạn lửa của kiếp tận cháy đến cõi trời này. Người đạt sơ thiền sanh về đây. Tiếng nói của cõi này thanh tịnh, nghe được các tiếng khác, người khỏe trẻ, da trắng như bạc, cao nửa do tuần, áo màu bạch kim, không phân biệt nam nữ, thức ăn là thiền định, sống một kiếp (như trang sức tỳ lưu ly). Vị này quán pháp duyên sanh bằng mười cách thuận nghịch, đạt mười định không là Tỳ lưu ly. Tỳ là sáng. Trí quán 12 duyên sanh như lưu ly sáng đẹp, hiểu rõ vô minh là đạt trí căn bản. Trụ thứ sáu... địa thứ sáu đạt ba không, vượt ba cõi, tịch tịnh. Trụ thứ sáu biểu hiện

bằng Tỳ kheo Hải Tràng, địa thứ sáu biểu hiện bằng dạ thần trông coi thành ấp.

Địa viễn hành thứ bảy, từ thể phương tiện Ba-la-mật, mười thiên vương cõi Quang Âm tu tập mười Ba-la-mật. Địa viễn hành như thiền thứ hai, thiền thứ nhứt đoạn ưu, thứ hai diệt khổ. Bồ-tát này trọn vẹn hạnh nguyện về bốn nhiếp pháp, bốn tâm vô lượng, mười Ba-la-mật, 37 phẩm trở đạo, hết khổ, cứu chúng sanh, vượt qua hai chướng nhiễm tịnh (như luyện vàng thành đồ trang sức pháp thân là thể của vàng, trọn vẹn bi trí là các báu vật), độ sanh bằng pháp Phật. Nhờ tâm thanh tịnh, miệng phóng ánh sáng. Nghĩa là Bồ-tát dùng pháp sáng phá trừ hôn ám. Vị trời này thân cao hai do tuần, sống hai kiếp, nạn nước của kiếp tận dâng đến cõi này.

Địa bất động thứ tám, từ thể nguyện Ba-la-mật, mười thiên vương cõi Vô lượng biến tịnh tu tập mười Ba-la-mật. Vị trời này không lo khổ, vui với thiền định. Bồ-tát trọn vẹn công hạnh, vui trong pháp lạc. Địa thứ 10 mới đoạn hết vui. Nạn gió của kiếp tận thổi đến cõi này, vui trong thiền định là đạt trí không dụng công nhưng còn tập khí vui với pháp không sanh. Nhờ ba sự gia hộ và bảy lần khuyên nhắc của Phật Bồ-tát này nhớ lại nguyện xưa, vào đời độ sanh bằng trí không dụng công. Đây là việc ngăn chặn của Như Lai. Ngăn chặn sự vướng mắc trong tịnh pháp, không độ sanh. Vì sao địa thứ bảy đã trọn vẹn công hạnh, địa thứ tám chưa đạt quả Phật? Hãy xét bằng mười pháp mầu, không nên xét bằng vọng tình. Vô số kiếp của phàm phu là pháp giới không đầu cuối. (Như vật trang sức trên vương miện của chuyển luân vương đẹp hơn vật của các quan). Vì trí không dụng công của địa thứ tám thù thắng. Địa thứ mười đủ mười lực, bốn vô sở úy, địa mười một trọn vẹn hạnh Phổ Hiền.

Địa Thiện Huệ thứ chín, từ thể lực Ba-la-mật, mười thiên vương cõi Vô Lượng Quảng Quả tu tập mười Ba-la-mật, cõi thiền thứ tư không quán hơi thở, không có ba nạn. Trong phần khen đức, mười vị này xây cung điện bằng pháp tịnh. Bố tát này dùng một ngôn ngữ thuyết giảng vô số pháp hóa độ tất cả chúng sanh, không phân biệt bằng tâm ý thức, trọn vẹn trí pháp, cõi trời này không có thức phân biệt của các cõi trời dưới, nhưng còn thức phân biệt của cõi sắc. Khi đoạn trừ thức tưởng thì không còn nghiệp ba cõi. (Như vật trang sức trên vương miện của chuyển luân đẹp hơn vật của các vua nước nhỏ). Trí huệ của Bồ-tát này hơn hẳn các địa khác. Bồ-tát này luôn sống trong pháp. Quảng quả là phước đức rộng lớn.

Địa pháp vân thứ mười, từ thể trí Ba-la-mật, mười thiên vương cõi Đại tự tại tu tập mười Ba-la-mật. Phần khen đức chép: hãy quán sát pháp không hình tướng, bình đẳng. Bồ-tát này thành tựu trí không hình tướng. Kinh Anh Lạc dạy: Bồ-tát ba hiền chế phục nghiệp thô ba cõi. Bồ-tát từ địa thứ một trở về sau vừa chế phục vừa đoạn trừ. Bồ-tát địa thứ tám trừ tập nhiễm về sắc, còn chấp tâm, chưa thông hiểu các pháp. Bồ-tát địa thứ chín tuy tâm thù thắng nhưng vẫn còn chấp tâm, Bồ-tát địa thứ mười đoạn trừ hai chấp tâm sắc, tự tại không chướng ngại trước tâm cảnh. Bồ-tát ba địa 8, 9, 10 từ trí không dụng công, trừ tập nhiễm phân biệt trong ngoài, còn chấp pháp chơn như. Bồ-tát địa mười một cũng thể như việc tìm mà không gặp Bồ-tát Phổ Hiền trong phẩm mười định. Theo luận Trí Độ, ngoài cõi trời của địa thứ chín, có cõi trời địa thứ 10 tên Ma-hê-thủ-la. Vị này có tám tay ba mắt, cỡi bò trắng, chỉ tích tắc biết rõ số hạt mưa trong ba ngàn đại thiên cảnh giới. Đó là khẩu hiệu cho phương tiện và cõi nước độ sanh ngày một hơn, hiểu rõ lý sự pháp nhứt thừa, ở trong vô số cõi nước, thọ vô số thân hình. Người tu thật pháp hãy hiểu đúng bằng mười sự vi diệu, không nên tin bằng sự biến hóa. Tất cả những việc trên đều là tượng trưng cho pháp. Người đạt đạo thấy rõ trí không hình tướng, không tạo tác nhưng biết rõ mọi vật. Đó là thần. Vị thần này tùy hạnh lợi sanh nên hạnh ấy không phải dối, ở trong ba cõi bằng trí sáng, không phân biệt nhiễm tịnh. Trí huệ tự tại như vua, thần thông biến hóa khôn lường, phước đức siêu vượt 42 chúng theo Phật nghe pháp tiên được phân thành hai:

1. Hiện quả tạo nhân, nêu rõ địa vị.

2. Tùy địa vị tu tập đạt kết quả 41 chúng (từ quyển hai đến quyển năm) là tùy vị tu tập đạt quả (50 chúng của năm vị cũng thuộc phần này).

Phần đạt quả dạy: đạt quả Phật là có sự hiểu biết như Phật. Đây là tấm gương để kẻ hậu học noi theo. Mê là phàm, ngộ là Phật. Vừa phát tâm là thành chánh giác. Phần này có 20 câu kệ. Hai câu đầu khen công đức của Phật, 18 câu sau phân thành ba: khen sự hiểu biết như Phật; chúng Phổ Hiền nhập pháp giới vì một hạnh đủ các hạnh; chúng Hải Nguyệt khen ngợi công đức của Phật và pháp mình chứng đạt giống nhau, không khen đức riêng. Phổ Hiền Văn Thù là bi trí. Phổ Hiền đủ mười sự lợi ích, một là tất cả. 26 Hàng từ "Bấy giờ Thế Tôn ở trong đạo tràng" trở về sau được phân thành hai: 11 hàng trước: đại chúng tập hợp, có năm ý:

1) Đại chúng tập hợp.

2) Từng chúng riêng biệt.

3) Khen đức.

4) Do Phật biến hóa.

5) Dùng sức hiểu rõ đạt trí Phật.

- 15 hàng còn lại có hai ý:

1) Thiên vương đạt qua.

2) Thiên vương nhờ lực Phật nói kệ.

- 20 câu kệ phân thành hai ý: hai câu đầu khen công đức của Phật. 18 câu sau phân thành ba: khen sự hiểu biết của mình như Phật, riêng chúng Phổ Hiền khác. Tất cả đều như phần trên. Bảy chúng trong 47 chúng xuất hiện từ tòa Như Lai có hai ý: 1) Ý nghĩa của việc đại chúng tập hợp; 2) Văn. Phần một chia ba:

1) Bồ-tát là hạnh Phật.

2) Các Đức Phật giống nhau.

3) Quá khứ hiện tại là một.

Tòa Như Lai là hạnh nguyện của Phật, hạnh Bồ-tát. Pháp thân là thể của tòa. Hạnh Phổ Hiền là sự trang sức nơi tòa. Trí bi không tạo tác là Phật ngồi trên tòa. Phật quá khứ hiện tại là một để trừ tâm nghi của chúng sanh. Thể của tòa là sự dung hợp xưa nay pháp giới là hạnh nguyện tự tại không ngại. Phật ngồi trên tòa là chánh báo, sự trang sức nơi tòa là y báo. Từ hạnh đạt quả, từ quả xuất hiện vô số chúng, vì nhân quả là một. Phần văn có 29 hàng, bảy ý:

1) Đại chúng xuất hiện từ tòa.

2) Tên của đại chúng ấy.

3) Đại chúng cúng dường.

4) Đại chúng đi quanh Phật.

5) Đại chúng lạy Phật, an tọa.

6) Đức của đại chúng.

7) Đại chúng nương lực Phật nói kệ.

Trong đó có mười Bồ-tát, mỗi vị nói 20 câu khen ngợi y báo chánh báo và nhân quả của Như Lai, biểu hiện hạnh nguyện của các Đức Phật xưa nay dung hợp. Chúng Phổ Hiền là hạnh lợi sanh của Phật. Chúng xuất hiện từ tòa là hạnh nguyện Phật hợp hạnh Phổ Hiền chúng sanh tu tập pháp này là ngồi xe nhứt thừa thẳng đến đạo tràng. Pháp giới là đạo tràng, Ba-la-mật là công dụng của người, trừ nhiễm đạt tịnh, phá vô minh, thành trí căn bản. Phần này khen ngợi mười pháp Ba-la-mật của Phật mười địa cũng vậy.

Một đoạn 21 hàng từ "Bấy giờ cõi Hoa Tạng... biểu hiện sự cảm

động của trời đất, việc cúng dường của chúng, có bảy ý:

1) Tên cõi nước.

2) Thần lực Phật cảm động trời đất.

3) Đại chúng vui vẻ cúng dường Phật.

4) Cõi này là cõi mẫu.

5) Phật hiện khắp nơi.

6) Tên Phật hợp trí Phật.

7) Đại chúng cúng dường.

- Vì sao cảm động trời đất? Có năm hiện tượng cảm động trời đất:

1) Đại chúng đạt đạo.

2) Người trí xuất hiện.

3) Người trí qua đời.

4) Thế gian bị tai nạn.

5) Đại chúng đạt đạo vui vẻ.

Thần lực Phật cảm động trời đất biểu hiện đức là điều kiện trước tiên để thầy trò kính trọng nhau. Vì sao đoạn này mặt đất chỉ chấn động? Ở đoạn này tất cả đại chúng trong lần thuyết pháp thứ nhứt tập hợp khen công đức của Phật. Sau khi đại chúng ở cõi này tập hợp, Phật phóng ánh sáng chiếu khắp nơi để đại chúng cõi khác tập hợp (đây là cõi khác trong sự không phân biệt). Đó chỉ là biểu hiện khách thể - chủ thể để giáo hóa chúng sanh. Trong pháp tánh một sát ma đủ ba đời phóng ánh sáng bảo đại chúng tập hợp là thể hiện cảnh giới Phật đan cài nhau. Đây là nhân quả của năm vị. Bộ kinh này có sáu nhân quả:

1) (Năm phẩm thế chủ, Diệu Nghiêm... cõi Hoa Tạng) nhân quả đạt năm vị và nhập pháp giới.

2) (Phẩm Tỳ-lô-giá-na) nêu nhân quả của Phật quá khứ để chứng minh quả Phật hiện tại, vì các Đức Phật như nhau, nhân có từ quả.

3) (Lần thuyết thứ hai) nhân quả mười tín.

4) (Từ đỉnh Tu Di... thế gian) nhân quả của Bồ-tát.

5) (Phẩm nhập pháp giới) nhân quả pháp mầu mà các đức Phật từ xưa đến nay đều tu, là thể của Phật và chúng sanh, vì mê mờ nên chúng sanh khác Phật.

6) (Hội chúng ở phía đông thành Giác) nhân quả lợi sanh của Bồ-tát.

- ***Phẩm Như Lai hiện tướng*** (thứ hai): từ đây đến phẩm Tỳ-lô-giá-na là môn thứ hai (nêu quả khuyên tu) của mười môn. Phẩm này phân thành ba: 1) Giải thích tên; 2) Giải thích ý; 3) Nghĩa của văn.

Tên phẩm: các Bồ-tát, trời, thần tập hợp hỏi 37 pháp. Biết vậy, Như Lai phóng ánh sáng từ Kim Khẩu hiện tướng, bảo đại chúng mười phương tập hợp, giải thích trừ nghi. Như Lai hai lần phóng ánh sáng: lần phóng ánh sáng từ răng là bảo đại chúng tập hợp, lần phóng ánh sáng từ lông trắng giữa chặng mày là hiện nhân quả cảnh Phật để đại chúng tin tu. (Kể cả lần phóng ánh sáng của Bồ-tát thành ba). Đại chúng tập hợp xong, Như Lai hiện cảnh Phật, Bồ-tát giảimười10 lần:

1) Ánh sáng từ răng bảo đại chúng tập hợp.

2) Ánh sáng giữa chặng mày hiện quả tạo nhân.

3) Ánh sáng từ tướng bánh xe dưới chân nói pháp mười tín.

4) Ánh sáng từ đầu ngón chân (ở cung Đế Thích) nói pháp mười trụ.

5) Ánh sáng từ gót chân (ở cõi Dạ ma) nói pháp mười hạnh.

6) Ánh sáng từ đầu gối (ở cõi Đâu Suất) nói pháp mười hồi hướng.

7) Ánh sáng từ lông trắng giữa chặng mày (ở cõi Tha Hóa) nói pháp mười địa.

8) Ánh sáng từ tướng lông trắng giữa chặng mày phóng đến đỉnh đầu Văn Thu.

9) Ánh sáng từ Kim Khẩu phóng đến Kim Khẩu Phổ Hiền, dạy hai vị hỏi đáp nhân quả Phật.

10) Ánh sáng Phổ Chiếu tam thế pháp giới phóng từ tướng lông trắng giữa chặng mày.

- ***Phẩm công đức tướng tốt dạy:*** "Phật phóng ánh sáng chiếu soi tất cả chúng sanh, ánh sáng ấy không phải chỉ hiển hiện nhân quả năm vị. Giải thích ý: Phật phóng ánh sáng là hiện tướng giải đáp 37 nghi vấn. Giải thích nghĩa của văn có hai:

1) Ý kinh.

2) Ý phẩm.

Năm phẩm hiện tướng... Tỳ-lô-giá-na trả lời 37 câu hỏi, ý phẩm có bốn:

1) Bấy giờ các Bồ-tát... thỉnh Phật thuyết pháp.

2) Thế tôn biết tâm chúng... Phật phóng ánh sáng bảo đại chúng tập hợp.

3) Cõi nước mười phương... đại chúng từ các nơi hợp về.

4) Giải đáp nghi vấn.

- Phần một được phân thành ba:

1) Thế tôn thương xót chúng sanh... 15 câu hỏi.

2) Cõi nước mười phương (6,5 hàng) 19 câu hỏi.

3) (Hai câu sau) Bồ-tát nhờ lực Phật, phóng ánh sáng hỏi pháp.

37 câu hỏi: quả Phật là gì? Là pháp không thể suy xét; là pháp tánh rỗng lặng mà Phật an trụ. Cảnh giới Phật ra sao? Là vô số cõi hiện từ lỗ chân lông lúc Phật ngồi trên tòa Bồ đề, là giáp giới: thế nào là sự gia hộ của Phật? Là sự gia hộ của Bồ-tát Phổ Hiền nhập định của Phật. Hạnh Phật là gì? Là hạnh không ngại, là hạnh Phổ Hiền. Thần lực Phật là gì? Là mười lực xứ phi xứ... Sự không sợ của Phật là gì? Là chín sự không sợ. Sự thù thắng không ai nhiếp phục được của Phật là gì? Là trí không tánh. Mắt Phật là gì? Là trí hiểu các pháp và căn tánh chúng sanh. Phẩm mười thân Phật có câu: mắt Phật tiêu biểu cho sự thấy biết tự tại. Tai Phật là gì? Là tai nghe xa không chướng ngại, hiểu rõ phân biệt được mọi âm thanh. Mũi Phật là gì? Là trí huệ thần thông với vô số hóa Phật ngồi trên tòa sen đi khắp các cõi nước. Lưỡi Phật là gì? Là ngôn ngữ thuyết giảng. Thân Phật là gì? Là pháp thân không sai khác, không nương tựa, ở trong pháp giới, hiện khắp mọi nơi. Ý Phật là gì? Là trí khôn lường (tâm ý thức của Phật khó biết). Ánh sáng thân Phật là gì? Là ánh sáng tướng tốt chiếu soi mọi căn tánh của chúng sanh. Ánh sáng Phật là gì? Có hai:

1) Ánh sáng giáo pháp.

2) Ánh sáng trong phẩm Quang Minh giác và mười ánh sáng biểu hiện pháp.

Trí Phật là gì? Là trí nhứt thiết chủng và trí sai biệt, trí sâu xa dung nhiếp pháp giới, đi lai trong ba đời, chỉ dạy chúng sanh. 19 câu hỏi: các Đức Phật nói về vô số cõi nước cho các Bồ-tát. Chúng sanh hải: vô số chúng sanh; Phật hải: Như Lai ngồi tòa bồ đề, từ mỗi lỗ chân lông xuất hiện vô số cõi nước. Phật Ba-la-mật hải: mười Ba-la-mật với vô số hạnh Bồ-tát. Phật giải thoát hải: là pháp thân Như Lai hoặc là năm phần pháp thân Phật biến hóa hải: không thể tánh, không nương dừng, không thọ sanh, không hình tướng, tất cả đều như bông, hiện vô số thân hình ở vô số cõi, từ một thân Phật hóa hiện vô số thần. Phật diễn thuyết hải: âm thanh phát ra từ ánh sáng trên lỗ chân lông điều phục kẻ ương ngạnh, từ một âm thanh, tất cả chúng sanh đều nghe hiểu. Âm thanh ấy không phát xuất từ tâm thân. Phật danh hiệu hải: phẩm danh hiệu chép: danh hiệu Như Lai hợp với khả năng chúng sanh. Phật thọ lượng hải: thân Phật như bóng không sanh diệt, Nhứt thiết Bồ-tát thệ nguyện hải: là phẩm tịnh hạnh, hay là nguyện lớn trong phẩm mười hồi hướng Nhứt thiết Bồ-tát phát thú hải: tất cả phương tiện để Phật tử trong đạo tràng

tu tập chứng nhập trí huệ, an trụ trang sức mạnh, siêng năng tu tập nhiều kiếp đạt các vị, vì hạnh nguyện hợp với thể tánh thanh tịnh của pháp giới chơn như phẩm mười hạnh chính là mười hạnh trợ lực để thuần tựu đầy đủ trí huệ bồ đề. Trợ đạo hải là 37 phẩm trợ đạo, đủ thân, thọ, tâm pháp. Nhứt thiết thừa hải là Như Lai thừa, pháp giới, bất (tư nghi), năm vạn bốn ngàn. Nhứt thiết Bồ-tát hạnh hải là hạnh Phổ Hiền, tất cả thân trí cảnh của hạnh Phổ Hiền. Nhứt thiết Bồ-tát xuất ly hải là phương tiện trợ đạo trong năm vị. Bồ-tát trong đạo tràng này nhập quả Phật, biết thần lực Phật, tu tập thành tựu hạnh Phổ Hiền, biết thần thông biến hóa của Phật, bình đẳng hiện khắp các cõi, hành hạnh bằng trí, vào cõi Phật. Nhứt thiết Bồ-tát thần thông hải là các việc tùy thuận độ sanh, Bồ-tát từ các cõi đến, Bồ-tát xuất từ lỗ chân lông. Phẩm mười thông: đi khắp các cõi Phật, biết thồn thông của Phật. Nhứt thiết Bồ-tát Ba-la-mật hải: từ mỗi lỗ chân lông trên thân đại chúng phóng vô số ánh sáng bằng số bụi trong mười cõi Phật, từ mỗi ánh sáng xuất hiện vô số Bồ-tát bằng số bụi trong mười cõi Phật đi khắp các cõi nước giáo hóa chúng sanh. Ba-la-mật là hạnh Phổ Hiền để người phát tâm tu học. Nhứt thiết Bồ-tát địa hải là từ địa này đến địa khác, là mười địa, quả Như Lai, địa Bồ-tát. Nhứt thiết Bồ-tát trí hải là trí căn bản của Như Lai. Từ trí này phát khởi trí sai biệt, giáo hóa chúng sanh, mười trí không cùng tận. Ba câu: xin thế tên... là lời thỉnh câu. Những gì các Đức Phật mười phương đã thuyết giảng Đức Phật hiện tại cũng đang thuyết giảng. Câu: bấy giờ... cùng dường và nói kệ. Phật trả lời những câu hỏi bằng ba cách:

1) Phật phóng ánh sáng từ răng tập hợp đại chúng, hiện thần thông.

2) Phật phóng ánh sáng từ giữa chặng mày hiện tướng, mười Bồ-tát nói kệ.

3) Phổ Hiền nhập định, xuất định nói rõ nhân quả của chúng sanh và Phật từ xưa đến nay.

Phẩm thế giới thành tựu nói về nghiệp báo tịnh nhiễm của Bồ-tát, chúng sanh là trả lời số Phật và hạnh Bồ-tát. Cõi Hoa Tạng - cõi thật báo - của Phật là trả lời cảnh giới, chúng sanh, Ba-la-mật. Phẩm Tỳ-lô-giá-na nêu việc xưa chứng minh việc nay để chúng sanh tin hiểu tu tập, hiểu quả có từ nhân. Nếu không như thế chúng sanh không biết nương tựa vào đâu. Sáu phẩm: Thế chủ Diệu Nghiêm... Tỳ-lô-giá-na đều nêu quả khuyên tu. Phẩm danh hiệu trả lời 28 câu hỏi, nêu quả Phật để chúng sanh hiện tại, vị lai tin mình là Phật, là năm vị. Các pháp xưa nay là một. Phẩm pháp giới trả lời tất cả các câu hỏi. Về phép của

năm vị, có 110 quả Phật hạnh Bồ-tát giống nhau. Nếu cộng mười tín sẽ thành 120. Hai mươi câu kệ của phần cúng dường nói kệ được phân thành bốn: hai câu đầu: khen ngợi việc thành tựu viên mãn hạnh Phật trong ba đời. Hai câu tiếp theo: thỉnh Phật giải thích nghi vấn. Hai câu tiếp: đại chúng tập hợp xin Phật trừ nghi. Mười bốn câu sau: nêu lại 37 câu hỏi. Vì sao đại chúng không hỏi lại im lặng nghi ngờ? Không dùng ngôn ngữ thỉnh cầu và khen ngợi? Sự cúng dường và thưa thỉnh ra sao? Vì tâm pháp giới của Phật là tâm chúng sanh nên Phật biết chúng sanh nghi ngờ. Cúng dường nói kệ là tiêu biểu cho các pháp đều từ thể pháp giới rộng lớn. Tâm cảnh chúng sanh và Phật là một. Vì không hiểu rõ, chúng sanh thấy có hai.

Đoạn "Thế Tôn biết tâm Bồ-tát" là phần Như Lai phóng ánh sáng từ răng, bảo đại chúng tập hợp, hiện pháp trả lời các câu hỏi, có 10 ý:

1) Như Lai biết chúng sanh nghi.
2) Ánh sáng từ răng Phật chiếu khắp.
3) Ánh sáng ấy có mười tên.
4) Vô số ánh sáng.
5) Màu sắc ánh sáng.
6) Sự chiếu soi của ánh sáng.
7) Đại chúng nhờ ánh sáng thấy nhau.
8) Ánh sáng chiếu khắp các cõi nước.
9) Âm thanh phát ra từ ánh sáng.
10) Chúng sanh mười phương nghe lời dạy đều tập hợp về.

Vì sao Như Lai phóng ánh sáng từ răng? Vì lời nói xuất phát từ kim khẩu, trả lời những câu hỏi: quả, cảnh giới, sự gia hộ, hạnh nguyện thần lực của Phật, trừ tâm nghi của chúng sanh hiện tại vị lai. Hai mươi câu tụng của phần này khen ngợi hạnh độ sanh sau khi trọn vẹn đạo nghiệp của Như Lai.

Đoạn: chúng sanh nhờ ánh sáng... Phật phóng ánh sáng từ răng, bảo đại chúng tập hợp, có mười ý:

1) Ánh sáng Phật chiếu khắp các cõi.
2) Chúng sanh mười phương tập hợp.
3) Chúng sanh cúng dường.
4) Sự cúng dường khác nhau.
5) Thân hình khác nhau của đại chúng.
6) Đại chúng hòa hợp.
7) Ánh sáng phóng ra từ lỗ chân lông của đại chúng.
8) Bồ-tát xuất hiện từ ánh sáng.

9) Sự lợi sanh của Bồ-tát.

10) Chúng sanh phát tâm đạt quả.

Đại chúng xuất hiện từ ánh sáng biểu hiện thể tánh pháp giới dung hợp đan cài, mình người không chướng ngại. Sự lợi sanh của Bồ-tát là hạnh nguyện của Bồ-tát, Phật, mười Ba-la-mật, quả Phật, sự gia hộ của Phật, cảnh giới trí bi. Vì pháp giới đầy đủ tất cả.

Đoạn Phật phóng ánh sáng từ lông trắng giữa chặng mày đại chúng mười phương tập hợp nói hai mươi câu kệ là khen ngợi đạo hạnh quả báo của Phật.

Đoạn Phật dạy Bồ-tát, chúng sanh nhập cảnh giới rộng lớn của Như Lai hai mươi tám hàng, phân thành hai:

10 hàng đầu: công đức của ánh sáng.

18 câu sau: sự xuất hiện của hoa sen công đức của ánh sáng có mười ý:

1) Khiến chúng sanh trừ nghi được lợi ích.

2) Nơi ánh sáng xuất hiện.

3) Tên ánh sáng.

4) Màu sắc ánh sáng.

5) Sự chiếu soi của ánh sáng.

6) Cõi nước được chiếu soi.

7) Các Đức Phật tùy thuận độ sanh.

8) Ánh sáng biểu hiện mười pháp.

9) Ánh sáng xoay quanh Phật.

10) Ánh sáng nhập vào tướng bánh xe dưới chân Phật thành tựu lòng tin. 18 hàng sua cũng có mười ý:

1) Nguyên nhân xuất hiện.

2) Hoa sen đủ mười đức.

3) Chúng sanh tập hợp.

4) Bồ-tát thắng âm là chủ thể, các Bồ-tát khác là khách thể.

5) Công đức của Bồ-tát Thắng Âm.

6) Thần lực của Phật và Bồ-tát Thắng Âm.

7) Bồ-tát Thắng Âm gặp Phật.

8) Thần thông của Bồ-tát Thắng Âm.

9) Bồ-tát Thắng Âm quán sát đại chúng, nói kệ.

10) Ý nghĩa của kệ.

Từ giữa chặng này Như Lai phóng ánh sáng: Nhứt thiết Bồ-tát quang minh phổ chiếu diệu thập phương tạng là ánh sáng hạnh trí viên mãn của Bồ-tát mười địa. Bồ-tát Thắng Âm và vô số Bồ-tát xuất hiện

trong ánh sáng đó là quả đức của mười địa. Nêu việc này để trả lời những câu hỏi trên, để chúng sanh hiện tại, vị lai tin nhân quả mười địa, tu tập chứng đạt. Thể của ánh sáng là lý của pháp giới. Bồ-tát Thắng Âm và vô số Bồ-tát là công dụng của pháp giới. Đó cũng là sự dung hợp lý trí thể dụng của trụ thứ nhứt. Với mười tín, Phật nêu quả khuyên tu. Bồ-tát Thắng Âm ngồi trên đài sen, các Bồ-tát ngồi trên tua sen tiêu biểu cho hạnh nguyện một là tất cả, tất cả là một, là hạnh tự tại không ngại trong pháp giới và cũng là hạnh của Bồ-tát xuất hiện từ lỗ chân lông. Các pháp do duyên sanh, làm nhân quả cho nhau. Mười một Bồ-tát: Thắng Âm... mỗi vị nói một đoạn kệ, 20 câu đầu: khen ngợi sự thị hiện thân hình cõi nước của Phật. Mười đoạn sau có mười hàng. Một đoạn trả lời câu hỏi về Phật và việc đạt cảnh giới Phật của Bồ-tát. Ba hàng sau nêu đại chúng mười phương tập hợp. Ba phẩm: thế giới thành tựu, cõi Hoa Tạng, Tỳ-lô-giá-na nêu thần thông (mỗi vị đều có thần thông tương xứng). Sáu phẩm của lần thứ nhứt là nêu quả khuyên tu. Phẩm Phổ Hiền tam muội phân ba ý:

1) Giải thích tên phẩm.

2) Ý nghĩa của phẩm.

3) Nghĩa của văn kinh.

Tên phẩm: lý trí rộng lớn là Phổ trí tùy thuận lợi ích chúng sanh là Hiền. Tam là chánh; muội là định, cũng gọi là chánh thọ, (tâm định tĩnh thọ trí phân biệt các pháp). Đẳng trì (từ định phát sanh trí, thọ trì các pháp) Phổ Hiền là đệ tử đầu của các Đức Phật, hành hạnh Phật, phát huy pháp Phật. Đây là trả lời các câu hỏi: hạnh Bồ-tát, sự xuất ly, Ba-la-mật, cõi nước. Hiểu rõ pháp là trả lời câu hỏi làm sao chúng sanh hiểu pháp. Song Bồ-tát Phổ Hiền vốn không định loạn. Đó là pháp tắc, nhập định là pháp đầu trong phần nêu quả khuyên tu. Phẩm mười định nêu chánh niệm của mười địa. Nghĩa của phẩm: Bồ-tát Phổ Hiền luôn sống trong chơ như nhưng vì độ saanh nên biểu hiện pháp tắc. Hiểu rõ tướng giống khác ra vào của định là hiểu rõ nghiệp quả của Phật chúng sanh. 3 phẩm thế giới thành tựu, Cõi Hoa Tạng, Tỳ-lô-giá-na (được nói sau khi xuất định) biểu hiện cho người mới nhập chánh pháp phải nhờ sức định. Phẩm mười định nêu Bồ-tát mười địa trọn vẹn trí, tùy thuận độ sanh. Nghĩa của văn có hai: 1) Ý kinh; 2) Tên định. Ý kinh có mười một:

1) (Một hàng) Bấy giờ Bồ-tát Phổ Hiền... nương lực Phật nhập định.

2) (Tám hàng) Từ tam muội... tên và công đức của định.

3) (Bảy hàng) Từ như cõi này... cõi nước mười phương đều có Bồ-tát Phổ Hiền nhập định.

4) (12 hàng) Từ Bồ-tát Phổ Hiền... Bồ-tát Phổ Hiền nhập định và sự khen ngợi công đức Phổ Hiền của Phật.

5) (Bảy hàng) Từ bấy giờ các Đức Phật mười phương... các Đức Phật trao mười trí cho Bồ-tát Phổ Hiền.

6) (Hai hàng) Như cõi nước này... các Đức Phật mười phương cùng lúc trao mười trí.

7) (Sáu hàng) Từ bấy giờ... Đức Phật đưa tay xoa đầu Bồ-tát Phổ Hiền.

8) (Hai hàng) Các cõi nước... cõi nước mười phương giống nhau.

9) (Chín hàng) Từ bấy giờ Bồ-tát Phổ Hiền... Bồ-tát Phổ Hiền xuất định nói tên định.

10) (12 hàng) Từ Bồ-tát Phổ Hiền xuất định... đại chúng mười phương đều đạt lợi ích.

11) (12 hàng) Từ các cõi nước... nói kệ: oai lực và định của Phật, mặt đất chuyển động, cùng dường, Phật phóng ánh sáng khen ngợi công đức của Phổ Hiền.

Hỏi: vì sao cuối phẩm Thế chủ Diệu Nghiêm nêu 18 tướng và sáu cách chuyển động, phẩm này chỉ nêu mặt đất chuyển động? Vì phẩm trước nêu việc ca ngợi sự thành tựu chánh giác của Phật và lợi ích của việc đạt quả Phật. Đó là hạnh cuối cùng. Phẩm này Phật trả lời những câu hỏi trừ nghi, thành tựu lòng tin. Bồ-tát trừ nghi đạt quả đều là phàm phu thành tựu tín vị. Song đó chỉ là tin sự thành tựu của Phật và Bồ-tát khác, còn chính mình chưa đạt. Mười cõi nước, mười Đức Phật trong lần thứ hai mới là tin mình chứng đạt. Hai mươi tám câu hỏi trong phần thế chủ ở quyển 12: tin mình là Phật Bất động trí... Bồ-tát là đại chúng ở phía đông thành Giác của phẩm pháp giới đều nhờ tu tập pháp mà chứng đạt. Các đồng nữ, đồng tử... là phàm phu chứng pháp. Nếu không, pháp Phật là pháp giả. Bậc Thánh nêu pháp, phàm phu chứng pháp hoàn toàn là thật. Nếu cho rằng kinh này không thuộc về sự hiểu biết của phàm phu là không hiểu ý Phật, phá hoại chánh pháp, làm cho chánh pháp không tồn tại trong đời, chúng sanh mê mờ, đoạn mất hạt giống Phật. Người trí nên khuyến khích tu tập, đứng làm mất pháp lành, vì đó là nhân tốt cho đời sau. Phần kệ của đoạn ánh sáng phóng từ lỗ chân lông Phật có hai: 20 hàng đầu: Phật phóng ánh sáng khen ngợi công đức của Phổ Hiền; 20 câu sau: đại chúng khen ngợi và thỉnh Bồ-tát Phổ Hiền thuyết pháp.

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 13

Giải thích tên định: có ba ý:

1) Tên định.

2) Thể dụng của định.

3) Công đức.

Tên định: Tỳ-lô-giá-na Như Lai tạng thân. Tỳ lô: ánh sáng giá na cùng khắp. Như Lai: thể pháp tánh, Tạng thân: dung nhiếp các pháp. Trí: sáng, dùng ánh sáng của giáo hạnh nơi lý trí chiếu soi căn tánh đem lại lợi ích cho chúng sanh. Thể dụng của định: thể là trí căn bản, dụng là trí sai biệt, trí tùy thuận chúng sanh. Nhập định là thể, xuất định là dụng; không xuất nhập là thể, xuất nhập là dụng. Tóm lại, nhập định để biểu hiện khuôn pháp nhằm hóa độ chúng sanh, xuất định là bày tỏ công dụng của định. Tất cả đều có từ thể trí không nương tựa. Định này còn gọi là định Thủ lăng nghiêm. Trí huệ của các Đức Phật là thể của định, tùy thuận vào đời để độ sanh và công dụng của định. (Hải: rộng lớn; tuyền: sâu xa). Thể dụng của định này sâun xa rộng lớn dung nhiếp hạnh nguyện nghiệp lực của tất cả các Đức Phật, Bồ-tát, chúng sanh trong sáu cõi. Phần này trả lời 37 câu hỏi trước: “Nhờ oai lực Phật” là trả lời những câu hỏi: cõi Phật, mắt tai mũi lưỡi của Phật. “Định Phổ Hiền” là trả lời những câu hỏi: hạnh và định của Bồ-tát. Phật là thể của sự biện giải về thể dụng của hạnh Phật, Bồ-tát. Hạnh Phổ Hiền là công dụng. Vì thể dụng này dung nhiếp các pháp. Mắt tai mũi lưỡi thân ý của Phật là thể, khả năng hiểu rõ nghiệp lực của chúng sanh là dụng Như Lai trao trí cho Phổ Hiền là biểu hiện trí Phật chính là trí Phổ Hiền để kẻ hậu học tin hiểu không nghi. Phật đưa tay xoa đầu Phổ Hiền là sự chỉ dạy. Phổ Hiền xuất định là chứng minh thể định tùy căn tánh đạt lợi ích. Tạm nêu mười công dụng biểu hiện sự rộng lớn không cùng của định.

Phẩm: SỰ THÀNH TỰU THẾ GIỚI

Phẩm này được chia thành ba phần:

1) Tên phẩm.

2) Ý nghĩa của phẩm.

3) Nghĩa của văn.

Tên phẩm: cõi thế gian cô từ nghiệp tịnh, nhiễm của chúng sanh. Cõi Phật Bồ-tát được hình thành từ nghiệp lực, thể tánh thanh tịnh, trí bi, Ba-la-mật và thần thông biến hóa để độ thoát chúng sanh. Nghĩa của phẩm có năm ý:

1) Quả báo của nghiệp nguyện để trả lời những câu hỏi: Phật, chúng sanh, Ba-la-mật (Phật dùng thần lực trả lời) và tất cả những câu hỏi khác. Từ đó chúng sanh hiểu được hạnh nguyện độ sanh của Phật.

2) Dạy chúng sanh đời này đời sau - những người phát tâm bồ đề - biết rõ hạnh nguyện từ bi của Phật Bồ-tát, cứu độ đem lại lợi ích cho tất cả chúng sanh để chúng sanh đến bờ giải thoát. Nghĩa là chúng sanh thấy hạnh Phật noi gương thực hành trọn vẹn bi trí, không nhầm lẫn.

3) Dạy Bồ-tát hiểu rõ nghiệp báo sai khác của chúng sanh đều bắt nguồn từ tâm.

4) Dạy người mới phát tâm biết rõ quả báo chúng sanh rộng lớn như pháp giới hư không đủ mọi hiện tượng.

5) Dạy người phát tâm biết rõ cảnh giới của Phật, Bồ-tát, chúng sanh đều không thể nắm bắt được. Do nghiệp lực chúng sanh chuyển biến thành hoại nên có sự thay đổi thành hoại của cõi nước. Nếu không có phẩm này Bồ-tát không biết hạnh độ sanh của Phật, tướng trạng lớn nhỏ của cõi thế gian và không phát tâm bồ đề độ thoát chúng sanh. Như phần kệ chép: đoạn trừ hư dối tâm thanh tịnh, sống hạnh từ bi luôn vui vẻ, người có chí lớn, vững lòng tin, vui mừng hạnh phúc được nghe pháp, an trụ hạnh nguyện của Phổ Hiền, tu tập hạnh tịnh của Bồ-tát, quán sát pháp giới, hư không giới, hiểu rõ hạnh nguyện của chư Phật. Nếu không nói rõ sự dung nhiếp đan xen của cõi Phật, Bồ-tát, chúng sanh hư không thì người phát tâm dù không họ pháp nhị thừa, tu hạnh Bồ-tát cũng chỉ đạt quả Bồ-tát của quyền giáo tâm trói buộc trong nhiễm tịnh, không vào cõi Phật, phân biệt cõi Phật của mình, người, thấy đến đi qua lại. Như Bồ-tát nguyện sanh về cõi tịnh ở phương khác trong giáo lý ba thừa. Nghĩa của văn: phẩm này gồm 11 đoạn: một đoạn văn xuôi và phần kệ đầu là phần tựa, 10 đoạn sau là phần chính. Đoạn một chia thành sáu phần:

1) (4,5 hàng) Phổ Hiền quán sát mười cõi nước.

2) (8 hàng) Phổ Hiền khen ngợi đức mầu nhiệm của mười trí.

3) (6 hàng) Phổ Hiền khen ngợi đức độ sanh khôn lường của mười thân Phật.

4) (7 hàng) Phổ Hiền khen ngợi đức độ sanh bằng trí thân của Phật và sự thành tựu quả Phật của chúng sanh.

5) (8,5 hàng) Phổ Hiền nương lực Phật nói rõ hạnh nguyện độ sanh bằng trí thân của Phật, từ đó các Bồ-tát, chúng sanh vào cõi Phật.

6) Phổ Hiền nói kệ tóm gọn các phần trước.

- Phần sáu có 20 hàng, hai hàng là một bài, với 20 ý trả lời các câu hỏi trước:

1) Trí Phật sau xa.

2) Thân Phật tùy chúng sanh.

3) Lời Phật vang xa.

4) Hạnh Phật rộng lớn.

5) Đức từ bi độ sanh của Phật.

6) Sự ra đời độ sanh của Phật.

7) Chúng sanh yếu kém mê muội.

8) Chúng sanh với lòng tin bền vững tu tập pháp Phật.

9) Nhờ thần lực Phật chúng sanh hiểu pháp.

10) Đoạn trừ hư vọng, chí nguyện sâu xa.

11) Quán sát pháp giới như hư không, đạt lợi ích.

12) Người tu đạo khác không hành hạnh Phổ Hiền.

13) Giáo pháp truyền giảng khắp cõi chúng sanh.

14) Phổ Hiền hiện thân cùng khắp.

15) Khuyên chúng sanh quán lỗ chân lông.

16) Phổ Hiền thuyết pháp đem lại lợi ích cho chúng sanh.

17) Hạnh nguyện rộng lớn của Phổ Hiền.

18) Phổ Hiền khen ngợi hạng nguyện;

19) Mắt pháp mắt trí, thân pháp thân trí rộng lớn.

20) Hạnh Phật hợp với chúng sanh.

- Phần chính gồm mười đoạn:

1) (18,5 hàng) phân sáu ý:

Phổ Hiền nói pháp cho đại chúng.

Cõi nước với mười pháp tóm thâu mọi việc trong ba đời của các Đức Phật.

Thể tánh tướng trạng với mười sự mầu nhiệm của cõi nước. Mười nhân duyên của sự đã đang sẽ thành tựu của cõi nước.

Với thần lực của Phật các pháp vốn vậy.

Nương lực Phật nói kệ. (18 hàng kệ tóm thâu các ý trước). Biểu hiện cõi nước chúng sanh rộng lớn, hạnh nguyện của Phật Bồ-tát cùng khắp vì cõi nước rộng nên hạnh nguyện lớn, chúng sanh nhiều, hạnh nguyện nhiều. Vì hạnh nguyện của Bồ-tát thanh tịnh nên cõi nước được hình thành từ báu vật thanh tịnh (Đó là sự khác biệt của nghiệp báo). Kinh dạy: Bồ-tát tu tập các hạnh nguyện tùy thuận sở thích của chúng sanh, tên hạnh của chúng sanh thật khó lường, thân hạnh của Bồ-tát cũng cùng khắp.

2) (9,5 hàng văn xuôi, 44 hàng kệ) nơi nương tựa của thế giới.

3) (6 hàng văn xuôi, 20 hàng kệ) sự khác biệt của cõi nước.

4) (11 hàng văn xuôi, 20 hàng kệ) sự trang nghiêm của cõi nước.

5) (13 hàng văn xuôi, 10 hàng kệ) thể sai khác của cõi nước.

6) (10 hàng văn xuôi, 20 hàng kệ) cõi nước tịnh uế do hạnh nghiệp sai khác.

7) (8 hàng văn xuôi, 20 hàng kệ) sự khác biệt của cõi nước mà Phật xuất hiện là do nghiệp lực tuổi thọ sai khác của chúng sanh.

8) (7 hàng văn xuôi, 10 hàng kệ) sự tồn tại của cõi nước tùy nghiệp.

9) (14 hàng văn xuôi, 10 hàng kệ) kiếp số tùy nghiệp.

10) (15 hàng văn xuôi, 20 hàng kệ) cõi nước sai khác của Như Lai. Phẩm này dạy người phát tâm bồ đề hiện tại và vị lai biết rõ hạnh nguyện độ sanh rộng lớn của Phật, nghiệp lực sâu dày của chúng sanh. Vì trong pháp tánh lý trí không ngăn ngại, không đến đi. Với pháp Ba-la-mật, Phật hiện thân khắp nơi, làm đủ mọi việc. Từ đó, người tu hành soi gương Phật tu tập đúng đắn.

Phẩm: **CÕI HOA TẠNG**

Phẩm này gồm 10 ý:

1) Ý nghĩa của phẩm.

2) Tên phẩm.

3) Nguyên nhân hình thành cõi Hoa tạng.

4) Hình tướng của cõi Hoa Tạng.

5) Nhân duyên và sự hình thành cõi Hoa Tạng.

6) Sự dung nhiếp của cõi cõi Hoa Tạng.

7) Cõi Hoa Tạng bao hàm mọi việc trong ba đời.

8) Cõi Phật vốn trống không, vì sao có cõi cõi Hoa Tạng?

9) Sự ẩn hiện tự tại của cõi Hoa Tạng.

10) Nghĩa của văn. Ý nghĩa của phẩm: phần này trả lời những câu hỏi: cõi Phật, chúng sanh, Ba-la-mật và hạnh nghiệp qủa của năm vị. Tên phẩm: cõi này được hình thành bằng hoa sen với vô số cõi nước tịnh, nhiễm. Nguyên nhân hình thành cõi Hoa Tạng: từ tín thứ một đến địa thứ tám, Bồ-tát này luôn giữ vững ý chí nguyện, tu tập các Ba-la-mật độ thoát chúng sanh. Cõi nước này được hình thành từ nguyện Ba-la-mật, cõi nước của chúng sanh có từ nghiệp. Cõi Phật được hình thành từ trí nguyện, trí nguyện hỗ trợ cho nhau. Nếu không nương trí pháp thân, tất cả hạnh nguyện đều thuộc hữu vi. Nếu không có nguyện lực thì không hiểu tánh không của pháp thân, làm sao độ thoát chúng sanh? Vì độ sanh bằng trí nguyện pháp thân nên không vướng có không, tu tập thành thục, tự tại tạo lợi ích cho mọi loài. Vì thế phần sau có câu: hoa thơm ngọc báu khắp nơi là nhờ nguyện lực từ xa xưa. Từ nguyện Ba-la-mật thành tựu các Ba-la-mật khác. Mười Ba-la-mật của Bồ-tát từ lúc phát tâm đến địa thứ tám tạo thành mười phong luân với vô số quả báo sai khác. Như phong luân dưới cũng được hiình thành từ thí Ba-la-mật trong thể nguyện Ba-la-mật. Tất cả đều có nhân quả tương xứng. Cứ thế phối hợp mười Ba-la-mật với mười phong luân. Cõi chúng sanh được tồn tại từ phong luân vọng tưởng nghiệp, là phần núi kim cang trên mặt nước, như sao chổi (về thiên văn) nhờ ánh sáng đi lại không rơi. Cõi Hoa Tạng là quả báo của trí không nương tựa tùy thuận hạnh nguyện. Cung điện là quả của đức từ bi độ sanh, lầu gác là quả của trí bi quán sát căn tánh, tùy thuận độ sanh. Mặt đất bằng kim cang là quả của pháp thân tự tánh bình đẳng. Tất cả những vật trang trí bằng kim cương là quả của hạnh tùy thuận độ sanh của pháp thân. Những vật trang trí bằng ma ni là quả của đức độ sanh bằng giới thể. Núi kim cang bao quanh là quả của tâm bi đem lại lợi ích cho chúng sanh. Hoa thơm vườn đẹp là quả của hạnh lành, cây báu là quả của hạnh che chở chúng sanh. Tòa sư tử là quả pháp thân tùy thuận trí huệ thuyết giảng giáo pháp. Tất cả quả đều có từ nhân. Nếu không biết nhân thì không tu quả. Phần đầu của phẩm này là cõi Hoa Tạng được hình thành tự nguyện lớn mà đức Tỳ-lô-giá-na phát thệ trước các Đức Phật. Nguyện có từ hạnh. Phần sau chép: từ hạnh Phổ Hiền có vô số sự trang nghiêm. Như biển nước thơm là quả của hạnh từ bi, sông nước thơm là quả của hạnh tinh tấn. Tên của đại chúng cũng đầu thể hiện hạnh nguyện. Thấy cõi Hoa Tạng, chúng ta biết được nhân tạo nên. Không nên dẫn những kinh khác để chứng minh việc của kinh này ở kinh này, qua tên gọi chúng ta biết được nội

dung, thấy quả biết nhân. Có như vậy chúng ta mới hiểu thật nghĩa của kinh này. Về pháp tướng, các kinh khác không giống kinh này. Như khổ đế của các kinh là Thánh đế của kinh này. Kinh khác có bốn đế, kinh này có mười Thánh đế và mười tầng mười hai duyên. Vì thế, không thể so sánh kinh này với kinh khác. Như các thần: phương hướng (coi về nghi cách của phương); đêm (đoạn trừ vô minh đen tối); ngày (đoạn tâm lười biếng, xiển dương Phật pháp). Thể của cõi Hoa Tạng là năm sự viên mãn: nguyện, trí, hạnh, bi, pháp thân, cùng tột pháp giới hư không, tất cả chúng sanh đều được lợi ích. Địa thứ tám tự tại độ sanh bằng trí không dụng công, không phải là cảnh giới an lạc tịch tinh hay cõi vui sướng của trời người và cảnh giới của Bồ tá thích sanh về cõi tịnh. Bồ-tát này dù hành sáu Ba-la-mật, đạt sáu thần thông vẫn không phát lòng tin vì không tin tu bằng trí căn bản và trí sai biệt. Hình tướng của cõi Hoa Tạng: phong luân Đại nguyện nâng giữ cõi Đại bi, nở hoa Đại hạnh. Vì tánh pháp trống không dung hợp tất cả không ngăn ngại. Trên mặt nước có một hoa sen lớn bằng hư không tên chủng chủng nhị hương tràng. Nghĩa là từ trí căn bản phát trí sai biệt thực hành vô số hạnh. Trên ngọc Nhựt châu trong hoa sen là núi Đại luân vi. Trên hoa sen có đủ các thứ trang trí: rừng báu, nước thơm, hoa đẹp, mặt đất bằng kim cang và tạp bảo. Trên đất có vô số sông thơm, đáy sông bằng báu vật. Mỗi một sông nước thơm có vô số sông con bao quanh theo hướng nam - đông. Trong mỗi sông ấy có một thế giới chủng. Theo các bậc tiên đức, ba ngàn đại thiên cõi nước hay vô số cõi nước bằng số cát sông Hằng là một thế giới hải, vô số thế giới hải là một thế giới tánh, vô số thế giới tánh là một thế giới chủng. Trong một thế giới chủng có vô số cõi nước. Nơi gần trung tâm sông nước thơm tên Vô biên diệu hoa quang minh (là công dụng của bi trí trung đạo). Đó là sông nước thơm trong hoa sen chủng chủng nhị hương tràng. Trong sông đó lại có hoa sen tên Nhứt thiết hương ma ni vương trang nghiêm, có thế giới chủng tên Phổ chiếu thập phương xí nhiên bào quang minh. Trên dưới thế giới chủng này có 20 tầng cõi nước, cách nhau vô số cõi. Cõi ta bà là tầng 13. Tầng dưới cùng có số cõi nước bằng số bụi trong một cõi Phật bao quanh. Tầng thứ hai, số cõi nước gấp hai tầng một và cứ thế đến tầng thứ 20. Có 11 thế giới chủng thông với trung tâm, mỗi thế giới chủng này cũng có 20 tầng như trên. Ngoài ra còn có 100 thế giới chủng sắp xếp tương xứng như trên. Gần núi luân vi có mười thế giới chủng, mỗi thế giới chủng có bốn tầng. Số tầng tuy ít nhưng khoảng cách giữa các tầng rất xa. Các tầng thứ 13 đều giống cõi Ta bà này. Bốn tầng này giống với 20 tầng của 11

thế giới chủng. 90 thế giới chủng khác không nói số tầng. Tất cả gồm 111 thế giới chủng tồn tại như hình ảnh trong lưới Đế Thích, và đều ở trên hoa của hoa sen lớn. Tầng cuối cùng có vô số phong luân, vô số cõi nước giống như mặt trăng mặt trời và vô số ngôi sao trên trời. Nguyên nhân và sự hình thành của cõi Hoa Tạng: thông thường quả có từ nhân. Kinh dạy: phát vô số nguyện lớn, qua nhiều kiếp độ sanh, thành tự hạnh Phổ Hiền, đạt quả báo tốt. Vô số thế giới chủng trong kinh là hạnh lớn của Phổ Hiền. Đó cũng là chúng xuất hiện từ tòa ngồi và từ ánh sáng giữa chặng mày. Vô số chỉ là số tổng quát như nói vạn hạnh của Phổ Hiền nhưng hạnh nguyện ấy thật không thể suy lường được. Hạnh Phổ Hiền nhiều như chúng trên, cõi Hoa Tạng là vô số cõi nước kia. 11 thế giới chủng gần trung tâm là hạnh nguyện địa mười một. Sự tăng dần về số cõi nước của 11 thế giới chủng là hai tầng nhân quả của mỗi địa, tức là một chánh, một hướng, số Đức Phật ở 20 tầng cõi nước là Phật trong nhân quả thù thắng. Cõi nước là cõi hóa độ của các vị. Vì sự giáo hóa của địa mười một thấp hơn quả Phật. 100 thế giới chủng bao quanh 11 thế giới chủng trung tâm là mười Ba-la-mật độ sanh của 11 địa. Mười thế giới chủng với bốn tầng cõi nước bao quanh là bốn nhiếp nháp của 11 địa. 90 thế giới chủng không phân biệt số tầng là cảnh giới hóa độ bằng 100 Ba-la-mật. Trong mười trụ... địa mười một đều có 100 nhân quả, trong năm vị đều có mười nhân quả chính, hai nhân quả hướng, cộng thành 100 nhân quả. Một thế giới chủng khác là quả Phật. Đó là một trong tất cả, nếu không có một thì không có tất cả. Về pháp duyên sanh, phải có một mới có tất cả. Như sự phối hợp của các số 1, 3, 5, 7, 9, 2, 4, 6, 8, 10 thành số tròn không thể thêm bớt. Đó là sự giống nhau giữa pháp Phật và pháp thế gian. Số một ấy không phải là cùng một lúc, cũng không phải là trước sau. Số một vốn không tự là một mà phải liên hệ với số khác. Các pháp vốn không phải là nhiều mà nhiều là do so với một. Từ đó có pháp duyên sanh dung hợp tất cả. Người đời thường cho rằng một là dương, hai là âm, dương âm kết hợp nhau không tách biệt, nếu tách biệt thì trời đất chống trái nhau không có mây mưa... Tất cả đều được xét tự sự tác động qua lại của âm dương. Nếu cả hai đều cứng thì không hợp, cả hai đều mềm thì tách rời. Việc độ sanh của Thế Tôn cũng thế, nếu không đưa chơn vào tục thì không độ sanh được, nghĩa là Phật là Phật, chúng sanh là chúng sanh. Trong việc lợi sanh, Phật là dương, pháp là âm nên kinh này thuộc viên giáo. Đức Phật từ một lập thành 10. Phổ Hiền là hạnh lợi sanh tự tại không vướng pháp duyên sanh. 110 thế giới chủng là 1mười hạnh của năm vị. Một thế giới chủng

là sự phối hợp quả Phật và năm vị. Vì thế có việc Bồ-tát Thắng Âm ngồi trên đài sen, các Bồ-tát khác ngồi trên cánh sen, chữ thập và chữ nhứt tạo thành chữ sĩ, là phép tắc của người nhan. Cõi Hoa Tạng là quả của hạnh nguyện năm vị. Cõi nước khác biệt trong cõi Hoa Tạng là sự khác nhau về y báo của mỗi chúng sanh trong một cõi nước. Song về pháp giới, tất cả là một. Đó là sự đan xen thuần tạp không ngăn ngại của cõi Hoa Tạng, hạnh nguyện độ sanh và quả báo rộng lớn của Phật. Song Phật khác với chúng sanh. Nghĩa là cùng ở một nơi nhưng sự hiểu biết khác nhau. Như thần quỉ ở chung với người mà người không thấy. Trong kinh có câu: mỗi người luôn có hai vị trời ở bên cạnh. Vị trời thấy người nhưng người không thấy vị trời. Cũng thế, hạnh nguyện, y báo chánh báo của Phật tuy cùng khắp nhưng ba thừa đều cho rằng cõi tịnh ở phương khác, cõi này khác cõi kia. Đó là sự hiểu biết của họ kém cỏi. Và cũng từ đó quyền giáo được hình thành. Người phát tâm bồ đề hãy nương phát nhứt thừa tu tập vô số hạnh nguyện. Cõi Hoa Tạng dung nhiếp ba đời: nghĩa là một sát na đủ ba đời. Một sát na là không vọng niệm, không vọng niệm thì không có pháp xưa nay ba đời. Pháp thân là pháp không suy niệm được. Các pháp: chúng sanh... ba đời đều có trong pháp thân. Vì thế sự trang nghiêm của cõi Hoa Tạng thể hiện tất cả hạnh nguyện của Phật và nghiệp lực của chúng sanh. Nguyện nghiệp ấy đan cài nhau như ảnh tượng trước gương sáng. Thể tánh của pháp giới không phân biệt thời gian, chỉ vì vọng niệm nên có ba đời. Kinh dạy: trí thông hiểu ba đời nhưng không đến đi. Phật tử! Hãy quan sát cõi nước, thần lực... đều là mộng huyễn. Tác giả nói kệ: ba đời vốn không có, có là vì vọng niệm; chơn như không vọng tưởng, một sát na đủ ba. Ba đời vốn không có, một sát na cũng không; tất cả pháp ba đời, đều từ không phân biệt, hiểu rõ thời gian ấy, tích tắc thành chánh giác. Cõi Phật vốn trống không, vì sao có cõi Hoa Tạng? Vì bốn nguyên nhân:

1) Nhị thừa tuy thoát nghiệp thô của ba cõi nhưng không phước trí, không tạo lợi ích cho chúng sanh, chấp Niết-bàn.

2) Bồ-tát ba thừa luôn thích sanh về cõi tịnh, không hiểu lý chơn như, luôn phân biệt nhiễm tịnh, không tự tại trước mọi pháp, vì lợi sanh nên thị hiện phước đức thù thắng thấy mình là người độ sanh, thế gian là huyễn ảo.

3) Người sợ pháp không, không hình tướng, theo họ pháp không là đoạn kiếm, là không phước trí, luôn ràng buộc, không giải thoát. Họ không hiểu rằng phước đức hiển hiện ấy là y báo chánh báo của sự thấy

pháp không, trừ vô minh.

4) Vì ba thừa và phàm phu hiện cõi nước với đủ phước trí để chúng tu tập mà không thiên chấp. Kinh có câu: cõi Phật như hư không, không hình tướng, không sanh diệt. Vì nhằm đem lại lợi ích cho chúng sanh nên Phật thị hiện cõi nước. Vì sao cõi Hoa Tạng ẩn hiện tự tại? Vì sao cõi ấy có từ pháp không và trí căn bản. Loài quỉ rồng đủ ba độc của thế gian còn có khả năng ẩn hiện huống gì pháp không, trí thuần tịnh! Như Thiện Tài vào lầu Di lặc, nhờ sức định thấy tất cả hiện tượng, nhưng khi ra khỏi định thì không thấy gì cả. Thiện Tài hỏi: tất cả hiện tượng đâu rồi? Di lặc đáp: trở về chỗ củ. Hỏi: ở đâu? Đáp: từ trí huệ của Bồ-tát, an trụ trong thần lực trí huệ, không từ đâu đến, cũng chẳng an trụ ở đâu, không là gì cả. Như nhà ảo thuật và những vật ảo tuy không hình thành và biến mất nhưng do ảo thuật chúng ta thấy được. Tất cả hiện tượng kia cũng thế, tuy không đến đi nhưng từ sức trí ảo và nguyên lực sẵn có, chúng ta thấy được. Nhờ sức trí nguyện trống không của Như Lai, cõi Hoa Tạng ẩn hiện tự tại. Trong pháp tánh, tất cả đều không, từ trí nguyện tất cả hiển hiện. Ẩn hiện là do duyên đủ lý trí nhưng không có người tạo tác. Phàm phu vì vô minh nên chấp chặt, không có trí huệ tự tại. Vì lòng đại bi Phật ở trong sanh tử nhưng sanh tử chính là chơn như. Vì thế tất cả sự biến hóa kia không ngoài trí chơn như. Nghĩa của văn: phẩm này có 14 đoạn:

1) (24 hàng văn xuôi, 20 câu kệ đầu) cõi Hoa Tạng hình thành từ hạnh độ sanh của Phật.

2) (8 hàng văn xuôi 20 câu kệ) núi Bảo luân vi trên hoa sen có từ thần lực của Phật.

3) (10, 5 hàng văn xuôi, 20 câu kệ) sự trang nghiêm trên mặt đất kim cang của núi luân vi.

4) (16 hàng văn xuôi, 20 câu kệ) sông nước thơm với các sự trang trí trên mặt đất kim cang.

5) (15 hàng văn xuôi, 20 câu kệ) các sông xung quanh sông nước thơm.

6) (15, 5 hàng văn xuôi, 20 câu kệ) hoa thơm cỏ lạ trên hai bờ sông nước thơm.

7) (5 hàng văn xuôi, 20 câu kệ) cõi nước với vô số công đức của Như Lai.

8) (38 hàng văn xuôi, 20 câu kệ) hình tướng của cõi nước.

9) (Phần cuối quyển) cõi nước trên hoa sen lớn.

10) (Quyển 9) 10 thế giới chủng với 20 tầng xung quanh trung

tâm.

11) (Quyển 10) 100 thế giới chủng xoay quanh 11 thế giới chủng kia.

12) (Phần kệ cuối quyển 10) các cõi nước tịnh uế trong hư không là do nghiệp lực. Kinh này khác với những bộ kinh của tiểu thừa, vì kinh tiểu thừa phần nhiều dẫn văn của những bộ kinh khác. Mười quyển kinh trên nêu ba nhân quả:

1) Như Lai thành chánh giác và đại chúng xuất hiện từ tòa (tự đạt quả Phật).

2) Chúng xuất hiện từ tướng lông trắng giữa chặng mày (nêu quả khuyên tu).

3) Cõi Hoa Tạng (quả của hạnh). Đây là phần trả lời câu hỏi trước để kẻ hậu học noi theo.

Phẩm: **TỲ LÔ GIÁ NA**

- Phẩm này có ba phần:

1) Ý nghĩa của phẩm.

2) Tên phẩm.

3) Nghĩa của văn.

Ý nghĩa của phẩm: năm phẩm trước nêu quả Phật Tỳ-lô-giá-na nhưng sợ chúng sanh không tin. Vì sao? Vì nếu không có xưa thì không có nay. Vì thế ở đây dẫn xưa chứng minh nay để đại chúng hiểu đúng đạo và thấy rõ sự giống nhau của các pháp. Tên phẩm Tỳ-lô-giá-na: từ bi trí pháp thân thiết lập giáo pháp đoạn trừ nghiệp ngu tối của chúng sanh. Hỏi: Phật xưa và Phật nay giống hay khác? Đáp: cũng giống cũng khác. Vì sao? Vì đều là thân với 97 tướng tốt đủ bi trí giải thoát nên giống. Tất cả chúng sanh phát tâm thành Phật là khác. Vô số Đức Phật từ xưa đến nay đều thành Phật trong một sát na không trước giữa sau là giống. Từ một sát na thấy vô số chúng sanh trong ba đời là khác kinh dạy: thân của các Đức Phật là pháp thân một tâm một trí, đủ oai lực, không sợ. Nghĩa của văn: phẩm này có 15 đoạn, trong đó có bốn đức Phật ra đời, bốn đức Phật ấy đều là đức Tỳ-lô-giá-na nhưng vì tùy thuận độ sanh nên tên gọi khác nhau. Tất cả những tên gọi ở đời đều là tên gọi của Phật và là đức của Như Lai như hư không dung nạp tất cả. Tên của chúng sanh cũng thanh tịnh như tên Phật. Ví như hương tên là Long (Đấu), chỉ đốt một nén hương thoảng khắp nơi, cháy suốt bảy ngày ngôn ngữ của chúng sanh cũng thanh tịnh như ngôn ngữ của Phật.

15 đoạn:

1) (8 hàng) Phổ Hiền bảo đại chúng nghe pháp, đoạn này có 10 ý nhỏ:

- Kiếp số mà Phật trải qua.
- Vô số cõi nước.
- Tên của cõi nước.
- Phương hướng của cõi nước.
- Số cõi nước xung quanh.
- Hình tướng của cõi nước.
- Sự trang trí trên mặt đất mỗi cõi nước.
- Cây núi báu xung quanh cõi nước.
- Cung điện làng xóm xung quanh cõi nước.
- Thức ăn, đồ dùng, tuổi thọ... của cõi này.

2) (8 hàng) được chia thành tám ý nhỏ:

- Tên trong nước thơm trong cõi Thắng Âm.
- Núi hoa xuất hiện trong cõi ấy (hình tướng như núi Tu Di).
- Sự trang trí trên núi ấy.
- Rừng cây trên núi.
- Năm sự trang trí lớn trên núi.
- Vô số sự trang trí.
- Xóm làng trên núi.
- Chúng sanh trên núi.

3) (9,5 hàng) được chia thành 10 ý nhỏ:

- Tên thành.
- Tên vua.
- Làng xóm trong thành.
- Vật liệu xây dựng.
- Chu vi thành.
- Sự nguy nga lộng lẫy của thành.

Vật trang trí trong thành: lỗ: cái (mộc) lớn giữ thành; (Sùng): cao lớn; lệ: đẹp; hào: mương rộng dài xung quanh thành; tiệm: mương hẹp, hoa ưu bát la: hoa sen xanh, gần giống hoa sen, cánh dài nhỏ như mắt Phật, cọng không gai; Hoa Ba đầu ma: hoa sen hồng, cọng có gai; Hoa câu vật đầu: hoa sen đỏ, cọng có gai; hoa phân đà lợi: hoa sen trắng; cây Bảo Đa la: cây vô ưu; bảy hàng cây là những số dương 1, 3, 5, 7, 9. Thi la: thanh tịnh).

- Dân trong thành.
- Người đạt thần thông tự tại như ý.

Xung quanh thành là nơi ở của bảy loài quỉ trời. Hỏi: người trong thành ấy không phải là quỉ trời sao được thần thông tự tại như ý, y báo chánh báo tốt đẹp? Đáp: nhân nào quả ấy. Hỏi: thế nào là nhân nào quả nấy? Đáp: nhân tin pháp tịnh tánh không nương tựa, thể dụng rộng lớn của Tỳ-lô-giá-na, biết rõ mình người phàm Thánh đều là trí Như Lai không ngã, không sở hữu của ngã, tâm cảnh bình đẳng không hai. Vì không sanh diệt, an trụ trong chơn thật trống không, phàm Thánh đều từ một trí không khuynh động tâm mình là Phật, là trí căn bản và nhứt thiết, Phật nơi tâm không trong ngoài. Nhưng lòng tin ấy chưa trọn vẹn nên làm người đủ thần thông tự tại như ý. Nhờ lòng tin ấy, thấy Phật Tỳ-lô-giá-na ở trong cõi này đủ thần thông, trời rồng tám bộ cũng thế.

4) (9 hàng) đạo tràng và sự trang trí (rừng Bảo Hoa chi luân luôn có tiếng nhạc, hoa thơm).

5) (12,5 hàng) các Đức Phật xuất hiện ở kiếp đầu với tên gọi khác nhau, nguyên nhân có rừng Hoa chi.

6) (9,5 hàng) Đức Phật xuất hiện trong hoa sen, thân cao lớn, chúng sanh trong đạo tràng đều thấy. Vì sao Phật này xuất hiện từ hoa sen, Đức Thích Ca ra đời từ thai mẹ? Vì tùy thuận căn tánh chúng sanh. Xuất hiện từ thai mẹ là hóa độ chúng sanh yếu kém, như phẩm: (lìa) thế gian chép: vì chúng sanh yếu kém Phật hiện vào thai mẹ. Chúng sanh chứng ngộ thấy Phật trên hoa sen.

7) (8 hàng) Phật phóng ánh sáng bảo đại chúng tập hợp.

8) (40,5 hàng) Vua Hỷ Kiến Thiện Huệ, quyến thuộc và thái tử Uy Quang nhờ căn lành thấy Phật, đạt mười pháp. (8 câu sau Thái tử Uy Quang nói kệ khen Phật).

9) (2,5 hàng) nhờ thần lực Phật, lời kệ của Uy Quang vang xa, vua cha nghe kệ vui vẻ nói kệ. (11 hàng kệ của vua Thiên Huệ ra lệnh dân chúng tập hợp và chuẩn bị vật cúng dường).

10) (34,5 hàng) mười vua cúng dường, gặp Phật, trình bày những kinh mà mình đã được nghe, Uy Quang đạt lợi ích, hai câu sau là phần kệ của Uy Quang (trong 10 hàng kệ, Uy Quang nghe pháp, đạt túc mạng trí thấy những việc làm của Phật ngày xưa, phát nguyện tu hành như Phật.

11) (11 hàng) Bồ-tát Uy Quang gặp Phật, phụng sự, đạt mười pháp của Như Lai, dạy chúng sanh phát tâm bồ đề (11 hàng kệ mà Phật công đức Sơn Tu Di Thắng Viên nói là khen công đức của Uy Quang).

12) (15 hàng) Tuổi thọ của Phật và con người trong kiếp trang nghiêm (Đức Phật thứ 1 diệt độ, Đức Phật thứ hai xuất hiện, Uy Quang

gặp Phật, đạt mười pháp, nói pháp cho quyến thuộc (20 hàng kệ: Uy Quang khen ngợi công đức của Phật và sự khó khăn của việc gặp Phật, khuyên bà con đến gặp Phật).

13) (16 hàng) lời kệ của Uy Quang vang xa, Uy Quang cùng quyến thuộc đến chỗ Phật, đạt mười pháp, Đức Phật nói kệ khen sự đạt pháp địa thứ tám của Uy Quang. Kinh dạy: Uy Quang đạt trí quán đỉnh vô công dụng, thông hiểu tất cả.

14) (12 hàng) Đức Phật thứ hai nhập diệt, vua Thiện Huệ băng, Uy Quang lên ngôi Đức Phật thứ ba ra đời, Uy Quang gặp Phật nghe pháp đạt lợi ích, Đức Phật nói kệ khen ngợi công đức của Uy Quang.

15) (8,5 hàng) Đức Phật thứ bốn ra đời, Uy Quang băng, sanh lên cõi trời làm vua, gặp Phật, nghe pháp. Phẩm này mượn Phật xưa, chứng minh sự giống nhau của các pháp. Người tin pháp thù thắng đạt y báo chánh báo tốt đẹp.

■

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 14

Sáu phẩm của lần thuyết pháp thứ hai nói về vị tín đủ ba phần tựa, chính, kết. Bốn, năm hàng đầu của quyển 12 là phần tựa phần tiếp theo đến phẩm Hiền Thủ là phần chính; Ba, năm hàng cuối phẩm Hiền Thủ là phần kết.

Phẩm: **DANH HIỆU NHƯ LAI**

Từ phần này đến phẩm Hiền Thủ là phần: nêu quả tạo lòng tin, tin tâm mình là Phật. Phần này có sáu phẩm:

1) Danh hiệu Phật: dạy chúng sanh biết tên gọi Phật và thế gian giống nhau, đều là không.

2) Bốn Thánh Đế: dạy chúng sanh tin biết khổ đế chính là Thánh Đế.

3) Quang minh giác: dạy chúng sanh tin biết tâm mình cũng sáng suốt như Phật, ba ngàn đại thiên cảnh giới là cõi Phật, cõi ấy có ngay trong tâm mình. Vì với ánh sáng chiếu soi tâm cảnh hòa hợp, không phân biệt trong ngoài sau khi chiếu ba ngàn cảnh giới, ánh sáng chiếu đến (một ngàn) cảnh giới ở phương đông, trăm ngàn cảnh giới ở phương đông. Cứ thế tuần tự chiếu khắp mười phương. Song thân tâm là một nên không ngăn ngại, tất cả đều như cõi Phật. Sau khi quán sát như vậy, dùng định vô tác phương tiện ấn định lại, nhập trụ thứ nhứt, sanh vào nhà trí Phật, là đệ tử chơn thật của Phật (rõ như trong kinh). Không nên nghĩ rằng: chỉ Đức Phật có ánh sáng, mình không có.

4) Vấn minh: dạy chúng sanh tin pháp.

5) Tịnh hạnh: dạy chúng sanh tin biết Bồ-tát phát tâm là phát nguyện lớn, chuyển vọng niệm xưa thành trí lớn không sanh diệt.

6) Hiền Thủ: dạy chúng sanh tin biết thần thông biến hóa khôn lường của Phật và phước đức của sự tin tưởng. Tin hiểu sáu phẩm này là Hiền Thủ, là hạnh nguyện. Mười Phật Bất Động trí... là quả tu. Phật Bất Động trí là thể, chín vi kia là dụng. Mười Bồ-tát Văn Thù, Giác Thủ... là người tu pháp tín. Phần trước nêu sự thành Phật để khuyên chúng

sanh tu tập. Phần này nêu quả Phật khuyên chúng sanh tu. Tất cả tên gọi của mười phương đều là tên Phật. Vì thể của nó là giải thoát chỉ có sự nghe hiểu của chúng sanh là sai khác. Điều này thể hiện danh hiệu của Phật cùng khắp, không nên chấp trước danh hiệu. Phẩm một có ba ý: 1) Nghĩa của phẩm; 2) Tên phẩm; 3) Nghĩa của văn.

Nghĩa của phẩm: những phẩm trước chỉ nêu việc thành chánh giác và độ sanh của Phật, chưa nêu danh hiệu Phật. Phẩm này nêu danh hiệu Phật để chúng sanh tin hiểu. Phẩm trước nêu sự rộng lớn của trí, phẩm này nêu sự rộng lớn của danh hiệu. Phẩm trước tuy nêu câu hỏi nhưng chưa trả lời. Phẩm này trả lời những câu hỏi trước. Nhờ đó chúng sanh hiểu rõ trí Phật và hạnh độ sanh của Như Lai phá trừ vô minh. Điện Phổ Quang Minh là công đức. Tên phẩm: danh hiệu Như Lai với năm yếu tố:

1) Trí căn bản.

2) Đức thành Phật.

3) Phương tiện độ sanh.

4) Sự tùy thuận.

5) Thể dụng bình đẳng của pháp giới.

Trí căn bản như mười đức Phật Bất Động Trí... từ mười danh hiệu thành mười tín. Dạy chúng sanh biết rõ vô minh chính là trí Phật, hiểu chơn như, sớm thành Phật. Đức thành Phật: mười danh hiệu Như Lai, ứng cúng... mà tất cả các Đức Phật mười phương đều có. Tỳ-lô-giá-na là tên chung, là trí sáng soi rọi các pháp và chúng sanh. Phương tiện độ sanh: mười Phật Bất Động Trí... thành mười tín. mười Phật... Nguyệt thành mười trụ, vì hợp pháp thân trí căn bản, tâm thanh tịnh. Mười Phật... Nhãn thành mười hạnh, vì dùng mắt trí độ sanh (mắt trí là biết rõ căn tánh chúng sanh). Mười Phật... Diệu thành mười hồi hướng, vì Bồ-tát tu tập thành thục, trí vi diệu hiển hiện. Mười địa như mười hồi hướng, vì mười tín tin trí phân biệt của mình là trí căn bản của Phật. Nếu thấy pháp ngoài tâm là chưa tin. Sau khi thành tựu tín vị, dùng sức tam muội khế hợp lý chơn như là mười trụ, Đức Phật... Nguyệt là pháp mười trụ đạt được. Trong năm vị, 50 Đức Phật, 50 nhân, 50 quả, thành 100 nhân quả. Mỗi vị lại có năm nhân năm quả nữa, thành 110 nhân quả. Nhân quả ấy là pháp giới, là pháp của mười tín. Tùy thuận chúng sanh nghĩa là Phật tùy thuận chúng sanh hiện thân trời, Phật, thần, vua... dạy chúng sanh không làm ác nhưng chúng sanh không biết. Thể dụng bình đẳng của pháp giới: các pháp vốn không có tên gọi, là pháp tánh và là danh hiệu Phật. Phật là người khế hợp tánh trống không của các pháp. Trong

ba thừa cũng có trí căn bản, trí hậu đắc. Ở đây nêu Phật Bất Động Trí cõi kim sắc là để chúng sanh tin biết trí phân biệt của mình vốn không khuynh động. Văn Thù là trí vi diệu không hình tướng, khó phân biệt của tâm mình. Giác Thủ, Mục Thủ là trí tin hiểu của tự tâm. Ba thừa chưa chuyển tâm nên không tin. Vì sao? Vì ba thừa cho rằng phải tu tập suốt ba A-tăng-kỳ kiếp mới thành Phật, thân tâm này là phàm phu, chỉ Phật có trí Bất Động, mình không có. Ở đây, trí căn bản là lòng tin, tâm mình vốn là Phật, tánh phân biệt nơi mình là Phật Bất Động Trí, lý không tạp nhiễm nơi mình là cõi kim sắc... vì nhân quả tín là quả Phật. Từ vị tín đến địa mười một, thời gian không thay đổi, pháp giới là một, là Phật Bất Động Trí, là nhứt thiết trí, giáo hóa chúng sanh. Nếu thấy mình là phàm phu, Phật là Thánh, kiếp số khác nhau, Phật ngoài tâm là chưa tin.

Hỏi: danh và hiệu khác nhau như thế nào?

Đáp: có hai sự giống nhau và khác nhau. Danh là tên gọi lúc cha mẹ sinh ra đặt cho, hiệu là tên gọi theo khả năng tài đức. Người dưới không được gọi danh của người trên, song dù có tài đức hay không có tài đức đều thuộc danh hiệu thế gian. Danh hiệu trong kinh này thuộc pháp và đức. Nghĩa của văn: phẩm này có hai ý:

1) Ý nghĩa của 32 phẩm.

2) Ý nghĩa của phẩm này Như Lai nêu câu hỏi.

32 phẩm từ danh hiệu Như Lai... Như Lai xuất hiện: nêu một nhân quả trả lời 28 câu hỏi. Ở điện Phổ Quang, Phật nêu danh hiệu, hạnh độ sanh của Phật, bốn Thánh đế, Phật Bất Động Trí. Để tạo lòng tin đến phẩm Như Lai xuất hiện: nêu nhân quả chung để mười tín tu tập. Điều đó thể hiện nhân quả giống nhau, thời gian không thay đổi. Trong pháp giới, vì vọng thấp, phàm phu thấy có vô số kiếp. Người tin hiểu tu tập, phải nương pháp chơn thật, dù trải qua năm vị, thời gian vẫn không thay đổi. Nếu không như thế, phải tu tấp vô số kiếp mới thành Phật. Nhưng thời gian không trước giữa sau, Như Lai và phàm phu là một. Vì trong pháp giới không có ba đời, không thay đổi, một trí huệ. Phật Bất Động Trí là thể, trí vi diệu là công dụng, là Văn Thù; hạnh tu của người vừa phát tâm là hạnh Phổ Hiền, đủ lòng bi giáo hóa chúng sanh bằng 37 phẩm trợ đạo, đủ nguyện lớn không bỏ chúng sanh. Vì thế có câu: người vừa phát tâm là Phật. Chúng sanh khó hiểu điều này, nghĩa là không tin mười pháp không sai biệt. Nếu thấy Phật ngoài tâm, mình là phàm phu là còn vọng tình, không tin tưởng tu tập, ở mãi trong sanh tử. Thật là đau khổ! Như Lai trong lần thuyết pháp thứ một, hai, là một. Vì các Đức

Phật trong ba đời đều từ một sát na, pháp giới là một, như các hình ảnh hiện trong gương sáng. Trong trí pháp giới đủ tất cả các pháp, không nên suy xét bằng vọng tình. Đức Phật thành tựu chánh giác trong lần thuyết pháp thứ một là nêu quả khuyên tu. Đức Phật trong phẩm xuất hiện là Đức Phật mà năm vị tu tập chứng đạt, và cũng chính là Đức Phật Bất Động Trí của vị tín.

Hỏi: vì sao các phẩm khác do Bồ-tát thuyết, hai phẩm A-tăng-kỳ và tướng tốt lại do Phật thuyết?

Đáp: Bồ-tát vị gia hạnh, vô minh phiền não của năm vị, Bồ-tát trong vị Như Lai đều là những việc của Bồ-tát tu tập năm vị nên phải do Bồ-tát đương vị thuyết giảng. Vì Bồ-tát không hiểu vô minh của quả Phật nên Phật tự nói. Người đạt quả Phật mới thấu hiểu vô minh phiền não, như kinh Thắng Man có câu: giáo pháp nhị thừa, ba thừa có một phần giống nhau. Có điều là nhị thừa và Bồ-tát cõi tịnh chưa đoạn hết vô minh căn bản, không hiểu vô minh chính là trí căn bản. Sự tu hành chứng nhập của kinh này khác với kinh Hoa Nghiêm. Theo Hoa Nghiêm tâm ban đầu và tâm sau cùng là một vì trong pháp giới không có ba đời. Theo giáo pháp ba thừa, phải trải quA-tăng-kỳ kiếp tu tập, pháp tu tập của ba hiền, mười Thánh khác nhau (như đã nói ở trước). Với kinh Hoa Nghiêm, mười trụ chính là kiến đạo, gia hạnh, tư lương, vì sao? Vì trong pháp giới, trí là điều kiện để hạnh được thanh tịnh, hạnh hỗ trợ tạo sự thành tựu đầy đủ cho trí. Nghĩa là phàm phu và Như Lai đồng một tánh. Hơn nữa, trong năm vị, vị nào cũng có quả Phật, nhưng tùy hạnh nghiệp của mỗi vị mà tên gọi khác nhau. Theo ba thừa giáo, Bồ-tát phải tuần tự tu từ vị này đến vị khác, nhưng chỉ là quả Bồ-tát không phải là quả Phật. Ở đây, số kiếp không dài ngắn, chỉ vì mê mờ nên thấy dài ngắn, tâm không khế hợp chơn như. 32 phẩm từ danh hiệu Như Lai... Như Lai xuất hiện là nhân quả tu tập của mười trụ... địa mười một. Song vị thứ nhứt cũng là vị cuối cùng và ngược lại. Như câu kệ của Bồ-tát Văn Thù: sát na quán sát vô số kiếp, không đến không đi cũng chẳng dừng, nhờ vậy hiểu rõ việc ba đời, vượt trên phương tiện đủ mười lực. Phẩm danh hiệu Như Lai có bốn đoạn:

1) (8,5 hàng) công đức của đại chúng.

2) (14 hàng) đại chúng thỉnh Phật thuyết pháp.

3) (41 hàng) Như Lai dùng thần lực thuyết pháp.

4) (Phần còn lại) pháp mà Đức Phật giảng.

Đoạn một có hai ý: 1) Công đức của Như Lai; 2) Công đức của đại chúng. Hai hàng đầu của phần công đức Như Lai là phần tựa: nơi

đạt đạo và điện Phổ Quang là một. Nghĩa là không rời chỗ ngồi nhưng thân hiện khắp nơi. Vì thể của đạo tràng là thể của pháp giới, điện Phổ Quang minh là báo thể của pháp giới. Thể dụng tánh tướng giống nhau. Các bậc tiên đức cho rằng: vì gần nhau nên lặp lại, và vì thấy Phật ngồi ngoài trời nên loài rồng xây điện này. Hai ý này đều không hợp ý kinh. Nếu có việc ấy thì đó là giáo pháp ba thừa. Lại nói, đạo tràng Bồ đề bên sông Ni Liên, cách điện Phổ Quang ba dặm. Điện này ở phía đông nam của đạo tràng Bồ đề. Đạo tràng Bồ đề là nơi đạt đạo, điện Phổ Quang là nơi ở của báo thân. Năm nơi chốn trong kinh Hoa Nghiêm thể hiện thân Như Lai và nơi ở là tánh tướng trong pháp giới; Hai, năm hàng tiếp: khen ngợi công đức của Như Lai và trí tự tại thông suốt; Hai hàng tiếp: đoạn trừ phân biệt hữu vi vô vi, đạt pháp không hình tướng, không lấy bỏ, an trụ nơi Phật an trụ. Nghĩa là an trụ trong trí bi. Các Đức Phật thường an trụ trong năm pháp rộng lớn:

1) Thành tựu chánh giác (đạo tràng bồ đề).

2) Y báo chánh báo danh hiệu (điện Phổ Quang).

3) Định (mười định).

4) Hạnh Phổ Hiền (phẩm lìa thế gian).

5) Pháp giới viên mãn, trí dụng không ngại (phẩm pháp giới). Vì vậy trong kinh Hoa Nghiêm có năm lần nêu câu: bấy giờ Thế Tôn ở nước Ma Kiệt Đề... phẩm pháp giới hơi khác. Tất cả là pháp giới, là trí căn bản không trước sau. Năm lần nêu là để chúng sanh hiểu rõ tám tướng thành đạo không trước sau. Đạt pháp bình đẳng của Phật là hiểu rõ lý sự giống nhau, không ngăn ngại. Đạt pháp không thay đổi là hiểu Phật luôn ở trong sanh tử nhưng không bị xoay theo nghiệp, lại còn có khả năng xoay chuyển pháp không thể xoay chuyển. Hạnh nguyện không ngăn ngại hiểu Phật ở trong sanh tử, hành động như chúng sanh không chấp chơn tục. Đạt pháp mầu là sau khi đầy đủ hạnh nguyện, Phật dùng trí không dụng công tự tại độ sanh trí ấy vi diệu, vượt ngoài sự suy xét của tâm thức. Thấy rõ ba đời là đạt mắt trí sáng nhưng không phải thấy việc ba đời của thế tục. Bốn hàng tiếp là khen công đức của Bồ-tát. Vô số Bồ-tát cùng đi là vô số đệ tử tùy tùng. Cùng đi tức là không trước sau, các Bồ-tát này đều là một đời thành Phật, cũng chính là Bồ-tát mười địa. Vì Bồ-tát này phải tu tập trọn vẹn hạnh Phổ Hiền của địa mười một mới đạt quả Phật. Kinh Anh Lạc chép: Bồ-tát trụ thứ nhứt cũng là Bồ-tát một đời thành Phật. Vì tánh của trí căn bản không trước sau. Bồ-tát ba hiền vào dòng Thánh tự tại thành Phật. Các Bồ-tát tuy từ cõi khác đến nhưng không hề có sự đến đi. Lần trước nêu quả

khuyên tu, lần này chứng đạo nhờ hiểu rõ hạnh nguyện của Đức Phật ở cõi khác. Kể cả Bồ-tát vị tín cũng là một đời thành Phật. Lần trước là tin hiểu, lần này là tu tập chứng đạt. Chúng từ cõi khác đến cũng một đời thành Phật là theo quan niệm "Nhập pháp ngoài tâm" của một số người: Mê là ở cõi khác đến, ngộ thì không đến đi. Ba hàng kinh từ: quán sát các cõi, chúng sanh, pháp Niết-bàn: khen ngợi sự thấy rõ tánh dung nhiếp của các pháp, biết rõ chúng sanh do nghiệp phiền não, Bồ-tát chấp hạnh nguyện. Phần Đại chủng thỉnh Phật thuyết pháp (14,5 hàng) gồm 32 câu hỏi, chia hai phần:

1) Bốn câu về cõi Phật...

2) 28 câu về trụ địa Bồ-tát, mắt tai mũi lưỡi của Phật.

Hỏi: vì sao ở lần thuyết thứ một, các Bồ-tát đã hỏi những câu như thế, lần thứ hai lại hỏi lại? Lần thứ một là Đức Phật hỏi, nêu quả khuyên tu. Lần này tự tin mình là Phật tu hành đạt quả. Lần trước Phổ Hiền nhập định nêu quả. Lần này Văn Thù chỉ dạy chúng sanh vào tín vị. Vì phàm phu tâm thô nên không nhập định. Từ mười trụ trở về sau mới có nhập định thuyết pháp. Theo các bậc tiên đức, lần trước là thỉnh, lần này là hỏi. Song nghĩa của kinh không như thế trước sau đều là thỉnh, thỉnh chính là hỏi, chỉ khác nhau giữa sự khuyên tu và tự đạt. Lần trước, Như Lai và những vị thành đạo đều là quả của hạnh viên mãn. Lần này, phàm Thánh đều đủ trí căn bản. Nghĩa là nơi nào cũng là cõi kim sắc, ở đâu cũng có Phật Bất Động Trí... kim sắc là thân trong pháp tánh vì lòng tin còn có sự sanh diệt nên còn có hình sắc. Cõi kim sắc ở lần trước chính là cõi Phật, sự an trụ của Phật trong lần này. Vì Phật và chúng sanh đều an trụ trí căn bản. Đó là dạy chúng sanh tin Phật từ tâm. Các Đức Phật có từ tín vị, phàm phu cũng thế, cõi Phật trang nghiêm là danh hiệu Phật của mười trụ... địa mười một. Từ trí căn bản phát khởi lòng tin tu tập theo vị, thành thục trí thân pháp thân bằng pháp Ba-la-mật. Thực hành hạnh nguyện bằng pháp thân trí thân nên không chấp trước. Thanh tịnh pháp Phật là việc Như Lai thị hiện thành chánh giác thuyết giảng giáo pháp. Oai đức thể tánh Phật là thần thông ứng hiện tùy căn tánh độ sanh. Nghĩa là từ lòng tin phát khởi trí, tu tập chứng đạt quả. Vì thế các Đức Phật ở mười phương đều ra đời độ sanh như vậy. Nên tin hiểu như thế là tin hiểu như các Đức Phật (như phẩm Hiền Thủ). Dùng tay nâng ba ngàn đại thiên cõi nước trụ trong hư không suốt một kiếp là biểu hiện việc khó phát lòng tin. Công đức của người suốt một kiếp cúng dường vô số Phật không bằng công đức của lòng tin. Trong 32 câu hỏi có mười thông mười định nhưng trong kinh chỉ nói mười thông

mười nhẫn. Hai câu: xin Thế Tôn thương xót thuyết giảng... là kết thúc phần thỉnh. Từ đây về sau là phần Như Lai dùng thần lực trả lời các câu hỏi. Phần này có hai ý:

1) Tùy loại hiện pháp.

2) Căn cứ lòng tin. Tùy loại hiện pháp: tùy thuận năm vị, chúng sanh, Phật hiện mười sự an trụ và các Đức Phật với tên gọi khác nhau. Căn cứ lòng tin, phần này là cả bộ kinh này đều nêu lòng tin, tin hiểu nhân quả năm vị mới có thể thực hành. Ví như người đi xa, trước phải hiểu rõ đường đi nước bước sau mới xuất phát, mười tín phải hiểu rõ nhân quả năm vị mới thực hành. Tâm phân biệt của chúng sanh là trí Bất Động của Phật, trừ bỏ tà kiến chấp trước. Dùng thiền Ba-la-mật phòng hộ tâm tán loạn, chướng ngại trí chơn như, dùng 140 nguyện lớn ngăn chặn tâm chấp pháp chơn như của trụ hạnh hồi hướng địa thứ tám; Dùng 37 trợ đạo ngăn chặn tâm tham đắm sanh tử chướng ngại chơn trí; dùng bốn nhiếp pháp bốn vô lượng tâm hổ trợ tâm bi chưa rộng lớn của mười Ba-la-mật. Nêu mười hồi hướng, nguyện bi rộng lớn, không bỏ chúng sanh cõi ác để ngăn chặn tâm vui sống trong pháp lạc, không độ sanh. mười tín là thông hiểu những pháp mê mờ của năm vị. Nếu hiểu rõ, cầu học thì chứng đạt. Nếu không trừ tâm nghi thì không thành tựu lòng tin. Phẩm này nêu quả Phật. Phẩm Hiền Thủ nêu thần thông và hạnh nguyện của Phật để mười tín thông hiểu, thành tựu lòng tin. Ở đây nêu nhân quả của năm vị, Phật là để mười tín tin tu, thông đạt lý trí. Như người nấu ăn phải đợi thức ăn chín mới ăn, và dù bắt đầu ăn hay ăn xong, vị thức ăn vẫn không đổi. Cũng thế, mười tín thông đạt nhân quả năm vị, trước sau vẫn là tín, đến khi thành quả Phật, lòng tin ấy vẫn không thay đổi (như vẽ theo hình tượng). 41 hàng kinh của phần dùng thần thông hiện pháp được phân thành 11 đoạn.

Đoạn 1: (1,5 hàng) Như Lai biết tâm chúng sanh, dùng thần thông hiện pháp; 39,5 hàng còn lại: Bồ-tát mười phương tập hợp, có mười ý:

1) Phương hướng của cõi Phật.

2) Khoảng cách.

3) Tên cõi Phật.

4) Danh hiệu Phật.

5) Tên Bồ-tát.

6) Số đại chúng.

7) Đại chúng đến nơi kính lạy.

8) Tùy phương hóa tòa ngồi.

9) Tên tòa.

10) Đại chúng an tọa.

Phương hướng: Một phương đông, quả chấn, mùa xuân, trưởng nam, đầu, rồng xanh, tốt đẹp, chấn động, là điều kiện đầu của mọi việc, đạo tục đều như nhau, nhưng không phải là đông tây nam bắc mà người đời hiểu. Vì nơi nào cũng là đông tây... Khoảng cách: cách vô số cõi nước bằng số bụi trong mười cõi Phật về phía đông, bốn ý:

1) Mười là số tròn, khoảng cách vô tận.

2) Mười tín phát tâm rộng lớn khi thấy cõi Phật bao la.

3) Cõi Phật cùng khắp như ảnh tượng trước gương sáng.

4) Chỉ dạy người chưa phát lòng tin, chưa đoạn vô minh, không thấy cõi Phật. Kinh Niết-bàn có câu: cõi tịnh của Phật Thích Ca cách cõi này vô số cõi nước bằng số cát trong 32 sông hằng về phương tây, số bụi trong mười cõi Phật là mười vô minh, mỗi vô minh có vô số phiền não chính phụ che lấp tâm trí. Đó là phàm phu nhập tín vị. Cõi ấy có Phật tên Bất Động Trí, là trí căn bản mà phàm chánh đều có, từ trí này phát khởi lòng tin. Chúng sanh cũng là Phật Bất Động Trí, nếu mê mờ chấp trước thì chướng ngại không thông, nếu thông hiểu thì thanh tịnh như hư không. Mê là ở ngoài, ngộ là vào trong song, cõi Phật vốn không có khoảng cách trong ngoài đến đi mà là có ngay trong mỗi lỗ chân lông. Nêu khoảng cách là để mười tínphát tâm rộng lớn. Luận khởi tín chép: tướng nghiệp vi diệu chính là cảnh giới thù thắng từ trí thanh tịnh, là công đức khôn lường, không đoạn tuyệt, tùy thuận khế hợp căn tánh chúng sanh, lợi ích tất cả, từ bản giác có bất giác; từ trí có khổ vui. Nghĩa là chúng sanh vì không hiểu trí căn bản nên có khổ vui, trí vốn không. Nhưng phải bị trói buộc chúng sanh mới thấy trí vốn không, các pháp là không, tịch tịnh. Có khổ là do không hiểu tánh, không tánh. Như người ngã trên đất, chống đất đứng lên. Chúng sanh từ trí căn bản có khổ, cũng từ trí căn bản thoát khổ. Vì thế Phật mượn cõi kim sắc để chỉ dạy. Pháp thân thanh tịnh không nhiễm là Phật Bất Động Trí, Văn Thù là trí vi diệu nơi tâm. Chín Đức Phật, chín cõi nước, chín Bồ-tát sau là sự tăng trưởng của tín. Pháp thân tùy thuận hạnh nguyện nên có tên gọi khác nhau. Vị tín tin mình là Phật Bất Động Trí, thấy đạo nhập vị, tu tập mười trụ... địa mười một... 37 pháp trợ đạo. Dùng hạnh nguyện thuần thục trí bất động, dùng pháp thân hỗ trợ hạnh nguyện không đắm nhiễm. Mười Đức Phật, mười Bồ-tát trong mỗi vị là quả hạnh của mỗi vị, không phải Phật Bồ-tát ở vị khác. Đây là trả lời bốn câu hỏi: sự an trụ của Phật, cõi Phật, sự trang nghiêm pháp tánh, sự thanh tịnh cõi Phật. Từ cõi Phật, thị hiện thành chánh giác đủ thần thông, oai đức.

Vì thế, lần trước nêu quả (Đức Tỳ-lô-giá-na), lần này tự tu chánh quả. Phẩm Như Lai xuất hiện là nhân quả năm vị; phẩm này nêu quả mà vị tín hướng đến, từ trí căn bản phát khởi lòng tin tu tập. Bất Động Trí là trí của Phật và chúng sanh. Vì mê trí này nên có chúng sanh sáu nẻo hai quả báo y chánh thô tế sai khác, từ trí này chúng sanh giác ngộ thành tựu quả một thừa ba thừa. Nếu không có trí này thì không có hư không chúng sanh Phật.

Hỏi: tất cả chúng sanh đều có trí căn bản sao không thanh tịnh lại bị đắm nhiễm? Chúng sanh từ trí này sanh trong ba cõi, nhưng trí ấy vốn không tánh, không phân biệt đúng sai thiện ác khổ vui, chỉ tùy thuận nhân duyên hiển hiện như tiếng vang trong hư không. Trí không tánh này tùy duyên phân biệt nên si mê ái chấp ngã, phân biệt mình người. Vì chấp giữ nên có tên là (Đạt) na (thức thứ 7). Từ thức có sanh tử, đủ khổ đau. Vì quá khổ đau, chúng sanh cầu đạo thoát khỏi. Người mê mờ không biết khổ đau nên không phát tâm cầu đạo. Người biết khổ cầu đạo chơn thật là quay về với trí ấy. Có gặp khổ mới biết khổ nếu không thì không hiểu; biết khổ mới phát tâm cầu đạo thoát khổ. Người tu tập pháp Bồ-tát là người biết khổ. Người mạnh mẽ tin hiểu rõ ràng dù hưởng thụ khoái lạc trời người vẫn luôn cầu đạo vô thượng. Từ trí ấy tạo nghiệp nhưng cũng từ trí ấy chứng ngộ, mê là thức ngộ là trí, bị ràng buộc là thức, giải thoát là trí. Thức và trí vốn không có tên gọi, chỉ vì mê ngộ nên phân biệt thức trí, không thể xem là thường hay đoạn. Trí, thức chỉ là biểu hiện sự mê ngộ khác nhau nếu tìm nguồn gốc của nó thì chẳng khác nào tìm vết trong hư không người trong bóng, bản ngã trong thân. Chúng ta không thể tìm được tướng dài ngắn cũ mới, vô minh và trí vốn không trước sau, dù đạt Bồ đề vô minh không mất. Vì sao? Vì vô minh vốn không, làm sao có sự diệt mất. Vô minh là bám víu sắc thanh..., trí là biết khổ, phát tâm cầu đạo do duyên, các pháp giả có, nhưng thể tánh các pháp vốn không, như vang trong hư không. Kim sắc, thể trắng bạch như thể tánh thanh tịnh của pháp thân. Kim thuộc màu trắng, thể trắng sắc vàng. Cũng thế, Bồ-tát bên trong sống đúng chơn như, bên ngoài hiện tướng tùy thuận thế gian. Ở đời, trong năm màu, màu vàng hơn hết. Bồ-tát tập hợp chơn như là thể vàng. Vị tín tuy tin tâm mình là pháp thanh tịnh không đắm nhiễm nhưng lòng tin ấy là pháp hữu lậu luôn sanh diệt nên là kim sắc. Nêu cõi ở phương đông trước vì phương đông là nơi để vạn vật sinh sôi nảy nở. Cũng thế, mười tín là điều kiện đầu để tu tập các hạnh. Song đó không phải là pháp thật, chỉ là hình ảnh biểu hiện thể dụng của pháp tánh như rồng chúa,

bò chúa biểu hiện oai đức của Phật.

Hỏi: phương đông là biểu trưng của vị tín vì tín là điều kiện đầu để tu tập các vị. Song hành kim ở phương tây. Vì sao ở đâu lại nói cõi kim sắc ở phương đông, là pháp thân là trí Bất Động?

Đáp: điều này trong kinh đã nói rõ. Vì lòng tin là bào thai, mười trụ là đứa trẻ. Hành kim vào tháng một là bào, tháng hai là thai, tháng ba là hình người, tháng bốn sanh giờ tỵ, tháng năm nuôi giờ ngọ, tháng sáu ẩm bồng giờ mùi, tháng bảy là tướng, tháng tám là vua, mười tín là thai nên mượn phương đông để biểu hiện. Các phương tây, nam, bắc bốn góc là sư tăng trưởng của tín. Đây chỉ là ví dụ cho dễ hiểu. Như Văn Thù dạy: ngày xưa lúc làm Bồ-tát, Thế Tôn mượn các luận thuyết địa vị để chúng sanh hiểu tu và truyền bá. Kẻ hậu học nên hiểu đâu là dụ, đâu là thật như dùng lưới bắt cá, cá không phải là lưới. Nếu không có lưới thì không có cá. Kinh chép: nơi nào cũng là cõi kim sắc, ở đâu cũng có Văn Thù, Phật Bất Động Trí vì pháp thân ngay trong thân tâm của chúng sanh. Cõi kim sắc là lòng tin vì lý của lòng tin là tên của cõi nước và cũng nhờ lòng tin nên không đắm nhiễm như cõi Liên Hoa ở phương tây. Cõi kim sắc là nhân đầu của tín. Các cõi ở phía nam, tây... là dụng của tín. Ở đây có mười nhân mười quả. Mười quả là mười Đức Phật tên trí, mười nhân là mười Bố tát Văn Thù, Giác Thủ... lợi ích trong nhân là quả của nhân, mười cõi nước là pháp tu tập. Danh hiệu Phật: Bất Động Trí là trí căn bản của Phật chúng sanh. Phần này trả lời câu hỏi: sự an trụ và cõi nước của Phật. Chín Đức Phật sau cũng từ trí này, các Đức Phật mười phương cũng thế. Tu tập năm vị, thành tựu chánh giác, cõi Phật, oai đức trang nghiêm là thần thông của Như Lai. Tên Bồ-tát: Văn Thù, là trí vi diệu không tánh của các Đức Phật mười phương. Các Đức Phật dùng trí ấy phân biệt các pháp thành tựu chánh giác. Văn Thù là thầy, me Phật. Nếu không có trí này, dù tu pháp giải thoát cũng chỉ đạt quả nhị thừa hay Bồ-tát cõi tịnh, không thành Phật. Vì thế vị tín tu tập năm vị thành Phật là nhờ Trí Bất Động ấy. Như Lai dù diệt độ, Văn Thù vẫn ở mãi trong đời. Sau khi trọn vẹn hạnh giác hóa, ngài sẽ thị hiện thành Phật ở hương Sơn (đây là giáo lý (một thừa). Kinh Hoa Nghiêm có câu: nơi nào cũng có Văn thù. Vì chúng sanh đủ trí ấy. Văn Thù là người thầy đầu tiên của vị tín nghĩa là tin tâm mình đủ trí vi diệu, Phật chúng sanh là một. Trong các kinh Văn Thù là pháp thân trí vi diệu, Phổ Hiền là dụng của trí. Hai vị là thể dụng của pháp Phật thị hiện hóa thân đem lại lợi ích cho chúng sanh. Chúng sanh phát tâm tu học là tu pháp ấy, đủ hạnh lợi mình lợi người, Văn Thù và các Bồ-tát ở núi Thanh

Lương phía đông bắc biểu hiện ba ý:

1) Dạy chúng sanh vui tu pháp lành.

2) Bồ-tát thường ở đời.

3) Tùy thuận chúng sanh chỉ dạy giáo pháp.

Phía đông bắc là cõi Diêm phù, núi Thanh Lương ở Trung Hoa (tư duy) vì người cõi này thường suy xét quán chiếu. Đông bắc thuộc quẻ cấn, cấn là trai út, là thiếu nhi, ở vào giờ sửu dần. Bồ-tát Văn thù thường hiện thân thiếu nhi nhập vị tín, thấy đạo, phát khởi trí vi diệu. Lại như lên đến đỉnh núi vì vị tín hiểu các pháp trống không, trí vi diệu sanh khởi. Sửu là tín, dần là thấy đạo, mão, thìn, tỵ là tiến tu, ngọ là trung đạo, mùi thân dậu tuất hợi là vào đời độ sanh. Tý là thầy, quẻ khảm là vua, thầy. Như thầy chỉ dạy pháp tắc. Vua thường ở phía bắc là biểu hiện oai đức. Số đại chúng: như số bụi trong mười cõi Phật, là hạnh nguyện rộng lớn. Đại chúng đến nơi kính lạy là sự tôn kính giữa thầy trò. Hóa hiện tòa ngồi ở phương đông. Tên tòa: Liên Hoa Tạng sư tử. Liên Hoa: không đắm nhiễm, là quả của hạnh vì hạnh pháp thân không nhiễm thế gian, có khả năng tạo quả lý trí thanh tịnh, nhân quả hỗ trợ cho nhau. Tạng: chứa dùng lý trí pháp thân vào đời tùy thuận độ sanh, đủ vô số công đức. Sư tử là dùng thân trí không sanh diệt vào đời độ sanh, không sợ sanh tử. Đại chúng an tọa, thể của tòa là pháp giới, nghĩa là phàm phu nhập pháp giới, tinh tấn tu tập thành tựu lòng tin. Đó cũng là tòa của tất cả các Đức Phật. Vị tín tinh Đức Phật nơi tâm, tin tấn tu tập. Phần này có hai ý: 1) Chu vi tòa; 2) Bồ-tát an tọa trong tư thế nào.

Chu vi tòa: phẩm pháp giới chép: tòa lớn ngang pháp giới, vì thể của tòa là tánh không nương tựa, không loạn định. Bồ-tát an tọa trong tư thế kiết già hiểu các pháp thế gian có từ pháp giới là kiết. Một là tất cả là già. Kiết già là tướng oai nghi an định không khuynh động. Đây là mười Ba-la-mật trong thể thí Ba-la-mật đoạn hai (4 hàng) phân thành 10 ý như trước, phương hướng: phương nam, nam là đúng, mặt trời, sáng, hư không, quẻ ly trống ở giữa như mười tín quán thuần thục pháp không. Văn Thù là người thầy đầu tiên dạy chúng sanh phát lòng tin như dạy Thiện Tài phát lòng tin ở phía đông thành giác lại đi về phía nam cầu học các thiện tri thức. Khi lạy Phật, chúng ta cũng thường đọc nam mô... Trong bốn đế, đông tây là khổ tập, nam bắc là diệt đạo. Song pháp không có phương hướng, đó chỉ là ví dụ dẫn dắt chúng sanh phát lòng tin, nếu không chúng sanh khó hiểu pháp tánh. Như phần sau của phần này có câu: lúc là Bồ-tát... (như trước). Nam mô là chánh thuận,

thuận lý hư không, Phật là người hiểu lý trống không. Khoảng cách (như trước). Tên cõi nước: Diệu sắc, vì tín thứ hai tăng trưởng lòng tin, hiểu rõ pháp trống không. Tên Phật: Vô Ngại Trí, từ thể trí Bất Động tu tập tăng trưởng lòng tin. Trí Vô Ngại là Đức Phật nơi tâm, không phải Phật ngoài tâm. Phật, chúng sanh đều có trong pháp giới, một trí huệ, một tâm. Tên Bồ-tát: Giác Thủ dùng trí phân biệt đúng sai là tự giác, lại giác ngộ chúng sanh. Bồ-tát này hiến ba pháp:

1) Thân tâm mình là pháp giới thanh tịnh không nhiễm ô.

2) Tánh thân tâm không phân biệt chủ thể khách thể.

3) Tâm mình đủ trí vi diệu phân biệt đúng sai.

Đây là tự giác, nghĩa là tự tu thành tín vị. Nếu thấy Phật giác ngộ, mình không có khả năng giác ngộ là chưa tin. Số chúng, đại chúng đến nơi kính lạy, tùy phương. Hóa hiện tòa (như trước). Tên tòa có nghĩa là người thành tựu lòng tin ở trong sanh tử nhưng không sợ. Đại chúng an tọa (như trước). Vị này chuyên tu giới Ba-la-mật, chín Ba-la-mật khác là thứ yếu.

■

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 15

Bốn hàng bắt đầu từ: cách vô số cõi nước bằng số bụi trong mười cõi Phật về phía tây... có mười ý như trước. Phương hướng: phương tây; khoảng cách (như trước). Tên cõi nước: Liên Hoa sắc, nhờ tu tập tâm ý dần thù thắng, thanh tịnh không đắm nhiễm bốn sắc. Mười tín quán pháp không, tánh không bằng tâm sắc để điều phục tâm đắm nhiễm. Tên Phật: Diệt Ám Trí. Hành kim ở phía tây là cọp trắng, sát hại, u tối, không lành, khổ đế. Nghĩa là mười tín tiến tu tâm thù thắng phá trừ ngu tối mình người. Tên Bồ-tát: Tài Thủ, mười tín đem lại lợi ích cho chúng sanh bằng pháp tài. Phật là trí tự giác; Bồ-tát là hạnh của trí, tu tập cả hai. (Các phần còn lại như trước) vị này tu tập mười Ba-la-mật trong thể nhẫn Ba-la-mật.

Bốn hàng từ... phía bắc... có mười ý như trước: phương hướng: phương bắc. Khoảng cách (như trước). Tên cõi nước: Chiêm Bặc Hoa sắc (hoa màu vàng) là công đức dung hòa của tín thứ tư, màu vàng là màu chính trong năm màu, màu của cung đình, phước đức vui vẻ, tâm thanh tịnh, tướng phước đức. Tên Phật: Oai nghi trí. Phía bắc là quả khảm, khảm là thầy, vua. Vua có đức cai trị, thầy chỉ dạy pháp tắc. Oai nghi trí là dùng pháp tắc chỉ dạy chúng sanh, hình tướng đoan nghiêm. Tên Bồ-tát: Bảo Thủ, lợi sanh bằng phép. Vị này tu tập mười Ba-la-mật trong thể tinh tấn Ba-la-mật (các phần còn lại như trước).

Bốn hàng... phía đông bắc... có mười ý như trước: phương hướng: đông bắc, quả cấn: con út, nhi đồng, khai sáng, buổi sớm. Khoảng cách: (như trước). Tên cõi nước: Ưu bát la hoa (hoa sen xanh). Tên Phật: Minh Tướng Trí. Tâm thù thắng, là Đức Phật nơi tâm, không phải Đức Phật ngoài tâm. Tên Bồ-tát: Công Đức. Vị trước là pháp bảo, vị này là công đức, lợi mình lợi người. Vị này tu mười Ba-la-mật trong thể thiền Ba-la-mật.

Bốn hàng... phía đông nam... có mười ý như trước. Phương hướng: đông nam, quẻ tốn (phong tục, gia giáo), với hiện tượng là phương, với

người là thuyết giáo như người quân tử chỉ dạy mọi người. Kinh dịch chép: quân tử chỉ dạy, mọi người tùy thuận như gió lướt qua cỏ. Chúng ta nhìn hiện tượng để biết gió thổi. Tốn là mọi người tin thuận. Trong bốn đại, gió là hơn hết. Trời đất giữ vững nhờ gió, con người nhờ gió được tồn tại, mặt trời mặt trăng nhờ gió vận hành. Phong giáo là chỉ dạy kẻ ngu biết pháp đúng sai. Quẻ tốn ở phía đông nam (như trước đã nói). Khoảng cách như trước. Tên cõi nước: kim sắc (tín thứ một, hành kim ở phương đông, là bước đầu của tín. Vị này lòng tin thù thắng hơn, hành kim ở tháng tư, sanh vào giờ tỵ, giáo hóa chúng sanh bằng pháp Phật). Tên Phật: Cứu Cánh Trí, lòng tin tăng trưởng, giáo hóa chúng sanh, đạt trí vi diệu. Quẻ tốn là phong, với sự vật là thuyết, với sự chỉ dạy là giáo, với phàm phu là tư, với Thánh hiền là huệ, là đức của ly, màu đỏ, văn chương; là đức của đoài, thanh tịnh, là kim, khẩu, có khả năng thuyết pháp thanh tịnh. Tên Bồ-tát: Mục Thủ, lòng tin thù thắng phân biệt đúng sai, không mê hoặc như quẻ tốn ở đông nam, giờ sửu, là gió, hợp với sao ky. Ky là gió. Vị này chủ yếu tu Bát-nhã Ba-la-mật, dùng trí phân biệt đúng sai phát khởi trí vi diệu mình người. (Mục: khả năng phân biệt đúng sai) đông nam là lúc phân định đúng sai đến giờ ngọ mọi việc đều xong. (Ngọ là sáng suốt). Việc Thiện Tài đi về phía nam cầu học nơi các bậc thiện tri thức là học pháp không, không tạo tác, là công dụng vi diệu. Trong cách biểu hiện địa vị vua tôi, cha con, thầy trò, vua ở phía bắc, bề tôi ở phía nam. Cai trị đúng đắng sáng suốt, là đạo thường không tạo tác. Phía nam là quẻ ly, ở giữa trống, là mắt, sáng, mặt trời, tâm, không phải là mắt tai mũi lưỡi thân tâm nhưng cũng không ngoài những pháp ấy. Đây chỉ là mượn hình ảnh chỉ dạy chúng sanh. Với người đạt đạo, mọi pháp đều là chơn như, nói hay im đều hợp chơn như. Vị này tu mười Ba-la-mật trong thể Bát-nhã Ba-la-mật.

Bốn hàng... phía tây nam... có mười ý như trước. Phương hướng: tây nam, quẻ khôn, giữa giờ mùi thân, khôn là đất, tin thuận, tịnh, chuyên chở, nuôi lớn, mẹ, viên mãn. Khoảng cách như trước. Tên cõi nước: Bảo sắc, tín thứ bảy thành tựu lòng tin bằng phương tiện Ba-la-mật, độ thoát chúng sanh bằng tâm bi như mẹ thương con. Đó là quả của sự thuyết pháp lợi sanh. Tên Phật: Tối Thắng Trí, tâm bi rộng lớn, vào đời dộ sanh như đất nuôi lớn vạn vật. Tên Bồ-tát: Tinh Tấn Thủ, vào đời độ sanh bằng tâm bi không mỏi mệt. Vị này chuyên tu phương tiện Ba-la-mật.

Bốn hàng... phía tây bắc... có mười ý như trước. Phương hướng: tây bắc, quẻ càn. Càn là kim loại, cứng, cha. Khoảng cách như trước.

Tên cõi nước: Kim cang, nguyện Ba-la-mật kiên cố, trí thù thắng của trí thứ tám. Tên Phật: Tự Tại Trí. Trí huệ tự tại như trí của trụ thứ tám... địa thứ tám. Tên Bồ-tát: Pháp Thủ, lợi sanh bằng pháp. Vị này chuyên tu nguyện Ba-la-mật.

Bốn hàng... phía dưới... có mười ý như trước. Phương hướng: phía dưới, là biên giới của phong luân, rất chắc. Giả như có một lực sĩ đánh vào phong luân, kim cang có thể nát vụn, nhưng phong luân vẫn như cũ. Nghĩa là tín thứ chín như trụ... địa thứ chín, dùng pháp giáo hóa chúng sanh, tâm kiên cố như gió. Khoảng cách như trước. Tên cõi nước: pha lê sắc. Vật này có bốn màu: xanh vàng đỏ trắng. Ở đây là màu trắng (bạch tịnh), là pháp thân, trí vi diệu. Tên Phật: Phạn Trí, trí thanh tịnh, Bồ-tát này tạo lợi ích cho mình, người bằng trí thanh tịnh. Tên Bồ-tát: Trí Thủ. Phía dưới là thiền, định tĩnh, khiêm hạ, trí căn bản, phía trên là quán sát, soi rọi như mặt trăng mặt trời trong hư không. Vị này chuyên tu lực Ba-la-mật.

Bốn hàng... phía trên... có mười ý như trước. Phương hướng: phía trên, như mặt trăng, mặt trời, sao trong hư không soi chiếu vạn vật. Trí an trụ pháp không quán sát căn tánh chúng sanh. Khoảng cách như trước. Tên cõi nước: Bình đẳng sắc, phía trên là pháp không, không hình tướng, bình đẳng. Vì này tuy quán pháp không nhưng còn thức phân biệt pháp không nền còn sắc. Tên Phật: Quán Sát Trí. Vị này dùng trí quán sát mình người thân tâm đều không, như bóng. Tên Bồ-tát: Hiền Thủ. mười cõi nước là lý vi diệu, Phật là trí vi diệu, Bồ-tát là hạnh của trí, đạt mười pháp này là Hiền Thủ. Khoảng cách: cách vô số cõi nước bằng số bụi trong mười cõi Phật, là sự dung hợp đan cài như hình bóng, mê thì cách xa ngàn dặm, ngộ thì ngay nơi tâm. Vì mê nên cõi nước ở phương khác, ngộ thì ngay pháp tánh. Khoảng cách chỉ là sự phân biệt của kẻ mê người ngộ nhưng trong pháp giới cõi Phật không có khoảng cách. Số: Bồ-tát cũng mượn số bụi trong cõi Phật để đếm, thể hiện lòng tin cũng như Bồ-tát, dùng trí biết căn tánh chúng sanh, hành hạnh Phổ Hiền, giáo hóa cùng khắp. Đây là trả lời những câu hỏi về cõi Phật, sự an trụ của Phật, sự trang nghiêm. Phần Văn Thù thuyết pháp có bảy ý:

1) (2 hàng) Văn Thù quán sát đại chúng.

2) (3 hàng) khen ngợi bốn sự mầu nhiệm của cõi Phật.

3) (2,5 hàng) các Đức Phật tùy căn tánh chúng sanh thuyết giảng giáo pháp.

4) (3,5 hàng) thân tướng hạnh nguyện độ sanh của Phật.

5) Danh hiệu Phật (vô số Phật với những tên gọi khác nhau. Mười

ngàn là số tròn, là sự rộng lớn bao hàm, danh tự bình đẳng không phân biệt tốt xấu).

6) (4 hàng) khẳng định sự giống nhau của các cõi nước.

7) Đức Phật thuyết giảng hạnh nguyện xưa của mình.

Đây là phần trả lời 28 câu hỏi. Phẩm bốn Thánh đế chỉ dạy tất cả pháp Phật không ngoài bốn đế. Phẩm danh hiệu Như Lai không chỉ nói về sự rộng lớn của danh hiệu Phật mà còn nói về sự rộng lớn của ba nghiệp thân khẩu ý của Phật, Bồ-tát Văn Thù (rõ như trong kinh). Đó là dạy chúng sanh tin mình như Phật nhân quả của mười trụ... địa mười một cũng thế. Ngoài ra phẩm này còn dạy Bồ-tát đạt vị tín, biết danh hiệu rộng lớn của Phật là quả Phật. Phẩm xuất hiện nêu sự tu tập trọn vẹn hạnh quả. Vì thế Như Lai phóng ánh sáng giữa chặn mày chiếu đến đỉnh đầu Văn Thù... (như trước). Hai phẩm lìa thế gian, pháp giới tuy nói sau nhưng ý nghĩa dường như đã có từ trước. Vì trước sau thông suốt, là pháp viên mãn. Phẩm pháp giới là thể của bộ kinh này, là nguồn cội của Thánh phàm. Lần trước tin quả Phật vì Phật Phổ Hiền là điều kiện đầu để chứng đạt, nghĩa là từ hành hạnh Phổ Hiền, thành tựu quả Phật, phát sanh lòng tin. Đã đủ lòng tin, tu tập pháp Phật nên mượn Văn Thù, Như Lai, bốn đế làm nhân quả nghĩa là tu học pháp vi diệu qua văn tự. Vì sao Như Lai không nói quả Phật lại phóng ánh sáng bảo Bồ-tát nói? Vì Như Lai muốn Bồ-tát ở vị nào thuyết giảng pháp môn của vị ấy để chúng sanh dễ hiểu. Văn Thù là điều kiện để chúng sanh tin quả Phật, là mẹ của trí vi diệu. Phổ Hiền là hình ảnh để chúng sanh tu tập. Hai vị đã thành tựu trí không tạo tác, tâm bi rộng lớn nên cùng nhau hỏi đáp. Phẩm Như Lai xuất hiện chỉ dạy nhân quả tánh tướng của trí hạnh là một. Để người phát lòng tin nhưng chưa thấu suốt thể dụng của pháp dễ hiểu.

Phẩm: **BỐN THÁNH ĐẾ**

Phẩm này có ba phần:

1) Tên phẩm.

2) Nghĩa của phẩm.

3) Nghĩa của văn.

Tên phẩm: Đế: thật, Như Lai nói bốn sự thật để chúng sanh tin hiểu. Vì sao chỉ có bốn? Bốn là nhiều, các pháp thế gian không ngoài bốn pháp khổ tập diệt đạo. Đoạn khổ là diệt, đạo là điều kiện để đạt Niết-bàn. Nhị thừa thích sự tịch tịnh, Bồ-tát thích sanh về cõi tịnh và

cho rằng cõi tịnh ở phương khác. Bồ-tát giữ hoặc để độ sanh (nếu không thì không chứng đạt Niết-bàn) hoặc sanh về cõi tịnh ở phương khác. Vì thế Niết-bàn của ba thừa có sự chứng đạt. Ba thừa quan niệm: Đức Phật ngồi trên tòa cỏ dưới cội bồ đề là Phật biến hóa. Đức Phật ở tòa sen đỏ cõi Ma-hê-thủ-la là Phật thật. Vì thế Bồ-tát chán ghét, ba thừa thích diệt đạo, ghét khổ tập. Bốn Thánh đế của kinh này là thật nghĩa. Vì tánh khổ là chơn, không chán ghét, không phân biệt cõi Phật, người tu đạo không thích Niết-bàn, không ghét sanh tử, an trụ pháp thật, tu pháp thật, không thương ghét vui buồn, như pháp giới không qua lại, không an trụ, tất cả cõi nước đều thuộc pháp giới. Đó là sự khác biệt của bốn Thánh đế trong một thừa và ba thừa, và là sự an lập tùy khả năng chúng sanh của Như Lai, phàm phu không biết được. Bồ-tát hành đạo bằng lòng tin cũng chưa hiểu. Kinh pháp hoa chép: với Thanh văn Phật nói pháp tứ đế, với duyên giác Phật nói 12 duyên sanh, với Bồ-tát Phật nói Ba-la-mật. Phẩm mười địa kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát địa thứ năm quán mười đế từ thể bốn đế, Bồ-tát địa thứ sáu quán 12 duyên. Tất cả đều từ bốn đế và 12 duyên. Với phàm Thánh tin pháp Phật nhưng chưa thành tựu tâm độ sanh, Phật dạy quán khổ của mình người, phát tâm cầu pháp Phật. Vì sự hiểu biết của chúng sanh khác nhau nên cách trình bày bốn đế và 12 duyên cũng khác. Đó là ngữ nghiệp rộng lớn của Như Lai. Kinh Anh Lạc nêu chín thừa pháp biểu hiện sự tu tập chứng đạt bốn đế 12 duyên khác nhau:

1) Thanh văn thanh văn.

2) Thanh văn duyên giác.

3) Thanh văn Bồ-tát (trong ba thừa, mỗi thừa đủ ba, cộng thành chín, cả thừa bất tư nghi là 10) thừa nào cũng đạt quả viên mãn, không có khổ của ba cõi. Chúng sanh khác đều ở trong pháp sanh diệt của trời người, tuy hưởng diệu lạc nhưng không thoát khổ. Ba thừa tuy vượt ngoài ba cõi nhưng không đạt chơn như, chưa thành Phật. Nghĩa của văn: 12 đoạn: 11 đoạn đầu nói về bốn đế, từ bốn đế phân thành các pháp năm uẩn, 12 duyên, 84000 pháp giải thoát khổ não. Đây là pháp tu của vị tín. Phẩm Quang minh giác hiện cõi Phật và hạnh nguyện rộng lớn. Từ thể trí căn bản, mười tín tu tập.

Phẩm: QUANG MINH GIÁC

Phẩm này cũng phân ba ý:

1) Tên phẩm.

2) Ý nghĩa của phẩm.

3) Nghĩa văn.

Tên phẩm: Quang minh giác, ánh sáng Phật chiếu soi tất cả cõi nước trong pháp giới hư không. Trí thân pháp thân, hạnh nguyện của chúng sanh cũng thế. Nhờ ánh sáng ấy; chúng sanh phát lòng tu tập, người tu thấy tâm mình là pháp thân. Mười tín an nhập trụ thứ nhứt phải quán chiếu thấy rõ tâm cảnh là một, không phân biệt trong ngoài. Nếu không quán chiếu thì không đạt hạnh nguyện Phổ Hiền, thần thông của Phật. Ý nghĩa của phẩm: nhờ ánh sáng giác ngộ, mười tín tin thân tâm cảnh giới cùng khắp, đâu đâu cũng là Phật Bất Động Trí, là Văn Thù, Giác Thủ... vì ba nghiệp của mười tín như Phật. Mười Đức Phật là quả nơi tâm, Văn Thù là trí vi diệu nơi tâm, chín Bồ-tát là hạnh, mười cõi nước là pháp. Nghĩa văn: 24,5 hàng phân thành năm:

1) Nơi ánh sáng phóng.

2) Khoảng cách ánh sáng chiếu đến.

3) Bồ-tát các nơi tu tập.

4) Cõi Phật trí Phật.

5) Văn Thù nói kệ.

Nơi ánh sáng phóng: kinh dạy: "Bấy giờ, từ tướng bánh xe dưới chân Phật phóng trăm ức ánh sáng". Đó là ánh sáng Phổ chiếu diệu thập phương tạng được phóng từ hướng lông trắng giữa chặn mày của lần thuyết thứ nhứt, dạy các Bồ-tát an nhập tín vị... năm vị. Từ đó Bồ-tát tuần tự tu tập đạt vô số phước đức. Tạng có hai ý:

1) Chúng sanh có khả năng lãnh thọ pháp này, như Bồ-tát Văn Thù khen Thiện Tài: lành thay! Công đức tạng! Ông đã đến đây.

2) Bi trí pháp thân ánh sáng này chiếu soi chúng sanh căn lành trong mười phương, thành tựu bi trí lớn đem lợi ích cho mọi loài. Ánh sáng được phóng từ tướng bánh xe là ánh sáng phóng từ tướng lông trắng giữa chặng mày của Phật, chiếu khắp mười phương, nhập vào chân Phật. Nghĩa là dùng ánh sáng mười địa tạo mười tín. Ánh sáng phóng từ bàn chân biểu hiện quả là điều kiện đầu tiên để thành tựu vị tín. Về mười trụ, ánh sáng phóng từ đầu ngón chân Phật vì mười trụ vừa khế hợp chơn như, vào dòng Thánh, sanh trong nhà Phật (mười hạnh... mười địa như trước). Tất cả đều dùng quả làm nhân, tu tập thành quả nhưng bản thể của nhân quả không thay đổi. Ánh sáng từ tướng bánh

xe dưới bàn chân là nêu quả tạo lòng tin. Người tu hành nương thể của quả để thành thục hạnh nguyện. Sáu lần phóng ánh sáng là sự dung hợp hành tướng sáu vị. Phẩm pháp giới, Như Lai lại phóng ánh sáng giữa chặng mày là nói về sự tu tập năm vị và sự chứng minh của Như Lai, tất cả không ngoài thể pháp giới. Phẩm này là cội nguồn của các Đức Phật quá khứ hiện tại vị lai, là bản thể của tất cả các pháp. Khoảng cách ánh sáng chiếu đến (như trước).

Hỏi: vì sao không cùng lúc chiếu khắp mười phương, lại phải chiếu tuần tự từng phương?

Đáp: đó là tuần tự trong cùng lúc, vì trong pháp giới không có trước sau, tuần tự là sự tăng tiến của mười tín. Bồ-tát các nơi tập hợp là hạnh nguyện tu tập rộng lớn. Cõi nước và mười Đức Phật là trí đức rộng lớn của mười tín. Văn Thù nói kệ là trí vi diệu phân biệt của mười tín. Chúng sanh cũng có trí ấy. Mười cõi nước, mười Đức Phật, mười Bồ-tát đều là trí hạnh vốn có của mỗi người. Mười tín từ thể tánh này tu tập các vị. Vì thế dù đầu hay cuối đều là một. Trong hai pháp ấy, pháp thứ nhứt khó đạt. Vì trước phải độ mình, sau mới độ chúng sanh. Người mới phát tâm là thầy của trời người, vượt trên Thanh văn Duyên giác như kinh Niết-bàn đã nói: pháp khó đạt là phàm phu khó đạt mười tín. Phàm phu cho rằng Phật Bất Động Trí ngoài tâm. Khi đã đạt mười tín, dễ dàng tu tập mười trụ... quả Phật. Trong ba thừa, người tu mười tín phải trải qua mười ngàn kiếp. Ở đây trí căn bản là thể của giáo pháp. Chỉ cần thấu hiểu thật pháp thì không kể đến kiếp số như hai ngàn chứng ở phía đông thành giác, sáu ngàn Tỳ kheo độ được trên đường đến thành Giác là hạng thông trí, nghe ít hiểu nhiều, khiêm hạ nhân từ, luôn học đạo lớn đem lại lợi ích cho chúng sanh, là những người một đời thành tựu lòng tin tu tập các vị: nếu không tin Phật từ tâm thì luân hồi mãi, không độ thoát chúng sanh. Kinh dạy: không bao giờ có việc người bị trói lại cởi trói cho kẻ khác. Người phát tâm có hai ý:

1) Tin hiểu tu tập (như mười Đức Phật và mười Bồ tát).

2) Đủ lòng tin, phát tâm tu tập pháp khác.

- Phần kệ của phẩm này có hai ý:

1) Văn Thù nói mười câu kệ khen ngợi công đức Như Lai để mười tín tin hiểu rõ hơn.

2) Người tăng trưởng lòng tin thì ánh sáng chiếu xa hơn như việc quán sát cõi nước mười phương trống không, tâm quán sát ấy không trong ngoài, không biến đổi mười đức của Như Lai mà Văn Thù nói kệ khen là:

1) (10 hàng) pháp thân không thể tánh.

2) (10 hàng) lòng từ bi rộng lớn, vì chúng sanh phát tâm cầu đạo giác.

3) (10 hàng) như Lai chỉ dạy chúng sanh bằng vô số pháp sâu xa;

4) Như Lai hiểu rõ sự huyễn ảo của các pháp, tùy thuận hiện thân độ thoát chúng sanh.

5) Công đức độ sanh, khuyên Bồ-tát hành mười hạnh.

6) (15 hàng) tướng, không tướng, tùy công đức của chúng sanh Như Lai hiện tướng.

7) (10 hàng) vô số đức tự tại không nương tựa, dạy mười tín phát tâm tu tập.

8) (20 hàng) phương tiện trí tuệ.

9) (20 hàng) đức tinh tấn.

10) (20 hàng) tánh chơn thật không phân biệt ba đời, là pháp không hai.

Phẩm Quang minh giác nêu pháp đạt quả Phật để mười tín tin mình như Phật. Pháp thân, trí bất động rộng lớn cùng khắp, từ xưa đến nay không phân biệt mình người. Phàm Thánh đều có từ tánh không, đủ trí bi nguyện, trí Văn Thù, hạnh Phổ Hiền đều là thể dụng viên mãn. Vì mười tín nương 140 nguyện lớn cùng lúc tu tập đạt pháp thân trí thân huệ thân pháp thân là mười cõi nước, trí thân là mười Đức Phật, huệ thân là Văn Thù, đại bi là 140 nguyện. Như phẩm vấn minh: sau khi tin, hỏi đáp các pháp, thành tựu sức tin và tinh tấn tu tập. Vì sao mười tín do Văn Thù nói? Vì Văn Thù là trí huệ vi diệu phân biệt đúng sai của các Đức Phật. Khi đã phân biệt được đúng sai mới tu tập hạnh Phổ Hiền. Bồ-tát Văn Thù là người thầy chỉ dạy chúng sanh tu tập pháp mười tín.

Hỏi: trong năm vị, Bồ-tát nhập định, xuất định thuyết giảng vì sao mười tín không như vậy?

Vì tín là tâm sanh diệt của phàm phu, chưa chứng nhập. Năm vị dung hợp thể tánh chơn như, không dụng công nhưng luôn hiểu hiện, không tu tập bằng vọng tình.

Phẩm: **BỒ TÁT VẤN MINH**

Phẩm này cũng có ba phần như các phẩm: tên: thành tựu mười căn tăng trưởng mười lực, Văn Thù, Giác Thủ... mười Bồ-tát cùng hỏi đáp mười pháp; Ý nghĩa của phẩm: mười tín tu tập, đoạn trừ nghi hoặc; Nghĩa văn: 11 đoạn; sự hỏi đáp mười pháp của các Bồ-tát, Bồ-tát Văn Thù hỏi, mười Bồ-tát trả lời bằng kệ để mười tín tu học theo. Đoạn cuối: mười phương đều như vậy. 1) (6hàng) Bồ-tát Văn Thù nêu 20 câu hỏi về nhân quả thiện ác. 11 hàng kệ là phần trả lời của Bồ-tát Giác Thủ. Hàng đầu: công đức người hỏi, 10 hàng sau: trả lời câu hỏi. Văn Thù căn cứ nghiệp không hiểu biết tạo ra nhân quả thiện ác của thế gian để hỏi. Giác Thủ dùng lý chơn thật trả lời. Vì không hiểu lý chơn thật nên tạo nghiệp. Với người hiểu thật lý, nghiệp là chơn như. Hàng thứ 11 nêu ví dụ không chấp vọng chơn. 11 hàng kệ được phân thành ba ý: 1) Nghĩa của kệ; 2) Tên Bồ-tát; 3) Nhân quả.

Nghĩa của kệ (hàng đầu): công đức người hỏi, chỉ rõ tánh không của các pháp; (hàng thứ 2) nêu ví dụ nước không tự biết. Tên Bồ-tát: Giác Thủ, hiểu rõ thể của nghiệp sanh tử là chơn như không lưu chuyển, mắt tai mũi lưỡi thân ý không ở trong sanh tử, không hư vọng, không chơn thật, hiểu chơn như là không tham sân si, đủ trí vi diệu, chỉ dạy chúng sanh. Đó là tự ngộ, giác ngộ cho chúng sanh. Giác là tự giác ngộ, chỉ dạy chúng sanh giác ngộ trong pháp giới nhân quả vô minh là chơn như, bỏ tâm phân biệt chơn vọng, Thủ là tin pháp. Nghĩa là tín thứ nhứt tin hiểu sáu căn của mình, chúng sanh là trí Phật. Vì thế mười Đức Phật là quả nơi tâm, mười cõi nước là lý, mười Bồ-tát là hạnh, từ hạnh có tâm, nhờ tên biết hạnh. Cõi Diệu Sắc là lý chứng ngộ của Bồ-tát Giác Thủ. Phật Vô ngại trí là quả Bồ-tát Giác Thủ tu tập hướng đến. Nhân quả: Phật Bất Động Trí là nhân, Phật Vô Ngại Trí là quả.

Bồ-tát Văn Thù hỏi Bồ-tát Tài Thủ về mười phương tiện độ sanh của Như Lai. Sau khi thành tựu lòng tin, Tài Thủ căn cứ nơi thật pháp trả lời Văn Thù. Tùy thuận thời cơ là giả. Phần này có mười hàng kệ được chia thành ba ý như trước: nghĩa của kệ: Hai câu đầu: công đức người hỏi. Hai câu tiếp: trả lời câu hỏi. Tên Bồ-tát: Tài Thủ, thông đạt pháp chơn giả, chỉ dạy chúng sanh. Pháp là điều hiện quang trọng để mười tín tu tập. Cõi nước tên Liên Hoa là Bồ-tát thuyết pháp độ sanh, mình người không đắm nhiễm. Phật Diệt Ám Trí là thuyết pháp phá trừ mê chấp, thành tựu trí huệ, là quả của tín. Tài Thủ là hạnh của mười tín. Nhân quả: Phật Bất Động Trí, Văn Thù là nhân, Phật Diệt Ám Trí là quả.

Bồ-tát Văn Thù hỏi Bảo Thủ vì sao bốn đại có ngã, sở hữu của ngã. Mười hàng kệ là Bồ-tát Bảo Thủ trả lời mười câu hỏi:

1) Thể tánh không phân biệt.

2) Quả tốt xấu của nghiệp (hiểu được bản thể thì không có nghiệp, ngược lại không hiểu bản thể nên tạo nghiệp... 10 hàng kệ được phân ba ý như trước: nghĩa của kệ: Hai câu đầu nêu quả có từ hạnh, hai câu sau nêu thể tánh của nghiệp là chơn, không sở hữu. Với người thông hiểu các pháp, nghiệp là không, pháp là nghiệp là một. Tên Bồ-tát: Bảo Thủ, vì hiểu nghiệp là thể của các pháp nên không tạo nghiệp. Đó là pháp bảo, là hạnh đầu của sự độ sanh. Phật Oai Nghi Trí, lợi sanh bằng oai nghi phép tắc. Cõi nước tên Chiêm Bặc Hoa (như trước) (phần hỏi về phương bắc như đã nói ở trước). Nhân quả: Phật Bất Động Trí là nhân, Phật Oai Nghi Trí là quả.

Bồ-tát Văn Thù hỏi Đức Thủ về pháp Như Lai chứng ngộ. 10 hàng kệ là phần trả lời của Đức Thủ, phần này cũng được chia ba ý như trước. Nghĩa của kệ: hàng đầu thật nghĩa sâu xa của câu hỏi. Chín hàng sau nêu sự tu tập từ tánh pháp giới, tánh hạnh hòa hợp, không nên vướng mắc một pháp nào. Tên Bồ-tát: Đức Thủ, hiểu tánh pháp giới, đoạn trừ tham ái phiền não, tu tập pháp lành. Cõi nước tên Thanh Liên Hoa. Vì vị này tu thiền Ba-la-mật, tâm thanh tịnh không nhiễm ô, không tham sân si. Phật Minh Tướng Trí, đạt tâm thanh tịnh (như quẻ cấn... đã nói ở trước). Nhân quả: Phật Bất Động Trí là nhân, Phật Minh Tướng Trí là quả.

Văn Thù hỏi Mục Thủ về phước đức của Như Lai. 10 hàng kệ là phần trả lời của Mục Thủ, cũng có ba ý như trước. Nghĩa của kệ: phước đức của Phật là một, vì sao quả báo bố trí khác nhau? Phước đức của Phật và quả của bố thí đều khác nhau. Phước đức của Phật khác nhau chính là thân tướng sai khác của Như Lai và sự trang nghiêm sai khác của cõi Hoa Tạng. Thân với 97 tướng tốt là trí thể của pháp thân, vô số vẻ đẹp là quả báo tùy hạnh nguyện. Như đất kim cang trong cõi Hoa Tạng là chánh báo, vật trang trí trong cõi ấy là y báo (cung điện... như ở trước đã nói). Trong y báo và chánh báo có vô số sự giống khác. Đây là xét nhân biết quả. Thể tánh tuy một nhưng công dụng sai khác. Phước đức bố thí sai khác là do tâm, hạnh sai khác của chúng sanh. Tên Bồ-tát: Mục Thủ, tu tập đạt trí sáng, thông hiểu nhân quả phước đức. Nhân quả. Phật Bất Động Trí là nhân, Phật Cứu Cánh Trí là quả.

Văn Thù hỏi Cần Thủ về giáo pháp của Phật là một, vì sao có việc đoạn, không đoạn phiền nào? 10 hàng kệ là phần trả lời của Bồ-

tát Cần Thủ, cũng có ba ý như trước; nghĩa của kệ: hàng đầu: khuyên nghe pháp; hàng thứ hai: tu tập tám hàng sau: chê trách sự lười biếng. Tên Bồ-tát: Cần Thủ, siêng năng tu tạo phước đức. Phật Tối Thắng Trí: siêng năng tu tập đạt trí thù thắng. Nhân quả. Phật Bất Động Trí là nhân, Phật Tối Thắng Trí là quả.

Văn Thủ hỏi Pháp Thủ về việc Phật dạy người tu học đoạn trừ tất cả phiền não, vì sao có người tu học nhưng không đoạn phiền não? 10 hàng kệ là phần trả lời của Pháp Thủ, cũng có ba ý. Nghĩa của kệ: câu đầu: khuyên nghe pháp, câu hai: hỏi; hai câu tiếp: trách người học nhiều nhưng không tu tập. Chín hàng sau: trách người học nhiều nhưng tâm không chuyên nhứt thì không đoạn trừ phiền não. Tên Bồ-tát: Pháp Thủ, tuy ở trong sanh tử nhưng siêng năng cầu học chánh pháp, lợi mình lợi người. Cõi nước tên kim cang sắc: siêng năng không mệt mỏi. Phật Tự Tại Trí: siêng năng quán sát thông đạt lý tánh. Nhân quả: Phật Bất Động Trí là nhân, Phật Tự Tại Trí là quả.

Văn Thù hỏi Trí Thủ: trí là điều kiện chủ yếu để đạt giải thoát, vì sao ở đây lại khen đức bố thí? (Nghĩa là các pháp Ba-la-mật, bốn tâm rộng lớn... vốn không, vì sao lại có công dụng?) 10 hàng kệ là phần trả lời của Bồ-tát Trí Thủ, cũng có ba ý. Nghĩa của kệ: hàng đầu: người hỏi và nghe pháp. Chín hàng sau: Bồ-tát Trí Thủ nói rõ pháp trợ đạo chỉ là thuốc tùy bệnh chữa trị. Nếu không tu học thì không thành tựu tánh bồ đề, nhưng khi lành bệnh phải bỏ thuốc. Tên Bồ-tát: Trí Thủ: trí biết căn tánh, tùy bệnh cho thuốc. Dùng thuốc 37 phẩm trợ đạo chữa bệnh chúng sanh, phát khởi tánh bồ đề, đạt trí căn bản. Cõi nước tên Pha lê sắc nghĩa là 37 phẩm trợ đạo có khả năng phát khởi chơn như. Phật Phạm Trí: tâm như mặt đất nuôi lớn vạn vật nhưng luôn yên định. Nhân quả: Phật Bất Động Trí là nhân, Phật Phạm Trí là quả.

Văn Thù hỏi Hiền Thủ về việc các Đức Phật từ một pháp giác ngộ. Vì sao ở đây có vô số pháp? 10 hàng kệ là phần trả lời của Hiền Thủ, cũng có ba ý như trước.

■

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 16

Nghĩa của Kệ: Hai hàng đầu: khen ngợi pháp mầu với một pháp, một thân, một trí. Tám hàng còn lại có bốn ý:

1) Sự sai khác của cõi Phật là do tâm hồi hướng. Vì hồi hướng là vị tùy căn tánh để đem lại lợi ích cho mọi loài, tùy cõi nước thiết lập giáo pháp.

2) Lõi thật báo của Phật không thể thấy bằng hạnh.

3) Sự khác biệt của chúng sanh là do tâm nghiệp của chúng sanh, không phải do Phật.

4) Với thần lực, Phật tùy căn tánh của chúng sanh hiện pháp. Tên Bồ-tát: Hiền Thủ: đạt mười tín, tin quả Phật và thể tánh của tâm mình là một, hiểu rõ sự thông, tắc của mọi việc, đạt vị hiền. Tâm cảnh của vị này như hư không dung chứa tất cả không ngăn ngại. Đó cũng là công đức của bậc hiền. Cõi nước tên Bình Đẳng: thân tâm như hư không; Đức Phật tên Quan Sát Trí: với trí vi diệu rồng lặng, vị này quán các pháp đều trống không, không đắm nhiễm. Nhân quả: Phật Bất Động Trí là nhân, Phật Quan Sát Trí là quả. Vì thể dụng viên mãn, nhân quả là một. Vì thế nói: một thân, một tâm, một trí của Như Lai. Nhân quả khế hợp không trước sau.

Hỏi: vì sao đầu phần kệ thường nêu Văn Thù?

Đáp: Vì Văn Thù là trí huệ của Phật. Bất Động Trí là thể, Văn Thù là dụng. Thể dụng nhân quả của chúng sanh Phật là dụng thể nhân quả của lòng tin. Từ đó dạy chúng sanh nương pháp căn bản. Dù đạt quả viên mãn, nhân quả ấy vẫn là một. Vì mười tín là pháp người đời khó tin nhập. Nghe điều nầy, vẫn có người tự cho mình là phàm phu, khó thành Phật. Người tin một phần là tích tụ thần thông đạo lực. Vì vậy hãy tin hiểu đúng. Có tin hiểu đúng mới tu tập đúng, Vô minh dần giảm, trí huệ dần tăng. Có tin hiểu sự sâu cạn của pháp mới đạt thần thông rộng đức. Nếu không tin làm sao đạt được? Tuy dần dần nhưng là một sát na, một tánh pháp, một trí huệ, không nương tựa, không chứng đắc. Chỉ

vì quen sống trong vô minh nên khó khế hợp chơn như một cách thuần thục, dần dần nhưng không trước sau nhanh chậm.

Mười các Bồ-tát hỏi Văn Thù, 10 hàng Kệ là phần trả lời của Văn Thù, có ba ý: nghĩa của Kệ (như Kinh). Tên Bồ-tát: Văn Thù sư lợi: Diệu Đức. Tái vi diệu phân biệt đúng sai (quẻ chấn như trước). Trí vi diệu là điều kiện phát sanh mười tín, các đức Phật đều tin hiểu, trọn vẹn hành nguyện bằng trí này. Cõi nước tên Kim Sắc: thể của nhân quả là phép thanh tịnh. Phật tên Bất Động Trí: Vô minh vốn không, không gì lay động, tùy cảnh biết pháp, tùy người biết khả năng như âm vang theo tiếng, không có nơi chốn hình thể là trí, không lấy bỏ là Bất Động: Nhân quả: Trí vì diệu là nhân, Phật Bất Động là quả Song nhân quả tác động lẫn nhau. Nếu dùng trí phân biệt các pháp thì trí là nhân. Bất Động là quả. Nếu phân biệt huệ phát sanh từ trí thì Bất Động là nhân, trí vi diệu là quả. Trí và huệ cũng không phải là nhân quả, kỳ thể tánh không đầu mối, không thể nắm bắt được. Đó là sự tự tại của pháp giới, không như nhân quả so sánh của thế gian. Dù mới phát tâm hay thành tựu quả Phật, hai trí ấy vẫn không thay đổi. Đó là mượn trí Phật giác ngộ chúng sanh, để chúng sanh đạt trí Phật. Sự khác biệt của cõi Ta bà và mười phương đều được biểu hiện qua thần lực Phật (như phần hỏi đáp của Văn Thù và các Bồ-tát đương vị). Trong các cõi Phật, cõi kim sắc của Phật Bất Động Trí là cõi Phật an trụ, chín cõi nước và chín đức Phật khác là sự trang nghiêm, là pháp tánh. Mười địa, Như Lai xuất hiện là thành chánh giác, thanh tịnh pháp Phật.

Phẩm bốn đế có sáu ý:

1) Tên Bồ-tát: hạnh nguyện của Bồ-tát.
2) Cõi nước: lý chứng đạt.
3) Tên Phật: trí đạt đươc.
4) Phương hướng pháp chứng.
5) Thành tựu hạnh nguyện của mười tín.
6) Sự giống khác của mười tín.

Phẩm: TỊNH HẠNH

Có bốn phần: Tên phẩm: Tịnh hạnh sau khi phát tâm bồ đề, tin hiểu chánh pháp, đoạn từ tham sân si, thành tựu nguyện lớn, tăng trưởng tâm bi. Nếu đoạn sân... bằng ba không thì không có tâm bi, không thành tựu hạnh Phổ Hiền như muốn đi mà không bước thì không thể đến, muốn hành tâm bi phải hành hạnh Phổ Hiền. Hạnh rộng lớn hiểu rõ mọi pháp, tu 140 nguyện làm hành trang cho muôn hạnh, thấy các pháp thế gian là thanh tịnh, nhập hạnh Phổ Hiền. Nếu không phát nguyện dù đoạn phiền não vẫn thuộc nhị thừa, là Bồ-tát sanh về cõi tịnh 140 nguyện ấy sẽ biến pháp thế gian thành hạnh Phổ Hiền, trang nghiêm cõi nước, thành tựu căn lành. Nghĩa phẩm: sự thành tựu hạnh nguyện của mười tín. Tất cả đều không ngòai nguyện lớn. Tông chỉ cõi pha lê sắc, Phật Bất Động Trí là trí thanh tịnh không nhiễm ô của Phật, là người hỏi. Văn Thù là trí phân biệt đúng sai, là người nói. Trí căn bản của Phật là người hỏi người đáp 140 nguyện lớn thành tựu Phật tín... địa mười một, là hạnh Phổ Hiền. Dùng trí thanh tịnh hỏi trí vi diệu nói 140 nguyện về vô minh, tịnh nhiễm của sáu vị, địa bảy còn sự hiền lành của pháp chấp, mười địa còn chưng tử chấp pháp, địa mười một còn hai ngu. Song ngay vị tin đã đoạn trừ vọng chấp ấy. Dùng nguyện lực phòng hộ tâm, tự tại trước động tịnh. Nhưng nơi trí vi diệu thanh tịnh căn bản của Phật giảng 140 nguyện lớn ngăn chặng hai chướng diễn tịnh. Dùng 140 nguyện ngăn chặn 140 phiền não tịnh nhiễm của sáu vị. Tin tấn tu tập đạt bản thể của nguyện, đủ trí vi diệu và trí căn bản, hiểu rõ động tịnh đều là chơn. Vị thế cõi Hoa Tạng được tồn tại bởi vô số phong luân như cát bụi của núi Tu diện. Sự trang nghiêm của cõi nước nầy là do phong luân đại nguyện giữ gìn hạnh, nhờ hạnh tạo quả, qủa tồn tại nhờ nhân Nghĩa là nhờ ước nguyện kiên cố nên có phong luân nâng cõi nước. Sự trang nghiêm của cõi Hoa Tạng là do nguyện lực của Phổ Hiền. Nếu không có nguyện thì không thành hạnh, không có sự trang nghiêm không được quả vì thế mười tín tu tập dựa trên bi trí, hạnh nguyện của Phật. Nếu ngòai Phật có pháp khác thì không có tín, không có Phật thắng giải, không tu hành. Dù siêng năng tin tấn vẫn chỉ là tà pháp. Dù trải qua nhiều kiếp khổ hạnh tu tập, nhưng chỉ một niệm tham sanh sẽ thiêu đốt tất cả. Vì thế văn sau của phẩm nầy chép: An trụ nơi đạo của các đức Phật ba đời tùy thuận gần gũi chúng sanh, thông đạt pháp tướng, đoạn ác, tu thiện, đủ hạnh nguyện Phổ Hiền. Nghĩa Văn có hai. Nghĩa Phẩm có 14 đoạn:

1) 110 câu hỏi về nghiệp thế gian.

2) Chủng tộc đầu trong mười cụ túc. Cụ túc có hai nghĩa: Thế

gian: sanh tróng nhà nào đó; xuất thế gian: sanh trong nhà Phật, đủ tánh Phật, thân tướng nội tâm đều là dòng Phật không thuộc thế gian.

3) Mười trí thù thắng của xuất thế gian.

4) Mười lực (nhân lực: đời đời tự tại phát tâm bồ đề; Dục lực: vui thích tâm bồ đề không thoái chuyển; phương tiện lực: nhờ nguyện giác ngộ, không phí công sức, giác ngộ chúng sanh không còn sanh tử. Duyên lực: hiểu rõ chủ thể đối tượng diệu là điều kiện phát sanh mười tín, các đức Phật đều tin hiểu, trọn vện hạnh nguyện bằng trí này. Cõi nước tên Kim Sắc: Thể của nhân quả là pháp thanh tịnh. Phật tên Bất Động Trí: vô minh vốn không, khô gì lay động, tùy cảnh biết pháp, tùy người biết khả năng như âm vang theo tiếng, không có nơi chốn hình thể là trí, không lấy bỏ là Bất Động. Nhân quả: Trí vi diệu là nhân, Phật Bất Động là quả. Song nhân quả tác động lẫn nhau. Nếu dùng trí phân biệt các pháp thì trí là nhân, Bất Động là quả. Nếu phân biệt hệu phát sanh từ trí thì Bất Động là nhân, trí vi diệu là quả. Trí và huệ cũng không phải là nhân quả, vì thể tánh không đầu cuối, không thể nắm bắt được. Đó là sự tự tại của pháp giới, không như nhân quả so sánh của thế gian. Dù mới phát tâm hay thành tựu quả Phật, hai trí ấy vẫn không thay đổi. Đó là mượn trí Phật giác ngộ chúng sanh, để chúng sanh đạt trí Phật 11. Sự khác biệt của cõi Ta bà và mười phương đều được hiển hiện qua thần lực Phật (như phần hỏi đáp của Văn Thù và các Bồ-tát thượng vị) Trong các cõi Phật, cõi Kim Sắc của Phật Bất Động Trí là cõi Phật an trụ; chín cõi nước và chín đức Phật khác là sự trang nghiêm, là pháp tánh. mười địa, Như lai xuất hiện là thành chánh giác, thanh tịnh pháp Phật.

5) Phần sau hỏi về Duyên lực: hiểu rõ chủ thể đối tượng diệu là điều kiện phát sanh mười tín, các đức Phật đều tin hiểu, trọn vện hạnh nguyện bằng trí này. Cõi nước tên Kim Sắc: Thể của nhân quả là pháp thanh tịnh. Phật tên Bất Động Trí: vô minh vốn không, khô gì lay động, tùy cảnh biết pháp, tùy người biết khả năng như âm vang theo tiếng, không có nơi chốn hình thể là trí, không lấy bỏ là Bất Động. Nhân quả: Trí vi diệu là nhân, Phật Bất Động là quả. Song nhân quả tác động lẫn nhau. Nếu dùng trí phân biệt các pháp thì trí là nhân, Bất Động là quả. Nếu phân biệt hệu phát sanh từ trí thì Bất Động là nhân, trí vi diệu là quả. Trí và huệ cũng không phải là nhân quả, vì thể tánh không đầu cuối, không thể nắm bắt được. Đó là sự tự tại của pháp giới, không như nhân quả so sánh của thế gian. Dù mới phát tâm hay thành tựu quả Phật, hai trí ấy vẫn không thay đổi. Đó là mượn trí Phật giác ngộ chúng sanh, để chúng sanh đạt trí Phật 11. Sự khác biệt của cõi Ta bà và mười

phương đều được hiển hiện qua thần lực Phật (như phần hỏi đáp của Văn Thù và các Bồ-tát thượng vị) Trong các cõi Phật, cõi Kim Sắc của Phật Bất Động Trí là cõi Phật an trụ; chín cõi nước và chín đức Phật khác là sự trang nghiêm, là pháp tánh. mười địa, Như lai xuất hiện là thành chánh giác, thanh tịnh pháp Phật.

thiện xảo (uẩn thiện xảo: đủ năm uẩn như người đời nhưng không chấp năm uẩn giới thiện xảo: sanh trong ba cõi 18 giới nhưng không nhiễm; xứ thiện xảo: ba cõi sáu nẻo là xứ, thiền định giải thoát không thuộc xát. Sống trong pháp thế nhưng không đắm nhiễm. Duyên khởi thiện xảo: sống trong 12 duyên nhưng không bị trói buộc. Dục sắc vỏ sắc giới thiện xảo: sống trong ba cõi nhưng không chấp. Quá hiện vi thiện xảo: tự tại trước sự dung nhiếp của ba đời).

6) Bảy giác và ba không.

7) Sáu độ bốn tâm vô lượng.

8) mười lực.

9) mười vua ủng hộ (quả Phật và hạnh nguyện).

10) Hạnh lợi sanh.

11) Pháp làm người thù thắng trong chúng sanh.

12) Văn Thù nghe 110 câu hỏi, khen tài năng của Trí Thủ.

13) 140 nguyện, trả lời những câu hỏi trước để so tín thanh tịnh thân ngữ ý.

14) Nương pháp tu tập đạt lợi ích, biến 140 pháp thế giant hành 140 nguyện, tâm tu tập của mười tín. Tuy là tâm hữu vi nhưng đủ khả năng thành tựu mười trụ. Trí bi hành nguyện của năm vị sau đều bắt nguồn từ đây. Nếu Bồ-tát tu tập thiếu những nguyện lớn thì sự giải thóat đạt được chỉ là hạnh của Thanh Văn Độc giáo, chỉ sanh về cõi tịnh, không có nhân thành Phật. Vì thế Bồ-tát phát tâm trong Minh này phải tâm hữu vi ấy, thành tựu lý tú.

Phẩm: **BỐN ĐẾ**

Có sáu ý:

1) Tên Bồ-tát: hạnh nguyện của Bồ-tát.

2) Cõi nước: lý chứng đạt.

3) Tên Phật: trí đạt được.

4) Phương hướng pháp chứng.

5) Thành tựu hạnh nguyện của mười tín.

6) Sự giống khác của mười tín.

Phẩm: **HIỀN THỦ**

Có năm phần. Tên phẩm: Hiền Thủ: (tên Bồ-tát đặt theo hạnh nguyện, tên phẩm đặt theo pháp và hạnh mà Bồ-tát thuyết giảng) Tin hiểu nhân quả của Như Lai, hạnh Phổ Hiền và năm vị. Tâm nhu thuận, tỉnh giác, chân thật, thích làm lành lợi ích chúng sanh. Từ phàm phu thông đạt nhân quả lý trí của pháp giới, thành tựu lòng tin bằng nhân quả của Phật, Văn Thù, Phổ Hiền. Nghĩa phẩm: công đức hạnh nguyện hướng đến quả Phật của mười tín. Tông chỉ: phát lòng tin, đạt phước đức. Sự tiến thoái của mười tín: có hai cách giải thích. Về ba thừa, ba cách phát tâm trong luận khởi tín: thành tựu lòng tin, tin hiểu tu hành, chứng nhập. Thành tựu lòng tin: từ thân chúng sanh tu tập căn lành, tin nghiệp quả, chán khổ sanh tử, cầu pháp bồ đề vô thượng, được gặp Phật, phụng sự cúng dưỡng, tu tập suốt một kiếp. Hoặc từ tâm bi phát tâm tu tập, hoặc phát tâm hộ pháp khi chánh pháp sắp diệt. Người phát tâm nhập chánh định tu không thoái chuyển, đủ nhân an trụ pháp Như Lai. Tin hiểu: suốt một kiếp tu tập, Bồ-tát hiểu rõ pháp chơn như, tu nhưng không chấp tướng. Chứng nhập: chơn như là pháp mà từ khi thanh tịnh tâm đến lúc trọn vẹn hạnh Bồ-tát chứng nhập. Cảnh giới là do thức chuyển, ở đây không có cảnh giới, chỉ có trí chơn như, pháp thân. Luận Khởi tín dạy: nếu chúng sanh những kẻ đầy dẫy phiền não tu tập pháp lành nhỏ gặp Phật cúng dường thì đạt quả trời người nhị thừa. Đối với pháp đại thừa, chúng sanh không kiên định. Người phát tâm bằng cách nương người khác, nương pháp nhị thừa, hạnh giải không thật, còn thấy chứng đắc đều là người còn thoái chuyển. Hơn nữa: có bốn phương tiện để người tu tập pháp lành, tùy thiện pháp chơn như:

1) Căn bản: quán tánh các pháp không sanh, đoạn vọng kiến, không trụ sanh tử, biết pháp do duyên sanh, nghiệp qủa tương xứng, phát lòng bi tu tập phước đức, độ sanh, không an trụ Niết-bàn.

2) Chỉ: hối hận những lỗi lầm không để pháp ác tăng trưởng. Vì tánh pháp không tội lỗi.

3) Phát khởi căn lành: siêng năng cúng dường Tam Bảo, khen ngợi, vui vẻ với việc làm ấy, tăng trưởng lòng tin, cầu đạo vô thượng, nhờ oai lực của Tam Bảo tiêu trừ nghiệp chướng, kiên cố căn lành. Vì tánh pháp không chướng hoặc.

4) Bình đẳng: thệ độ tất cả chúng sanh đạt Niết-bàn vô dư. Vì tánh pháp rộng lớn bình đẳng cùng khắp, không hai, không phân biệt, luôn tịnh định. Phát tâm như vậy, Bồ-tát thấy được một phần pháp thân, hiện tám tướng thành đạo, lợi ích chúng sanh nhưng Bồ-tát chưa chứng được

pháp thân vì chưa đoạn nghiệp quá khứ, còn khổ vi tế. Việc thấy một phần pháp thân chính là đạt mười trụ... sau vị tín. Bồ-tát ba thừa viên mãn vị tín đạt trụ thứ một, nhờ nghiệp lực thành tựu quả Phật. Về nhứt thừa: ở Kinh nầy, Bồ-tát mười tín phát tâm: nương quả Phật và sự dung nhiếp nhân quả vô tận của trí căn bản. Tin hạnh quả viên mãn của Phật ở diện Phổ quang thuộc lần thuyết pháp thứ hai là tự tin, nhập mười cõi Kim Sắc... là lý tự giác; Phật Bất Động... là trí Phật nơi tâm. Vi Thù là trí vi diệu của tâm. Thông đạt tánh tướng thể dụng của các đức Phật ba đời là phát tâm. (Ý nghĩa của sáu phẩm như đã nói ở trước). Bồ-tát mười tín nương pháp giới, trí nhứt thiết phát tâm, không nương Phật, pháp Phật, Bồ-tát, pháp Bồ-tát, thanh văn duyên giác, pháp thế xuất thế phát tâm. Trong ba thừa, người phát tâm bồ đề bằng cách nương tựa pháp hữu vi vị này không nương quả Phật sau ba-tăng-kỳ kiếp, quả Phật ba đời để phát tâm vì thế không thoái chuyển. Những ai chưa thuần thục thì còn thoái chuyển. Mười tín mười trụ Không thoái chuyển vì tin thân mình là Phật, không phân biệt minh người. Từ trí không trụ của Phật huyễn hóa cái pháp trang nghiêm nhưng tánh pháp giới rộng lớn cùng khắp như ảnh với hình thể tánh giống nhau. Trí thân các đức Phật như bóng, pháp Phật như vang, tin hiểu như thế là thành Phật không thoái chuyển. Thân tâm cảnh giới đều là pháp giới, thể dụng lý trí an trụ nơi nào và thoái chuyển nơi nào? Nếu thân tâm có nơi nương dừng, không chứng đắc, tất cả sự phân biệt như tiếng vang trong không trung tùy vật cản thành tiếng. Tin hiểu như vậy thì không thoái chuyển. Người phát tâm chấp hình tướng là còn thoái chuuyển. Vì thế người phát tâm trong luận Khởi tín phần nhiều bị thoái chuyển. Người nương trí Phật, thừa vô thượng phát tâm, vĩnh viễn không thoái chuyển. Người thoái chuyển là người chưa thành tựu lòng tin, chấp pháp, còn phân biệt, như câu Bồ-tát trải qua vô số kiếp... (như trước). Bồ-tát Phổ Hiền nói: Người nghe pháp Như Lai dù không tin vẫn gieo hạt giống trí Kim Cang. Người nương nhân vô thượng thì không thoái chuyển. Người nương nhân thành Phật hiện tại là người chưa tin. Nghĩa văn: Nghĩa phẩm: 14 đoạn:

1) (2 hàng kệ) Văn Thù xin giảng công đức phát tâm bồ đề.

2) (714 hàng kệ) Bồ-tát Hiền Thủ trả lời. (3,5 hàng sau: sự cảm ứng của pháp).

3) (8 hàng kệ) công đức phát tâm rộng lớn khó lường, tùy khả năng thuyết giảng một phần. Vì tâm bồ đề không thể đo lường thì công đức cũng thế.

4) (6 hàng) nhân phát tâm.

5) (18 hàng) lợi ích do tin Tam Bảo.

6) (95 hàng) tinh tấn tu hành đạt quả tương xứng.

7) (151 hàng) Bồ-tát đạt quả, giáo hóa chúng sanh, tự tại cúng dường.

8) (160 hàng) nhân quả phóng ánh sáng.

9) (20 hàng) nơi phóng ánh sáng và sự khác nhau của ánh sáng.

10) (11 hàng) định tự tại, tự nhập xuất định Dại Phương Võng, tùy nghiệp, chúng sanh thấy biết khác nhau. Các đức Phật tự tại đạt đạo, tùy thuận chúng sanh nhưng tâm Như Lai vốn không tạo tác, trí tùy thuận không đến đi như vang theo tiếng, như nước thấm nhuần cỏ cây, như mùa xuân giúp cây cỏ đâm chồi nẩy lộc, như cá rồng trong nước, như cây trong đất, như lửa nấu chín thức ăn, như hơi thở của con người. Đó là ví dụ trí chơn như không vọng chấp. Vì vọng chấp nên dù đạt một phần đạo xuất thế vẫn chưa tự tại.

11) (158 hàng) 20 ví dụ.

12) (14 hàng) tin mình đủ trí Phật.

13) (4 hàng) tin tu đạt phước.

14) (3,5 hàng) Bồ-tát Hiền Thủ thuyết pháp cảm ứng các đức Phật. Nghĩa văn đã rõ. Phẩm lên núi Tu di nói pháp mười trụ nhập chơn như thật chứng là phần tựa. Năm phẩm tiếp theo là phần chính. Cuối phẩm minh pháp là phần kết.

----

13. Phẩm: **LÊN N ÚI TU DI**

Pháp mười trụ gồm sáu phẩm Kinh: lên núi Tu di... minh pháp. Phẩm này có ba phần: Nghĩa phẩm: Đây là sự thăng tiến của mười tín. Biểu pháp: Núi này ở giữa bảy núi, bảy biển... như trước đã nói biểu hiện cho việc không thể dùng tâm sanh diệt chứng đạt pháp mười trụ. Bồ-tát tự tại an trụ nơi định, không suy xét nhiếp phục, xứng lý bình đẳng và pháp thân. Định này làm phát sanh trí vi diệu, đoạn hết vô minh, đạt trí trang nghiêm của Phật, vượt trên vọng tình, hiểu rõ pháp Phật, sanh trong nhà trí Phật, tính tắc đoạn trừ vô minh ba cõi, dần đoạn phiền não. Như câu: cảnh giới Bồ-tát rộng lớn như hư không, Bồ-tát an trụ nhà Phật, như Phật, đủ công đức cảnh giới của Phật, đạt trí hiện thân độ sanh của Phật, vừa phát tâm phát tâm được các đức Phật mười phương khen ngợi, cảm động trời đất. Khác với quan điểm Bồ-tát ba hiền của ba thừa, Bồ-tát này nương trí căn bản của Phật phát tâm, đủ trí Phật ở ba thừa Bồ-tát quán ba Không, nhiếp phục phiền não hiện

hành. Bồ-tát này nương nơi trí Phật phát tâm, dùng trí đoạn tập khí, đạt trí căn bản không đoạn trừ không nhiếp phục. Vì thể dụng tự tại, tự tại an trụ thiền định hành mọi hạnh như Phật, không ra khỏi, không chìm đắm, nước lớn tâm bi như A-tu-la ở biển. Vì sao không lên điện của bốn thiên vương? Vì điện của bốn thiên vương ở bốn bên núi Biện Phong, chưa tiêu biểu cho sự thăng tiến đoạn tướng hiện trí không thoái chuyển. Thiện Tài đạt pháp ở đây cũng thế. Vượt trên vọn tình là núi, không phải lên núi thật. Đạt trí Như Lai chỉ dạy mọi loài, Không phải là Đế Thích thật. Nghĩa Văn, Nghĩa phẩm: thân hạnh rộng lớn của Như Lai (như câu: chúng sanh khắp nơi đều thấy hiện tượng này). 10 đoạn:

1) (3 hàng) thần lực kiện khắp mười phương của Phật.

2) (1,5 hàng) không rời cội bồ đề, Phật lên cung Đế Thích.

3) (7 hàng) thấy Phật đến, Đế Thích trang nghiêm bảo tòa.

4) (2 hàng) Đế Thích thỉnh Phật vào cung.

5) (3 câu) Như Lai nhận lời.

6) (3 hàng) mười phương đều như vậy.

7) (1,5 hàng) Nhờ thần lực Phật nhạc trời tự vang.

8) (4 hàng) nhớ nghiệp xưa, Đế Thích nói Kệ khen ngợi.

9) (2,5 hàng) Đại chúng nói Kệ khen Phật, mười phương đều như thế.

10) (2 hàng) Như Lai an tọa, cung điện tự biến rộng, mười phương như vậy. Nghĩa văn: Không rời cội bồ đề: thổ bồ đề không đến đi xa gần; trí thân Như Lai hiện khắp không trong ngoài, pháp giới đan cài không lớn nhỏ, tâm cảnh là một, các pháp không tánh, một nhiều dung hợp. Đế Thích thấy Phật đến: từ tánh không đến đi Như Lai hiện tướng đến đi. Thể tánh mê ngộ là một. Đế Thích dùng thần lực trang nghiêm cung điện: sự gia hạnh. Tòa sư tử Phổ Quang minh: bảo tòa tùy địa vị phước đức của Đế Thích. Vì mười trụ đạt trí Phật, không lo sợ. Ngân bậc cấp: mười trụ là người mới vào dòng Thánh tâm còn chấp pháp (sự biểu pháp thể hiện sự thăng tiến) Tất cả các vật trang trí trên bảo tòa đều là quả của hạnh (như trước) Đế Thích nghiêng mình: tôn kính Như Lai. Thỉnh Phật vào cung: hạnh khiêm hạ. Như Lai nhận lời: vị tín nhập mười trụ. Nhớ lại căn lành... nhớ sức định thấy mình đủ trí huệ căn lành như các đức Phật. Mười đức Phật là công dụng của mười trụ. Trong 20 hàng kệ, hai hàng đầu khen ngợi Phật Ca Diếp (Ca Diếp ba: ẩm quang: ánh sáng thân Phật hơn cả ánh sáng mặt trời mặt trăng và thiên tử) hai hàng tiếp khen ngợi Phật Câu na mâu ni (Ca na mâu ni, Câu na. Kim, mâu ni Phật sắc thân vàng ánh) hai hàng khen ngợi Phật Ca La cưu đà

(Ca la cưu thôn đà: đoạn trừ những gì đáng đoạn) hai hàng khen ngợi Phật Tỳ Xá Phù (Biến nhứt thiết tự tại) hai hàng khen ngợi Phật Thi Khí (Thức Khí na: Trì Kế, Hữu Phát) hai hàng khen ngợi Phật Tỳ bà Thi (Tịnh quán, thắng quán, chủng chủng quán) hai hàng khen ngợi Phật Phất Sa (Kính Sa: tăng thạnh) hai hàng khen ngợi Phật Đề Xa (Đề Sa: thuyết pháp độ nhơn) hai hàng khen ngợi Phật Ba Đầu ma hoa (Bát Đặt mang: hoa sen đỏ) hai hàng khen ngợi Phật Nhiên Đăng. Ba đức Phật trước thuộc kiếp hiện tại, bảy đức Phật sau thuộc kiếp quá khứ. Vì người đạt mười trụ thấy pháp giống nhau, pháp Phật cũng vậy. Cát Tường: núi phước lành; Thăng tiến: sức định kiên cố như núi, là trí của các đức Phật xưa nay. Bốn hàng kinh từ : như cõi này... phânt hành bốn ý: cõi này khen công đức Phật. Mười phương đều như thế. Như Lai vào điện, cung điện tự biến rộng. Vì đức của Phật không phân biệt mình người nên đại chúng đều thấy và đạt vị.

----

14 Phẩm: TRÊN NÚI TU DI NÓI KỆ KHEN NGỢI

Có bốn phần: Tên phẩm: mười Bồ-tát tùy pháp tu chứng nói Kệ khen ngợi để Bồ-tát có trọn vẹn lòng tin chứng nhập. Vì các đức Phật xưa nay đều đủ trí bi. Bồ-tát này là đức Phật vị lai, xứng hợp các đức Phật. Nghĩa Phẩm: Bồ-tát mười trụ nói Kệ khen ngợi để mười tín nhập mười trụ. (khen ngợi Phật quá khứ, hiện tại) mười đức Phật là Phật quá khứ, Đức Tỷ lô giá na là Phật hiện tại. Người tu hành nhập vị là Phật vị lai (Nghĩa sáu phẩm như trước) Nghĩa Văn: nghĩa phẩm 11 đoạn:

1) (19.5 hàng) Phật dùng thần lực tập hợp đại chúng.

2) (10 hàng Kệ) Bồ-tát pháp huệ khen ngợi Phật.

3) (10 hàng Kệ) pháp không tướng là pháp chơn thật.

4) (10 hàng) phàm phu không hiểu tánh chơn thật của năm uẩn nên phải nghe người thuyết giảng mới rõ.

5) (10 hàng) thể tánh các pháp không vọng kiến. Vì vọng kiến không thấy chơn tánh.

7) (10 hàng) không có sự đoạn diệt, pháp không có không.

8) (10 hàng) ngôn ngữ không biểu đạt được chơn tánh.

9) (10 hàng) các pháp không tan hợp.

10) (10 hàng) thể của pháp Phật không phân biệt, không tên gọi.

11) (10 hàng) tâm bi lợi sanh của Phật. Mười phần Kệ của mười Bồ-tát là pháp dạy người nhập mười trụ không nương tựa, đoạn chấp, an

trụ cảnh Phật. Đoạn một phân thành bảy phần:

1) (5.5 hàng) Bồ-tát tập hợp.

2) (3.5 hàng) tên cõi nước của Bồ-tát.

3) (3 hàng) các đức Phật mà Bồ-tát phụng sự.

4) (2 hàng) Bồ-tát hóa hiện bảo tòa an tọa.

5) (2 hàng) Bồ-tát nơi mười phương đều thế.

6) (2.5 hàng) Phật phóng ánh sáng từ đầu ngón chân chiếu khắp các cõi (ánh sáng của các vị như trước).

7) (1 hàng) Bồ-tát pháp Huệ nói Kệ khen Phật. Bồ-tát pháp Huệ: người tu. Cõi nhân đà la: pháp tu. Phật Thù Đặt Nguyệt: quả chứng. Bồ-tát trụ thứ một đã có thể hiện thân thành Phật khắp mười phương, chỉ dạy chúng sanh, đạt trí huệ. Trí huệ thông đạt tất cả. Không hiểu một là không hiểu tất cả, hiểu một là hiểu tất cả. Người đáng độ tự thoát mê trí huệ hiện khắp. Vì sự sâu rộng của mê ngộ nên dùng số bụi để so sánh. Phật Thù Đặt Nguyệt: thanh tịnh, Bồ-tát sanh vào nhà trí Phật, dập tắt lửa phiền não vô minh từ vô thỉ, đủ trí sáng thanh tịnh như mặt trăng. (Tên Phật, Bồ-tát, cõi nước của các vị đều tùy từng địa vị) mười Bồ-tát là người tịnh tu phạm hành với các đức Phật. Vì mỗi vị đều từ trí huệ pháp thân của mình thanh tịnh phiền não. Trí huệ hiển hiện, hạnh nguyện thanh tịnh. Vì thế pháp tánh trí huệ tự tại không sanh diệt và đó là quả Phật của tự tâm. Vì thế người phát tâm nên nương pháp nơi tự thân. Mỗi vị đều hóa hiện tòa sư tử. Bồ-tát Pháp Huệ ở phía đông là điều kiện đầu nhập vị đoạn hoặc sau khi phát tâm chỉ dạy mọi loài. Tòa ấy là tòa quả Phật, chuyển vô minh phiền não thành trí lớn, chuyển tâm cảnh thành pháp giải thoát. Kiết già phu tọa: chuyển vọng thành chơn. mười Bồ-tát này chính là Bồ-tát mười tín, nhưng phân biệt để chỉ dạy kẻ hậu học vì thế lần thứ một nêu thiên thần đạt quả Phật khuyên chúng sanh tu tập, đạt trí huệ Phật. Lần thứ hai nêu Phật Bất Động là thành tựu lòng tin. Kế đó nêu pháp năm vị để chúng sanh tin hiểu. Nếu không như thế, chúng sanh tuy hiểu pháp nhưng không hiểu hạnh nguyện. Vì vậy, bộ Kinh này nêu rõ nhân, quả, lý, trí, giáo, hạnh, người tu, pháp chứng, để kẻ hậu học không đi sai đường. Tâm đạt chơn, thấy đạo của mười trụ chính là quả giác ngộ của các vị sau. Như 10 người con, người sanh trước là lớn.

■

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 17

Phần Bồ-tát Nhứt Thiết Huệ, cõi Ba Đầu Ma hoa, Phật Vô Tận Nguyệt... có năm ý:

1) Tên Bồ-tát.

2) Tên cõi nước.

3) Tên Phật tùy sự tu tập.

4) Thể của Tòa ngồi.

5) Phương hướng.

Tên Bồ-tát Nhứt Thiết Huệ, Bồ-tát này tu tập đạt thể tánh rỗng tặng không mê chấp của tất cả các pháp. Vị này chuyên tu giới Ba-la-mật, thể của giới là không tánh, không sạch nhơ. Tên cõi nước: Ba Đầu Ma hoa: hoa sen đỏ, biểu hiện cho giới tướng thanh tịnh. Vào đời độ sanh bằng giới nên được quả báo tốt đẹp. Tên Phật Bồ-tát tên Nhứt Thiết Huệ, Phật tên Vô Tận Nguyệt biểu hiện cho sự tương xứng của nhân quả. Bồ-tát Nhứt Thiết Huệ là người tu hành đạt trí huệ của tất cả các đức Phật, cõi nước là pháp tu tập. Phật là quả tu chứng của trụ Trị Địa, thanh tịnh hết phiền não. Thể tòa như trước, phương hướng: nam, phương nam thuộc quẻ ly, màu đỏ, rõ ràng như mặt trời chiếu soi vạn vật. Đây là việc Đồng tử Thiện tài gặp Tỳ kheo Hải Vân, nghe Phật giảng kinh Thổ Nhãn.

Phần Bồ-tát thắng Huệ có bốn ý: 1) Tên Bồ-tát; 2) Tên cõi nước; 3) Tên Phật; 4) Phương hướng.

Tên Bồ-tát: Thắng Huệ tùy vị tu tập thanh tịnh, tuy cũng một pháp nhưng vị sau hơn vị trước. Cõi nước: Bảo hoa. Vị này tu tập nhẫn Ba-la-mật đạt huệ của các đức Phật, hành hạnh nhẫn bằng thổ của đạo, trang nghiêm pháp thân huệ mạng bằng hạnh nhẫn. Tên Phật: Bất Đồng Nguyệt: đạt lý, thành tựu hạnh nguyện, tâm cảnh như như, tự tại (Nguyệt: thanh tịnh, trong mát). Phương hướng: tây, phương tây là mùa thu, thuộc hình pháp giết, trừ là Khổ Đế. Đây là vị từ bi, cũng như trong pháp mười hồi hướng, đồng tử thiện tài gặp Bồ-tát Quan âm ở phía Tây

núi Kim Cang, hành hạnh từ bi, nhẫn nhục trong cõi khổ. Vì thế, Bồ-tát Thắng Nguyệt, cõi Bão Hoa, Phật Bất Động Nguyệt đều là công dụng của việc tu tập hạnh nhẫn. (Bảo Hoa là nhẫn; Nhẫn là pháp tu tập của trụ Tu Hành). Đó là việc Thiện Tài gặp Tỳ kheo Thiện Trụ đạt pháp Vô ngại.

Phần Bồ-tát Công Đức Huệ... có bốn ý như trước. Tên Bồ-tát: Công Đức Huệ. Vị này tu hạnh tinh tấn Ba-la-mật, đem lợi Ưu-bát-la hoa; hoa sen xanh, trong các ao sen, hoa này đẹp nhứt. Trong các hạnh, tinh tấn là hạnh cap quí; tất cả hạnh nguyện đều bắt nguồn từ hạnh tinh tấn. Tên Phật: Phong Nguyệt. hạnh tinh tấn Ba-la-mật trừ tâm kiêu ngạo, biếng lười, trong tích tắc là thành Phật. Tinh tấn quán sát soi chiếu định huệ, đoạn trừ trần cấu vô minh, tịnh nhiễm, xua tan mùi xú uế. Phương hướng: Bắc, phương bắc thuộc quẻ Khảm, màu đen, ngu tội, trộm cướp nguy hiểm, thần, vua. Nghĩa là từ hạnh tinh tấn đem lợi ích mọi loài, phá trừ hôn ám, sớm thành quả Phật. Như gió có thể xua tan mọi nhơ uế. Tinh tấn là pháp tu tập của trụ sanh quí là pháp Luân tự mà vị thiện tri thức thứ tư của Thiện tài là Trưởng giả Di Giã thuyết giảng, làm cho người ngu hiểu rõ pháp thế tục, đạt pháp lạc.

Phần Bồ-tát tinh tấn Huệ... có bốn ý như trước. Tên Bồ-tát: Tinh Tấn Huệ. Vị này tu tập định Ba-la-mật, đạt trí sâu xa, tu mồt hạnh là đủ vô số hạnh. từ định có tinh tấn, từ tinh tấn có công đức. Đó là công dụng đan xen của các hạnh, mồt là tất cả. Tên cõi nước: Kim Cang hoa, từ thể thiền định của pháp tánh phát khởi trí huệ phân biệt đúng sai (Kim cang phá trừ). Đó là công dụng vi diệu của định huệ. Tên Phật: Thủy Nguyệt, thể định có khả năng làm thanh tịnh mọi pháp như nước, sạch trong soi rõ mọi vật. Phương hướng: Đông Bắc thuồc quẻ Cấn: núi đá, cửa, thiếu nhi, ánh sáng buổi sớm soi rõ, tịch tịnh, dừng trụ. Từ thể định tu tập mọi hạnh, tạo lợi ích cho kẻ sơ học, là mốc thời gian. Bồ-tát Tinh Tấn, cõi nước Kim Cang, Phật Thủy Nguyệt, vô số cõi nước hiện trong thân lúc thiện tri thức thứ năm của Thiện Tài - trưởng giả Giải Thoát - nhập thiền định là công dụng của Thiền định.

Phần Bồ-tát Thiện Huệ... có bốn ý như rước. Tên Bồ-tát: Thiện Huệ. Vị này tu Bát-nhã Ba-la-mật. Tên cõi nước: Diệu Hương hoa: trí huệ nở hoa Phật (từ trí huệ thuyết giảng giáo pháp). Tên Phật: Giải Thoát Nguyệt: trí huệ phân biệt tâm cảnh, đạt giải thoát. Phương hướng: Đông nam thuộc quẻ Tốn: phong giáo, ngôn luận, vị này đủ trí huệ thuyết giảng giaó pháp, hóa độ chúng sanh, đạt giải thoát. Đây là việc Tỳ kheo Hải Tràng - thiện tri thức thứ sáu của Thiện Tài - tịch tịnh thân

tâm, vượt trên phép quán hơi thở, hóa hiện vô số hóa thân, đạt tự tại không ngại.

Phần Bồ-tát Trí Huệ... có bốn ý như trước. Tên Bồ-tát: Trí Huệ, trụ Bất Thoát nhờ trí huệ tu tập hạnh từ bi, vào đời đồ sanh. Tên cõi nước: Quyệt ý hoa. Bồ-tát dùng trí huệ vào sáu nẻo đồ sanh, biết rõ căn tánh của chúng sanh nên tùy thuận hóa đồ khiến chúng sanh thoát khổ được vui. Tên Phật: Vô Thượng Nguyệt. Từ bi là hạnh đầu trong các hạnh, là hạnh hóa độ chúng sanh. Phương hướng: Tây Nam, thuộc quẻ Khôn: tin thuận, mẹ, đất, chúng. Từ bi là mẹ của pháp phương tiện Ba-la-mật. Từ đó, Bồ-tát vào cõi sanh tử sống với chúng sanh, chỉ dạy chúng sanh tu tập chánh pháp. Đó là việc nữ cư sĩ Hưu Xả - thiện tri thức thứ bảy của Thiện Tài - lợi sanh bằng hạnh từ bi.

Phần Bồ-tát Chơn Thật Huệ... có bốn ý như trước. Tên Bồ-tát: Chơn Thật Huệ. Bồ-tát trụ Đồng chơn tu tập nguyện Ba-la-mật, dùng trí huệ đồ sanh. Tên cõi nước: A-lư-na-hoa: hoa sen hồng. Hoa này do hai màu trắng đỏ hình thành. Nghĩa là nhờ hạnh nguyện từ bi nên trí huệ viên mãn, như nhờ màu trắng, màu đỏ pha lẫn thành màu hồng. Màu trắng là trí, màu đỏ là bi. Vị này vào đời bằng trí chơn thật nên không đắm nhiễm, như hoa sen trong bùn. Tên Phật: Tinh Tú Nguyệt. Trí sáng hiểu rõ căn tánh sai khác của chúng sanh. Phương hướng: Tây Bắc, thuốc quẻ Càn: cha, kiên cộ, trời, tròn, thanh tịnh, hàm chứa tất cả. Đó là biểu hiện cho trí sáng tùy thuận hiện thân độ sanh như vạn vật trong trời đất. Đây là việc tiên nhơn Tỳ Mục Cù Sa - thiện tri thức thứ tám của Thiện tài - dùng trí sáng thuyết giảng, khiến tà giáo kinh sợ. Tiên nhơn là trí không đắm nhiễm, đạt trí ngay trong tà kiến.

Phần Bồ-tát Vô Thượng Huệ... có bốn ý như trước. Tên Bồ-tát: Vô Thượng Huệ. Bồ-tát trụ Pháp Vương Tử tu tập lực Ba-la-mật, thuyết giảng giáo pháp. Tên cõi nước: Na-la-đa-hoa. Na la: người, đà: lấy. Vì hoa này rất thơm nên người đời thường dùng làm đồ trang sức. Nghĩa là Bồ-tát thuyết giảng pháp vi diệu, chúng sanh nghe pháp đạt năm phần pháp thân. Tên Phật: Thanh Tịnh Nguyệt, Bồ-tát thuyết giảng giaó pháp làm phép tắc thế gian để chúng sanh tu học theo. Đây là việc Bà-la-môn Thắng Nhiệt - thiện tri thức thứ chín của Thiện Tài - lên núi dao, vào đống lựa, trời người thấy được đều đạt đạo. Bồ-tát có trọn vẹn trí huệ, sống trong tà đạo, đồ thoát chúng sanh, an nhập chánh đạo.

Phần Bồ-tát Kiên cố Huệ... có bốn ý như trước. Tên Bồ-tát: Kiên Cộ Huệ. Bồ-tát trụ quán đỉnh hành trí Ba-la-mật, kiên trì tạo lợi ích cho chúng sanh. Tên cõi nước: Hư không hoa. Trí huệ soi rõ thế gian, xuất

thế gian đều không nương dừng. Tên Phật: Minh Liễu Nguyệt, dùng trí huệ soi rõ thế gian. Phương hướng: trên hư không chấp pháp có không như mặt trăng, mặt trời, sao. Đó là Đồng nữ Từ Hành, con vua Sư Tự Tràng - thiện tri thức thứ 10 của Thiện Tài. Trụ thứ 10 sanh trong nhà Phật, trọn vẹn trí bi. mười trụ tu trí bi là Đồng nữ Từ Hành, mười địa trọn vẹn tâm bi, địa mười một từ bi tu trí là Ma Da - mẹ của các Đức Phật. mười Bồ-tát, mười cõi nước, mười đức Phật là nhân quả của mười trụ, tùy phương hướng biểu hiện pháp, tùy pháp thành tên gọi.

----

15. Phẩm: MƯỜI TRỤ

Phẩm này có năm phần:

1) Tên phẩm.

2) Ý nghĩa.

3) Tông chỉ.

4) Thứ tự đoạn hoặc.

5) Nghĩa văn.

Tên phẩm: mười trụ: pháp mười trụ; Ý nghĩa: Phẩm trước khen ngợi sự siêng năng tu tập, phẩm này nêu hạnh tu của mười trụ. Mười trụ là vị sanh trong nhà Phật, không thoái chuyển. Tông chỉ: 20 pháp tinh tấn của mười trụ, an trụ nơi Phật an trụ. mười trụ, mỗi trụ có hai nhân quả, mười pháp trước là điều kiện tăng tiến; mười pháp sau là quả tu học. Thứ tự đoạn hoặc: Ba trụ 1,2,3 tu tập pháp xuất thế, đoạn trừ phiền não trói buộc của thế gian. Phiền não gồm có mười phiền não căn bản (dục, sắc, vô sắc, kiêu mạn, các cõi, ái, ngu, tham, sân, tâm ma) và sáu phiền não phụ (dối, nịnh, nghi, tham tiếc; ganh ghét, kiêu ngạo). Phần kệ của Thiện Tài có chép: "Ba cõi là thành quách, kiêu mạn là rào tường, các cõi là cửa ngõ, sông ái là hồ ao, ngu si luôn che lấp, lửa tham sân hừng hực, tâm ma là vua chúa, kẻ sơ học nương tựa. Tham ái là dây trói, dối nịnh luôn ràng buồc, nghi hoặc che mắt sáng, rơi và cõi tà ngu. Vì keo kiết kiêu ngạo đọa trong ba đường ác". Đấy là căn cứ vào sự hướng đến của tâm, không căn cứ năm kiến: thân, biên, kiến thủ, giới thủ, tà kiến. Khi tâm thành trí, các kiến hoặc là điều kiện giải thoát. Vì thế theo pháp nhứt thừa, hiểu rõ vô minh là thành tựu trí, tự tại làm mọi việc bằng các kiến. Trong mười tín, Bồ-tát Văn Thù hỏi Bồ-tát Pháp Thủ về mười một phiền não (tham, sân, si, kiêu mạn, ghe giấu, giận, hận, ganh ghét, keo, dối, nịnh). Ba trụ đầu đoạn trừ phiền não, thành tựu tí căn bản, như việc Thiện Tài lên núi Diệu Phong gặp Tỳ

kheo Đức Vân, đạt trí sáng của Phật, đoạn trừ phiền não chướng hoặc của thế gian. Ở đây, Thiện Tài đến nước Hải Môn gặp Tỳ kheo Hải Vân, trừ tâm mê hoặc, hiểu rõ 12 duyên, thấy Phật trong biển, thuyết kinh Phổ Nhãn (thấy rõ 12 duyên, thành tựu trí huệ là Phật, tâm cảnh là kinh. nghĩa là đạt trí Phật, quán 12 duyên, thành tựu trí lớn, thấy rõ mọi cõi). Đây là việc quán 12 duyên, thành tựu trí Phật của trụ Trị Địa. Trụ thứ ba, Thiện Tài đến nước Hải Ngạn gặp Tỳ kheo Thiện Trụ, đoãn trừ chướng hoặc, đạt giải thoát không ngại của Bồ-tát, thấy rõ kiếp số sống chết của chúng sanh. Ba trụ này đoạn trừ phiền não trói buộc, tự tại. Đó cũng làviệc mười tín tin hiểu rõ vô minh của ba cõi là Phật Bất Đồng Trí. Trụ thứ một, dùng sức tin hiểu, trí thanh tịnh soi rõ ba cõi, đoạn trừ hoặc chướng, nhập mười trụ. Ba trụ trước phần nhiều là tu tập pháp xuất thế nên ba thiên tri thức của Thiện Tài đều là Tỳ kheo. Đó là hình tướng của ba trụ đầu. Trụ Sanh Quí thứ tư tự tại trước phiền não trói buộc, pháp tắc gò bó của thế gian. đó là việc Thiện Tài đến chợ gặp trưởng giả Di Già thuyết Kinh Luân tự. Vì ngay trong sanh tự ồn náo là tịch tịnh. Mỗi chữ như bánh xe, một nhiều đan xen, thể tướng dung hợp, lại như ảnh tượng trong lưới Đế Thích. Trong mỗi chữ đủ nghĩa của vô số câu chữ, danh từ của thế gian. đó là pháp tắc chỉ dạy kẻ sơ học, tu tập đạt tâm thanh tịnh và cũng là tánh không diệt gồm đủ tất cả các pháp thế gian. Trụ Cụ Túc thứ năm đội trị hai kiến thân - biên, đạt trí, đoạn trừ chướng hoặc như việc Thiện Tài gặp trưởng giả Giải Thoái nhập định: "Phổ Nhiếp nhứt thiết Phật sát", hiện vô số cõi nước, bằng vô số bụi trong mười cõi Phật. Vì thân chúng sanh đủ vô số cõi nước, sắc tướng chơn tục dung hợp như hình với bóng không trong ngoài, thoát khỏi mọi sự ràng buộc của 62 tà kiến. trụ Chánh Tâm thứ sáu đội trị chướng hoặc giữa tịch dụng của trí, như việc Thiện Tài gặp Tỳ kheo Hải Tràng tọa thiền bên đường đi, không theo dõi hơi thở. Không phân biệt suy xét, trên thân hóa hiện vô số thân, tùy căn tánh, chúng sanh đều thấy. Đó là sự không ngăn ngại của tịch dụng, sự thực hành tâm bi. Trụ Bất Thoái thứ bảy đoạn trừ chướng hoặc, thành tựu viên mãn tâm bi, độ sanh tự tại như việc Thiện Tài gặp nữ cư sĩ Hưu Xả trong vườn Phổ Trang Nghiêm. Nữ cư sĩ nói với Thiện Tài: "Ta có tám vạn bốn ngàn Na du tha quyến thuộc. Nghĩa là vào đời bằng tâm bi, hành phương tiện Ba-la-mật, đoạn trừ tám vạn bốn ngàn phiền não của chúng sanh, giáo hóa đe, lại lợi ích cho chúng sanh. Câu: các quyến thuộc đều đạt bất thoái nghĩa là người thực hành bi trí đều đạt bất thoái. Trụ Đồng Chơn thứ tám đoạn trừ hoặc chướng, đạt trì thanh tịnh trong cõi tục, như việc

Thiện Tài gặp tiên nhơn Tỳ-mục-cù-la. Vì trí sáng không đắm nhiễm. Tên cõi nước của nữ cư sĩ Hưu Xả và tiên nhơn này giộng nhau, biểu hiện cho trí và pháp nhiễm là một. Việc tùy thuận tâm bi hành trí nhưng còn tâm nhiễm ô là sự dung hợp của hai trụ 1,8; tùy thuận trí hành bi, không còn tâm nhiễm ô là hạnh của đồng nữ Từ Hành, con vua Sử Tử Tràng. Trụ Pháp Vương thứ chín đối trị chường ngại, tự tại thuyết giảng, như việc Thiện Tài hặp Bà-la-môn Thắng Nhiệt, lên núi dao, vào đống lựa, trời người thần rồng thấy vậy đều đạt lợi ích. Trụ Quán đỉnh thứ 10 đối trị hoặc chướng, thành tựu trí bi thanh tịnh, như việc Thiện Tài gặp đồng nữ Từ Hành - con vua Sư Tử Tràng, trọn vẹn trí bi, ở trong thế gian nhưng không đấm nhiễm. mười pháp đối trị của mười trụ cũng chỉ là một, không trước giữa sau. cùng một pháp môn đối trị một chướng ngại, đạt một trí huệ. Cứ thế dung hợp đan xen không cùng. Thể của pháp ấy là Phật Bất Đồng Trí. Trong việc hành pháp, một nhiều giộng khác đan cài tự nhiên. Trong ba thừa giáo, trải qua ba-tăng-kỳ kiếp mới tu tập thành Phật. Ở đây, tâm Vô Minh căn bản là Phật Bất Động Trí. Thể dụng của pháp giới là pháp tu tập ngộ nhập, từ mười tín đến mười trụ... địa mười một đều cùng lúc thành Phật Bất Động Trí. Trong một pháp có vô số pháp. Vì tu tập ngộ nhập trong trí Bất Động của Pháp giới nên các pháp như thế. Như việc Long Nữ chỉ trong tích tắc là thành Phật, Thiện Tài một đời thành Phật. Pháp vốn không tánh, một đời không dài ngắn... Hãy tin hiểu như vậy. Đức Phật hiện tại cũng là đức Phật ở quá khứ, vị lai như giọt nước và biển cả là một. Đó là sự hiểu biết vượt ngoài vọng tình. Trong ba thừa, Bồ-tát mười trụ còn phần đoạn sanh tử, quán pháp không, đoạn trừ hoặc chướng "Không tin" của hàng Viễn đề. Mười hạnh quán từng phần pháp không, tu hạnh tự lợi, lợi người, đối trị chướng hoặc tự lợi của Thanh Văn. mười hồi hướng quán pháp không, phát tâm bi, dùng nguyện lực vào đời độ sanh đối trị hoặc chướng tự độ của hàng Độc giác. Đó là sự đoạn trừ ba chướng của các vị trước mười địa của ba thừa giác. Song các vị ấy chỉ đoạn trừ kiết sử, nhưng chưa đoạn hết chủng tự. Bồ-tát mười địa đoạn trừ hết chủng tử. Bồ-tát địa thứ một thấy thân mình là chơn như, đủ tính Phật, là vị kiến đạo. Từ địa thứ ba đến địa thứ bảy là vị tu hành (còn dụng công tu tập). Từ địa thứ tám đến địa thứ mười là vị cứu cánh, không cần dụng công, tự tại thành Phật. Trong ba thừa giáo có 12 trụ địa:

1) Chúng tánh trụ: mười giáo hạnh.

2) Giải hành trụ: mười hồi hướng.

3) Hoan hỉ trụ: địa một.

4) Tăng thượng giới trụ: địa hai.

5) Tăng thượng ý trụ: địa ba.

6) Đạo phẩm tương ưng tăng thương huệ trụ: địa bốn.

7) Đế tương ưng tăng thượng huệ trụ: địa năm.

8) Duyên khởi tương ưng tăng thượng huệ trụ: địa sáu.

9) Hữu hành hữu khai phát vô tướng trụ: địa bảy.

10) Vô hành vô khai phát vô tướng trụ: địa tám.

11) Vô ngại huệ trụ: địa chín.

12) Tối thượng Bồ-tát trụ: địa mười.

Bồ-tát ba hiền đạt phục nhẫn, mười địa và Phật đạt tịch diệt nhẫn. Kinh Thắng man dạy: La Hán, Bích Chi Phật, Bồ-tát cõi tịnh đều đạt phục nhẫn, quán pháp không, không phiền não, đạt ba ý sanh thân, còn biến dịch sanh tử. Đó là Bồ-tát hành sáu Ba-la-mật, đạt sáu thông của trời người, không đạt quả Phật, là ba xe ngoài cửa. Vì này khác với ba thừa, tên gọi của sáu thông tuy giống nhau nhưng quả báo khác nhau: ba thừa không nghe, không tin Kinh Hoa Nghiêm. Kinh dạy: Bồ-tát dù trải qua vô số kiếp tu sáu Ba-la-mật, đạt sáu thông nhưng không nghe hiểu Kinh Hoa Nghiêm, vẫn là Bồ-tát giả danh, dù nghe vẫn không chứng nhập. Ba ý sanh thân của ba thừa:

1) Địa 1, 2, 3 đạt Tam ma bạt đề nhạo pháp ý sanh thân.

2) Địa 4, 5, 6 đạt Giác pháp tự tánh ý sanh thân.

3) Địa 7, 8, 9 đạt chủng loại câu sanh vô hành tát ý sanh thân.

Pháp nhứt thừa khác ba thừa vì căn bản vô minh, phiền não chính là Phật bất động trí; tất cả chúng sanh đều như thế. Thể của trí không tánh, không nương tựa, không tựa biết, do duyên sanh, vì sao? Vì gặp khổ mới phát tâm, đạt vui trời người nhưng vì thấy sanh tử vô thường nên cần phao chơn thật; gặp Phật và Bồ-tát nhứt thừa nên phát tâm cầu trí Phật. Ba thừa cũng thế nhưng sự hiểu biết sâu cạn khác nhau. Song tất cả đều nương trí căn bản phát tâm ngộ nhập, trụ thứ một cũng là năm vị. Tuy nêu pháp môn tu tập tuần tự của năm vị nhưng tất cả là một. Như Ấn của vua đóng vào văn bản. Trí huệ ấy không trước sau, đủ vô số trí, như trí Phật, tâm chúng sanh, các pháp. không trước sau dài ngắn, như hư không, không phân biệt nhưng biết rõ tất cả. Vì thế kinh dạy: "Hư không có thể lường, cõi Phật không thể nói". Vô minh căn bản chính là trí Bất Động của Phật và cũng là tâm của chúng sanh, vừa phát tâm là thành Phật. trụ phát tâm thứ một đạt trí bi như Phật. Năm vị cũng thế, tất cả đều không ngoài trí Phật. song vì sự tu tập thuần thục hay chưa thuần thục nên có tên gọi khác nhau. Trong thể của trí không có sự

phân biệt của vọng tình, như Long Nữ chỉ tích tắc là thành Phật, trọn vẹn hạnh Phổ Hiền. Phần kệ của Văn Thù có lời dạy: "Sát na quán sát vô số kiếp, không đến không đi cũng chẳng dừng, biết rõ mọi việc trong ba đời. Vượt trên phương tiện, đủ mười lực". Do vậy, việc bA-tăng-kỳ kiếp thành Phật của Đại thừa chỉ là quyền giáo. Kinh này là thật giáo, không có việc dùng nguyện thành Phật. dù phát nguyện hành hạnh cũng phải dựa trên thật, pháp thành Phật, không có do nguyện thành Phật. vì thế pháp môn của trụ thứ nhứt cũng là pháp của năm vị. Như hai trụ bảy, tám tu tập bi trí, trụ pháp sư thứ chín trọn vẹn bi trí. Vì vậy hành tướng của năm vị giống nhau. Cảnh giới trí huệ nơi các thiện tri thức của Thiện Tài không có giới hạn. hành tường năm vị được tạo do bi trí trong pháp thân, là một trí, một tâm, một thời điểm, cùng khắp. Hành giải nên hiểu rằng trong cảnh giới trí huệ không có sự nhanh chậm của ba đời. Nếu thấy có nhanh chậm là trái với thật lý, thuộc vọng tình, thay đổi theo hình tướng, sự đoạn trừ hoặc chướng của năm vị như hư không, không thời lượng, như gương sáng chiếu soi, như ngọc ma ni đủ màu sắc, như giọt nước và biển cả. Nếu soi chiếu các pháp bằng trí huệ viên mãn thì tất cả đều là cọng dụng lớn, không phân biệt. Nghĩa văn: có sáu đoạn:

1) (19,5 hàng) Bồ-tát Pháp Huệ nhập định, các đức Phật ủng hộ;
2) Sau khi xuất định, Bồ-tát Pháp Huệ nói tên mười trụ.
3) Nguyên nhân phát tâm.
4) Mười trí thù thắng của Như Lai mà người phát tâm nương tựa.
5) Mặt đất chấn động bì oai lực của pháp Phật.
6) Nói kệ khen ngợi.

- Đoạn một có 10 ý:

1) Tên Bồ-tát.
2) Ý nghĩa của việc nhập định.
3) Oai lực của định.
4) Các đức Phật Pháp Huệ xuất hiện trước Bồ-tát.
5) Các đức Phật trong mười phương đều gia hộ Bồ-tát.
6) Nhờ nguyện lực của đức Tỳ-lô-giá-na nên có những việc ấy;
7) Nhờ sức nơi căn lành của Bồ-tát Pháp Huệ nhập định.
8) Nguyên nhân nhập định.
9) Các đức Phật nơi mười phương trao trí.
10) Bồ-tát Pháp Huệ xuất định, nói pháp mười trụ.

Tên Bồ-tát: Ở mười tín, các Bồ-tát đều có tên Thủ. Vì lòng tin là điều kiện đầu của sự phát tâm. Ở mười trụ, việc sanh vào nhà trí

Phật là điều kiện tiên quyết nên các Bồ-tát đều có tên Huệ. Hiểu pháp Phật, đạt trí Phật, phân biệt đúng sai là Pháp Huệ. Nếu mình không có sự hiểu biết như Phật thì không thể phân biệt pháp đúng sai của mình, người. Vui có sự hiểu biết như Phật nên các đức Phật Pháp Huệ ở mười phương xuất hiện trước Bồ-tát để chứng minh và trao trí.

Ý nghĩa của việc nhập định: ở mười tín, tuy tin tâm phân biệt của mình là Phật Bất Động Trí nhưng lòng tin ấy chưa vững, chưa dùng tam muội dung hợp thể, dụng. Vì vậy, mười cõi nước ở mười tín đề có hình sắc, mười tín chưa sống trong pháp tánh, tin hiểu bằng tâm sanh diệt. Người tu, trước là nghe hiểu, tin tưởng, thâm nhập, sau là thâm nhập bằng tâm không suy xét, nhưng trí không tạo tác. Nhờ nhập định, Bồ-tát làm thanh tịnh các tập nhiễm, hiển hiện trí chơn thật. Chánh định là cảnh giới giác ngộ, không suy xét, không hôn trầm trạo cử, không sanh diệt, không chán thích, tự tại hợp lý tánh, tự không đạt. đó là phương tiện, là vô lượng, đoạn trừ vọng tưởng, không suy xét bằng vọng tình, tình thức tội tăm, trí huệ sáng suốt. Định của ba cõi đều do đoạn trừ vọng tưởng; định của Thanh Văn, Duyên giác do tâm chán ghét, quán pháp không, diệt bi trí, vui với sự tịch tịnh; Bồ-tát quyền giáo thích quán pháp không, hành sáu đồ, đoạn khổ, sanh về cõi tịnh. Nếu ở trong sanh tử thì cho là giữ hoặc đồ sanh. không hiểu quy luật tự nhiên của các pháp là không sa khỏi hay chìm đắm. vì vậy định này là phương tiện đội trí tâm không hiểu thể dụng của pháp giới, tham đắm năm dục của chúng sanh, dùng tâm không tạo tác hiện trí căn bản, dùng thể định làm thanh tịnh các vọng tình. tuy là phương tiện nhưng không có phương tiện giả ngoài pháp chơn. Ví như dùng thủy tinh làm sạch nước. nhờ sự trong sạch của thủy tinh biểu hiện thể sạch của nước, không phải thủy tinh làm nước sạch. Định phương tiện cũng thế, dùng sự thanh tịnh không tạo tác của các pháp biểu hiện trí không tạo tác, nhân quả của ba thừa, trời, người ngoại đạo đều là nhân quả có tạo tác. Vì vậy. cõi nước thọ sanh của họ đều không có hình tướng rộng hẹp, sạch nhơ. Trong pháp nhứt thừa, các pháp không dừng trụ, không tạo tác, tự tại, thọ sanh bằng trí không nương tựa, xứng hợp chơn như. Tuy tùy thuận chúng sanh hiện thân nhưng về thể tướng không có sự đến đi, không có thần thông biến hóa, nghiệp quả ba đời hiện trong một sát na nhưng không nhanh chậm, trí huệ hạnh nguyên của kinh này đều thuộc lý trí, không có sự chán thích. Oai lực của định: định có khả năng làm thanh tịnh mọi dục vọng, hiện thân hình, danh hiệu như Phật, hiện trí huệ oai lực như Phật, đạt sự hiểu biết như Phật và được Phật gia hộ, giúp người tu hành sanh vào nhà

Phật, là đệ tử chơn chánh của Phật, định làm thanh tịnh các dục vọng vì thể định không tạo tác, thân tâm như hư không, hiện khắp pháp giới. Định hiển hiện trí Phật vì dịnh không tạo tác, hiện trí không tạo tác. tất cả chúng sanh đều đủ trí Như Lai, vì vọng tình tham đắm năm dục nên dùng định không tạo tác làm phương tiện hiện trí Phật. Định giúp người tu hành có thân tường danh hiệu như Phật vì từ định không tạo tác đạt trí thân, pháp thân thanh tịnh của các đức Phật. vì vậy vô số Phật Pháp huệ xuất hiện trước Bồ-tát, Bồ-tát đạt sự hiểu biết như Phật. số lượng Phật tiểu biểu cho sự tiến tu của Bồ-tát, sự rộng lớn của trí huệ. Với kẻ ngu, có vô số phiền não, với người trí, có vô số Phật. định có khả năng đạt trí Phật, được Phật gia hộ. Có bảy sự gia hộ:

1) Các đức Phật cùng tên xuất hiện.

2) Đức Phật khen ngợi.

3) Được đức Tỳ lô gia hộ.

4) Phật dùng thần lực gia hộ.

5) Nhờ sức căn lành tu định hiện trí.

6) Các đức Phật nơi mười phương trao mười trí, đạt biện tài thuyết giảng như Phật.

7) Các đức Phật đưa tay xoa đầu, đạt trí Phật.

Nhờ định, người tu hành sanh trong nhà Phật, đạt trí huệ giải thoát như Phật. phần sau khi xuất định, Bồ-tát Pháp Huệ nói tên mười trụ có ba ý:

1) Nhân phát tâm, thấy thân tướng trang nghiêm của Phật, nghe pháp Phật.

2) Mười trí thù thắng của Như Lai mà người phát tâm nương tựa.

3) Tu hành theo địa vị. Phần mặt đất chấn động vì oai lực của pháp Phật có bảy ý:

1) Sáu thứ mười tám tướng chấn động.

2) Mười pháp cúng dường của chư thiên.

3) Mười phương đều vang tiếng pháp.

4) Đại đức cảm động khắp mười phương.

5) Bồ-tát trong mười phương đều đến chưng minh.

6) Quả Phật diệu pháp: trí vi diệu thuyết pháp vi diệu.

7) Bồ-tát Pháp Huệ nương oai thần của Phật nói kệ.

200 hàng khen ngợi 200 pháp mười trụ như tưới nước trên đỉnh đầu... biểu hiện cho trí pháp giới không trong ngoài. Vì độ sanh nên hiện thân thuyết pháp. người đạt địa vị này được các đức Phật đưa tay xoa đầu.

16. Phẩm: **PHẠM HẠNH**

Phẩm này cũng có ba phần: Tên phẩm: Phạm: tịnh, dùng hạnh thanh tịnh, đem lại lợi ích cho chúng sanh. Vào đời làm mọi việc đồ sanh nhưng không chứng sắc, mọi hạnh đều thanh tịnh phạm hạnh là chánh niệm, vô niệm, hành nhưng không chấp, vì tạo lợi ích cho cúng sanh nên còn gọi là Đệ nhứt nghĩa thiên. Chư thiên có lòng từ là thiên tử, còn gọi là Pháp Huệ, hành nhưng không chấp là pháp, dùng pháp để phân biệt vọng tình là huệ. Nếu phân biệt bằng vọng tình thì trái với thật lý, không phải là pháp huệ. Căn cứ theo pháp nhơn, tịnh hạnh đủ cả lý, giáo.

Nghĩa phẩm: phẩm trước nêu việc an trụ nơi không trụ của Phật, hành hạnh không hành, đem lại lợi ích cho chúng sanh nhưng không thấy chúng sanh là tịnh hạnh của phẩm này. Nghĩa văn: có bảy ý:

1) (3 hàng) thiên tử chánh niệm thỉnh pháp.

2) (2,5 hàng) mười pháp quán.

3) (26,5 hàng) quán pháp.

4) (10 hàng) quán thân thọ tâm thức và quán pháp Phật bình đẳng.

5) (3,5 hàng) nêu mười trí Phật để tu tập.

6) (3 hàng) hỏi mười lực, phát tâm bi.

7) (4 hàng) hiểu rõ các pháp huyễn, đạt lợi ích, thành Phật.

Quán pháp như thế sẽ đoạn trừ hai kiến thân, biên và sự phân biệt ba đời, làm thanh tịnh ba nghiệp, không phân biệt người quán và pháp quán, không hôn trầm, trạo cử, không sanh diệt, tự tại hợp lý, không suy xét, hiển bày mười cực Phật. Trí Phật sáng suốt, vì mê mờ nên chúng sanh không hiểu rõ. Trí tuy hiện nhưng thể tánh không thay đổi. Trí hiện đoạn trừ vọng tình, hoặc chướng, được tự tại, ở trong hạt bụi không nhỏ, ở trong hư không không lớn, hiện đủ công dụng lớn nhưng không ngoài một sát na, pháp thân rồng lớn không cùng. Nếu thấy dó thì có vô số, nếu thấy không thì không mẩy trần, bản thể không suy xét, không tạo tác nhưng hiểu rõ, sanh tự không thay đổi ý chí, khổ vui không nản lòng. Người không đạt thật lý không thể lường biết được, không do đoạn tâm. vì thế, Như Lai thuyết phẩm Tịnh Hạnh: "Hiểu rõ các pháp, chánh pháp hưng thịnh, đoạn trừ vọng kiến, trí Phật hiện khởi". Đó là ý nghĩa của câu: vừa phát tâm là thành tựu chánh giác, huệ thân, không do người khác chỉ dạy. Vì vậy, kẻ hậu học nên tu hành đúng pháp, không nên chạy theo vọng cảnh mê mờ, trôi lăn mãi (muốn giải rõ nghĩa trên nhưng sợ dùng ngôn ngữ làm chướng ngại thật lý, rối loạn

kẻ hậu học. Cứ theo lời trên sẽ hợp được thật lý). Tịnh hạnh của mười tín là độ thoát chúng sanh, hiểu rõ vạn pháp: mười trụ, hành hạnh vô vi là tịnh hạnh, từ công dụng của tịnh hạnh trở thành công dụng của trí. Phẩm tịnh hạnh không phải chỉ nói về công dụng thành Phật của mười hạnh... mười địa. Từ hạnh không tánh thực hành hạnh thanh tịnh nên tất cả hạnh đều thanh tịnh, hạnh thanh tịnh nên trí thanh tịnh, tâm thanh tịnh, pháp thanh tịnh, pháp giới thanh tịnh, chúng sanh thanh tịnh, cõi Phật thanh tịnh. Hành hạnh bình đẳng là tịnh hạnh.

----

17. *Phẩm:* **CÔNG ĐỨC PHÁT TÂM**

Công đức của người phát tâm như hư không khó lường. Hư không chỉ biểu hiện cho sự rộng lớn, không hình tướng, không ngăn ngại tương xứng với phước trí của tâm bồ đề. Trí huệ của vị này vi diệu, hiện vô số thân như mây, như lưới Đế Thích dùng mồt ngôn ngữ thuyết giảng cho tất cả chúng sanh khắp pháp giới, chúng sanh đều đạt pháp lạc. Phước đức của vị này biểu hiện bằng hình tướng trang nghiệm như thể tánh của cõi Hoa Tạng. Người vừa phát tâm là như Phật. như dòng sông chảy về biển thể tánh của nước là một. Cũng thế, Bồ-tát vừa phát tâm là vào dòng Phật, công đức như Phật vì thời gian của người phát tâm và người thành Phật như nhau, trí huệ là một. Vì thế có câu: “Độ thoát chúng sanh thành tựu quả Phật, hạnh nguyện như Phật, trí thân bồ đề rộng lớn, một sát na cúng dường vô số Phật, giaó hóa vô số chúng sanh”. Đó là sức cùng khắp của trí huệ, không do thần thông biến hóa. Hạnh nguyện của Bồ-tát phát tâm, quả Phật, chúng sanh đều rộng lớn khôn lường. Phẩm này nếu mười công đức khôn lường của Bồ-tát phát tâm. Người phát tâm tu học trong pháp trí Bất Động như Thái tử vừa sinh ra đủ tướng vua, như sư tử con đủ lực của sư tử chúa. Trí hiểu biết của Bồ-tát phát tâm sanh vào nhà Phật như trí huệ của Phật, hiểu rõ ba đời không dài ngắn, vui vẻ giáo hóa chúng sanh, vừa phát tâm là ngồi nơi xe trí Như Lai, tích tắc thành Phật, đồ thoát chúng sanh. người tùy thuận chúng sanh, trải qua ba-tăng-kỳ kiếp tu tập của ba thừa, muốn thành Phật phải chuyển tâm, thâm nhập nhứt thiết trí của nhứt thừa như việc Long Nữ thành Phật trong kinh Pháp Hoa. Tất cả chúng sanh phải hiểu rõ pháp này mới thành Phật, không thể căn cứ nơi ngôn ngữ giả tạm của ba thừa. Vì các pháp vốn vậy. Phần sau của phẩm này có câu: “Bồ-tát cừa phát tâm, vô số Phật khen ngợi, đủ năng lực thuyết giảng,

điều phục chúng sanh, thị hiện thành Phật”. Phẩm này có 40 đoạn, 242 hàng kệ đều khen ngợi công đức phát tâm. Phẩm này cũng có ba phần: Tên phẩm: công đức phát tâm. Vừa phát tâm là hiểu không có sự phân biệt xưa nay. Phát: tâm trống rỗng, trí hiển hiện. Tâm: đoạn trừ hai kiến thân, biên. Công: không tạo tác nhưng thành tựu quá lớn. Đức: giáo hóa không cần quả báo, tướng trang nghiêm. Phước trí rồng lớn là công, thông đạt mọi lẽ là đức. Nghĩa phẩm: phẩm trước nêu công đức của hạnh thanh tịnh. Phẩm này nêu công đức phát tâm. Nghĩa văn có hai: ý kinh, ý văn. Ý kinh: 40 đoạn:

1) (1,5 hàng) Đế Thích hỏi về công đức phát tâm.

2) (3,5 hàng) mười công đức sâu rồng của người phát tâm.

3) (5 hàng) công đức chỉ dạy chúng sanh giữ năm giới trong một tăng kỳ kiếp.

4) (5 hàng) công đức phụng sự chúng sanh không bằng công đức phát tâm.

5) (10 hàng) công đức phát tâm.

6) (2,5 hàng) các công đức khác không bằng công đức phát tâm.

7) (15 hàng) người phát tâm giáo hóa chúng sanh không đoạn hạt giống Phật.

8) (7 hàng) tích tắc thông đạt tất cả.

9) (15 hàng) cảnh giới hiểu biết của người phát tâm khó lường.

10) (6,5 hàng) biết rõ kiếp số thành hoại.

11) (16 hàng) Bồ-tát phát tâm hiểu rõ sự thành hoạt của kiếp số.

12) (6 hàng) sự hiểu biết rộng lớn.

13) (22 hàng) sự hiểu biết của Bồ-tát phát tâm.

14) (6 hàng) biết căn tánh chúng sanh.

15) (5,5 hàng) Bồ-tát phát tâm biết căn tánh chúng sanh.

16) (4 hàng) tâm ham muốn của chúng sanh.

17) (6 hàng) Bồ-tát phát tâm biết sự ham muốn của chúng sanh.

18) (4 hàng) phương tiện rộng lớn.

19) (6 hàng) Bồ-tát phát tâm biết rõ phương tiện độ sanh.

20) (3 hàng) tâm rộng lớn của chúng sanh.

21) (5,5 hàng) Bồ-tát phát tâm biết tâm niệm sai khác của chúng sanh.

22) (4 hàng) nghiệp rộng lớn.

23) (3 hàng) Bồ-tát biết rõ nghiệp của chúng sanh.

24) (7 hàng) phiền não của chúng sanh.

25) (16 hàng) Bồ-tát biết rõ phiền não của chúng sanh.

26) (9,5 hàng) sự cúng dường rồng lớn.

27) (3 hàng) công đức cúng dường của Bồ-tát phát tâm.

28) (10,5 hàng) xây tháp cúng dường.

29) (6,5 hàng) sự cúng dường thuyết pháp của Bồ-tát phát tâm.

30) (4 hàng) vừa phát tâm vừa thành Phật, biết các đức Phật trong ba đời thành Phật... Niết-bàn, đạt trí như Phật.

31) (9 hàng) chí nguyện sâu rồng của Bồ-tát phát tâm.

32) (6 hàng) Bồ-tát phát tâm có trí nhớ như Phật, gặp Phật giảng pháp, tính tấn tu tập, hiểu rõ nhân quả thành Phật.

33) (10,5 hàng) Bồ-tát vừa phát tâm là thành Phật độ sanh như các đức Phật trong 3 đời.

34) (4,5 hàng) Bồ-tát phát tâm hiểu rõ pháp thế, xuất thế không đắm nhiễm.

35) (3,5 hàng) mặt đất chấn động.

36) (2 hàng) chư thiên cúng dường.

37) (4,5 hàng) các đức Phật cùng tên xuất hiện, khen ngợi.

38) (5 hàng) vô số Bồ-tát phát tâm.

39) (9,5 hàng) mười phương đều vang tiếng pháp.

40) (6,5 hàng) Bồ-tát Pháp Huệ quán sát các pháp, nói kệ khen ngợi.

242 hàng kệ, 60 câu có 240 hàng, hai hàng sau: tổng kết.

168 hàng: khen ngợi quả Phật và pháp sáu vị, trí huệ công đức của người phát tâm như Phật, trọn vẹn thể dụng. Cảnh giới của người phát tâm và tâm giống nhau. nếu chí nguyện bi trí không như Phật thì không gọi là Bồ-tát phát tâm. 74 hàng sau: tóm tất về 40 đoạn kinh trên, nêu công đức rộng lớn của người phát tâm.

■

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 18

Nghĩa văn:

1) Đế thích hỏi về công đức phát tâm.

2) Mười phép phát tâm rồng lớn.

3) Sự cúng dường rồng lớn.

4) Sự cúng dường của người thường không thể so sánh với sự cúng dường của Bồ-tát. Công đức cúng dường của người trước không bằng một phần trong trăm ngàn công đức của người này. Pháp lành vô hạn không thể so sánh bằng sự hữu hạn.

5) Mười pháp lành là pháp người cõi dục sanh lên cõi trời, bốn thiền là hạnh nghiệp của cõi sắc. Thiền thứ một đoạn lo, thứ hai đoạn khổ, thứ ba đoạn vui, thứ tư đoạn tịch tịnh. Bốn vô lượng tâm thuộc pháp hữu vi. Bốn định của cõi vô sắc. Đó là hạnh nghiệp của ba cõi. Tu-đà-hoàn đoạn trừ kiến hoặc và sự thọ sanh cõi đời, thọ sanh ở cõi Thánh, vào dòng Thánh. Tư-Đà-hàm đoạn trừ sáu hoặc cõi dục, còn một lần sanh vào cõi dục. A-na-hàm đoạn trừ chín hoặc của cõi dục, sanh vào cõi sắc, không thọ sanh cõi dục. Vị này chưa đoạn nghi trong mười sử nên chưa đạt quả A-la-hán. mười sử: thân, biên, kiến thủ, giới thử, tà kiến (năm phiền não dễ đoạn, chỉ cần hiểu thật đế là đoạn được), tham, sân, si, mạn, nghi (năm phiền não sai sử chúng sanh, khó đoạn trừ). Trong mười sự, Tu-đà-hoàn sai khi hiểu thật đế, nhiếp phục năm sự trước. Tư-đà-hàm đoạn sáu hoặc của cõi dục, ba hoặc tham, si, mạn tuy không hiện khởi nhưng chưa đoạn hết. Vì vậy hai cõi sắc, vô sắc tu định sân không khởi. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm vì chán ghét không để phiền não tăng trưởng, luôn cầu học pháp xuất thế, không tạo nhân sanh trong ba cõi. A-na- hàm vĩnh viễn đoạn trừ chín hoặc, còn phiền não nghi, vì chưa phân biệt rõ về kiến đạo, chưa thoát nghiệp ba cõi. A-la-hán đoạn trừ phiền não nghi. Ba vị trước dù đoạn trừ chín phiền não vẫn chưa được xem là đoãn phiền não, tuy thấy thật đế nhưng chưa phân biệt rõ vô minh nên chỉ là nhiếp phục phiền não. A-la-hán và Bích Chi Phật chỉ

thích pháp xuất thế. Bồ-tát cõi tịnh và Bồ-tát quán pháp không tuy hành sáu Ba-la-mật cũng chỉ thích pháp xuất thế, nên chỉ nhiếp phục vô minh phiền não mà không hiểui vô minh vộn là Phật Bất Động Trí, chỉ dùng pháp quán không để nhiếp phục phiền não. Dù là mười địa cũng chỉ đạt ý sanh thân, chưa đạt nhứt thiuết trí sanh thân của Như Lai. Quán mười chơn như... đoạn trừ mười phiền não thô, không hiểu vô minh vốn là trí căn bản của Như Lai đủ công dụng nhưng luôn tịch tịnh. Trong giáo pháp nhứt thừa, căn cứ quả Phật, chúng sanh vừa phát tâm, hiểu rõ vô minh vốn là trí không phân biệt, đạt công dụng của trí sai biệt, trọn vẹn pháp của tất cả các đức Phật, là người ngồi xe nhứt thiết trí, nếu trí bi nguyện hạnh không giống Phật thì không thành tựu lòng tin, làm sao an trụ nơi Phật an trụ, sanh trong nhà nhứt thiết chủng trí của Như Lai, là đệ tử chơn chánh của Phật, làm mọi việc như Phật? Vì trí bi nguyện hanh bình đẳng, cảnh giới không sai khác, ba đời không ngoài một sát na, dùng định huệ quán sát sẽ thấy được. Đó là học hỏi với bậc thầy chơn chánh, nương trí căn bản để phát tâm. Như văn sau có câu: "Bồ-tát vừa phát tâm thị hiện thành Phật ở khắp mười phương, là người ngồi xe nhứt thiết trí của Như Lai, đạt trí Phật, sanh trong nhà Phật. Người đạt một phần bi trí của Phật là thị hiện thành Phật. Như phần kệ về mười lực của Phật, Bồ-tát tuy chưa chứng đạt nhưng không nghi, từ mỗi lỗ chân lông, Bồ-tát thị hiện vô số cõi nước. Đó là công đức của Bồ-tát phát tâm, đạt một phần trí huệ của Phật như thái tử được một phần quyền hành của vua cha. Mặt đất chấn động, trời người cúng dường là thể hiện cho oai lực của pháp. Đại chúng vui mừng, trời đất cảm động vì thể tánh của tâm cảnh là một, cảnh có từ tâm. Vô số Phật Pháp Huệ xuất hiện là sự dung hợp trí huệ của các đức Phật mười phương. Vô số Phật là sự tiến tu tiến tu đoạn hoặc, ngộ pháp. Việc Bồ-tát phát tâm được thọ ký thành Phật Thanh Tịnh Tâm ở phần sa là biểu hiện cho các pháp đề thanh tịnh. Song kiếp số không nhanh chậm, đó là là danh từ nói về sự ngộ pháp của các vị. Toàn phẩm này khen ngợi công đức phát tâm, công đức của người ban bố tất cả cho chúng sanh, chúng sanh được diệu lạc thù thắng của trời người, chỉ dạy chúng sanh tu học đạt bốn quả sa môn, Bích Chi Phật, quả bồ đề xuất thế của ba thừa, không bằng công đức của người phát tâm thành hạnh Phật, vì thế cảnh giới chúng sanh thành Phật của hai pháp hoàn toàn khác nhau. Văn sau của phẩm này có câu: "Bồ-tát vừa phát tâm không phân biệt ba đời, không thấy có sự chứng đạt quả pháp Phật, Bồ-tát, độc giác, Thanh Văn, chỉ phát tâm trong trí nhứt thiết, không tham chấp. Pháp bồ đề có bốn: Thanh Văn, Duyên

Giác, Bồ-tát quyền giáo; Bồ-tát, Phật nhứt thừa ba pháp bồ đề trước là pháp xuất thế, pháp sau là pháp bồ đề trọn vẹn bi trí muôn hạnh, không ra khỏi, không chìm đắm. Người học ba thừa tuy quán bốn đế, 12 duyên, nhưng chưa hiểu thật thể của các pháp ấy. Không phải chỉ hàng nhị thừa không hiểu, ngay cả mười địa cũng chưa hiểu. Chỉ Bồ-tát nhứt thừa dùng trí quán sát biết rõ. Có thể nói, ba thừa tuy quán bốn đế, 12 duyên, hành sáu Ba-la-mật nhưng luôn ghét khổ, thích pháp vui, cầu pháp xuất thế, Bồ-tát phát tâm bi lại là giữ hoặc độ sanh. Bồ-tát nhứt thừa dùng trí quán bốn đế 12 duyên, không phân biệt trói buộc, giải thoát trong sanh tự Niết-bàn. vì vậy kinh này nói mười đế, 12 duyên là Vô minh, là Khổ đế. Tất cả đều là pháp duyên sanh trong pháp giới nhứt thừa. Mắt tai mũi lưỡi, oai lực thần thông đều không ngoài pháp giới, đều nhờ sức quán chiếu định huệ biểu hiện. Vì vậy, người tu nên thực hành chứng đạt như thế.

----

18. *Phẩm:* **MINH PHÁP**

Phẩm này cũng có ba phần: Tên phẩm: minh pháp, nói rõ công đức rộng lớn của năm phẩm: lên núi tu di, nói kệ khen ngợi, mười trụ, phạm ngợi, công đức phát tâm. câu hỏi của Bồ-tát tinh tấn Huệ có hai ý:

1) Để đại chúng hiểu rõ pháp của năm phẩm trước.

2) Để hiểu rõ pháp sau, trọn vẹn nguyện lớn, hiểu tạng Bồ-tát. Tức là hỏi về phương pháp tu hành mười hạnh, trưởng dưỡng pháp mười trụ. Nghĩa phẩm như tên phẩm. Nghĩa văn có hai: ý kinh, nghĩa văn.

- Ý kinh: ba đoạn:

1) (33,5 hàng văn xuôi, 55 hàng kệ), Bồ-tát Tinh Tấn Huệ hỏi pháp.

2) (6 hàng) Bồ-tát Pháp Huệ nhận lời diễn giải.

3) (phần còn lại) Bồ-tát Pháp Huệ giải thích. Đoạn Bồ-tát Tinh Tấn Huệ hỏi pháp có hai phần: 1) Ý đoạn văn; 2) Nghĩa văn.

- Ý văn có ba:

1) (12 hàng) Bồ-tát Tinh Tấn Huệ hỏi.

2) (21 hàng) Bồ-tát Tinh Tấn Huệ nêu pháp tu tập và lợi ích của mười trụ, thỉnh Bồ-tát Pháp Huệ nói pháp tu tập.

3) (1 hàng) Bồ-tát Tinh Tấn Huệ nói kệ.

Nghĩa văn: Nhĩ thời: lúc thuyết pháp. Bồ-tát Tinh Tấn Huệ siêng

năng trong tu tập. Huệ: soi chiếu. Tinh tấn: không vọng tưởng. Dùng đuốc huệ không vọng tưởng soi rọi biết rõ các pháp vốn không tạo tác, không dụng công, tịch tịnh. Các pháp tịch tịnh là Tinh, trí không dụng công biết rõ căn tánh tạo lợi ích cho chúng sanh là Tấn. Hỏi Bồ-tát Pháp Huệ: Hỏi về câu cú văn nghĩa. Ngồi xe nhứt thiết trí nhập mười trụ. Bồ-tát ngồi xe nhứt thiết trí, sanh trong nhà Phật, là đệ tử Phật, được Phật ủng hộ. Đạt tạng công đức của Bồ-tát là đạt mười tạng trí bi của mười hồi hướng. Câu: dùng phương tiện gì... nói 100 pháp. Sáu thông: thần thông (trí hiện vô số sắc thân tạo lợi ích cho chúng sanh trong tích tắc), Thiên nhĩ thông (tai nghe rõ tiếng của mọi loài trong mười phương), thiên nhãn thông (mắt thấy rõ mọi sắc tướng), túc mạng thông (biết nghiệp quả sanh tử của chúng sanh trong ba đời), Tha tâm thông (hiểu rõ tâm niệm của chúng sanh trong ba đời), lậu tận thông (biết rõ các pháp, đoạn trừ dục ái). Ba minh: túc mạng, thiên nhãn, lậu tận. Bốn vô úy như trước. Tướng tốt: mười thân cao lớn, lục vô sở úy: mười lực (như phần trước). Tác giả nói kệ: biết rõ nhân quả của chúng sanh, định tâm kiên cố như dãy núi, căn tánh chúng sanh thượng trung hạ, cho nên tham dục nhiều vô kể. Các pháp thế gian pháp xuất thế, tất cả đều có sự sai khác, túc mạng biết rõ nghiệp ba đời, thiên nhãn thấy biết các hình sắc, phân biệt thông hiểu pháp mười phương tâm không đắm nhiễm không tham trước, mười pháp tự tại vô ngại ấy, là mười oai lực của Như Lai. 18 pháp bất cộng như trước. Nhứt thiết trí là chủng chủng vô tận trí, trí sai biệt không cùng. Phần thọ trì pháp có hai: Bồ-tát phát tâm thọ trì tạng pháp của tất cả các đức Phật, diễn thuyết cho chúng sanh, được trời thần, Như Lai ủng hộ. Phần kệ có 22 hàng, hai hàng khen ngợi người thuyết pháp; hai hàng khen ngợi trí huệ phước đức vượt trên thế gian của người phát tâm; hai hàng nói về hạnh tăng tiến; hai hàng trí độ sanh không đắm trước; hai hàng đồ sanh đẻ pháp Phật không mất; hai hàng thành tựu pháp giải thoát thù thắng nên thỉnh Bồ-tát thuyết giảng, phá trừ u ám, hàng phục ma chướng; hai hàng: pháp hư lai đạt; hai hàng: vì sao giảng pháp Như Lai; hai hàng cuối: người pháp tâm không sợ, không đắm trước như sư tử, hoa sen. phần nhận lời thuyết pháp: Bồ-tát Pháp Huệ khen ngợi người hỏi. Phần giảng thuyết có hai: Ý kinh, nghĩa văn. Ý kinh: toàn phẩm được chia thành 20 đoạn:

1) (10 hàng) mười pháp không phóng dật của mười trụ.
2) (10,5 hàng) an trụ pháp không phóng dật, đạt pháp thanh tịnh.
3) (11 hàng) thực hành mười pháp, các đức Phật vui vẻ.
4) (6 hàng) an trụ mười pháp.

5) (8 hàng) thực hành mười pháp là an trụ các địa.

6) (10 hàng) tăng tiến trong các địa.

7) (8 hàng) hạnh thanh tịnh.

8) (8 hàng) sự tăng tiến.

9) (7 hàng) hạnh nuyện đồ sanh rộng lớn.

10) (7 hàng) hành mười pháp trọn vẹn hạnh nguyện.

11) (8 hàng) mười vô tận tạng.

12) (16 hàng) Bồ-tát biết căn tánh tạo lợi ích cho chúng sanh.

13) (52,5 hàng) thực hành mười pháp Ba-la-mật đem lại lợi ích cho chúng sanh.

14) (18 hàng) làm cho ngôi tam bảo trường tồn.

15) (30 hàng) thị hiện mười pháp trang nghiêm để người thấy phát tâm, trừ lỗi chấp không.

16) (23 hàng) Bồ-tát vừa phát tâm đạt pháp bình đă3ng như Phật, giảng thuyết pháp Phật.

17) (13,5 hàng) sống trong đại chúng nhưng không lo sợ, tự tại giảng thuyết, không bị ràng buồc.

18) (1 hàng) Bồ-tát Pháp Huệ nói kệ khen ngợi.

19) 20 hàng kệ.

20) Người nghe pháp vui vẻ thực hành.

Nghĩa văn: giải thích phần khó hiểu của văn kinh: câu: trụ định không hôn trầm trạo cử: không sống trong định diệt tận của Thanh Văn, không sống trong định của hai cõi sắc, vô sắc (thiền thứ một của cõi sắc đoạn lo buồn của cõi dục, thích sống tịch tịnh, bị nạn nước, kinh Lăng Già chép: mải mê vọng tưởng sanh trong kiếp có nạn nước; thiền thứ hai đoạn khổ cõi dục khinh an tịch tịnh, có giác quán, còn thích cõi tịnh, bị nạn lửa; thiền thứ ba không giác quán nhưng còn vui với niềm vui thiền định, bị nạn gió; thiền thứ bốn thân tâm tịch tịnh đoạn hơi thở, không vui buồn, không bị ba nạn, sắc thân tịch dịnh, y phục vàng ánh, thân cao 20 dặm, áo dài 40 dặm, các thiền trước bằng một nửa. Bốn thiền đều tịch tịnh tâm ý. Bốn định của cõi vô sắc đoạn trừ tâm mong cầu an trụ được tịch tịnh. Đoạn sắc tịnh cõi sắc, thành tựu định không xứ; đoạn trừ thức thấy không, thành tựu định thức xứ; đoạn trừ tâm không sở hữu và vọng tưởng về không, thành tựu định phi tưởng phi phi tưởng xứ. Như vậy các định ấy đều còn sự phân biệt, chưa đạt tự tại. Không hôn trầm, trạo cử, xứng hợp chơn lý, đủ tịnh dụng, không tạo tác nhưng luôn đem lại lợi ích mới cho chánh định. Tham năm dục nơi cõi dục là trạo cử, chấp trước nơi định cõi sắc, vô sắc là hôn trầm. Định của

Thanh văn, Duyên giác là hôn trầm, định của Bồ-tát quán không, hành sáu Ba-la-mật sanh về cõi tịnh là trạo cử. Như vậy định của ba thừa giáo đều là định còn hôn trầm, trạo cử, vì còn phân biệt tịnh nhiễm, không thấy chơn lý của đạo, còn yêu ghét. Định của nhị thừa tuy không còn mê hoặc của ba cõi nhưng đều hàng phục mê hoặc bằng tâm chán ghét, không chấp ngã nhưng không có bi trí. Người an trụ diệt tận định tuy gõ trống bên tai cũng không nghe thấy, dùng lửa biến hóa thiêu thân phần đoạn sanh tử. Việc đoạn trừ hoặc chướng của ba thừa gần giống nhau. Vì thế ba thừa có thể phân tích thành chín thừa. Như kinh Thắng man có câu: "Hàng phục phiền não ba cõi đạt ý sanh thân, không có thân phần đoạn sanh tử, còn biến dịch sanh tử, không tự tại độ sanh, chưa hợp chơn pháp". Trong đại thừa, Bồ-tát giữ hoặc độ sanh có (30?) tâm: tập chủng tánh, tánh chủng tánh, đạo chủng tánh. Sau đó Bồ-tát nhập Thánh chủng tánh, quán 37 phẩm trợ đạo, hành mười Ba-la-mật. Việc ấy tuy giống nhau nhưng căn cứ trên cảnh giới độ sanh, số lượng Phật vị ấy phụng sự, đạt ý sanh thân, trí sanh thân, đủ nhân quả thành Phật thì có sự khác nhau. Vì thế định của Bồ-tát giữ hoặc độ sanh cũng còn hôn trầm, trạo cử, chỉ đạt ba ý sanh thân, chưa đạt trí sanh thân của Như Lai. Dù là Bồ-tát địa 8, 9, 10 đạt ba ý sanh thân, quán pháp không, không khởi phiền não, tự tại với ý sanh thân, vẫn không được sanh trong nhà nhứt thiết trí của Như Lai. Không có nhân ấy nên tự cho rằng bA-tăng-kỳ kiếp mới thành Phật. Bồ-tát địa thứ một cúng dường 100 đức Phật, hóa độ chúng sanh trong trăm cõi Phật, đạt trăm pháp. Trong kinh Hoa Nghiêm, Bồ-tát phát tâm nhứt thiết chủng trí của Như Lai là phát tâm bồ đề. Sanh trong nhà nhứt thiết trí của Phật, vừa phát tâm là thành Phật, đủ trí Phật. Vì trong cảnh giới trí không có sự nhanh chậm. Cứ thế, số Phật, số cảnh giới hóa độ tuần tự tăng dần là thể hiện cho sự tăng tiến, nhưng về thể tánh một là tất cả, không thể hạn lượng. Các pháp bốn niệm xứ, bốn tâm vô lượng, mười Ba-la-mật... đều không thể hạn lượng. Vì vậy định của trụ thứ nhứt không phải là định còn hôn trầm, trạo cử của thế, xuất thế gian. Câu: nhập thiền định đạt thần thông của Phật: thần thông của cõi vô sắc, vô sắc là đoạn vọng tưởng, tịch tịnh; thần thông của nhị thừa có từ định; thần thông của Bồ-tát cõi tịnh là đạt tịch tịnh ý lạc... ba ý sanh thân. Nghĩa của câu trên là tâm hiểu thật lý, không ra vào, không tịch loạn, không tạo tác, tự tại hợp chơn như, không sanh khởi, không nhiếp phục, hợp lý trí chơn thật, hiện khắp mười phương ba cõi, túy thuận chúng sanh hiện thân độ thoát nhưng không đến đi, không biến hóa, trí không nương tựa, thể không hình sắc, tánh không đến đi, tự tại

rộng lớn, không thuộc ba đời nhưng có trong ba đời. Kinh dạy: trí hiểu rõ ba đời nhưng không đến đi. Ba đời là vọng tưởng của chúng sanh, không thật có. Thần: trí không hình sắc, không tạo tác, tùy thuận hóa đồ chúng sanh. Thông: đi khắp mười phương, biết tất cả pháp, hiểu căn tánh chúng sanh. Câu: tu hạnh thanh tịnh bằng pháp không tạo tác: từ pháp không tạo tác, biết căn tánh tùy định độ sanh, mọi hạnh đều là hạnh độ sanh, không tạo tác không sanh khởi, luôn ở trong mười phương đem lại lợi ích cho chúng sanh nhưng không đắm nhiễm. Câu: cùng một thể tánh như các đức Phật ba đời: cùng một pháp thân trí huệ, vô số kiếp là một sát na, trọn vẹn bi trí như Phật. Câu: nhập thiền định đạt thần thông của Phật: thần thông của cõi vô sắc, vô sắc là đoạn vọng tưởng, tịch tịnh; thần thông của nhị thừa có từ định; thần thông của Bồ-tát cõi tịnh là đạt tịch tịnh ý lạc... ba ý sanh thân. Nghĩa của câu trên là tâm hiểu thật ý, không ra vào, không tịnh loạn, không tạo tác, tự tại hợp chơn như, không sanh khởi, không nhiếp phục, hợp lý trí chơn thật, hiện khắp mười phương ba cõi, tùy thuận chúng sanh hiện thân độ thoát nhưng không đến đi, không biến hóa, trí không nương tựa, thể không hình sắc, tánh không đến đi, tự tại rộng lớn, không thuộc ba đời nhưng có trong ba đời. Kinh dạy: trí hiểu rõ ba đời nhưng không đến đi. Ba đời là vọng tưởng của chúng sanh, không thật có. Thần: trí không hình sắc, không tạo tác, tùy thuận hóa độ chúng sanh. Thông: đi khắp mười phương, biết tất cả pháp, hiểu căn lành chúng sanh. Câu: tu hạnh thanh tịnh bằng pháp không tạo tác: từ pháp không tạo tác hành vô số hạnh, ở đâu cũng thanh tịnh, trí không tạo tác, biết căn tánh tùy thuận độ sanh, mọi hạnh đều là hạnh độ sanh, không tạo tác không sanh khởi, luôn ở trong mười phương đem lại lợi ích cho chúng sanh nhưng không đắm nhiễm. Câu: cùng một thể tánh như các đức Phật ba đời: cùng một pháp thân trí huệ, vô số kiếp là một sát ma, trọn vẹn bi trí như Phật. Câu: mười pháp để Bồ-tát an nha an nhập các địa: Bồ-tát trụ thứ nhứt biết rõ pháp của các trụ, hạnh, hồi hướng địa... vì một là tất cả, tất cả là một, ngay nhân là quả, ngay quả là nhân. Như đồng tử Thiện Tài gặp Bồ-tát Di Lặc, Bồ-tát Di Lặc lại làm cho Thiện Tài thấy Bồ-tát Văn Thù vì nhân quả giống nhau không tách rời. Bồ-tát vừa phát tâm là thành Phật đủ hạnh Bồ-tát, đủ nhân quả Phật. Vì vậy một đời ba đời thành Phật là một. Một đời thành Phật: ngay "Thân phần đoạn sanh tử" do cha mẹ sanh ra, phát lòng thấy đạo, tu tập bỏ thân này nhập "Thân biến dịch sanh tử". Khoảng thời gian ấy không ngoài một sát na, không phân biệt xưa nay, không có tánh phần đoạn hay biến dịch, các pháp đều huyễn

không sanh diệt, không ba đời. Vì vậy Bồ-tát trụ thứ nhứt hiểu rõ pháp của các vị khác, không phân biệt nhanh chậm. Hãy suy xét bằng trí sẽ biết được. Câu: biết chúng sanh và Phật cùng một thể tánh: Bồ-tát nơi ba thừa biết chúng sanh có Phật tánh. Ở đây, Bồ-tát biết rõ chúng sanh và Phật cùng một tánh nhứt thiết trí. Phần sau của kinh có câu: ba ngàn đại thiên cõi nước nằm trong thân chúng sanh đạt trí ấy. Trí thông đạt lý tánh là nhứt thiết trí. Trí sai biệt là nhứt thiết chủng trí. Câu: nghe nói cõi Phật, nguyện sanh về cõi Phật: tích tắc đi khắp mười phương, cúng dường các đức Phật nhưng không thấy có đến đi. Các định thứ đệ: Bồ-tát tuần tự nhập bốn định cõi sắc, tùy thuận nhập bốn thiền cõi vô sắc, hoặc ra vào tự tại vượt trên thứ tự. Như phần Xà Duy trong kinh Niết-bàn dạy: nhập thiền thứ một, xuất thiền thứ ba; nhập định không xứ, xuất định vô sở hữu xứ; nhập định phi tưởng xứ, xuất định không xứ. Như định Phương Võng trong kinh này dạy: nhập định ở một phương, xuất định ở mười phương và ngược lại. Trí ấn Tam-ma- bát-để: đủ tịch dụng, ấn định các pháp như mọi hiện tượng hiện trong nước sạch. Trí thanh tịnh ấn định các pháp, không phân biệt chủ thể khách thể, không người tạo tác. Câu: quán sát các pháp hiểu thật tướng: hiểu rõ các pháp bằng trí không tạo tác, không nương tựa, không vọng tưởng, không chấp trước phân biệt ba đời bằng vô minh. Nhập định chơn thật: nhập định không phân biệt ba cõi, không hôn trầm trạo cử, nhiễm tịnh của ba thừa. Đoạn trừ vọng kiến: đoạn trừ phân biệt có, không và 62 kiến chấp (đối với các pháp chấp thường, vô thường, vừa thường, vừa vô thường, không phải thường, không phải vô thường. Năm ấm có 20 kiến, kết hợp ba đời thành 60 kiến thêm hai kiến trên thành 62 kiến). Phổ môn huệ: trí hiểu biết căn tánh của tất cả chúng sanh và các pháp. Với chúng sanh an trụ định cõi sắc, Bồ-tát dạy chúng quán định; với chúng sanh an trụ định không tướng của cõi vô sắc, Bồ-tát dạy quán trí vi diệu, đem lại lợi ích cho chúng sanh không vọng tưởng. 6 pháp hòa kính: thân, khẩu, ý, giới, thí kiến. Gieo hạt giống Phật vào ruộng chúng sanh: chỉ dạy trí bồ đề cho chúng sanh. Pháp lành: pháp thù thắng. Hàng kệ cuối là phần đại chúng nghe pháp vui vẻ phụng hành. Lên cõi Đao lợi là phần tựa, nói kệ khen ngợi là phần chính, mặt đất chấn động trời người cúng dường là phần kết.

----

19. *Phẩm:* **LÊN CÕI DẠ MA**

Phẩm này cũng có ba phần: Tên phẩm: lên cõi Dạ ma. Dạ ma: thời phần. Cõi này không tính thời gian theo mặt trời mặt trăng mà tính bằng sự nở khép của hoa sen. mười hạnh biết rõ thời cơ hóa độ chúng sanh, biết dùng pháp lành hợp với trời, người, nhị thừa, ba thừa, nhứt thừa. mười trụ nói ở núi Tu Di vì mười tín vượt trên phàm phu, mười trụ đoạn trừ chấp tướng (núi Tu Di như trước đã giải thích) không thể dùng tâm mong cầu để đạt pháp mười trụ. Bồ-tát không mong cầu, không tạo tác, tự tại hợp mọi pháp là đạt pháp mười trụ. mười hạnh được nói ở cõi Dạ ma. Cõi này trụ trong hư không, không giao tiếp với người. Cũng thế, mười hạnh tu hành pháp không, biết thời cơ tạo lợi ích cho chúng sanh. mười hồi hướng được nói ở Đâu suất. Cõi này ở giữa cõi dục, vui với hạnh biết đủ. mười hồi hướng chuyển trí vào đời độ sanh nhưng không mong cầu. mười địa được nói ở cõi Tha hóa (bỏ cõi Hóa lạc vượt trên cõi dục) Bồ-tát mười địa vượt trên dục vọng, giáo hóa ma vương. Lên cõi thiền thứ ba nói pháp Phật hoalà viên mãn hạnh Phổ Hiền, thuyết pháp làm vui lòng chúng sanh. Thiền thứ tư là quả Phật. Đó là thứ tự tu tập của các vị. Song về thật lý, các pháp là một, không đến đi. Vì thế có câu: “Không rời điện Phổ Quang Minh, đạo tràng bồ đề, lên cõi Đao lợi...”. Pháp nói ở cõi thiền thứ ba là Như Lai đưa hàng Bồ-tát Thanh Văn ra khỏi chấp trước: Như Lai thành Phật ở cội bồ đề, thuyết giảng giáo pháp... Nghĩa kinh: sự tăng tiến của mười hạnh. Nghĩa văn cũng có hai phần: ý kinh: 49 hàng phân thành 10 đoạn:

1) (3,5 hàng) chúng sanh mười phương đều thấy Như Lai.

2) (2 hàng) không rời điện Phổ Quang, đạo tràng bồ đề... lên cõi Dạ ma.

3) (14 hàng) vua cõi Dạ ma thấy Phật đến, hóa hiện bảo tòa và cung kính đón Phật.

4) (2,5 hàng) vua cõi Dạ ma thỉnh Phật vào cung.

5) (1 hàng) Như Lai nhận lời, mười phương đều như vậy.

6) (1,5 hàng) nhớ lại nhân xưa, vua nói kệ khen Phật.

7) (20 hàng) mười đức Như Lai đến cõi này.

8) (2,5 hàng) mười phương cùng khen Phật.

9) (2 hàng) Như Lai vào điện, cung điện tự nhiên rộng ra.

10) Cõi nước trong mười phương đều như vậy.

Ý văn: câu: bấy giờ... đối diện với Phật: Phật hiện khắp mười phương. Không rời bồ đề, núi Tu Di... lên cõi Dạ ma: trí hiểu rõ, hiện thân độ sanh, không đến đi. Vua thấy Phật đến: mười trụ hướng đến

mười hạnh. Dùng thần lực hóa hiện bảo tòa: hạnh có từ trí rỗng lặng không phân biệt chủ thể khách thể. Tòa Liên hoa: thành tựu hạnh không tạo tác, không nhiễm trước. Tạng: hạnh không hành, hàm tàng mọi pháp lành. Sư tử: không sợ, dùng trí vô vi vào sanh tử nên không sợ. Trăm vạn bậc cấp: sự tăng tiến của các vị. Lưới vàng bao quanh: quả độ sanh của hạnh. Vòng hoa, tràng phan... độ sanh bằng bốn nhiếp pháp. Bảo cái: độ sanh bằng bốn vô lượng tâm. Trăm vạn ánh sáng: dùng mắt trí quán sát căn tánh, hóa độ chúng sanh. Cung kính đảnh lễ: không cao ngạo Phạm Vương vui mừng: vui vẻ độ sanh. Trăm vạn Bồ-tát khen ngợi: hiền Thánh khen hạnh độ sanh. Trỗi nhạc trời: quả của hạnh thuyết pháp độ sanh. Bốn mây: hạnh từ bi độ sanh. Bảo cái, mây: tùy căn tánh độ sanh. Có từ trăm vạn căn lành: từ căn lành có được sự trang nghiêm. Thiện lai thiện thệ: đoạn trừ tai nạn ác độ. Thệ: độ thoát chúng sanh nhưng không bị ràng buộc. Phật nhận lời: tinh tấn nhập mười hạnh. Công đức khắp mười phương: sự thăng tiến. mười Phật đến dự: lý trí hợp với Phật. tên Phật: pháp của mười hạnh và Phật giống nhau. trong mười trụ, Đế Thích thấy Phật, vào cung trang nghiêm tòa sư tử Phổ Quang Minh từng là nhập trí Phật bằng định. Phổ Quang Minh tàng: trí chiếu khắp pháp giới. Ở đây, vua cõi Dạ ma thấy Phật. bày tòa sen là dùng hạnh độ sanh, đưa chúng sanh vào cảnh trí Phật. Hóa hiện bảo tòa: thể tánh của hạnh nương trí tiếng không của mười trụ, không pháp thân, không an lập, mọi việc như biến hóa. Năm hàng sau cũng là phần mười phương khen ngợi Phật. Như Lai vào điện, điện tự nhiên rộng ra: đạt mười hạnh, trí rộng mở, biết cảnh giới Phật.

----

20. *Phẩm:* **Ở CÕI DẠ MA NÓI KỆ KHEN GỢI**

Phẩm này cũng có ba phần: Tên phẩm: lên cõi Dạ ma nói pháp mười hạnh, mười Bồ-tát Công Đức Lâm... nói kệ khen ngợi pháp mười hạnh. Nghĩa phẩm: trước khi nói pháp mười hạnh phải nói kệ khen ngợi nhân quả của mười hạnh. Nếu không thì không thể nói pháp mười hạnh. Nghĩa văn có hai: ý kinh, nghĩa văn. Ý kinh: có năm đoạn:

1) (13,5 hàng) mười Bồ-tát trình bày việc tu hành nhân quả Phật.
2) (2 hàng) Bồ-tát mười phương đến đó.
3) (2 hàng) nơi phóng ánh sáng.
4) (1 hàng) quán pháp nói kệ.
5) (10 đoạn kệ) nhân quả mỗi hạnh trong mười hạnh.

Nghĩa văn: 13/5 hàng đầu phân thành ba phần:

1) Nhân quả của tên Bồ-tát.

2) Khoảng cách cõi nước.

3) Bồ-tát cùng tên hiện khắp mọi nơi.

Nhân quả của tên Bồ-tát: Bồ-tát Công Đức Lâm: (trong mười trụ, Bồ-tát vừa sanh trong nhà Phật nên có tên Huệ) vị này phước trí rộng lớn nên là Lâm (rừng: rộng lớn, che chở, trang nghiêm, sum suê) Bồ-tát mười hạnh trang nghiêm hạnh nguyện bằng trí không tánh, che chở giáo hóa tất cả chúng sanh, nở hoa bồ đề cho mình, người. Như sông có rừng, các loài chim tụ về, Bồ-tát là nơi chúng sanh nương tựa. Hạnh thứ một tu thí Ba-la-mật như thiện tri thức Thiện Kiến ở nước Tam nhãn, cõi nước tên Thân huệ. mười hạnh sanh từ trí Phật, gần gũi tất cả chúng sanh, Phật tên Thường Trụ Nhãn: thọ sanh bằng trí Phật, biết căn tánh, độ thoát chúng sanh, an trụ trong mắt trí, dạy chúng sanh đạt mắt trí. Công Đức Lâm là người hành pháp, cõi Thân huệ là nhân tu, Phật Thường Trụ Nhãn là quả. Bồ-tát Huệ Lâm: trí huệ rộng lớn, là hạnh nhiêu ích, dùng trí huệ đem lại lợi ích cho chúng sanh, dạy chúng sanh không mê hoặc, thực hành giới Ba-la-mật. Trí huệ là thể của giới, như thiện tri thức Thiên chủ hành giới Ba-la-mật, xem việc tốt xấu trong xóm làng bằng pháp tướng pháp ấn, pháp tức (mười trụ dùng pháp thân làm thể của giới). Bồ-tát Huệ Lâm là người hành pháp, cõi Tràng Huệ là tu nhân (dùng trí làm thể của giới nên vào sanh tử nhưng không khuynh động) Phật Vô Thắng Nhãn là quả (dùng mắt trí biết căn tánh chúng sanh). Bồ-tát Thắng Lâm là hạnh Vô Vi Nghịch (luôn thuận hợp), chuyên tu nhẫn Ba-la-mật. Trong các hạnh, nhẫn là hạnh cao thượng, không nhẫn nại thì không thành tựu hạnh nguyện. Thiện tri thức là nữ cư sĩ Cụ Túc. Nhẫn Ba-la-mật bao hàm tất cả hạnh từ bi hỷ xả, y trắng phủ tóc... là tướng của giới nhẫn. Nhà của nữ cư sĩ có bốn cửa là bốn nhiếp pháp. 10 ngàn người hầu là hạnh nguyện. Cứu chúng sanh bằng một pháp nhỏ là đoạn trừ cao ngạo, độ sanh bằng bốn nhiếp pháp. Bồ-tát Thắng Lâm là người tu, cõi Bảo Huệ là pháp tu (nhẫn là báu vật) Phật Vô Trụ Nhãn là quả (tu tập nhưng không chấp). Bồ-tát Vô Úy Lâm chuyên tu tinh tấn Ba-la-mật, vào đời độ sanh nhưng không sợ, là hạnh Vô Khuất Nhiễu. Vị này dùng trí biết thời cơ, pháp tắc, căn tánh của chúng sanh để độ thoát mà không chấp công việc. Thiện tri thức ở hạnh này là cư sĩ Minh Trí (dùng trí sáng đem lại lợi ích cho chúng sanh) ở thành Đại hưng là tinh tấn, ở ngã tư đường là lợi ích rộng rãi. Biết tâm niệm của chúng sanh, nhìn lên hư không. Hư không là nguồn gốc của các pháp. Cũng thế, mọi công đức đều có từ trí rỗng lặng. Bồ-tát Vô Úy Lâm là người

hành pháp, cõi Thắng Huệ là pháp tu, Phật Bất Động Nhãn là quả (sự tinh tấn không bị thay đổi theo hoàn cảnh). Bồ-tát Tâm Quí Lâm là hanh Vô si loạn, chuyên tu thiền Ba-la-mật, hành thiền bằng tâm hổ thẹn. Từ thiền định, trí huệ phát sanh, hành hạnh không si loạn. Trưởng giả Bảo Kế là thiện tri thức của hạnh này. Ở trong chợ: thể của thiền là tịch tịnh ngay trong náo loạn. Đưa Thiện Tài về chỗ ở: chỉ dạy, vào sanh tử, đưa chúng sanh đến quả trí, quán quả biết nhân. nhà có mười tầng tám cửa: tám cửa là tám Thánh đạo, mười tầng là quả của mười Ba-la-mật. Thể của định bao gồm muôn hạnh. Bồ-tát Tâm Quí Lâm là người hành pháp, cõi đăng huệ là pháp tu. Phật Thiên Nhãn là quả (định thanh tịnh các căn). Bồ-tát Tinh Tấn Lâm là hạnh Thiện Hiện, chuyên tu Bát-nhã Ba-la-mật. Dùng trí hạnh đem lại lợi ích cho chúng sanh. Trưởng giả Phổ Nhãn là thiện tri thức ở hạnh này. Trước cứu mạng chúng sanh, cho chúng sanh ăn uống, sau thuyết pháp chỉ dạy. Tất cả đều thuận căn tánh của chúng sanh. Đó là sự thành tựu của trí huệ. Bồ-tát Tinh Tấn Lâm là người hành pháp, cõi Kim Cang Huệ là pháp tu (trí huệ phá trừ phiền não) Phật Giải Thoát Nhãn là quả. Bồ-tát Lực Lâm là hạnh Vô trước, chuyên tu phương tiện Ba-la-mật. Dùng phương tiện vào đời độ, nhưng không tham đắm, thành tựu từ bi. Vua Vô Yểm Túc là thiện tri thức của hạnh này. Vì lòng vua hóa thân làm việc ác, lại hóa người truy bắt trừng phạt để chúng sanh kinh sợ, không làm ác. Bồ-tát Lực Lâm là người hành pháp, cõi An Lạc Huệ là pháp tu (thành tựu từ bi) Phật Thẩm Đế Nhãn là quả (biết căn tánh chúng sanh hóa độ hợp cơ). Bồ-tát Hạnh Lâm là hạnh Nan Đắc, chuyên tu nguyện Ba-la-mật, đạt hạnh khó đạt. Đại Quang là thiện tri thức ở hạnh này. Hạnh thứ tám dùng trí tùy hạnh nguyện đem lợi ích cho chúng sanh. Bồ-tát Hạnh Lâm là người tu, cõi Nhựt Huệ là pháp tu (trí sáng như mặt trời) Phật Minh Tướng Nhãn là quả. Bồ-tát Giác Lâm là hạnh Thiện Pháp chuyên tu lực Ba-la-mật. Nữ cư sĩ Bất Động là thiện tri thức ở hạnh này. Vì sao là nữ? Vì pháp sư là người thuần khiết, từ bi nhu hòa, trải qua vô số kiếp phát tâm tu tập, không đắm nhiễm. Bồ-tát Giác Lâm là người tu, cõi Tịnh Huệ là pháp tu, Phật Tối Thượng Nhãn là quả (trí huệ thanh tịnh). Bồ-tát Trí Lâm là hạnh chơn thật, chuyên tu trí Ba-la-mật. Ngoại đạo biến Hành là thiện tri thức ở hạnh này, đạt trí tự tại, sống với ngoại đạo để nhiếp phục tà kiến. Câu: "Ta đã từng sống với 96 ngoại đạo trong ba ngàn cõi" là biểu hiện ý trên. Bồ-tát Trí Lâm là người tu, cõi Phạm Huệ là pháp tu, Phật Hám Thanh Nhãn là quả (trí là đuốc sáng soi chiếu tất cả).

Khoảng cách cõi nước: mười phương đều có một Bồ-tát lớn, mỗi

Bồ-tát có vô số Bồ-tát bạn từ các cõi đến dự đại hội này. số lượng là sự tăng tiến của trí. Vì mê tâm cảnh nên mượn vô số bụi để tính, mê chấp chạy theo cảnh là cách vô số cõi; đoạn chấp trí hiện là đến dự đại hội. Bồ-tát cùng tên là trí sáng hiện khắp. Tâm mê trần cảnh là vô minh, tâm ngộ trí hiện là thông đạt, đủ trí nhứt thiết chủng. Khi mê, mọi cảnh đều là hoặc chướng; khi ngộ, mọi cảnh đều là trí sáng. Bồ-tát lạy Phật là cung kính, lên tòa Ma-ni tụng: mười hạnh vào đời độ sanh, nhưng không nhiễm. Hạnh nghiệp phàm phu nhiễm ô, hạnh nguyện Bồ-tát thanh tịnh. người tu dùng trí làm thể. Câu: Bấy giờ, từ hai chân, Phật phóng ra vô số ánh sáng: tăng tiến trong tu tập. 10 đoạn sau là phần kệ nói về pháp tu hành của mười Bồ-tát, mỗi hạnh đều đủ mười hạnh. hãy suy xét rõ.

■

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 19

21. *Phẩm:* **MƯỜI HẠNH**

Phẩm này cũng có ba phần: Tên phẩm: mười hạnh, pháp của mười hạnh. Nghĩa phẩm: mười hạnh được nói ở cõi Dạ Ma (nghĩa Dạ Ma như trước) Bồ-tát biết sở thích của chúng sanh nên kịp thời đáp ứng. Người chưa được độ, Bồ-tát tạo duyên được độ. Hai phẩm trước khen ngợi việc lên cõi Dạ Ma. Phẩm này nói pháp mười hạnh. Nghĩa văn có hai ý: Ý kinh, nghĩa văn. Ý kinh: phẩm này có 14 đoạn:

1) (25 hàng) các đức Phật công đức lâm ủng hộ Bồ-tát công đức lâm.

2) (43 hàng) pháp của hạnh hoan hỉ.

3) (42 hàng) hạnh nhiêu ích...

Tất cả có 15 đoạn kệ, hai đoạn văn xuôi:

1) Mặt đất chấn động, trời người cúng dường.

2) Bồ-tát công đức lâm quán sát đại chúng nói kệ.

220 hàng kinh tiếp theo là phần nói kệ khen ngợi.

- Phần các đức Phật công đức lâm ủng hộ Bồ-tát công đức lâm có bốn đoạn:

1) Tên tam muội.

2) Số lượng Phật.

3) Sự gia hộ của Phật.

4) Nguyên nhân nhập định.

Tên tam muội: Thiện tư duy, tam muội: đoạn trừ hôn trầm trạo cử, tên khác của định. Thiền có bốn: thiền của phàm phu, thiền quán sát nghĩa, thiền quán pháp chơn như, thiền Như Lai. Tam muội thiện tư duy là thiền quán sát nghĩa: thẩm định, quán sát các pháp, chánh niệm suy xét an lập pháp, làm khuôn mẫu cho đời sau. Số lượng Phật: vô số Phật bằng số bụi trong vạn cõi Phật. Đối với kẻ mê tâm cảnh thì vô minh như bụi trần, đối với người tỏ ngộ thì công đức trí huệ khôn lường. Tâm như

pháp giới. Bồ-tát nhập định: phước đó như Phật, được Phật gia hộ. Sự gia hộ của Phật, có sáu:

1) Dùng lời khen ngợi;

2) Dùng nguyện lực Tỳ-lô-giá-na.

3) Dùng thần lực Tỳ-lô-giá-na.

4) Sức căn lành của Bồ-tát.

5) Phật trao mười trí.

6) Các đức Phật đưa tay xoa đầu, an ủi, khuyên thuyết pháp.

Phần sau là phần Bồ-tát công đức lâm xuất định nói pháp mười hạnh. Thể của mười hạnh là mười Ba-la-mật.

- Hạnh hoan hỉ chuyên tu thí Ba-la-mật gồm 43 hàng, phân thành năm đoạn:

1) (9,5 hàng) hành thí Ba-la-mật và tu học Pháp Phật.

2) (10,5 hàng) thấy người nghèo khổ Bồ-tát nguyện sanh trong nhà giàu, dùng tài vật thân mạng bố thí.

3) (8,5 hàng) trong kiếp đói khát, Bồ-tát hiện thân to lớn để bố thí.

4) (6,5 hàng) biết chơn nhưng không vọng tưởng (bố thí không phân biệt).

5) (7,5 hàng) thấy thân chúng sanh giả tạm, Bồ-tát nguyện được thân chân thật để tạo sự an ổn cho chúng sanh.

- Hạnh Nhiêu ích: chuyên tu giới Ba-la-mật gồm 42 hàng, phân thành 5 cột:

1) (6 hàng) không đắm nhiễm năm trần.

2) (8 hàng) Ma vương đem thiên nữ dụ dỗ nhưng không thành;

3) (8 hàng) Bồ-tát không não loạn chúng sanh bằng dục;

4) (13 hàng) Tự tiều phục mình, thuyết pháp độ sanh;

5) (6 hàng) Đạt hạnh vượt trên thế gian, thâm nhập trí lớn.

- Hạnh vô vi nghịch: chuyên tu nhẫn Ba-la-mật gồm 30 hàng, phân thành ba đoạn:

1) (5,5 hàng) không hại mình người, nhẫn nhục nhu hòa.

2) (13,5 hàng) kham nhẫn trước mọi sự thương tổn.

3) (10,5 hàng) Bồ-tát quán pháp không, thành tựu hạnh nhẫn.

- Hạnh Vô khuất nhiễu: chuyên tu tinh tấn Ba-la-mật gồm 37,5 hàng, phân thành ba đoạn:

1) (22,5 hàng) Bồ-tát tinh tấn không cầu lợi ích, an lạc nơi thế gian. Chỉ cầu trí nhứt thiết của Phật.

2) (6 hàng) vì độ sanh Bồ-tát vào địa ngục chịu khổ.

3) (8,5 hàng) vì đem lại lợi ích cho chúng sanh, Bồ-tát chịu khổ vô số kiếp.

- Hạnh ly si loạn: chuyên tu thiền Ba-la-mật gồm 49 hàng, phân thành sáu đoạn:

1) (10 hàng) Với chánh niệm, Bồ-tát vào sanh tử đem lợi ích cho chúng sanh nhưng không si loạn.

2) (9,5 hàng) Bồ-tát nghe nhớ chính xác.

3) (7,5 hàng) Với chánh niệm, Bồ-tát thảng nhiên trước mọi sự khen chê.

4) (8,5 hàng) Nghe pháp độ sanh không chướng ngại.

5) (5 hàng) Quán âm thinh không thể tánh.

6) (9,5 hàng) Thân khẩu ý thanh tịnh, hiểu rõ các pháp cùng một thể tánh.

- Hạnh Thiện hiện: chuyên tu Bát-nhã Ba-la-mật gồm 40 hàng phân thành bốn đoạn:

1) (10,5 hàng) giới trí không tánh thị hiện mọi phương tiện độ sanh.

2) (10 hàng) Bồ-tát hiểu rõ các pháp không thể tánh, không nương tựa nên làm nơi nương tựa cho chúng sanh.

3) (11 hàng) Thệ độ chúng sanh.

4) (9 hàng) Chưa độ hết chúng sanh, không an trụ nơi Niết-bàn.

- Hạnh Vô trước: chuyên tu phương tiện Ba-la-mật gồm 55 hàng, phân thành sáu đoạn:

1) (12,5 hàng) Bồ-tát trang nghiêm cõi Phật, cúng dường Phật nhưng không chấp.

2) (15 hàng) Bồ-tát cúng dường Phật, phụng sự Phật.

3) (11 hàng) Quán khổ chúng sanh, tăng trưởng lòng từ.

4) (9,5 hàng) Bồ-tát luôn ở trong sanh tử, độ thoát chúng sanh.

5) (9 hàng) Giáo hóa chúng sanh, quán pháp huyễn hóa.

6) (7,5 hàng) Thấy chúng sanh chưa được độ thoát, Bồ-tát nguyện sanh về cõi ấy.

- Hạnh Nan đắc: chuyên tu nguyện Ba-la-mật gồm 70 hàng, phân thành sáu đoạn:

1) (4 hàng) mười pháp lành.

2) (8,5 hàng) Ở trong đau khổ nhưng không chán ghét.

3) (10 hàng) Không xa bỏ, không tham đắm nơi cảnh giới của chúng sanh.

4) (14 hàng) Bồ-tát thường vào đời độ sanh.

5) (9,5 hàng) tự tại thuyết pháp, không chấp trước.

6) (14,5 hàng) hành hạnh Bồ-tát không cầu quả báo.

- Hạnh Thiện pháp: chuyên tu lực Ba-la-mật, có năm đoạn:

1) (12 hàng) mười vô tận biên.

2) (9,5 hàng) hiện thân thành Phật, biện tài không ngại.

3) (16,5 hàng) thị hiện thành Phật ở khắp nơi.

4) (6,5 hàng) mười thân tự tại.

5) (9 hàng) là nơi nương tựa của tất cả chúng sanh.

- Hạnh Chơn thật: chuyên tu trí Ba-la-mật, có ba đoạn:

1) (10 hàng) Bồ-tát học hạnh chơn thật của Phật, đạt mười trí Phật;

2) (16,5 hàng) Dùng nguyện lực độ sanh, không sống trong Niết-bàn.

3) (16 hàng) Thân rộng lớn, biết căn tánh, tùy thuận độ sanh.

- Phần mặt đất chấn động... gồm 15 hàng, phân thành ba đoạn:

1) (5,5 hàng) mặt đất chấn động, trời người cúng dường.

2) (1,5 hàng) mười phương đều như vậy.

3) (8 hàng) Bồ-tát công đức lâm ở mười phương đều đến chứng minh. vô số Bồ-tát công đức lâm: hạnh nguyện rộng lớn, công đức khôn lường, là quả của vị này. Số lượng... trí thông đạt các pháp, sự rộng lốn của công đức hạnh nguyện. mười hạnh được nói trong một thời điểm, không trước sau, nhanh chậm. mười hạnh được xây dựng trên thể dụng của pháp giới. Phần khen ngợi pháp có bảy hàng nêu mười tánh cùng khắp.

----

22. *Phẩm:* **MƯỜI VÔ TẬN TẠNG**

Phẩm này cũng có ba phần: Tên phẩm: tên của mười tạng được căn cứ theo pháp. Nghĩa phẩm: mười vô tận tạng là pháp làm cho mười hạnh không đoạn tuyệt và là pháp hướng đến mười hồi hướng. Nghĩa văn: gồm ý kinh, nghĩa văn. Ý kinh: 11 đoạn:

1) (28,5 hàng) Tên mười vô tận tạng và mười pháp tin (phần này được chia thành sáu ý nhỏ: 1) (4 hàng) tên 10 đoạn; 2) (5,5 hàng) mười pháp tin. 3) (7,5 hàng) Nghe pháp tin hiểu không sợ; 4) (5,5 hàng) biết khoảng thời gian Phật ra đời... nhập diệt là một; 5) (5 hàng) đạt tín vị, sanh trong nhà Phật, tùy thuận phương tiện; 6) (1,5 hàng) thành tựu lòng tin, diễn giảng pháp Phật).

2) (28,5 hàng) Tạng giới thứ hai của Bồ-tát (phần này có ba ý:1/

(3,5 hàng) tên 10 giới; 2/ (21 hàng) các giới; 3/ (4,5 hàng) Bồ-tát giữ giới).

3) (13,5 hàng) có hai ý: 1/ (12 hàng) đoạn tâm không khổ thẹn, đủ hạnh hổ thẹn; 2/ (1,5 hàng) đủ hạnh hổ thẹn, thuyết pháp cho chúng sanh.

4) (12 hàng) Giới xấu hổ (có ba ý: 1) (3,5 hàng) năm dục tăng trưởng lòng tham; 2) (7,5 hàng) biết chúng sanh bị năm dục trói buộc, Bồ-tát đoạn trừ tâm tham dục; 3) (1,5 hàng) thuyết pháp chân thật cho chúng sanh).

5) (54,5 hàng) Văn Tạng (có ba ý: 1) (4 hàng) tên mười pháp có, không; 2) (26,5 hàng) mười pháp có, không như 12 duyên, vì có vô minh nên có hành; không thức thì không danh sắc; có ái nên có khổ không hữu thì không sanh, thức ái đều do vô minh sanh. Khi hiểu rõ chúng không thật có thì 12 duyên đoạn diệt nhưng trí không sanh diệt chỉ dùng trừ bệnh chấp. Trí ấy không nương tựa, không hình sắc, không tạo tác nhưng thông đạt tất cả, không suy xét nhưng thể hiện, không tạo tác nhưng thành tựu. Người tu học trọn vẹn hai pháp chỉ quán thì mới thông đạt. mười pháp sau đều là lời dạy của Phật; 3) (4 hàng) biết chúng sanh không có trí hiểu rộng, Bồ-tát cầu học rộng thuyết pháp độ sanh).

6) (93 hàng) phân hai ý: (1/ (3 hàng) tên mười pháp ý; 2/ mười pháp thí).

7) (30 hàng) phân năm ý: (1/ (11 hàng) hiểu đúng thật khổ của pháp thế xuất thế; 2/ (3 hàng) pháp do duyên sanh không thật có; 3/ (6 hàng) thọ tưởng hành không có thể tánh thành hoại; 4/ (8 hàng) 10 bất khả tận; 5/ (1,5 hàng) tài thuyết giảng).

8) (27 hàng) phân hai ý: (1/ (18 hàng) đạt pháp chánh niệm rộng lớn, 2/ (9 hàng) đạt mười chánh niệm, hiểu đúng các pháp).

9) (14 hàng) phân hai ý: (1/ (11,5 hàng) nghe và thọ trì vô số pháp; 2/ (2,5 hàng) pháp rộng lớn của vị này chỉ Phật hiểu được).

10) (24 hàng) phân ba ý: (1/ (12 hàng) Bồ-tát hiểu rõ tạng rộng lớn; 2/ (10 hàng) mười tạng rộng lớn; 3/ (2 hàng) bài biện luận).

11) (8 hàng) mười tạng là pháp thành tựu mười hồi hướng, là pháp trọn vẹn mười hạnh.

mười hồi hướng cũng có ba phần: lên cõi Đâu Suất là phần tựa, hai phần sau là phần chính, mặt đất chấn động, trời người cúng dường là phần kết.

----

23. *Phẩm:* **LÊN CÕI ĐÂU SUẤT**

Phẩm này cũng có ba phần: Tên phẩm: lên cõi Đâu suất (trời biết đủ). Nghĩa phẩm: mười trụ, mười hạnh thành tựu hạnh xuất thế và trí huệ Như Lai. Vị này thành tựu tâm bi của Như Lai, vào đời độ sanh, hiểu rõ thế gian, xuất thế gian không phải một, không phải hai. Tâm bi ở các vị có sự khác nhau. mười trụ, mười hạnh tu tập cả trí bi nhưng phần nhiều là tu hạnh xuất thế, vị này, trọn vẹn hạnh xuất thế chuyên tâm vào đời độ sanh. Tâm bi của mười địa sâu rộng hơn. Vì thế trong mười thiện tri thức của mười địa có đến chín thiên nữ. Vì sao mười hồi hướng được nói ở cõi này? mười trụ được nói ở núi Tu Di vì mười trụ sanh trong nhà Phật, an trụ trí Phật, không thoái chuyển. mười hạnh được nói ở cõi Dạ ma vì mười hạnh không chấp trước. mười hồi hướng được nói ở cõi này, vì tuy không rời cõi dục, ở trong sanh tử nhưng luôn biết đủ, không tham đắm. Vì đem lại lợi ích cho chúng sanh, vị này tu tập cả trí lẫn bi, dung hợp chơn tục, ở trong sanh tử nhưng không rời Niết-bàn. Đó là biểu hiện cho sự tăng tiến, không phân biệt đến đi qua lại, trí bi cùng khắp không trong ngoài. Đó là nơi ở của Bồ-tát một đời thành Phật. Người vừa phát tâm sanh trong nhà trí Phật, hành hạnh từ bi bằng trí Phật là viên mãn quả Phật, trang nghiêm hạnh quả là Phật Hoa Nghiêm. mười địa, địa mười một đều có từ mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng. Vì vậy lúc mới nói mười địa không có sự cúng dường khác. mười địa là nuôi lớn trí bi. Nghĩa văn có hai: ý kinh, nghĩa văn. Ý kinh: gồm 11 đoạn:

1) Thấy Phật đến, vua cõi Đâu suất và chư thiên trang nghiêm bảo tòa.

2) Vua và chư thiên nghinh đón Phật.

3) Chư thiên cung kính cúng dường Phật.

4) Chư thiên, Bồ-tát thấy thần lực lợi sanh của Phật.

5) Như Lai phóng ánh sáng chiếu khắp mọi nơi.

6) Như Lai thị hiện độ sanh bằng trí nhứt thiết chủng.

7) Vua Đâu suất thỉnh Phật vào điện, Phật nhận lời.

8) Như Lai dùng thần lực trang nghiêm cung điện đẹp hơn cung điện của chư thiên.

9) Mười đức Phật vào điện.

10) Mười phương vang tiếng khen ngợi Phật.

11) Như Lai an tọa, Bồ-tát mười phương đều đến đó.

Nghĩa văn: đoạn một được chia thành bảy ý:

1) (3 hàng) trọn vẹn trí thân.

2) (2 hàng) trí thân Như Lai cùng khắp, không đến đi.

3) (7 hàng) vua Đâu suất bày tòa ngồi.

4) (111,5 hàng) vô số sự trang nghiêm.

5) (76 hàng) Bồ-tát thâm nhập pháp, tám bộ chúng trang nghiêm cung điện.

6) (6 hàng) cung điện bảo tòa được trang nghiêm bằng mười pháp lành.

7) (5 hàng) mười phương đều như vậy.

Hỏi: mười trụ chỉ có chư thiên nghinh đón Phật, mười hạnh có chư thiên và Bồ-tát, ở đây có tám bộ chúng và vô số Bồ-tát, vì sao mười địa không có nghinh đón?

Đáp: mười trụ là người vừa sanh vào nhà trí Phật, chưa thấy đạo, là phàm phu chưa đạt Thánh vị; mười hạnh là người vào dòng Thánh. Song mười trụ mười hạnh phần nhiều là tu pháp xuất thế, vào đời nhưng chưa được tự tại. mười hồi hướng là người dung hợp bi trí, hiểu rõ thế - xuất thế là một, thành tựu từ bi độ thoát mọi loài. mười địa chỉ là sự rộng lớn, kiên cố của mười hồi hướng chẳng có pháp nào khác. Trí của mười địa chỉ là pháp vi tế của mười hồi hướng. Câu: cõi nước mười phương đều có Phật: trí cùng khắp. Không rời cội bồ đề, cõi Dạ ma lên cõi Đâu suất: vì tánh của trí bồ đề không nương tựa, có khắp mười phương, nhưng không đến đi, không dừng trụ, không thể nắm bắt, không thay đổi biến động, không tịch loạn, không tạo tác nhưng ứng hiện khắp nơi, độ thoát chúng sanh. Vua Đâu suất thấy Phật đến: mười hạnh hướng đến mười hồi hướng. Trang nghiêm bảo tòa: hội nhập trí bi như mười trụ dùng tam muội hiển hiện trí Phật; ở mười hạnh, bảo tòa được thiết lập bằng pháp thân không hình tướng. Hóa hiện tòa sen báu: vào đời nhưng không nhiễm. Vị hồi hướng thành tựu tâm bi vào đời độ sanh. Bày tòa ngồi: với lòng từ bi, Bồ-tát vào đời chỉ dạy chúng sanh tu pháp lành đạt quả bồ đề. Bồ-tát độ sanh không mong cầu sự giải thoát riêng mình. Thể của tòa bằng ma ni: lòng bi vào đời không nhiễm. Tòa sư tử: Như Lai là người không sợ. Tòa được làm bằng bái vật cõi trời: quả của hạnh trí bi. Được Như Lai gia hộ: vì từng tu tập pháp lành, đạt thần lực phước trí như Phật. do vô số căn lành sinh ra: quả của hạnh nguyện bi trí. Có từ pháp thanh tịnh của Như Lai: hạnh được hành bằng trí nên thanh tịnh. Trăm vạn ức bậc cấp bao quanh: sự tăng tiến; trăm vạn ức lưới báu: thuyết pháp thanh tịnh; trăm vạn ức trướng hoa: hạnh nguyện rộng lớn; trăm vạn ức rèm báu: trí quán chúng

sanh; trăm vạn dây báu: lòng bi thương đời; trăm vạn ức long báu: quả của năm phần hương; dây hoa rũ khắp hương thơm ngào ngạt: lòng thương yêu chúng sanh... tất cả đều biểu hiện cho lòng từ bi độ thoát chúng sanh. Chư thiên hầu hạ: tu hành hạnh nguyện; xung quanh luôn có người hầu: Bốn nhiếp pháp và bốn tâm rộng lớn; trăm vạn ức y báu: bi trí độ sanh không ngừng; lầu gác trang nghiêm: trí quán sát; trăm vạn lưới ma ni: thuyết pháp thanh tịnh... Tất cả đều là quả của hạnh nguyện bi trí. Lưới: lý trí hạnh giáo; lầu gác: trí quán sát; điện: trí độ sanh; cung: lòng thương vô bờ; tòa: pháp không, đủ bi trí... mỗi pháp đều thể một hạnh nguyện. Hãy suy xét sẽ rõ. Tần bà trướng: thân ảnh, ánh sáng của trướng này có thể soi rõ mọi ảnh tượng. Tần bà la hương: ánh sáng của hương này biểu hiện mọi ảnh tượng, cũng có màu đỏ như quả tần bà. A lâu na hương: màu như tia sáng mặt trời; Câu tô ma hoa: tên chỉ cho tất cả các loài hoa, một loại hoa có màu trắng như đồng tiền, gần giống hoa cúc trắng. Lầu gác diên mậu: lầu gác nối liền. Bảo tất để già: tướng trước ngực Phật, còn gọi là Kiếp A tất để già: Kiếp: vui; A tất để già: có, người có tướng này là có niềm vui. Lạc bảo thiên mâu đà la: tên khác của trống trời. A ca ni trá thiên: trời sắc cứu cánh, là cõi trên cùng của cõi sắc. 40 Bồ-tát thấy tòa trang nghiêm quán pháp nhập pháp: tăng tiến là cảnh trang nghiêm; 40 chúng: mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng, mười địa. Vị trời này tu tập pháp của 40 chúng trên, thành tựu hạnh Phổ Hiền. 16 vua: những bậc quân chủ của hai cõi dục, sắc. Pháp của mười hồi hướng cùng khắp ba cõi. Với trí bi rộng lớn, Bồ-tát vào đời độ sanh tự tại như vua. Trăm vạn ức thiên vương: sự tự tại; long vương quán sát: biết căn tánh, thuyết pháp tự tại; Dạ Xoa chấp tay: gìn giữ tự tại; càn thát bà vương phát lòng tin thanh tịnh: thuyết pháp đem lợi ích cho chúng sanh; trăm vạn ức A-tu-la vương đoạn trừ tâm cao ngạo: vào đời độ sanh bằng tâm từ bi khiêm cung; trăm vạn ức ca lâu na vương ngậm dây lụa trắng: từ bi thương yêu chỉ dạy chúng sanh; trăm vạn ức khẩn na la vương vui mừng: dùng pháp lạc tạo mọi vui thích cho chúng sanh; trăm vạn ức Ma-hầu-la-già-vương vui mừng chiêm ngưỡng: cung kính; trăm vạn ức vua cúi đầu đảnh lễ: bốn thiên vương cai trị dân chúng bằng chánh pháp, cai trị cả rồng, thần, quỷ, địa ngục; trăm vạn ức vua Đao lợi chăm chú nhìn: định tâm cầu đạt mười trụ; trăm vạn ức vua cõi Dạ ma vui vẻ tán thán hay như tiếng ca của thế gian: vui tu mười hạnh; trăm vạn ức cõi Đâu suất đảnh lễ: lòng từ bi không mệt mỏi; trăm vạn ức vua cõi Hóa lạc cúi đầu đảnh lễ: sự cùng tột của bi trí; trăm vạn ức vua cõi Tha hóa cung kính chấp tay: dung hợp bi trí, sanh tử Niết-

bàn; trăm vạn ức vua Phạm Thiên chuyên tâm quán sát: trừ chủng tử vi tế; trăm vạn ức vua Ma-hê-thủ-la cung kính cúng dường: viên mãn pháp thân bi trí; trăm vạn ức: hạnh nguyện bi trí rộng lớn; trăm vạn ức Bồ-tát khen ngợi vì mười sáu Thiên vương đều hành hạnh Bồ-tát; trăm vạn ức thiên nữ chuyên tâm cúng dường vì mười sáu Thiên vương đều hành hạnh từ bi không đắm nhiễm; trăm vạn ức trời đồng nguyện vui mừng: các vị trời cõi dục ngày xưa cùng phát thệ nguyện. Đó cũng là hạnh nguyện giống nhau của Phật và vị này; trăm vạn ức trời từng sống chung cùng khen ngợi: mười hồi hướng đủ hạnh nguyện bi trí như Phật. Hai mươi Thiên chúng từ phạm thiên đến A-ca-ni-trá thiên là bao hàm chúng sanh cõi sắc (chư thiên cõi vô sắc còn hôn trầm, trạo cử, chưa phát tâm vào đời độ sanh). A-ca-ni-trá thiên thuộc cõi sắc. Hai mươi Thiên chúng: hạnh đại bi của mười hồi hướng. Thiên: thanh tịnh, dùng bi trí vào đời độ sanh, tự tại không đắm nhiễm; cúi mình đảnh lễ: tôn kính Như Lai, từ bi khiêm cung như đất; trăm vạn ức Phạm Phụ thiên chấp tay ngang mày: kính Phật và bày tỏ sự vui mừng; trăm vạn ức Phạm chúng thiên vây quanh: cung kính tùy thuận Phật, tùy thuận độ sanh; trăm vạn ức Đại Phạm thiên khen ngợi công đức: khen ngợi Phật, khen ngợi chúng sanh có công đức như Phật; trăm vạn ức Quang thiên lạy Phật: kính Phật, lòng bi vào đời độ sanh bằng năm phần hương; trăm vạn ức Thiểu quang thiên khen ngợi viêc khó gặp Phật ra đời: kính lễ Thế Tôn, khen chúng sanh phát tâm bồ đề; trăm vạn ức Vô lượng quang thiên hướng về lạy Phật: kính Phật, giáo hóa chúng sanh, tin hiểu pháp Phật; trăm vạn ức Quang âm thiên khen ngợi việc khó gặp Như Lai: sự khó gặp Phật, khen chúng sanh hiểu chánh pháp; trăm vạn ức Tịnh cư thiên đến chỗ Phật: kính Phật, trọn vẹn bi trí độ sanh; trăm vạn ức Thiểu tịnh thiên thanh tịnh tâm ý cúi đầu lạy Phật: kính Phật, kính pháp; trăm vạn ức Vô lượng Tịnh thiên vì muốn gặp Phật nên xuống cõi dưới: kính Phật, từ bi cứu độ chúng sanh; trăm vạn ức chủng chủng thiên vui vẻ: hành mọi hạnh độ sanh; trăm vạn ức chư thiên suy xét: chư thiên cõi sắc và cõi dục; trăm vạn ức Bồ-tát, chư thiên trang nghiêm bảo tòa: pháp giới là tòa, vạn hành là trang nghiêm. Lại có mười chúng Bồ-tát, bốn chúng thiên vương; trăm vạn ức Bồ-tát Hỏa Thủ rải hoa: cúng Phật, hành hạnh không chấp, nhân cúng hoa đời trước; trăm vạn ức Bồ-tát Hương Thủ rải hoa: cúng Phật, năm phần pháp thân, nhân cúng hoa đời trước; trăm vạn ức Bồ-tát Man Thủ rải dây hoa: cúng Phật, nhẫn là thể của dây hoa, nhân cúng hoa đời trước... trăm vạn ức thiên tử rời cung điện đến chỗ bảo tòa: cúng Phật, trí hợp bi; trăm vạn ức thiên tử tịnh

tâm cúng Phật: cúng dường, dung hợp bi trí; trăm vạn ức Quí sanh thiên tử nâng bảo tòa: cúng Phật, tu hạnh tinh tấn Ba-la-mật; trăm vạn ức Quán đỉnh thiên tử dân bảo tòa: cúng Phật, sự tăng trưởng bi trí của mười trụ. Bốn thiên tử này là thiên tử cõi dục. Tử: từ, tu hạnh từ bi. Trăm vạn ức Bồ-tát tư duy giáo hóa chúng sanh... mười Bồ-tát thanh tịnh ba nghiệp, nhập trụ địa trang nghiêm pháp hội. Mọi sự trang nghiêm đều có từ căn lành. Đó là mười hồi hướng dùng trí hành bi, trọn vẹn từ bi, đi khắp sáu nẻo trời người tùy thuận căn tánh, thuyết giảng giáo pháp. Việc ấy không theo một trình tự nhứt định mà là tùy thuận thời cơ.

Phần cúng dường đón Phật có hai ý:

1) Thỉnh Phật vào cung.

2) Dùng trí giải thoát không nương tựa vào đời độ sanh như việc dùng tam muội nhập pháp chơn thật của các vị Thánh.

Mười hồi hướng dùng chánh trí thanh tịnh của mười trụ, mười hạnh hành đại bi. Trong pháp ba thừa mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng là phương tiện, mười địa là kiến đạo. Ở đây mười tín là phương tiện, mười trụ là kiến đạo, mười hạnh... địa mười một là tư lương. Theo ba thừa, trải qua A-tăng-kỳ kiếp mới thành Phật, Bồ-tát mười địa đạt ba ý sanh thân, chưa đạt trí sanh thân của Phật vì thế, ba hiền là tư lương, mười địa là gia hạnh, địa mười một là trọn vẹn hạnh Phổ Hiền, địa mười hai là quả Phật. Ở đây, trước thành Phật, sau hành hạnh, nghĩa là phải hiểu quả Phật mới hành bi nguyện. Với sự hiểu biết, bi trí đồng hành. Vì vậy thiên vương Đâu suất dùng phương tiện đại bi hỗ trợ trí Phật của mười trụ, mười hạnh. Các pháp bình đẳng không đầu cuối, bi trí cùng một thể tánh. Song vì ngôn ngữ không thể cùng đưa ra nên phải có trước sau. Thể của pháp không đầu cuối. Với người hiểu pháp, cảnh trí là một, xưa nay cùng một sát na, không trước sau nhanh chậm, dung hợp một nhiều. Từ vị này đến vị khác là xa thấy. Dung hợp bi trí là Phật vào điện. Dùng tâm thanh tịnh rải vô số hoa: cúng Phật, mười hạnh từ bi. Pháp hạnh có từ thân trời: trí thân và vạn hạnh. Đại chúng, thiên tử, thiên nữ vui vẻ đảnh lễ: dùng pháp độ sanh để chúng sanh được pháp lạc. Niềm vui của Bồ-tát là độ sanh cũng như niềm vui của người mẹ là làm cho con vui. Vô số Bồ-tát cung kính cúng dường vật quí hơn chư thiên cõi Đâu suất: hạnh trống rỗng hơn hạnh thế gian.

Phần chư thiên cúng dường đón Phật gồm 65 hàng, phân năm ý: thấy Phật đến: mười hạnh phát tâm bi của mười hồi hướng; đối diện Phật: khế hợp trí căn bản; bốn câu suy xét... nhập chánh vị; mười pháp

cúng dường... hạnh nguyện rộng lớn của thân.

1) (5,5 hàng) nhờ thần lực Phật chư thiên thấy Phật, nghinh đón Phật.

2) (4 hàng) chư thiên dùng áo đựng hoa cúng Phật.

3) (16 hàng) chư thiên cúng dường Phật.

4) (12 hàng) mười pháp cúng Phật.

5) (25 hàng) Bồ-tát ở cõi Đâu suất cúng Phật bằng hạnh Ba-la-mật.

Bồ-tát ở cõi Đâu suất là Bồ-tát đã an trụ vị hồi hướng. Bồ-tát từ noi khác đến Bồ-tát vừa nhập vị hồi hướng. 17 pháp cúng: bảo cái: từ bi, hỗ trợ bằng hạnh Ba-la-mật; hoa: trí huệ; trướng: dunghợp; y phục: nhẫn nhục; lưới chuông: thuyết pháp; tâm như huyễn: kiên cố vì không thành hoại... Đoạn này có 30 trăm vạn ức chúng cúng dường. 17 pháp cúng đều bắt nguồn từ pháp thân, trí huệ, Ba-la-mật... Pháp cúng ấy hơn vật cúng của chư thiên vì không phải là pháp hữu vi.

Phần bốn gồm 105 hàng: đại chúng thấy Phật tự tại lợi sanh.

Phần năm gồm 12 hàng, phân thành bảy ý:

1) (2,5 hàng) thấy cảnh giới trang nghiêm của Phật.

2) (2 hàng) nhờ thần lực Phật, tiếng kệ tự nhiên phát ra.

3) (2 hàng) Như Lai hiện thân tướng trang nghiêm.

4) (1,5 hàng) vô số Phật ra đời.

5) (1,5 hàng) thần lực rộng lớn của Như Lai.

6) (1 hàng) các việc đều có từ trí đức thù thắng của Như Lai.

7) (8 hàng) Như Lai phóng ánh sáng hiện pháp lành tập hợp đại chúng. Đó là việc Như Lai hiện cảnh giới để Bồ-tát nhập hạnh hồi hướng.

Phần sáu gồm 26,5 hàng, phân thành hai ý:

1) (13 hàng) Như Lai hiện thần lực trang nghiêm, vô số chúng sanh đạt lợi ích.

2) (13,5 hàng) Như Lai hiện sự tự tại, chúng sanh phát nguyện Bồ-tát.

Phần bảy gồm 13,5 hàng: thiên vương Đâu suất cúng dường, vì tạo lợi ích cho chúng sanh, Như Lai nhận sự cúng dường, mười phương đều như vậy.

Phần tám gồm 13,5 hàng, phân thành hai ý:

■

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 20

Đoạn tám phân thành hai phần:

1) (8 hàng) Như Lai nhận lời vào điện, cung điện tự nhiên trang nghiêm hơn: đạt đức thù thắng như Phật.

2) (5,5 hàng) nhạc trời trỗi vang, chư thiên vui vẻ nói kệ, đạt pháp lạc.

Đoạn chín: Khen ngợi các đức Như Lai đến đại hội Cát tường: cát: đủ mọi phép lành; tường: đủ phước đức. Điện vàng: ánh sáng vàng rực, là pháp thân thanh tịnh. Điện Liên hoa: được trang nghiêm bằng các hoa sen. Điện Sơn vương: phước đức như núi, không phải trong điện có núi, như từ bảo trong kinh biểu hiện đức cao quí, không phải ngọc thật. Khen ngợi các đức Phật: chư thiên cõi Đâu suất nhớ đến căn lành xưa, đạo pháp giống nhau của các đức Phật, không thay đổi theo thời gian, trời ma, chúng sanh nương tựa, phát lòng tin tu tập. Đó là hạnh đức và tên gọi của các đức Phật.

Đoạn mười: Thiên vương Đâu suất khen ngợi Phật, mười phương đều như vậy.

Đoạn 11 phân thành hai phần:

1) (6,5 hàng) Như Lai an tọa, thuyết giảng giáo pháp.

2) (7 hàng) Bồ-tát mười phương đến đại hội, cung điện trang nghiêm hơn, chư thiên cõi Đâu suất cũng tập hợp. An tọa tòa sư tử: oai nghi của thế gian, sự dung hợp lý sự của mười hồi hướng. Tòa của Như Lai được làm bằng trí bì không ngại. Trí ấy không nương tựa, không tạo tác, rộng lớn như hư không, không đến đi nhưng tùy thuận hiện thân hóa độ. Đó là pháp thân thanh tịnh, diện dụng tự tại, an trụ trí nhứt thiết của Phật. Vì thể của trí không trong ngoài. Đó là cảnh giới của Phật. Cùng một thể tách như Phật: tánh không không ra vào. Mắt Phật sáng soi: trí hiểu các pháp không có không. Đủ oai đức đi khắp mọi nơi: lý trí không tạo tác, không nương tựa, phá trừ mọi chấp trước là oai đức; Trí ấy cảm động đến mười phương, tùy thuận hiện thân độ thoát là

đi khắp; cõi thế gian là chơn như: mọi nơi; độ thoát chúng sanh nhưng không chấp xưa nay đầu cuối: luôn luôn. Đủ thần thông lớn: trí không hình sắc, không nương tựa; thông: trí thông đạt tất cả. Với chúng đáng độ, Phật ứng thân độ: trí không đến đi trong ngoài, tùy căn tánh, chúng sanh cảm nhận được. Trang nghiêm thân bằng pháp không ngại của tất cả các đức Phật: trang nghiêm bằng y trí không ngại, bằng y báo chánh báo của Phật. Trí là nghiệp lành trang nghiêm thân và cảnh giới vì các pháp vốn đủ vô số công đức, ai cũng có 97 tướng tốt, chỉ vì vô minh che lấp thôi. Tạo lợi ích chúng sanh bằng y tâm rộng lớn được vô số tướng tốt (như trong kinh). Chánh báo ý báo của Phật được hình thành từ trí không nương tựa, không phân biệt mình người trong ngoài. Các pháp đan cài nhau như ảnh tượng trước trăm ngàn gương sáng, như lưới Đế Thích. Các pháp đều như vậy. Trong cảnh giới trí không có pháp hữu tình, vô tình. Thuyết pháp hợp thời cơ: hiểu căn tánh chúng sanh.

Hỏi: vì sao là Như Lai biết thời cơ? Vì tâm Như Lai và chúng sanh là một. Với sự hiểu biết, đức Phật thấy chúng sanh như Phật. Vì mê mờ, chúng sanh thấy mình khác Phật. Các đức Phật thành chánh giáo từ tâm trí chúng sanh. Vì không hiểu lý ấy nên chúng sanh là chúng sanh. Ngay cả lúc thành Phật, chúng sanh vẫn không hiểu lý ấy, lại cho rằng chúng sanh mê mờ. Vô số Bồ-tát từ các nơi đến: vô số hạnh nguyện tùy thuận căn tánh nhưng không ngoài trí sáng của Phật. Đại chúng thanh tịnh: không phân biệt bằng vọng thức. Pháp thân không hai: cùng tánh không tánh của Phật. Không nắm bắt: không chứng đắc. Tự tại thực hành hạnh Phật: trí không tạo tác đủ công dụng như Phật. An tọa: đạt pháp hồi hướng. Cung điện tốt đẹp: sự cảm ứng của trí. Vượt hơn chư thiên: quả của trí không thuộc tình thức, quả của Bồ-tát có từ hạnh nguyện. Tác giả nói kệ: “Bồ-tát trang sức dây hoa nhẫn, mặc áo hổ thẹn xoa hương giới, đi dù từ bi cứu chúng sanh, cờ phướn thiền định tâm không động, trí huệ phá trừ các tà kiến, dùng mọi phương tiện vào sanh tử, vui vẻ với hạnh độ chúng sanh, thuyết pháp chúng sanh được giải thoát”. Vô số Bồ-tát từ các nơi đến, vô số chư thiên cõi Đâu suất trang nghiêm cung điện rực rỡ. Ngoài ra cung điện còn được trang nghiêm bằng công đức của Phật và Bồ-tát. Đại bi trí huệ của hạnh nguyện ấy nuôi dưỡng phát huy tâm trí của người phát tâm thêm tự tại. Song thời gian, các pháp, trí huệ vốn không thay đổi như cây tre trước sau vẫn vậy, như đứa bé lúc sinh ra và lúc trưởng thành là một, mười hạnh... địa mười một là phương tiện nuôi lớn đạo pháp, nhưng người phát tâm chính là Phật. Một trụ trong mười trụ đủ công dụng của mười

trụ... địa mười một. Như ngựa, rồng con mới sinh ra là giống rồng ngựa lớn, chỉ có sức lực kém hơn. Bồ-tát vừa phát tâm tu trí như thật của Phật, sanh vào nhà trí Phật là như Phật nhưng thần thông oai lực chưa bằng nên cần được nuôi dưỡng phát huy bằng hạnh nguyện. Khi thành Phật, bi trí ấy không khác lúc phát tâm. Lang nữ tích tắc thành Phật như Thiện tài một đời thành Phật. một đời: không sanh. Có 10 không hạnh: thể của các uẩn; thể của kiến; không; tánh; thời gian; Niết-bàn sanh tử; tiếng pháp; trí phân biệt; tánh cùng khắp của thần thông; thân chúng sanh. vì thế mười hạnh... địa mười một là phương tiện nuôi lớn trí Phật của người phát tâm, không có sự phân biệt của vọng tình. Quả Phật với hạnh tư lương là một. Quả hỗ trợ hạnh để đạt hạnh không chấp; hạnh pháp của quả đủ công dụng. Trong ba thừa, Bồ-tát đạt ý sanh thân, chưa đạt trí nhứt thiết của Phật. Vì cho rằng trải qua bA-tăng-kỳ kiếp mới thành Phật. Ba hiền là tư lương, mười địa là kiến đạo. Kinh này hoàn toàn khác với ba thừa.

----

24. *Phẩm:* **Ở CÕI ĐÂU SUẤT NÓI KỆ KHEN NGỢI**

Phẩm này cũng có ba phần: Tác phẩm: mười Bồ-tát Kim Cang Tràng... từ các cõi Phật đến cung trời Đâu suất, hóa hiện bảo tòa, nói kệ khen ngợi bằng pháp mười hồi hướng. Ở cõi Phật khác: mười hạnh nhập mười hồi hướng. Nghĩa phẩm: mong thành tựu pháp mười hồi hướng. Nghĩa văn có hai: ý kinh, nghĩa văn. Ý kinh: 11 đoạn:

1) (52 hàng) mười Bồ-tát Kim Cang Tràng... từ các cõi đến cung trời Đâu suất thị hiện nhân quả giống nhau.

2) (10 hàng) Như Lai dùng pháp thật thị hiện quyền biến.

3) (10 hàng) thường xuyên gần gũi cúng dường Phật mới thực hành pháp Phật.

4) (10 hàng) tịnh tâm gặp Phật, nghe pháp.

5) (10 hàng) từ 1 thân Phật thị hiện vô số Phật.

6) (10 hàng) trí Phật không tạo tác, không nương tựa, không trong ngoài nhưng tùy thuận độ sanh.

7) (10 hàng) sự ứng hiện bằng trí không dụng công của Như Lai, tùy nghiệp duyên chúng sanh được cảm hóa.

8) (10 hàng) thân Phật không trong ngoài, tùy thuận chúng sanh ứng hiện.

9) (10 hàng) Như Lai dùng trí không tạo tác hiện thân độ sanh.

10) (10 hàng) Như Lai vượt trên tâm ý thức, chúng sanh không thể thấy Phật bằng tâm ý thức.

11) (10 hàng) thà chịu khổ không bỏ pháp Phật.

Mỗi Bồ-tát thuyết một pháp, thành pháp hồi hướng, có vị nói pháp có, chúng sanh chấp có; có vị nói pháp không, chúng sanh chấp không. Như phần kệ của Bồ-tát Tinh Tú Tràng: chúng sanh còn phân biệt; là Phật nói cõi nước; người hiểu rõ tánh pháp không thấy Phật cõi nước. Phần kệ của Bồ-tát Pháp Tràng: thà đời đời kiếp kiếp, chịu khổ của thế gian, không xa lánh chư Phật, luôn gặp Đấng tự tại. Hai bài kệ ấy đều thuộc biên kiến có không, chúng sanh trong mười phương nào khác với Phật? Nghĩa văn: đoạn một phân thành mười phần:

1) Các Bồ-tát tập hợp.

2) Tên của Bồ-tát.

3) Cõi nước của các Bồ-tát.

4) Tên các đức Phật mà các Bồ-tát phụng sự.

5) Các Bồ-tát an tọa, phóng ánh sáng hiện oai đức đem lại lợi ích cho chúng sanh.

6) Bồ-tát đạt pháp thân trí huệ đi khắp mười phương phụng sự các đức Phật.

7) Chúng sanh mười phương đều đến.

8) Như Lai phóng ánh sáng, chúng sanh mười phương thấy nhau.

9) Bồ-tát đã từng đạt pháp như Phật.

10) mười phương đều như vậy.

- 50 hàng sau phân thành mười phần:

1) Bồ-tát mười phương tập hợp.

2) Tên Bồ-tát.

3) Cõi nước.

4) Nhân quả tên Phật.

5) Bảo tòa của mười Bồ-tát.

6) Nguyên nhân Bồ-tát phóng ánh sáng.

7) Vì sao Bồ-tát tự tại đi lại mười phương.

8) Ý nghĩa Như Lai phóng ánh sáng.

9) Bồ-tát phát tâm bằng cách nào?

10) Nhân quả tiến tu của các vị.

Bồ-tát mười phương đến: vô số Bồ-tát (pháp trí hơn vị trước). Từ vô số cõi nước đến: không hiểu pháp là ở cõi khác, đạt pháp là đến. Tên Bồ-tát: Kim Cang Tràng: kiên cố không khuynh động. Bồ-tát vào

đời bằng hạnh đại bi, phá từ phiền não chúng sanh nhưng trí huệ kiên định. mười hạnh là hạnh nhu hòa, mười hồi hướng là trí kiên cố tùy thuận từ bi phá trừ oán nghiệp. Bồ-tát này đi tu thí Ba-la-mật Bồ-tát kiên cố Tràng: đại bi là thể của giới; Bồ-tát Dũng Mãnh Tràng: đại bi là thể của nhẫn; Bồ-tát Quang Minh Tràng: đại bi là thể của tinh tấn, vào sanh tử độ sanh bằng trí; Bồ-tát Trí Tràng: dùng trí vào đời phá trừ hôn ám, đó là thể của định; Bồ-tát Bảo Tràng: thuyết pháp bằng bi trí; Bồ-tát Tinh Tấn Tràng: dùng phương tiện, biết căn tánh chúng sanh, vào đời nhưng không nhiễm. Bồ-tát Vô Cấu Tràng: tu nguyện Ba-la-mật, độ chúng sanh bằng trí nguyện thanh tịnh; Bồ-tát Tinh Tú Tràng: tu trí Ba-la-mật, thuyết pháp hàng phục tất cả. Tên cõi nước: Diệu Bảo: thuyết pháp lợi sanh. Diệu Lạc: tu giới bằng tâm bi, vào đời độ sanh, chúng sanh đạt pháp lạc. Diệu Ngân: pháp thân lý trí là thể của nhẫn, nhu hòa thanh tịnh. Diệu Kim: tinh tấn độ chúng không trái chơn lý, đạt phước trí. Diệu Ma Ni: pháp tánh thanh tịnh là thể của định. Diệu Ba Đầu Ma: (hoa sen đỏ) độ sanh bằng đại bi không đắm nhiễm. Diệu Ưu bát la hoa: (hoa sen xanh) hành bi bằng trí không nhiễm. Diệu Chiên đàn: thuyết pháp độ sanh. Diệu hương: trọn vẹn công đức bằng bi trí, đi khắp mười phương bằng trí không tạo tác, không thấy đến đi, tiếng pháp vang khắp không hình tướng, vào đời độ sanh bằng diệu dụng của lý trí cõi nước của thế gian là đất nước sông hồ, cõi nước của người trí là diệu dụng của trí đức. Tên Phật: ở chỗ các đức Phật tu hạnh thanh tịnh, tùy địa vị tu tập đạt quả Phật. Phật Vô Tận Tràng: tu thí Ba-la-mật; Phật Phong Tràng: tu giới Ba-la-mật, biết căn tánh giáo hóa chúng sanh; Phật Giải Thoát Tràng: quả của hạnh nhẫn, thành tựu hạnh nhẫn, mọi hạnh đều là hạnh giải thoát; Phật Oai Nghi Tràng: bậc thầy mẫu mực, độ sanh bằng oai nghi; Phật Minh Tướng Tràng: từ định phát huệ độ sanh; Phật Như Thường Tràng: dùng trí vi diệu của tánh không để thành Phật, chúng sanh cũng đủ trí ấy nhưng vì mê mờ nên chúng sanh không thấy. Tòa sư tử: độ sanh bằng pháp Phật. Bảo tòa: tòa được che bằng lưới báu; ở mười tín, bảo tòa là tòa hoa sen; ở mười trụ, tòa được làm bằng thể bi trí của Như Lai, là Tỳ-lô-giá-na; ở mười hạnh, tòa được làm bằng hạnh thanh tịnh; ở mười hồi hướng, bảo tòa là hạnh vào đời độ sanh không câu chấp, dùng giaó pháp độ thoát chúng sanh. Bồ-tát phóng ánh sáng: trí vào đời độ sanh như ánh sáng chiếu soi. Vì sao Bồ-tát đạt tự tại? Vì Bồ-tát đạt pháp thân thanh tịnh không nương tựa và trí thân cùng khắp. Khi thấy pháp, vô minh là trí huệ, đủ diệu dụng, thông đạt tất cả. Nơi Như Lai phóng ánh sáng: (mười tín, mười trụ, mười hạnh đã nói) ở mười

hồi hướng, Phật phóng ánh sáng ở đầu gối, vì đầu gối là nơi co duỗi tự của con người, cũng thế, mười hồi hướng dùng trí vào đời độ sanh tự tại không đắm nhiễm, sống trong sanh tử nhưng không rời Niết-bàn. Ở mười địa ánh sáng được phóng từ tướng long trắng giữa chặng mày Phật là ánh sáng của đạo. Bồ-tát phát tâm bằng cách nào? Từ vô minh tự tâm Bồ-tát phát tâm, đạt trí Đại Viên cảnh, đủ căn lành của đức Tỳ-lô-giá-na. Nê1u không đạt trí này thì không thành Phật, không thấy Phật. Nhân quả tiến tu của các vị: Bồ-tát Kim Cang Tràng là người hành pháp. Cõi Diệu bảo là pháp hành; Phật Vô Tận Tràng là quả. (Phần kệ như trong kinh)

----

25. Phẩm: **MƯỜI HỒI HƯỚNG**

Phẩm này cũng có ba phần: tên phẩm: mười hồi hướng, mười trụ là người sanh vào nhà Phật. Tuy đủ phương tiện Ba-la-mật thành tựu đại bi, nhưng chỉ mới xứng hợp chơn lý, phần nhiều là tu tâm xuất thế, tâm bi còn kém. Tỳ kheo Đức Vân ở núi Diệu phong - thiện tri thức của mười trụ - dung hợp hạnh trí nhưng có sự khác biệt. mười hạnh, Tỳ kheo Thiện Kiến nước Tam nhãn thiền hành trong rừng là dùng ba mắt trí, huệ, pháp quan sát đem lại lợi ích cho chúng sanh khiến chúng sanh được giải thoát. mười hạnh cũng phần nhiều là tu tâm xuất thế, tâm bi kém. Vào đời độ sanh là hạnh hồi hướng, là đưa chơn vào tục. Thiện tri thức của vị này là trưởng giả Thanh Liên Hoa: chúc hương: hòa hợp các loại hương. mười hồi hướng hòa hợp năm phần hương, bốn nhiếp pháp, bốn tâm rộng lớn, Niết-bàn sanh tử thành hương chơn như trong pháp giới. Nguyện là điều kiện tiên quyết của mười hồi hướng. Thanh Liên Hoa: mười hồi hướng không chấp nơi sanh tử - Niết-bàn. Trưởng giả: người ở trong đời, nuôi lớn trí huệ. Hoa sen xanh là hoa đẹp nhứt trong các loài hoa sen, cũng thế, hồi hướng là hạnh cao nhứt trong các hạnh, vì sao? Vì hồi hướng là người dung hợp bi trí, sanh tử Niết-bàn bằng hạnh nguyện thành pháp chơn như trong pháp giới, hỗ trợ quả của vị trước, viên mãn hạnh nguyện Phổ Hiền và cũng là điều kiện để thành tựu pháp của hai vị sau. Các vị là sự dung hợp bi trí của mười hồi hướng. mười hồi hướng được nói ở cõi Đâu suất. Vì cõi này là cõi thù thắng trong ba cõi, vì sao? Vì đây là nơi các đức Phật trong một đời nuôi lớn tâm bồ đề, trọn vẹn hạnh độ sanh. Hai cõi Hóa lạc, Tha hóa đều là cõi

phóng dặt, cõi sắc, vô sắc vui với tâm tịch tịnh, Đao lợi, Dạ ma tham khoái lạc, không biết đủ, bốn thiên vương không phải là cõi trung tâm. Đâu suất là cõi trung tâm, là chỗ ở của người tu ba phước đức: thí, giới, định, nuôi lớn tâm bồ đề. Mười hồi hướng là vị dung hợp một - Nhiều, giống - khác, dùng gió nguyện thổi mây trí từ rưới mát mọi loài. Nghĩa phẩm như tên phẩm. Nghĩa văn có hai: ý kinh, nghĩa văn. Ý kinh có 15 đoạn:

1) (33 hàng) các đức Phật dạy các Bồ-tát Kim Cang Tràng... thuyết mười hồi hướng.

2) (9,5 hàng) tên mười hồi hướng. 10 quyển tiếp là 10 đoạn. Mười hồi hướng tu mười Ba-la-mật.

13) (16 hàng) mặt đất chấn động, trời người cúng dường.

14) (10 hàng) các Bồ-tát cùng tên chứng minh.

15) (6,5 hàng) Bồ-tát Kim Cang Tràng nói kệ.

- Đoạn một phân thành bốn phần:

1) (18,5 hàng) Bồ-tát Kim Cang Tràng nhập định, các đức Phật cùng tên gia hộ.

2) (4,5 hàng) các đức Phật khuyên Bồ-tát nói pháp mười hồi hướng;

3) (6 hàng) các đức Phật gia hộ Bồ-tát Kim Cang Tràng bằng mười pháp.

4) (4 hàng) các đức Phật đưa tay xoa đầu, Bồ-tát xuất định nói pháp.

- Nghĩa văn có 10:

1) Nguyên nhân nhập định.

2) Tên định.

3) Khoảng cách cõi nước.

4) Số lượng Phật.

5) Nguyên nhân tên Phật giống tên Bồ-tát.

6) Các đức Phật xuất hiện khen ngợi.

7) Các đức Phật gia hộ Bồ-tát nhập định.

8) Nguyên nhân Phật đưa tay xoa đầu.

9) Bồ-tát xuất định nói pháp.

10) Pháp mười hồi hướng.

Nguyên nhân nhập định: để các Bồ-tát sau biết pháp tắc, biết định là điều kiện để hiển hiện trí huệ, là năng lực giảng thuyết giáo pháp, phân biết đúng sai, pháp tắc của đức Phật cũng thế. Tên định: Trí Quang: thành tựu tâm bi, hiển hiện trí sáng. Ở mười trụ, trí Phật và

tâm mình giống nhau được hiển hiện bằng định không tạo tác, không suy xét, như nước trong ảnh hiện mọi hình tượng. Ở mười hạnh, định Thiện tư duy hiển hiện trí tùy cơ hành sự - ở đây, dùng trí hành bi, vào đời nhưng không đắm nhiễm, dùng ánh sáng trí soi rõ, biết ngay tục là chơn. (Thiện tri thức các vị như trước). Khoảng cách cõi nước: tùy địa vị, trí huệ tăng trưởng, biểu thị sự thăng tiến. Số lượng Phật: vô số Phật bằng số bụi trong mười vạn cõi Phật, dung hợp trí bi của Như Lai. Vì sao tên Phật cùng tên Bồ-tát? Vì tu tập hợp trí. Vị này không mê hoặc, đoạn trừ nghi của mình người, thành tựu pháp ấn. Trí đã hòa hợp thì thân cũng giống nhau. Các đức Phật xuất hiện khen ngợi Bồ-tát Kim Cang Tràng: dạy Bồ-tát nhập định, hiểu rõ pháp để kẻ hậu học đoạn trừ nghi hoặc, thân trí tương hợp, pháp tắc bình đẳng. Các đức Phật gia hộ Bồ-tát nhập định: trí Bồ-tát hợp với đức của Phật, trí lực dung hợp, mình không nghi, đoạn trừ nghi hoặc của kẻ khác (sáu pháp gia hộ như trước). Vì sao các đức Phật đưa tay xoa đầu? Đức Phật đưa tay chỉ dạy, Bồ-tát xuất định thuyết pháp, công dụng hợp với các đức Phật. Các đức Phật thọ ký: Bồ-tát vốn đủ pháp thành Phật. Bồ-tát xuất định thuyết pháp (như kinh). Thuyết pháp mười hồi hướng (như kinh). Đoạn tên mười hồi hướng: hồi hướng: Bồ-tát độ sanh nhưng không chấp tướng, phân thành mười phần:

1) (5 hàng) tu sáu Ba-la-mật, bốn tâm rộng lớn, thành tựu hồi hướng thứ một.

2) (14,5 hàng) phát nguyện độ sanh.

3) (33,5 hàng) bình đẳng trước tốt xấu thân sơ.

4) (20 hàng) dùng pháp Phật làm phương tiện độ sanh.

5) (38 hàng) Bồ-tát vào cõi ác, chịu khổ thay chúng sanh, dạy chúng sanh được pháp lạc.

6) (7 hàng) với căn lành, Bồ-tát dạy chúng sanh được pháp lạc.

7) (5 hàng) cứu chúng sanh ra khỏi sanh tử, cúng dường Phật, gần gũi thiện tri thức.

8) (11,5 hàng) với nguyện lớn, Bồ-tát độ vô số chúng sanh.

9) (31 hàng) Bồ-tát như mặt trời chiếu sáng, không cầu báo đáp, không chấp chúng sanh.

10) (6,5 hàng) Bồ-tát Kim Cang Tràng quán sát đại chúng, nói kệ.

Nghĩa: Hồi hướng cứu chúng sanh nhưng không chấp tướng: là pháp tiến tu của các vị, tên của hồi hướng. Pháp tiến tu: như trong mười trụ, trụ thứ một cầu nhứt thiết trí, Bồ-tát này pháp tâm bằng mười pháp

khó đạt, sanh vào nhà Phật, là đệ tử chơn chánh của Phật; trong mười hạnh, hạnh thứ một là đại thí chủ, bố thí tất cả tài vật... hành hạnh Bồ-tát. Hồi hướng thứ một tu sáu Ba-la-mật bốn tâm rộng lớn từ pháp thân trí huệ thanh tịnh không chấp của mười trụ mười hạnh, Bồ-tát phát nguyện vào sanh tử, cứu hộ chúng sanh bằng từ bi hỷ xả. Sáu Ba-la-mật là hạnh xuất thế. mười trụ đủ pháp năm vị như việc thiện tri thức của mười trụ ở nước Hải môn quán sát biển lớn, mười vua A-tu-la... đến cúng dường là hồi hướng. Song thứ tự trong pháp tắc phải có, nếu không kẻ hậu học sẽ bị chìm đắm, không tiến tu. Tên hồi hướng thứ một: vị này dùng pháp thân trí lớn làm thể tánh. Độ sanh bằng trí không nương tựa: vì chúng sanh không trụ, không hình tướng, vốn là chơn như, không ra vào. Năm duyên thành tựu hồi hướng thứ một: hiểu rõ các pháp thanh tịnh giải thoát; đạt trí huệ; đủ mười Ba-la-mật, độ sanh bằng bốn tâm rộng lớn. tu thí Ba-la-mật vì dùng giới Ba-la-mật đoạn trừ các pháp ác; tu nhẫn Ba-la-mật là thành tựu giới thí, giới thí là thể của hạnh nhẫn, nhẫn nhịn trước sự lăng nhục của kẻ khác; tu tinh tấn Ba-la-mật, vì nhẫn nhục đoạn trừ sân hận, hành hạnh lợi sanh; tu thiền Ba-la-mật vì luôn lợi sanh bằng hạnh tinh tấn khó an định nên cần nhập định. Độ sanh bằng bốn tâm vô lượng, quân bình hạnh xuất thế của sáu Ba-la-mật. Tu sáu Ba-la-mật, bốn tâm vô lượng là thành tựu trí bi bình đẳng. Pháp của hồi hướng thứ nhứt cũng là pháp của các vị. Song về hạnh giải thoát, các vị có sự sai khác. Về lý trí, các vị là một. Vì sao độ sanh bằng sáu Ba-la-mật? Vì dạy chúng sanh đạt pháp xuất thế, sau mới vào sanh tử. 16 hàng kệ khen ngợi hạnh độ sanh bình đẳng của hồi hướng thứ một. Vị này chuyên tu thí Ba-la-mật, thủy thủ Bà Thi la - thiện trí thức của hạnh này - ở trên bờ biển tu hạnh từ bi. Hồi hướng này dùng đại bi làm thể của giới, quán sát sanh tử, đạt trí huệ, ở trong sanh tử nhưng luôn tự tại. Giới thể thanh tịnh như biển không dung chứa xác chết, cũng thế, pháp thân thanh tịnh không phiền não nhiễm ô. Phần này có hai: ý kinh, nghĩa văn. Ý kinh có sáu:

1) (13,5 hàng) Bồ-tát đạt lòng tin.

2) (11 hàng) Bồ-tát giáo hóa chúng sanh.

3) (33 hàng) quả báo trang nghiêm.

4) (21,5 hàng) Bồ-tát cúng Phật bằng pháp trang nghiêm là để độ sanh.

5) (24 hàng) Bồ-tát tùy thuận sanh tử, độ thoát chúng sanh, sống với chúng sanh cầu trí nhứt thiết, tu pháp thanh tịnh.

6) (7 hàng) Bồ-tát đạt pháp Phật đoạn trừ nghi hoặc, nghe pháp

quán tưởng, vào các cõi độ sanh.

- 50 hàng kệ là khen ngợi hạnh này. Nghĩa văn: hồi hướng Bất hoại: tùy thuận sanh tử nhưng không hoại pháp thân, sống trong sự phân biệt, nhưng luôn đạt pháp không tạo tác; tùy thuận tà kiến nhưng đủ mắt pháp; hành mọi hạnh nhưng sống trong trí bồ đề; độ thoát chúng sanh, thành tựu quả Phật nhưng thấy rõ thân tâm không nương tựa; sống trong sanh tử nhưng đủ giới thể thanh tịnh. Pháp thế, xuất thế vốn không thành hoại. A-tăng-kỳ bảo: quả độ sanh bằng pháp; A-tăng-kỳ hoa: quả độ sanh bằng mọi hạnh; A-tăng-kỳ man: quả của nhẫn; A-tăng-kỳ y: quả của hạnh hổ thẹn; A-tăng-kỳ cái: quả của đại bi; A-tăng-kỳ phan: quả của hồi hướng; A-tăng-kỳ tràng: quả của hạnh bất thoái; A-tăng-kỳ trang nghiêm: quả của các pháp trợ đạo; A-tăng-kỳ cấp thị: quả của khiêm nhường cung kính; A-tăng-kỳ hương xoa: quả của giới; A-tăng-kỳ hương bột: quả cúng hoa (mỗi pháp đều biểu hiện sự tương xứng của nhân quả). Hồi hướng này dùng thật pháp ấn định hạnh nghiệp, đạt pháp không sanh, trụ nơi Phật trụ; quán pháp không sanh, biết rõ cảnh giới, được các đức Phật ủng hộ, hợp pháp tánh, nhập pháp không tạo tác, thành tựu phương tiện độ sanh. Trí không hoại, sanh tử bi nguyện không hoại. Trong mười trụ, thể của giới là tâm bi không đắm nhiễm, là Tỳ kheo Hải Vân nước Hải môn. Trong mười hạnh, thể của giới là tài toán thuật, là đồng tử Thích Thiên bói toán bên bờ sông vì mọi dòng sông đều chảy về biển. mười hồi hướng, thể của giới là hạnh từ bi vào đời độ sanh, là thiện tri thức tự tại.

■

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 21

- ***Hồi hướng như các đức Phật:*** chuyên tu nhẫn Ba-la-mật, trưởng giả Vô Thượng Thắng ở rừng Đại trang nghiêm tràng Vô ưu phía đông thành Khả lạc là thiện trí thức của hạnh này. Khả lạc: đạt pháp, thành tựu hạnh nhẫn, ai cũng thích gần. Phía đông thành: nhẫn là hạnh đầu trong muôn hạnh, phía đông thành thuộc sao Giác, Cang, Đề, Phòng, là nơi trưởng dưỡng mọi pháp lành. Phòng: rồng xanh, tốt lành, phía đông là dương, nơi sinh sôi mọi vật. Đại trang nghiêm tràng: nhẫn nhục trước nghịch cảnh; rừng vô ưu: nhẫn là hạnh tối thượng, là pháp thành tựu mọi hạnh. phần này có 10 ý:

1) (5,5 hàng) học hạnh hồi hướng của Phật, đạt tự tại thanh tịnh.

2) (7,5 hàng) Bồ-tát hồi hướng pháp lạc của Phật.

3) (7 hàng) hồi hướng hạnh nguyện Bồ-tát.

4) (10 hàng) Độ chúng sanh thoát khổ.

5) (2 hàng) trọn vẹn hạnh Bồ-tát bằng nguyện lực.

6) (18,5 hàng) với lòng từ bi, Bồ-tát vào đời nhưng không đấm nhiễm.

7) (25 hàng) đem thức ăn cho súc vật, nguyện chúng thoát khổ được vui.

8) (14 hàng) Bồ-tát đạt trí hạnh như Phật.

9) (6 hàng) Bồ-tát đạt công đức Phật, vào pháp giới, biết rõ hành trình của Bồ-tát.

10) (1 hàng) Bồ-tát Kim Cang Tràng quán sát đại chúng nói kệ.

- ***Hồi hướng như các đức Phật:*** thành tựu hạnh nhẫn, không tham sân si, nguyện hành mọi hạnh như Phật. 48 hàng kệ như kinh.

- ***Hồi hướng đi khắp mọi nơi:*** chuyên tu tinh tấn Ba-la-mật. Tỳ kheo ni sư Tử Tần Thần ở rừng Ca lăng ca nước Thâu na là thiện tri thức của hạnh này. Tỳ kheo ni giải hòa sự tranh đấu, tinh tấn sanh lợi (Tỳ kheo ni như trước). Hồi hướng này từ bi độ sanh bằng hành tinh tấn nhưng không đấm nhiễm. Sư Tử Tần thân: đạt bốn trí vô ngại và bốn vô

úy. Sư tử: trí không sợ; Tần thân tự tại đi lại. Dùng trí thanh tịnh dũng mãnh tự tại thuyết pháp đem lại lợi ích cho chúng sanh, giải hòa sự tranh chấp, độ thoát mọi loài. Bồ-tát này hành hạnh từ bi, vào sanh tử khổ não bằng trí tự tại không đắm nhiễm. Phần này có tám ý:

1) (12 hàng) Bồ-tát tu pháp lành, như tích tắc đi khắp ba đời, cúng dường các đức Phật.

2) (12 hàng) các đức Phật ra đời, độ sanh bằng pháp thân rộng lớn.

3) (14 hàng) Bồ-tát cúng dường vô số Phật.

4) (14,5 hàng) Bồ-tát hành hạnh lành bằng tâm không chứng đắc.

5) (6 hàng) công đức cúng dường.

6) (6 hàng) Bồ-tát hành mọi hạnh để pháp Phật trường tồn, trang nghiêm cõi Phật.

7) (12 hàng) đạt ba nghiệp thanh tịnh đi khắp mười phương.

8) (1 hàng) Bồ-tát Kim Cang Tràng quán sát đại chúng nói kệ.

Hồi hướng đi khắp mọi nơi có 11 pháp: pháp thân; trí thân; nguyện lớn; cúng dường Phật; nghe và thọ trì pháp; tùy thuận hiện thân; khai ngộ chúng sanh; mọi pháp đều hiện trong lỗ chân lông; đi lại mười phương nhưng không thấy đến đi; thân tâm như chúng sanh; thân như Phật. mười pháp hồi hướng: dùng pháp không tạo tác hồi hướng pháp tạo tác và ngược lại; dùng một pháp hồi hướng nhiếp pháp và ngược lại; dùng pháp thế gian hồi hướng pháp xuất thế và ngược lại; dùng pháp tánh không làm phương tiện hồi hướng; dùng pháp tánh có làm phương tiện hồi hướng. Đó là điều kiện giúp người chấp có, không, đạt được tự tại, sanh tử Niết-bàn không chướng ngại; đạt thần thông lớn không câu chấp, cúng dường Phật, giáo hóa chúng sanh, tự tại trước một, nhiều, giống, khác, phát nguyện bằng tâm thành thật, che chở mọi loài, nguyện mình đầu đủ phước đức. Đó cũng là cõi hoa Tạng (thế giới như trước); chuyển thế giới: xoay tròn, lưu chảy như dòng nước, như sự vận chuyển của mặt trời mặt trăng (như kinh): đạt lý trí pháp thân của mười trụ mười hạnh, khởi thần thông bằng lý trí không tạo tác để không vướng chấp tịnh nhiễm, vì các pháp vốn không câu chấp. 22 hàng kệ như kinh.

- ***Hồi hướng tạng công đức vô tận:*** chuyên tu thiền Ba-la-mật, cô Bà Tu mật ở thành Bảo Trang nghiêm nước Hiểm nạn là thiện trí thức của hạnh này. tâm không phân biệt, biết rõ các pháp, một thân hiện khắp pháp giới, ngay thân này đủ vô số cõi nước vì thể tánh thiền định

tự tại cùng khắp, trí bi dung hợp thiền định. Hiểm nạn: chơn trí hợp tục. Bảo trang nghiêm: hiểu thể của tục là chơn, dung hợp định huệ bi trí vào đời nhưng không đắm nhiễm. Bà Tu Mật: Thế hữu (thầy của thế gian) Thiên hữu (thầy của cõi trời); Di Bảo (tài hiểu đạt trí nhứt thiết của chúng sanh) sắc thân của Bà tu mặt xinh đẹp, ai thấy hình nghe tiếng, nắm tay, ngồi bảo tòa đều được tam muội. Vì thể thiền cùng khắp, dung hợp bi trí. Người thấy đạo là dung hợp bi trí; người không thấy đạo dù đối diện vẫn không thấy hình sắc. Nghĩa là trí định dung hợp nhưng trí bi sai khác. Tùy văn tánh độ thoát chúng sanh là người nữ. Trong mười trụ, thiện tri thức trụ thứ năm là trưởng giả Giải Thoát. Vì thể của tục là chơn, thân chúng sanh là cõi Phật; chúng sanh là Phật; khi thiền định quán sát tương hợp thì thấy được. Trong mười hạnh, thiện tri thức thứ năm là trưởng giải Bảo kế. Ở chợ dắt về nhà: làm việc thế tục nhưng trí bi không nhiễm đắm. Với người chưa liễu ngộ, thế tục là nơi tạo nghiệp nên cần tu giới định huệ, đạt trí xuất tục; với người tỏ ngộ, nghiệp không còn, cần vào đời độ sanh. Vì cần biết căn tánh độ sanh, tùy bệnh trao thuốc. Phần này có 13 ý:

1) (61 hàng) Bồ-tát tùy hỷ trọn vẹn hạnh hồi hướng.

2) (30 hàng) với nguyện lớn, Bồ-tát hiện khắp nơi, trang nghiêm cõi Phật.

3) (7 hàng) phương tiện hồi hướng.

4) (5 hàng) làm thanh tịnh cõi Phật, hiện thân độ sanh như Phật.

5) (3,5 hàng) Bồ-tát đạt nhứt thiết trí, biết sự tịch tịnh của nghiệp quả.

6) (6 hàng) không phân biệt không chấp thủ.

7) (10 hàng) Bồ-tát đạt vô số căn lành.

8) (6 hàng) Bồ-tát hiểu rõ cõi chúng sanh, pháp vốn không chứng đắc.

9) (5 hàng) dùng vô trí nhập pháp, dùng vô pháp nhập trí.

10) (6,5 hàng) Bồ-tát đạt tạng công đức là ruộng phước cho chúng sanh.

11) (7 hàng) với phước đức, Bồ-tát đạt thân tướng tốt đẹp, thế gian không sánh bằng.

12) (15 hàng) Bồ-tát đạt mười tạng vô tận.

13) (1 hàng) Bồ-tát Kim Cang Tràng quán sát đại chúng nói kệ.

- Hồi hướng Tạng công đức vô tận: thiền trí dung hợp, bi trí đồng hành, dùng hư không rộng lớn làm đạo tràng, dùng hành tướng vô minh của chúng sanh làm việc Phật, luôn phụng sự các đức Phật, đi khắp mọi

nơi hóa độ chúng sanh, thành tựu thân Phật, vượt ngoài vọng tình, biết rõ các pháp, không hoại tâm rỗng lặng. Câu: ngay mỗi lỗ chân lông thấy vô số Phật ra đời đạt tạng pháp vô tận: tâm tánh trống không, không phân biệt lớn nhỏ, thân là hình ảnh của trí, đất nước cũng thế, trí thanh tịnh ảnh hiện rõ ràng, nhỏ lớn dung hợp như cảnh giới trong lưới Đế Thích, dùng trí lực Phật quán các pháp trong một pháp. Vì mọi cảnh vật đều có từ tâm; tâm không, cảnh mất, mọi thứ đều trống không như ảnh tượng trong nước sạch, không có nước thì không có hình ảnh, phá chấp có, tạo thuyết không. Cảnh có từ trí; trí trống không, cảnh huyễn ảo, hư huyễn là một, dùng trí huyễn tự tại đến đi. Người dùng trí vào đời mới thấy chơn như không mê hoặc tâm cảnh. Với nguyện lớn, Bồ-tát tùy thuận hiện thân độ thoát, đạt vô số công đức. 50 hàng kệ như kinh.

- ***Hồi hướng tùy thuận pháp lành:*** chuyên tu Bát-nhã Ba-la-mật, Bính sắt chi la ở nước Thiện độ, là thiện tri thức của hạnh này, cúng dường tòa chiên đàn nơi tháp Phật. Bính sắt chi la: Bao nhiếp thân đủ vô số cõi Phật. Nước Thiện độ: hạnh độ sanh bằng trí. Cúng dường tòa... tòa: Giới định huệ, pháp thân giải thoát đạt pháp Niết-bàn không chấp: vì thể của giới định huệ không mất. Tòa không hình tượng: dung hợp không tướng, thấy tòa đạt pháp: thiện độ, thân hợp pháp không là cõi Phật. Bao nhiếp trí không tướng là pháp không diệt độ của Phật. vì trí không sanh diệt. Phần này gồm 64 đoạn. 61 đoạn văn xuôi là 61 cách bố thí, mỗi đoạn có ba ý: thành tựu tâm hành hạnh bố thí; bố thí nhưng hồi hướng pháp bồ đề; phát mười nguyện mình người đều thành Phật. Ba phần sau là công đức bố thí và Bồ-tát Kim Cang Tràng nói kệ. Bố thí thân hình, vợ con, đất nước, thức ăn, thức uống, vật ngon, xe, y phục, hoa, dây hoa, hương xoa... như trong kinh. Mỗi pháp thí đủ mười nguyện là bỏ chấp, thành tựu hành không chấp, cúng dường Phật bằng pháp không tạo tác, giáo hóa chúng sanh hành vô số hạnh. Sáu hàng tùy thuận... tự tại nên công đức của hồi hướng. Sáu hàng từ Kim Cang Tràng... Bồ-tát nói kệ khen ngợi. 82 hàng kệ như kinh. Kinh dạy: Phật tử! hồi hướng như thế là tùy thuận Phật pháp bồ đề hành thí Ba-la-mật nhưng không mất pháp thân, trí thân, thành tựu thần thông đại bi như Phật, lý tùy thuận hạnh, hành tùy thuận lý, trí bi tùy thuận nhau, độ sanh bằng trí, phương tiện thành tựu từ bi tự tại. Tác giả nói kệ: "Pháp thân lý trí không thể tánh; thanh tịnh bình đẳng không tạo tác; phương tiện trang nghiêm bằng nguyện lực; thần thông biến hóa viên mãn hạnh; pháp không thể tánh, do duyên sanh; duyên sanh không mất, tánh vô tác; cho dù phát khởi vô số nguyện; thực hành vo số hạnh độ sanh;

vẫn không tách rời tánh không ấy; trí như vang bóng khắp pháp giới; thể trí hạnh nguyện như Phổ Hiền; nguyện hạnh hồi hướng đều không thật; tuy là không thật chẳng bỏ duyên; tùy thuận duyên sanh tánh vô tác; Bồ-tát thực hành vô số hạnh; trí không đến đi như bóng hiện; cho dù giáo hóa mọi hàm thức; vẫn như người hóa độ kẻ ảo". Bố thí như thế, thành tựu vô số công đức nhưng thể tánh của công đức vốn không. Cũng thế, lý trí tuy có khả năng làm thanh tịnh mọi phiền não nhưng không có gì là phát nguyện độ sanh.

- ***Hồi hướng tùy thuận tất cả:*** Sáu Ba-la-mật trước là hạnh ra khỏi sanh tử, bốn Ba-la-mật sau là phương tiện vào đời độ sanh. Thiện tri thức ở đây là Bồ-tát Quan Âm. Cõi nước mười phương đều là cõi Phật, chẳng có cõi A di đà ở phương tây riêng biệt. Đó là phương tiện dạy kẻ sơ học buộc tâm đoạn ác, tùy tâm niệm thấy hóa Phật. Có người cho rằng cõi Ta Bà không có Bồ-tát Quan Âm, nên đã đổi các bản kinh cũ, dịch mới gọi là Quán tự tại: là trí lý quán sát thế, xuất thế, không phải là hạnh từ bi. Quan Âm Văn Thù, Phổ Hiền là hạnh nguyện của các đức Phật. Văn Thù là pháp thân trí huệ, Phổ Hiền là hạnh độ sanh bằng trí, Quan Âm là hạnh từ bi ở trong sanh tử. Ba pháp ấy hình thành đức Tỳ-lô-giá-na. Chúng sanh thành Phật từ ba pháp này, thiếu một pháp thì không thành. Tiếng Phạn là Bồ-tát Quan Thế Âm dùng ánh sáng từ bi giáo hóa chúng sanh. Ở đâu cũng là Văn Thù, Phổ Hiền, Quan Âm. Ở đây gọi là Quan Thế Âm thành tâm cảm ứng. Quán tự tại là Bát-nhã Ba-la-mật, không phải là phương tiện Ba-la-mật vào đời độ sanh. Vì bốn nhiếp pháp, bốn tâm rộng lớn không phải là đoạn trừ phiền não. Quan Thế Âm ở Bổ Hằng lạc ca (núi Tiểu bạch hoa thọ) thuyết kinh từ bi. Núi này có nhiều cây Tiểu bạch hoa, hoa rất thơm. Ở Sơn tây A. Tây: hành kim, cọp trắng là chủ sự giất, từ bi trong cõi ác. Phần này có 20 đoạn:

1) (14 hàng) Bồ-tát tu tập 32 pháp lành;

2) (14 hàng) Bồ-tát hồi hướng tạng phước đức cho chúng sanh;

3) (6 hàng) Bồ-tát biết pháp lành ấy không ngoài tâm bồ đề không tạo tác nên thương yêu chúng sanh;

4) (11,5 hàng) Bồ-tát nguyện hồi hướng căn lành trong vô số kiếp và bố thí tài vật;

5) (5 hàng) Bồ-tát hành hạnh bố thí, thành tựu năm tâm;

6) (18,5 hàng) Bồ-tát bố thí tài vật trong vô số kiếp;

7) (6 hàng) Bồ-tát bố thí không mỏi mệt;

8) (6 hàng) Bồ-tát bố thí bằng mười tâm giải thoát không chấp

trước;

9) (8,5 hàng) phát khởi mười nguyện bằng mười pháp bố thí, mong chúng sanh đạt nhứt thiết trí;

10) (116,5 hàng) Bồ-tát phát 110 đại nguyện độ sanh bằng bố thí;

11) (24 hàng) vì độ sanh, Bồ-tát vào cõi ác khổ;

12) (3 hàng) vào đời độ sanh bằng hạnh thí, nhưng Bồ-tát không chấp;

13) (3 hàng) với căn lành, Bồ-tát nguyện chúng sanh đạt trí Phật: đạt thân thanh tịnh, trí huệ sáng suốt, nội tâm tịch tịnh, ngoại cảnh không động;

14) (17,5 hàng) nhờ hạnh hồi hướng, Bồ-tát đạt thần thông trí huệ hơn đời;

15) (8 hàng) Bồ-tát tu hạnh ấy đạt vô số công đức, thành tựu quả bồ đề vô thượng;

16) (15 hàng) Bồ-tát thấy thể tướng của các pháp ba đời bình đẳng;

17) (10 hàng) Bồ-tát thấy nghiệp ba đời bình đẳng, cúng Phật, vào đạo tràng;

18) (9 hàng) công đức của hạnh thí;

19) (1 hàng) Bồ-tát Kim Cang Tràng nói kệ;

20) (42 hàng kệ như kinh).

- Hồi hướng tùy thuận tất cả chúng sanh: tu phương tiện Ba-la-mật, dùng trí Ba-la-mật vào sanh tử, tùy thuận chúng sanh đem lợi ích cho mọi loài, như câu: Ta có tám vạn bốn ngàn bà con của nữ cư sĩ Hưu Xả - thiện tri thức của mười trụ: là độ thoát tám vạn bốn ngàn phiền não chúng sanh. Ở đây Thiện Tài gặp Bồ-tát Quan Âm. Trong 20 đoạn, nghĩa 19 đoạn rõ như văn kinh, như đoạn 16: tất cả pháp đều thanh tịnh; đoạn 17: chúng sanh và cõi nước giống nhau, chánh báo, y báo là một cõi nước có từ tâm, tâm chúng sanh khác nhau nên cõi nước khác nhau; suy xét không trái tâm vì từ tâm suy xét, suy xét là tâm; nghiệp giống quả báo vì quả có từ nghiệp, báo là quả của nghiệp; nghiệp và cõi nước giống nhau, cõi thọ sanh sau này giống với nghiệp hiện tại; tánh pháp không khác tướng: vô tánh là tướng, vô tướng là tánh, thật tướng trong vô tánh là sắc thân và cảnh giới Như Lai, chúng sanh không hiểu vô tánh nên chấp tướng, tướng ấy là trời rồng giải thần... sanh không khác tánh, sanh là không sanh, không sanh là sanh; cõi nước bình đẳng, chúng sanh bình đẳng, lý không tịnh uế; tất cả chúng sanh trụ bình đẳng,

bình đẳng lìa dục vì cảnh dục và Niết-bàn là một; Phật bình đẳng, Bồ-tát bình đẳng vì lý trí của Phật là thể dụng của Bồ-tát; Bồ-tát tu hạnh này đạt nghiệp báo bình đẳng, Bồ-tát trang nghiêm bằng nguyện lực nên đạt mười pháp bình đẳng, như thiện tri thức thứ bảy của mười trụ, 10 hành và mười hồi hướng đều biểu hiện hạnh từ bi. Giáo pháp rộng lớn đan xen dung hợp, không thể so lường, như không thể mượn ao nhỏ để đo độ sâu của biển; đèn cũng cho ánh sáng nhưng không thể dùng nó để đo độ chiếu sáng của mặt trời. Cũng thế, ngôn ngữ không thể diễn tả hết sự sâu rộng của kinh này. Người tu hành nên hiểu ý phát từ định, trí sáng nhờ lý, bì nhờ hạnh nguyện, hạnh thành từ nguyện lý trí nguyện hạnh rộng lớn, trí Phật có từ trí, phát giới cũng không ngoài lý trí ấy.

- Hồi hướng chơn như tướng: chuyên tu nguyện Ba-la-mật, độ sanh bằng trí thù thắng, trí được nguyện hỗ trợ nên càng thanh tịnh. Đó là thiện tri thức Chánh Thú (ở phương Đông) từ hư không đến cõi Ta bà: hiểu pháp không, trí hiển hiện không đến đi. Bồ-tát Quan Âm gặp Bồ-tát Chánh Thú là dùng nguyện dung hợp bi trí, trọn vẹn bi trí. Phương đông là trí, phương tây là bi. Mặt trời mọc, cây cỏ phát sinh, rồng xanh báo điềm tốt là trí; mặt trời lặn, tối tăm, cây cỏ héo tàn, cọp trắng báo điềm xấu là dùng trí hành bi, vào cõi khổ đau để đem lại lợi ích cho chúng sanh; dùng nguyện thanh tịnh trí, dung hợp bi, viên mãn khổ hạnh Phổ Hiền. Phần này có 10 đoạn:

1) (35 hàng) Bồ-tát nhập vị này, dùng nguyện tăng trưởng hạnh nghiệp.

2) (10 hàng) quán khổ cõi chúng sanh, Bồ-tát nguyện sớm giải thoát để độ sanh.

3) (10 hàng) Bồ-tát độ sanh bằng mười pháp để chúng sanh đạt mười pháp lạc.

4) (46,5 hàng) thấy cõi nước thù thắng, Bồ-tát nguyện độ chúng sanh về cõi ấy.

5) (5 hàng) Bồ-tát hồi hướng tăng trưởng pháp lành.

6) (189,5 hàng) hồi hướng được xây dựng từ tánh không, không chấp. Chơn như là thể của hồi hướng, có ngay trong pháp thế gian, nhưng hồi hướng có cả trong pháp xuất thế. Vì sao? Vì hồi hướng có khả năng phát khởi sức thần thông trí bi thiền định của chơn như không tạo tác và xứng hợp với công dụng của nó. Nếu chỉ làm thanh tịnh phiền não bằng chơn như không tạo tác thì giống hạnh thích vui của nhị thừa, sáu Ba-la-mật của ba thừa chỉ sanh về cõi tịnh một phương, không nhập giới pháp chơn như. Đó là ba xe ngoài của cửa. Nên biết rằng trí sai biệt

cùng khắp mười phương được phát khởi từ hạnh nguyện, vô số hạnh có từ pháp hồi hướng, mượn pháp này để chỉ dạy chúng sanh, để kẻ hậu học không nhầm lẫn;

7) (12,5 hàng) lợi ích của vị này.

8) (13,5 hàng) thành tựu đạo pháp như Phật.

9) (1 hàng) Bồ-tát Kim Cang Tràng nói kệ.

10) (58 hàng kệ như kinh).

Kinh dạy: một thân này biến khắp mười phương đạt âm thinh vô lượng của Phật, từ mỗi lỗ chân lông hiển hiện vô số cõi nước, đạt thần thông vô lượng của Phật, đặt chúng sanh trên lỗ chân lông là đạt tri kiến thật sau khi thấy đạo của mười trụ. Xin giải thích vài điều để phàm phu tin hiểu, không do quán sát đạt được. Tác giả nói kệ: “Hiểu tánh lớn nhỏ lỗ chân lông; thễ tướng cõi nước vốn hư huyễn; thể trí thanh tịnh tướng không ngại; chân lông bụi trần cũng như thế; cõi nước có từ tâm hư vọng; trí cảnh dung nạp không vọng tưởng; tâm tịnh chúng sanh không trong ngoài; chân lông hạt bụi cũng như thế; vì vậy Như Lai nói hồi hướng phát khởi hạnh nguyện dung mình người; mong cho chúng sanh cũng được vui; tâm tịnh thấy rõ các cõi nước; vì nguyện và trí vốn giống nhau; thể tánh trí bi khắp pháp giới; lý trí không công đủ hình sắc; tùy loại hiện thân và thuyết pháp; biết mình và người cùng thể trí; trong thân chúng sanh là cõi Phật; dùng trí chúng sanh giảng giáo pháp; vì mê chúng sanh không hiểu biết; khi ngộ chúng sanh chính là Phật; hiểu rõ thể tánh giống và khác; là người nương tựa của chúng sanh”.

- Hồi hướng vô trước vô phược giải thoát: chuyên tu lực Ba-la-mật, Thiên thần là thiện trí thức của vị này, ở thành Hữu môn nước Dọa-la- bát-để. Ở đây là thiên thần, vị sau là địa thần, biểu hiện trí bi của vị hồi hướng. Thiên thần là trí, địa thần là bi, che chở đem lại lợi ích cho mọi loài như cha mẹ; thiên thần là vô lượng bảo vật, địa thần phóng ánh sáng trang nghiêm, địa là cõi tịnh cũng đủ vô số báu vật. Đó là nêu đức độ sanh của địa thần thiên thần để kẻ hậu học biết rõ. Trí thanh tịnh là tánh của trời, đại bi là tánh của đất, thể của tất cả vốn thanh tịnh. Đó là sự thanh tịnh của bị trí, là cõi tịnh của Phật, trí hợp chơn, đức dung hợp của trời đất cứu hộ chúng sanh; là hạnh dung hợp chơn tục của Bồ-tát. Thiên thần là đạt lý trí u huyền không thể đo lường, làm nhưng không chấp. Phần này có bảy đoạn:

1) (8 hàng) từ căn lành đạt mười sự tôn trọng;

2) (15 hàng) từ căn lành và sự tôn trọng đạt cảnh trí vi tế của Phổ Hiền;

3) (7 hàng) đại trí không phân biệt;

4) (15,5 hàng) tu pháp hồi hướng này, 3 nghiệp không trói buộc, tự tại như các đức Phật, đạt thần thông tự tại;

6) (1 hàng) Bồ-tát Kim Cang Tràng quán sát đại chúng nói kệ;

7) (102 hàng kệ như kinh).

Hồi hướng vô trước vô phược giải thoát, tánh không, lý trí không nương tựa, không trói buộc. Kinh dạy: trí vi tế, hành hạnh Bồ-tát, trụ đạo Phổ Hiền, tất cả đều từ trí, như bóng vang mộng huyễn hư không. Đại Bồ-tát tôn trọng căn lành có 10: tôn trọng bậc ra khỏi sanh tử, trong ba thừa là người vượt "Phần đoạn sanh tử" đạt "Biến dịch sanh tử", trong nhứt thừa là từ trí sanh thân, tùy căn hiện thân không thuộc tánh sanh tử, dù là hòa hợp tánh thế gian cũng không thuộc tánh sanh tử. Người tu học đạo nên hiểu như vậy. Khi trí hợp hạnh sẽ thấy được; tôn trọng người tu pháp lành: mười tín thuộc hữu lậu, mười trụ thuộc vô lậu; tôn trọng người biết lỗi: hối hận nghiệp đã làm, từ nhân tôn trọng đạt quả bất thoái như nền móng chắc thì ngôi nhà trường tồn... 15 hàng từ Phật tử!... Trí sanh tất cả pháp: thành tựu quảđức của các đức Phật, trọn vẹn hạnh quả vi tế của Phổ Hiền. Có mười pháp vi tế: thân Phật, trong một thân chúng sanh có vô số thân Phật; trí Phật: trí huệ cùng khắp, tùy pháp lạc chúng sanh thấy biết; sự thọ sanh của Phật: tích tắc hiện vô số thân vào thai... thuyết pháp... giáo hóa tất cả chúng sanh: hành hạnh Phổ Hiền độ thoát mọi loài; cõi nước: cõi Hoa tạng với vô số cõi nước; Bồ-tát: vô số Bồ-tát hiện trong hư không; Bồ-tát gặp Phật: tùy địa vị, các Bồ-tát thấy Phật nghe pháp; tiếng nói của Phật: tiếng Phật không có từ thân tâm, vang khắp mười phương, tùy ngôn ngữ, chúng sanh đều nghe hiểu; kiếp số: các đức Phật ba đời không ngoài một sát na, đan xen dung hợp; thần thông: pháp tánh trí thân cùng khắp. Từ trí không nương tựa hiện thân độ sanh, ở khắp mười phương nhưng không đến đi, không chấp trước, trí nguyện rộng lớn không ngăn ngại. Hồi hướng này dùng pháp thân không tạo tác, trí không nương tựa và nguyện hạnh đem lại lợi ích cho chúng sanh, viên mãn hạnh nguyện, biến mọi tâm phân biệt thành công dụng của trí, tất cả sự hiểu biết đều là pháp thiền bất động, từ lý tánh tịch tịnh khởi trí thân huệ thân sai biệt, trong mỗi lỗ chân lông chứa vô số cõi Phật, cõi chúng sanh, hữu vi dung hợp vô vi.

- Hồi hướng đẳng pháp vô lượng: chuyên tu trí Ba-la-mật, địa thần là thiện tri thức của vị này, ở phía tây nam, trông coi bốn mùa: hành bi bằng trí. Địa thần ở nước Ma-kiệt-đà, nơi Như Lai thành đạo. Vị này đạt trung đạo, trí bi như Phật. Nước Ma-kiệt-đà là trung tâm của cõi

Diêm phù. Viên mãn bi trí hành hạnh hồi hướng. Hai thần trời đất là sự dung hợp trí bi, là đạo pháp độ sanh. trăm vạn địa thần phóng ánh sáng chiếu khắp ba ngàn đại thiên cõi: hành bi bằng trí, đủ vô số hạnh; mặt đất chấn động: sự cảm ứng của tâm bi. Trang nghiêm bằng báu vật: quả của hạnh từ bi, viên mãn bi trí, thuyết pháp độ sanh, trí huệ như thần, tâm tánh như đất, che chở vạn vật. Phần này có 26 đoạn:

1) (11 hàng) trọn vẹn bi trí thuyết pháp độ sanh.

2) (21 hàng) Bồ-tát dùng pháp độ sanh, chúng sanh tu phạm hạnh.

3) (25 hàng) Bồ-tát tự tại với tịnh hạnh.

4) (22 hàng) từ căn lành bố thí, Bồ-tát nguyện biện tài không ngại, thuyết giảng giáo pháp của các đức Phật ba đời.

5) (11 hàng) với căn lành, Bồ-tát nguyện gặp Phật ra đời.

6) (15 hàng) Bồ-tát hồi hướng căn lành như pháp giới rộng lớn.

7) (16 hàng) hồi hướng căn lành mong chúng sanh gặp Phật đạt tâm trí thanh tịnh.

8) (6 hàng) hồi hướng như tánh không thay đổi của pháp giới;

9) (27 hàng) hồi hướng căn lành mong chúng sanh đạt vị pháp sư trong pháp Phật.

10) (6 hàng) hồi hướng bằng pháp không chấp.

11) (22 hàng) không tu pháp thế gian nhị thừa, dạy chúng sanh đạt trí Phật.

12) (30 hàng) hồi hướng căn lành mong chúng sanh thoát khổ được vui, đạt bồ đề.

13) (23 hàng) hồi hướng căn lành mong chúng sanh trụ bốn tâm vô lượng, vĩnh viễn đoạn trừ hai chấp, thành tự trí Phật.

14) (6 hàng) Bồ-tát không tham năm dục của ba cõi, đoạn trừ tham sân si.

15) (4 hàng) Bồ-tát bỏ ác làm lành, thoát khỏi ma nghiệp, lập đàn bố thí.

16) (25 hàng) đạt âm thinh tự tại, mong chúng sanh như mình.

17) (10,5 hàng) nguyện chúng sanh thoát khỏi ác khổ, đạt thanh tịnh.

18) (14,5 hàng) hồi hướng căn lành nguyện đạt trí thân.

19) (14 hàng) Bồ-tát luôn bố thí, ai thấy cũng vui.

20) (3,5 hàng) hồi hướng căn lành bố thí trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh.

21) (11 hàng) hiện thân trong vô số cõi Phật.

22) (25 hàng) hồi hướng để độ sanh.

23) (19 hàng) Bồ-tát thuyết pháp, hành hạnh an lạc, mong chúng sanh được vui.

24) (22 hàng) Bồ-tát hồi hướng căn lành mong chúng sanh an trụ trong pháp tịnh.

25) (11,5 hàng) nhờ hồi hướng đạt mười pháp thanh tịnh.

26) (24 hàng) hồi hướng căn lành mong chúng sanh thấy Phật, đạt trí huệ như Phật.

■

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 22

- Đoạn 13 được phân thành năm phần:

1) Các lực của Phật cảm động trời đất.

2) Chư thiên cúng dường.

3) mười phương đều như cõi Đâu suất.

4) Các Bồ-tát cùng tên đến chứng minh.

5) Bồ-tát Kim Cang Tràng nói kệ.

Hồi hướng đẳng pháp giới vô lượng: như pháp giới không trong ngoài, không tạo tác, không xa gần, rỗng lặng, không thể đo lường, không nương tựa, là nơi ở của các đức Phật, không thuộc ba đời, không thuộc sự sanh diệt của ba đời, tự tại trước có không. Trí cũng như pháp giới, làm cho người phát tâm bồ đề như pháp giới, đủ công dụng phước đức tự tại không ngại, không lớn nhỏ, không đo đếm được, đủ mọi pháp thế xuất thế, bi trí. Nếu không hồi hướng như thế thì chỉ là hàng nhị thừa thích trụ Niết-bàn tịch tịnh, Bồ-tát thiết sanh về cõi tịnh, là ba xe ngoài cửa, không được xe trâu trắng ở đồng trống. mười hồi hướng trong ba thừa phần nhiều là tu tâm xuất thế. Thông hiểu tánh sanh tử của thế gian và tánh pháp giới, phát khởi tâm bi, dạy chúng sanh thấy được bản tánh mình là trí pháp giới, đạt pháp từ bi bình đẳng, vào nhà trí sáng, không ở mãi trong thành ảo hóa. Đó là pháp môn dạy ba thừa bỏ xe trâu trắng về bảo sở của sư sĩ Duy-ma, là viên mãn quả Phật, hạnh Phổ Hiền trong pháp giới. mười hồi hướng là chuyển tâm trí bi pháp thân muôn hạnh nhỏ hẹp còn chướng ngại của mười trụ, mười hạnh, thành tựu tâm trí rộng lớn tự tại như pháp giới. Nếu không, sẽ thiên chấp cõi tịnh, không nương tựa pháp giới bình đẳng vô ngại, không thành quả Phật. mười hồi hướng bao hàm pháp mười tín... địa mười một. Vì thế tên của Phật ở mười địa và mười hồi hướng là diệu, chỉ khác nhau là tên Bồ-tát mười địa là Tạng, tên Bồ-tát mười hồi hướng là Tràng, vì pháp lành và diệu dụng của quả Phật không khác, nhưng công đức lại có khác. mười địa viên mãn công đức nên là Tạng. Vì thế thiện tri thức của mười hồi

hướng là thiên thần, địa thần, ở mười địa là chín nữ dạ thần. mười trụ mười hạnh tu trí, mười hồi hướng dùng nguyện dung hợp bi trí, mười địa thì trí bi sâu rộng hơn, địa mười một trọn vẹn hạnh Phổ Hiền nên thiện tri thức là Ma Da - mẹ Phật. đó là thứ tự tu tập của các vị. Nếu tu tiến cùng lúc thì đó là Tỳ kheo Hải Vân nước Hải môn thành tựu bi trí của trụ thứ một, mười vua A-tu-la... là hạnh vào sanh tử. Hải Vân là hạnh vào sanh tử của mười hồi hướng, biển sanh tử chính là cõi Phật nên có câu: Phật xuất hiện trong biển, nói kinh Phổ Nhãn. Thiện tri thức thứ bảy của mười trụ cũng thế. Đó là căn cứ trên sự thành thục tăng trưởng để bàn. Song pháp môn của năm vị là một Bảo Đa la hình bán nguyệt. Tất cả đều có từ căn lành của Như Lai: dùng sức căn lành như Phật trang nghiêm cõi Phật. A-tăng-kỳ bảo hải pháp thủy danh mãn: tiếng nước chảy như tiếng pháp; A-tăng-kỳ phân đà lợi hoa xuất tiếng pháp: hoa sen trắng trăm cánh phát ra trăm thứ âm thinh; A-tăng-kỳ bảo Tu di sơn, trí huệ sơn tú xuất thanh tịnh: quả của trí nguyện thù thắng. Tú: đẹp hơn các pháp khác; thanh tịnh: thanh tịnh nghiệp; sơn: dừng; vương: tự tại; dừng tâm thì tâm tịnh, trí hiện diệu dụng. A-tăng-kỳ dòng suối báu bao quanh: quả của tám Thánh đạo. Suối báu: giáo pháp, thuyết pháp để pháp trường tồn. Bồ-tát bảo: quả của hạnh Bồ-tát. A-tăng-kỳ báu vật hiện trí nhãn của Bồ-tát: quả của trí vô ngại, pháp trong trí sâu xa vô cùng. A-tăng-kỳ cung điện: sự trang nghiêm của bi trí giám: chiếu soi; núi báu là tường rào: quả của pháp thiền. A-tăng-kỳ báu vật: dùng báu vật làm việc Phật, quả của trí hạnh. Kho báu thị hiện chánh pháp: quả của trí nhứt thiết chủng. Như Lai tràng tướng hồi nhiên cao xuất: hình dung báu vật như Phật, quả của trí chơn như không khuynh động. A-tăng-kỳ hiền đại tướng hiền tượng cụ túc: hình dạng báu vật như các hiền Thánh, quả của hạnh Thánh hiền. Vườn báu đủ diệu lạc của Bồ-tát: quả của định; Bảo âm: âm thinh là báu vật; Bảo hình: vô số báu vật đủ các loại hình dạng; Bảo tướng: tướng tốt là báu vật; Bảo oai nghi: oai nghi của Bồ-tát; Bảo tụ: ai thấy cũng phát trí, quả của trí; Bảo trụ: cảnh giới trí hiện báu vật là nghiệp, quả của nghiệp thức; Bảo vô ngại tri kiến: báu là trí kiến không ngại, người thấy đạt pháp nhãn thanh tịnh; Bảo Đa la thọ: cây báu cứng, lá sum suê, dù mưa vẫn khô ráo. Thành quách: dùng nguyện lực trang nghiêm cõi Phật. Bạt đa la thọ: bậc Thánh ở dưới cây này, trên có lưới Đế Thích. Bảo Xuy: tiếng hay, trống phát tiếng hay, âm thinh hòa nhã như tiếng nhạc. A-tăng-kỳ bảo sanh: vô số pháp bảo, chúng sanh phát tâm bồ đề là bảo. Bảo thân: vô số thân; Bảo khẩu: vô số âm thinh; Bảo tâm: tâm đủ nguyện; mọi sự

trang nghiêm đều từ hạnh nguyện, thân ngữ ý thanh tịnh, hạnh nghiệp thanh tịnh.

Đoạn 23, 24 như kinh. Phần mặt đất chấn động: oai đức thuyết pháp cảm động, đại chúng nghe pháp vui mừng, thần đức của Phật. Chư thiên cúng dường: thuyết pháp cảm ứng; chư thiên nghe pháp vui mừng. Mỗi cõi Phật hiện vô số cõi Phật, thân Phật xinh đẹp hơn trời: công đức của thuyết pháp. Phần số lượng biểu hiện sự tăng tiến. Bồ-tát cùng tên đến chứng minh là trí dung hợp xưa nay. Sáu hàng từ bấy giờ... khen công đức Kim Cang Tràng. 94 hàng kệ như kinh. Tùy vị thọ ký thành Phật trong kiếp số khác nhau: sự rộng hẹp của bi trí theo địa vị.

----

26. Phẩm: **MƯỜI ĐỊA**

Phẩm này có bốn phần: tân phẩm; nghĩa phẩm; thứ tự tăng tiến; nghĩa văn. Tên phẩm: mười địa, trí sáng Như Lai là thể của mười địa. mười trụ mười hạnh mười hồi hướng tuy cũng cùng trí này nhưng chưa trọn vẹn đạo lực. mười địa tiến tu mười Ba-la-mật để trọn vẹn đạo lực. mười địa: pháp môn đan cài, bao hàm tất cả, là vị tăng tiến của mười tín... Phật Bất Động Trí là bản thể của các đức Phật, là trí sáng không nương tựa, là bản thể của chúng sanh, như việc Thiện Tài gặp Di Lặc lại gặp Văn Thù. mười địa có từ mười tín, không có tín tâm không thành mười địa Phật. mười địa là công hạnh sâu rộng của mười hồi hướng. Nghĩa phẩm: mười địa là vị tu tập sâu rộng vững chắc pháp mười hồi hướng, trọn vẹn bi trí. Chín nữ dạ thần là thiện trí thức, 37 Bồ-tát tên Tang là 37 phẩm trợ đạo. Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt là quả thanh tịnh trong 37 phẩm trợ đạo. Thứ tự tăng tiến: sự khác nhau của mười địa trong ba thừa và một thừa; thứ tự tiến tu; bảo tòa và nơi thuyết pháp. Trong ba thừa, mười địa, kinh Nhân Vương phân Bồ-tát nội phàm ngoại phàm tu tập sáu Ba-la-mật thành sáu vua. Thí là vua nước nhỏ, giới là vua Lật Tán, nhẫn là vua Thiết Luân (vua một cõi), tinh tấn là vua Đồng Luân (vua hai cõi), thiền là vua Ngân Luân (vua ba cõi), Bát-nhã là vua Kim Luân (vua bốn cõi có ngàn con). Thí giới nhẫn là Bồ-tát ngoại phàm, ba Ba-la-mật sau là Bồ-tát nội phàm (ba hiền), mười địa là 10 Thánh tu mười Ba-la-mật, là mười vua. Đao lợi là vua đầu. về đoạn hoặc thấy đạo: ba hiền tu sáu Ba-la-mật, quán pháp không, hàng phục sự hiện hành của năm kiến, năm độn sử. Thành tựu pháp quán không, tâm cảnh

không sanh là kiến đạo. Về tu đạo: tiểu thừa quán pháp không, đoạn vọng tình, nhập tịch tịnh, đoạn trí, Bồ-tát mười địa đạt ba ý sanh thân, không đoạn trí, không hiểu vô minh chính là trí Phật, còn biến dịch sanh tử. Năm kiến: năm lợi sử: phiền não chướng ngại đối với việc thấy đạo, tiểu thừa tu không diệt trí, Bồ-tát hiểu pháp không đủ trí bi, hoặc sanh về cõi tịnh, hoặc vào đời độ sanh. Năm độn sử: cản trở việc tu đạo, tùy hạnh nhưng không xứng lý. Tiểu thừa năm đoạn lợi sử, năm độn sử. Bồ-tát đại thừa hiểu rõ lý chơn như, không đoạn phiền não, không chứng đạo. Bồ-tát ba thừa chưa nghe hiểu pháp nhứt thừa, dù nghe vẫn không tin hiểu chứng nhập vì còn tâm chán khổ, thích sanh về cõi tịnh ở phương khác, cho rằng ba tăng kỳ kiếp mới thành Phật, nên kinh Hoa Nghiêm có những câu: Bồ-tát dù trải qua... (như trước). Bồ-tát ba thừa quán mười chơn như, hoặc quán không, không thoái chuyển, chưa hiểu vô minh trí căn bản. mười địa trong nhứt thừa: mười tín đã tin vô minh đủ trí phân biệt, là Phật Bất Động Trí Văn Thù là lý trí diệu huệ nơi tâm; hạnh rộng lớn Phổ Hiền là hạnh nơi tâm. Năm mươi chúng là thị hiện quả thành tựu lòng tin. Bồ-tát, thần, trời là nhập pháp đạt lợi ích, người nhập pháp là Phật vì tiến tu thể dụng của trí Phật. mười tín thấy rõ chúng sanh là Phật, phàm Thánh cùng một thể, một trí huệ. Như trong kinh Kim Quang Minh, thiên nữ phát nguyện: nếu sự chứng ngộ này là thật thì tất cả chúng sanh đều được thân sắc vàng đủ tướng tốt lại như trong phẩm Như Lai xuất hiện của kinh này dạy: an lạc và phương tiện của chúng sanh đều từ trí Phật. nên tin rằng mình chính là Phật ra đời thuyết pháp. Từ đó tu định phát trí Phật, sanh vào nhà Phật, là đệ tử chơn chánh của Phật. Trụ thứ nhứt an trụ nơi Phật an trụ, đủ tánh Như Lai, đạt trí thanh tịnh (cứ thế trong mỗi vị có người tu, pháp tu, và quả chứng như trước). Trong mười địa, người tu là 37 Bồ-tát. Giải Thoát Nguyệt là người thỉnh pháp, quả của vị ấy không phải là vua, phạm mà trí sanh thân của Như Lai, tùy thuận chúng sanh hiện thân độ thoát. Căn bản vô minh là trí nhứt thiết. Thân hiện khắp nơi không phải là thân biến dịch sanh tử ngoài ba cõi. Thân sắc vàng ở đây là phước của mười tín vì tin tu hạnh trí của Phật. Như phẩm công đức tướng tốt, trống trời vang tiếng pháp, đoạn trừ ba nghiệp của chúng sanh. Chư thiên hỏi nguyên nhân, Phật đáp: vì nghiệp không từ đông tây nam bắc... tạo nên thân tâm. Lúc ấy vô số thiên tử cõi Đâu suất đạt vô sanh pháp nhẫn, đạt mười địa. Các thiên tử ấy đều là những người từng tu mười nghiệp thắng giải của mười tín. Trong đó, có người từng làm ác đọa địa ngục, được Phật Tỳ lô phóng ánh sáng chiếu đến thân, sanh lên cõi Đâu suất, nghe

tiếng pháp từ trống trời, đạt tam muội ly cấu của mười địa. Đó là ba đời đạt quả mười địa. Những người tin hiểu, không tạo nghiệp ác thì một đời thành Phật như Thiện Tài. Giáo pháp ba thừa khúc chiết, khó hiểu mà còn thông đạt, huống gì pháp nhứt thừa rõ ràng: chỉ cần hiểu rõ vô minh là thành Phật Bất Động Trí, đoạn trừ mọi nghiệp chướng, lợi sanh bằng trí. Dung hợp bi trí xứng tánh pháp giới nhưng không thấy người tu, pháp chứng, không nương tựa là trọn vẹn hạnh Phổ Hiền. Với người trí mạnh mẽ không cho đó là việc khó thành, với người yếu kém, còn vọng tình trải qua nhiều kiếp cũng trở về nguồn chơn. Như thế chỉ phát lòng tin nhỏ đã được lợi ích lớn. Phần này có sáu pháp:

1) Tu mười lực thắng giải của mười tín, trong đó người tạo nghiệp ác đọa địa ngục là người có hạt giống tin hiểu, Tỳ-lô-giá-na phóng ánh sáng đến địa ngục, chúng sanh thoát khổ sanh lên trời, nghe tiếng pháp từ trống trời, đạt mười địa, nhập định ly vấn. Đây là ba đời đạt quả: (tu thắng giải, đọa địa ngục, sanh lên trời đạt mười địa).

2) Chư thiên đạt quả rải hoa cúng Phật, hương thơm ngào ngạt, chúng sanh ngửi hương ấy, đoạn trừ phiền não nghiệp chướng, thành tựu căn lành tự tại.

3) Chúng sanh thấy long báu là gieo hạt giống chuyển luân vương, đạt vô số pháp lành; giáo hóa chúng sanh.

4) Chúng sanh thấy ánh sáng đạt địa thứ mười, thành tựu trí sáng, đủ 10 mắt thanh tịnh, mười ý thanh tịnh.

5) Nếu chúng sanh nghe có người nâng vô số cõi nước đi khắp mười phương nhưng cõi nước không vướng tay mà tin hiểu được thì sẽ thành tựu vô thượng bồ đề, đạt trí Như Lai.

6) Nếu chúng sanh thấy người nâng vô số cõi nước đi khắp mười phương suốt 80 lần thì thành tựu phước đức sâu rộng của chuyển luân vương. Đó là sự rộng lớn của lòng tin, tâm thanh tịnh, việc cúng dường Phật, đem lợi ích cho chúng sanh. vì căn lành được phát sinh từ việc hiểu rõ vô minh là trí Phật, chúng sanh thấy Phật thọ sanh, xuất gia... Niết-bàn là chúng sanh yếu kém, thuộc quyền giáo. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Chúng sanh yếu kém thấy Phật thọ sanh từ thai mẹ, chúng sanh trí lớn thấy Phật thọ sanh từ hoa sen”. Kinh Hoa Nghiêm do Phật Bất Động Trí thuyết giảng không do Phật thọ sanh... Niết-bàn giảng. Người học ba thừa tuy dẫn dụ pháp này nhưng tâm tánh không rộng lớn, không hiểu rõ pháp này, chỉ người chuyển quyền về thật mới hiểu được. Người theo quyền pháp không hiểu Thánh pháp, mê mờ trái lý, biết bao giờ thành Phật? Trong ba thừa cũng đủ pháp nhứt thừa, chỉ vì người lạc mê mờ

nên không thấy được. Như kinh Kim cang Bát-nhã có câu: “Kinh này thuyết giảng cho bậc đại thừa, tối thượng thừa”. Như vậy quyền giáo ba thừa chính là đại thừa, tối thượng thừa là nhứt thừa. Kinh Pháp hoa thì đưa ba về một. Long nữ thành Phật chính là lý trí chơn thật, không phân biệt thời gian, đoạn trừ vọng chấp của ba thừa. Kiếp số trong ba thừa cũng là chơn như, chỉ vì mê mờ vọng chấp, chúng sanh đi ngược pháp Phật, bỏ gương sáng soi gương tối, chấp diêm phù đàn là vàng. Đó không phải lỗi của báu vật, công dụng của chúng khác nhau. Người tu hành nên hiểu rõ, đoạn trừ chấp lớn nhỏ, là người, đủ diệu dụng. Thứ tự tiến tu: mười tín là nhân, mười Phật là quả, Văn Thù, Giác Thủ... là người hành pháp, cõi kim sắc là pháp tu (rõ như phần mười tín). Từ tín vị sanh vào nhà trí Phật là mười trụ, được nói ở núi Tu di, mười đức Phật tên Nguyệt là quả, mười Bồ-tát Pháp Huệ... là người hành pháp, mười cõi nước tên Hoa là pháp tu (rõ như phần mười trụ). Sanh vào nhà Phật hành hạnh là mười hạnh, được nói ở cõi Dạ ma. Mười đức Phật tên Nhãn là quả, mười Bồ-tát tên Lâm là người tu, mười cõi nước tên Huệ là pháp tu (rõ như phần mười hạnh). Dung hợp bi trí lý sự là mười hồi hướng được nói ở cõi Đâu suất. mười đức Phật tên Diệu là quả, mười Bồ-tát tên Tràng là người tu, mười cõi nước tên Diệu là pháp tu (rõ như phần mười hồi hướng). Tích tập trọn vẹn công đức là mười địa, được nói ở cõi Tha hóa, làm cho trí bi của mười hồi hướng thêm sâu rộng nên tên Phật cõi nước giống mười hồi hướng. Không có những việc vua cõi Tha hóa thấy Phật, trang nghiêm bảo tòa nghinh đón Phật. Vì pháp mười địa cũng là pháp của mười hồi hướng, chỉ có thành thuc hay chưa thành thục mà thôi. Thiện tri thức của mười địa như trước. Trọn vẹn hạnh đức, tự tại lợi sanh là địa mười một, được nói ở cõi Thiền thứ ba (rõ như kinh Anh lạc). Trong kinh này, Phật dạy chúng sanh biết Phật nói kinh Hoa Nghiêm ở cội bồ đề lúc thành chánh giác. Địa mười một là vị Bồ-tát còn một đời thành Phật, viên mãn hạnh Phổ Hiền, địa 12 là Như Lai. Ma Da là thiện tri thức của địa mười một. mười địa dùng trí hành bi viên mãn hạnh nguyện nên thiện tri thức là nữ dạ thần. Địa mười một từ bi hành trí, tạo lợi ích cho chúng sanh nên gặp mẹ Phật. viên mãn hạnh đức, thành tựu quả Phật (11 phẩm từ phẩm mười định...) Như Lai xuất hiện là việc Thiện Tài gặp Di Lặc. Bồ-tát một đời thành Phật như Thiện Tài. Trong lầu gác, Thiện Tài thấy rõ hạnh nguyện ba đời quá khứ thấy đạo tu hành, hiện tại đạt quả, tương lai thị hiện thành chánh giác. Bồ-tát không bỏ tướng ba đời, hiểu rõ ba đời là một, dùng trí tùy thuận thế tục, đem lại lợi ích cho chúng sanh. Trong pháp chơn như

không có phát tâm, tu hành kiến tạo, không đạt quả hiện tại, không thị hiện thành chánh giác ở đời sau, vì ba đời và tâm đều không. Không an lập, không nương tựa, không nơi chốn là thời gian thành Phật. Nếu thấy có phát tâm, thị hiện thành Phật là còn tình thức sanh diệt, không phải phát tâm. Vì thế tín tâm, quả Phật, hạnh Phổ Hiền đều không ngoài điện Phổ Quang minh. Di Lặc cho Thiện Tài gặp Văn Thù là quả giống nhân. Thiện Tài nghĩ đến Văn Thù lại nghe thấy Phổ Hiền vì nhân chánh giác là quả hạnh. Trong cảnh giới trí đủ vô số. Như phần kệ của Văn Thù: "Sát na quán sát vô số kiếp, không đến không đi cũng chẳng dừng, vì thế hiểu rõ việc ba đời, vượt trên phương tiện đủ mười lực". Hành hạnh Phổ Hiền, thường ở trong đời đm lại lợi ích cho chúng sanh, không bị vọng tình trói buộc. Đó là việc Thiện Tài nghĩ đến Văn Thù lại nghe thấy Phổ Hiền, thành quả Phật, hành hạnh Phổ Hiền. Hạnh Phổ Hiền cũng không ngoài trí sáng, không nương tựa, hàng mới phát tâm, quả Phật, hạnh đức đều có từ trí ấy. Như Lai không ra khỏi, không chìm đắm: quả Phật trong pháp giới. Pháp môn của sáu vị: Văn Thù và thiện tri thức. Bảo tòa và nơi thuyết pháp: có ba ý: nơi thuyết pháp, nơi phóng ánh sáng, bảo tòa. Nơi thuyết pháp có 11:

Dưới cội bồ đề bên bờ sông Hy liên cách Ưu-lâu-tần-loa-ca kiếp năm dặm. Đó là pháp tắc hóa độ chúng sanh theo thế gian. Về quả Phật, không có việc ấy. Như Lai là trí thể cùng khắp, không đến đi, tùy thuận hiện thân. Đây là phần Như Lai nên quả khuyên chúng sanh tu tập.

■

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 23

Điện Phổ quang minh: Đạt trí sáng, thể trí rộng lớn khôn lường, cảnh báo ứng cũng thế. Điện được làm bằng kim cang, cây báu lầu gác... đều là sự rộng lớn như pháp giới của trí. Ở đây, Phật nói pháp mười tín, nêu quả tạo lòng tin để đạt trí. Phật Bất Động Trí là quả, tin tâm mình là Phật Bất Động Trí. Nếu thấy pháp ngoài tâm là chưa thành lòng tin, vì mê mờ vọng động, chúng sanh không thấy tâm mình là trí Phật. Núi Tu Di: nói pháp mười trụ: hiểu lý hợp trí không do tâm sanh diệt như núi Tu Di ở giữa biển, chúng sanh không đến được. Đó là biển tám vạn bốn ngàn phiền não. Khi biển trí không suy xét, không tạo tác, là làm khô rạn biển phiền não ấy thì núi phiền não trở thành núi trí, biển phiền não trở thành biển tánh. Nếu phân biệt suy xét, thì núi trần lao càng cao, biển phiền não càng sâu, không thể đến đỉnh trí. Định là phương tiện để đạt huệ nên Bồ-tát phát huệ nhập định, xuất định, thuyết pháp mười trụ. Không suy xét là trí hiện, còn vọng tưởng là còn mê, chấp thức trí mất, đoạn thức trí hiện. Đó là điều kiện đầu để thấy đạo, sanh trong nhà Phật, vượt phàm phu, tự tại như chư thiên. Định dừng tâm không loạn là núi. Cõi Dạ ma thuyết mười hạnh, cõi này ở trong hư không: dùng trí hành hạnh nhưng không đắm nhiễm. Cõi thời phần: Bồ-tát biết thời cơ độ sanh, biết hoặc nghiệp nhiều ít. Cõi Đâu suất thuyết mười hồi hướng, cõi này ở giữa cõi Dục, là cõi Biết đủ: vị hồi hướng không tham sanh tử, Niết-bàn, nhưng luôn ở trong sanh tử - Niết-bàn, tu pháp trung đạo. Các cõi khác đều là cõi phóng dật. mười địa tuy được nói ở cõi Tha Hóa nhưng cũng chính là pháp của mười hồi hướng. Lúc nói pháp này, ánh sáng được phóng từ đầu gối là sự tự tại của lý trí bi nguyện. Cõi Tha Hóa nói pháp mười địa: tùy thuận chúng sanh hóa độ không phải tự hóa. Đây là nơi ở của ma Ba Tuần, trí mười địa hàng phục tâm ma, thành tựu đầy đủ hạnh đại bi. Cõi thiền thứ ba trọn vẹn hạnh Phổ Hiền thuyết pháp độ sanh. Vị này vui với thiền định. Điện Phổ quang minh nói mười định và phẩm Như Lai xuất hiện. Vì sự cùng tột

của quả Phật không ngoài pháp ban đầu, sanh lên cõi trời là sự thăng tiến, không rời Điện Phổ quang là hạnh nguyện tiến tu, công dụng của trí sáng. Điện Phổ quang minh nói phẩm ly thế gian dùng trí sáng đi khắp mười phương nhưng không đắm nhiễm. Trí ấy đủ hạnh Phổ Hiền, luôn ở trong đời, không ra khỏi cũng không chìm đắm. Trí đủ công dụng nhưng không nương tựa là bi. Ba lần ở Điện Phổ quang minh và sự dung hợp của trí sáng là hạnh Phổ Hiền. Chúng sanh phát tâm bồ đề không thấy trí không phải là phát tâm. Người thấy Phật ngoài tâm, cầu pháp chơn như bằng hình tướng là người làm lành, không phải là người cầu nhứt thiết trí. Kinh dạy: ngồi xe nhứt thiết trí thẳng đến đạo tràng là xe trí ấy. Đó là sự giống nhau giữa người phát tâm và Phật. Thông thường người phát tâm rất dễ nhưng người tin và phát tâm lại rất khó. Chỉ dùng định mới phát trí ấy. Vườn Cấp Cô Độc thuyết phẩm pháp giới: pháp giới không ngoài thế gian. Vườn rừng sanh tử thế gian là thể dụng của pháp giới. Vì vậy giảng đường trùng Các chứa vô số tòa sư tử chỉ người trí mới biết, kẻ mê không hay. Phía đông thành Giác, Văn Thù thuyết kinh pháp cho đại chúng và Thiện Tài. Văn Thù là người thầy đầu tiên của chúng sanh và Phật. Văn Thù là trí thông tánh, Phổ Hiền là hạnh nguyện. Nơi phóng ánh sáng: phẩm Như Lai xuất hiện, Như Lai phóng ánh sáng từ răng, bảo đại chúng biết Như Lai thành Phật để đại chúng tập hợp, giảng thuyết nhân quả Phật. Phóng ánh sáng giữa chặng mày chiếu khắp mười phương, sau lại nhập vào tướng bánh xe dưới chân là nêu quả tạo nhân phát lòng tin. Vô số Bồ-tát xuất hiện từ tướng ấy là hạnh rộng lớn của Như Lai. Quả Phật tự giác, hạnh cùng khắp là nhân tạo lòng tin. Ánh sáng nhập vào chân vì mười tín giống mười địa. Như Lai phóng ánh sáng từ tướng bánh xe dưới bàn chân nói pháp mười tín: nêu đức dụng của quả Phật tạo lòng tin. Như Lai phóng ánh sáng từ đầu ngón chân: người mới vào Thánh vị, sanh trong nhà Phật, hành hạnh Phật (nói pháp mười trụ). Như Lai phóng ánh sáng từ mu bàn chân hành hạnh bằng pháp không (nói pháp mười hạnh). Như Lai phóng ánh sáng từ hai đầu gối: mười hồi hướng dung hợp bi trí, sanh tử Niết-bàn. Như Lai phóng ánh sáng giữa chặng mày, là ánh sáng được phóng từ lần một, lần đầu ánh sáng tên lực trí: trí căn bản; lần này ánh sáng tên lực. Diệm minh: từ công dụng đạt trí căn bản, soi chiếu thế gian. Địa vị tuy có cao thấp nhưng trí thể là một. Như Lai phóng ánh sáng giữa chặng mày chiếu đến đỉnh đầu Bồ-tát Văn Trà, phóng ánh sáng từ kim khẩu chiếu đến kim khẩu của Bồ-tát Phổ Hiền: dung hợp hạnh trí thuyết quả Phật. Văn Thù là trí phân biệt đúng sai, pháp thân không hình tướng.

Phổ Hiền là hạnh tùy thuận hiện thân độ sanh. Việc này dạy kẻ hậu học tin nhập pháp. Quả Phật của lần một là Phật tự thành. Quả Phật sau địa mười một là người tu hành tự lực thành tựu. Như Lai phóng ánh sáng từ tay (nói phẩm công đức tướng tốt) đến cõi ác cứu độ chúng sanh (như trước). Như Lai phóng ánh sáng giữa chặng mày (nói phẩm pháp giới) ba đời đều từ trí thể pháp giới sáu vị cũng từ pháp giới. Văn Thù là lý pháp giới. Phổ Hiền là trí pháp giới, lý trí dung hợp là Phật. Vì độ sanh nên phân thành hai pháp. Về độ sanh có vô số pháp môn, nhưng về thật tánh tất cả là một. Một nhiều dung hợp là Phổ Hiền, dạy chúng sanh đạt lý trí không tánh, phân biệt đúng sai, đạt trí vô sanh là Văn Thù. Phẩm này là pháp của các Đức Phật, Thánh hiền, chúng sanh. Bảo Trà: lần một, tòa ma ni: tánh pháp thân thanh tịnh, từ pháp thân có quả Phật, đủ trí dụng hóa thân độ sanh; Lần hai tòa hoa sen: độ chúng sanh phát lòng tin, nhưng không đắm nhiễm; Lần ba, tòa sư tử trăm ngàn bậc cập trong cung Đế Thích. Dùng sức định làm hiển lộ trí căn bản của Như Lai, sanh vào nhà Phật, đạt trí vô úy. (Ý nghĩa tên tòa như trong mười trụ); Lần bốn, tòa Bảo liên hoa tàng sư tử ở cung Dạ ma: mười hạnh vào đời nhưng không đắm nhiễm, dùng trí tùy thuận, hạnh mọi hạnh độ sanh; Lần năm, tòa ma ni sư tử ở cõi Đâu suất: vào đời bằng trí xuất thế nên luôn thanh tịnh (nghĩa như trong mười hồi hướng); Lần sáu, tòa như tòa vị hồi hướng vì mười hồi hướng là mười địa; Lần bảy, ở cõi Thiền thứ ba (sau sẽ nói); Lần tám, chín ở Điện Phổ Quang: sự dung hợp của sáu vị, cùng một trí sáng (như ý trước); Lần mười, tòa ma ni lớn như pháp giới: dùng trí hành bi, vào đời nhưng không đắm nhiễm. Tác giả nói kệ: “Trí Phổ quang minh như hư không: hư không trống lặng, tư tự tại; từ trí pháp tâm cầu pháp Phật; Viên mãn quả Phật cũng trí này; Vì thế ba lần đến Phổ quang; nhân quả thể dụng vốn không khác; tùy vị tiến tu hạnh khác biệt; quả báo cảnh giới có khác nhau. Tất cả không ngoài trí căn bản; Vì thế Phật ngồi tòa ma ni. Năm vị đều từ trí sáng này. Nghĩa Văn: phẩm này có bốn phần: tựa, chính, mặt đất chấn động trời người cúng dường, nói kệ khen pháp. Phần tựa từ bấy giờ... thiên ấn; phần chính từ bấy giờ... thọ trì tu tập; phần ba từ bấy giờ... nói kệ. Phần bốn từ tâm tịch diệt... cuối quyển 29. Phần tựa có bốn đoạn:

1) (18 hàng) khen ngợi công đức của các Bồ-tát đến đại hội.

2) (18 hàng) tên các Bồ-tát.

3) (25 hàng) Bồ-tát kim cang Tạng nhập định, các đức Phật cùng tên xuất hiện, dạy Bồ-tát thuyết pháp mười trụ.

4) (10 hàng) các đức Phật nơi mười phương trao mười trí cho Bồ-

tát kim cang Tạng để Bồ-tát tự tại thuyết pháp. Nghĩa: bấy giờ Thế Tôn ở cõi Tha Hoa: trí thân Như Lai tùy vị ứng hiện, Bồ-tát mười địa trọn vẹn đạo hạnh, vì chúng sanh nên tu pháp mười địa, không vì bản thân, hàng phục ma vương, nhập định ly cấu dung hợp pháp bạch tịnh, sống trong định nhưng không chấp, tùy thuận hiện thân độ sanh, không phân biệt tịnh nhiễm như phần kệ của thiên vương ở hội thứ một: “Thân Phật rộng lớn khắp pháp giới, tùy thuận chúng sanh hiện sắc thân, thuyết giảng vô số pháp vi diệu tự tại khai ngộ mọi quần sanh”. Vì sao Như Lai đến cõi Tha Hoa không có những việc nghinh đón cúng dường? Vì mười địa là pháp mười hồi hướng, tích tụ công hạnh trọn vẹn. Vì sao vượt cõi Hóa lai? Vì mười hồi hướng là hạnh dung hợp bi trí, là trung đạo nên được nói ở trung tâm cõi dục. mười địa được nói ở cõi trên cùng của cõi dục, kế cõi sắc. Vì không câu chấp nhiễm tịnh, tái bi tự tại. Đó cũng là sự thù thắng, vượt trên thứ lớp cõi trí. Điện ma ni bảo tạng: lòng đại bi thanh tịnh cứu độ mọi loài, không riêng hưởng pháp lạc. Vô số Bồ-tát: 37 Bồ-tát là 37 phẩm trợ đạo. Giải Thoát Nguyệt là pháp lạc của 37 phẩm ấy. mười địa thành tựu trọn vẹn sự thấy đạo. Trong pháp nhứt thừa, Bồ-tát nương trí căn bản của Như Lai phát tâm tu trí Tát-bà-nhã, không phải nương pháp không, nhiếp phục phiền não hiện hành, đạt ba ý sanh thân. Sắc thọ tưởng hành thức và tâm ý trong pháp này là sự thành tựu trí sai biệt ngay trong cõi dục. Vì thế cảnh giới của tín bao hàm cả pháp giới, cảnh Phật không phải là ba ngàn cảnh giới như trong ba thừa. Phẩm Phổ Hiền là pháp của mười tín. Phẩm công đức phát tâm là công đức ngộ nhập của mười trụ. Các Bồ-tát đạt bất thoái từ pháp vô lượng bồ đề. Bồ đề có năm: của tiểu thừa; nhị thừa; Bồ-tát quán pháp không, hành sáu Ba-la-mật; Bồ-tát quán mười chơn như, tu mười Ba-la-mật, còn mười chướng chơn như, mười một phiền não thô, 22 ngu si, Bồ-tát nương mười trí Phật tu mười Ba-la-mật, biết vô số kiếp không ngoài một sát na, hết mê là Phật. Đó là nương trí căn bản phát tâm bồ đề (trong luận khởi tín cũng có ý này như đã nói ở trước). Như nói: vượt trên số kiếp thành Phật, thành Phật từ vô số kiếp, là dùng phương tiện độ hạnh chúng sanh kiêu ngạo biếng lười. Trong ba thừa, trải qua ba tăng kỳ kiếp mới thành Phật. Ở đây từ trí căn bản phát tâm. Về thể trí không có mê tình, không thấy thời gian, một sát na gồm đủ ba đời. Trí biết ba đời nhưng không đến đi, ba tăng kỳ kiếp là sự phân biệt của vọng tình không có trí. Từ cõi khác đến: mười địa có từ mười hồi hướng. Trong tánh pháp giới, không có cõi khác, chưa đạt vị là ở cõi khác. Trụ cảnh giới trí của Bồ-tát: nhập định Tam-ma-bát-để phát trí, Tam-ma:

Tam muội, Bát để: trí không động. Đi khắp đạo tràng: tánh trí biến hiện khắp, không tán loạn. Bồ-tát kim cang Tạng. Trí huệ là kim cang, phá trừ hoặc chướng. Tạng: trí cùng khắp. Bồ-tát Bảo Tạng: pháp bảo rộng lớn, Bồ-tát Liên Hoa Tạng: không tham sanh tử Niết-bàn; Bồ-tát Đức Tạng: trọn vẹn công đức; Bồ-tát Liên Hoa Tạng: công dụng của trí; Bồ-tát Tô Lợi Da Tạng: công dụng của Mặt trời trí; Bồ-tát Vô Cấu Nguyệt Tạng: dùng đại bi phá trừ phiền não; Bồ-tát Trang Nghiêm Tạng: phước trí rộng lớn; Bồ-tát Tỳ-lô-giá-na Tạng: trí sáng soi khắp nơi; Bồ-tát ưu bát la hoa đức Tạng: như hoa sen không nhiễm... Các Bồ-tát sau tùy tên hiểu nghĩa. Khiến đại chúng nghe pháp tu hạnh thanh tịnh: vui vẻ. Tinh tú vương: trí sai biệt tự tại không ngại. Phần nhập định gồm 25 hàng phân thành bốn phần:

1) (1,5 hàng) Bồ-tát kim cang Tạng nhập định.

2) (2 hàng) các đức Phật cùng tên xuất hiện.

3) (16 hàng) nhập định bằng 24 duyên.

4) (5 hàng) các đức Phật khuyên Bồ-tát kim cang Tạng thuyết pháp.

Bồ-tát Kim Cang Tạng nương oai lực Phật, nhập định đại trí huệ quang minh: mọi việc tu tập độ sanh đều nhờ thần lực Phật, không do mình. Định ấy là ánh sáng phóng từ giữa chặng mày của Như Lai. Ở lần đầu và mười địa, nhập định thuyết trí của mười địa, từ trí căn bản thành tựu hạnh huệ của Bồ-tát. Vô số Phật cùng tên xuất hiện: vì trí của người nhập định dung hợp trí Phật. Số lượng là công dụng rộng lớn của trí không tạo tác. Vô số Phật gia hộ: đạt oai lực như Phật. Nhờ sức oai thần: pháp này có từ pháp mười hồi hướng. Ngay lúc phát tâm, nương trí Phật tiến tu, đến vị này trí ấy không đổi. Vì thế mười tín... mười hồi hướng đều có quả Phật, mười địa địa mười một đủ diệu dụng như Phật. (Nhân quả các vị đan cài như trước đã nói). mười Ba-la-mật như Phật: Như Lai là quả Phật, mười Bồ-tát là người tu mười Ba-la-mật, mười Ba-la-mật tùy mỗi vị có sự hơn kém khác nhau (mười Ba-la-mật đan cài dung nhiếp như trước đã nói). Nhân duyên phát tâm thành quả là trí Tỳ-lô-giá-na, hạnh Phổ Hiền, oai lực của 40 thiên chúng... nguyện lực của Phật cũng chính là trí thù thắng của chúng sanh. Phần 24 nhân duyên nhập định rõ như trong kinh. Phần các đức Phật khuyên Bồ-tát thuyết pháp có mười nguyên nhân như trong kinh. Trọn vẹn nhứt thiết trí: trọn vẹn trí căn bản và trí sai biệt. Phần các đức Phật gia hộ có ba ý: pháp gia hộ (sáu pháp như trước); nguyên nhân nhập định; các Bồ-tát thỉnh Bồ-tát kim cang Tạng thuyết pháp có bốn lần: Như Lai phóng ánh

sáng khuyên Bồ-tát thuyết; Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt thỉnh ba lần: các Bồ-tát cùng thỉnh; các đức Phật cùng và Bồ-tát phóng ánh sáng khuyên thuyết. Phần chính: pháp mười địa. Địa Hoan Hỷ có 10 đoạn:

1) (16,5 hàng) các đức Phật đưa tay xoa đầu dạy Bồ-tát kim cang Tạng nói tên mười địa.

2) (10 hàng) Bồ-tát kim cang Tạng im lặng, Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt vì đại chúng thỉnh thuyết.

3) (7 hàng) ý nghĩa của sự im lặng.

4) (9 hàng) Bồ-tát kim cang Tạng sợ kẻ yếu kém không tin pháp mười địa.

5) (9 hàng) Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt lại thỉnh.

6) (14 hàng) Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt thỉnh lần thứ ba vì biết đại chúng đủ khả năng nghe hiểu.

7) (6,5 hàng) Đại chúng cùng thỉnh.

8) (21 hàng) các đức Phật mười phương phóng ánh sáng giữa chặng mày chiếu đến đỉnh đầu Bồ-tát kim cang Tạng khuyên Bồ-tát thuyết pháp.

9) (13 hàng) Bồ-tát kim cang Tạng khen ngợi pháp mười địa sâu xa vi diệu, vượt trên vọng tình, chỉ dùng trí hiểu, nương oai lực của Phật, Bồ-tát lược thuyết.

10) Pháp địa Hoan Hỷ. mười địa... các vị đan cài, dung nhiếp nhau như trước. Vì thế mỗi đức Như Lai với trí không ngại thực hành mỗi Ba-la-mật... đều là pháp Phổ Hiền trong hội thứ một. Vì vậy Giải Thoát Nguyệt nói tất cả ngôn ngữ , thư tịch đều không ngoài chữ cái: cũng thế, tất cả pháp Phật đều không ngoài pháp mười địa, pháp mười địa đủ nhân quả và là trí căn bản của Như Lai từ hạnh Phổ Hiền tu trí sai biệt, trọn vẹn trí Tát bà nhã. Ánh sáng lực trí trong mười tín là nêu quả tạo nhân, ánh sáng Lực diệm minh trong mười địa là trọn vẹn quả tin. Ánh sáng chiếu đến đỉnh đầu: mười địa là đỉnh cao nơi quả trí của pháp trung đạo nơi các Bồ-tát, là pháp cùng tột của trí nhứt thiết. Vì vậy các phẩm Như Lai xuất hiện, pháp giới đều phóng ánh sáng giữa chặng mày. Đó cũng là dùng trí vào đời hành bi xứng hợp hạnh nguyện của mười hồi hướng. Địa mười một trọn vẹn bi, dùng trí độ sanh rộng lớn. Nên tin hiểu nghĩa lý sâu xa mới tiến tu, không nên cho rằng đại giáo không có hướng nhứt định. Phần Địa Hoan Hỷ cũng có hai ý: ý kinh, nghĩa văn. Ý kinh có 12 đoạn:

1) (17 hàng) phàm phu phát khởi mười tâm sâu xa nhập vị Bồ-tát, sanh trong nhà Như Lai.

2) (23 hàng) Bồ-tát vừa đạt vị nên vui mừng.

3) (16 hàng) đạt địa một, phát 34 tâm sâu xa.

4) (58 hàng) An trụ nơi địa Hoan Hỷ, phát mười nguyện lớn.

5) (7,5 hàng) mười nguyện được thể hiện trong 10 câu.

6) (8 hàng) phát mười nguyện đạt mười tâm và 10 công dụng của lòng tin.

7) (18 hàng) biết chơn như, Bồ-tát thương thế gian, vào đời độ sanh.

8) (21,5 hàng) Bồ-tát này tùy thuận tâm bi hành hạnh bố thí.

9) (18,5 hàng) với nguyện lực, Bồ-tát gặp vô số Phật, hành bốn nhiếp pháp.

10) (28,5 hàng) Bồ-tát này hỏi pháp môn các địa và sự đối trị hoặc, chướng.

11) (20,5 hàng) Bồ-tát đạt vị.

12) 46 hàng kệ.

Nghĩa văn: Phật tử! Chúng sanh trồng căn lành sâu xa: phát 30 tâm rộng lớn. Tu tập các pháp trợ đạo và hạnh Bồ-tát: tu mười Ba-la-mật và 37 phẩm trợ đạo, tu bốn niệm xứ: quán thân trống không, thọ không trong ngoài, tâm không dừng, pháp vô ngã. Siêng năng quán bốn pháp ấy là tu bốn chánh cần. Tâm thuần thục, biết pháp không ngã là bốn như ý túc. Từ đó đạt năm căn, không hiểu chơn như, không thoái chuyển. Từ năm căn tùy thuận hành bi nhưng không đắm nhiễm, không vọng tình và đạt năm lực, bảy pháp bồ đề, tám Thánh đạo (nhập trí Phật: chánh kiến; dùng trí quán pháp: chánh tư duy; tu tập năm vị: chánh tin tấn; luôn sống với chánh trí, đoạn vọng tình: chánh niệm; tâm không sanh diệt, đủ thần thông trí Phật: chánh định; Phân biệt trời người, ngoại đạo, ba thừa, một thừa, tà kiến chánh kiến, tà định - chánh định, tà hạnh - chánh hạnh: chánh ngữ; hiểu rõ nghiệp sai quấy, biết chúng sanh và Phật đồng một trí: chánh nghiệp dạy chúng sanh, trời người, ba thừa hồi hướng trí nhứt thiết của Như Lai, biết trí không vọng tình chánh mạng. Từ Phật tử... năm hàng Bồ-tát phát 30 tâm sâu xa, vượt trên phàm phu, nhập vị Bồ-tát, sanh trong nhà Phật. Trụ năm, địa năm đều sanh trong nhà Phật, là đệ tử chơn chánh của Phật, vì đều nương trí của Như Lai. Vô số hạnh: trí của năm vị đều giống nhau, không trước sau, không phải pháp ba thừa. Vì thế pháp mười địa cũng là pháp các vị. Như từ cây sanh lá, lá lại nuôi cây, từ hạt tạo mầm, mầm chín thành quả, đủ hạt như ban đầu. Như Thiện Tài gặp Di Lặc lại gặp Văn Thù. Vì quả là quả trong nhân, lại như đứa bé lúc mới sinh và lúc lớn là một. Trí là về thầy chỉ

đường, không trước sau, không thuộc vọng tình. Năm vị đều từ một trí, tuy sự tăng tiến khác nhau nhưng không phải là trước sau của vọng tình. ba thừa không hiểu việc đưa quyền về thật trong kinh pháp Hoa nên cho đó là hóa ảo, phải trải qua ba tăng kỳ kiếp mới thành Phật. Đó là kẻ đứng ngoài cửa trí, chỉ thoát khổ nơi ba cõi, đạt ba ý sanh thân, là ba xe ngoài cửa, còn phân biệt tịnh uế, chưa đạt trí pháp giới, chưa hiểu sự không nương tựa của Niết-bàn sanh tử. Trí bi khôn lường, cõi thật báo của Phật là cõi Hoa Tạng, chúng sanh chính là Phật, trí Phật là trí chúng sanh, mỗi lỗ chân lông gồm đủ cả phàm Thánh, một sát na đủ cả ba đời, không trước sau, pháp mười địa không có những việc giữ hoặc độ sanh, với nguyện lực không sanh về cõi tịnh mà ở lại cõi uế độ sanh. Cần thay đổi sự thấy biết của ba thừa: đoạn chấp: "Giữ hoặc độ sanh, cõi tịnh uế" mới đạt trí bất động, nhập địa hoan hỷ. Tác giả nói kệ: "Trí bi rộng lớn là đức Phật; Phật dùng bi trí thành mười địa; lại từ mười địa thành các vị; năm vị trước sau luôn dung nhiếp; đều từ bi trí mười địa; vì thế mười địa là phát tâm; Bồ-tát phát tâm là mười địa; phương tiện tu tập các vị khác; thành tựu hay chưa thành trí ấy; như chim bay liệng trong hư không; chẳng có nơi đến được; lại như loài cá bơi trong nước; đi khắp bốn bề chẳng chướng ngại; hạnh nghiệp năm vị tuy sai biệt; nhưng đều từ trí Thù Thắng ấy; với người thế gian có nay mai; trong pháp trí ấn không sau trước; thể trí không thành cũng chẳng hoại; các vị đoạn trừ những tập nhiễm; hiểu rõ tập nhiễm thành tựu bi; từ trí vô tác hành mọi hạnh". Như thế, không đạt nhân quả trí vô ngại đều từ thể trí không tạo tác, không nương tựa, không khuynh động. Sự tăng triển của năm vị có 10 nguyên nhân:

1) Để người phát tâm bồ đề không vướng một pháp, lười biếng không tiến tu.

2) Đạt trí hành mọi hạnh.

3) Từ bi phát trí.

4) Viên mãn hạnh từ bi.

5) Đối trị tập nhiễm, tăng trưởng bi trí bằng pháp Ba-la-mật.

6) Tùy địa vị biết pháp, đối trị tập nhiễm, tăng trưởng trí huệ.

7) Phân biệt hạnh nghiệp của trời người, ba thừa, một thừa.

8) Biết pháp cần hành.

9) Biết sự rộng hẹp hơn kém của ba thừa một thừa.

10) Đó là pháp thường của các đức Phật xưa nay.

- Đoạn hai phân thành năm phần:

1) (2,5 hàng) Bồ-tát nhập địa hoan hỷ vui mừng.

2) (5.5 hàng) mười pháp vui của địa hoan hỷ.

3) (6,5 hàng) biết mình đạt trí Phật thoát khỏi biển khổ.

4) (2,5 hàng) địa hoan hỷ đoạn trừ năm lo sợ.

5) (7 hàng) nguyên nhân đoạn trừ năm lo sợ.

Đoạn ba phân thành ba phần:

1) (1.5 hàng) địa hoan hỷ tu pháp tinh tấn... không biếng nhác.

2) (12,5 hàng) tiến tu bằng 30 pháp tăng thượng.

3) (1,5 hàng) khuyên tu tập.

Đoạn bốn phân thành 12 phần:

1) (1,5 hàng) mười nguyện lớn của địa này.

2) (3,5 hàng) cúng dường các vật phẩm lên Phật.

3) (3 hàng) Hộ trí pháp Phật.

4) (4,5 hàng) nguyện cúng Phật, thọ trì pháp Phật.

5) (4,5 hàng) Bồ-tát tu các Ba-la-mật, hiểu rõ sáu tướng, hóa độ chúng sanh. Ở đây Ba-la-mật, Phật, Bồ-tát đan cài dung nhiếp như phần trước đã nói.

■

TÂN HOA NGHIÊM LUẬN

QUYỂN 24

6) (5,5 hàng) nguyện độ chúng sanh trong ba cõi đều an trụ nơi trí nhứt thiết của Phật (độ chúng sanh ba cõi: với chúng sanh tham cõi dục, Bồ-tát khuyên tu quán các pháp khổ, vô thường để đối trị ác dục; với người tu pháp linh, vui định tịch tịnh, đoạn trừ tham sân si mạng nghiệp nơi cõi dục, đạt pháp lạc; thích sanh về cõi sắc, trụ thiền diệt tận, làm lành hữu lậu, Bồ-tát khuyên ta mười Ba-la-mật, bốn tâm rộng lớn, thành tựu thể không tạo tác, hiện trí nhứt thiết với vô số phương tiện huyền xảo, giáo hóa chúng sanh; với người tham cõi vô sắc, Bồ-tát khuyên tu trí rộng lớn, phân biệt các việc thế gian, không mê chấp, khác nguyện lớn không định loạn, thành tựu thành công, cúng dường tam bảo, tu nhứt thiết chủ, nhứt thiết trí trí, giáo hóa vô số chúng sanh thành Phật. Đó là Bồ-tát tùy thuận căn tánh hóa độ, để chúng sanh đạt trí nhứt thiết, từ trí căn bản tu trí sai biệt. Nếu với sức mình mà không nương trí căn bản thì không đạt được. Các đức Phật, các Bồ-tát đều nương trí ấy mà thành).

7) (4 hàng) dùng trí hiểu rõ các pháp thô tế rộng hẹp của thế gian. Thô: thế gian có hình sắc; Tế: không hình sắc. Loạn trụ: nhiều loài sống chung, như cõi Diêm phù. Trắc trụ: Bốn thiên vương; Đảo trụ: như tổ ong. Nhược nhập: loài ở trong đất, vào không muốn ra. Nhược hành: như loài người. Nhược khứ: như loài sống trong nước. Đế võng sai biệt: ảnh tượng hiện trong lưới Đế Thích. Vô số cõi nước đan cài: cõi Hoa Tạng sống trong cõi chúng sanh nhưng không bị chướng ngại, tùy nghiệp lực, chúng sanh thấy nhau. Nhứt thiết chủng nhứt thiết trí trí: hạt giống đại từ bi, nhờ sức thệ nguyện nuôi lớn thành nhứt thiết trí, từ định phát khởi trí sai biệt. Tất cả đều từ trí căn bản.

8) (6 hàng) nguyện trang nghiêm cõi Phật: nhập cảnh giới trí của Phật.

9) (7 hàng) nguyện Bồ-tát cùng chí hạnh không oán thù.

10) (5,5 hàng) nguyện ngồi xe bất thoái, hành hạnh Bồ-tát, ba nghiệp không lỗi lầm.

11) (10 hàng) tùy thuận chúng sanh, bị hiện thành Phật nhập Niết-bàn.

12) (2 hàng) mười nguyện lớn đủ vô số nguyện.

Đoạn năm phân thành hai phần:

1) (1,5 hàng) mười tận cứ.

2) (2 hàng) nguyện không cùng tận. Thế gian chuyển pháp chuyển trí: bao giờ chúng sanh, pháp trí, nguyện cùng tận hạnh Bồ-tát mới cùng tận.

Đoạn sáu phân thành ba phần:

1) Phát mười nguyện lớn đạt mười tâm nhu hòa.

2) Đạt mười tín.

3) Rõ như trong kinh.

Đoạn bảy phân thành năm phần:

1) (3 hàng) pháp sâu rộng của Phật.

2) (6 hàng) vì tà kiến chúng sanh sanh vào cõi khổ.

3) (4 hàng) 12 duyên.

4) (2 hàng) chúng sanh không biết thân này trống không vô ngã.

5) (3 hàng) thấy chúng sanh đau khổ Bồ-tát thương xót. Phần này có bốn:

1) Nêu thể tánh, chỉ rõ mê chấp.

2) Phàm phu không hiểu thể tánh nên khổ.

3) Vì không hiểu pháp duyên sanh không thể tánh nên chúng sanh bị lưu chuyển.

4) Bồ-tát hiểu thật pháp, độ thoát chúng sanh. Nêu thể tánh chỉ rõ mê chấp: chỉ rõ pháp Phật sâu xa, tịch tịnh, không hình tướng. Chúng sanh vì không hiểu, bị vô minh tà kiến che lấp nên lưu chuyển mãi.

Hỏi: bản thể chúng sanh là chơn như, lý trí như Phật, vì sao theo mê chịu khổ?

Đáp: vì thể của chơn như lý trí là không, không tự biết tùy chúng sanh rảnh giới mà có. Khác với thiện ác tùy cảnh nên nghiệp sai khác. Nhờ Bồ-tát chỉ khổ, chúng sanh thấy khổ và chán khổ nên cầu đạo thoát khổ. Nếu không chán khổ thì không tin lời Phật, không biết đâu là khổ vui, thật giả. Nếu không siêng năng tu định, quán sát nhập pháp chơn như thì không bao giờ hết khổ. Vì không hiểu thể tánh, chúng sanh chịu khổ: vì tà kiến, phàm phu gieo mầm khổ trong ba cõi, đủ 18 phiền não (18 phiền não chính là căn bản vô minh và tà kiến chạy theo cảnh). Hai vô minh này không phải đợi đạt trí căn bản mới thành công dụng của trí, không phải do quán không của ba thừa đoạn trừ. Vì vậy,

kinh Thắng man dạy: Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát cõi tịnh chờ nhiếp phục sự hiện hành của phiền não, chưa phải là đoạn trừ phiền não. Vì nhiếp phục nên đạt biến dịch sanh tử, đạt ý sanh thân, chưa đạt trí Phật, chưa đoạn tà kiến, chấp bỏ của mình người. Vì không hiểu hai vô minh ấy nên chán bỏ, chứng đạt chơn như và không tướng, không đạt trí lớn. Kinh Tịnh danh nói: phiền não là hạt giống Phật, Bồ-tát nhứt thừa hiểu vô minh là trí, Bồ-tát ba thừa nhiếp phục vô minh nên cho rằng giữ hoặc độ sanh, không hợp trí. Ở nhứt thừa, trí Bất Động đủ vô số công dụng tự tại. Vô minh là gốc của phiền não. Vô minh gọi chung là tà kiến. Từ cảnh khởi thức phân biệt, thấy danh sắc, chấp trước. Không hiểu trí chơn thật là vô minh. Từ danh sắc thức có tà kiến, mọi sự phân biệt xúc thọ thủ hữu đều đủ danh sắc thức. Vô minh tăng trưởng khổ nên nói: dựng cờ kiêu mạn, vào lưới khát ái. Ái là vô sinh tạo ra sanh tử lưu chuyển. Vì vô minh, phàm phu lưu chuyển mãi. Nếu không tu định thì không thể chế phục được. Tham tiếc, ganh ghét là một loại vô minh, là nhân của cõi ác. Tham sân si cũng là vô minh tạo nghiệp sanh tử. Tức, hận là nhân của sân. Vì gió tức hận thổi lửa tâm thức. Bốn lưu: dục, hữu, vô minh, kiến là nhân lưu chuyển, tạo khổ. Khi đoạn vọng niệm, bốn lưu khô cạn, trí hiện thành dòng pháp. 12 nhân duyên đan cài dung nhiếp tạo thành sanh tử không cùng. 18 phiền não cũng có từ 12 chi này, danh sắc tà kiến là gốc 12 chi. Nếu dùng định vô tác soi chiếu thì tám vạn bốn ngàn trần lao đều là trí trong dòng pháp. Vô minh, danh sắc đối diện năm căn thành xúc thọ tường thành thủ tài. Chín duyên biết rõ cảnh danh sắc. mười pháp này là vô minh tà kiến. Tạo phiền não mê mờ là vô minh, sáu căn tiếp xúc cảnh tạo ra tà kiến. Vì không hiểu pháp duyên sanh vốn không thể tánh nên bị lưu chuyển: chạy theo vọng tình, không hiểu chơn như. Bốn hàng từ cái gọi là... tạo khổ: danh sắc đối diện sáu căn tạo ra xúc, thọ; từ thọ có ái, ái sanh thủ, thủ sanh hữu, hữu có già chết lo sầu khổ não. Trong danh có sắc, trong sắc có danh, danh sắc đủ cả thanh hương vị xúc. Từ sắc hữu biểu, vô biểu, mắt tai mũi lưỡi duyên hợp tạo thành hoặc xúc. Như Lai sống với trí nên không có xúc. Chúng sanh có xúc thọ nên có phiền não của ba cõi. Thanh văn chán sanh tử, thích Niết-bàn, Bồ-tát cõi tịnh còn phân biệt nhiễm tịnh, Bồ-tát nhứt thừa tuy dung hợp bi trí nhưng chưa tự tại. Dùng trí quán sát thì xúc trở thành công dụng của trí. Vì vậy kinh tịnh danh dạy: tiếp nhận các xúc như chứng đạt trí. Pháp vốn không sanh thì không diệt. Vì thể tánh các pháp là không sanh diệt. Vì không hiểu nên phàm phu còn vô minh. Nếu hiểu tâm cảnh trống không thì trí hiện. Dùng định huệ quán

chiếu sẽ hiểu rõ. Bồ-tát đạt chơn như, thương xót chỉ dạy chúng sanh: 12 chi là nhân khởi 18 phiền não, lưu chuyển theo sanh tử, chịu mọi khổ đau. Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát cõi tịnh vì chán ghét nên nhiếp phục phiền não, Bồ-tát nhứt thừa biến 12 chi thành trí căn bản, phát trí sai biệt, giáo hóa chúng sanh, tu tập pháp lành, thành tựu tâm bồ đề. Sự khác nhau của mê ngộ không lo sự khác nhau của 12 chi và trí. Bồ-tát trụ thứ một sanh vào nhà Phật, đoạn trừ tà kiến nhưng chưa đoạn hết. mười hạnh mười hồi hướng đoạn trừ bằng mười pháp nhưng vẫn chưa hết. mười địa, trí tăng trưởng, tùy thuận pháp, không tùy thuận nghiệp đoạn trừ năm thứ: tiếc, ghét, tức, hận, sâu. Địa thứ tư trọn vẹn bi trí biến chúng sanh thành công dụng của trí nên không được gọi là đoạn phiền não. Địa thứ bảy đoạn trừ chấp pháp, nhưng còn hai ngu, đến quả Phật mới đoạn hết tập nhiễm 12 chi. Về thể tánh năm vị khác nhau nhưng sự đoạn trừ tập nhiễm khác nhau. Ba pháp Ba-la-mật đầu là tâm xuất thế; ba pháp tiếp đoạn trừ hoặc nghiệp của thế, xuất thế; ba pháp nữa tự tại vào đời, viên mãn bi trí. Ba-la-mật cuối là bi trí tự tại trong thế, xuất thế. Mỗi vị trong năm vị đều trải qua các giai đoạn ấy. Thứ tự tăng tiến của năm vị như đã nói ở trước.

- Đoạn tám phân thành ba phần:

1) (2,5 hàng) vì cầu trí Phật nên bố trí tất ca.

2) (10 hàng) Bồ-tát bố trí đạt 10 lợi ích (1/ Thí bằng lòng từ bi; 2/ Cầu pháp độ sanh; 3/ Cầu trí xuất thế; 4/ Tin hiểu kinh luân; 5/ Biết rõ căn tánh chúng sanh, thành tựu trí thế gian; 6/ Tu hạnh tự lợi lợi người bằng tâm hổ thẹn; 7/ Siêng năng tu tập; 8/ Thành tựu sức kiên cố; 9/ Cúng dường các đức Phật; 10/ Hành pháp Phật).

3) (2,5 hàng) thành tựu mười pháp làm thanh tịnh cõi nước.

- Đoạn chín phân thành ba phần:

1) (7,5 hàng) nhờ nguyện lực, Bồ-tát gặp Phật, cúng dường phụng sự.

2) (7 hàng) nhờ cúng Phật đại lợi ích thù thắng.

3) (4 hàng) Bồ-tát tu tập tăng tiến như việc luyện vàng.

- Đoạn 10 phân thành ba phần:

1) (14 hàng) Bồ-tát sơ địa cầu học pháp các địa và quả Phật.

2) (6,5 hàng) Bồ-tát hỏi về hành tướng của các vị như người đi buôn hỏi sự an nguy của đường đi.

3) (7,5 hàng) Bồ-tát biết rõ hành tướng các vị, chỉ dạy chúng sanh tu tập như thương gia biết rõ đường đi dắt mọi người đi buôn.

- Đoạn 11 phân thành hai phần:

1) (8 hàng) (có năm ý: 1) Quả của địa một; 2) Hộ trí chánh pháp; 3) Hành bốn nhiếp pháp; 4) Làm mọi việc đều vì tam bảo; 5) Cầu trí nhứt thiết);

2) (12 hàng) Bồ-tát xuất gia tu học, thầy cảnh giới Phật, (có tám ý: 1) Là thầy của chúng sanh; 2) Cầu nhứt thiết trí, sai biệt trí; 3) Bỏ việc khó bỏ; 4) Xuất gia siêng năng tu học; 5) Đạt trăm tam muội; 6) Gặp Phật; 7) Nhờ nguyện lực thấy Phật; 8) Nhắc lại các ý trên) gặp trăm Phật: cảnh trí Hoa tạng với vô số cõi nước đan cài dung nhiếp như ở trước đã nói.

- Đoạn 12: nhắc lại các phần trước. Người phát nguyện rộng lớn là đạt địa một, không do sự hiểu biết của ba hiền: chúng sanh chấp vào ngôn ngữ, vướng pháp tu hành nên chỉ dạy sự dung hợp của các pháp không trước sau, đủ sáu tướng. Thân chúng sanh đủ sáu tướng: mắt tai mũi lưỡi: tướng siêng; toàn thân: tướng chung; thân không thể tánh: tướng giống; công dụng của mắt tai mũi lưỡi khác nhau: tướng khác; mắt tai mũi lưỡi... tạo thành thân: tướng thành; thân không thể tánh không sanh diệt: tướng hoại; tất cả chúng sanh: tướng chung; kẻ ngu người trí: tướng siêng; đều có trí Phật: tướng giống; tùy nghiệp sai khác: tướng khác; tùy nghiệp thọ quả: tướng thành; tâm không nương tựa, nghiệp không thể tánh: tướng hoại; các đức Phật mười phương: tướng dung; thân tướng cõi nước sai khác: tướng siêng; cùng một pháp thân lý trí: tướng giống; trí tùy hạnh sai khác: tướng khác; hóa độ chúng sanh: tướng thành; không chủ thể khách thể, không tu chứng: tướng hoại; trí huệ bao hàm năm vị: tướng chung; hạnh giải tăng tiến: tướng siêng; cùng trí căn bản của Phật: tướng giống; tu trí sai biệt: tướng khác; thành tựu quả Phật, đủ hạnh Phổ Hiền: tướng thành; trí không nương tựa đủ công dụng nhưng không tạo tác: tướng hoại; các kiếp trong ba đời: tướng siêng; trí thấy ba đời trong một sát na: tướng chung; tùy nghiệp kiếp số dài ngắn: tướng khác; đoạn vọng tình, không thấy thời gian dài ngắn: tướng giống; trí không nương tựa: tướng hoại; tùy căn tánh thuyết giảng giáo pháp: tướng thành. Mọi pháp đều đủ sáu tướng, người thấy được sẽ đạt trí không ngại, không vướng chấp có không. Nếu thiếu một nghĩa thì không trọn lý trí. Đó là pháp thế gian mà địa thứ một quán sát.

Địa ly cấu có năm phần: tên; pháp môn tu; biểu pháp; sự giải thoát; nghĩa văn. Tên: Địa ly cấu: thể của pháp thân tánh giới không nhơ. Pháp môn tu: chuyên tu giới Ba-la-mật. Biểu pháp: dạ thần Phổ đức tịnh quang ở đạo tràng bồ đề, Thiện Tài đạt định tịch tịnh đi khắp mọi nơi của Bồ-tát, Dạ thần tịnh quang: trọn vẹn hạnh Phổ Hiền. Dạ

thần: vào sanh tử tối tăm, phá trừ hôn ám. Thần: trí hợp chơn như. Ở đạo tràng bồ đề dùng pháp thân diệu lý làm thể của giới. Thiện Tài đạt định tánh giới cùng khắp, hạnh nguyện như pháp giới, tùy thuận hiện thân độ sanh nhưng không đắm nhiễm. Thiện tri thức địa thứ 1 là dạ thần Bà San bà Diễn Để, là thầy dạy chúng sanh phát tâm; diệu lý bồ đề là thể tánh phát tâm. Sự giải thoát: về thể tánh, ba cõi sáu nẽo đều là giải thoát, về tướng sai biệt, giới đoạn trừ phiền não cõi dục. Địa thứ ba tu tám thiền đoạn trừ phiền não hai cõi sắc, vô sắc. Địa thứ một vừa phát tâm cầu chánh pháp. Địa thứ ba tu tám thiền. Định của hai cõi trên đều là định, đoạn vọng tưởng Bồ-tát không đoạn trừ mà hiểu rõ thể tánh tịch tịnh, tùy sự dụng công sâu cạn, an trụ tịch tịnh. Thiền thứ tư không còn hơi thở, chỉ có pháp bạch tịnh, không bị ba tai, không có nghiệp của cõi dục, chỉ có nghiệp cõi sắc. Nghĩa văn có ba: ý kinh, nghĩa văn. Ý kinh có sáu đoạn:

1) (5 hàng kệ) Bồ-tát nghe pháp vui vẻ.

2) (43 hàng) bỏ ác tu pháp lành của địa thứ hai.

3) (39,5 hàng) tu mười pháp lành tối thượng.

4) (39,5 hàng) tu hạnh từ bi.

5) (31,5 hàng) nhập địa thứ hai gặp Phật.

6) (42 hàng kệ) nhắc lại các phần trước, xin nói pháp địa ba.

- Nghĩa văn: đoạn một phân thành ba phần:

1) Bồ-tát nghe pháp địa một vui vẻ;

2) Rải hoa khen ngợi;

3) Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt xin nói pháp địa hai.

- Đoạn hai phân thành hai phần:

1) (4,5 hàng) tu mười pháp hướng đến địa hai.

2) (Còn lại) ba nghiệp của Bồ-tát tùy thuận mười tâm lành.

- Có sáu ý:

1) Biết mười pháp ác sanh vào điạ ngục, súc sanh.

2) mười pháp lành sanh lên cõi lành.

3) Người hiểu mười pháp lành, sợ khổ tu chơn, đạt quả Thanh văn, ra khỏi ba cõi hữu vi, nhiếp phục phiền não của ba cõi, nhập biến dịch sanh tử, dù nhập diệt định nhưng trải qua vô số kiếp vẫn không giác ngộ.

4) Người hiểu mười pháp lành, tu pháp duyên sanh, không có từ bi, thành quả Độc giác, đạt biến dịch sanh tử, trải qua năm ngàn kiếp hồi hướng đại bồ đề.

5) Hiểu mười pháp lành, không bỏ chúng sanh, cầu trí Phật, thành

hạnh Bồ-tát;

6) Tu nhứt thiết chủng trí thanh tịnh, thành tựu mười lực, bốn vô úy, là tối thượng thừa).

(23 hàng) nhân quả của mười nghiệp ác (như trong kinh).

(Còn lại) tự tu và dạy người tu mười pháp lành. Thượng thượng thập thiện: nương trí phát tâm, ba bậc thiện khác tuy thoát nghiệp ba cõi nhưng pháp không phát tâm, cầu trí Phật, nhập hạnh Phổ Hiền, là Bồ-tát của ba thừa, nguyện hạnh tuy rộng nhưng chưa trọn trí Phật, cho rằng cảnh giới Phật là ba ngàn cõi nước nên chưa viên mãn hạnh Phổ Hiền. Ba thừa quán pháp không là hạnh nghiệp năm vị, đạt lý mới đạt trí Phật, hành hạnh Phổ Hiền. Đó là quả Phật sau sáu vị, phải trải qua ba tăng kỳ kiếp. Nếu không chuyển tâm sẽ không đạt được. Trong nhứt thừa, trí Bất động của Như Lai là điều kiện phát tâm. Sự đan cài dung nhiếp như đã nói ở trước. Tác giả nói kệ: “Tất cả chúng sanh cõi kim sắc, bạch tịnh không nhơ trí không hoại; trong áo sẵn có ngọc châu sáng; vì không hiểu biết nên xin ăn; Xe báu rộng lớn ngay giữa đường; Văn Thù dắt dẫn Phổ Hiền giúp; Xe trâu trắng đẹp đủ oai lực; tích tắc đi khắp không qua lại. Xe báu như thế không chịu dùng; lại thích những xe ở ngoài cửa; không hiểu chính mình luôn sẵn có; lại cứ cho rằng ta chẳng bằng”.

- Đoạn bốn phân thành mười phần: 1) (4 hàng) mười tâm từ bi, thấy chúng sanh khổ, phát tâm đưa chúng sanh đến cõi vui (thấy chúng sanh bị vô minh phiền não che lấp như đã nói ở trước)...

- Đoạn năm phân thành mười phần:

1) (3,5 hàng) nhờ nguyện lực Bồ-tát gặp Phật.

2) (2,5 hàng) cúng dường Phật pháp tăng bằng hai tâm năm việc (Phật: Tỳ-lô-giá-na; pháp: Văn Thù; tăng: Phổ Hiền).

3) (4 hàng) lãnh thọ 10 giới lành.

4) (3,5 hàng) nêu ví dụ;

5) (2,5 hàng) hạnh của Bồ-tát này.

6) (6,5 hàng) lãnh thọ chức vị.

7) (2,5 hàng) Bồ-tát biết đạo đức thù thắng.

8) (4,5 hàng) Bồ-tát xuất gia tu học đạt ngàn tam muội, gặp vô số Phật;

9) (Từ dùng nguyện... không thể đến được) nhờ nguyện lực, Bồ-tát gặp Phật hơn sức quả báo.

10) (Còn lại) Bồ-tát kim cang Tạng nói kệ.

- Đoạn sáu phân thành năm phần:

1) (30 hàng kệ) nhắc lại mười phần trên.

2) (4 hàng) đại chúng nghe pháp cúng dường.

3) (3 hàng) Bồ-tát nghe pháp địa hai, xin nói pháp địa ba.

4) (3 hàng) các Bồ-tát cùng thỉnh.

5) (Còn lại) Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt thỉnh Bồ-tát kim cang Tạng nói pháp địa ba.

Nhứt thiết chủng: như trước. Điạ Pháp Quang: cũng có năm phần như trước: Tên: địa pháp Quang: tu tập hiểu rõ tám thiền của cõi sắc vô sắc, đối trị tướng thức, dùng thiền thế gian thấy rõ hoặc chướng của ba cõi, trí huệ sáng suốt. Hai địa trước hiểu rõ sự trói buộc của cõi dục: người tu tập đối trị phiền não cõi dục không tu tám thiền của cõi sắc vô sắc thì còn chướng hoặc hai cõi không phải là địa pháp quan. Địa này tu tập nhẫn Ba-la-mật, đoạn trừ hết nghiệp chướng co cõi, đạt thuận vô sanh nhẫn. Trụ thứ một đạt trí huệ, sanh vào nhà Phật, mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng đều đạt vô sanh nhẫn. Về sự tu tập, ba hiền dùng trí Phật nhiếp phục truyền não là phục nhẫn; ba địa đầu là thuận vô sanh nhẫn, ba địa tiếp đoạn hết nghiệp chướng ba cõi mới đạt vô sanh nhẫn, ba địa tiếp đạt vô công tịch diệt nhẫn. Địa 10 đủ bi trí như Phật. Ở đây, Thiện Tài gặp Dạ thần kiến hỷ mục oán chúng sanh, cách đạo tràng bồ đề không xa, Dạ thần ngồi tòa liên hoa tạng sư tử, Thiện Tài đạt giải thoát đại thế lực Phổ Hỷ Tràng. Địa một mới vào vị, mới phát tâm; địa hai giới thể là thể của bồ đề; địa ba từ lý bồ đề, tu hạnh nhẫn nên cách đạo tràng bồ đề không xa. Hỷ mục oán chúng sanh: hành hạnh từ bi bằng nhẫn. Giải thoát đại thế lực Phổ Hỷ Tràng: đoạn trừ phiền não hình người, tự tại trước mọi pháp, đạt pháp lạc ngay trong cảnh thuận nghịch. Địa này giải thoát ba cõi. Hai địa trước đối trị phiền não cõi dục; địa này đối trị phiền não hai cõi trên, tu tám thiền đoạn chướng hoặc của ba cõi; địa bốn tu 37 phẩm trợ đạo; địa năm quán mười đế; địa sáu quán 12 duyên, học trí huệ thế gian trong xuất thế. Nghĩa văn có hai: ý kinh, nghĩa văn. Ý kinh có bảy đoạn:

1) (5 hàng) từ địa hai phát khởi mười tâm tu pháp địa ba.

2) (52,5 hàng) Bồ-tát địa 3 quán sát pháp hữu vi, phát tâm bi cứu chúng sanh, trí trọng pháp, người, có thể vào hầm lửa để được nghe pháp.

3) (10,5 hàng) Bồ-tát tu 8 thiền tùy thuận pháp tánh, không chấp trước.

4) (2 hàng) tu bốn tâm rộng lớn.

5) (33 hàng) nhờ tu thiền sáu căn thanh tịnh.

6) (30 hàng) thấy Phật và được thọ chức.

7) (Còn lại) nói kệ.

Đoạn một như kinh.

Đoạn hai phân thành năm phần:

1) (19 hàng) quán sự khổ, vô thường của pháp hữu vi, phát mười tâm thương xót chúng sanh.

2) (7,5 hàng) Bồ-tát nghĩ cách độ sanh để chúng sanh được pháp lạc.

3) (5 hàng) Bồ-tát biết cõi nước an trụ chúng sanh.

4) (19 hàng) vì độ sanh, Bồ-tát siêng năng cầu pháp thân, nhày vào lửa mà không thấy khổ.

5) (2 hàng) quyết tâm tu tập, không phải chỉ nói suông.

■

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 25

Nghĩa văn: dùng trí giải thoát không chướng ngại độ chúng sanh đạt Niết-bàn quán đúng pháp, đủ trí huệ phương tiện huyền xảo đều từ công dụng của trí căn bản. Tu hành: tu định phương tiện ngày đêm siêng năng nghe chánh pháp. Thích pháp: đạt trí, không lo buồn. Lạc pháp: không sanh tử. Y pháp: nương tựa trí Như Lai. Tùy pháp: tùy thuận giải pháp đúng. Giải pháp: hiểu nghĩa đệ nhứt; thuận pháp: thuận chánh trí. Đáo pháp: đạt Niết-bàn vào sanh tử độ sanh, đưa chúng sanh đến Niết-bàn. Nghe một bài kệ được vô số báu vật trong ba ngàn cõi và làm vua chuyển luân: pháp thế gian không thoát khỏi sanh tử. Đoạn ba phân thành chín phần:

1) (1,5 hàng) trụ thiền thứ nhứt.
2) (1 hàng) trụ thiền thứ hai.
3) (2 hàng) trụ thiền thứ ba.
4) (1 hàng) trụ thiền thứ tư.
5) (1 hàng) định không xứ.
6) (1 hàng) định thức xứ.
7) (1 hàng) định vô sở hữu xứ.
8) (1 hàng) định phi hữu tử.
9) (Còn lại) tâm nương định (thể định của pháp giới).

Địa này thoát khỏi ba cõi, nhập định thể không tạo tác của pháp giới. Tuy tu bốn thiền nhưng tùy thuận pháp tánh không nương tựa, đoạn trừ tập nhiễm của ba cõi, trí sáng hiển hiện như việc luyện vàng. Tùy trí thể pháp thân vốn không tăng giảm. Bồ-tát huyền giáo đạt tám thiền, vượt khổ ba cõi sanh về cõi tịnh. Người hành hạnh từ bi lại là giữ hoặc độ sanh. Thinh văn la hán đạt tám thiền, tu định thứ chín, dùng trí không để hủy thân. Bồ-tát nhứt thừa tu tập tám thiền biết rõ pháp thế gian không thể tánh, thành tựu diệu dụng của nhứt thiết trí, hiểu rõ thể của ba cõi, tự tại không sanh diệt, phát khởi trí sáng, biết pháp thế gian. Địa một tu thí Ba-la-mật an trụ thế gian. Địa hai tu giới Ba-la-mật làm

thanh tịnh thế gian. Địa ba tu tám định vượt khỏi thế gian. Địa 4, 5, 6 tu trí thế gian ngay trong xuất thế, địa 7, 8, 9 vào thế gian thành tựu bi trí. Địa mười trọn vẹn bi trí thành Phật. Về lý trí không có thứ lớp về sự tu tập đoạn hoặc đạt trí có sự thành thực chưa thành thục sâu cạn khác nhau. Đoạn bốn: tu bốn tâm rộng lớn. Đoạn năm tu thành sáu phần:

1) (6 hàng) thần thông.

2) (2 hàng) thiên nhĩ thông.

3) (7 hàng) tha tâm thông.

4) (8 hàng) túc mạng thông.

5) (7,5 hàng) thiên nhẫn thông.

Bồ-tát đạt năm thông chưa trọn vẹn bi trí như bổn nguyện đủ hạnh Phổ Hiền, khác với Bồ-tát cõi tịnh và nhị thừa không chúng lậu tận thông vì tự tại vào sanh tử (như việc đạt sáu thông nhưng chưa hết lậu hoặc trong kinh Tịnh Lộ).

6) (2 hàng) thọ sanh không bằng sức định.

- Đoạn sáu phân thành sáu phần:

1) (6,5 hàng) Bồ-tát gặp Phật, nghe pháp cúng dường.

2) (4,5 hàng) quán pháp, thoát khỏi sự trói buột.

3) (3 hàng) dùng việc luyện vàng để ví Bồ-tát đạt trí sáng.

4) (3 hàng) 13 tâm thanh tịnh sáng suốt.

5) (1,5 hàng) pháp tu của vị này.

6) (10,5 hàng) Bồ-tát lãnh thọ quả vị, nương định gặp Phật. Đoạn bảy như kinh.

Địa Diệm huệ cũng có năm phần: tân: địa Diệm huệ: địa trước tu tám thiền đạt trí vượt khỏi ba cõi. Địa này tu 37 phẩm trợ đạo, quán sát rõ về thân thọ tâm pháp. Địa trước nhờ định phát huệ địa này nhờ quán 37 phẩm trợ đạo, trí không nương tựa càng hiện sáng. Địa này tu tinh tấn Ba-la-mật. Biểu pháp: Thiện Tài gặp Dạ thần: phổ cứu nhứt thiết chúng sanh diệu đức đạt giải thoát: hiện khắp thế gian, độ thoát chúng sanh. Dạ thần này ở trong hội chúng như Dạ thần trước. Địa hai, tánh giới không tạo tác là thể bồ đề, nhẫn tinh tấn Ba-la-mật là hạnh bồ đề, là hạnh của muôn hạnh, 37 phẩm trợ đạo là hạnh bồ đề. Vị này dùng thể bồ đề quán thân thọ tâm pháp, thành tựu trí thế gian Dạ thần phổ cứu... 37 phẩm trợ đạo là phương tiện độ sanh của các đức Phật ba đời, là phương tiện để các đức Phật đạt trí cứu cánh, tăng trưởng trí huệ. Diệu đức: 37 phẩm trợ đạo hiển hiện trí vi diệu của mình người. Ba địa trước tu giới định nhẫn đạt tâm xuất thế. Địa này dùng 37 phẩm trợ đạo hiện rõ trí huệ. Giải thoát hiện khắp thế gian... 37 phẩm trợ đạo là pháp

tu của ba thừa, một thừa. Địa này đạt giải thoát: hiểu rõ ba cõi có cùng một tướng. Về tướng riêng, Bồ-tát đạt trí huệ bằng 37 phẩm trợ đạo, đối trị tập nhiễm, vượt khỏi ba cõi của địa ba. (Việc trừ phiền não như các địa đã nói). Nghĩa văn có hai: ý kinh, nghĩa văn. Ý kinh: Bảy đoạn:

1) (12 hàng kệ) đại chúng nghe pháp vui vẻ, xin thuyết pháp địa sau.

2) (6,5 hàng) tu mười pháp nhập địa bốn.

3) (37,5 hàng) tu 37 phẩm trợ đạo.

4) (5,5 hàng) đối trị thân kiến.

5) (15 hàng) nhờ trí đạt lợi ích nhu hòa.

6) (30 hàng) gặp Phật.

7) (53 hàng kệ) nhắc lại pháp trước.

- Đoạn một phân thành hai phần:

1) (8 hàng) nghe pháp địa ba, đại chúng vui vẻ cúng dường.

2) (Còn lại) đại chúng thỉnh thuyết pháp địa bốn (rõ như trong kinh).

- Đoạn hai phân thành hai phần:

1) (2,5 hàng) tu mười pháp nhập địa lớn.

2) (Còn lại) tên mười pháp tu mười pháp hiểu rõ thế xuất thế giống nhau.

- Đoạn ba phân thành chín phần:

1) (1,5 hàng) sanh vào nhà Phật bằng mười trí (sự giống khác của các vị rõ như trước).

2) (4,5 hàng) đạt trí huệ của địa này bằng mười pháp (tam bảo ở phần này khác với tam bảo ở thế gian. Phật: quán pháp tánh không tánh của ba cõi; pháp: hiểu rõ sáu tướng của ba cõi; tăng: tự tu và độ chúng sanh đạt chơn như pháp lạc quán sự thành hoại của thế gian do nghiệp sanh diệt, pháp giới không thành hoại. Quán sanh tử Niết-bàn: sanh tử Niết-bàn không thể tánh. Quán cõi nước chúng sanh do nghiệp: xưa nay không có. Quán quá khứ vị lai không sở hữu ba đời vốn không bình thường).

3) (6 hàng) quán thân thọ tam pháp quán thuận: nội thân (lục phủ ngũ tạng) không ngã. Cần dũng: siêng năng quán sát. Niệm tu: không quên; từ tham ưu thế gian: quán nội thân không ngã, đoạn từ tham dục phiền não. Thuận quán ngoại thân (da gân răng móng) không ngã, do vọng nghiệt sanh, không thật. Thể tánh của nghiệp không: người trí kẻ ngu đều không ngã, động tịnh tùy trí, trong ngoài không nương tựa, siêng năng ghi nhớ, từ năm lợi sử. Thuận quán nội thân ngoại thân đều

không ngã như hư không không nắm bắt được. Thọ, tâm, pháp cũng thế.

4) (8,5 hàng) tu bốn chánh cần: dục định đoạn hành: chánh quán bốn niệm xứ (có giác quán) đoạn năm lợi sử và sắc thọ tưởng hành thức, đoạn trừ hoặc chướng của ba cõi. Thành tựu thần túc: thần túc của như thiên cõi dục là quả của mười thiện bậc hạ. Vị này đạt thần túc bằng một phần trí pháp tánh nên vượt hơn ba thừa, hai thừa, ba cõi. Quán lạnh bằng lý trí thành tựu trí sai biệt, trọn vẹn hạnh nguyện từ bi. Y chỉ yểm: không chấp pháp ác thế gian. Y chỉ ly: tánh không đắm trước. Ychỉ diệt: diệt các pháp ác. Hồi hướng ư xả: đạt nơi không nương tựa, bỏ đúng sai, đạt trí siêng năng tu hành cứu hộ chúng sanh. Cần định, tâm định, quán định cũng như trước.

5) (2,5 hàng) tu năm căn: các pháp y chỉ yểm... thể đối trị. (Rõ như trong kinh).

6) (2,5 hàng) tu năm lực: cũng như trên.

7) (3,5 hàng) tu bảy giác phần (như trên). Phân biệt đúng sai: trạch giác phần luôn tự lợi lợi người: tinh tấn giác phần; đạt pháp lạc, chúng sanh cần gì vui vẻ đáp ứng: hỷ giác phần; vui với pháp lạc, không lo khổ: ỷ giác phần; quán trong ngoài bằng trí, không chạy theo cảnh: định giác phần; đoạn trừ thân biến kiến mình người, thấy thân thọ tâm pháp đều không chỗ tựa: sẽ giác phần; không phân biệt tâm cảnh, sống bằng trí: niệm giác phần.

8) (3 hàng) tám chánh đạo: biến tám tà đạo thành tám chánh đạo.

9) (5,5 hàng) quán mười pháp, không bỏ chúng sanh (rõ như trong kinh) bốn vô úy, 18 pháp phất cộng, tướng tốt, cõi Hoa Tạng, âm thinh như đã nói ở các phần trước.

- Đoạn bốn phân thành hai phần:

1) (3 hàng) dùng bốn niệm xứ đối trị thân kiến....

2) (Còn lại) biết sự khen chê về nghiệp của Như Lai chúng sanh tạo nghiệp lưu chuyển sanh tử, bị Phật chê trách tự quán nghiệp, dùng phương tiện vào sanh tử độ sanh, thuận đạo Bồ-tát được Phật khen ngợi.

- Đoạn năm phân thành bốn phần:

1) (4,5 hàng) Bồ-tát tu tập đạt mười lợi ích.

2) (2 hàng) hiểu ý của người thuyết giảng vô chu lâm hạnh. Không bị vô minh che lấp.

3) (5,5 hàng) đạt mười tinh tấn tạo sự kiên cố của địa này và sự

tương hợp của địa sau.

4) (3 hàng) tâm thanh tịnh được Phật ủng hộ.

- Đoạn sáu phân thành tám phần:

1) (4 hàng) nhờ nguyện lực Bồ-tát gặp Phật cúng dường.

2) (4 hàng) gặp Phật phụng sự, tăng trưởng trí.

3) (6 hàng) dụ luyện vàng.

4) (2,5 hàng) hạnh của vị này.

5) (4 hàng) Bồ-tát lãnh thọ chức vị.

6) (2 hàng) Bồ-tát chỉ dạy chúng sanh.

7) (3 hàng) từ nghiệp báo Bồ-tát nhập định, thấy thần lực Phật.

8) (2 hàng) nhờ nguyện lực gặp Phật.

- Đoạn bảy phân thành hai phần:

1) (2 hàng kệ) Bồ-tát thanh tịnh pháp địa ba nhập địa bốn.

2) (Còn lại) nhắc lại pháp trên. 62 kiến có trong thân kiến nguyên quán thân thọ tam pháp vô ngã, đạt sự hiểu biết như Phật, sanh vào nhà Phật (62 kiến như ở trước đã nói).

Địa nan thắng: cũng có năm phần: tên: địa nang thắng: từ thiền Ba-la-mật tu bốn tâm rộng lớn, thông đạt pháp thế gian, các địa trước không sánh bằng. Địa này tu thiền ba, bốn mặt. Biểu pháp: cách nơi này không xa có Dạ thần tên Tịch Tịnh âm hảo, ngồi tòa sen báu, Thiện Tài đạt giải thoát niệm xuất sanh quản đại hỷ trang nghiêm. Không xa: từ thể bồ đề thành thiền Ba-la-mật. Tịch tịnh âm hải: thiền: tịch tịnh; âm hải: định phát huệ. Ngồi tòa sen báu: không nhiễm, hành hạnh bằng thiền không tạo tác. Giải thoát niệm niệm... Thể của thiền không tạo tác là pháp giới ở trong sanh tử hành mọi hạnh, vui vẻ không lo khổ, trang nghiêm định huệ, không chấp tịnh loạn. Nan thắng: dùng thể định biết rõ pháp thế gian không định loạn vượt khỏi hoặc chướng ba cõi nhưng không chứng Niết-bàn, biết ba cõi Niết-bàn không hư hoại bằng trí không nương tựa. Tên dạ thần, pháp tòa đều biểu hiện thể tánh không tạo tác, không nương tựa của thiền Bồ-tát. Từ thiền hành mọi hạnh. Thiện Tài hỏi; tu hạnh gì phải thoát, về cảnh giới nào, dùng phương tiện gì, quán pháp gì; dạ thần đáp: ta phát khởi tâm thanh tịnh bình đẳng vui vẻ, đoạn cấu nhiễm thế gian, nương tâm không thoái chuyển... nghĩa là với người tham dục, Bồ-tát dạy ta định tịch tịnh; Với người tham hai cõi trên Bồ-tát dạy nhập pháp tánh thiền, đạt công dụng độ sanh bằng trí, không riêng tưởng pháp lạc. Dạ Thần ngồi tòa sen, vô số dạ thần bao quanh: pháp tánh rộng lớn cùng khắp, về tướng chung, địa này cũng thoát khỏi ba cõi, nhưng về tướng không, từ thiền Ba-la-

mật đạt giải thoát hai cõi trên đối trị hoặc chướng vi tế của hai cõi ấy. Vì thế trong pháp nhứt thừa, trí văn bằng là pháp tiến tu, trí không tạo tác là thể của thiền, vượt trên định hai cõi, đạt thiền không tạo tác, đủ công dụng hợp pháp giới. Nghĩa văn có hai: ý kinh, nghĩa văn, ý kinh:14 đoạn:

1) (19 hàng kệ) nghe pháp địa bốn, đại chúng vui vẻ cúng dường, xin thuyết pháp địa sau.

2) (10 hàng) tu mười tâm bình đẳng nhập địa năm.

3) (6 hàng) an trụ địa năm bằng 12 pháp.

4) (14,5 hàng) biết rõ mười đế.

5) (2 hàng) thường yêu chúng sanh.

6) (6,5hàng) dùng trí quán chúng sanh, tùy thuận độ thoát.

7) (8 hàng) Bồ-tát biết chúng sanh vì ngu si nên khổ đau trôi nổi.

8) (5,5 hàng) biết chúng sanh khổ đau, dùng sức mình chở dạy để chúng sanh đạt mười lực Như Lai.

9) (5,5 hàng) dùng trí huệ quán sát chúng sanh có căn lành, dạy chúng sanh đạt Niết-bàn.

10) (17 hàng) biết rõ các pháp.

11) (8,5 hàng) độ sanh bằng bốn nhiếp pháp và cầu pháp thù thắng.

12) (11,5 hàng) đủ tài nghệ thiện xảo thế gian để độ sanh.

13) (32,5 hàng) gặp Phật, lãnh thọ chức vị.

14) (44 hàng kệ) nhắc lại pháp trên.

- Đoạn một phân thành hai phần:

1) (17 hàng kệ) đại chúng nghe pháp vui vẻ cúng dường.

2) (Còn lại) Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt vì đại chúng thỉnh thuyết địa năm.

Đoạn hai như kinh (địa này đoạn nghi của kiến đạo. Địa sáu đạt trí thế gian ngay trong xuất thế gian, ác độc không xâm nhập được, tất cả tà vạy đều thành trí huệ... các địa khác như đã nói ở trước).

- Đoạn ba như kinh. Đoạn bốn phân thành hai phần:

1) (6 hàng) biết rõ mười đế.

2) (Còn lại) hiểu nguyên nhân của các đế. (mười đế ở đây khác ba thừa).

Đoạn năm như kinh. Đoạn sáu: quán các đế không tướng, đạt trí không ngã nhơn, không bỏ chúng sanh, hiểu rõ chúng sanh do duyên sanh, thể tánh của duyên là không (như kinh). Đoạn 7, 8, 9, 10 như kinh. Đoạn 11 phân thành hai phần:

1) (6,5 hàng) độ sanh bằng mười pháp (như kinh).

2) (Còn lại) luôn giáo hóa chúng sanh.

- Đoạn 12 như kinh: ấn tỷ ấn chú: như vua dùng ngọc là tỷ, dùng đồng sắt gỗ làm ấn. Đoạn 13 phần thành 11 phần:

1) Nhờ nguyện lực gặp Phật.

2) Cùng dường.

3) Cung kính nghe pháp, tùy khả năng tu tập.

4) Xuất gia nghe pháp lãnh thọ.

5) Tu tập các pháp lành.

6) Đạt trí sáng như luyện vàng.

7) Các địa trước không sánh bằng.

8) Làm vua cõi đâu sắc.

9) Nhập ngàn sức định, hiện ngàn ức thân, gặp ngàn ức Phật.

10) Nhờ nguyện lực.

11) Kim Cang Tạng nói kệ.

Đoạn 14 như kinh. Địa này dùng thể thiền định đối trị chướng ngại tịnh loạn của ba cõi, đạt lý không ra khỏi không chìm đắm ba cõi của thiền, không thích chán, tự tại, dùng định làm công năng vi diệu để vào đời.

Địa Hiện Tiền cũng có năm phần: tên; Hiện tiền: hiển hiện trí thế xuất thế, quán sát sâu 12 duyên, đạt mười định. Địa này chuyên tu Bát-nhã Ba-la-mật. Biểu pháp: Thiện Tài gặp Dạ thần Thủ hộ nhứt thiết thành tăng trưởng oai lực ở đạo tràng bồ đề, ngồi tòa sư tử báu, vô số Dạ thần bao quanh, hiện vô số thân độ sanh, đạt giải thoát Thậm thâm tự tại diệu âm. Thủ hộ... kinh dạy: "Thiện nam tử! Ta ở trong sanh tử vô minh của chúng sanh mà giác ngộ, mong chúng sanh bỏ thành ba cõi, trụ thành nhứt thiết trí. Ở đạo tràng bồ đề: hành hạnh bằng thể bồ đề. Ngồi tòa sư tử báu: thể tòa là trí sai biệt, hạnh quả tương xứng. Vô số dạ thần bao quanh: hạnh rộng lớn. Hiện vô số thân: tùy chúng sanh hiện thân độ thoát. Đạt giải thoát thậm thâm... với trí tự tại, Bồ-tát nêu giáo hạnh để chúng sanh tu tập đúng. Địa này cũng giải thoát ba cõi, trí tự tại, phân biệt rõ tịnh nhiễm, tùy thuận vô sanh nhẫn, dùng trí huệ xuất thế nhập trí huệ thế gian, tùy thuận thế gian nhưng không hoại pháp vô sanh. Địa bảy bắt đầu tu tập, địa 10 viên mãn bi trí. Về vô sanh, mười trụ cũng đạt, về sự viên mãn tất cả giống nhau tuy vô số kiếp tu tập trong thế gian nhưng hiểu rõ sáu tướng. Nếu thấy có sự hơn thua thì trái với bản thể. Vì lý sự là một, đủ sáu tướng. Nghĩa văn có hai: ý kinh, nghĩa văn. Ý kinh có chín đoạn:

1) (18 hàng) (phân thành hai phần: 1) (17 hàng) đại chúng nghe

pháp vui mừng cúng dường; 2) Giải Thoát Nguyệt thỉnh thuyết pháp địa sau).

2) (9 hàng) tu mười pháp bình đẳng hướng đến địa sáu.

3) Quán thuận nghịch về 12 duyên.

4) (7,5 hàng) quán 12 duyên không thể tánh, đạt giải thoát không.

5) (10,5 hàng) quán 12 duyên, tu hạnh từ bi.

6) (6,5 hàng) đạt 10 tam muội không, vô tướng, vô nguyện.

7) (9,5 hàng) tu tập tâm kiên cố, nhập trí Phật.

8) (27.5 hàng) gặp Phật.

9) (44 hàng kệ) nhắc lại pháp tên.

- Đoạn ba phân thành mười phần:

1) (14.5 hàng) quán sát sự thọ sanh nơi thế gian đều do chấp ngã, đoạn ngã thì không sanh. Vì có ngã nên thấy có không, tạo vô số nghiệp ác Tà đạo: 95 ngoại đạo; Tội hành; ba cõi ác; phước hành; trời người; Bất động hành: Tám thiền của sắc vô sắc, ba quả tiểu thừa còn phần đoạn sanh tử, quả thứ bốn và Bồ-tát cõi tịnh còn biến dịch sanh tử. Tích tập tăng tưởng: Ba cõi ác tích tập nghiệp ác. Cõi dục tích tập nghiệp thiện hữu vi, các cõi trên tu tám thiền hữu lậu; Thanh văn Duyên giác Bồ-tát cõi tịnh tích tập nghiệp thanh tịnh, thành tựu thân biến dịch sanh tử; Bồ-tát nhất thừa tích tập tăng trưởng bi trí của Phật. Tuy cùng là 12 duyên như sự quán sát khác nhau. Với phàm phu, 12 duyên tạo nghiệp ác; với nhị thừa, 12 duyên trống không, không thể tránh đều phục phiền não hiện hành, đạt vô lậu hữu vi. Bồ-tát cõi tịnh tu bốn đế, 12 duyên, sáu Ba-la-mật sanh về cõi tịnh. Bồ-tát nhứt thừa từ trí Phật tu mười Ba-la-mật, 37 phẩm trợ đạo, thành tựu nhứt thiết chân nhất thiết trí trí, rộng lớn như pháp giới, cứu cánh như hư không, viên mãn bi trí Phật, thành tựu trí pháp giới tánh không, dùng biển sanh tử làm đạo tràng, đạt vô số cõi Phật, cõi chúng sanh vào một lỗ chân lông. Pháp duyên sanh vốn không thể tránh, chúng sanh chấp trước, Thánh hiền than trách, chúng sanh trôi mãi trong sanh tử vẫn không hay biết, nhọc công các Bồ-tát. Vì thế các ngài tùy thuận lý tánh, đoạn trừ kiêu ngạo, biểu nghiệp thức, dùng trí mở ba cõi, tùy thuận chúng sanh, hiện thân độ thoát nhưng không chìm đắm trong sanh tử. Kinh dạy: gieo hạt giống tâm trong các hạnh, hạt giống thức trong ruộng nghiệt là hữu thủ, hủ lậu. Có 7 lậu: kiến; các căn; vọng; ác; thân cận; ái; niệm, tạo đời sau (như kinh) vô minh che lấp: che lấp trí căn bản, chạy theo cảnh mê mờ nên khổ, giác ngộ thì không khổ, hiểu rõ mọi thứ điều không. Có khổ đau mới cầu pháp giải thoát. Nếu không khổ thì không tinh lời Phật.

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 26

Phát tâm có hai: một vì khổ mãi nên chán khổ, tu tập đạt quả ba thừa, một thừa, hiểu trí Phật: Hai các bậc tiên giác dạy biết khổ nên phát tâm. Về cách này thường sinh chấp thường. Nếu có các đức Phật từ xưa chỉ dạy thì thể tánh các đức Phật là chơn, không tùy vọng, không thể học theo, chơn là thường không tùy thuận sanh tử. Sanh tử là sinh tử là sanh tử mãi, Phật vĩnh viễn là Phật. Nếu chúng sanh là sanh tử thì sanh tử cũng thường tồn, không thể thành chơn. Tất cả không ngoài chấp thường đoạn. Chúng sanh sanh tử vốn không tánh, không thật. Các đức Phật cũng thế. Niết-bàn bồ đề là không. Chúng sanh lầm cho các đức Phật có bồ đề Niết-bàn. Biết rõ như thế là phát tâm, là Phật, là thấy đạo khai ngộ chúng sanh. Hiểu rõ vô minh vốn không, chư Phật cũng không, là giác. Từ trí không nương tựa tùy thuận chúng sanh, hiện thân độ thoát từ bi. Vì thế không có chứng đắc, chán thích, lấy bỏ, xưa nay, thật giả. Người phát tâm bồ đề không sợ bị vô minh che lấp. Mạn có tám: mạn, đại mạn, mạn mạn, tăng thượng mạn, bất như mãn, tà mạn mạn, ngã mạn. Kiến võng tăng trưởng: Năm kiến, 62 kiến. Sanh mầm danh sắc: từ kiến khởi tham danh sắc, danh sắc tăng trưởng thành năm căn. Năm căn đối diện danh sắc thành xúc, xúc sanh thọ. Thân xúc có 12: rít trơn, nặng nhẹ, lạnh nóng, đói khát, cứng nước, nóng động; nhãn xúc có 25: xanh vàng đỏ trắng dài ngắn vuông tròn cao thấp chính không chính, tối sáng, mây khói bụi thô tế, nhĩ xúc có 11: vừa ý, không vừa ý, câu tương vi nhân, thọ đại chủng nhân, bất thọ đại chủng nhân, câu đại chủng, thế sở cộng thành, sở dẫn, biến kế sỡ chấp, Thánh ngôn sở nhiếp, phi Thánh ngôn sở nhiếp tỷ xúc có sáu: tốt, xấu, bình đẳng, hòa hợp, câu sinh, biến dị; vị xúc có 12: đắng, chua, cay, ngọt, mặn, nhạt, vừa ý, không vừa ý, câu tương vi, hòa hợp, câu sinh, biến dị. Đó là 66 ý pháp. Năm căn chấp thủ có thọ, thọ không xả là ái, ái tăng trưởng là thủ... 12 duyên như trước.

2) (10,5 hàng) Bồ-tát nghĩ đến chúng sanh. Không hiểu đệ nhứt

nghĩa đế là vô minh; tạo nghiệp là chỗ dựa của hành; tâm ban đầu là thức. Từ vô minh tạo vọng nghiệp có y báo... 12 duyên.

3) (7,5 hàng) ba cõi, 12 duyên đều từ một tâm.

4) (15,5 hàng) vô minh... 12 chi đều có hai: do vô minh chúng sanh không hiểu trí không tạo tác và tánh pháp giới, do vô minh có hành. Hành... cũng có hai như trước đã nói.

5) (4,5 hàng) (phân thành hai phần: 1) (2 hàng) 12 duyên có từ có từ việc không hiểu trí căn bản; 2) (Còn lại) 12 chi kết hợp với ba đời thành vô số phiền não).

6) (3,5 hàng) vô minh, ái, thủ: phiền não, hành, hữu: nghiệp như trước.

7) (2,5 hàng) vô minh là điều kiện có hành... như trước;

8) (2,5 hàng) 12 chi tạo ba khổ;

9) (5 hàng) sự sanh khởi đoạn diệt của 12 chi;

10) (4,5 hàng) quán 12 duyên theo hai cách thuận nghịch.

Đoạn bốn: Ba giải thoát: quán 12 duyên không, đạt giải thoát không; quán không có pháp chứng đắc đạt giải thoát vô tướng; độ sanh bằng lòng bi không mong cầu, đạt giải thoát vô nguyện.

Đoạn năm phân thành hai phần:

1) (5,5 hàng) quán pháp hữu vi đều vô thường đáng chán, tạo phước thiện độ sanh.

2) (Còn lại) pháp pháp hữu vi không tự tánh, tu tâm bi, đạt Bát-nhã Ba-la-mật chưa trọn pháp bồ đề: địa sáu đạt ba giải thoát nhưng chưa tự tại vào đời độ sanh bằng hạnh Phổ Hiền. Các pháp hữu vi đủ duyên khởi: vọng tình thấy các pháp vô thường thay đổi; người đạt lý thấy các pháp không tự tánh, tâm sanh là pháp sanh, có nhân có lưu chuyển, không nhân không lưu chuyển; có vô minh có hành, không vô minh không hành. Người trí thấy các pháp không, vô thường thay đổi. Các pháp hữu vi đủ tội lỗi: từ tình thức có sanh già bệnh chết; từ trí bi hành hạnh Phổ Hiền đạt Bát-nhã Ba-la-mật: đạt trí huệ nhứt thừa, trí Phật, trí cứu cánh không tạo tác nhưng đủ công dụng, tùy vật lợi sanh nhưng không chấp, không suy xét nhưng cảm ứng. Chưa trọn pháp bồ đề; địa mười một mới trọn vẹn tùy hạnh bồ đề.

Đoạn sáu tam muội tự tánh không: không do tu, xứng lý hiển hiện. Tam muội: chánh định. Tam: chánh, phám làm việc gì suy xét ba lần là đúng. Muội: không hình thức (về quẻ của nó như trước đã nói). Định phát sanh trí huệ, là cửa ngỏ vào đạo kẻ sơ học nương định phát trí. Năm uẩn định, trí sáng hiển hiện, chữ chánh gồm chữ nhứt và chữ chỉ: dừng

tâm chuyên nhứt. Tam muội đệ nhứt nghĩa không: vượt trên pháp hữu vi vô thường định của hai cõi trên, định của thanh văn duyên giác Bồ-tát cõi tịnh, mọi vật đều từ tánh không. Tam muội đại không: vượt trên định thức không của thế gian, vô tác không của ba thừa đạt ý sanh thân. Tam muội hợp không: hòa hợp Thánh phàm mười phương. Tam muội khởi không: tịnh dụng tự tại. Tam muội như thật bất phân biệt không: không hình thức, hiện thân độ sanh. Tam muội bất xả ly không: đoạn trừ ác nghiệp. Tam muội ly bất ly không: vào đời không nhiễm.

Đoạn bảy phân thành ba phần:

1) (3,5 hàng) tu mười tâm rộng lớn.

2) (4 hàng) tùy thuận trí Phật, không sợ pháp ngoại đạo, đạt vị Phật.

3) (2,5 hàng) đạt tùy thuận nhẫn. Không sợ pháp ngoại đạo: pháp của trời người ba thừa ngoại đạo, nhập vị Phật: từ trí căn bản đạt trí sai biệt; ly nhị thừa đạo: nhị thừa đoạn phiền não chứng không; Bồ-tát biến phiền não thành trí: người đạt trí Phật, phiền não không khuấy nhiễu. Phiền não ma: nhân sanh tử, ấm ma, tử ma: quả sanh tử, thiên ma: duyên sanh tử. Trụ trí Bồ-tát: trí sai biệt tùy thuận thế gian. Bồ-tát này đạt Bát-nhã Ba-la-mật, hạnh tăng trưởng: quán 12 duyên đạt trí xuất thế ngay trong thế gian, lợi thuận nhẫn: nhẫn thứ ba trong năm nhẫn, nhẫn thứ hai trong mười nhẫn. Theo ba thừa, năm nhẫn: phục, tín, thuận, vô sanh, tịch diệt. Ba hiền đạt phục nhẫn; địa năm đạt tín nhẫn; địa sáu đạt thuận nhẫn; địa tám đạt vô sanh nhẫn; địa 10 đạt tịch diệt nhẫn.

Đoạn tám phân thành sáu phần:

1) (9 hàng) nhờ nguyện lực, Bồ-tát gặp Phật, cúng dường.

2) (6 hàng) nêu ví dụ chỉ rõ pháp.

3) (2.5 hàng) pháp tu của Bồ-tát.

4) (6 hàng) Bồ-tát lãnh thọ chức vị, giáo hóa chúng sanh.

5) (4 hàng) Bồ-tát dùng định gặp Phật.

6) (44 hàng kệ) nhắc lại pháp trên. Bồ-tát này hiểu rõ pháp duyên sanh, thành tựu trí thế gian xuất thế gian.

Địa viễn hành cũng có năm phần: tên: viễn hành: tu phương tiện Ba-la-mật, từ định tam không hiện trí không tạo tác, vào đời độ sanh. Địa này chuyên tu phương tiện Ba-la-mật vào đời độ sanh bằng ba giải thoát, không ra khỏi, không chìm đắm nuôi lớn tâm bi. Biểu pháp: Thiện Tài gặp Dạ thần ở đạo tràng của Phật: hành hạnh từ thể bồ đề. Khai phu thọ hoa: cấy trí không nở hoa hạnh Phổ Hiền, làm cho cây vô minh của chúng sanh nở hoa Phổ Hiền. Bồ-tát địa bảy trọn vẹn hạnh từ

bi. Ngồi tòa sư tử báu trong lầu gác cây báu: cây báu: các hạnh, y báu; cây báu hình lầu gác: trí tùy hành. Tòa sư tử: hạnh vô quí. Thiện Tài đạt giải thoát quản đại hoan hỷ: Bồ-tát thành tựu từ bi vui vẻ độ sanh không sống trong tịnh nhiễm là giải thoát. Địa bảy là pháp bố thí, giải thoát là hạnh của địa bảy. Địa này đạt giải thoát ở trong thế gian tạo lợi ích cho chúng sanh nhưng không đắm nhiễm. Kinh dạy: Bồ-tát này viên mãn công dụng, đủ trí huệ. Địa một trọn vẹn ý nguyện bằng pháp Phật; Địa hai tâm không cấu nhiễm; Địa ba nguyện thù thắng đạt pháp sáng; Địa bốn nhập đạo; Địa năm tùy thuận thế gian; Địa sáu nhập pháp sâu xa; Địa bảy tu tất cả pháp Phật. Từ địa một đến địa bảy thành tựu trí dụng công; từ địa năm đến địa 10 thành tựu trí không dụng công. Nghĩa văn có hai ý: ý kinh, nghĩa văn. Ý kinh có 10 đoạn:

1) (24 hàng kệ) (phân thành hai phần: 1) (20 hàng) nghe pháp địa sáu, đại chúng vui vẻ cúng dường; 2) (Còn lại) thỉnh thuyết pháp địa sau).

2) (50,5 hàng) tu mười pháp hướng đến địa bảy.

3) (44.5 hàng) sự giống khác của mười địa.

4) (7.5 hàng) 10 tam muội Thiện trạch.

5) (12,5 hàng) các địa đủ ba nghiệp vượt trên nhị thừa.

6) (9,5 hàng) đoạn có, không; hành ba nghiệp, nhập diệt định nhưng không chứng đắc.

7) (11 hàng) dùng phương tiện vào đời nhưng an trụ pháp Phật.

8) (29,5 hàng) nhờ nguyện lực Bồ-tát gặp Phật, lảnh thọ chức vị.

9) (42 hàng) nhắc lại pháp trên (thiếu 1 đoạn).

Nghĩa văn đoạn hai phân thành ba phần:

1) (18 hàng) tu mười pháp hướng đến địa bảy.

2) (15 hàng) Bồ-tát vào đời độ sanh bằng 20 pháp.

3) (17,5 hàng) Bồ-tát thành mười Ba-la-mật 37 phẩm trợ đạo. Tu ba tam muội không, vô tướng, vô nguyện nhưng không bỏ chúng sanh. Nhị thừa tuy tu không nhưng đoạn hoặc riêng mình, không lợi sanh, Bồ-tát cõi tịnh tu không, đoạn hoặc, sanh về cõi tịnh nghe pháp Phật, đủ oai lực vào đời nhưng còn phân biệt tịnh nhiễm qua lại. Như việc Bồ-tát ở cõi khác đến nghe pháp rồi trở về bổn quốc trong ba thừa. Trong nhứt thừa, Bồ-tát từ mê đạt pháp là ở cõi khác. Bồ-tát đạt ngộ không phải trở về bổn quốc.Vì cõi nước và thân hình là một, hành mọi hạnh là thể ba không: Sáu địa trước thành tựu tâm xuất thế, địa bảy thành tựu từ bi độ sanh, tuy hành pháp bình đẳng của Phật nhưng thích cúng dường Phật: tôn kính pháp thân bình đẳng, hành mọi hạnh, tịch

dụng không ngại. Tuy nhập trí quán không nhưng thường tu tập phước đức: dùng trí quán không, hành mười Ba-la-mật. Tuy vượt trên ba cõi nhưng trang nghiêm ba cõi: thường vân ba cõi độ sanh. Tuy thấy không phiền não nhưng thường vì chúng sanh đoạn trừ phiền não: mười sử (như trước), 10 phược: không hổ, không thẹn, ngủ, hối, tiếc, ganh, ghét, mê ngủ, tức, che giấu. mười sử 10 phược làm duyên cho nhau (năm vị đoạn phiền phược như trước đã nói). Tuy biết các pháp như mộng huyễn như tùy tâm tạo nghiệp: dùng trí không thể tánh hóa hiện tạo nghiệp độ sanh. Tuy biết cõi nước như hư không nhưng luôn trang nghiêm cõi Phật: nghiệp không, cảnh tịch, bi trí trang nghiêm, bi trí không nương tựa, báo tướng như bóng. Tuy biết pháp thân Phật không tướng nhưng trang nghiêm thân tướng: dùng pháp thân không tướng làm thanh tịnh vọng nghiệp. Nghiệp vọng không còn, trí huệ thanh tịnh, không thuộc hữu vi như cõi Hoa Tạng. Tuy biết ba đời trong một sát na nhưng tùy thuận chúng sanh hành vô số hạnh: thể trí pháp thân không phân biệt thời gian. Vì nghiệp chúng sanh sai khác nên có kiếp số sai khác. Từ đó có sự tu tập trong một đời, ba đời, vô số kiếp. Bồ-tát dùng mười phương tiện, khởi trí huệ từ địa sáu nhập địa bảy. Địa bảy có 20 pháp: mười pháp hướng, mười pháp trụ.

- Đoạn ba phân thành bảy phần:

1) (2,5 hàng) Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt hỏi về 37 phẩm trợ đạo.

2) (10 hàng) trả lời.

3) (5,5 hàng) nhờ nguyện lực, Bồ-tát hành hai hạnh tịnh nhiễm nhưng không chấp.

4) (8,5 hàng) nêu ví dụ.

5) (6 hàng) địa bảy còn dụng công, địa tám không còn dụng công.

6) (3,5 hàng) địa bảy không gọi là có hay không có phiền não.

7) (9,5 hàng) là thầy cứu đời. Phật tử! Bồ-tát địa bảy trọn vẹn các pháp bồ đề, các địa khác cũng thế: về tướng chung, đó là công năng tịch dụng không ngại của trí căn bản, về sự tu tập có 50 bồ đề tùy hạnh hơn kém sai nhau. Trong mười địa về thể chung có năm bồ đề: không vô tướng, trí Phổ Quang minh vô y trụ; nguyện lớn phát khởi trí bi đem lại lợi ích cho chúng sanh; tâm bi tùy thuận tịnh nhiễm nhưng không tịnh nhiễm; trọn vẹn trí bi muôn hạnh nhưng không tạo tác. Bồ đề: giác (thông đạt các pháp), vô thượng (nhứt thừa không phải ba thừa). Bồ đề không vô tướng: ba thừa một thừa đều chứng đắc, nhưng hạnh nghiệp hơn kém khác nhau, thể tánh là không tướng. Trí Phổ Quang minh vô

y trụ: nhứt thừa đạt được. Trong mười trụ, trụ thứ một an trụ nơi Phật an trụ, sanh vào nhà Phật, từ trí này tu tập các hạnh, tùy thuận căn tánh hành mười Ba-la-mật. 50 bậc thứ không ngoài trí này. Vì trí này không thể tánh, không thay đổi, không thuộc vọng tình (nhị tâm đã nói ở trước). Nguyện lớn phát khởi trí bi tạo lợi ích cho chúng sanh: các pháp không tự nhiên sanh, nên từ nguyện lực phát khởi trí bi. Các pháp không do cái khác sanh, là tướng không của trí nguyện; không cùng sanh: không hòa hợp; đủ nhân: nhân nguyện khởi bi trí. Vì vậy có câu: hạt giống Phật nhờ duyên sanh khởi. Ba thừa chấp tịnh, sanh về cõi tịnh, không dùng nguyện khởi trí hành bi. Nếu vào đời thì cho là giữ hoặc độ sanh, chỉ đạt không vô tướng, không đạt trí này. Nếu có nguyện hạnh thì lại cho rằng nhiều kiếp thành Phật. Trong nhứt thừa ngay địa tám đạt trí không dụng công còn sự chấp tịnh nên phải nhờ Ba-la-mật thứ tám để nhớ đến nguyện lực xưa. Các đức Phật gia hộ để nhớ đến mười nguyện lớn của vị hồi hướng. Tâm bi tùy thuận nhiễm tịnh nhưng không nhiễm tịnh: Sáu địa trước hành sáu Ba-la-mật đạt bồ đề thế - xuất thế, địa bảy dùng bồ đề đó vào đời độ sanh, viên mãn hạnh Phổ Hiền nhưng không đắm nhiễm như hoa sen trong bùn, không tham lạc, không kiêu ngạo, Bồ-tát ba thừa không sánh bằng. Trọn vẹn trí bi muôn hạnh nhưng không tạo tác: về tướng chung, thể trí thời gian giống nhau, về tướng riêng, mười trụ... mười hồi hướng đạt một phần trí hạnh đồng thể tánh Như Lai. Sáu địa trước nuôi lớn hạnh nguyện bằng thiền, địa bảy vào đời độ sanh nhưng không nhiễm, địa tám vào đời độ sanh nhưng không thấy có chúng sanh để độ, không dụng công nhưng hiện khắp (pháp mười địa tu tập, mười địa so với các vị như trước đã nói).

Đoạn bốn phân thành bốn phần:

1) (5,5 hàng) đạt 10 tam muội.

2) (1,5 hàng) 10 tam muội hơn nhị thừa; (ở đây nói là hơn ba thừa. Nếu chỉ hơn nhị thừa thì không đúng với ý nghĩa của bộ kinh). Bồ-tát này nhập định thiện quán trạch: nhập định của cõi sắc, vô sắc, Thanh văn, Độc giác, một thừa, ba thừa. Định Thiện trạch nghĩa: phân biệt nghĩa thế xuất thế, đúng sai. Định tối thắng huệ: trí của Phật nhứt thừa. Định phân biệt nghĩa tạng: tạng tiểu thừa, đại thừa, nhứt thừa. Định như thật phân biệt nghĩa: hiểu đúng các pháp. Định thiện trụ kiên cố căn: không thoái chuyển. Định trí huệ thần thông môn: từ trí khởi thần thông. Định pháp giới nghiệp: tâm cảnh động tịnh đều là chơn như. Định Như Lai thắng lợi: trí không suy xét, tùy thuận giáo hóa chúng sanh nhưng không thấy đến đi qua lại. Định chủng chủng nghĩa tạng: thông đạt các

pháp. Định sanh tử Niết-bàn: trong Niết-bàn có sanh tử, sanh tử là Niết-bàn. Tịch dụng đều chơn, không ngã nhơn, tùy thuận lợi sanh. Phần ba, bốn như kinh.

Đoạn năm phân thành năm phần:

1) (2,5 hàng) thân ngữ ý hành hạnh không tướng.

2) (2 hàng) Giải Thoát Nguyệt hỏi.

3) (2,5 hàng) Kim Cang Tạng trả lời.

4) (2,5 hàng) nêu ví du.

5) (3 hàng) tự lực của địa này vượt ba thừa.

Đoạn sáu phân thành năm phần:

1) (2,5 hàng) không trụ không, không chứng Niết-bàn, luôn hành hạnh độ sanh.

2) (1 hàng) Giải Thoát Nguyệt hỏi.

3) (2 hàng) nhập định diệt tận nhưng không chứng.

4) (2 hàng) ba nghiệp thanh tịnh nhưng không chứng tịch diệt.

5) (2 hàng) nêu ví dụ.

Đoạn bảy như kinh. Thiên: trời của ba cõi. Long: rồng thế gian. Dạ xoa: khổ hoạt, tư sát, tiệp tật. Càn-thát-bà: thực hương, tầm hương, tìm thức ăn trong nghi lễ. A-tu-la: thuộc cõi trời, không có khoái lạc cõi trời. Ca-câu-la: bi khổ thinh, ăn rồng sống, chim cánh vàng. Khẩn-na-la: nghi thần, trên đầu có sừng, người không biết là gì. Ma-hầu-la: hung phúc hành: súc sanh, loài rồng, phi nhơn: loài quỉ. Đế thích: năng chủ; phạm vương: vua cõi thiền thứ một. (... như trong kinh).

Đoạn tám phân thành sáu phần:

1) (12 hàng) Bồ-tát gặp Phật cúng dường.

2) (5,5 hàng) ba thừa không sánh bằng.

3) (2,5 hàng) pháp tu.

4) (4,5 hàng) lãnh thọ chức vị, là thầy của chúng sanh.

5) (4,5 hàng) nhờ trí lực đạt tam muội.

6) (42 hàng kệ) nhắc lại pháp trên. Bồ-tát địa này vào đời độ sanh bằng mọi phương tiện, trí bi tác dụng nhau thêm viên mãn. Trí bất đối vạn hạnh nhi hành: trí có dụng công, thuộc ba thừa vạn hạnh bất đắc trí nhi hành: còn hạn lượng, ngăn ngại, là hạnh của trời người, ngoại đạo.

■

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 27

Địa Bất động có năm phần như trước.Tên: Bất động. Bồ-tát vào đời bằng trí không dụng công, không làm nhưng làm tất cả. Pháp tu địa này hành nguyện Ba-la-mật. Trí huệ tăng trưởng. Vì thể trí vốn thanh tịnh và được sự hỗ trợ của nguyện nên càng tự tại. Nếu thiếu nguyện, trí ấy là trí của nhị thừa. Nhờ nguyện lực nên không đình trệ. Vị này được ba sự gia hộ, và bảy lần khuyên của Phật để nhớ nguyện xưa, phát huy công dụng của trí, tùy thuận tâm bi, thành tựu trí bi không tạo tác. Địa bảy thành tựu trí vào đời còn dụng công. Vị này thành tựu trí vào đời nhưng không dụng công. Song trí vi diệu ấy vẫn chưa được tự tại nên cần tăng trưởng. Biểu pháp: Thiện Tài gặp thiện tri thức trong đạo tràng này vì địa tám tự tại, tương hợp trí chơn như không tạo tác. (Trung: Khế hợp lý trí. Đạo Tràng: lý không phân biệt trong ngoài, mình người.) Thiên tri thức tên Đại nguyện tinh tấn lực cứu hộ nhứt thiết chúng sanh, dùng nguyện lực độ thoát chúng sanh. Địa bảy từ bi hành trí nên khó thành. Vị này từ trí hành bi nên dễ thành. Thể trí rộng lớn tùy căn hiện thân như vang theo tiếng. Trí ấy tuy không suy xét, không tạo tác, nhưng hợp với tâm mong muốn của chúng sanh. Tòa sư tử Phổ hiện... tâm bi độ sanh là cung. Trí tùy thuận hiện thân là điện. Trí không tịnh nhiễm là ma ni. Tùy thuận tịnh nhiễm, không dụng công nhưng cứu hộ mọi loài là vương. Lưới phủ trên tòa: Trí tùy thuận thuyết giảng là lưới. Trí không thể tánh hiện đủ mọi pháp không dụng công là ma ni. Đó là mượn quả làm nhân khuyên chúng sanh biết quả. Giác pháp địa tám là pháp tu hành. Dạ thiên là người tu. Đại này đạt giải thoát tự tại bằng trí không dụng công. Bảy địa trước tu tập cả pháp hữu vi, vô vi. Vị nầy viên mãn cả hai pháp ấy. Địa 10 trọn vẹn mười lực, 18 pháp bất rộng. Nghĩa Văn: Nghĩa phẩm: 11 đoạn.

1) (22 hàng Kệ) nghe pháp, chư thiên vui vẻ cúng dường, khen ngợi công đức của Phật.

2) (2 hàng Kệ) thỉnh thuyết pháp địa tám.

3) (10 hàng) tu phép địa tám nhập vô sanh nhẫn.

4) (17 hàng) Bồ-tát đạt trí không dụng công.

5) (40.5 hàng) Phật bảy lần khuyên Bồ-tát.

6) (59 hàng) Bồ-tát biết rõ các pháp, tự tại độ sanh.

7) (7 hàng) Đạt mười pháp tự tại không lỗi lầm.

8) (6.5 hàng) đủ 10 tên.

9) (10.5 hàng) Vào cảnh giới Phật, được Phật ủng hộ, phạm Vương.

Đế Thích, Tứ Thiên Vương hầu hạ, hàng phục ma quân.

10) (32.5 hàng) sự hiểu biết và thọ chức của Bồ-tát.

11) (44 hàng Kệ) nhắc lại pháp trên. Nghĩa Văn: hiểu rõ tánh các pháp là rỗng lặng, đạt vô thanh nhẫn (bảy địa trược đạt thuận nhẫn).

Đoạn bốn phân thành bốn phần:

1) (5.5 hàng) Bồ-tát đoạn vọng tưởng, luôn tịnh tịnh, định nhị thừa không sánh được;

2) (8 hàng) bảy địa trước chưa đạt trí không dụng công;

3) (2 hàng) dụ lên cõi phạm thiên không còn phiền não cõi dục;

4) (1.5 hàng) Tâm Bồ-tát, Phật, Bồ Đề, Niết-bàn chưa hiển hiện. Thinh Văn, bích chi Phật không sanh được vì hàng nhị thừa chán có chứng không. Bồ-tát này trọn vẹn hai hạnh có không, tự tại không dụng công, không tranh luận, luôn tịch diệt. Địa năm trọn vẹn hai hạnh có không, địa sáu thành tựu trí ba không; địa bảy viên mãn hạnh từ bi, địa tám đạt trí không dụng công, tự tại độ sanh. Như Tỳ kheo đạt thần thông tự tại: đạt định vượt khỏi ba cõi, không phân biệt từ định vi diệu hiện sáu thông. Tên sáu thông này tuy giống với sáu thông Bồ-tát cõi định ở phương khác. Bồ-tát nhứt thừa biết mọi cảnh giới từ một lỗ chân lông. ba thừa chứng lậu tận thông thường. Bồ-tát nhứt thừa đoạn dục, không chứng lậu tận thông. Sáu thông của ba thừa còn hạn chế, mười thông của nhứt thừa là vô hạn (rõ như phẩm mười thông). Kinh Tịnh Danh chép: Tuy hành sáu thông nhưng không đoạn lậu hoặc vì trí tự tại. Thần thông ba thừa còn đến đi như câu: muốn trở về bổn quốc. Thần thông của nhứt thừa thuộc lý trí cũng khắp các cõi, tùy vật ứng hiện không đến đi qua lại. Bồ-tát này không chứng lậu tận thông vì sống trong cảnh giới trí không thấy hoặc hay không lậu hoặc, không lấy bỏ, tự tại như pháp giới, hành mọi hạnh. Ba thừa còn chán thích lấy bỏ. Bảy địa trước còn tu học như người chưa tỉnh mộng. Địa tám như người tỉnh mộng nên tất cả đều không, tự tại với trí. Đoạn năm phân thành 12 phần:

1) Phật tử... pháp nhẫn: các đức Phật xuất hiện, khuyên tu 18 pháp

bất rộng của Phật.

2) Thiện nam tử... chúng sanh: các đức Phật khen ngợi sự đạt pháp vô sanh nhẫn thộ độ chúng sanh của Bồ-tát.

3) (2 hàng) các đức Phật khuyên Bồ-tát nhớ lại bổn nguyện độ sanh.

4) (2,5 hàng) các đức Phật khuyên Bồ-tát an trụ nơi pháp tánh.

5) (2,5 hàng) Phật khuyên Bồ-tát tu tập phước huệ, thuyết giảng các pháp.

6) (3,5 hàng) Phật khuyên Bồ-tát tu vô số pháp.

7) (1,5 hàng) Phật khuyên Bồ-tát thông đạt các pháp. 22,5 hàng kệ trước đủ 3 pháp gia hộ và 7 lần khuyên (như trước).

8) (2 hàng) Phật gia hộ để Bồ-tát hành vô số hạnh.

9) (7 hàng) đạt trí vi diệu.

10) (5 hàng) thành tựu vô số hạnh của thân ngữ ý.

11) (3 hàng) Dụ vượt biển bằng thuyền lớn.

12) (4 hàng) vượt biển bằng thuyền lớn không dụng công. Trang năm vị, vị nào cũng được sư gia hộ và khuyên nhủ của Phật. Ở đây, Phật khuyên Bồ-tát tu tập, thành tưu trí không dụng công, lãnh thọ pháp Phật. Như ở đời vua hiền, rồng phượng xuất hiện. Bồ-tát này đủ trí không dụng công nên cảm ứng đến các đức Phật. Thiện nam tử! Nhẫn này thuận pháp Phật: nhẫn này là tánh trí của các đức Phật. Thiện nam tử! Ta đủ mười lực, bốn vô úy, ông chưa đạt 18 pháp bất rộng. Khuyên Bồ-tát tiến tu đạt trí Như Lai không chấp. (18 pháp bất rộng, bốn vô úy... như trước). Ca la phần: mỗi sợi lông trên người là một phần trong trăm phần hoặc là một phần trong 16 phần. Ở Ấn, 16 phần là một thăng. Vì thế trí của các vị trước không sánh được một phần nhỏ nơi thế của vị này. Ưu ba ni sa đà phần: ưu ba: cận; sa đà: đối. Sự lợi sanh của địa này thì các địa trước không sánh được một phần nhỏ về thể tánh, giáo pháp các vị là một, nhưng về sự tu tập phải có thứ tự để kẻ hậu học biết được hướng đi. Đoạn sáu phân thành tám phần.

1) (4 hàng) dùng trí vi diệu quán sát nhân của sự thành hoại thế-gian.

2) (2 hàng) tướng của bốn đại.

3) (7 hàng) tướng sai khác.

4) (2,5 hàng) tướng thành hoại của ba cõi.

5) (7,5 hàng) quán sự sai khác của chúng sanh, tùy thuận hiện thân.

6) (12 hàng) hiện thân độ sanh.

7) (10,5 hàng) tự tại đem lại lợi ích cho chúng sanh.

8) (12,5 hàng) thân tướng sai khác.

Sở hành cảnh: trí sai biệt. Từ trí căn bản quán tướng thế gian: quán tướng thành hoại của trời người, đều do nghiệp, không thường còn. Từ sự không phân biệt, chúng sanh thấy có thọ, yểu, nhanh, chậm. Tất cả đều không thật. Tướng của đất: tướng nhỏ: một hạt bụi; tướng lớn: cũng là một hạt bụi. Vì hạt bụi không thể tánh nên lớn nhỏ là một, như trong một lỗ chân lông có đủ vô số cảnh giới. Tướng của nước, gió, lửa: theo luận Câu Xá: về khí thế gian, phong luân ở dưới cùng, rộng lớn không thể đo lường được. Bề dày bằng 16 ức do tuần, trên phong luân là thủy luân dày bằng 11 ức hai vạn ba ngàn bốn trăm năm mươi do tuần, nước kết thành kim loại. Trên đó là nơi ở. Kinh Lăng Già chép: huân tập vọng tưởng sanh trong cõi nước, thấy biết vọng tưởng sanh trong cõi lửa, đoạn trừ vọng tưởng sanh trong cõi đất, chạy theo vọng tuổng sanh trong cõi gió. Đoạn ái không bị nạn nước, đoạn chấp không bị nạn lửa, đoạn phân biệt không bị nạn gió. Cõi thiền thứ hai không bị nạn nước... như trước. Bồ-tát biết rõ tất cả. Trong mỗi đại có bao nhiêu vi trần? Người đời dùng lân hư trần... để đo lường. Bồ-tát này dùng mắt trí để đo nên biết tướng lớn nhỏ thành hoại của cõi nước. Bốn chúng Bà-la-môn... như trước. Bồ-tát biết thân chúng sanh là biết thân nghiệp báo. Thân cõi nước. Thân chúng sanh là cõi nước. Thân người là cõi nước của vô số vi trùng. Thân tập nghiệp: thân do nghiệp tạo. Thân phiền não: thân chúng sanh trong ba cõi. Sắc thân: chúng sanh cõi sắc. Thân Như Lai đủ mười thân bồ đề: Nguyện thân: thân do nguyện lực; Hóa thân: thân tùy thuận chúng sanh; Lực thân: thân của mười lực; Tướng hảo thân: thân do phước đức; Oai thế thân: thân hàng phục kẻ ngạo mang; Ý sanh thân: thân tùy sự mong muốn của chúng sanh; Trí thân: thân biết các pháp; Tri trí thân: hiểu rõ trí mình người. Thiện tư lượng tướng: biết bằng trí, không tình thức. Như thật quyết trạch tướng: từ trí căn bản khởi trí sai biệt. Quả hành sở nhiếp tướng: từ trí căn bản hành hạnh Phổ Hiền. Thế gian xuất thế gian sai biệt tướng. Hiển hiện trí chơn tục. Tam thừa sai biết tướng: nhị thừa thích tịnh tịch, Bồ-tát sanh về cõi tịnh, Bồ-tát giữ hoặc độ sanh. Cộng tướng: tướng không sanh của ba thừa. Bất cộng tướng: đủ hay không đủ từ bi. Cộng tướng: trí Như Lai mà phàm Thánh đều có. Bất cộng tướng: mê ngộ. Xuất ly tướng: Ba thừa. Phi xuất ly tướng: phàm phu. Nhứt thừa không thuộc hai tướng trên. Hữu học tướng: Bồ-tát từ địa bảy trở về trước. Vô học tướng: Bồ-tát địa tám trở về sau. Pháp thân bình đẳng tướng: các pháp không tự tánh. Bất

hoại tướng: cảnh giới của trí. Tùy thời tùy tục giả danh sai biệt tướng: hóa thân tùy sở thích chúng sanh. Chúng sanh phi chúng sanh pháp sai biệt tướng:hữu tình, vô tình. Phật pháp tăng sai biệt tướng: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ-tát cõi tịnh, Bồ-tát nhứt thừa, tướng Phật tùy khả năng chúng sanh. Xứ không thân vô lượng tướng: từ pháp thân khởi trí hành mọi hạnh. Chu biến tướng: pháp thân, trí thân, hạnh, sắc tướng. Vô hình vô dị tướng: cùng thể tánh. Vô biến tướng: pháp thân trí thân vượt trên sự hiểu biết của vọng tình. Hiển hiện sắc thân tướng: sắc thân không thể tánh, tự tại hiện khởi bằng trí không nương tựa. Tất cả đều là công dụng tự tại của trí Bồ-tát.

Đoạn bảy phân thành ba phần:

1) (2,5 hàng) Bồ-tát thành tựu trí thân, đạt mười pháp tự tại;

2) (1,5 hàng) đạt bốn trí tự tại;

3) (6,5 hàng) Bồ-tát tu tập pháp Phật bằng sự thanh tịnh của ba ngjiệp tùy trí Bát-nhã. Mạng tự tại: tự tại vào sanh tử bằng trí không sanh diệt. Tâm tự tại: làm mọi việc bằng trí không vọng niệm. Đoạn tám như Kinh Nhứt thiết chủng: trí tu tập gia hạnh. Trí căn bản không dụng công và trí dụng công là một. Trí hiện tiền: trí tự tại hiển hiện. Từ câu Bồ-tát này... trí không dụng công: làm mọi việc mhưng không lỗi lầm vì trí không phân biết chủ thể đối tượng. Đoạn chín như Kinh Đồng chơn địa: thế gian không lường biết được. Bảy địa trước có tu hành có giáo hóa, thuộc trí thế gian. Địa tám hiện trí không dụng công là trí nhập chơn như của kẻ sơ học. Vì sanh địa: không lỗi lầm, đoạn trừ giác quán bằng không giác quán, sanh trong trí không dụng công. Đoạn 10 phân thành hai phần:

1) (5, 5 hàng) Bồ-tát nhập cảnh giới Phật, cảm động chư thiên.

2) (5 hàng) nhập trí không dụng công của nhứt thừa, đạt thần thông tự tại. Thường được Như Lai ủng hộ. Chư Phật luôn hộ niệm chúng sanh. Hộ niệm có ba: hộ niệm chúng sanh cõi khổ chưa phát tâm, hộ niệm chúng sanh đang phát tâm tu học, hộ niệm Bồ-tát đạt trí không dụng công để Bồ-tát tự tại. Đế Thích Phạm Vương hầu hạ có ba ý: hộ vệ chúng sanh, hộ vệ người phát tâm, hộ vệ bậc đạt trí không dụng công và Phật. Hộ vệ có hai cánh: từ bi che chở, tôn kính. Mỗi thân đủ vô số thần thông: Bảy địa trước chưa đủ thần thông, vị này đủ thần thông tự tại. Thần thông của bảy địa trước có từ nguyện. Thần thông vị này có từ trí không tạo tác. Không tu tập. Không tạo tác nên phóng ánh sáng: đoạn trừ hoặc chướng sáng suốt, tự tại. Nhập pháp giới vô ngại: không chấp, tùy trí không chướng ngại. Đoạn 11 phân thành bốn phần:

1) (13,5 hàng) việc gặp Phật của Bồ-tát và dự luyện vàng.

2) (6,5 hàng) Bồ-tát phóng ánh sáng hành mọi hạnh, tăng trưởng nguyện Ba-la-mật.

3) (7 hàng) Bồ-tát lãnh thọ chức vị, hành các pháp Ba-la-mật đều vì Tam bảo.

4) (5,5 hàng) Bồ-tát dùng trí không dụng công tinh tấn tu tập định nguyện, hiện vô số Bồ-tát bạn. Đoạn 12 như Kinh.

Địa Thiện Huệ cũng có năm phần. Tên: Thiện Huệ: hạnh nguyện của vị này như trụ thứ chín. Các vị thứ chín đều là pháp sư, biết rõ các pháp. Bồ-tát này chyên tu lực Ba-la-mật. Biểu pháp: Thiện Tài gặp thần Diệu Đức viên mãn trong rừng Lâm tỳ ni cõi Diêm Phù đề. Bồ-tát thuyết giảng vô số giáo pháp bằng trí vi diệu như rừng che mát. Vườn rừng: trí hiểu biết không ngăn ngại. Lâm tỳ ni: lưu di ni: lạc thắng viên quang: trí huệ pháp lạc của vị này thanh tịnh, sáng suốt. Dùng trí trừ phiền não đạt pháp lạc Diệu Đức viên mãn: trí viên mãn của pháp sư. Bảo thọ: hạnh của pháp sư. Lâu các: trí huệ cao siêu, chiếu soi không ngăn ngại, trang nghiêm trí huệ bằng hạnh thuyết pháp độ sanh. Bồ-tát này đạt giải thoát trí huệ viên mãn. Nghĩa Văn. Nghĩa phẩm: Bảy đoạn:

1) (26 hành kệ) nghe pháp địa 8 đại chúng vui vẻ cúng dường khen ngợi thỉnh thuyết pháp địa chín.

2) (62,5 hàng) tu pháp địa chín hướng tâm chánh trụ, biết mọi pháp.

3) (36,5 hàng) Bồ-tát dùng bốn trí vô ngại thuyết giảng giáo pháp.

4) (28,5 hàng) Bồ-tát đạt vô số pháp tổng trì tự tại.

5) (16,5 hàng) Bồ-tát dùng một ngôn ngữ thuyết giảng vô số pháp vui lòng chúng sanh.

6) (29,5 hàng) Bồ-tát gặp Phật, cúng dường, lãnh thọ chức vị.

7) (48 hàng kệ) nhắc lại pháp trên. Nghĩa Văn. Đoạn một phân thành hai phần:

1) (25 hàng kệ) đại chúng nghe pháp vui vẻ cúng dường.

2) (còn lại) thỉnh thuyết pháp địa chín.

Đoạn hai phân thành 14 phần:

1) (6,5 hàng) hướng nhập địa chín.

2) (4 hàng) Bồ-tát địa chín biết mười pháp của chúng sanh.

3) (3 hàng) Bồ-tát biết 11 rừng phiền não của chúng sanh.

4) (4 hàng) Bồ-tát biết mười tướng sai khác.

5) (4,5 hàng) Bồ-tát biết rõ tám vạn bốn ngàn phiề não.
6) (5 hàng) biết tướng của các nghiệp.
7) (4,5 hàng) tướng sai khác của chúng sanh.
8) (1,5 hàng) Biết pháp giải thoát.
9) (6 hàng) tướng tùy miên của chúng sanh.
10) (5 hàng) biết tướng thọ sanh.
11) (5 hàng) biết tập nhiễm.
12) (4 hàng) biết đúng sai.
13) (2 hàng) biết tất cả pháp.
14) (4,5 hàng) Độ sang bằng 4 thừa.

Phần một: đại tám nhập lý trí khôn dụng công, hướng đến chứng nhập mười lực vô úy không dụng công của Phật. Tu tập trí Như Lai: địa tám; chín chưa đạt công dụng tự tại của Phật. Nhập pháp bí mật của Như Lai: không suy xét, tu tập nhưng không chấp, ứng hợp tất cả. Quán sát tánh của trí vi diệu: thể của trí căn bản sáng suốt, vốn không nương dừng, tùy chúng sanh hiện công dụng. Thanh tịnh các định: trí không nương tựa tùy vật hiện công dụng. Đủ thần thông trí hợp căn tánh: Thần; không đi lại nhưng hiện khắp mười phương: thông. Trí tánh đủ công dụng nhưng không hình tướng là thần. Tánh không nhưng biết tất cả là thông. Đủ trí nhưng không sanh tử là thần. Pháp giới dung nhiếp một nhiều là thông. Bồ-tát biết pháp thiện bất thiện vô ký: biết hạnh nghiệp của chúng sanh. Pháp thiện có 13. Pháp bất thiện có bốn, vô ký có hai: năm thức và thức tám trong tám thức thuộc vô phú vô ký, thức sáu, bảy thuộc hữu phú vô ký: oai nghi, công xảo, biến hóa, dị thực. Như việc có oai nghi không oai nghi, khéo léo không khéo léo của đời thường đều do có hay không có chánh niệm. Biến hóa cũng thế. Đời này tạo nghiệp, thọ quả đời sau là dị thục. Bốn vô ký này thuộc pháp xuất thế. Pháp hữu lậu vô lậu: ba cõi là hữu lậu. Pháp vượt ba cõi là vô lậu. Pháp vượt ba cõi của ba thừa là hữu lậu, Trí sáng của Phật thừa là vô lậu. Pháp thế xuất thế: Ba thừa là pháp xuất thế. Phàm phu là pháp thế gian. Nhứt thừa không thuộc thế xuất thế. Vì tùy thuận thế gian nhưng đủ hạnh Phổ Hiền. Pháp suy lường được và pháp không suy lường được. Ba cõi là pháp suy lường được. Ba thừa cũng thế. Cảnh giới nhứt thừa là pháp không suy lường được, tịch dụng tự tại. Pháp định bất định: thiền của hai cõi trên không phải là định chơn thật vì có sanh diệt. Định tịch diệt của ba thừa cũng vậy vì có lấy bỏ. Thiền của pháp giới nhứt thừa tịch dụng tự tại. Pháp phàm phu là pháp bất định. Các đức Phật là pháp định. Phàm, Thánh đều không tánh pháp định, không

nương tựa. Pháp Thanh Văn, Độc Giác: ghét khổ và nhân của khổ, tu đạo và Niết-bàn, hiểu pháp duyên sanh, nhập tánh không sanh, đoạn bi trí, vượt kỏi sự trói buộc của thế gian. Pháp hạnh của Bồ-tát: hành sáu Ba-la-mật, giữ hoặc độ sanh hay sanh về cõi tịnh. Pháp hạnh của Như Lai: trí căn bản mà tất cả chúng sanh đều đủ. Pháp hữu vi: trời người ba cõi, ba thừa, bậc đạt vô lậu đều là hữu vi, đủ tịnh uế. Pháp vô vi: trí Như Lai. Bồ-tát biết tâm chúng sanh: tất cả phiền não đều do tâm sinh, không tâm thì không phiền não. Trí lớn như rừng che chở chúng sanh. Rừng rậm phiền não: không hiểu tánh duyên sanh của pháp giới nên tạo vô số phiền não. Khi đạt trí, tất cả phiền não đều thành rừng công đức. Phiền não tùy miên: dục, sân, giận, ái, mạn, vô minh, nghi, thuộc kiến đạo. Bảy phiền não này luôn che lấp tâm trí. Rừng thọ sanh: Một sát na sống chết tám trăm lần. Rừng tập nhiễm: mười trụ... mười địa đạt một phần trí sanh trong nhà Phật, đoạn trừ phiền não thô của ba cõi. mười địa dần đoạn chủng tử nhiễm ô. (mười địa quán pháp đoạn phiền não như trước). Tam trụ sai biệt: tất cả phiền não của ba căn bất thiện. Tạp khởi tướng: cảnh giới của tâm; tốc chuyển tướng: sanh diệt vô thường; Bất hoại tướng: thế gian vô thường là tướng hoại, không có tướng thành thì không có tướng hoại. Đó là tướng bình đẳng của thế gian xuất thế gian. Vô hình chất tướng: tướng không của các pháp. Vô biên tế tướng: vọng tưởng không giới hạn. Cữu viễn tùy hành tướng: phiền não không đầu cuối, luôn chạy theo vô minh. Vô biên dẫn khởi tướng: 12 duyên như trước. Miên phiền não: Bảy phiền não như trước. Khởi phiền não: mười sử 10 triền. (việc đoạn phiền não của các vị như trước). Miên khởi nhứt nghĩa tướng: thể không hai. Không hiểu trí chơn thật nên tạo vô số phiền não, tất cả đều một thể. Tương ưng không tương ưng với tâm: tâm cảnh hòa hợp là tương ưng. Tùy thú thọ sanh nhi trụ tướng: thọ sanh theo phiền não. Tướng sai biệt của ba cõi: chúng sanh ba cõi chấp cảnh giới của mình. Tất cả đều do ái. Quá hoạn tướng: sự thọ sanh ba cõi đều do bốn phiền não. (mười sử 5 uẩn đan cài như trước). Hữu biểu thị tướng: có nghiệp nhân. Sanh là nhân, tâm chấp các pháp thấy nghe... tạo nghiệp, hoặc có ngoài nghiệp nhân. Vô biểu thị tướng: nghiệp của tâm. Tướng sanh khởi cùng tâm: nghiệp do tâm khởi, tâm là nghiệp. Quả của nghiệp là ảnh tượng của tâm. Tâm không, cảnh mất, nhân hoại. Thứ đệ tập quả bất thất tướng: không hiểu tự tánh nên tạo nghiệp, tuy người tạo nghiệp không nhớ nhưng quả của nghiệp không mất. Khi chánh trí hiển hiện, biến nghuệp thành công dụng của trí thì không còn quả của nghiệp. Hữu báo vô báo tướng: chúng sanh ba cõi, nhị thừa, Bồ-

tát cõi tịnh đều là tướng có báo. Quả Phật của nhứt thừa không thuộc tịnh nhiễm nên là vô báo, chỉ tùy sở thích của chúng sanh hiện thân độ thoát, như ngọc Như ý, không biết tánh mình người. Tất cả chúng sanh đều đủ tâm ấy. Với người hiểu biết, các pháp vốn vậy, không đến đi. Thọ quả của hắc nghiệp: từ vô minh tạo vô số nghiệp ác, trí tạo nghiệp là bạch nghiệp, thức tạo nghiệp là hắc nghiệp. Như tướng rộng lớn của ruộng: nghiệp nhiều như cỏ lúa trong ruộng.Phàm Thánh sai biệt tướng: Bốn Thánh, sáu phàm. Thừa phi thừa, định bất định: tướng ngoại đạo, ba thừa, xuất thế phi xuất thế. Thượng trung hạ tướng: tướng sai biệt ba đời của chúng sanh. Phiền não câu sanh...như trướp. Tùy căn võng kh-inh chuyển hoại tướng: tùy khả năng thuyết giáo; tùy phiền não chỉ dạy. Tăng thượng vô năng hoại tướng: thượng căn không thoái chuyển. Viễn tùy cộng sanh bất đồng tướng chúng sanh đều cùng một tánh nhưng vì căn sai biệt nên tánh sai khác.

■

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 28

Bồ-tát biết rõ tám vạn bốn ngàn văn tánh sai khác. Với kẻ mê có tám vạn bốn ngàn phiền não, với người ngộ đó là tám vạn bốn ngàn trí giải thoát. Tùy miên luôn sống trong tạp nhiễm vẫn không hay biết: tướng sinh cùng tâm nhiễm: tâm hòa hợp danh sắc. Vì không hiểu danh sắc do tâm sanh, chấp danh sắc là ngọai duyên. Tướng hòa hợp không hòa hợp tâm: tâm hòa hợp cảnh hay không của chúng sanh. Tướng tùy phiền não: Năm uẩn luôn chạy theo 12 duyên. Tướng trái với định: tâm cảnh vốn không tánh không thay đổi là thiền. Đoạn tâm không ràng buộc là giải thoát. Tùy miên phiền não luôn trái với định huệ. Tướng tâm liên tục: do tùy miên tạo nghiệp nơi ba cõi. Kiên thật nan trị tướng: vô minh chấp trước, không thấy trí căn bản. Thành tựu bất thành tựu tướng: trướng thành không thành của mười pháp. Dĩ Thánh đạo bạt xuất tướng: dùng Thánh pháp đoạn phiền não tùy miên. tùy nghiệp thọ sanh tướng: 13 tướng. Lục thú sai biệt tướng: trời, người, chín tu la, súc sanh, nghạ quỹ, địa ngục hữu sắc vô sắc sai biệt tướng: ba cõi. Hữu tưởng vô tưởng tướng: hữu tưởng: tướng cõi dục và sắc, vô tưởng: tướng cõi vô sắc. Nghiệp là ruộng, ái là nước tưới, vô minh che lấp, thức là hạt giống sanh khởi cùng danh sắc. Vì không hiểu biết nên mãi luôn hồi trong sanh tử. Si ái hy cầu tương tục hữu tướng không thấy trí không tánh không sanh của tâm, luôn mong muốn tìm cầu (12 duyên sanh diệt như trước) chúng sanh tham dục lạc kẻ xuất thế cầu thân sanh tử biến hóa ngòai ba cõi. Chỉ có Bồ-tát nhứt thừa mới biết được trong một hạt bụi đủ vô số thanh. Tùy thứ huân tập tướng: tướng nơi sáu đường, không chấp cảnh nhưng tùy thuận chúng sanh. Huân tập tướng: đắm nhiễm nghiệp của người khác. Tùy nghiệp phiền não huân tập tướng: tự khởi nghiệp. Tùy nhập hậu hữu huân tập tướng: chủng tử tạo thân sau. Thứ đệ huân tập tướng: nghiệp ba cõi và hạnh năm vị. Viễn hành bất xả huân tập tướng: trụ thứ bảy và địa bảy. Thật phi thật huân tập tướng: gần gũi nhị thừa, Bồ-tát, Như Lai, thành tựu trí căn bản, viên mãn pháp giới, đủ

hạnh Phổ Hiền. Chánh tà kiến định: có chánh kiến là có chánh định. Chánh kiến: không suy xét, trí hiển hiện không chấp đúng sai, không định loạn không chứng đắc, không sanh diệt. Tâm hợp lý ấy là chánh định, ngược lại là tà định. Nhị câu bất định: chúng sanh cõi dục chưa tu định ngũ nghịch tà định tướng: vô minh tham ái... các kiết sử trong giáo pháp nhị thừa. Vô minh là cha, tham ái là mẹ, hiểu rõ cảnh thức là Phật các kiết sử là la hán. Các ấm là tăng... tuần tự đoạn trừ tất cả. Ngũ căn chánh định tướng: tính, tấn, niệm, huệ. Tu tập năm căn là chánh định. Nhị câu bất định tướng tánh của chánh tà đề không. Bát tà định hướng : tám pháp ngược với tám Thánh đạo, thuộc hai thức sáu, bảy. Từ trí hành mọi hạnh là chánh địa. Chánh tánh chánh định tướng: chánh tánh: các pháp không suy sét phân biệt, không hình tướng. Chánh tánh là chánh định. Cách bất tác nhị câu ly bất định tướng: không chấp tánh tà, không định loạn, đạt chơn như. Thân trước tà pháp tà định: chúng sanh chấp tướng tham nhập định. Hành Thánh đạo chánh định tướng: tu các pháp không,vô tướng vô tánh, vô tác, tâm không phân biệt sanh diệt. Tu bốn Thánh đế là Thánh đạo. Tu tám thiền, nhập chín đệ định là chánh định. Chín thứ đệ định: diệt định (có bốn thanh vân: quáng bốn đế, diệt phiền não hiền lành và trí. Duyên giác: quáng 12 duyên, diệt phiền não hiện hành và trí. Bồ-tát quyền giáo: quáng 12 duyên, bốn đế, hiểu rõ khổ, không, vô thường,không ngã, nhơn, chúng sanh, thọ. Tánh tướng tịch tịnh không ràng buột, hành sáu Ba-la-mật, sanh vô cõi tịnh, hoặc tùy ý vào cõi ta bà, giữ hoặc độ sanh. Tất cả chỉ đoạn diệt về lý, chưa đạt dụng tự tại của pháp giới; Bồ-tát nhất thừa: nương trí như lai phát tâm, hiểu rõ vô minh căn bản chính là trí Phật. Từ thể tứ tiến tu từ một thân làm thanh tịnh nhiều thân và ngược lại, dùng thân giống làm thanh tịnh thân khác và ngược lại, hoặc thanh tịnh của hai, tự tại ngại như pháp giới. Ở ba thừa, Bồ-tát nương lý không tánh, thể không của pháp tu tập mười địa. Đoạn ba phân thành ba phần:

1) (2,5 hàng) từ trí thiện xảo phát khởi bốn trí vô ngại.

2) (2 hàng) tên bốn trí vô ngại.

3) (31,5 hàng) bốn trí vô ngại đủ vô số công dụng. Trí dụng của vị pháp sư: khéo giữ gìn tạng pháp Như Lai, biết rõ pháp ba thừa một thừa, nhân nghĩa lễ trí tín. Ba tạng: giới định huệ. Dùng ngôn ngữ vì thế tướng thành đạo của Như Lai đều là hạnh của Bồ-tát (công dụng bốn trí vô ngại như trước). Đoạn bốn phân thành năm phần:

1) (6,5 hàng) từ bốn trí cô ngại, Bồ-tát đạt vô số pháp đa-la-ni.

2) (3,5 hàng) nghe pháp hiểu rõ diễn giảng cho chúng sanh.

3) (2 hàng) pháp của vị này đạt thì hàng Thanh Văn dù trải qua trăm ngàn kiếp vẫn không lĩnh hội được.

4) (3,5 hàng) Bồ-tát thuyết pháp hợp tâm chúng sanh.

5) (13 hàng) từ một âm thanh, chúng sanh tùy khả năng thông hiểu, loài vô thức cũng vang tiếng pháp. Pháp vi diệu của Như Lai: đạt pháp mà Phật thuyết giảng bằng trí. Nghĩa Đà-la-ni: sự giống khác chung riêng. Pháp đà-la-ni: tánh pháp thân không tạo tác.

Trí Đà-la-ni: hiểu rõ căn tánh chúng sanh, tùy khả năng giảng pháp. Quang chiếu Đà-la-ni: phóng ánh sáng thuyết giảng để chúng sanh giải thoát. Thiện huệ Đà-la-ni: trí vi diệu. Chúng tài Đà-la-ni pháp Phật và của thế gian. Oai đức Đà-la-ni: đủ ba ngàn oai nghi tám vạn tế hạnh, thấy được vị này chúng sanh đều giải thoát. Vô ngại môn Đà-la-ni: bốn vô ngại. Vô biên tế Đà-la-ni: hạnh lợi sanh không cùng. Chủng chủng Đà-la-ni: an lập các pháp, trăm vạn bốn tăng kỳ thiện xảo, trăm vạn trí vi diệu xứng hợp căn tánh chúng sanh. Đoạn năm phân tích thành hai phần:

1) (10,5 hàng) Bồ-tát cùng lúc trả lời tất cả câu hỏi của chúng sanh trong vô số cõi nước. Chúng sanh vui vẻ.

2) (6 hàng) Bồ-tát lĩnh hội tất cả pháp Phật.

Đoạn sáu phân thành năm phần:

1) (8 hàng) việc gặp Phật cúng dường của Bồ-tát và dụ châu báu đính trên vương miện của vua nước lớn, vua nước nhỏ không bằng.

2) (6 hàng) Bồ-tát các địa trước và nhị thừa không sánh được Bồ-tát này, việc tu tập lực Ba-la-mật.

3) (2 hàng) tạm nêu công đức của Bồ-tát này.

4) (7 hàng) Bồ-tát thọ chức độ sanh.

5) (5,5 hàng) Bồ-tát có vô số Bồ-tát bạn nhờ sự tu tập bằng nguyên lực.

Đoạn bảy như Kinh: Nhứt thiết trí trí chi y chỉ: nơi nương tựa của người tu trí chơn tục. Địa sáu hiểu hai trí chơn tục, địa bảy lợi sanh, hai địa tám, chín tự tại độ sanh, địa 10 trọn vẹn lực Phật. Như Lai vô thượng lưỡng túc tôn: viên mãn hai trí chơn tục, là nơi nương tựa của hai trí.

Địa pháp Vân: có năm phần. Tên: Bồ-tát đạt vị pháp vương, viên mãn trí hạnh, vào sanh tử bằng tâm bi, thuyết pháp độ sanh, dạy chúng sanh phát tâm bồ đề. Vị này chuyên tu trí Ba-la-mật. Biểu pháp: Thiện Tài gặp thần vô ưu Đức và một vạn thần ở giảng đường Phổ Hiện Phép giới quang minh: Bồ-tát trọn vẹn bi trí. Đưa vào giảng đường: gặp cô Cù Ba đang ngồi ở tòa sư tử liên hoa với tám vạn bốn ngàn thổ nữ hầu

hạ: quả của hai trí. Tám vạn bốn ngàn thể nữ: hạnh độ sanh của Bồ-tát. Cù Ba: thủ hộ, Bồ-tát trọn vẹn nguyện lực trí bi, luôn cách hộ chúng sanh. Thần Vô Ưu Đức: Trí bi viên mãn. Một vạn thần: hạn độ sanh của trí bi. Thần cai quản cung điện. Từ bi là cung, trí huệ là điện. Dùng trí bi giác ngộ chúng sanh. Câu nói của Cù Ba như trước. Đó là mượn việc thế gian, biểu hiện pháp Phật. Các thể nữ đều thuộc dòng hoàng tộc: bi có từ trí. Trí là vua tự tại trong sanh tử (trí bi trong các vị như trước) Bồ-tát này đạt trí bi viễn mãn tự tại của pháp giới ngay trong ba cõi mười phương, lãnh thọ chức vị giáo hóa chúng sanh như việc Thiện Tài vào giãng đường của cô Cù Ba. Nghĩa Văn: nghĩa phẩm: 16 đoạn

1) (28 hàng) chư thiên cõi Tịnh cư nghe pháp cúng dường, gặp Phật. Trời Tịnh cư là chúng Bồ-tát địa chín và cõi thiền thứ ba, địa 10 là thiền thứ bốn (các cõi trời biểu hiện qua các địa như trước).

2) (4 hành) thỉnh thuyết pháp địa 10.

3) (6,8 hàng) Bồ-tát ngồi tòa sen, là đại pháp sư, lãnh đạo chức vị.

4) (22,5 hàng) các đức Phật mười phương phóng ánh sáng gia hộ Bồ-tát.

5) (36,5 hàng) Bồ-tát biết các tập nhiễm bằng trí.

6) (7,5 hàng) Bồ-tát đạt 10 giải thoát.

7) (45,5 hàng) Bồ-tát cùng lúc lãnh thọ giáo pháp của tất cả các đức Phật ở mười phương và thuyết giảng cho chúng sanh.

8) (35 hàng) Bồ-tát thông đạt tất cả tướng lớn nhỏ...

9) (18,5 hàng) Đại chúng hoài nghi, Bồ-tát kim cang Tạng nhập định hiện thân thông trừ nghi.

10) (27 hàng) Trí tuệ nguyện lực của Bồ-tát này các Bồ-tát địa trước không sánh được.

11) (35,5 hàng) Bồ-tát đủ ba nghiệp thanh tịnh như Phật, đủ định Bồ-tát, phụng sư các đức Phật.

12) (42,5 hàng) 10 núi biểu hiện mười trí.

13) (14 hàng) mười đức của biển biểu hiện sự thăng tiến của mười địa.

14) (20,5 hàng) mười sự quí báo của ngọc ma ni biểu hiện sự cao cả của mười địa.

15) (22,5 hàng) tiếng của động trời đất, các Bồ-tát Kim Cang ở mười phương đến chứng minh.

16) (83 hàng kệ) nhắc lại pháp trên.

Nghĩa văn: Đoạn ba phân thành mười phần:

1) (7 hàng) Bồ-tát trọn vẹn phước trí, nhập hạnh độ sanh của Phật.

2) (8,5 hàng) Bồ-tát đạt định.

3) (7,5 hàng)với phước đức của định, hoa sen suất hiện.

4) (3 hàng) các Bồ-tát an tọa trên tòa sen.

5) (5 hàng) Bồ-tát an tọa, vô số vật cúng xuất hiện.

6) (24,5 hàng)Bồ-tát phóng ánh sáng thuyết pháp cúng Phật.

7) (2,5 hàng) ánh sáng xoay quanh mười phương nhập vào bàn chân Phật.

8) (2 hàng) các đức Phật và Bồ-tát mười phương đều biết việt này.

9) (2,5 hàng) Bồ-tát chính địa cung kính đạt lợi ích.

10) (5,5 hàng) Bồ-tát mười phương đều thọ chức, phóng sanh chiếu soi, tăng trưởng oai lực. Phần một. Bồ-tát chín địa tu tập pháp bạch tịnh, trợ đạo, quán sát các pháp, tu tập phước đức trí huệ, từ bi, thành tựu bi trí của địa 10 (trí bi phối hợp với năm vị như trước). Phần hai. Định ly cấu: chánh định đoạn trừ cấu nhiễm phân biệt phiền não Niết-bàn... khác với định của nhị thừa và Bồ-tát quyền giáo. Vì dùng trí không tạo tác ấn định các cõi, biến các cõi đều là cảnh trí, không phân biệt chủ khách nhiễm tịnh. (Tam muội như trước đã nói). Định nhập pháp giới sai biệt: từ trí không dụng công phát khởi trí sai biệt tự tại độ sanh.Vì dụng không ngoài thể, không ngoài trí căn bản. Định trang nghiêm đạo tràng dùng báu và hạnh nguyện trang nghiêm cõi Phật. Định nhứt thiết chủng hoa quang: phóng ánh sáng soi chiếu tất cả chúng sanh.Định hải tạng: dung nhiếp các pháp như biểu đủ mười đức. Định Hải ấn: dùng ấn trí ấn định tánh thanh tịnh vô cấu viên mãn, tóm thâu ba cõi. Định hư không giới: trí thể chiếu soi không giới hạn vì các pháp trống không. Định tự tánh các pháp: dùng trí quán các pháp không có tánh mình người. Định biết tâm hạnh chúng sanh dùng trí biết căn tánh, tùy khả năng độ sanh.Định các đức Phật xuất hiện thể tánh định như Phật. Bồ-tát tự tại nhập xuất định: từ một thân nhập định, xuất định ở nhiều thân... Định thọ chức thù thắng: trí bi độ sanh tự tại của Bồ-tát. Định của Bồ-tát này vược trên định của chính thừa vì biết rõ vô minh là trí, hiểu được sự dung nhiếp của Phật chúng sanh, là trí căn bản của Phật tự tát độ sanh không chấp tướng. Phần ba Hoa Sen xuất hiện: quả của trí viên mãng, mười địa là thân sau cùng (chu vi hoa sen như kinh) quả ấy có từ pháp lành xuất thế, không phải pháp của Bồ-tát cõi tịnh và hàng nhị thường. Vì Bồ-tát này biết các pháp như huyễn, do duyên

sanh, nên phóng ánh sáng chiếu soi khắp pháp giới. (Hoa sen ấy được nói ở phần trước) Kho báu: địa này phát khởi từ phước lành. Lưới báu: quả của việc thuyết pháp độ sanh. Vô số Bồ-tát bạn: sự dung nhiếp của một nhiều hạnh độ sanh. Hoa này chính là hoa xuất hiện lúc Như lai nói pháp mười tín ở điện phổ quang. Các Bồ-tát náy cũng chính là các Bồ-tát ở lần trước. Phần bốn. Bồ-tát an tọa tòa sen báu: trí căn bảng. Các Bồ-tát an tọa ở những tòa sen khác: trí sai biệt. Đó là trí bi rộng lớn của Bồ-tát. Phần năm như kinh. Phần sáu. Ánh sáng dưới chân cứu khổ địa ngục (bàn chân dùng để đi lại) ánh sáng từ đầu gối cứu khổ súc sanh (đầu gối tự do co duổi), ánh sáng từ rốn cứu khổ Diêm La Dương (địa ngục lớn không thuộc sự cai quảng của vua, là nơi đôc ác nhất, địa ngục nhỏ thuộc quyền cai quản của vua, rốn là nơi chứa nhơ, là cảnh giới sanh tử, không hiểu chơn như) ánh sáng từ hai hông cứu khổ cõi người. (Hông: nơi nâng đỡ) ánh sáng từ hai tay cứu khổ trời, tu la, ánh sáng từ hai vai cứu khổ Thanh Văn.

(Thanh Văn là người thích nghe pháp đoạn phiền não. Hai vai gần tai, nghe pháp được quả ánh sáng phóng từ gáy cứu khổ Bích chi Phật,

(không thích) nghe pháp, ngược với tri kiến Phật. Ánh sáng phóng từ kim diện là lãnh thọ giáo pháp. Ánh sáng phóng từ giữa chặng này là quả trung đạo của mười địa. Ánh sáng phóng từ đỉnh đầu là quả Phật phần 7: 10 vòng : mười pháp viên mãn. Nhập vào bàn chân Phật: dùng quả làm nhân (ánh sáng biểu hiện cho nhân quả năm vị như trước). Đoạn bốn phân thành bốn phần :

1) (12 hàng) Bồ-tát thọ chức, ánh sáng chư Phật chiếu đến đỉnh đầu Bồ-tát.

2) (6 hàng) như chuyển luân vương làm lễ quán đỉnh thọ thái tử.

3) (2 hàng) các đức Phật làm lễ quán đỉnh thọ Bồ-tát.

4) (3 hàng) đức hạnh tăng trưởng. Đó là trí đức viên mãn như Phật của mười địa.

Đoạn năm phân thành tám phần:

1) (8 hàng) Bồ-tát biết rõ tập đế.

2) (3,5 hàng) Bồ-tát biết rõ mười pháp biến hóa.

3) (2 hàng) Bồ-tát biết 10 cách giữ gìn chánh pháp.

4) (4 hàng) Bồ-tát biết mười trí vi tế của Phật.

5) (4 hàng) Bồ-tát biết mười pháp bí mật của Phật.

6) (7 hàng) Bồ-tát biết sự dung nhiếp kiếp số của Phật.

7) (6,5 hàng) Bồ-tát biết 13 trí của Phật.

8) (1,5 hàng) Bồ-tát nhập trí huệ rộng lớn của Phật.

Phần một: Bồ-tát biết tập nhiễm cõi dục: Năm uẩn là ba cõi. Chúng sanh ba cõi không hiểu bốn đế, mỗi đế có mười phiền não. Cõi dục đủ 40 phiền não, hai cõi trên trừ phiền não nên mỗi cõi chỉ có 36 phiền não. Thiền hai cõi trên thuộc hữu vi vì đều nhiếp phục hơi thở (năm uẩn phối hợp mười sử như trước) pháp giới tập: hòa hợp trí, biến tám vạn bốn ngàn phiền não thành giải thóat trí huệ. Hữu vi giới tập: phiền não ba cõi (kể cả việc đoạn phiền não đạt thân biến dịch sanh tử của ba thừa) vô vi giới tập: trí sai biệt của Như Lai. Chúng sanh hư không Niết-bàn giới tập từ nhứt thiết trí phát khởi trí sai biệt về chúng sanh, hư không, Niết-bàn. Chư kiến phiền não hạnh tập: 62 Kiến. Thế giới thành hoại tập: biết sự thành hoại của tất cả cõi nước. Thanh Văn hạnh tập: quán bốn đế, ghét khổ thích pháp lạc, tu 250 giới đoạn khổ sanh tử trống không của thế gian, nhập diệt tận định vượt khỏi ba cõi, dùng lửa tự hủy thân, đạt thân biến dịch sanh tử (nhị thừa, Bồ-tát c4i tịnh đoạn phiền não hiện hành, Bồ-tát nhứt thừa tu mười đế 12 duyên như đã nói ở trước) Bồ-tát hạnh tập: Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật sanh về cõi tịnh ,viên mãn đạo hạnh, trở lại thế giới ta bà độ sanh(việc tu 37 phẩm trợ đạo, độ sanh, chấp cõi Phật... của Bồ-tát nhứt thừa và ba thừa mười lực bốn vô úy, pháp thân, sắc thân Như Lai như trước đã nói) nhứt thiết chủng: gia hạnh của năm vị. Thành huân tập chủng: chúng sanh từ năm uẩn tạo thành nghiệp vô minh. Bồ-tát từ năm uẩn tạo thành nhứt thiết trí, thị hiện việc đạt quả bồ đề thuyết pháp: 12 phần giáo. Nhập trí quyết định phân biệt các pháp: dùng trí kim cang phân biệt các pháp xuất thế, dùng trí nhứt thiết biết tất cả chủng tử.

■

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 29

Phần hai: dùng trí vi diệu biết nghiệp chúng sanh. Chúng sanh từ phiền não tạo nghiệp thọ quả. Ngòai nghiệp không có gì khác. Phiền não hóa: từ phiền não nào sanh vào cõi nào. Chư kiến hóa: từ 62 kiến tạo thành thân phiền não. Thế giới hóa: do nghiệp tạo thành thế giới; ở trong thế giới lại tạo nghiệp. Pháp giới hóa: cảnh giới có từ trí thanh tịnh. Thanh Văn Duyên Giác hóa: từ định vô lậu và sức chánh niệm phát khởi 18 sự biến hóa. Bồ-tát hóa: từ Ba-la-mật, đại bi, trí huệ... đạt ý sanh thân, hóa vô số thân hành vô số hạnh. Như Lai hóa: từ trí không biến hóa ứng hiện hợp với tâm chúng sanh. Phân biệt vô phân biệt hóa: phân biệt pháp không phân biệt để chúng sanh tỏ ngộ.

Phần ba:10 trì pháp:

Phật trì: biết tất cả pháp mà Phật chứng đạt.

Pháp trì: biết thứ tự các pháp.

Tăng trì: biết thể dụng là một.

Nghiệp trì: biết nghiệp giống khác của chúng sanh.

Phiền não trì: biết tướng phiền não.

Thời trì: biết mọi tướng sai khác của ba đời là một...

Phần bốn: Từ trí không phân biệt không nương tựa, Như Lai biết tất cả pháp: tu hành, thọ sanh... Không trước sau. Phần năm. Thâm nhập pháp của Phật: Thân bí mật xứ: từ mỗi lỗ chân lông hiện vô số thân, cõi nước, thị hiện thành Phật, Niết-bàn... Tất cả đều từ trí sáng Như Lai, như gương sáng, hư không, tùy vật hiển hiện tác dụng, nhưng không tạo tác. Phần sáu. Biết trí nhập kiếp số của Phật. Một kiếp nhập A-tăng-kỳ kiếp và ngược lại, nhập các tướng nhanh chậm nhiều ít... ý trí đều không. Vì căn tánh của chúng sanh có trí ngu nên kiếp số có dài ngắn. Như Lai dùng trí cùng lúc hiện cảnh giới nghiệp. Trí huệ hiển hiện, không còn phân biệt kiếp số. Phần bảy. Nhập mao đạo trí: nhập tánh bất định của chúng sanh đạt thân trời người, hành pháp Phật. Nhập quốc độ thân chánh giác trí: từ lỗ chân lông, thân Phật thị hiện thành

Phật Niết-bàn. Nhập chúng sanh chánh giác trí: vì tâm chúng sanh và Phật cùng một thể tánh. Vì thế Như Lai biết tâm chúng sanh, tùy căn tánh hóa độ. Nhập tùy thuận nhứt thiết xứ chánh giác trí: vào sáu thú độ sanh. Nhập thị hiện biến hành trí: trí độ sanh và ngoại đạo. Nhập thị hiện nghịch hạnh trí: làm mọi việc lợi sanh dù ác. (Như A xà thế giết cha mẹ) nhập hạnh hiểu không hiểu thế gian vi diệu: khiến chúng sanh biết đó là hạnh vi diệu, không cho chúng sanh biết phàm hay Thánh. Phần tám như Kinh. Đoạn sáu có bốn pháp:

1) Mười giải thoát vi diệu.

2) Trăm ngàn A-tăng-kỳ giải thoát.

3) Định chứng đạt.

4) Trăm ngàn thần thông.

- Đoạn bảy phân thành tám phần:

1) (8,5 hàng) Bồ-tát thọ trì pháp Phật mà nhị thừa và chín địa trước không thọ trì được, dụ rồng làm mưa.

2) (6,5 hàng) như biển chứa nước mưa. Bồ-tát trong tích tắc thọ trì pháp Phật và giảng thuyết cho chúng sanh.

3) (2 hàng) Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt hỏi về pháp Phật mà Bồ-tát này thọ trì trong tích tắc.

4) (1,5 hàng) pháp mà Bồ-tát này thọ trì không thể đếm được.

5) (11,5 hàng) các ví dụ.

6) (4 hàng) số lượng pháp thọ trì hơn trí.

7) (7 hàng) Bồ-tát độ sanh bằng pháp từ bi.

8) (4,5 hàng) Bồ-tát sanh trong mười phương. Đại pháp minh: hiểu rõ tất cả pháp. Đại pháp chiếu: dùng trí soi xét chúng sanh. Đại pháp vũ: thuyết pháp độ thóat chúng sanh. Sa-già-la: rồng làm mưa. Nước mưa của rồng này chỉ có biển chứa được, cũng chỉ Bồ-tát này mới đủ khả năng thọ trì. Pháp Phật. Đoạn tám: tùy tâm lực, Bồ-tát tự tại dung hợp tất cả tướng như từ nghiệp chúng sanh tạo ra cảnh giới thân hình. Từ trí sáng Bồ-tát biết rõ tướng thành hoại chung riêng... tự tại biến hóa cùng khắp; không chướng ngại. Đoạn chín có có việc:

1) Đại chúng hoài nghi.

2) Giải Thóat Nguyệt hỏi.

3) Kim cang Tạng nhập định.

4) Cảnh giới hiện từ định.

5) Đại chúng thấy thân mình trong thân Kin Cang Tạng.

6) Hiện cây bồ đề.

7) Đức Nhứt Thiết Trí Thông Vương an tọa dưới cội bồ đề.

8) Đại chúng thấy Phật.

9) Kim Cang Tạng thâu thần.

10) Đại chúng trở về cảnh tượng cũ.

Định Bồ-tát Kim Cang Nhập là định thân tánh không tạo tác. Cây bồ đề là quả của thân hạnh. Đức Phật ở cây là trí không tạo tác. Chúng sanh đủ ba pháp ấy,

- Đoạn 10 có pháp:

1) Giải Thoát Nguyệt hỏi tên định.

2) Kim Canh Tạng trả lời.

3) Hỏi cảnh giới định.

4) Trả lời.

5) Tướng đạt định của Bồ-tát địa pháp vân.

6) Thần thông ba nghiệp của Bồ-tát này các Bồ-tát khác không sánh được.

7) Cảnh giới vi diệu của Bồ-tát nơi địa này.

8) Giải Thoát Nguyệt hỏi Thần lực của Phật.

9) Bồ-tát Kim Cang Tạng mượn hạt bụi để ví dụ về thần lực của Bồ-tát và để chúng minh thần lực vi diệu của Phật.

10) Ví dụ.

- Đoạn 11 có 20 pháp:

1) Thân ngữ ý như Phật.

2) Sức định của Bồ-tát.

3) Vô số kiếp phụng sự các đức Phật.

4) Được Phật gia hộ tăng trưởng trí huệ.

5) Trả lời tất cả nghi vấn.

6) Ví dụ vương miệng bằng ngọc báu.

8) Các địa khác không sánh được.

9) Như trời Ma-hê-thủ-la thanh tịnh chúng sanh, Bồ-tát này dạy chúng sanh đạt trí nhứt thiết.

10) Nhị thừa và Bồ-tát 9 địa trước không sánh được.

11) Các đức Phật giảng mười trí cho Bồ-tát.

12) Bồ-tát chuyên tu trí Ba-la-mật.

13) Lược giảng pháp đại này.

14) Bồ-tát thọ chức Ma-hê-thủ-la vương.

15) Hành bốn nhiếp pháp.

16) Không rời Phật pháp trí.

17) Là nơi nương tựa cho chúng sanh.

18) Siêng năng tu tập.

19) Tích tắc đạt vô số định.

20) Nếu dùng nguyện lực sẽ đạt nhiều hơn.

Đoạn 12 phân thành 12 phần: như Kinh Ao A Nậu đạt: Bồ-tát phát nguyện từ tâm bồ đề, dùng bốn nhiếp pháp độ sanh, nhập biển nhứt thiết trí, trước sau là một. 10 núi là 10 cách tu tập từ trí Như Lai. (10 núi và việc tu tập của năm vị đã nói ở trước).

- Đoạn 13 phân thành hai phần:

1) mười công đức của biển.

2) Công đức ấy biểu hiện sự tiến tu của mười địa.

- Đoạn 14 phân thành sáu phần:

1) (6 hàng) mười tánh của ngọc ma ni.

2) (7,5 hàng) sự tiến tu của mười địa(như trước).

3) (2 hàng) khó nghe pháp này.

4) (1 hàng) Giải Thoát Nguyệt hỏi công đức nghe pháp.

5) (1,5 hàng) Kim Cang Tạng trả lời.

6) (3,5 hàng) đại chúng hoài nghi về công đức nghe pháp. (Nếu phước đức người này như Phật vì sao nói nghe pháp này mới tin hiểu? Nghe là điều kiện đầu của trí nhứt thiết; phước quả của tín cùng một thể tánh, không nhân thì không quả. Tin quả là nhân... như mười tín ở điều trước. Trí nhứt thiết là hạt giống, trí sai biệt là gia hạnh, hai trí này đều đủ vô số công đức).

- Đoạn 15 phân thành ba phần:

1) (8 hàng) uy lực của pháp cảm động trời đất.

2) (10 hàng) vô số Bồ-tát đến chúng minh là thể tánh quả pháp mười địa rộng lớn dung nhiếp tất cả, trí tánh là một, pháp của Bồ-tát Kim Cang Tạng thuyết giảng giống với pháp các đức Phật thuyết giảng. Các cõi khác: các địa trước đến đạo tràng: nhập trí mười địa. Khen ngợi: sự khế hợp của các pháp. Cùng tên: trí pháp giống nhau. Các cõi khác nhau: trí sai biệt. Kim Cang đức: trí hạnh sai biệt không ngoại đức Kim cang. Phật Kim Cang Tràng: trí kim cang phá trừ vọng nghiệp, không khuynh động. Đoạn 16 như Kinh.

Phẩm: **MƯỜI ĐỊNH**

Đức Phật nói tên định, Bồ-tát Phổ Hiền nói công dụng của định. Trí căn bản của Phật là thể, trí sai biệt của Phổ Hiền là dụng vì mọi hành động đều không ngoài thể dụng của trí căn bản. Vì thế pháp tịnh dụng cũng được nói ở điện Phổ Quang. Phẩm này có năm phần:

1) Ý nghĩa của lần thuyết pháp.

2) Nhắc lại nguyên nhân thành Phật ở nước Ma Kiệt Đề.

3) Nguyên nhân pháp này được nói ở điện Phổ Quang.

4) Ý nghĩa của phẩm.

5) Nghĩa Văn.

1. Ở điện Phổ Quang phát lòng tin, tu tập trí bất động, đến khi trọn vẹn hạnh nguyện của mười địa, địa mười một và quả Phật trí ấy vẫn không thay đổi. Vì thế lần này thể hiện sự không thay đổi của thể trí thế gian, hnạh nguyện như việc Thiện Tài gặp Từ Thi, Từ Thị dạy Thiện Tài gặp Văn Thù, nhập Thân Phổ Hiền.

2. Tám tướng thành đạo là một. Vì sợ kẻ hậu học hiểu nhầm nên nhắc lại. Năm vị là một.

3. Trí thể trước sau là một nên phẩm này được nói ở điện Phổ Quang cảnh giới thành Phật thể hiện người phát tâm bồ đề thành tựu quả Phật chính là Phật Tỳ-lô-giá-na ở lần thứ một. Vì ba đời các đức Phật là một. Hãy dùng trí quan sát, không nên dùng vọng thức suy xét.

4. Đại ý:

a. Phẩm mười định.

b. Mười thông (thần thông và trí lợi sanh của các đức Phật).

c. Mười nhẫn (hạnh nhẫn độ sanh bằng cách tùy thuận pháp thân không tạo tác và pháp không sanh).

d. Tăng kỳ.

e. Công đức tướng tốt (hai ngu của quả Phật. Hai phẩm bốn, năm do Phật nói).

f. Thọ mạng của Như Lai: tuổi thọ từng thuận độ sanh của Phật (về thể tánh, thọ mạng của Như Lai như hư không).

g. Trụ xứ của Bồ-tát: cảnh giới độ sanh của Phật, hạnh nguyện độ sanh vô hạn của Bồ-tát.

h. Sự vi diệu của Phật: trí đức vi diệu của các đức Phật chúng sanh không thể suy lường được.

j. Mười thân Phật: y báo, chánh báo mầu nhiệm của báo thân Phật.

k. Hạnh Phổ Hiền: hạnh tự lợi lợi tha của Phật.

l. Như Lai xuất hiện: viên mãn hạnh nguyện cụa vị là thành Phật; đủ hạnh xuất thế, vào sanh tử. Văn Thù là trí huệ vượt thế gian, Phổ Hiền là hạnh vào đời. Vì thế hai vị hỏi đáp về việc thị hiện độ sanh. Hạnh nguyện của Phật, chúng sanh, Bồ-tát đều không ngoài thể ấy, không trước sau.

5. Nghĩa Văn: phẩm mười định có năm phần:

1) Nghĩa phẩm.

2) Tên phẩm.

3) Sự trùng lặp.

4) ba lần nêu việc thành Phật ở Ma Kiệt Đề.

5) Nghĩa Văn.

1. Bồ-tát địa mười một trọn vẹn hạnh trí đạt trí Phật, vì thể dụng của pháp giới tự tại vô ngại, thời gian không thay đổi, dung nhiếp một nhiều. Bồ-tát mười địa biết rõ chưa trọn hạnh Phổ Hiền thì không thấy thân Phổ Hiền.

2. Như Lai nói tên mười định. Định này là pháp thường của các đức

Phật. Bồ-tát Phổ Hiền nói công dụng của định. Vì Phật là thể, Phổ Hiền là dụng.

3. Hạnh Phổ Hiền, việc xuất thế, lòng tin đều là nhân quả của trí

sáng Như Lai. Hạnh Phổ Hiền và Phật là công dụng của trí, không phân trước sau, không đến đi.

4. Toàn bộ Kinh này có năm nhân quả đan cài:

a) Phật thành đạo dưới cội bồ đề, tập hợp thiên thần, giảng thuyết.

b) Phật thành đạo được thuyết ở điện Phổ Quang để kẻ hậu lạc tin tu, đại chúng xuất hiện từ ánh sáng lông trắng giữa chặng này.

c) 11 phẩm trên: Bồ-tát tu tập trải qua sáu vị, trọn vẹn hạnh nguyện, thành Phật.

d) Phẩm lìa thế gian: tất cả các đức Phật đều tự thành Phật. Lợi sanh bằng hạnh nguyện (đó là đem lại lợi ích cho thế gian không phải lìa thế gian. Có thể các dịch giả đã nhầm. Nếu là sự trùng lặp... như trước đã nói).

e) Phẩm pháp giới: phàm Thánh đều thành Phật, đều đủ trí dụng vô hạn. Năm nhân quả này là một thể tánh chơn như không gnăn ngại, không trước sau. Nghĩa Văn cũng có hai phần.

Phẩm này có 11 đoạn:

1) (6 hàng) phần tựa của 11 phẩm.

2) (36,5 hàng) đại chúng.

3) (16,5 hàng) Bồ-tát Phổ Nhãn hỏi Phật về sự tu tập đạt quả của Bồ-tát Phổ Hiền. Đức Phật bảo Bồ-tát hỏi Bồ-tát Phổ Hiền.

4) (8,5 hàng) nghe tên Bồ-tát Phổ Hiền, đạt vô số định.

5) (11 hàng) nhờ sức định các Bồ-tát mong cầu gặp Bồ-tát Phổ Hiền nhưng không được Đức Phật dạy. Thân công đức của Bồ-tát Phổ Hiền sâu xa, chúng sanh không thể thấy được. Vì sao? Vì mười địa trí bi xuất thế, tất cả định của vị này đều từ trí bi ấy. Phổ Hiền là địa mười một là hạnh ở thế gian, đoạn tâm phân biệt xuất thế, tịnh dụng tự tại Tâm xuất thế không hợp với hạnh Phổ Hiền nên không thể thấy.

6) (32 hàng) các Bồ-tát ba lần xưng tên Phổ Hiền, thành kính mong cầu được gặp.

7) (19,5 hàng) Bồ-tát Phổ Hiền hiện thân. Vì sao đại chúngt thấy Bồ-tát Phổ Hiền? Vì đại chúng tưởng niệm, chuyển thế thành dụng là thân Phổ Hiền, tưởng niệm là công dụng của Phật, chúng sanh cũng là công dụng của Phật.

8) (9,5 hàng) Bồ-tát Phổ Nhãn khen ngợi Bồ-tát Phổ Hiền bằng mười pháp trụ.

9) (45 hàng) Bồ-tát Phổ hiền thuyết giảng mười định.

10) (10 đoạn) công dụng của mười định.

11) (từ bấy giờ... cuối quyển 43) Bồ-tát Phổ Nhãn hỏi nguyên nhân Bồ-tát Phổ Hiền không được tôn là Phật đủ mười lực.

Đoạn một nước Ma Kiệt Đề: Bất hại, Thông huệ. Vì người ở đây tài giỏi. Ma: không cùng Kiệt Đề: chí. Binh tướng nước này hùng mạnh, nước khác không xâm lấn được. Ma: lớn. Kiệt Đề: thể. Nước này nước lớn nhứt trong năm nước của Ấn Độ, là trung tâm của cõi Diêm phù đề. Như lai thành đạo ở đây tức là sống trong trung đạo, từ bi đem lợi ích cho chúng sanh. Thỉ thành chánh giác (như trước đã nói). Định Sát na tế chu Phật: Ba đời là một đan cài dung nhiếp. Định chư Phật: Như Lai đoạn mọi phân biệt thế gian, sống trong trí không chấp. Nhứt thiết trí, thần thông..như trước. Không phan duyên: thể dụng tự tại của trí căn bản. Đủ oai đức lớn: mười lực, bốn vô úy, 18 pháp bất cộng. Ai thấy cũng đều kính phục... tùy thuận hiện thân độ sanh.

- Đoạn hai phân thành ba phần :

1) (5 hàng) khen ngợi chí đức của Bồ-tát.

2) (9 hàng) Bồ-tát cùng tên biểu hiện cho trí sáng của định không (ba không thành 90 huệ).

3) (22,5 hàng) 70 Bồ-tát với hạnh nguyện tên gọi khác nhau.

70 Bồ-tát là bảy phần giác ở ba không, vào sanh tử, giác ngộ chúng sanh. Bồ-tát mười địa vào sanh tử trọn vẹn hạnh nguyện, đạt hạnh phổ hiền, đạt định Phổ Kiến của Bồ-tát và trí thấy căn tánh sai khác của Bồ-tát mười địa. Từ bi an ổn chúng sanh: Bồ-tát độ sanh bằng ba không, bảy phần giác... là nhập hạnh Phổ Hiền. (Cầu mong nhưng không gặp Phổ Hiền như trước đã nói) ba lần mong cầu mới thấy Phổ Hiền: mười địa thăng tiến nhập hạnh Phổ Hiền,thành tựu tịch dụng tự tại của Phổ Hiền như ngọc Như Ý (hạnh độ sanh của Bồ-tát thường được tượng trưng bằng số bụi trong cõi Phật, năm vị dung nhiếp như trước).

- Đoạn ba phân thành bốn phần:

1) (3 hàng) Bồ-tát Phổ Nhãn hơn Bồ-tát Phổ Hiền về pháp hạnh.

2) (1 hàng) Phật nhận lời.

3) (4,5 hàng) Định của Bồ-tát Phổ Hiền và đại chúng.

4) (8 hàng) Phật khen ngợi và khuyên Bồ-tát hỏi Bồ-tát Phổ Hiền.

- Đoạn bốn có mười pháp:

1) Đại chúng nghe tên Bồ-tát Phổ Hiền đều đạt định.

2) Sau khi đạt định đại chúng thấy vô số Phật.

3) Đại chúng đạt mười lực của Phật.

4) Đại chúng đạt phước.

5) Đại chúng viên mãn thần không.

6) Đại chúng cung kính mong được gặp Phổ Hiền.

7) Đại chúng quan sát mọi pháp.

8) Đại chúng chưa thấy Phổ Hiền.

9) Oai lực Phật.

10) Oai lực của Phổ Hiền vì từ mười tín đến mười địa nhờ hạnh Phổ Hiền nên thành tựu pháp thân và trí căn bản, đạt trí sai biệt trong pháp xuất thế. Địa mười một tron vẹn trí hạnh vào đời vô sanh. Hạnh Phổ Hiền nhiều như phiền não của chúng sanh. vì thế, Phật dạy tưởng niệm Phổ Hiền. Đại chúng đạt lực Nhu Lai: đạt mười lực. Cùng tánh Nhu Lai: cùng pháp tánh, trọn vẹn hạnh mười địa, địa mười một, thành quả Phật. Đại chúng mong thấy Phổ Hiền: thăng tiến đạt hạnh Phổ Hiền mười địa thành tựu trí sai biệt của Phổ Hiền. Như Di Lặc dạy gặp Văn Thù. Đại chúng quan sát: Sáu vị tu tập trí bi xuất thế. Hạnh Phổ Hiền sau mười địa là hạnh vào đời hạnh bi trí. Ba lần cầu mong nhưng không thấy: chỉ có tâm bi nhưng không có hạnh lợi sanh. mười địa trở về trước đều là hạnh xuất thế. Địa mười một không giải thoát riêng mình, luôn

lợi sanh. mười địa trở về trước đạt trí căn bản, không mong cầu. Đại 11 hành hạnh độ sanh.

- Đoạn năm phân thành bốn phần:

1) (1 hàng) Phổ Nhãn hỏi nơi ở của Phổ Hiền.

2) (1,5 hàng) Như Lai hiện nơi ở của Phổ Hiền.

3) (2,5 hàng) Phổ Nhãn và đại chúng quan sát nhưng vẫn không thấy.

4) (6 hàng) Như Lai khen ngợi đức sâu rộng của Phổ Hiền.

Định sư tử Phấn Tấn: định tự tại, không sợ mười địa, cùng hạnh của chúng sanh. Vì từ chơn như hiển hiện công dụng. Phấn tấn: công dụng độ sanh của Phổ Hiền (như khi sư tử vận mình thì lông trên thân đều dựng đứng). Đạt công dụng tự tại vô thượng: hạnh lợi sanh đều xuất phát từ định. Nhập hạnh thanh tịnh vô ngại. Trí Phổ Hiền rộng lớn khó lường, mọi hạnh đều là hạnh độ sanh. Khởi mười lực Như Lai: mười lực Như Lai có từ hạnh Khổ Hiền, mười lực độ sanh, mười lực độ sanh thành Phật cũng thế. Thân bằng pháp giới tạng: trí sai biệt và trí căn bản rộng lớn cùng khắp như từ một lỗ chân lông đủ vô số cõi nước chúng sanh. các đức Phật hộ niệm: đủ công dụng của trí căn bản như Phật. Tích tắc đạt trí sai biệt: Bồ-tát Phổ Hiền thị hiện thành Phật, độ sanh ở khắp mười phương. Tất cả đều từ một sát na. Không trước sau, đầu cuối như các đức Phật xưa nay là một. Vì dùng ấn trí không phân biệt ấn định ba đời là một. Người không hiểu hạnh vào đời độ sanh thì không thể thấy. Bồ-tát hãy tiến tu, không nên vướng chấp hành mười địa.

■

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 30

Đoạn sáu phân thành bảy phần:

1) (3 hàng) Phổ Nhãn nhập mười định nhưng không gặp được Phổ Hiền.

2) (3,5 hàng) Xuất định, Bồ-tát Phổ Nhãn thưa lại việc ấy với đức Phật.

3) (12 hàng) Đức Phật khen ngợi hạnh nguyện sâu rộng của Bồ-tát Phổ Hiền, không thể quán sát bằng định.

4) (3,5 hàng) Đức Phật khen ngợi về công đức gần gũi cúng dường Bồ-tát Phổ Hiền.

5) (3 hàng) Vì mong gặp Phổ Hiền, Bồ-tát Phổ Nhãn và đại chúng 3 lần xưng danh hiệu và kính lễ.

6) (6,5 hàng) Phật khuyên Phổ Nhãn và đại chúng tha thiết tưởng niệm Bồ-tát Phổ Hiền.

7) (1,5 hàng) Vâng lời Phật dạy, Phổ Nhãn và đại chúng tưởng niệm, Bồ-tát Phổ Hiền biết thời cơ hiện thân. Việc Phổ Nhãn và đại chúng không thấy Phổ Hiền bằng định là tướng huyễn trong văn tự. Về thể tánh, không có nơi chốn để tìm thấy, không thể dùng định để quan sát. Phật dạy tưởng niệm vì thể dụng của tưởng niệm là cùng khắp, dụng nhưng luôn tịnh, không thuộc về sanh diệt. Vì thế Phổ Hiền ở trong pháp giới bằng trí Kim Cang, không đến đi, không thuộc cõi nào, thần thông tự tại không sai biệt (thần thông như trước). Tòa ngồi của Phổ Hiền lớn như hư không, khác với tòa ngồi còn đo lường được của mười địa. Việc ba lần tìm không thấy, chỉ tưởng niệm mới thấy là chê trách việc không tìm pháp xuất thế trong sanh tử của mười địa. Đó là tập nhiễm chưa đoạn sự phân biệt về chơn tục thế xuất thế của mười địa,là việc chưa đạt tịch tịnh trong sanh tử. Như tánh hư không không tạo tác: hiện khắp mọi nơi. Đó là thể tánh của chúng sanh, cảnh giới. Trí của Phổ Hiền cũng thế. Không hiểu trí ấy là sống trong vô minh. Từ trí ấy, Phổ Hiền hiện thân độ thoát chúng sanh. Trí ấy không tạo tác,

không đến đi, không sanh diệt, không thể tướng nhưng đủ công dụng. Các Bồ-tát mười địa dùng định quán sát làm sao thấy được? Vì thể Phật mượn việc tìm từ huyễn ảo để biểu hiện việc này. Các Bồ-tát tưởng niệm gặp Phổ Hiền. Vì thể tánh vốn không nương tựa như tiếng vang. Phật dạy: Bồ-tát Phổ Hiền đang đứng trước đại chúng không đến đi. Vì tánh của trí căn bản không nương tựa. Thể dụng của trí sáng như thể dụng của Phật. Công dụng của trí sai biệt có từ thể trí căn bản.

(Nam mô như trước).

- Đoạn bảy phân thành ba phần:

1) (7 hàng) Bồ-tát Phổ Hiền tùy thuận hiện thân;

2) (2,5 hàng) gặp Phổ Hiền đại chúng vui vẻ như gặp Phật;

3) (10 hàng) Đại chúng tin hiểu, thâm nậhp hạnh nguyện độ thoát chúng sanh trong ba cõi ác của Phổ Hiền. Đại chúng nhập định quán sát nhưng không gặp: xuất nhập định không thể tìm trí không xuất nhập. Tưởng nhiệm gặp: đạt trí như Phổ Hiền sẽ thấy được thân Phổ Hiền.

- Đoạn tám như Kinh.

- Đoạn chín phân thành tám phần:

1) (4,5 hàng) Phật dạy Phổ Hiền thuyết giảng mười định.

2) (6 hàng) Như Lai thuyết tên định.

3) (1,5 hàng) các đức Phật ở mười phương đều thuyết giảng định này. (Thể dụng của định tượng trưng cho Phật-Phổ Hiền như trước).

4) (4,5 hàng) Người nghe và thực hành định này sẽ được sức tự tại như Phật.

5) (9,5 hàng) Người thực hành định này sẽ được sức tự tại như Phật và thuyết giảng pháp Phật.

6) (5,5 hàng) Tu định này đạt mười pháp.

7) (12,5 hàng) Tu định này sẽ đạt phương tiện thị hiện thành Phật đủ hạnh Bồ-tát.

8) (1,5 hàng) Phật dạy Bồ-tát Phổ Hiền thuyết về công dụng của định (nghĩa của định bắt đầu từ phẩm mười định đến hai hàng đầu của phẩm xuất hiện).

- Đoạn mười: Định Phổ Quang minh có bốn phần: Tên định, thể dụng của định; cảnh giới định. Nghĩa văn. Tên định: (Tam muội như trước) Trí hiện khắp: phổ chiếu soi đoạn trừ mê hoặc; quang; thông đạt mọi pháp: minh. Thể dụng của định: Pháp thân trí căn bản là thể; mười trí không cùng tận là dụng. Dùng ba ngàn cảnh giới làm một hoa sen, Bồ-tát an tọa trên hoa sen này. Từ thân Bồ-tát hiện ba ngàn đại thiên cảnh giới, trăm ức cõi nước. Trong mỗi cõi nước có có trăm ngàn Bồ-tát

tu tập hạnh Bồ-tát, đạt trăm ngàn, trăm ngàn trí hiểu biết, hiểu thông trăm ngàn trăm ngàn căn tánh, mỗi căn tánh thành trăm ngàn trăm ngàn pháp bất thoái của Bồ-tát. Thân ấy không phải nhiều, không phải một, nhập định xuất định không nhầm lẫn. Cứ thế dần tăng trưởng (như Kinh). Nghĩa Văn: 10 ý:

1) Vâng lời Phật, Bồ-tát Phổ Hiền thuyết giảng.

2) Nêu tên định.

3) mười trí không cùng tận của Bồ-tát.

4) Bồ-tát phát khởi mười tâm rộng lớn.

5) mười trí nậhp định sai biệt.

6) mười trí thiện xảo.

7) Vô số hóa thân.

8) Bồ-tát thông đạt ba pháp.

9) Tỳ kheo quán thân bất tịnh nhưng không hoại thân căn bản.

10) Bồ-tát nhập định thấy rõ thân chúng sanh và cõi nước. Bồ-tát tu định, dùng trí căn bản làm thể, mười trí là dụng, phát mười tâm rộng lớn, dùng mười trí sai biệt làm công lực. Nhờ mười trí thiện xảo, Bồ-tát thấy rõ cõi Phật, cõi chúng sanh ngay trong thân. Từ thân ấy, Bồ-tát hiện vô số thân độ thoát chúng sanh, cúng dường các đức Phật. như Văn sau có câu: an trụ nơi định này quán sát pháp thân, thấy mọi cõi nước ngay trong thân này, hiễu rõ cõi thế và các pháp của thế gian nhưng không chấp trước. Vì tánh của pháp thân không trong ngoài lớn nhỏ. Các pháp đều có từ pháp thân, đều là thể huyễn ảo đan cài dung nhiếp. La hầu A-tu-la Vương: thâu nhiếp ánh sáng mặt trời làm cho thế gian buồn khổ. La: thâu nhiếp. Hầu: buồn khổ. A-tu-la: không có diệu lạc của cõi trời. Định Diệu quang minh cũng có bốn phần. Tên định: vì thể tánh, lý trí, pháp thân tịch tịnh hiển hiện sáng suốt. Thể dụng của định: trí căn bản là thể; trí huyễn ảo là dụng. Cảnh giới định: nhập vô số cảnh giới, mỗi cảnh giới hiện vô số thân... (như Kinh). Nghĩa Văn: 10 đoạn:

1) (1 hàng) Phổ Hiền nhắc lại tên định.

2) (11 hàng) nhập cảnh giới định.

3) (8 hàng) ánh sáng mặt trời chiếu soi các cõi nước.

4) (5 hàng) Bồ-tát nhập định. Không an trụ, không chấp tướng thế gian vá tánh chơn như.

5) (7 hàng) năm tháng dài ngắn do nhà ảo thuật tạo ra không ngoài mặt trời mặt trăng...

6) (17 hàng) Bồ-tát nhập định này dung nhiếp tất cả cõi nước.

7) (11 hàng) Bồ-tát an trụ nơi pháp vô ngã nên tự tại không phân

biệt.

8) (6 hàng) Bồ-tát dung nhiếp các cõi nước thành một cõi nước và ngược lại, hiện vô số thân, hành vô số hạnh nhưng không chấp.

9) (5,5 hàng) những pháp có từ trí Bồ-tát như những hiện tượng do nhà ảo thuật tạo ra.

10) (20,5 hàng) nhập định này đạt trí huyễn ảo. Nghĩa Văn: Nhân cõi nước: sự tu tập đời này là nhân đời sau. Kiến lập cõi nước: pháp tắc cõi nước. Thế giới đồng trụ: trong một cõi nước có vô số chúng sanh. Cõi quang sắc: chúng sanh an trụ trong ánh sáng của Phật như mặt trăng, sao là cõi của Đế Thích, người(do nghiệp tạo nên) hoặc chư thiên an trụ. Thế giới vãng lai: qua lại trong hư không. Bổ-đặc-già-la: sổ thủ thú: do nghiệp ác chịu quả khổ. Ma nạp bà pháp: pháp dạy kẻ sơ học. Định Thứ đệ biến vãng chư Phật quốc độ thần thông: có ba: Tên định, thể dụng của định, nghĩa văn. Tên định: lý tánh cùng khắp nên công dụng thần thông cũng cùng khắp như sự động tịnh của trí huyễn. Vì nương trí căn bản nên không đến đi dài ngắn. Thể dụng của định: Thể là pháp tính, dụng là trí huyễn có từ trí căn bản. Trí huyễn như tiếng vang tùy vật cản, vốn không thể tánh. Vì thể của hai trí này là pháp tánh, đủ công dụng như không nương tựa. Vả lại, tâm của chúng sanh xưa nay vốn vậy. Vì không hiểu rõ thể tánh của trí, chạy theo vọng cảnh nên mê hoặc. Chỉ cần tu hai pháp chỉ quán sẽ thoát khỏi mê hoặc. Thể của chỉ là pháp thân. Quán 12 nhân duyên thành thể dụng của trí. Định có khả năng phát sanh trí huệ, nhờ quán phát trí. Nghĩa Văn: định này có bốn đoạn:

1) (1,5 hàng) Phổ Hiền nhắc lại tên định;

2) (16,5 hàng) tự tại an trụ định nhớ rõ các pháp;

3) (3,5 hàng) mặt trời luôn chiếu soi các cõi nước;

4) (1,5 hàng) phần kết(như Kinh). Định thanh tịnh thâm tâm hạnh, cũng có ba. Tân định: Bồ-tát tu lý trí không, vô tướng, thân hợp lý trí, nhờ trí thiện xảo, cúng dường Phật nhưng không hoại thân. Thể dụng: pháp thân, trí căn bản là thể; trí thiện xảo hiệnt thân cúng dường là dụng. Nghĩa Văn: định này có bốn đoạn:

1) (1 hàng) Phổ Hiền nhắc lại tên định.

2) (18,5 hàng) mười pháp cúng dường Phật.

3) (7 hàng) trí hiểu biết về tám pháp thành đạo của Bồ-tát như ánh sáng mặt trời.

4) (10 hàng) nhập định thấy rõ mọi pháp như người nhớ rõ các hiện tượng trong mộng. Nhập định này trước phải nhập định vô tư vô

tâm, đạt lý pháp thân, hợp tánh hư không. Từ hai trí Bồ-tát cúng dường Phật, bỏ chấp trước, tự tại làm mọi việc. Nếu chỉ tu pháp không vô tướng thì không phát khởi công dụng của trí. nếu không thấy rõ pháp thân vô tướng thì mọi việc đều là hữu vi. Định quá khứ trang nghiêm tạng, có ba phần. Tên định: Bồ-tát trang nghiêm hai trí bằng cách hiểu rõ pháp của các đức Phật quá khứ (biết tám pháp thành đạo). Thể dụng của định. Trí căn bản là thể. Trí biết kiếp số là dụng. Nghĩa Văn: ba luân: thần thông, tâm ghi nhớ, giáo pháp chơn chánh. Vì người tu định này đạt thần thông, nhớ rõ các pháp thuyết giảng cho chúng sanh. Định Trí quang minh tạng: Bồ-tát biết rõ các đức Phật ở đời vị lai. Trí quang minh tạng: từ một sát na biết rõ về pháp ba đời. (phần tám bộ chúng cúng dường gần gũi Như Lai như trước). Định liễu tri nhứt thiết thế giới Phật trang nghiêm: Bồ-tát vào các cõi nước mười phương thấy mọi việc độ sanh của các đức Phật, cúng dường Phật, nghe pháp. Định nhứt thiết chúng sanh sai biệt thân: người tu định này hiện vô số thân độ sanh. Định pháp giới tự tại: Bồ-tát nhập định thấy rõ mọi cõi nước và các pháp thế gian ngay trong mỗi lỗ chân lông nơi thân. Vì trí như pháp giới không trong ngoài lớn nhỏ, không thể suy xét bằng vọng tình. Như bốn dòng sông chảy từ cung Long Vương. Kinh dạy: trên đỉnh Hương Sơn có ao A nậu, bốn phía của ao có bốn dòng sông. Phía Đông là sông Tư Đà, từ miệng sư tử tuôn cát kim cang chảy về phía Đông đến nước Trung Hoa rồi ra biển. Phía Nam có sông Hằng Già, từ miệng voi tuôn cát bạc chảy về phía Nam đến Ấn Độ rồi ra biển. Phía tây có sông Tín Độ từ miệng trâu tuôn cát vàng chảy về nước Tín Độ rồi ra biển phía Tây. Phía Bắc có sông Phược Sô, từ miệng ngựa tuôn cát lưu li chảy về nước Ba Tư Phật Tâm rồi ra biển phía Bắc. Chu vi của ao này: 50 do tuần, mỗi bên một do tuần (rõ như Kinh). Các hoa như trước. Định Vô ngại luân: luân (bánh xe) viên mãn hạnh nguyện thần thông trí huệ, đoạn trừ mê hoặc của chúng sanh. Đã trọn vẹn quả Phật nhưng luôn hành hạnh Bồ-tát. Song tất cả đều không ngoài một sát na, một lỗ chân lông. Ma na tư Long Vương: Ma na: ý; Tư: từ. Rồng này tuôn mưa là do dòng từ. Voi Y La bát na ở núi Kim. Y La bát na: Hương diệp. Vì bên hang báu có nhiều cây Hương diệp. Voi hóa hiện 33 đầu, mỗi đầu có sáu ngà, mỗi ngà có bảy ao, mỗi ao có bảy hoa sen. Mỗi khi Đế Thích muốn du hành đến các cõi, Voi liền biến hình hợp với thân các cõi Đế Thích đến. Đế Thích về cung thì voi trở lại nguyên hình. Cũng thế, Bồ-tát tuy đã thành Phật nhưng không bỏ hạnh phương tiện. mười định tên thể hiện tất cả các tướng đều không ngoài một sát na: Từ vọng thức,

chúng sanh thấy có nhanh chậm nhưng về chơn như tất cả không trước sau. 11 phẩm Kinh đều thể hiện hạnh Phổ Hiền của Bồ-tát dù đã thành Phật, (sự tu tập của năm vị như trước).

Phẩm **MƯỜI THÔNG**

Có hai ý: Nghĩa Văn, Nghĩa Phẩm.

Nghĩa Phẩm: từ định phát khởi công dụng: mười thông.

- Nghĩa Văn: 10 đoạn:

1) (13,5 hàng) số lượng thần thông và công dụng của tha tâm thông.

2) (11 hàng) công dụng của thiên nhãn thông.

3) (24,5 hàng) công dụng của túc mạng thông.

4) (18 hàng) công dụng của trí biết kiếp số đời sau.

5) (13,5 hàng) công dụng của thiên nhĩ thông.

6) (20 hàng) an trụ thể tánh rỗng lặng phát khởi 13 thông.

7) (13 hàng) công dụng của thông phân biệt ngôn ngữ của chúng sanh.

8) (41 hàng) vô sô thân.

9) (22,5 hàng) công dụng của thông nhứt thiết pháp (trí sai biệt có từ trí trí căn bản).

10) (35,5 hàng) công dụng của định diệt tận (phát khởi trí bi đem lại lợi ích cho chúng sanh từ lý tịch diệt của pháp tánh). Diêm ma vương: giá chỉ, ngăn chặn hình phạt để tội nhơn thoát khổ. mười thông chính là công dụng của trí không tạo tác, không ngăn ngại, chúng sanh không thể suy lường được. Việc dùng thiên nhãn nhìn thấy ba ngàn cõi nước rõ như nhìn trái trong lòng bàn tay của Tôn giả A Na luật hay việc nhìn thấy, đi lại các cõi nước của Bồ-tát quyền giáo đều thuộc hữu hạn. Thể của trí này là pháp thân vô hạn nên công dụng cũng vô hạn. Thần thông này không phải thần thông của Thanh Văn Duyên Giác Bồ-tát quyền giáo. Vì thần thông ấy có từ tánh không nên thân tuy không rời chỗ cũ nhưng đi lại khắp tất cả các cõi Phật vì chúng sanh. Vì tất cả đều từ một thể tánh (Nghĩa Quả thần thông và sự tu tập của năm vị như trước).

Phẩm: **MƯỜI NHẪN**

Có ba phần. Tên: phẩm này là pháp tu tập của người mới phát tâm và cũng là phương tiện độ sanh của các đức Phật (năm vị tu đạt các nhẫn như trước). Nghĩa Phẩm: từ thần thông đạt pháp nhẫn. mười địa từ nhẫn thành tựu thần thông, địa mười một từ thần thông thành tựu nhẫn. mười thông mười nhẫn cũng là công dụng của đức. Nghĩa Văn: 10 đoạn nêu mười nhẫn, phần Kệ sau là nhắc lại mười nhẫn. (10 nẫn kết hợp năm vị như trước).

Phẩm: **BỐN TĂNG KỲ**

Có bốn phần: Nghĩa Phẩm, người hỏi, người đáp, nghĩa văn. Nghĩa Phẩm: Ba phần trước nêu sự dung nhiếp của thời gian. Các đức Phật ba đời, vô số hạnh độ sanh... đều không ngoài một sát na. Phẩm này nêu công dụng tự tại của tâm Như Lai (Nghĩa của các phẩm Như Lai thọ lượng... Như Lai xuất hiện như trước đã nói). Người hỏi: Bồ-tát Tâm Vương. Công dụng tự tại của việc đạt tâm thành nhẫn. Người đáp: Như Lai. Vì sao phẩm này do Như Lai giảng? Vì pháp này rộng lớn, các địa khác không hiểu hết, chỉ Phật mới thấu đạt. Đây là quả Phật, đã đoạn hai ngu, đủ trí sai biệt. Hai phẩm A-tăng-Kỳ, Tướng tốt do Phật giảng, các phẩm khác do các vị thuyết. Người hỏi người đáp đều là tâm tự tại của Như Lai. Giáo pháp được giảng giải là để kẻ sơ học noi theo. Về hạnh thì nêu Phổ Hiền, về việv thành tựu nhẫn thì nêu Tâm Vương. Hơn nữa, chỉ đức Phật mới đạt được trọn vẹn trí này. Trí rộng lớn, tự tại hiểu biết không tạo tác. Nghĩa Văn. Bạc Lạc Xoa : 1 câu chỉ. Lạc Xoa: Một ức, một câu chi: Một triệu. Kinh này có 23 số: 1,2,3,4... trăm, ngàn, vạn, ức, triệu, Kinh, cai tử, nhưỡng, câu, sơ, giản, tải. Từ Nhưỡng trở về sau có ba cấp: cấp thấp nhứt là sự biến đổi của 10; cấp vừa là sự biến đổi của vạn; cấp cao nhứt là sự biến đổi của ức. Phẩm này căn cứ cấp cao nhứt nên nâu trăm ngàn. Trăn ngàn: 1 câu chi; câu chi câu chi: nhưỡng. Na-du-tha: câu bính bà la: giản. Những số sau đều biểu hiện cho hạnh Phổ Hiền rộng lớn của Như Lai không thể đo đếm được bằng số của thế gian. Phần Kệ ở sau cũng biểu hiện ý trên.

Phẩm: TUỔI THỌ CỦA NHƯ LAI

Có ba phần: nghĩa phẩm, người thuyết, nghĩa văn. Nghĩa phẩm: tuổi thọ. Người thuyết: Bồ-tát Tâm Vương. Tâm là thể của tuổi thọ Như Lai. Tâm Vương là sự tự tại. Tuổi thọ của Phật tùy theo chúng sanh có dài ngắn khác nhau. Về thể tánh tuổi thọ của Như Lai không thể tính đếm được. Nghĩa Văn: tuổi thọ Như Lai dài ngắn là tùy sự hiểu biết của chúng sanh: tuổi thọ Như Lai vô tận. Đây là mượn số ít hiểu biết cho số nhiều. Nếu không hiểu như thế thì không hiểu được tuổi thọ của Như Lai.

Phẩm: TRỤ XỨ CỦA BỒ TÁT

Có ba phần: Nghĩa phẩm, người thuyết, nghĩa văn. Nghĩa phẩm: hạnh nguyện rộng lớn của Bồ-tát ở một phương một phương, cõi Diêm phù đều giống nhau. Trụ xứ độ sanh tuy có giới hạn nhưng hạnh độ sanh thì vô hạn. Một sát na hiện khắp muôn phương, tùy chúng sanh hiện thân. Người thuyết: Bồ-tát Tâm Vương: hạnh độ sanh của Bồ-tát là hạnh tự tại tùy trí. Nghĩa Văn: chi đề sơn: Tịnh tín, người thấy núi này phát lòng tin thanh tịnh. Thành Tỳ Xá Ly: Quảng bác: thành lớn nhứt của miền trung Ấn Độ. (Còn gọi là thành Quảng Nghiêm). Thành Ma Độ La: Khổng Tước, Mật Cái. Thành Câu Trân na (câu Trần na): Đại bồn, ở giữa chứa nước như ao. Trong thành này có người tu tiên, thuyết giảng hai Kinh Hộ Tịnh, Dưỡng Sinh cho mọi người, học trò đều lấy họ theo pháp thầy dạy. Hang Mục Chơn Lân Đà: Giải thoát (tên loài rồng). Lân Đà: xứ, vì ở đây có một con rồng nghe pháp đạt giải thoát. Chấn Đán: (chi na, chơn đan) tự tạo, người nước này hay tính toán suy xét. Na La Diên: Kiên lao. Nước Sơ Lặc (kiếp lộ số hăng lặc). Nước Ca Diếp di la: Kế Tân. Ngày xưa, ở đây có một ao rồng lớn, người không dám đến gần. Về sau có một vị la hán thấy đây là thắng cảnh, người ở được. Ngài liền xin phép rồng cho một chỗ đặt chân, rồng cho phép. La hán hóa chân to bằng ao, rồng giữ lời hứa liền bỏ đi. La hán dùng thần lực tát cạn nước để dân ở. Dân chúng xây nhà, ca ngợi công đức của A-la-hán. Nước này thuộc về phía bắc Ấn Độ. Nước Càn Đà La: trừ địa. Vì nước này có nhiều Thánh nhơn, nước khác không xâm lấn được. Càn đà là hương; la: đà la: biến, nước này luôn thoảng mùi thơm, nước này ở giữa bắc nam Ấn. Hang Chiên Đà La: tên cây hoa thơm. Vì xung quanh hang có nhiều cây này. Phẩm này nêu hạnh độ sanh rộng lớn của Bồ-tát. Ở đây chỉ nêu một cõi Diêm phù nhưng biểu hiện cho mười phương.

Phẩm: **PHÁP BẤT TƯ NGHÌ CỦA PHẬT**

Có bốn phần: Tân, nghĩa phẩm, người thuyết, nghĩa văn. Tân: hạnh nguyên thân ngữ ý vi diệu của Phật thế gian không thể suy xét được. Tư: suy xét. Nghị: sự hiểu biết của thế gian. Nêu số lượng danh từ... là để độ chúng sanh ngu muội. Nếu đoạn trừ vọng thức thì trí hiển hiện. Chúng sanh không thể biết được công dụng của trí Phật. Nghĩa Phẩm: Trí hóa độ. Trí tự tại cùng khắp tùy vật ứng hiện. Người thuyết: Bồ-tát Thanh Liên Hoa Tạng. Trí căn bản viên mãn thanh tịnh không đắm nhiễm, có khả năng phát khởi trí sai biệt. Trong pháp ba thừa, trước đạt trí duyên chơn như, sau đạt trí duyên thế tục. Trong nhứt thừa, đạt một là đạt tất cả. Không trước sau. Bồ-tát Thanh Liên hoa Tạng bảo Bồ-tát Liên Hoa Tạng: Đây là công dụng tự tại của trí căn bản. Từ trí căn bản khởi trí sai biệt, tự tại độ sanh. (Nghĩa tám phẩm kết hợp năm vị như trước). Nghĩa Văn: 35 đoạn: Ba đoạn đầu: người hỏi, Phật gia hộ, Thanh Liên hoa đạt lợi ích. 32 đoạn sau là phần trả lời :

1) (6 hàng) Đại chúng hỏi về mười pháp vi diệu của Phật.

2) (4,5 hàng) Như Lai gia hộ Bồ-tát bằng mười pháp.

3) (6 hàng) nhờ Phật gia hộ, Bồ-tát Thanh Liên Hoa trả lời câu hỏi của đại chúng.

4) (5 hàng) Bồ-tát Thanh Liên Hoa nêu mười pháp vi diệu của Phật. mười pháp ấy dung nhiếp, đan cài thành vô số pháp như lưới Đế Thích (rõ như Kinh). Tóm lại, người tu hành đạt đến vị này thì ba nghiệp tự tại, đủ công dụng như Phật. công dụng của ba nghiệp cũng đan cài dung nhiếp vô số, gồm hai phần chơn tục. Trong mỗi phần, thân ngữ trí là thể, bảy pháp còn lại là dụng. Bồ-tát Thanh Liên Hoa trả lời các câu hỏi là biểu hiện cho sự tự tại viên mãn chơn tục của người đạt quả Phật. Thanh Liên Hoa là trí chơn như. Liên Hoa Tạng là trí tùy thế rục. Nhơn Vương đô ấp: nơi vua cai trị là đô, còn lại là ấp. Cung điện: nơi ăn, ở, ngủ, nghỉ là cung; nơi bàn bạc chính trị là điện. Tỳ Xá Xà: loài quỷ hút tinh khí người. Đề đầu lại "...." : trị quốc, giữ gìn cõi nước. Càn Thát Bà: Tầm hương, lạc thần, do vua Đề Đầu lại "..." cai trị, như cõi nước chúng sanh hiện trong mỗi lỗ chân lông.

■

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 31

Phẩm: MƯỜI THÂN VI DIỆU CỦA PHẬT

Có ba phần: Nghĩa phẩm, người thuyết, Nghĩa Văn.

Nghĩa Phẩm: thân đủ công dụng vi diệu của nghiệp.

Người thuyết: vì là báo thân, hạnh Phổ Hiền nên hành giả tự thuyết. Nghĩa Văn: 99 đoạn:

1) (1,5 hàng) thân vi diệu của Như Lai, 97 đoạn tiếp là 97 tướng tốt của Như Lai. Đoạn sau cùng : vô số tướng tốt của Như Lai. Thân vi diệu của Như Lai là quả của vô số hạnh độ sanh. như tướng tốt 32 báu vật trang nghiêm kim đỉnh, ánh sáng chiếu khắp mọi nơi. 32 báu vật là tướng chung của công đức. Hai báu vật là hai trí. Hai trí ba nghiệp là cội gốc nơi thể tánh tu phước lành. Quang chiếu nhứt thiết phương: phương pháp từ pháp trí căn bản thành tựu trí sai biệt. Vô lượng đại quang minh võng: quả của trí sai biệt tùy thuận căn tánh, thuyết giáo độ sanh. Trang nghiêm báu vật: phước tướng được trang nghiêm bằng hai trí. Bảo kế chu biến: dùng trí độ thoát chúng sanh. Bảo kế chu biến mật trí: từ bi như hòa, tùy thuộc độ sanh. Ánh sáng của báu vật chiếu khắp mọi nơi biểu hiện thân Phật: Từ trí căn bản phát khởi vô số trí sai biệt, hành vô số hạnh, thuần tịnh không ngăn ngại. Mỗi nghiệp có 10 báo tướng, kết hợp với hai trí , thành 32 báu vật. 97 tướng tốt là quả của hai trí ba nghiệp tu bảy phần giác và mười Ba-la-mật làm thanh tịnh chín phẩm phiền não của ba cõi. (Cõi dục có 1, 2 cõi trên có tám). Nhờ trí Ba-la-mật chín phẩm phiền não biến thành 90 tướng tốt, bảy phần giác thành bảy tướng tốt. Vô số tướng tốt bằng số bụi trong mười cõi Liên Hoa Tạng quả của hai trí chơn tạc, ba nghiệp để hạnh Phổ Hiền. Từ tự giáo Phổ Hiền. Từ hạnh của Phật, từ hạnh thuyết giáo đạt quả... tất cả đều từ bảy phần giác, mười Ba-la-mật, hai trí... kết thành (như trước). Cam Bồ thành tựu: cổ ba ngấn ở Ấn có Cam Bồ màu đỏ ba ngấn... như kinh.

Phẩm: CÔNG ĐỨC TƯỚNG TỐT CỦA NHƯ LAI

Có bốn phần: Tín: công đức tướng tốt của Như Lai có từ pháp thân lý trí. trí huệ diệu lý phá trừ phiền não. Nghĩa Phẩm: pháp thân trí căn bản tùy hành không thể tướng đem lại lợi ích cho mọi loài. Người thuyết: Như Lai. Bảo thủ: tiếp dẫn. Dòng pháp thân với trí vi diệu để chỉ dạy chúng sanh. Vì sao phẩm này do Phật nói? Vì hai ngu của quả Phật Bồ-tát không hiểu được. Lý trí pháp thân là thể không nương tựa của mọi hạnh, là điều kiện để thông hiểu vọng tình. Tướng công đức ấy được hình thành từ hạnh Phổ Hiền. Phẩm một tăng kỳ là pháp số rộng lớn. Phẩm này là công đức khôn lường của pháp thân trí thân không nương tựa , không thể tánh. Hai pháp này không do tạo tác, không do hạnh Phổ Hiền tạo nên mà là chỗ nương tựa cho mọi hạnh, là pháp thực hiện trọn vẹn hạnh Phổ Hiền đạt quả Phật Như Lai tự nói là biểu hiện mỗi vị tự nói pháp của mình để kẻ hậu học hiểu rõ. Phẩm này là công đức lợi sanh của pháp thân, trí thân không tánh tướng, là công năng đạt mười địa, không thuộc bi trí hạnh nguyện của những vị trước. Tuy hạnh quả và trí quả giống nhau nhưng căn cứ trên pháp để phân biệt địa vị thì phải rõ ràng. Có như vậy, người phát tâm mới không hiểu nhầm. Vì pháp thân và trí căn bản không do tu hành sanh khởi. Đại bi, trí sai biệt nương nơi trí căn bản và nguyện lực Phổ Hiền. Vì vậy vị hồi hướng thường dùng trí căn bản làm thể tánh tu tập. Pháp thân trí căn bản tuy là thể tánh của 37 phẩm trợ đạo, 13 la mật tạo lợi ích cho chúng sanh như vốn không thể tánh, không thành hoại. Đó là quả Phật thường hằng của Bồ-tát. Nghĩa Văn: 13 đoạn:

1) (3 hàng) thể dụng của ánh sáng.

2) (8 hàng) lúc ở cõi Đâu Suất, Như Lai phóng ánh sáng cứu khổ nơi địa ngục.

3) (42,5 hàng) chúng sanh cõi ác nhờ ánh sáng thoát khổ, sanh lên cõi trời, nghe pháp.

4) (4,5 hàng) các thiên tử đến thiên cung cúng dường nhưng không gặp Bồ-tát Tỳ-lô-giá-na.

5) (2 hàng) Thiên tử báo tin Bồ-tát vào cõi người độ sanh.

6) (14,5 hàng) chư thiên muốn vào cõi người cúng dường Phật nhưng trống trời vang tiếng bảo chư thiên biết Bồ-tát vốn không thể tánh, không đến đi, chư thiên hãy phát tâm bồ đề đoạn trừ nghiệp ác.

7) (27,5 hàng) trống trời vang tiếng Bồ-tát đoạn nghiệp ác đạt nghiệp không sanh.

8) (11,5 hàng) thiên tử thiên nữ đạt lợi ích.

9) (12 hàng) thiên tử cúng dường hương hoa, chúng sanh ngửi hương đoạn trừ tám vạn bốn ngàn phiền não, đạt căn lành tự tại, chúng sanh thấy lọng báo là vung trồng vô số căn lành.

10) (1,5 hàng) sự độ sanh rộng hẹp của Kim võng chuyển luân vương.

11) (4 hàng) lợi ích nghe danh hiệu Phật Trí Nguyệt.

12) (9 hàng) thấy ánh sáng Kim Võng chuyển luân là đạt pháp mười địa.

13) (21 hàng) khoảng cách nhìn của Kim võng chuyển luân.

13 đoạn này được tóm gọn trong ba ý:

1) Nguyên nhân có ánh sáng.

2) Nguyên nhân thấy ánh sáng.

3) Nguyên nhân trống trời vang tiếng pháp.

Ánh sáng tướng tốt có từ phân thân trí căn bản không thể tánh, không nương tựa. Tất cả chúng sanh đều có ánh sáng ấy, không do nguyện hạnh của Phổ Hiền. Nếu không có ánh sáng này thì không có công dụng rộng lớn. Đến quả Phật, trọn vẹn hai hạnh, hiển hiện công dụng lớn. Tạm nên ba ánh sáng tướng tốt:

1) Ánh sáng viên mãn vương: có từ trí căn bản không thể tánh không nương tựa, tự tại chiếu soi. Ánh sáng này là công dụng của tướng tốt vì phá trừ mê hoặc của chúng sanh. 700 vạn ánh sáng cũng là công dụng của tướng tốt. Đó là thể hiện sự đoạn khổ nơi sáu nẻo của bảy pháp bồ đề, phát khởi đạo pháp mười địa. 700 là hạnh nguyện khai ngộ chúng sanh của tám địa. Vạn: vạn hạnh bốn tăng kỳ: thể rộng lớn của ánh sáng.

2) Ánh sáng Trùng Vương chiếu soi vô số cõi nước mà lúc thiên tử cõi Đâu Xuất còn là Bồ-tát phóng đến cứu khổ địa ngục, chúng sanh ở đó đạt mười pháp thanh tịnh bỏ thân địa ngục, sanh lên cõi trời, nghe pháp đạt định ly cấu, phát tâm tu pháp mười địa hiểu rõ nhân tin tu ngày xưa không kiên cố, vì phóng dật nên sanh vào cõi ác, nay nhờ ánh sáng chiếu soi dứt trừ khổ não ba nghiệp như xưa. Đó là ba đời thành quả: tu mười tín nhưng tâm không kiên cố nên tạo ác, đọa vào địa ngục, nhờ ánh sáng thoát khổ sanh lên cõi trời, nghe pháp đạt mười địa. Từ đó nương trí huệ, phát tâm riêng tu định phương tiện đạt trí Phật, sanh trong nhà Phật, là đệ tử chơn chánh của Phật, sẽ thành tựu quả Phật như thái tử của chuyển luân vương (năm vị tu tập phóng ánh sáng như trước).

3) Ánh sáng trong lòng bàn tay phải hiện vô số thần lực tự tại là

cứu độ dắt dẫn chúng sanh. Nhân thấy ánh sáng: lòng tin từ đời trước. Như Kinh chép: đời trước, ngươi từng gần gũi thiện tri thức tuy tạo nghiệp ác đọa địa ngục nhưng nhờ ánh sáng chiếu soi, thoát khổ sanh lên cõi trời. Nếu đời trước không có lòng tin thì dù ánh sáng chiếu đến thân vẫn không hay biết. Nguyên nhân trống trời vang tiếng pháp: nhờ oai lực của Tỳ-lô-giá-na và oai đức của Bát-nhã Ba-la-mật. Ba nhân: lực định của Bồ-tát Tỳ-lô-giá-na, trí vi diệu tự tại không tạo tác của định không thể tánh, chúng sanh từng nghe pháp thân không thể tánh (định ly cấu, năm vị tu tập, phát được nói ở các hội, phiền não của sắc thanh hương... như trước).

Phẩm: HẠNH PHỔ HIỀN

Có bốn phần: Tên: hạnh Phổ Hiền Phật ở cội bồ đề là quả Phật, mười Bồ-tát... đại chúng là hạnh Phổ Hiền của Phật. mười đức Phật ở điện Phổ Quang trong lần thuyết thứ hai là quả, Văn Thù... mười Bồ-tát là hạnh Phổ Hiền. Phật Bồ-tát ở mười trụ... mười địa cũng thể. Ở đây quả Phật tự tâm, hạnh Phổ Hiền tự tâm) nghĩa của 11 phẩm mười định... như trước). Nghĩa Phẩm: hạnh Phổ Hiền tạo lợi ích cho chúng sanh. Nếu có lý trí mà không hạnh nguyện thì lý trí ấy chưa trọn vẹn trong sanh tử. Nếu có hạnh nguyện mà không lý trí thì hạnh nguyện ấy không thóat tục. Vì thế cần có đủ lý trí, hạnh nguyện. Người thuyết: Bồ-tát Phổ Hiền. Vì phần này là hạnh viên mãn của Phổ Hiền, là công dụng của lý trí pháp thân Phổ Hiền. Hai pháp ấy cần phải dung hòa nhau, nên riêng lẻ sẽ không viên mãn. Vì thế phẩm trước nên ánh sang của trí huệ pháp thân, phẩm này nêu hạnh Phổ Hiền. Nghĩa Văn: 15 đoạn.

1) (5,5 hàng) chúng sanh cách quả Phật quá xa, Phật chính là cảnh giới đã được nói ở trước.

2) (2,5 hàng) Phổ Hiền dạy: chúng sanh không bao giờ biết tội lỗi của mình như chúng ta không bao giờ thấy sự giận hờn của Bồ-tát.

3) (44 hàng) 100 chướng ngại à điều kiện tạo ra 100 vạn chướng ngại khác.

4) (1,5 hàng) Bồ-tát không sân.

5) Bồ-tát mong sớm thành tựu hạnh Bồ-tát.

6) Đủ mười pháp thanh tịnh.

7) Đủ mười trí lớn.

8) Đạt mười pháp vi diệu.

9) An trụ nơi mười tâm thù thắng.

10) (3,5 hàng) nghe pháp, cung kính thọ trì là phương tiện mau thành tựu qủa Phật.

12) (11,5 hàng) chánh pháp cảm động trời đất.

13) (10,5 hàng) Bồ-tát Phổ Hiền hiện khắp các cõi nước.

14) (7 hàng) Bồ-tát Phổ Hiền quán sát đại chúng nói ý Kệ.

15) Nói kệ. Nghĩa Văn như trước đã nói: đã lược nói một phần ở hai phẩm mười thân và công đức tướng tốt. Như Lai ra đời thuyết giảng cảnh giới công đức vì chúng sanh luôn sống trong tà kiến phiền não, xa cách đạo Như Lai, không biết Như Lai xuất thế. Về thật tánh, Như không sanh diệt. người sống trong Thánh đạo, trí c1nh hòa hợp, không thấy Phật ra đời, Niết-bàn, luôn dùng hai pháp định điều phục tà kiến, không thấy có sự ra vào, thành hoại tịnh nhiễm. Đó là sự ra đời của Phật. người chấp ngã, sở hữu của ngã là sống trong biên kiến.

Bốn đảo: vô thường chấp thường, vô ngã chấp ngã, không vui cho là vui, bất tịnh cho là tịnh. Tà kiến: ngược với chánh kiến. Kiết phược: mắt tay... những phép khác như Kinh. Người tu hành nên cẩn thận, đoạn trừ vọng tưởng, lĩnh hội ý đạo. Nếu còn chấp vọng thì không hợp đạo. Hãy nương bậc đại trí đoạn trừ kiêu mạn, cung kính tu tập hai pháp thiền, hiểu rõ thiền định của nhị thừa Bồ-tát và ngoại đạo trong quyền giáo. Nhờ đó hiểu chánh pháp, tâm chơn chánh, cầu trí sai biệt, dùng nguyện lực nuôi lớn tâm bi, thành tựu hạnh Phổ Hiền. Nếu không như thế, tâm ngạo mạng càng lớn, khởi sân hận, mở cửa chướng hoặc, bị các thần quỷ xấu hãm hại. Song nhờ tâm cầu đạo nên quỷ ác không hại được. Người tu hành hãy cẩn thận, cung kín cầu đạo, thường thọ từ đọc tụng phẩm hạnh Phổ Hiền, ba nghiệp luôn chơn tịnh. Kinh dạy: biết tâm trí chúng sanh là tha tâm thông vì đoạn trừ hoặc chướng phân biệt mình người, hiểu rõ tâm mình và tâm chúng sanh cùng một thể tánh. Từ đó biết được diệu lý của pháp Phật. Vì hiểu được thể tánh giống nhau của Thánh phàm, không phân biệt trong ngòai, thấy vô số cõi nước đều bình đẳng, tâm mình như hư không, sống trong trí rộng lớn, tự tại tùy thuận hiệnt thân độ sanh. Vì độ sanh nên làm mọi việc mà không chấp. Ba nguyên nhân cảm động trời đất:

1) Oai lực của pháp.

2) Bồ-tát nghe pháp vui mừng.

3) Như Kinh dạy : pháp vốn như vậy. Người thọ trì pháp này là tạo công lực sớm thành bồ đề. Không vọng tưởng, trí hiển hiện là bồ đề. Vô

số Bồ-tát từ cõi khác đến: viên mãn hạnh Phổ Hiền. Khen ngợi: khen ngợi việc khó nghe pháp. Thuyết pháp thậm thâm vi diệu của các đức Phật: hạnh nguyện Phổ Hiền là trí bi vi diệu của pháp giới, trong mỗi hạt bụi đủ trí thân, pháp thân cùng tên Phổ Hiền: hạnh pháp hòa hợp. Các Bồ-tát đến từ cõi Phổ Thắng nơi Phật Phổ Tràng tự tại. Sống trong pháp nhu hòa là Phổ Thắng. Phá trừ phiền não mình người là Tràng. Hạnh từ bi rộng lớn là Phổ Thắng Tràng. Tuy sống trong sanh tử nhưng không đắm nhiễm là tự tại. Đến: sự thăng tiến của năm vị. Nhờ thần lực Phật, mọi nơi đều vang tiếng pháp: ngữ nghiệp rộng lớn khai thị Bồ-tát hạnh: hạnh Phổ Hiền . Cảnh giới bồ đề Như Lai: trí căn bản pháp thân không tánh. Cảnh giới đại nguyện: bi nguyện của Phổ Hiền. Kiếp số như trước. Công hiệu sự ra đời của Như Lai: tùy căn độ thoát. Trồng căn lành đạt quả: phước đức độ sanh của Phật Bồ-tát. Bồ-tát thuyết pháp cho chúng sanh: lý trí cùng khắp không đến đi nhưng tùy thuận hiện thân giảng pháp. 121 hàng kệ nhắc lại mười pháp trên, trọn vẹn hạnh Phổ Hiền và bi trí.

Phẩm: **NHƯ LAI XUẤT HIỆN**

Có bốn phần. Tên: Như Lai xuất hiện nêu quả Phật khuyên mười tín tu tập ở lần thuyết thứ hai và sự dung nhiếp một trí đủ mười trí. mười tín nương trí căn bản thể bất động phát bi nguyện tu trí sai biệt, đến vị này là trọn vẹn. 5 vị trọn vẹn bi trí như việc Thiện Tài gặp đồng tử Đức Sanh đồng nữ Hữu Đức, Như Lai Từ Thị vì thế Như Lai phóng ánh sáng để hai Bồ-tát Văn Thù, Phổ Hiền thuyết giảng sự ra đời của Phật. Nghĩa phẩm: hạnh viên mãn của quả Phật. Nguyên nhân Như Lai phóng ánh sáng chiếu Phổ Hiền Văn Thù: ánh sáng phóng từ giữa long mày là trung đạo, chiếu đến đỉnh đầu Văn Thù là trí thù thắng của Phật khuyên Văn Thù hỏi về quả Phật. Ánh sáng từ kim khẩu Phật chiếu đến kim khẩu Phổ Hiền: Phổ Hiền là trí sai biệt, trả lời câu hỏi của Văn Thù. Vì sao Như Lai không tự nói? Đó là biểu hiện về pháp để kẻ hậu học noi theo không phải thật. Văn Thù là trí căn bản pháp thân Phật: Phổ Hiền là trí sai biệt tinh tấn tu hành. Vị này trọn vẹn hai trí căn bản sai biệt mới được gọi là xuất hiện. Vì từ pháp thân thanh tịnh hiện trí căn bản, trí sai biệt, thuyết giảng hạnh nguyện của mình hợp với công đức của Phật và chứng minh sự trọn vẹn bi trí của mình. Văn Thù, Phổ Hiền là lý trí

hạnh quả của Phật, thuyết pháp xuất hiện của Phật. Phật là trí căn bản, thể tánh không thể nói năng. Những gì nói năng được đều là trí sai biệt. Phật Tỳ-lô-giá-na xuất hiện trong đạo tràng bồ đề ở lần thuyết thứ một : biểu tướng để kẻ phát tâm tu học, viên mãn hai trí, đức Phật nơi mình là các đức Phật trong ba đời. Văn Thù, Phổ Hiền là pháp của các đức Phật. Người phát tâm cũng tu tập hai hạnh Văn Thù, Phổ Hiền. Và đó là thể tánh dung nhiếp rộng lớn của thể trí bất động từ tín vị đến quả Phật (ba nhân quả thể hiện trong các phẩm như trước). Nghĩa Văn: Hai phần.

1) (103 hàng kệ) Như Lai phóng ánh sáng để hai Bồ-tát hỏi đáp.

2) (10 đoạn) Phổ Hiền thuyết mười pháp phần một có năm đoạn:

1/ (12,5 hàng) Phật phóng ánh sáng chiếu đến đỉnh đầu Văn Thù để Bồ-tát hỏi pháp.

2/ (20 hàng) Văn Thù khen ngợi công đức của Phật và ý nghĩa của sự phóng ánh sáng, đồng thời hỏi về cảnh giới của Phật.

3/ (35 hàng) Như Lai phóng ánh sáng chiếu đến kim khẩu Phổ Hiền để Văn Thù biết người sẽ trả lời.

4/ (20 hàng) Văn Thù xin thuyết mười pháp xuất hiện của Như Lai.

5/ (Từ bấy giờ đến quả Phật) Phổ Hiền thuyết mười pháp rộng lớn, thành tựu quả Phật. (Ý nghĩa của việc phóng ánh sáng chiếu đến hai Bồ-tát như trước).

Phần hai có 10 đoạn:

1) Mười sự xuất hiện vi diệu của Phật.

2) Mười thân rộng lớn của Phật.

3) Mười âm thanh mầu nhiệm của Phật.

4) Mười tâm vô lượng của Phật.

5) Mười cảnh giới rộng lớn.

6) Mười hạnh vi diệu.

7) Mười việc thành Phật.

8) Mười việc thuyết pháp.

9) Mười sự Niết-bàn.

10) Mười sự nghe hiểu thọ trì.

■

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 32

Mười pháp rộng lớn về sự xuất hiện của Như Lai, mỗi pháp đều có mười ví dụ rõ như trong Kinh. Khư-đà-la: tên cây. Vi dân đà la: núi Trì biên. Mục chơn lân đà: núi Giải thoát, nơi ở của rồng Giải thoát. Mâu tát la :ngọc đỏ. mười pháp rông lớn về sự xuất hiện của Như Lai không phải là những ví dụ ấy. Ví dụ chỉ để giải thích một phần nào về ý nghĩa đó thôi. Vì pháp ấy vượt trên sự suy xét của tâm thức, không do tạo tác, tự tại đủ vô số công dụng, không thể nói năng ví dụ được. Các vị khác không hiểu được pháp này: hàng Thanh Văn Độc Giác Bồ-tát sanh về cõi tịnh của ba thừa, tiểu thừa, chưa chuyển tâm an trụ biến dịch sanh tử. Nếu phàm phu và ba thừa chuyển tâm thì đức Phật phó chúc pháp này cho họ. Nếu pháp của bậc Thánh diễn thuyết mà không có chúng sanh tu tập thì không gọi là lưu truyền phó chúc. Kinh nay phó chúc cho hàng phàm phu và ba thừa chuyển tâm để họ tu học, ngộ nhập gọi là lưu truyền. Không phó chúc cho Bồ-tát đã sanh trong nhà Phật. Nơi này có vô số Bồ-tát đạt mười địa, vì sao Như Lai lo sợ không có người tin hiểu, không thể truyền bá pháp này? (Như trước đã nói) Chỉ hàng đệ tử chơn chánh của Phật, sanh trong nhà Phật, trồng căn lành trong pháp Như Lai trí huệ giải thoát là nhà, đoạn trừ vọng kiến sanh trong nhà trí huệ không tạo tác không tánh của Như Lai. Trụ phát tâm thứ nhứt, địa bốn không đạt pháp giới, địa tám đạt một phần vô công dụng đều là người sanh trong nhà Phật, trồng căn lành trong pháp Như Lai. Như Lai thấy các pháp không tánh không tướng, không lấy bỏ vì tướng cảnh trí vốn là chơn như không sanh diệt. Trí Phật, trí chúng sanh và trí mình đều là không tánh không tướng, không trong ngoài, như hư không, nhưng đủ khả năng tùy thuận hiện thân độ thoát chúng sanh, không từ đâu đến, không đi về đâu, tâm cảnh là huyễn ảo. Người thông hiểu như vậy là người sanh trong nhà Phật, trồng căn lành trong pháp Như Lai. Trồng: tu học trí huệ chơn như của Như Lai phàm phu tu học trí huệ chơn chánh của Như Lai là làm cho hạt giống Phật

không mất. Và như thế thì pháp được phó chúc lưu truyền. Kinh dạy Bồ-tát tu sáu Ba-la-mật nhưng không nghe hiểu pháp này thì chưa phải là Bồ-tát chơn Phật, không sanh trong nhà Phật, là Bồ-tát quyền giáo quá không vô ngã, thích pháp xuất thế. Tuy hành sáu Ba-la-mật nhưng chán khổ thích sanh về cõi tịnh, chưa hiểu vô minh vốn là trí căn bản, còn vọng chấp, không phải là Bồ-tát nương trí huệ tu tập, không chán thích cảnh giới chúng sanh là cảnh giới Như Lai, tâm chúng sanh là tâm Như Lai. Lúc thuyết phẩm này có 18 tướng chấn động. Lúc thuyết phẩm Phổ Hiền có sáu cách chấn động. Vì trực tiếp nói về thể tánh của hạnh nguyện. Phẩm này nói về sự viên mãn của bi trí, hạnh Phổ Hiền, lý trí pháp thân, cảm động cõi nước mười phương, chư thiên cúng dường, vô số trăm ngàn đức Phật xuất hiện chứng minh khen ngợi. Phật Phổ Hiền, tám Thánh đạo là hạnh Phật hành.

Tám Thánh đạo viên mãn cùng khắp mười phương. Vô số Bồ-tát được thọ ký một đời thành Phật: tự tu tập hạnh đạt quả, đó là chúng hóa độ. Một đời: Không thấy có ba đời, phàm Thánh cùng một thể. Một sát na đạt vị này là một đời, không thấy tánh ba đời. Pháp vốn như thế. Nếu thấy khác là sai lầm.Vô số chúng phát tâm bồ đề cũng được thọ ký trong vô số kiếp sẽ thành Phật tên Thù Thắng cảnh giới: Một sát na chánh trí hiển hiện, đoạn trừ mê hoặc trong vô số kiếp, đạt giải thoát. Đó không phải là con số thật. Nếu thấy thật thì còn vọng tưởng, không thành Phật. Trong pháp chơn như không có số kiếp dài ngắn. Chúng sanh được độ thoát ở một phương, mười phương cũng thế. Vô số Bồ-tát từ các cõi đến đây: hạnh Phổ Hiền rộng lớn, các Bồ-tát đến chứng minh pháp Phổ Hiền. Các Bồ-tát đến từ cõi Phật Phổ Tràng Tự Tại nước Phổ Quang minh: từ trí căn bản pháp thân vi diệu Từ trí phát khởi vô số hạnh nguyện như hư không pháp giới hành hạnh Phổ Hiền. Trí căn bản là cõi nước, trí sai biệt là hạnh Phổ Hiền, viên mãn trí bi. Pháp môn của phẩm này là thế; từ trí căn bản của Như Lai, hành trí sai biệt Phổ Hiền nên Phật tên Phổ Hiền là biểu hiện cho việc từ trí Phật hành hạnh Phổ Hiền. Vì tám Thánh đạo, mười Ba-la-mật không ngoài trí căn bản. Pháp này được thuyết giảng cho chúng sanh liễu ngộ, chúng sanh kém cõi không thể hiểu được. Việc này nên hiểu ý chung riêng giống khác của các vị trong toàn bộ Kinh. Phẩm này nêu quả viên mãn sau khi trải qua năm vị, là hạnh xuất thế độ sanh của đức Như Lai nơi mình. Phẩm này như biển lớn, sông năm vị đều chảy về. Như núi Tu di, các núi khác không cao bằng, như mặt đất nuôi lớn vạn loài, như hư không viên mãn trí thân pháp thân, như gương sáng lớn chiếu soi vạn tượng. Pháp môn

xuất hiện của đức Như Lai là dùng gương trí viên mãn thanh tịnh không hình sắc hiển hiện vô số hạnh Phổ Hiền độ thoát chúng sanh. Vì vậy, người phát tâm bồ đề nên tin rằng mình, chúng sanh đều có đủ trí đức tự tại như Phật, sẽ như Phật. Vì thế Kinh dạy: Ba ngàn đại thiên cảnh giới nằm trong một hạt bụi và ngược lại. Nghĩa là chúng sanh đủ bốn trí như Phật. phá trừ vọng chấp: Bồ-tát đạt pháp này thấy rõ chúng sanh cũng thế, dùng trí phương tiện vào sanh tử độ sanh, khai ngộ chúng sanh đạt trí Phật. Kinh dạy: như nước biển thấm nhuần khắp 80 ức thân trong cõi Diêm Phù: nơi nào cũng có nước, tất cả chúng sanh đều đủ khả năng quan sát đạt trí như Phật. Đại Bồ-tát nên biết mình đủ khả năng thành chánh giác. Vì các đức Phật cũng thành chánh giác như thế. Chúng sanh đủ khả năng thành chánh giác như Phật. Vì thể tánh của tâm phàm Thánh vốn thanh tịnh, chỉ vì mê mgộ nên khác nhau. Khi đoạn trừ vọng tâm thì đạt tư tánh không sanh diệt không chứng đắc, thành chánh giác, đem lại lợi ích cho chúng sanh. Đó là hạnh Phổ Hiền. Trí vi diệu là Văn Thù; nghiệp báo của trời người, địa ngục... hành trí sai biệt biết khả năng tạo lợi ích cho chúng sanh là Phổ Hiền; dùng tâm bi độ snah là Quan âm. Tu học ba tâm ấy là Tỳ-lô-giá-na. Tu tập thuần thục là tự tại, thông đạt mọi pháp là trí vô ngại. Tùy thuận hiện khắp mười phương nhưng không đến đi là thần thông. Trí sáng ấy ở trong vọng nghiệp vẫn không thay đổi, có gì là tu học chứng đắc, đoạn khổ? Việc xuất hiện của Như Lai biểu hiện cho chúng sanh vốn đủ trí vi diệu Văn Thù và hạnh Phổ Hiền, nào có phân biệt xưa nay, vốn cùng một thể tánh. Đó là dạy kẻ hậu học, tiến tu, không nên thấy khó khăn lâu xa. Kinh dạy: như hải ấn hiện thân chúng sanh: quả bồ đề nhay trong tâm hạnh. Đó là chánh giác. Vì bồ đề là diệu lý không thể tướng, không chứng đắc. Trí thông đạt pháp này là trí vi diệu. Từ trí vi diệu này soi chiếu muôn hạnh, không vọng chấp là chánh giác. Tác giả nói kệ: “Cảnh giới bồ đề của chúng sanh, thanh tịnh sáng suốt trí không hoại, trong áo sẵn có ngọc trí sáng, cớ sao lang thang khắp mọi nơi, xe báu rộng đẹp ở ngã tư, Văn Thù dắt dẫn Phổ Hiền hộ, trâu trắng khỏe mạnh đủ sức lực, tích tắc đi khắp không mỏi mệt, vì sao không đi xe báu ấy, lang thang khổ nhọc trong nhiều kiếp, không biết tự thân đủ trí sáng, cứ mãi cho rằng mình phàm phu, “Nghĩa là tin mình đủ cảnh trí hạnh nguyện như Phật, không thể tánh, không ta người, pháp giới duyên sanh không tạo tác, không chứng đắc, không trong ngoài. Nên quán sát biết mình người đều như vậy, đủ trí Văn Thù và hạnh Phổ Hiền...”

Phẩm: **LÌA THẾ GIAN**

Có năm phần: Tên: nghĩa, nguyên nhân thành chánh giác, người thuyết, nghĩa Văn. Tên: lìa thế gian, đức Như Lai thuyết pháp đem lại lợi ích cho chúng sanh, vào đời nhưng không đắm nhiễm là lìa thế gian. Phẩm này là hạnh thường của Phổ Hiền, kể rõ việc từ lúc Như Lai thành chánh giác đến lúc thuyết Kinh; là hạnh của các đức Phật, là 40 phẩm Kinh, trời người không ngoài một sát na, dùng trí sáng ấn định tất cả, trọn vẹn mọi pháp. Nguyên nhân thành chánh giác: Phật thành quả bồ đề ở điện Phổ Quang đạo tràng bồ đề nước Ma Kiệt đề: hạnh nguyện của năm vị đều từ thể hạnh Phổ Hiền. Ý nghĩa của 40 phẩm kinh tuy khác nhưng đều từ thể trí, được giàng nơi trong một sát na không trước sau, mười phương đều như thế. Người thuyết: Bồ-tát Phổ Hiền: Hai ngàn pháp môn này là hạnh thường của Phổ Hiền, Phổ Hiền giảng nói để kẻ hậu học noi theo, tám tướng thành đạo đều từ hạnh Phổ Hiền. Từ mười trụ đến mười hồi hướng dùng một phần tâm giác ngộ đoạn một phần phiền não thô, hành một phần bi trí nhưng chưa viên mãn hạnh Phổ Hiền. Vì thế quả Phật là Nguyệt, Nhãn, diệu. Ở đây, Phật tên Phổ Hiền. Vì trí căn bản đủ công dụng trí sai biệt, đem lợi ích cho chúng sanh là Phổ Hiền của mười định và của phẩm này. (Bồ-tát ba lần tìm không gặp Phổ Hiền như trước). Vì vậy từ phẩm mười định đến phẩm này là tóm thâu gốc ngọn, trọn vẹn việc thành chánh giác. Người phát tâm nên hiểu ý này để tu tập. Nếu thấy có trước sau thì không khế hợp ý Kinh. Hãy dùng pháp bình đẳng của thể dụng lý trí đoạn trừ vọng chấp. Chúng sanh tán loạn thì dùng định để điều phục, chúng sanh thích tịnh tịnh thì dùng bi trí, đại nguyện, pháp thân bình đẳng để điều phục. Pháp của năm vị điều phục tất cả. Người thuyết pháp này là người thành tựu quả Phật. Hai ngàn pháp này tóm thâu vô số hạnh Phổ Hiền. Địa tám bỏ chấp của địa bảy đạt vô công dụng. Địa 10 bỏ chấp Niết-bàn, thành tựu hạnh Phổ Hiền, vào sanh tử độ sanh, tự tại viên mãn. Nghĩa Văn: mười đoạn:

1) (8 hàng) khen ngợi pháp thành đạo(phần tựa của phẩm này).

2) (21 hàng) khen ngợi chí đức viên mãn của Bồ-tát.

3) (10 hàng) tên và chí đức của Bồ-tát.

4) (3,5 hàng) Phổ Hiền nhập định, 18 tướng chấn động, Phổ Hiền xuất định.

5) (72,5 hàng) 2000 câu hỏi về hành tướng pháp môn từ lúc phát tâm đến quả Phật của Phổ Hiền.

6) (từ bây giờ đến 2000 câu trả lời) Như Lai quán mười pháp thị hiện Niết-bàn, mỗi câu trả lời gồm mười pháp (như kinh) (đây là phần chánh).

7) (12,5 hàng) phó chúc lưu truyền pháp này.

8) (11 hàng) nhờ oai lực của pháp các đức Phật mười phương đều xuất hiện khen ngợi, ủng hộ.

9) (16 hàng) công đức của người phát tâm bồ đề.

10) (207,5 hàng kệ) các ví dụ biểu hiện hạnh nguyện đại bi lợi ích và pháp tu của Bồ-tát. Người phát tâm bồ đề nên cung kính thọ trì trang nghiêm ba nghiệp thành phát thân trí bi rộng lớn, thành tựu quả Phật, công dụng Phổ Hiền, đạt lý trí vô công dụng viên mãn, đoạn trừ vọng chấp đoạn thường có không, hiểu pháp không tướng, trí cảnh như huyễn, tâm cảnh không chủ thể. Người an trụ pháp Phật hiểu Phật không an trụ nơi nào. Người đạt pháp bình đẳng của Phật đủ trí lớn tùy thuận lợi ích mọi loài. Người đạt sự không chướng ngại: hiểu rõ phàm Thánh cùng một thể tánh, tự tại trước riêng chung. Người đạt pháp bất thoái: hiểu rõ thể dụng không tánh; hạnh nguyện không ngại: trí dụng cùng khắp không vướng mắc; an lập pháp vi diệu: đoạn mê sống trong trí. Ba đời Phổ Hiền: trí ấn xưa nay không nhanh chậm. Hiện thân khắp các cõi: đoạn trừ vọng tình trong ngoài lớn nhỏ, tâm như hư không, thể trí cùng khắp, tùy thuận hiện thân không đến đi. Thông đạt tất cả pháp: viên mãn trí sai biệt của Như Lai, đoạn trừ nghi hoặc. Thân vi diệu,trí viên mãn mà Bồ-tát cầu học: công dụng của thân sau cùng của Như Lai. Hiểu mọi nghĩa lý, hạnh rộng lớn, thân cùng khắp, hiểu biết tất cả, trí viên mãn, tự tại không dụng công không mỏi mệt, ứng hiện khắp mười phương, không vọng thức, tự tại trước mọi việc, không nương tựa, dùng một tiếng pháp dạy chúng sanh, tùy khả năng chúng sanh đều tỏ ngộ. Phẩm này là hạnh rộng lớn của quả Phật như việc Thiện Tài gặp Từ Thị, Từ Thị dạy gặp Văn Thù, thấy Phổ Hiền.

Phẩm: **NHẬP PHÁP GIỚI**

Có sáu phần: Tên: nhập pháp giới, người tin hiểu, đoạn mê hoặc thông đạt pháp: nhập; tánh của thân tâm cảnh giới không nương tựa: pháp; thông hiểu một nhiều, đoạn trừ phân biệt chơn giả: giới. Sống trong trí huệ không vọng thức: pháp giới; đạt vô minh, biến chúng thành công dụng của trí, không sống trong mê hoặc là trí không nương tựa. Trí thể rộng lớn hiện khắp mười phương chơn tục đều vi diệu, ngay mỗi lỗ chân lông hiện đủ mọi ảnh tượng thân hình, một hạt bụi gồm đủ vô số cọi nước, dung nhiếp đan cài, một tiếng nói vang khắp mọi nơi, không phân biệt lớn nhỏ, trí hiện tình đoạn. Nghĩa phẩm: pháp giới là cảnh giới không hư vọng, là quả trí thành đạo không trước sau của Như Lai, là thể tiến tu của năm vị, viên mãn tự tại. Nơi Phật an trụ: Như lai an trụ nơi vườn cấp cô độc rừng Thệ Đa nước Thất La Phiệt: trọn vẹn quả vị hạnh độ sanh trong cõi đời sau khi thành Phật. Dùng pháp giới làm thể độ nhị thừa, Bồ-tát cõi tịnh, không lập pháp môn năm vị, không trí sai biệt, hạnh Phổ Hiền tự tại độ sanh như các dòng sông chảy về biển không còn tên sông. Thất La Phiệt: Hiếu đạo, Văn Vật, đạo đức con người. Rừng Thệ Đa: Thệ: đi, qua, nhanh. Phật an trụ nơi này, chúng sanh đến nghe pháp được giải thoát. Rừng hạnh độ sanh của Phật như pháp giới rộng lớn che chở chúng sanh. Trí cảnh rộng lớn vô hạn của pháp giới. Người thuyết pháp: Đức Tỳ-lô-giá-na, là Phật của năm vị, là Phật Di Lặc trong tương lai. Là Phật của ba đời. Vì trong thể của pháp giới không có sự phân biệt xưa nay, nhanh chậm, cũ mới, thành hoại, độ sanh thành Phật nhưng không thấy có chúng sanh được độ. Về vọng thức chúng sanh khác Phật. Về thể tánh tất cả là một. Người thông đạt nhu vậy là người đạt sự hiểu biết của Phật, an trụ trí Như Lai, là công dụng của thể trí rộng lớn, thấy rõ mình người thần tâm là pháp giới. Có mười pháp:

1) Thần lực Như Lai: pháp được hiểu bằng thần lực Phật.
2) Pháp vi diệu: pháp môn không thể nói năng.
3) Hư không: các pháp như hư không.
4) Ánh sáng: ánh sáng hiện pháp phóng từ tướng lông mày.
5) Cảnh giới: cảnh giới dung nhiếp.
6) Quả Phật: sự trang nghiêm của pháp ba đời.
7) Pháp tánh: không chứng đắc tu tập.
8) Danh hiệu Bồ-tát: có từ hạnh nguyện.
9) Số lượng 500 Bồ-tát của năm vị.

10) Trí sáng: độ sanh trong mười cõi.

Người nghe pháp và thọ trì pháp không phải chỉ bằng tư mà là cả sáu căn đều nghe. Đại chúng tập hợp: Phổ Hiền Văn Thù là trưởng tử 500 Bồ-tát của năm vị. Các Bồ-tát này đều thành tựu hạnh Phổ Hiền. Văn Thù là pháp thân, là thể của trí căn bản; Phổ Hiền là công dụng của trí sai biệt. Vì sao 142 Bồ-tát thành 500 Bồ-tát? 100 Bồ-tát là mười Ba-la-mật trong thể pháp giới. Mỗi Ba-la-mật đủ mười Ba-la-mật. mười Bồ-tát là hạnh quả trong pháp giới. 40 Bồ-tát cùng tên của bốn vị, mỗi vị đủ mười Ba-la-mật, cộng thành 400. Cộng cả 100 Ba-la-mật trên thành 500. Đó là sự dung nhiếp đan cài trong pháp giới. Quan là mũ, trang sức trên đầu. Cũng thế, pháp giới là đỉnh của muôn hạnh trong quả Phật. Kinh này là pháp môn chung cho mọi pháp khác. 500 Thanh Văn là người nghe pháp. Các Bồ-tát, đại chúng mười phương: nhân quả trong pháp giới. Nghĩa Văn: có hai phần:

1) Từ bấy giờ Thế Tôn... rừng Thệ Đa. (1,5 quyển) Như Lai nhập định sư tử tần thân, phóng ánh sáng hiển hiện pháp giới để các Bồ-tát đoạn chấp năm vị đạt quả Phật tự tại không chứng đắc trong pháp giới.

2) Từ bấy giờ Văn Thù... cuối Kinh: nghe lời Văn Thù, đồng tử Thiện tài đi về phía đông, tùy căn tánh độ sanh, thành tựu hạnh nguyện để kẻ phát tâm hiểu được hạnh nguyện.

Phần một gồm 27 đoạn:

1) (1,5 hàng) phần tựa.

2) (49,5 hàng) số đại chúng.

3) (8,5 hàng) khen ngợi chí đức của Bồ-tát.

4) (3,5 hàng) khen ngợi chúng Thanh Văn;

5) (4 hàng) khen ngợi chí đức của đức Thế Tôn.

6) (3 hàng) đại chúng cùng thỉnh Như Lai thuyết mười pháp.

7) (6,5 hàng) người tin ngộ pháp này không nương tựa người khác.

8) (12,5 hàng) Đại chúng nêu 30 câu hỏi về hạnh độ sanh của Phật và Bồ-tát.

9) (13 hàng) Nhờ sức tam muội Như Lai thị hiện hạnh nguyện trang nghiêm ngày xưa.

10) (16 hàng) nhờ sức định của Phật, rừng Thệ Đa tự nhiên trang nghiêm xinh đẹp rộng lớn khắp mười phương.

11) (7 hàng) sự trang nghiêm bằng sức định và căn lành của Như Lai.

12) (14 hàng) thần lực trang nghiêm tự tại của Phật đại chúng

mười phương đều như vậy.

13) (11 hàng) hư không trang nghiêm báu vật.

14) (10 đoạn) Bồ-tát mười phương đến đại hội. Sáu đoạn trên là phần trả lời 40 câu hỏi, năm câu hỏi sau trả lời về thần lực và cảnh giới Phật. Đại chúng tập hợp là sự tu tập mười Ba-la-mật, trang nghiêm thân bằng hạnh nguyện viên mãn. mười Phật mười cõi nước là nhân quả của hạnh. mười Phật tâm vương là trí tự tại của Phật. Bồ-tát trang nghiêm là hạnh thuyết pháp độ sanh.

15) (25 hàng) khen ngợi công đức của Bồ-tát.

16) (50 hàng) Thanh Văn không đạt những pháp trên, chúng sanh không có căn lành thì không thấy sự trang nghiêm bằng thần lực Phật.

17) (10 ví dụ) Thanh văn không có căn lành rộng lớn như Bồ-tát nên tuy ở trong đại hội nhưng không thấy thần lực Phật. Thần lực của Phật khiến hàng thanh văn chuyển tâm hành từ bi, vào sanh tử độ sanh.

18) mười Bồ-tát nói kệ, các Bồ-tát ở mười phương đều nói kệ, khen ngợi pháp mình tu tập. Ánh sáng nguyện của Bồ-tát Tỳ-lô-giá-na biểu hiện quả Phật, là hạnh Bồ-tát của quả Phật. Đó là khen ngợi chung để Bồ-tát quan sát cảnh rừng Thệ Đa, chín Bồ-tát sau là khen ngợi riêng.

19) (6 hàng) Bồ-tát Phổ Hiền dùng mười pháp phương tiện thuyết giảng định sư tử tần thân.

20) (từ mười pháp... pháp đầu) mười pháp vi diệu.

21) (6 hàng) Bồ-tát Phổ Hiền quán sát cảnh giới Phật, nói kệ. 10 hàng kệ nhắc lại mười pháp vi diệu. Vì thể tánh pháp không ngăn ngại, dung nhiếp một nhiều lớn nhỏ. Mỗi lỗ chân lông đủ vô số pháp: mỗi lỗ chân lông đủ vô số cõi nước, nơi nào cũng có Phật và các Bồ-tát. 21 đoạn trên: Như Lai dùng sức định khen Bồ-tát năm vị tiến tu hạnh Phổ Hiền nhập pháp giới viên mãn. Phần sau là phầnNhư Lai phóng ánh sáng để các Bồ-tát an trụ nơi định sư tử tần thân 21 đoạn trên là hạnh vô ngại của trí sai biệt. Phần phóng ánh sáng là hạnh tự tại của trí căn bản pháp thân không ngại. Lý trí thể dụng dung hợp nên văn Thù cũng nói kệ khen ngợi. Vì hai Bồ-tát là pháp bình đẳng trong pháp giới, là thể dụng của pháp giới. Thiếu Phổ Hiền là thiếu hạnh của trí sai biệt, chỉ là trí an trụ tịch tịnh. Thiếu Văn Thù, hạnh Phổ Hiền là hạnh hữu vi, vô thường. Đó là pháp của các đức Phật. An trụ nơi Phật an trụ: Phật an trụ pháp không trụ, trí không trụ trong thể dụng lý trí Văn Thù Phổ Hiền. Phổ Hiền là từ hạnh hiển lý, Văn Thù là dùng lý hiển hạnh. Về

cách thuyết giáo, các pháp có trước sau nhưng trong pháp giới không có trước sau. Đó chỉ là cách biểu hiện pháp. Định sư tử tần thân là pháp Phổ Hiền. Ánh sáng từ lông mày là pháp Văn Thù. Ánh sáng thuộc pháp thân trí vi diệu. Định sư tử từ trí căn bản là hạnh trong trí sai biệt. hai pháp hòa hợp mới là sự tự tại của pháp giới. Tự tánh của trí căn bản không nói năng, những gì nói năng được đều thuộc hạnh Phổ Hiền. Nếu không hòa hợp thì thuộc sanh tử của trời người, người đạt đạo chỉ là những kẻ hẹp hòi, là kẻ ở thảo am, không an trụ nhà pháp giới. Định sư tử tần thân là trí trí dung hợp của năm vị, đủ pháp lạc, là thần thông biến hóa cùng khắp của trí, không làm nhưng đủ công dụng, cõi Phật đan xen, rất nhỏ nhưng gần đủ vô số cõi, rất lớn nhưng có ngay trong một hạt bụi. Tần thân: vui vẻ thoải mái. Sự tiến tu của năm vị là sự mệt mỏi, ở đây là sự vui vẻ sau khi thành tựu viên mãn năm vị. Vì thế ánh sáng phóng từ lông mày là hiển hiện hạnh của trí căn bản. Văn Thù Phổ Hiền là thể dụng hòa hợp của pháp giới, không thể nói năng ghi chép. Song vì chỉ dạy kẻ mê nên cần phải nêu thứ lớp, nêu phương tiện tu tập để hiển bày lý trí. Trong mười Ba-la-mật, chín Ba-la-mật là pháp tu, trí ba-la-mật là quả. 21 đoạn trên là sự hòa hợp của thể dụng. Về vô trước môn, Phổ Hiền là chủ, Văn Thù là khách. Về vô ngại môn, Văn Thù là chủ, Phổ Hiền là khách. Chủ khách hòa hợp tự tại. Đoạn từ bấy giờ... vô ngại được phân thành sáu phần:

1) (43 hàng) nhờ ánh sáng Phật, các Bồ-tát đạt vô số thần biến.

2) (66 hàng) tên định.

3) (53,5 hàng) công đức mà Bồ-tát đạt được nhờ ánh sáng Phật.

4) (20,5 hàng) thần thông biến hóa trang nghiêm rừng Thệ Đa và mười phương của các Bồ-tát.

5) (26 hàng kệ) Văn Thù nói kệ nhắc lại pháp trên.

6) (63 hàng) nhờ ánh sáng của định Phật các Bồ-tát đạt từ bi độ sanh và thần thông vô hạn.

■

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 33

Nghĩa Văn: trong phần “Đại chúng” có hai ý: Tên Bồ-tát, tên thanh văn. Tên Bồ-tát có sáu:

1) 142 Bồ-tát, Văn Thù Phổ Hiền, Phật tóm thâu nhân qua của năm vị, đả sáu tướng thành hoại...

2) Mười Bồ-tát tên Tràng: các Bồ-tát Pháp Huệ... đạt đến quả không tạo tác của pháp giới, từ mười trụ, dùng trí phá trừ phiền não đạt quả vị pháp giới.

3) Mười Bồ-tát tên oai lực: nhờ oai lực hạnh lành thành tựu quả hạnh pháp giới.

4) Mười Bồ-tát tên Tạng: chính là mười Bồ-tát Kim Cang Tràng... trong vị hồi hướng đạt quả pháp giới. Vị hồi hướng phá trừ kiến chấp, dung hợp lý trí bi nguyện, thành tựu các công đức, đạt đến quả vị trong pháp giới.

5) Mười Bồ-tát tên Nhãn: chính là 37 Bồ-tát của mười địa đạt đến quả vị pháp giới. Vì mười địa đủ vô số công đức, mắt pháp sáng suốt thông đạt mọi pháp. 40 Bồ-tát trên là quả vị trước vị pháp giới. Vì 40 Bồ-tát là 40 tâm đủ cả Văn Thù Phổ Hiền thành 42 đạo hiền Thánh, quả của pháp giới.

6) 100 Bồ-tát từ mười Bồ-tát tên Quan... chính là hạnh của mười Ba-la-mật trong trí căn bản, là thể viên mãn của một Ba-la-mật. (Trong một đủ 10, trong 10 đủ 100). 100 Bồ-tát là 100 Ba-la-mật. Kể cả 40 Bồ-tát thành 142, tùy vị tu tập Ba-la-mật thành 500. Vì thế Kinh dạy: 500 Bồ-tát đều thành tựu hạnh Phổ Hiền vì Phổ Hiền, Văn Thù, Phật là thể dụng của năm vị(như 500 đồng tử... ở trước đã nói). Tân Thanh Văn: Xá-lợi-Phất: mắt của mẹ ngài sáng đẹp như mắt chim thu, nên tên ngài là Thu tử. Mục Kiền liên họ Thái Thúc, mẹ của ngài là dòng dõi lục Đầu Tiên. Ma-ha-ca-diếp Ẩm quang, thân sáng như mặt trời, dòng dõi của tiên. Ly-bà-đa: cúng dường. Tu-bồ-đề: Thiện hiện. A-nậu-lâu-đà: Vô diệt. Nan-đà: hoan hỷ. Kiếp-tân-na: hoàng sắc, dòng dõi của Hoàng

Đầu Tiên. Ca-chiên-diên: Họ của một tông, là con cháu xa của họ ấy. Phú-lâu-na: (theo tên mẹ) Mãn từ. 10 Thanh Văn lớn thị hiện không nghe hiểu pháp vi diệu của Như Lai là để dạy những người thích pháp tiểu thừa, hướng chí cầu pháp đại thừa. 500 Thanh văn và đức Như Lai đã từng có nhân duyên với nhau, nên luôn tùy thuận hạnh nguyện của Phật. Nhập định Tần thân, cung điện tự nhiên biến rộng như hư không. Vì cảnh giới thường hằng của Như Lai là vô biên, đoạn tâm mê hoặc, thông đạt tất cả, tâm như hư không dung chứa mọi pháp. Đất bằng Kim Cang là quả của pháp thân đủ muôn hạnh. Ngọc ma ni: quả của trí căn bản. Vàng diêm phù đèn: sáng đẹp khác với vàng thường, là quả của tân nhu hòa Khiêm hạ. Ngọc như ý: quả của hạnh từ trí căn bản phát khởi trí sai biệt, tự tại vô ngại lợi ích tất cả chúng sanh. Nguy lâi huýnh đái: lầu gác cao đẹp nối tiếp nhau khắp cả pháp giới. Giai trì hiên hạm. Giai: bậc cấp; phía dưới bậc cấp là trì, phía trên bậc cấp là hạnh, ván báu lót trên hạm là hiên. Như câu: "Bằng hiên hạm dĩ diêu vọng" trong bài phú Đăng lâu. Tất cả đều trước trang sức bằng báu vật quả của trí sai biệt, là công dụng của trí căn bản vượt trên cảnh giới khác. Trang nghiêm báu vật là quả hạnh đạo lợi ích cho trời người. Lưới báu là hạnh thuyết pháp. Tường phẳng là giới báu. Cây là hạnh che chở chúng sanh. Tràng phan là hạnh hồi hướng. Sông báu là hạnh từ bi. Tất cả đều là quả báu của hạnh bằng trí. Thân tướng Bồ-tát trang nghiêm là dung hợp thể dụng. Bồ-tát cõi nước đan cài tự tại: trí căn bản là thể, trí sai biệt tạo nên quả báo ấy. Thần thông của tất cả các đức Phật đều không ngoài trí căn bản tự tại hòa hợp. Năm vị phải tu tập tất cả các hạnh mới đạt trí ấy. Nếu không như thế thì chỉ hiểu nhiều không ngoài một nhưng không nắm bắt được. Đó là lẽ tự nhiên. Rừng Thộ Đa... tất cả cõi nước đều không ngoài hai pháp:

1) Quả của hạnh bi trí đời trước.

2) Sự trang nghiêm của Phật, Bồ-tát.

Đó là phần trả lời 40 câu hỏi trước. 10 đoạn Kinh từ bấy giờ phương đông... Bồ-tát mười phương đến đại hội: vô số hạnh trong quả Phật. Tất cả đều là hạnh rộng lớn của quả Phật. vì thế cõi nước tên Kim Cang Đăng Vân Tràng. Vì tất cả các đức Phật đều từ trí kim cang hành mọi hạnh, phá từ phiền não. Phật tên Tỳ-lô-giá-na thắng đức Vươn: quả của hạnh. Bồ-tát tên Tỳ-lô-giá-na nguyện quang minh: quả của hạnh từ bi. Quả hạnh dung nhiếp. Vô số Bồ-tát đến: viên mãn hạnh nguyện Bồ-tát, hiểu được pháp này. Nghĩa là trọn vẹn hạnh Ba-la-mật. Các Bồ-tát đều trang nghiêm lưới báu: hạnh độ sanh viên mãn. mười phương cũng

thế (Ánh sáng, Văn Thù độ Bồ-tát, dạy Thiền Tài... Phật Phổ Hiền là nhân quả thể dụng của năm vị như trước).Phần từ Văn Thù... cuối Kinh có ba đoạn:

1) (Từ bấy giờ... bồ đề) tùy căn tánh vào đời độ sanh.

2) (Tuần tự đi về thành phía đông) Văn Thù vào đời thuyết pháp.

3) (Từ bấy giờ... cuối Kinh) hiểu khả năng chúng sanh, giảng dạy đúng pháp.

Đoạn một có hai:

1) (20,5 hàng) Văn Thù cùng các Bồ-tát xin phép Phật đi về phía nam.

2) (86,5 hàng) sáu ngàn Tỳ kheo gặp Văn Thù đạt pháp nhứt thừa.

Nghĩa Văn. Văn Thù từ lầu Thiện Trụ ra đi: từ pháp than hiện trí căn bản, phát trí sai biệt độ thoát chúng sanh. Vô số Bồ-tát cùng đi: cùng ủng hộ đạo pháp độ sanh. Thần kim cang hộ vệ: oai đức của thần và Văn Thù. 42 chúng là 42 phương tiện độ sanh. Kim cang: trí sáng trong pháp thân. Thần cúng Phật vì chúng sanh: cung kính, hóa vô số thân cúng dường Phật và độ chúng sanh. Thần gió với mũ ma ni: từ trí vô cấu thuyết pháp độ sanh như gió xô đổ vạn vật và nuôi lớn vạn vật nhưng thể tánh không thật. Cũng thế trí độ sanh nhưng không đắm nhiễm. (Cưu bàn trà... như trước).

Đoạn hai có bảy:

1) (12,5 hàng) Xá Lợi Phất và sáu ngàn Tỳ kheo được độ thoát.

2) (16 hàng) Xá Lợi Phất khuyên các Tỳ kheo quán sát hạnh độ sanh của Văn Thu.

3) (10,5 hàng) Xá Lợi Phất khen ngợi công đức của Văn Thù, các Tỳ kheo mong gặp Văn Thù, Xá Lợi Phất thưa Bồ-tát Văn Thù.

4) (6,5 hàng) sáu ngàn Tỳ kheo đảnh lễ Văn Thù, phát nguyện.

5) (18 hàng) Văn Thù thuyết mười pháp không mỏi mệt, không thuộc hạnh nhị thừa, đạt hạnh Như Lai.

6) (16 hàng) Nghe pháp, sáu ngàn Tỳ kheo đạt định.

7) (6 hàng) Văn Thù khuyên các Tỳ kheo hành hạnh Phổ Hiền để đạt pháp Phật.

Nghĩa Văn: Ngàn Tỳ kheo là sáu vị. Xá lợi Phất và sáu ngàn Tỳ kheo là sự tiến cầu chánh pháp. Từ nơi ở đi ra: thóat khỏi sự hiểu biết của Thanh Văn quyền giáo, cầu pháp bồ đề. Đi quanh bên phải ba vòng là thuận pháp Phật, đi từ nam đến đông, bắc, tây, về nam: đi ngược với hạnh từ trước. Sáu ngàn Tỳ kheo không phải là người đạt quả la hán,

nhờ căn lành đời trước nên dễ phát tâm. Kinh dạy: họ từng cúng dường vô số Phật, hành vô số pháp lành: đời trước từng tin pháp giờ đầy lòng tin đã thuần thục. Ánh sáng công đức của Văn Thù mà Xá lợi Phất khuyên các Tỳ kheo quán sát là ánh sáng thường hằng của thân tâm thanh tịnh, ai thấy được đều vui vẻ. Quang võng: ánh sáng giáo pháp viên mãn trang nghiêm thân hình, ai thấy được đều đoạn Khổ. Con đường của Bồ-tát Văn Thù đi rộng tám bước, bằng phẳng: thân tâm luôn sống trong 8 Thánh đạo. Đi khắp đạo tràng mười phương: hạnh hóa độ chúng sanh. (Ánh sáng chiếu đến Văn Thù như trước) cây báu: quả của hạnh. Sáu ngàn Tỳ kheo quán sát Văn Thù, nghe pháp đạt tam muội vô ngại nhãn: đạt trí nhãn thanh tịnh sáng suốt không tướng trong pháp thân. Đoạn trừ vàng chấp, trí sáng biểu hiện: đoạn năm kiến, thông đạt các pháp. Từ oai lực của định tiến tu hạnh Phổ Hiền sẽ trọn vẹn các pháp. Vào đời thuyết giảng các pháp: Tháp miếu ở rừng Sa La, phía đông thành Phước.

Đoạn này có hai phần:

1) (7,5 hàng) Văn Thù vào đời độ sanh;

2) (8 hàng) Văn Thù thuyết pháp. Văn Thù khuyên các Tỳ kheo phát tâm bồ đề: Bồ-tát chỉ dạy chúng sanh hướng đến pháp tịnh. Vào đời: lòng từ bi độ sanh của Bồ-tát. Thành Phước: người ở đây tu pháp lành. Pháp định của bậc Thánh cũng là phước đức. Tràng có hai ý: các đức Phật đã từng ở nơi này đoạn trừ chấp trước. Nơi này từng có rừng trang nghiêm. Đại pháp miếu: tiếng tăm vang xa. Thuyết pháp chơn chánh đoạn vọng Kiến: đại; nơi an trí hình tượng của Phật: tháp miếu(còn gọi là Tràng). Trong Phạm Tăng chép: tháp này rất rộng, ở phía nam đánh trống, phía bắc không nghe. Sa la: cao. Trời rồng... tám bộ trời rồng thường cúng dường. Văn Thù cùng Bồ-tát bạn: sáu ngàn chúng. Thuyết giảng Kinh pháp: trí căn bản rộng lớn tùy căn độ sanh. Trăm vạn ức na du tha Bồ-tát bạn: trí sai biệt tùy thuận độ sanh. Vô số trời rồng liễn ngộ sanh thiên: tùy căn tánh, chúng sanh nghe pháp đạt lợi ích. Tùy căn tánh thuyết giảng: Văn Thù quán sát Thiện tài và đại chúng. Khuyên Thiện Tài đi về phía nam cầu học thiện tri thức: nhân quả tiến tu của năm vị để kẻ hậu học noi theo.

- Phần này có hai:

1) (94 hàng) Văn Thù tùy khả năng của đại chúng ở thành Phước thuyết giảng giáo pháp và khuyên dạy Thiện Tài cầu học thiện tri thức.

2) (Còn lại) biết khả năng, thuyết giảng giáo pháp để kẻ hậu học

noi theo.

Phần một được phân thành sáu:

1) (21,5 hàng): đại chúng tập hợp.

2) (25 hàng) Văn Thù quán sát nhân quả của Thiện Tài.

3) (6,5 hàng) Văn Thù thuyết pháp cho Thiện Tài.

4) (4,5 hàng) Thuyết pháp xong, Văn Thù ra đi.

5) (2,5 hàng) nghe pháp, Thiện tài vui vẻ cần cầu pháp vô thượng.

6) (34 hàng kệ) Thiện Tài nói về gốc khổ, xin thuyết pháp lợi ích. Bốn hàng kệ đầu nói Khổ sanh tử; 30 hàng kệ sau: Khen ngợi công đức của Văn Thù và xin thuyết pháp. Nghĩa Văn: 500 đại chúng: mười Ba-la-mật trong năm vị (như trước). Oai quang hách dịch: sắc thân sáng chói trang nghiêm của Bồ-tát Văn Thù. Văn Thù quán sát biết nhân quả của Thiện Tài: quả có từ nhân. Thai: từ đời trước từng tin mình đủ pháp thân thanh tịnh, trí sáng không nương tựa. Trí ấy là trí bất động. Biết vô minh của chúng sanh và mình là hạt giống của trí thanh tịnh pháp thân của Phật. Nhờ lòng tin hiểu ấy sanh trong nhà bảy báu. Bảy báu là quả của Bảy pháp trợ ngộ: quả của tám Thánh đạo. Vô số báu vật trong nhà: Quả của lòng tin tu tập mười Ba-la-mật... của năm vị. Lòng tin ấy trải qua nhiều đời không phải một đời. Song thời gian vốn không trước sau. Kinh dạy: đồng tử đã từng cúng dường vô số Phật: nhân tin từ xưa. Từng tu tập pháp: tu mười Ba-la-mật... các pháp của năm vị. 1mười pháp là nhân quả của năm vị như trước. 53 thiện tri thức là hành tướng của năm vị. Văn Thù Phổ Hiền Phật là nhân quả thổ dụng của quả Phật(như trước). Đó là nhân quả tiến tu của các Bồ-tát nhưng về thể tánh ba pháp ấy không phải là nhân quả. Như vua quan vốn không có phẩm trật. Với oai đức tự tại, tùy công lao mà có phẩm trật. Vì sao ở đây nêu Di Lặc là quả Phật mà không nêu đức Tỳ-lô-giá-na? Vì Tỳ-lô-giá-na và Di Lặc là một. Vì thế có câu: trong lầu gác Di Lặc biết rõ ba đời trong một sát na. Vì tất cả đều từ trí căn bản không trước sau. Chúng hội của các đức Phật thanh tịnh: đều cùng một pháp thanh tịnh, khôn chướng ngại, đan xen dung nhiếp. Tam hữu: dục, sắc, vô sắc. Tất cả chúng sanh đều thuộc ba hữu này. Kiêu mạn: trái lễ: Kiêu; xem thường người khác: mạn (bảy mạn như trước). Các thú: Kiến thú, giới thú, tà định thú, bất định thú, chánh định thú, trời người, nhị thừa chán khổ ra khỏi thế gian, Bồ-tát cõi tịnh, Bồ-tát nhứt thừa chưa đạt sự tự tại của trí bi. Tất cà đều từ nghiệp. Sông ái: ái đưa chúng sanh luân hồi trong sanh tử. Ngu si: không hiểu chơn đế. Phàm phu có tám vạn bốn ngàn ngu si. Bồ-tát mười địa

có 22 ngu si, tùy địa vị, Bồ-tát biến 110 ngu si thành 110 giải thoát. Lửa tham sân: phiền não ba cõi là tham, tham là pháp đầu trong mười sử. Giận thuộc sân. Vô minh là tên gọi chung. Phú, mạn là tùy phiền não. Nghi và năm Kiến chướng ngại Thánh đạo. Đó là nhân quả sanh tử. Đoạn trừ nghi Kiến, trí huệ hiển hiện. Trong mười sử, nghi và năm kiến chướng ngại Thánh đạo; tham sân si mạn chướng ngại tu đạo. Nếu không dùng Thánh đạo điều phục thì sẽ mãi trôi lăn trong sanh tử. Vì tham sân nên pháp lành không sanh, như lửa thiêu đốt. (mười sử, sự giải thoát mười sử của năm vị như trước).

- Phần Văn Thù biết khả năng chúng sanh, thuyết giảng giáo pháp có 5 ý: đã phát lòng tin; câu: thiện nam tử! ngươi đã phát tâm vô thượng bồ đề: vị tính nhập vị bồ đề. Nhờ sức tam muội hiển hiện lý hạnh, hiểu rỏ hiệp quả. Bồ-tát nhiếp thọ: Câu "Bấy giờ Bồ-tát Văn Thù như voi chúa xoai mình: Bồ-tát dùng trí viêm mãn hiện khắp mười phương, tùy căn tánh độ thoát chúng sanh nhưng chúng sanh không hề hay biết, luôn cho rằng chỉ riêng mình gặp Bồ-tát. Bồ-tát khuyên gần gũi thiên tri trước: Kinh dạy: thiện nam tử! gần gũi cúng dường thiện tri thức là điều kiện đầu để đạt trí nhứt thiết. Vì thế, người nên siêng năng, trí căn bản nhờ đó hiển hiện. Thể của trí vấn không đạt được như công dụng của trí vô cùng rộng lớn. Thiện Tài thỉnh thuyết pháp: bởi. Vì sao nói "Cầu đạo Bồ-tát" mà không nói: "Học tâm bồ đề"? Vì bồ đề vốn không tu tập hỏi chứng đắc, nên cầu đạo Bồ-tát, học hạnh Bồ-tát thì bồ đề hiển hiện. (đạt trí ở núi Diệu Phong nhu trước). Trụ phát tâm thứ nhứt, định vô niệm vô tác là phương tiện hiển hiện tâm bồ đề. Vì bồ đề vốn không thể tánh, là điều kiện để hành mọi hạnh. Nếu bồ đề ngoài hạnh thì đó là bồ đề của Thanh Văn, Độc giáo, Bồ-tát quán Không, không phải là bồ đề bi trí viên mãn của Văn Thù Phổ Hiền. Vì thế Như Lai dạy Bồ-tát quyền giáo rằng: các hành vô thường, là pháp sanh diệt. Vì Bồ-tát quyền giáo quán pháp không đoạn trừ chấp cỏ của ba cõi, chưa hiểu hữu vi vốn là công dụng của bồ đề. Bồ-tát nhứt thừa chỉ cầu đạo hạnh của Bồ-tát. Vì hạnh Bồ-tát là công dụng của bồ đề. Vì lý trí thể dụng dung nhiếp đan cài. Nếu không như thế thì còn chấp, không phải là người học pháp vi diệu. Văn Thù dạy pháp tu tập: Thiện nam tử! trên núi Diệu Phong thuộc nước Thắng Lạc ở phía nam, có Tỳ kheo tên Đức Vân...

Đoạn này phân thành tám phần:

1) (22 hàng) Văn Thù khuyên Thiện Tài cầu học thiện tri thức, nhập mười trụ, hiểu rõ chơn lý. Từ câu núi Diệu Phong có bảy ý:

a) (Phẩm mười trụ): nhập mười trụ hiểu rõ chơn lý.

b) (Phẩm mười hạnh) từ chơn lý hành hạnh.

c) (Phẩm mười hồi hướng) lý trí bi nguyện dung hòa.

d) (Phẩm mười địa) tu tập bi trí thành tựu công đức.

đ) (10 phẩm) trọn vẹn bi trí thành Phật.

e) (Phẩm xuất hiện) viên mãn quả Phật.

g) (Phẩm pháp giới) công dụng rộng lớn của pháp giới.

Phần này có 4 ý:

a) (5 hàng) Văn Thù khen ngợi, khuyên Thiện Tài cầu học thiện tri thức;

b) (5,5 hàng) Thiện Tài hỏi 11 pháp.

c) (1 hàng) Văn Thù nói kệ khen ngợi.

d) (phần kệ) nếu có Bồ-tát nào, không chán Khổ sanh tử, đầu đủ đạo Phổ Hiền, không gì phá hoại được. Vì khổ sanh tử chính là bồ đề. Nếu lìa sanh tử học đạo bồ đề thì bị hư hoại. Vì sao? Vì còn chấp sanh tử Niết-bàn. Nếu hành hạnh phương tiện an trụ bồ đề Phật, học pháp của Thánh nhơn sẽ đạt trí nhứt thiết. Nghĩa là nhờ bi nguyện của Phật an trụ bồ đề. Nếu không hiểu pháp, không hành hạnh thì không viên mãn bồ đề. Nếu còn vọng chấp thì còn chướng ngại. Hãy dùng trí sáng pháp giới quán sát thì sẽ thông đạt tất cả. Vì thế trọn vẹn hạnh Bồ-tát là trọn vẹn tâm bồ đề. Vì hạnh Bồ-tát chính là tâm bồ đề. Sanh tử là Niết-bàn. 12,5 hàng(từ bấy giờ... thuyết giảng) được phân thành năm:

a) (2,5 hàng) Văn Thù khen ngợi việc Thiện Tài phát tâm bồ đề.

b) (2 hàng) khen ngợi việc cầu học thiện tri thức.

c) (1 hàng) muốc đạt trí nhứt thiết phải cầu học thiện tri thức.

d) (2,5 hàng) Văn Thù dạy Thiện Tài siêng năng học hỏi, không nên tìm lỗi lầm ở thiện tri thức.

đ) (4,5 hàng) 5 ý: phương hướng; cõi nước; nơi chốn; tên; pháp mà thiện tri thức thuyết giảng.

■

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 34

Bảy quyển tiếp theo là phần thiện tri thức của Thiện Tài. Đầu tiên là mười thiện tri thức của mười trụ, có năm ý:

1) Phương hướng: Vì sao đi về phương nam? Đây chỉ là mượn phương hướng để biểu hiện pháp. Nghĩa phương nam như trước.

2) Cõi nước của thiện tri thức: Thắng lạc: lý trí rồng lặng, mọi phiền não đều thanh tịnh.

3) Nơi ở của thiện tri thức: núi Diệu Phong. Thiền tịnh không vọng niệm: núi; tâm rỗng lặng, trí hiển hiện: diệu; lý tịch tịnh sáng suốt, đoạn trừ mê hoặc: phong. (Núi thuộc quẻ cấn như trước) mười thiện tri thức: Tỳ kheo Đức Vân... biểu hiện cho sự đạt pháp lạc thanh tịnh của phàm phu. Núi Diệu Phong: từ định phát khởi trí căn bản như Phật, thấy các pháp không tánh, không nương tựa, không tướng, không đầu cuối. Nhờ đó an trụ nơi Phật an trụ, đoạn trừ vọng Kiến, ác nghiệp, sanh trong dòng Thánh, học trí sai biệt, thành tựu công dụng lớn lao của Phổ Hiền, hóa độ vô số chúng sanh, dạy chúng sanh đạt trí căn bản. Hàng phàm phu vào núi tu định phát huệ cũng là người là ở núi Diệu Phong nước Thắng Lạc, thoát cảnh trần tục, an vui tịch tịnh, độ vô số chúng sanh, nhưng không sống trong cõi chúng sanh.

4) Tên thiện tri thức: Đức Vân. Giảng pháp độ thoát chúng sanh, chúng sanh đạt pháp thanh tịnh. Tỳ kheo: diệt tránh, đoạn trừ vọng chấp có không sai đúng, dùng định không suy niệm, không tạo tác đoạn trừ Kiến chấp, chướng đạo, trí huệ hiển hiện. Vì thế mượn núi Diệu Phong để biểu hiện hạnh định của Tỳ kheo. Trí hiển hiện, không chấp định, tịch dụng tự tại, thuyết giảng giáo pháp, độ thoát chúng sanh: Đức Vân. Ở đây, biểu hiện phàm phu có lòng tin, nhờ tu định, vào dòng Thánh, đạt mười trụ, sống trong trí vi diệu không hình tướng, từ trí huệ thuyết pháp độ sanh. Tu học như thế, trí căn bản hiển hiện. Tỳ kheo Đức Vân, Văn Thù, Phổ Hiền Phật đều ở nơi mình. (Pháp môn năm vị như trước.

5) Tài năng của thiện tri thức: thuyết giảng hạnh Bồ-tát, thông đạt pháp môn năm vị. Vì thế Thiện Tài hỏi Đức Vân: thế nào là học hạnh Bồ-tát, tu đạo Bồ-tát, nhanh chóng hành trọn vẹn hạnh Phổ Hiền? Đó là trụ sơ phát tâm thứ một. 38 hàng Kinh từ bấy giờ Thiện Tài đến pháp môn Phổ Kiến có 11 ý:

1) Vui mừng được nghe tên thiện tri thức.

2) Đảnh lễ Văn Thù, đi quanh bên phải, từ tạ ra đi.

3) Đến nơi tìm Tỳ kheo Đức Vân.

4) Bảy ngày tìm.

5) Thấy Tỳ kheo Đức Vân đang thiền hành trên núi khác.

6) Đi quanh ba vòng.

7) Thỉnh pháp.

8) Đức Vân khen ngợi Thiện Tài.

9) mười hạnh Bồ-tát.

10) Trao phước đức cho Thiện Tài.

11) Tỳ kheo dạy pháp Phổ Kiến.

Vui mừng được nghe tên: nghe dạy thế, Thiện Tài hết sức vui mừng. Lạy tạ ra đi: cúi đầu lạy sát chân. Đầu: cao quý, chân: thấp hèn: chuyên tâm. Cung kính đi quanh: tâm kính thuận pháp. Đi về phương nam: tiến tu trí sáng. Đến nơi tìm kiếm: đến núi Diệu Phong nước Thắng Lạc. Tịch tịnh không đắm nhiễm: Thắng Lạc. Thân tâm kiên định: núi. Đó là định. Tìm kiếm: quán. Tâm cảnh rộng lớn như hư không. Bảy ngày tìm kiếm: Bảy phần giác đoạn trừ hôn trầm trạo cử. Chấp định là hôn trầm; buông lung là trạo cử. Tỳ kheo thiền hành ở núi khác: đạt thể tánh lên đến đỉnh núi. Người mới tu định, tâm còn chấp định, dùng bảy phần giác suy đạt thể tánh không định loạn của pháp thân. Từ bộ thiền hành: không sống trong định loạn, dung nhiếp cả định loạn. Dù đạt trí Phật nhưng đến bây giờ mới học hạnh Bồ-tát, thành tựu hạnh Phổ Hiền, không chấp định: từ bộ; tu hạn Bồ-tát: Kinh hành. Người tu đạo, trước phát lòng tin, Kế đến dùng phương tiện tu định, quán sát các pháp bằng bảy phần giác. Nhờ đó tâm cảnh hòa hợp, định loạn dung nhiếp, vọng chấp đoạn trừ, học đạo Bồ-tát, đủ hạnh Bồ-tát, tùy thuận độ sanh nhưng luôn sống trong chơn như. Đi quanh bên phải ba vòng: Kính thuận lĩnh hội giáo pháp. Bên trái: tôn quí; bên phải: thấp hèn. Ba vòng: 1,5,7,9 là số dương, 2,4,6,8 là số âm. Dương là sống, âm là chết. Thỉnh thuyết pháp: “Con đã phát tâm vô thượng bồ đề, làm thế nào để học hạnh Bồ-tát, viên mãn hạnh Phổ Hiền?” Tỳ kheo Đức Vân khen ngợi: “Chúng sanh khó phát tâm bồ đề, khó tu hạnh Bồ-tát

nhưng Thiện Tài đã phát tâm bồ đề, nay lại xin học hạnh Bồ-tát. Con đã phát tâm bồ đề: phát tâm bồ đề với Văn Thù do biết bồ đề là pháp không tu chứng, chỉ có tu hạnh Bồ-tát mới hiển hiện được tâm bồ đề. Như hư không bị mây che, mây tan mới thấy hư không, không phải tìm hư không. Nghĩa là chỉ có thể tu hạnh Bồ-tát, đoạn trừ vọng chấp, tâm bồ đề vốn không tu chứng giữ bỏ. Với phàm phu, tâm ấy không giảm; với Thánh nhân, tâm ấy không tăng. Vì thế nhờ các pháp chỉ quán, bảy phần giác để hiển hiện tâm bồ đề. Lúc đó hạnh Bồ-tát chính là tâm bồ đề, không có tâm bồ đề riêng biệt. Cũng thế, Bồ-tát vào đời, tu tập mọi hạnh. Hạnh ấy chính là Niết-bàn bồ đề. Vì chúng sanh mê mờ nên Bồ-tát dạy những hạnh nguyện ấy để chúng sanh đạt trí tánh rỗng lặng làm thanh tịnh các nghiệp, đoạn trừ đau khổ. Song, đó cũng giống như người giả độ người giả. Dùng trí quán sát nghiệp, tùy thuận căn tánh, tạo lợi ích cho tất cả, không chấp tâm ý thức, cầu hạnh Bồ-tát. Vì hạnh chính là bồ đề không sanh diệt. Con đã phát tâm bồ đề: tuy chưa nhờ tam muội hiển hiện bồ đề nhưng Thiện Tài đã biết bồ đề vốn không tu chứng. Hạnh Bồ-tát ở đây là dùng phương tiện tam muội để hiển hiện bồ đề và hạnh nguyện là một. Ở đây không có: "Các hành vô thường, là pháp sanh diệt" mà là "Tất cả pháp không sanh, tất cả pháp không diệt, ai thấy biết như vậy, luôn gặp các đức Phật". Vì thế câu "Gặp vô số Phật ở khắp mọi nơi" chính là đạt được sự thấy biết này. "Các hành vô thường" trong ba thừa là đức Phật giảng cho người chấp các hành là thật, không phải giảng cho chúng sanh thông đạt lý trí, thể dụng dung nhiếp tự tại của pháp giới. Vì vậy, người phát tâm bồ đề nên hiểu rõ pháp quyền thật mới có thể phát tâm rộng lớn. Vì sao không cầu pháp bồ đề với Văn Thù Sư lợi mà phải cầu học với 53 thiện tri thức khác? Vì nhằm biểu hiện sự nhiều ít của việc đoạn trừ tập nhiễm, sự rộng hẹp của việc tu trí sai biệt, sự nhiều ít của tâm bi và hóa độ chúng sanh nên an lập pháp môn của năm vị, cầu học với 53 thiện tri thức. 10 nhân quả, 100 pháp môn đủ tướng thành hoại giống khác chung riêng là tu tập đúng đắn không vướng mắc, không thay đổi. Từ núi Diệu Phong tu tập tam muội hiển hiện thể thanh tịnh, không nương tựa của pháp thân, sự dung nhiếp tự tại của hạnh Bồ-tát và trí Phổ quang minh. Từ đó, dùng trí căn bản tu trí sai biệt, đoạn trừ tập nhiễm, dùng đại nguyện tu tập trí bi, nuôi lớn tâm bi. Đức Vân nêu mười hạnh Bồ-tát: mỗi vị đều đủ mười hạnh, bắt đầu mười hạnh của mười trụ. Trụ thứ một chuyên tu thí Ba-la-mật. Định là thể của trí, ban cho tất cả. Trụ thứ hai chuyên tu giới Ba-la-mật, pháp thân trí căn bản là thể của giới, trí sai biệt và tâm

bi là công dụng, như việc Tỳ kheo Hải Vân quan sát biển, thấy Phật, thông đạt 12 duyên sanh, thành tựu trí căn bản, dùng trí sai biệt thuyết Kinh Phổ Nhãn. mười vua là hạnh trí bi. Trụ thứ ba tu tập thiền hai cõi sắc, vô sắc đối trị hoặc chướng của hai cõi, như việc Tỳ kheo Thiện Trụ (ở nước Hải Ngạn) thiền hành trong hư không, tức là đạt trí tự tại không chấp định nơi ba cõi. mười vua cung Kính là tu tập hai hạnh bi trí. Vị này chuyên tu nhẫn Ba-la-mật, đoạn trừ hoặc chướng ba cõi, hiển hiện trí sáng, tu trí xảo thế gian... cứ thế sự tu tập của mỗi vị rõ như trước. Trao đức: Kinh dạy: “Thiện nam tử! ta đạt trí sáng thanh tịnh, cúng dường vô số Phật: nêu quả hạnh để phàm phu tu tập theo. Đến khi trọn vẹn hạnh quả, mọi pháp đều là một, không dài ngắn trước sau”. Người tu hành nên hiểu sự dung nhiếp tự tại của các pháp mới có thể đoạn trừ vọng chấp, đạt công dụng của trí sáng nơi mình tự tại vô ngại, tu định quán, đoạn vọng chấp, trí hiển hiện, không sanh diệt, thanh tịnh các nghiệp, đạt tâm Như Lai, đủ trí Phật. Tất cả đều từ tâm mình, không do tu tập chứng đắc. 99,5 hàng kinh từ bấy giờ Thiện Tài đến pháp môn Phổ Kiến thể hiện sự thấy biết tự tại về cảnh giới vá các đức Phật. Đó là quả của vị này. Cảnh Phật vốn thanh tịnh. Vì từ xưa đến nay mãi làm khách thế gian, giờ đây gặp được Văn Thù, đạt sự hiểu biết sáng suốt, tu hai môn chỉ quán và bảy phần giác, thông đạt chơn như, hiểu được mình và chúng sanh vốn là Phật. 38,5 hàng Kinh từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có bốn ý:

1) (29,5 hàng) đức thăng tiến.
2) Nơi ở của thiện tri thức.
3) Tên thiện tri thức.
4) Tư tạ ra đi.

Pháp của trụ trị địa thứ hai có năm ý:

1) Từ bấy giờ... mười pháp.
2) Đi về phương nam đến nước Hải Môn.
3) Đảnh lễ Tỳ kheo Hải Vân.
4) Thỉnh pháp.
5) Tỳ kheo khen ngợi, thuyết pháp. Nước Hải Môn: quán sát biển sanh là biển Phật. Tỳ kheo Hải Vân: tâm như biển, thuyết pháp độ sanh là vân. Hơn nữa, tánh giới như biển không giữ xác chết. Xác chết sanh tử không có trong biển trí căn bản. Câu: “Ta ở nước này 12 năm”: chuyên quán sát 12 duyên sanh. Phàm phu luôn sống trong 12 chi ấy. Nhị thừa và Bồ-tát quyền giáo vì chán ghét nên đoạn trừ. Bồ-tát nhứt thừa biết 12 duyên sanh chính là trí Phật không sanh diệt. Vì không

hiểu biết, phàm phu vọng chấp sanh tử vô minh. Mười cách quán sát về biển là thể hiện biển 12 duyên sanh rộng lớn không trong ngoài. Đó cũng là biển Phật. (mười đức của biển biểu hiện pháp Phật như trước). Hoa sen trong biển: thông hiểu 12 duyên sanh là biển trí, là quả của trí tùy hạnh. Nhân đà la: chủ; Ni la: màu xanh. Đây là loại ngọc quí nhứt. Hoa sen nở to: quả của hạnh độ sanh bằng trí không đắm nhiễm. 100 vạn A-tu-la nâng cọng sen: quả của hạnh vào đời độ sanh bằng trí không chìm đắm như tu la vào biển không bị chìm. Ở đây, dùng trí sáng không tướng quán chiếu 12 duyên sanh, thành tựu trí căn bản, trí sai biệt và hạnh độ sanh. Trăm vạn báu vật trang sức: trí căn bản phát khởi trí sai biệt, thuyết giảng giáo pháp độ sanh. Trăm vạn rồng tuôn nước thơm: dùng nước năm phần pháp thân tẩy sạch trần cấu của chúng sanh. Trăm vạn ca lâu la rũ cờ phướn, lọng báu: hạnh độ sanh bằng trí. Trăm vạn la sát từ tâm quán sát: la sát tỳ sa môn, ở phía bắc núi tu di, Bồ-tát thường ở trong sanh tử bảo hộ chúng sanh bằng tâm bi để chúng sanh hướng tu pháp lành. Trăm vạn dạ Xoa cung kính đảnh lễ: đoạn tâm kiêu mạn độc hại, vượt trên tâm ác độc của sanh tử. Trăm vạn càn thát bà trỗi nhạc cúng dường: dùng chánh pháp tạo an vui cho chúng sanh. Trăm vạn thiên vương trải hoa báu, dâng y phục: tự tại đem lợi ích cho chúng sanh. Tất cả đều biểu hiện sự chuyển ác thành thiện, dùng ấn trí vô tri vô tánh ấn định sanh tử thành phước đức, dùng ấn trí bình đẳng tự tại ấn định biển sanh tử thành pháp giải thoát, dùng trí sai biệt hiểu rõ căn tánh của chúng sanh, thuyết giảng giáo pháp là Phật ra đời. Hiểu rõ sự dung nhiếp của sáu tướng, các pháp do duyên sanh là pháp Phổ Nhãn. Hãy quán sát biển sanh tử biển Phật, trí vô sai biệt và trí sai biệt của Như Lai, hạnh Phổ Hiền...tất cả đều từ 12 duyên sanh. Ngoài 12 chi, không có thành Phật, Niết-bàn... 92 hàng Kinh từ bấy giờ Thiện tài đến pháp Phổ Nhãn là pháp an môn nhập trụ thứ hai. Từ như các Bồ-tát trở về sau là pháp tiến tu. Trụ thứ một dùng hai pháp chỉ quản hiển hiện cảnh giới Phật, trí sáng, pháp Phổ Hiền, thành tựu chơn đế. Trụ này dùng trí huệ quán sát 12 chi của tục đế là cảnh giới Phật, tu tập hạnh từ bi của Phổ Hiền, thành tựu chơn đế. Trụ này dùng trí huệ quán sát 12 chi của tục đế là cảnh giới Phật, tu tập hạnh từ bi của Phổ Hiền, chuyên tu giới Ba-la-mật. Về trí huệ, tất cả các vị đều đoạn trừ hoặc chướng nơi ba cõi, nhưng về vị thứ, trụ này đoạn hoặc chướng cõi dục. Các vị sau thấy rõ cảnh giới của các đức Phật đều là pháp của quả Phật nơi tâm. Nếu không hiểu được thì dù đối diện vẫn không thấy. Trụ tu hành thứ ba có hai phần:

1) Từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi: đức thăng tiến.

2) (80 hàng) từ bấy giờ Thiện Tài đến pháp vô ngại: pháp nhập trụ thứ ba.

Phần một gồm 13 hàng có bốn ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Nơi ở của thiện tri thức.

3) Tên thiện tri thức.

4) Lạy tạ ra đi. Câu: từ đây đi về phía nam khoảng 60 do tuần: trụ thứ ba đoạn trừ hoặc chướng của tám thiền, vượt trên hạnh nghiệp của sáu từng trời cõi dục. Xóm Hải Ngạn: vượt trên tầng trời thứ sáu của cõi dục: đức thăng tiến. Vị này đoạn trừ hoặc chướng nơi ba cõi, an trụ nơi vô trụ. Trụ này đoạn vọng chấp của ba cõi, chưa đạt thần thông tự tại của định tịnh diệt nơi trụ thứ sáu, chưa đầy đủ kỹ xảo thế gian, chỉ đoạn một phần nghiệp thô của ba cõi, đạt một phần thần thông, chưa đạt xuất thế gian ngay trong thế gian. Trụ thứ sáu vượt trên chấp định loạn.

Phần thứ hai có năm ý:

1) Suy xét pháp tiến tu.

2) Tuần tự đi về phía nam.

3) Đến nơi ở của thiện tri thức.

4) Gặp và lễ lạy thiện tri thức.

5) Thỉnh thuyết pháp. Tỳ kheo đang thiền hành trong hư không: không trụ thiền định của hai cõi trên và thiền vượt khỏi ba cõi, không an trụ cũng không ra khỏi là thiền hành (mười vua cung kính cúng dường như trước). Câu: “Bấy giờ Tỳ kheo Thiện Trụ bảo Thiện Tài: hãy thọ trì pháp môn”. Câu: “Thiện nam tử! ta đã thành tựu pháp giải thoát vô ngại” : đạt trí không. Thiền hành trong hư không: không chấp tịnh loạn. Không phân biệt tịnh nhiễm: giải thoát vô ngại. Nhờ giải thoát nên đi đứng nằm ngồi... mọi lúc đều quán sát đạt trí sáng: cứu cánh vô ngại. 10 thần thông vô ngại: quán sát đoạn trừ tập nhiễm nơi ba cõi bằng pháp không, tịnh hạnh hiển hiện. Vì thế Bồ-tát khen Thiện Tài rằng: “Hãy cầu học pháp nhứt thiết trí của Phật. Vì các đức Phật ra đời dùng pháp nhứt thiết trí soi chiếu thế gian.” Nghĩa là đạt pháp không, đoạn trừ tập khí tịnh nhiễm, thần thông đạo lực tự nhiên hiển hiện. Phần sau là nêu đức thăng tiến. Dùng phương tiện quán chiếu, đạt thần thông trí lực của Phật. Từ đó thành tựu hạnh Bồ-tát, hóa độ chúng sanh. Vị này chuyêntu nhẫn Ba-la-mật (ba vị Tỳ kheo và cư sĩ Du già biểu hiện về pháp như trước). Về trí huệ, mỗi vị đều tu tập pháp của các vị, về địa vị, trụ này chuyên tu trí thế gian. Ba vị trước đạt thần thông giải thoát khỏi ba cõi.

Trước tu trí xuất thế gian, tự tại không tạo nghiệp, không đắm nhiễm thế gian. Kế đó hiểu rõ hai trí thế gian, xuất thế gian. 9,5 hàng kinh từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có năm ý:

1) Khen ngợi đức tu.

2) Cõi nước của thiện tri thức.

3) Nơi ở của thiện tri thức.

4) Tên thiện tri thức.

5) Từ tạ ra đi.

Nước Đạt lý tỷ trà: ở phía nam Ấn Độ. Di Già: năng phục: tuy sống trong trí xuất thế nhưng đủ trí thế gian, nhiếp phục tà đạo. Còn có tên là Vân: luôn tạo lợi ích cho chúng sanh. Thành Tự Tại: đạt trí xuất thế, hiểu rõ mọi pháp thế gian. 67 hàng Kinh từ bấy giờ Thiện Tài đến pháp môn Diệu âm Đà-la-ni quang minh có 10 ý:

1) Suy xét pháp tiến tu.

2) Đi về phía nam tìm gặp Di Già.

3) Đảnh lễ.

4) Thỉnh thuyết pháp.

5) Di Già vội bước xuống tòa, thành kính đảnh lễ người phát tâm bồ đề.

6) Đặt tòa báu mời Thiện Tài an tọa.

7) Khen ngợi sự phát tâm bồ đề của Thiện Tài sẽ là chỗ nương tựa của thế gian.

8) Di Già phóng ánh sáng tập hợp đại chúng.

9) Di Già thuyết luân tự phẩm trang nghiêm cho đại chúng.

10) Di Già trao pháp Diệu âm Đà-la-ni phổ quang minh cho Thiện Tài. Câu trừ ta chỉ biết pháp Diệu âm... đức thăng tiến. Di Già thành kính đảnh lễ Thiện Tài: Di Già cung kính người phát tâm bồ đề. Vì người ấy cùng một thể tánh, trí huệ giải thoát như Phật, là nơi nương tựa của trời người. Vì sau khi học với ba thiện tri thức trước, Thiện Tài đã đạt tâm bồ đề xuất thế, đạt trí căn bản pháp thân như Phật. Ở đây, Thiện Tài học trí xảo thế gian. Người đạt trí thế gian cung kính người đạt trí xuất thế. Trong chơn như vốn đủ trí thế gian, chơn tục tự tại. Di Già kính Thiện Tài là kính người đạt trí xuất thế. Trí ấy là nguồn gốc của trí thế gian. Trí thế tục có từ trí căn bản. Đó là việc để kẻ hậu học quí trọng trí căn bản xuất thế. Trí căn bản ấy cũng là nhân quả nơi vô minh sanh tử của chúng sanh. Thiện Tài giác ngộ trí ấy nên Di Già cung kính. Các đức Phật cũng cung kính người phát tâm bồ đề là kính trọng trí căn bản, dung nhiếp trí vượt khỏi ba cõi, cùng thể tánh giải thoát trí

huệ như Phật. Từ đó tu hạnh Phổ Hiền. Hơn nữa, trụ thứ bốn là người đoạn trừ nghiệp ba cõi, sanh trong nhà Phật. Địa thứ bốn cũng như trụ này. Người tu học tuần tự thuần thục. Pháp luân tự phẩm trang nghiêm: pháp môn văn tự câu nghĩa cùng một thể tánh. Danh tự là phương tiện thuyết giảng giáo pháp cho trời người... sáu nẻo. Nhờ đó chúng sanh được giải thoát an vui. Song âm thinh vốn một thể tánh. Điều đó có nghĩa là tùy thuận ngôn từ thế gian. Nếu pháp thế gian không thì không danh tự và không có pháp xuất thế gian. Vì thế cần có danh tự để thuyết pháp thế gian. Do vậy danh tự và pháp dung nhiếp nhau có, không đều thuộc duyên sanh, không thể tánh. Song danh tự vốn viên mãn, không chướng ngại. Từ một ngôn ngữ giảng thuyết vô số pháp. Tất cả đều là một thể tánh, không phân biệt tánh tướng, không nhiều ít. Chúng sanh cũng không tự tánh. Vì thế, dùng ngôn ngữ không tự tánh thuyết pháp không tự tánh, độ chúng sanh không tự tánh. Từ đó chúng sanh đạt trí căn bản không nương tựa. Trí độ sanh cũng thế, vốn không thể tánh, tùy căn tánh của chúng sanh mà hiển hiện công dụng. Trí ấy như hư không, hiện khắp pháp giới. Trụ thứ bốn chuyên tu tinh tấn Ba-la-mật. 14 hàng Kinh từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có bốn ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Nơi ở của thiện tri thức.

3) Tên thiện tri thức.

4) Đảnh lễ ra đi.

Ở đây, không nêu nước, chỉ nêu xóm vì biểu hiện cho hạnh sống trong thế tục. Vì thể của hạnh tinh tấn Ba-la-mật và thiền Ba-la-mật là:

1) Hai thiện tri thức này đều là người thế tục: chuyển chơn vào tục, dung hòa chơn tục, thể tánh của thế gian. Xuất thế gian là một... 140,5 hàng Kinh từ bấy giờ Thiện Tài đến pháp vô ngại giải thoát có 10 ý:

1) Suy xét pháp tiến tu.

2) Trải qua 12 năm mới đến thành Trụ Lâm.

3) Tìm trưởng giả Giải Thoát.

4) Cung kính thỉnh thuyết pháp.

5) Trưởng giả nhập định của Bồ-tát hiển hiện cõi Phật, dạy Thiện Tài tu học đạt pháp ấy.

6) Xuất định, trưởng giả nói về cảnh giới đạo tràng cúa các đức Phật.

7) Tùy tâm niệm của trưởng giả Giải Thoát, các đức Phật hiển

hiện.

8) Tâm niệm không thể tánh, Phật như bóng ảo.

9) Tâm không trong ngoài, hiện khắp mười phương nhưng không đến đi.

10) Tự tại nhập định vô ngại trang nghiêm giải thoát. Từ đây trở về sau là phần thăng tiến. Tuần tự đi về phương nam: thăng tiến, không chấp pháp đã đắc. Đi 12 năm. Nơi trụ thứ hai, Tỳ kheo Hải Vân ở nước Hải Môn 12 năm, quán sát 12 duyên sanh là pháp giải thoát xuất thế gian, biển sanh tử là thể Phật. Ở trụ này, đưa 12 duyên sanh vào sanh tử, 12 duyên sanh là thể của thiền. Trưởng giả Giải Thoát là người thế tục, ở trong sanh tử hành chơn như. Tỳ kheo Hải Vân của trụ trước Không sống trong sanh tử, quán 12 duyên sanh, đạt tâm xuất thế. Trưởng giả Giải Thoát sống trong sanh tử với 12 duyên sanh, không chấp bỏ duyên sanh. Đó là sự dung nhiếp của sanh tử, Niết-bàn. Về trí, mười Ba-la-mật là thể đoạn trừ vọng chấp. Về địa vị, mỗi trụ đoạn trừ vọng chấp riêng biệt. Trụ thứ năm chuyên tu thiền Ba-la-mật. Vì trong thể tánh của thiền không tạo tác Không có tánh duyên sanh. Tất cả các pháp đều từ rừng thiền vô ngại giải thoát trong pháp giới. Vì thế thành tên là Trụ lâm. Tâm cảnh hiển hiện nhưng không dụng công, bản tánh vốn an trụ. Tìm kiếm: thăng tiến. Gặp trưởng giả Giải Thoát: dung hợp chơn tục. Vì thể tánh của chơn tục là giải thoát. Thành kính đảnh lễ: chơn tục đều không nương tựa, năm vị đều dung hội, năm uẩn, 12 duyên đều là rừng thiền. Chắp tay: dung hợp chơn tục. Phần trước là thể hội bằng thiền định quán sát. Phần sau là thỉnh thuyết pháp. Trưởng giả nhập định hiển hiện cõi Phật: thể định viên mãn cùng khắp. Mười là số tròn, mười đức Phật, mười Bồ-tát của trụ này là hành quả của mỗi vị. Tùy tâm niệm gặp Phật: tâm hợp chơn như là Phật, mọi suy nghĩ đều là cảnh giới Phật. Tâm niệm là Phật. Về trí, năm vị đều tu tập mười Ba-la-mật; về vị, mỗi trụ chuyên tu một pháp khác để đoạn trừ chấp tịnh loạn. Năm uẩn, 12 duyên đều là công dụng của thiền pháp giới. Tất cả các pháp thế gian đều là thể thiền định.

■

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 35

Mười sáu hàng Kinh từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có bốn ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Cõi nước của thiện tri thức.

3) Tên thiện tri thức.

4) Lạy tạ ra đi.

Đức thăng tiến: trưởng giả Giải Thoát khen ngợi mười đức thù thắng của trụ sau để Thiện Tài cầu học. Đi về phương nam, đến biên giới cõi Diêm phù đề: trụ chánh tâm đạt trí huệ thần thông của thế gian, xuất thế gian. Chỉ đạt tâm bi xuất thế trong thế gian, chưa đạt tâm bi cũng sống trong đời với chúng sanh nên thiện tri thức là Tỳ kheo: tướng xuất tục trong thế gian. Vị sau là vị viên mãn tâm bi vào đời nên thiện tri thức là nữ cư sĩ. Tỳ kheo Hải Tràng ở nước Ma lợi dà la: đủ trí huệ phước đức đoạn trừ vọng nghiệp của chúng sanh. Phần từ bấy giờ Thiện Tài đến Bát-nhã Ba-la-mật có năm ý:

1) Suy xét pháp tiến tu.

2) Đến nước Ma lợi Dà la.

3) Tìm Tỳ kheo Hải Tràng.

4) Tỳ kheo kiết già nhập định lên đường.

5) Hiện thân độ sanh.

Kiết già bên đường: tịch dụng tự tại. Thiền hành: dụng; nhập định: tịch, trong dụng có tịch. Bên đường: Không sống trong tịch dụng, tự tại trong tịch dụng. Không quán hơi thở: tự tại dung nhiếp tịch dụng khác với sự chứng tịch diệt của nhị thừa. Hiện thân độ sanh: hiện 23 pháp môn:

1) Từ chân hóa vô số trưởng giả cư sĩ Bà-la-môn, chân là phương tiện đi lại. Trưởng giả cư sĩ Bà-la-môn là hạnh thế gian.

2) Từ hai đầu gối hóa hiện vô số Sát-đế-lợi thông tuệ. Vì trí huệ nhiếp phục sanh tử như vua đủ quyền lực tự tại cai trị dân chúng. Sát-đế-lợi: dòng vua chúa. Bà-la-môn: người học hạnh thanh tịnh, trí tự tại tùy

thuận sanh tử nhưng không đắm nhiễm thông huệ: trí thông hiểu mọi pháp. Tất cả đều từ trí.

3) Từ eo hóa vố số tiên nhơn: eo tiêu biểu cho dục. Trí hóa hiện hành hạnh thế gian để độ sanh nhưng không đắm năm dục.

4) Từ hai hông hóa hiện vô số long vương long nữ: che chở thương yêu chúng sanh.

5) Từ tướng chữ vạn trước ngực hóa hiện vô số A-tu-la, hiển hiện oai lực huyễn ảo, chấn động trăm vạn cõi nước. Ngực: dũng mãnh; vạn: thanh tịnh. Dũng mãnh siêng năng phá trừ phiền não để chúng sanh sống trong thanh tịnh.

6) Từ lưng hóa hiện vô số nhị thừa: nhị thừa quay lưng với trí bi hạnh nguyện độ sanh của Phật.

7) Từ hai vai hóa hiện vô số la sát ủng hộ chúng sanh tạo nghiệp lành, người tu mười trụ, mười hạnh, quả Phật.

8) Từ bụng hóa hiện vô số Khẩn-na-la, càn thát bà trỗi nhạc khen ngợi pháp Phật.

9) Từ kim diện hóa hiện chuyển luân vương.

10) Từ hai mắt hóa hiện vô số mặt trời chiếu đến địa ngục: từ bi phá trừ vô minh u tối.

11) Từ tướng lông trắng giữa lông mày hóa hiện vô số Đế Thích: quả của mười địa, sống trong trung đạo đạt pháp tối cao, chỉ dạy chúng sanh.

12) Từ trán hóa hiện vô số phạm thiên.

13) Từ đầu hóa hiện vô số Bồ-tát tu tập viên mãn các pháp.

14) Từ đỉnh đầu hóa hiện vô số Như Lai: quả Phật tùy địa vị.

15) Toàn thân Tỳ kheo hóa vô số lưới ánh sáng: ánh sáng Bát-nhã Ba-la-mật độ thoát chúng sanh.

16) Từ bấy giờ Thiện tài... quán sát hạnh nghiệp của thiện tri thức.

17) Hải Tràng xuất định, Thiện Tài khen ngợi.

18) Thiện Tài hỏi tên định.

19) Hải Tràng nói tên định: Phổ Nhãn xả đắc, Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh, Phổ trang nghiêm thanh tịnh;

20) Tỳ kheo Hải Tràng dạy tu Bát-nhã Ba-la-mật đạt vô số tam muội.

21) Thiện Tài hỏi về cảnh giới định.

22) Tỳ kheo Hải Tràng thuyết giảng hai pháp vô chướng.

23) Nên đức thăng tiến để Thiện Tài tu tập. Quán sát một ngày

một đêm: thí Ba-la-mật; bảy ngày bảy đêm: Bảy giới; nửa tháng: nhẫn Ba-la-mật. Nhẫn chỉ lợi ích cho riêng mình, không lợi ích cho người; một tháng: tinh tấn tạo lợi ích cho cả mình người; sáu tháng: trụ thứ sáu; sáu ngày: Ba-la-mật thứ sáu. Trụ thứ sáu chuyên tu Bát-nhã Ba-la-mật đoạn trừ vọng chấp tịch dụng thế gian xuất thế gian, đạt thần thông tịch dụng tự tại. Song vì chuyên tu tâm xuất thế, ít hành tâm nhập thế nên là Tỳ kheo. Tuy có từ bi nhưng là lòng từ thanh tịnh không đắm nhiễm, không có tâm bi hòa nhập cùng thế gian. 16 hàng Kinh từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi trong trụ thứ bảy có năm ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Cõi nước của thiện tri thức.

3) Nơi ở của thiện tri thức.

4) Tên thiện tri thức.

5) Lạy tạ ra đi.

Nước Hải Triều: thiện tri thức vào sanh tử độ sanh đúng thời cơ như nước thủy triều lên xuống có chừng mực. Vườn Phổ trang nghiêm: sanh tử là vườn, hạnh độ sanh là rừng, hành vô số hạnh độ sanh để chúng sanh thành Phật. Nữ cư sĩ Hưu Xả: (Mãn Nguyện) thỏa mãn mong muốn của chúng sanh (đây chính là địa bảy). Vị trước chuyên tu tâm xuất thế nên là Tỳ kheo. Vị này vào đời nhưng không đắm nhiễm. Từ bi sống trong chơn tục là nữ tu sĩ. Đoạn từ bấy giờ Thiện Tài đến pháp giải thoát có 13 ý:

1) Suy xét pháp tiến tu.

2) Đi về phương nam đến nước Hải Triều.

3) Vườn Phổ trang nghiêm xinh đẹp.

4) Vào vườn tìm thiện tri thức.

5) Gặp thiện tri thức.

6) Cung kính thỉnh pháp.

7) Nữ cư sĩ thuyết pháp.

8) Thiện Tài trình bày việc phát tâm bồ đề.

9) Thiện Tài hỏi về thời gian thành tựu đạo bồ đề của thiện tri thức.

10) Thiện tri thức trả lời.

11) Thiện Tài hỏi pháp.

12) Thiện tri thức dạy pháp.

13) Đức thăng tiến.

Vườn rừng trang nghiêm: hạnh nguyện độ sanh rộng lớn nên y báo chánh báo cũng khôn lường. Dung mạo đoan chánh: tâm từ bi nhu

thuận độ sanh không chấp ngã, hành Ba-la-mật, phụng sự vô số Phật, trời người cung kính, ai thấy được sẽ đoạn trừ hoặc chướng, vì lòng từ bi hiện thân nữ, nhưng không nữ tánh. Cung điện lầu gác: quả của bi trí. Kinh dạy: "Thiện nam tử! chúng sanh nào thấy được ta đều đạt vô thượng bồ đề: muốn đạt vị này, cần tu ba giải thoát, trí thế gian xuất thế gian hiển hiện, thành tựu hạnh từ bi rộng lớn, hiểu tánh sanh tử là tánh trí Như Lai, đạt pháp giải thoát ly ưu ổn tràng. Người dù hiểu không, vô ngã nhưng còn sợ sanh tử chưa đạt pháp giải thoát này thì sẽ bị thoái lui. Đó là phàm phu, nhị thừa, Bồ-tát cõi tịnh. Các đức Phật đến đây thuyết pháp: bi trí hòa hợp. Vị này từ tâm bi thành tựu trí không dụng công (trụ 10, địa 10, địa mười một Ba-la-mật như trước). Trụ này dung hợp pháp thế gian xuất thế gian, chuyển tâm xuất thế, yêu thương chúng sanh. Vào đời độ thoát: vì độ sanh, Bồ-tát làm mọi việc dù tốt xấu. Thiện Tài hỏi về thời gian thành đạo của nữ cư sĩ: cấu pháp giải thoát không nhanh chậm, vừa phát tâm là thông đạt ba đời, trong thể giải thoát không có nhanh chậm, thành tựu tâm bi sâu xa là kiếp số nhanh chậm của thế gian. Cõi chúng sanh không cùng, hạnh nguyện cũng không cùng. (Các báu vật như trước). Giải thoát ly ưu an ổn tràng: độ chúng sanh, chúng sanh lìa khổ, Bồ-tát an ổn. Nếu chúng sanh chưa thoát khổ Bồ-tát không an ổn. Bồ-tát tuy hiểu tánh sanh tử nhưng còn sợ sanh tử thì chưa an ổn thoát khổ. Người vào sanh tử tự tại độ sanh, không đắm chìm, không ra khỏi là an ổn thoát khổ. Trụ này chuyên tu phương tiện Ba-la-mật. 16,5 hàng từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có năm ý:

1) Đức thăng tiến.
2) Cõi nước của thiện tri thức.
3) Nơi ở.
4) Tên.
5) Từ tạ ra đi.

Lưu luyến: tâm kính pháp quí người, với bi trí tự tại vào đời độ thoát chúng sanh. (Hải triều như trước). Nước Na-la-sách: bất lại đọa. Bồ-tát dùng trí không dụng công độ thoát vô số chúng sanh. (Địa tám như trụ này). Tiên nhơn Tỳ mục cù sa: xuất thinh khả ứng, với trí sáng, Bồ-tát dùng ngôn ngữ nhiếp phục tà luận. Đoạn từ bấy giờ Thiện Tài đến giải thoát Vô Thắng Tràng có 13 ý:

1) Suy xét pháp.
2) Đến nước Na la sách.
3) Tìm thiện tri thức.
4) Thấy vườn rừng xinh đẹp.

5) Tiên nhơn an tọa dưới cây chiên đàn, vô số đệ tử cầu pháp.

6) Thỉnh pháp.

7) Tiên nhơn khen ngợi Thiện Tài.

8) Tiên nhơn nêu tên pháp môn.

9) Thiện Tài hỏi về cảnh giới của pháp giải thoát.

10) Tiên nhơn xoa đầu, nắm tay Thiện Tài, hiện thân đi khắp vô số cõi nước.

11) Thiện Tài gặp Phật.

12) Tiên nhơn thâu thần.

13) Đức thăng tiến.

Cây Ba Sất la như cây Thu, hoa màu tím rất thơm; cây Ni câu luật, lá như lá cây thị, cây con như cây tỳ bà, tính chịu lạnh, là loài cây cao nhứt. Vô số đệ tử: hạnh độ sanh. Vì sao thiện trí thức trụ này là tiên ? Trí thanh tịnh như tiên, trí không dụng công hiển hiện không đắm nhiễm, độ sanh bằng trí không dụng công. Vườn rừng: che chở chúng sanh. Ao sen: hạnh độ sanh không đắm nhiễm. Tiên nhơn an tọa dưới cây cội chiên đàn: che chở chúng sanh. Chiên đàn: Năm hương giải thoát, trí không dụng công đoạn trừ tham loạn. Ảo cỏ: hạnh biết đủ ít muốn. Xỏa tóc: trí viên mãn. Đệ tử vây quanh: viên mãn mọi hạnh. Đến nơi, Thiện Tài Kính lạy: Kính pháp cúi người, năm trần đều thuộc trí. Thiện tri đức: trí không dụng công hợp chơn như. Giải thoát Vô thắng tràng: trí độ sanh đoạn trừ phiền não. Xoa đầu: an ủi. Thiện Tài thấy mình đi khắp cõi nước và cõi Phật: thể hội cảnh trí. Trụ thứ tám... địa tám đều được các đức Phật gia hộ, nếu không các vị dễ bị vướng chấp. Tiên nhơn thâu thần: dùng sức trí độ Thiện Tài nhập pháp vị, nhưng khi đạt pháp, trí huệ không thay đổi, thấy các pháp trước sau không khác. Ví như đi thuyền qua sông, đến bờ bên kia phải bỏ thuyền lại. Vị này chuyên tu nguyện Ba-la-mật. Vì sợ chấp pháp, Bồ-tát dùng nguyện phát khởi công dụng của trí, nhớ lại hạnh nguyện độ snah ngày xưa, hành mọi hạnh, không chấp pháp thanh tịnh. 12 hàng Kinh từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có sáu ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Nơi ở của Thiện tri thức.

3) Làng Y Sa La.

4) Tên thiện tri thức.

5) Khuyên cầu học.

6) Lạy tạ ra đi.

Y Sa La: trường trực, thiện tri thức dạy pháp cho chúng sanh (Bà-

la-môn Thắng Nhiệt như trước). Đoạn từ bấy giờ Thiện Tài đến giải thoát vô tận luân có 25 ý:

1) Thần lực vi diệu soi chiếu khắp nơi.

2) Suy xét pháp, đi về phương nam.

3) Đến nơi, thấy thiện tri thức hành khổ hạnh.

4) Thiện tri thức lên núi dao, nhảy vào đống lửa.

5) Thiện Tài đảnh lễ cầu pháp.

6) Bà-la-môn bảo Thiện Tài lên núi dao, nhảy vào đống lửa.

7) Thiện Tài nghi ngờ vì thân người khó được.

8) 10 ngàn phạm thiên khuyên Thiên Tài quán sát lửa ấy là ánh sáng của định kim cang.

9) 10 ngàn ma vương quán sát Thiện Tài, khen ngợi công đức của Bà-la-môn.

10) 10 ngàn tự tại thiên khuyên Thiện Tài không nên nghi ngờ.

11) 10 ngàn Hóa lạc thiên khuyên ngợi đức của Bà-la-môn.

12) 10 ngàn đâu suất thiên khen ngợi.

13) 10 ngàn chư thiên cõi trời 33 rải hoa thơm.

14-19) 10 ngàn long vương, Xạ Xoa Vương, càn thát bà, A-tu-la, ca lâu la, khẩn na la đều khen ngợi.

20) 30 chúng cõi dục khen ngợi đức hạnh của Bà-la-môn, khuyên Thiện Tài không nên nghi ngờ.

21) Thiện Tài hối lỗi.

22) Bà-la-môn nói Ke.

23) Vâng lời dạy, Thiện Tài lên núi dao nhảy vào đống lửa.

24) Thiện Tài đạt lợi ích.

25) Đức thăng tiến.

Núi dao: lực Ba-la-mật, trí huệ là thể, người tu hành hiểu rõ sanh tử là tánh giải thoát trong pháp giới, không lo sợ, tự tại. Lửa: trí kim cang. Y na bạt la Long Vương: vì đời trước phá giới đốn cây nên sanh ở cây thối. Ưu bà: lòng tin thanh tịnh; Nan Đà: hoan hỷ: nghe pháp tin hiểu vui vẻ. Giải thoát vô tận luân: Bồ-tát đạt trụ pháp vương, tùy sở thích của chúng sanh, hiển hiện chánh pháp hạnh đức. Vị này chuyên tu lực Ba-la-mật như địa thứ 9). Phần đức thăng tiến có bốn ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Nơi ở của thiện trí thức.

3) Tên thiện tri thức.

4) Lạy tạ ra đi.

Thành sư tử phấn tấn: cung điện của tăng sư tử Tràng, ông là phụ

hoàng của Từ Hành. Trí lực tự tại: vua; từ bi: người nữ. Từ trí hành bi, ở trong sanh tử nhưng không đắm nhiễm. Phần nhập pháp có 22 ý:

1) Tôn trọng thiện tri thức.
2) Suy xét pháp tiến tu.
3) Đi về phương nam.
4) Đến thành sư tử phấn tấn.
5) Tìm gặp đồng nữ Từ Hành.
6) Biết đồng nữ là dòng dõi hoàng tộc.
7) 500 thể nữ hầu hạ.
8) Cung của đồng nữ.
9) Bảo tòa.
10) Thiện Tài đến nơi.
11) Thấy y báo chánh báo trang nghiêm của đồng nữ.
12) Thiện Tài cầu pháp.
13) Đồng nữ dạy Thiện Tài quán quả hiện tại sẽ biết nhân tu.
14) Quán sát Long, Thiện Tài chấp tay cung kính.
15) Đồng nữ dạy pháp Bát-nhã Ba-la-mật phổ trang nghiêm.
16) Đồng nữ nói về sự gặp Phật khi tu pháp này.
17) Số lượng Phật nhiều như số cát trong 36 sông Hằng.
18) Đồng nữ lãnh thọ pháp này, các đức Phật hành pháp khác.
19) Các đức Phật nói pháp không trùng lặp.
20) Thiện Tài hỏi về cảnh giới của pháp này.
21) Tu pháp đạt vô số định, tượng trưng là 117 pháp.
22) Đức thăng tiến.

Đến thành sư tử phấn tấn tìm gặp đồng nữ Từ Hành: hiểu rõ trí bi cùng một thể tánh. Biết đồng nữ thuộc dòng dõi hoàng gia, có 500 thể nữ hầu hạ: hiểu rõ sự giống nhau của pháp môn năm vị. Trụ này đạt y báo chánh báo như Phật. Điện Tỳ-lô-giá-na trên nơi ở của đồng nữ: quả Phật đủ vô số đức, hạnh năm vị đủ nhân quả Phật. Tòa Long Thắng chiên đàn: thân đại bi, ngồi tòa nhứt thiết trí, thuyết năm phần pháp thân, độ tất cả chúng sanh. Nghe thế Thiện Tài tìm gặp đồng nữ , thấy vô số chúng sanh cũng đến đây: trí bi là chỗ nương tựa, năm chúng sanh sáu vị. Thiện Tài hỏi họ đi đâu, họ đều trả lời là đến chỗ Từ Hành nghe pháp: tin tưởng không nghi ngờ. Thiện Tài nghĩ, cung điện này không đáng lo ngại, ta nên đến đó, Thiện Tài đến điện Tỳ-lô-giá-na: cùng lúc hiểu rõ bi trí năm vị. Đất Pha lê như thủy tinh nhưng có nhiều màu khác nhau, là quả của pháp thân. Trụ bằng lưu ly: tịnh hạnh đủ oai đức. Vách kim cang: phòng hộ bằng trí thanh tịnh; tường bằng vàng Diêm

phù đàn: trang nghiêm thân bằng tịnh giới; cửa sổ sáng loáng: quả của ánh sáng pháp. Trang trí vô số ma ni: quả của hạnh ly cấu. Xung quanh là kính ma ni: quả của trí sai biệt độ sanh từ trí căn bản. Trang sức ngọc ma ni: quả của hạnh thanh tịnh không đắm nhiễm. Bên trên được che phủ bằng vô số lưới báu: quả của hạnh thuyết pháp. Trăm ngàn chuông vàng vang tiếng nhạc: quả của hạnh độ sanh. Thân đồng nữ vàng óng: quả của tâm thanh tịnh. Mắt xanh: quả của hạnh độ sanh bằng trí thanh tịnh. Dạy Thiện Tài quán sát y báo: biết quả là biết pháp tu. Từ mỗi gương hiển hiện vô số cõi Phật: hạnh trang nghiêm của Bát-nhã Ba-la-mật. Số Phật như số cát trong 36 sông Hằng: mười trụ mười hạnh mười hồi hướng: 30; sáu vị (mười địa, địa mười một tu pháp như trước). Từ mỗi gương Thiện Tài thấy tất cả hạnh nguyện cảnh giới của Phật Bồ-tát như ảnh tượng hiện trong nước sạch. (36 tiêu biểu sự tu tập đan xen của sáu vị, mười thiện tri thức biểu pháp của mười trụ như trước). 11 hàng Kinh từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có năm ý:

1) Đức thăng tiến.
2) Cõi nước.
3) Nơi ở.
4) Tên.
5) Từ tạ ra đi.

Nước Tam nhãn: mắt pháp, mắt trí, mắt huệ. Kinh dạy: mắt trí nhìn suốt pháp giới rộng lớn. Ở đây, dùng mắt trí quán sát căn tánh đem lại lợi ích cho chúng sanh. Mắt pháp biết các pháp. Mắt huệ phân biệt tà chánh. Về thể tánh ba mắt là một. Về công dụng, mỗi mắt có công dụng khác nhau. Đoạn từ bấy giờ Thiện Tài đến giải thoát Tùy thuận Đăng có sáu ý:

1) Thiện Tài suy xét về 13 hạnh nguyện sâu xa của Bồ-tát.
2) Đến nước Tam Nhãn.
3) Tìm gặp thiện trí thức.
4) Thấy Bồ-tát đang thiền hành trong rừng, trời rồng cung kính.
5) Thiện Tài đảnh lễ thỉnh pháp.
6) Tỳ kheo Thiện kiến dạy pháp giải thoát tùy thuận đăng.

Thiện Kiến: dùng ba mắt thấy rõ các pháp, quán sát căn tánh của chúng sanh, tùy thuận hóa độ. Vì sao thiện tri thức của hạnh thứ một là Tỳ kheo? Hạnh Bồ-tát là dạy chúng sanh thoát khổ nhiễm thế gian. Nghĩa là phải vượt trên thế gian mới có khả năng đem lại lợi ích cho chúng sanh. Thiền hành trong rừng: hạnh che chở cúng sanh. Đi lại trong rừng: vào sanh tử độ sanh chúng sanh đạt pháp lạc Niết-bàn

nhưng không trụ Niết-bàn, phát nguyện vào đời độ sanh. Như một ngọn đèn đốt sáng giữa trăm ngàn ngọn đèn tắt, ánh sáng kia sẽ chiếu rọi qua lại. Tất cả các tướng tốt của Tỳ kheo đều là quả của hạnh độ sanh và tu tập. Trời rồng cung kính vây quanh: hạnh độ sanh. Thần chủ phương hướng: đi khắp mọi nơi chỉ dạy chúng sanh. Thần túc hành dùng hoa sen nâng chân Tỳ kheo: hành hạnh không đắm nhiễm. Thần vô tận quang phóng ánh sáng xua tan đêm tối: dùng giáo pháp đoạn trừ hoặc chướng. Thần Diêm phù tràng lâm rải hoa: dùng hạnh lành chỉ dạy chúng sanh trụ giới định huệ. Địa thần Bất động tạng hiện các báu vật: định có khả năng hiển hiện trí huệ. Thần Vô quang minh hư không trang nghiêm hư không: dùng trí huệ quán sát các pháp, khởi trí sai biệt, hành vô số hạn. Thần Thành tựu đức Hải rải ngọc ma ni: tạo lợi ích cho chúng sanh bằng hạnh Phổ Hiền. thần Tu Di sơn cung kính đảnh lễ: cung kính khiêm nhường. Thần vô ngại lực phong thổi hoa thơm: ngôn ngữ hòa nhã, cung kính tạo lợi ích cho chúng sanh. Người ngửi được hương hoa này sẽ đạt giới định huệ. (quả tốn như trước). Dạ thần xuân hòa chủ trang nghiêm thân cung kính đảnh lễ: từ bi nhu hòa, thường ở trong đêm dài sanh tử. Chúng sanh thấy được đều vui vẻ, phát khởi căn lành. Trú thần thường giác chủ cầm trụ báu ánh sáng khắp mọi nơi: trí căn bản khởi trí sai biệt độ sanh. (Thiện Tài nói: đã phát tâm bồ đề pháp năm vị như trước). Tường tu hạnh thanh tịnh với vô số Phật như số cát trong 38 sông Hằng. (38: mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng và tám chánh đạo) một ngày, một tháng, một năm... hành sáu Ba-la-mật. Sáu Ba-la-mật trước là hạnh xuất thế, bốn Ba-la-mật sau là hạnh vào đời độ sanh. Ở đây chỉ nêu sáu độ, không nêu mười Ba-la-mật. Thấy rõ thành đạo, độ sanh, nhập diệt: trí tùy thuận thế gian, tất cả đều từ một sát na không trước sau. Đoạn này nêu trí không nương tựa, không trong ngoài vì thế mười phương, vô số kiến không xa gần nhanh chậm, tùy thuận thế gian hiện thân độ thoát. Trí là sứ giả của nguyện, nguyện là vua của trí, vô số hạnh độ sanh đều từ trí nguyện. Giải thoát tùy thuận đăng: Bồ-tát dùng trí sang tùy thuận chúng sanh, hiện trí sai biệt giáo hóa đem lại lợi ích cho chúng sanh. Hạnh thứ một chuyên tu trí Ba-la-mật. Vị này chuyên tu hạnh xuất thế. dùng trí Ba-la-mật của mười trụ quán sát cõi Phật cõi chúng sanh, kiếp số đều từ một sát na, từ một lỗ chân lông.

■

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 36

21,5 hàng từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có năm ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Cõi nước.

3) Nơi ở.

4) Tên.

5) Từ tạ ra đi.

Nước Danh Văn: tiếng tốt của giáo chủ. Nhà bên sông: giới là dòng sông chảy về biển trí. Đồng tử: tịnh giới không đắm nhiễm. Tự Tại chủ: từ trí pháp thân Như Lai vào đời tự tại độ sanh. Đoạn từ bấy giờ Thiện Tài đến pháp công xảo đại thần thông trí quang minh có bảy ý:

1) Suy xét pháp tiến tu.

2) Trời rồng vây quanh.

3) Đến nước Danh Văn tìm đồng tử.

4) Trời rồng hiện nơi ơ.

5) Đến nơi, Thiện Tài thấy 10 ngàn đồng tử vây quanh.

6) Các đồng tử đang chơi trò dồn cát, Thiện Tài cung kính đảnh lễ cầu pháp.

7) Đồng tử dạy mười pháp: thư, số, ấn, thế giới, xứ sở (nơi ở của chúng sanh), trị bệnh, kỹ thuật, luyện đan, nông nghiệp, thương nghiệp, biết căn tánh xuất thế của chúng sanh. Phần toán số như phẩm A-tăng-kỳ. Đây là giới Ba-la-mật của hạnh nhiêu ích thứ hai. Vị này chuyên năm sanh bằng mười pháp trên. (Giới Ba-la-mật trong năm vị như trước). 17 hàng Kinh từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có năm ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Cõi nước.

3) Nơi ở.

4) Tên.

5) Từ tạ ra đi.

Nữ cư sĩ Cụ Túc: trọn vẹn mười hạnh Ba-la-mật, ban cho tất cả:

thí Ba-la-mật; y phục thanh nhã: giới Ba-la-mật; hủy hoại nhan sắc: nhẫn Ba-la-mật; không sống trong pháp thế gian: tinh tấn Ba-la-mật; lợi sanh bằng trí bi: thiền Ba-la-mật; đạt trí Phật: trí Ba-la-mật; thường sống trong sanh tử độ sanh, không nghiệp nữ nhưng hiện thân nữ hành đại bi: phương tiện Ba-la-mật; độ sanh bằng hạnh: nguyện Ba-la-mật; không sợ sanh tử, luôn thuyết giảng giáo pháp: lực Ba-la-mật; tùy thuận trí, đi khắp mọi nơi, hành hạnh Phật: trí Ba-la-mật. Đoạn từ bấy giờ Thiện Tài đến giải thoát vô tận phước đức tạng có 20 ý:

1) Suy xét pháp tiến tu.

2) Tuần tự đi về phương nam.

3) Đến thành Hải Trụ tìm thiện tri thức.

4) Mọi người chỉ nơi ở của thiện tri thức.

5) Đến cửa thành, Thiện Tài chắp tay đứng đợi.

6) Nhà cửa xinh đẹp.

7) vào nhà, Thiện Tài thấy thiện tri thức an tọa nơi bảo tòa.

8) Chiêm ngưỡng thân tướng thiện tri thức.

9) 10 ức tòa báu.

10) 10 ngàn đồng nữ hầu hạ.

11) Thiện tài cung kính thỉnh pháp.

12) Thiện tri thức dạy pháp.

13) Tên pháp: vô tận phức đức tạng.

14) Thức ăn tuy ít nhưng chúng sanh trong sáu nẻo đều no đủ.

15) Bồ-tát một đời thành Phật sau khi dùng thức ăn này thành tựu đạo bồ đề.

16) Trăm vạn A-tăng-kỳ đại chúng với hạnh nghiệp khác nhau.

17) Thiện Tài thấy vô số chúng sanh từ bốn cửa đi vào.

18) ban đầu tùy theo sở cầu.

19) Nêu pháp.

20) Đức thănh tiến.

10 ngàn đồng nữ: đầy đủ muôn hạnh. Từ bốn cửa đi vào: bốn tâm vô lượng. Thức ăn tuy ít nhưng chúng sanh đều no đủ: trí pháp giới, hạnh nguyện rộng lớn, mật nhiều đan xen. Pháp phước đức tạng: hạnh nguyện bố thí rộng lớn. Hạnh thứ ba chuyên tu nhẫn Ba-la-mật. Tám hàng từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có bốn ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Cõi nước.

3) Tên.

4) Từ tạ ra đi.

Thành Đại Hưng: tinh tấn Ba-la-mật, đem lại lợi ích cho chúng sanh. Cư sĩ Minh Trí: hạnh thứ bốn bố thí cả tài pháp. Cư sĩ: sống trong thế gian tạo lợi ích cho chúng sanh. Đoạn từ bây giờ Thiện Tài đến giải thoát tùy ý xuất sanh phước đức tạng có 10 ý:

1) Suy xét pháp tiến tu.

2) Đến thành Đại Hưng.

3) Mong cầu pháp.

4) Luôn siêng năng cầu học.

5) Gặp thiện tri thức an tọa nơi bảo tòa ở ngã tư đường.

6) Thiện Tài thỉnh pháp.

7) Trưởng giả khen ngợi Thiện Tài.

8) Thiện tri thức chỉ cho Thiện Tài thấy đại chúng đã phát tâm bồ đề.

9) Trưởng giả dạy tên pháp.

10) Sau khi đại chúng tập hợp, trưởng giả giảng pháp.

Quán sát hư không... hạnh thứ bốn quán sát pháp không, đoạn trừ phiền não, đạt tâm vô thượng, thấy rõ nghiệp quả của chúng sanh. Trưởng giả dạy: sanh nhà Như Lai, tăng trưởng pháp bạch tịnh. (Năm vị tu tập đan xen như trước). Hạnh này chuyên tu tịnh tấn Ba-la-mật. (Năm vị đoạn nghiệp chứng quả như trước). 15, 5 hàng từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có năm ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Phương hướng.

3) Thành (sư tử như trước).

4) Tên trưởng giả: Pháp Bảo Kế.

5) Trưởng giả tu tập thiền định tự tại trong thể dụng của pháp giới, đầy đủ pháp môn của các vị.

Đoạn từ bấy giờ Thiện Tài đến giải thoát vô lượng phước đức bảo tạng có 10 ý:

1) Suy xét pháp tiến tu.

2) Đến thành sư tử.

3) Tìm trưởng giả Bảo Kế.

4) Thỉnh thuyết pháp.

5) Trưởng giả dắt Thiện Tài về chỗ ở.

6) Dạy Thiện Tài quán sát nơi ở.

7) Thiện Tài hỏi về nhân tu.

8) Trưởng giả trả lời.

9) Trình bày ba hạnh.

10) Đức thăng tiến.

Tìm trưởng giả quán sát tâm cảnh nơi ba cõi đều rỗng lặng, không định loạn, không tu chứng. Gặp trưởng giả ở trong thành: tịnh loạn bình đẳng, ở trong sanh tử nhưng không mất thể định. Nắm tay Thiện Tài: tiếp dẫn. Dạy Thiện Tài quán nơi ở: quán sát biết nhân tu. Vị này chuyên tu thiền Ba-la-mật. (Lầu gác cung điện trang nghiêm đều là qủa của hạnh tu tập độ sanh như trước). Hồi hướng ba hạnh: nhập định tịch dụng vô ngại, đoạn trừ nghiệp nghèo thiếu, luôn được gặp Phật và thiện tri thức, được nghe chánh pháp. Giải thoát vô thượng phước đức bảo tạng: định này dung nhiếp phước đức bi trí, tất cả pháp. Tác giả nói kệ: "Vườn thiền tự tánh không tạo tác, lầu gác đẹp xinh là trí sáng, mọi vật trang nghiêm đều từ trí, ban bố tài pháp cho chúng sanh, mặc áo giới thể luôn thanh tịnh, tinh tấn từ bi là thể nữ, thiền định hiểu rõ pháp thế gian, địa năm cũng tu hạnh nghiệp này, Bát-nhã tịch tịnh tầng thứ sáu, phương tiện độ sanh là tầng bảy, trí không dụng công tầng thứ tám, tầng chín là nơi pháp vương ở, trọn vẹn quả Phật là tầng 10, tuần tự tu tập các pháp ấy, viên mãn quả vị không trước sau, lợi ích chúng sanh bằng chánh pháp, y báo chánh báo đều từ đó.

10,5 hàng kinh từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có sáu ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Phương hướng.

3) Cõi nước.

4) Nơi ở.

5) Tên.

6) Từ tạ ra đi.

Nước Đằng căn: hạnh thứ sáu đủ trí Bát-nhã, hiểu rõ căn tánh chúng sanh như rễ cây ăn sâu vào lòng đất. Thành Phổ Môn: mắt nhìn xa biết mọi pháp. Trưởng giả Phổ Nhãn: trí huệ hơn người, biết pháp thế xuất thế. Đoạn từ bấy giờ đến gặp Phật vui vẻ có tám ý:

1) Suy xét pháp tiến tu.

2) Đến nước Đằng căn tìm gặp thiện tri thức.

3) Gặp thiện tri thức ở ngã tư, thỉnh pháp.

4) Trưởng giả dạy pháp.

5) Tài chữa bệnh.

6) Khả năng thuyết pháp.

7) Cúng dường hương thơm.

8) Đức thăng tiến.

Cung thành nguy nga: trí huệ siêu việt khó đạt quả của hạnh thứ

sáu. Ngã tư đường: trí quán ba không rộng lớn khôn lường, dung nhiếp trí thế gian và xuất thế gian. Chữa bệnh: người đời dùng thuốc chữa trị thân bệnh. Người xuất thế dùng năm pháp quán và mười Ba-la-mật trị bệnh phiền não. Dâng cúng hương thơm: năm hương. Hạnh thứ sáu thanh tịnh thân ngữ ý, tịch dụng tự tại. Về cách chữa bệnh: với người loạn tưởng, Bồ-tát dạy đếm hơi thở, dừng loạn tưởng, nhập định, hiển trí, độ sanh; với người tham dục, Bồ-tát dạy quán bất định, với kẻ ngu si, Bồ-tát dạy quán 12 duyên; với kẻ chấp trước, Bồ-tát dạy quán pháp không. Bồ-tát dùng trí huệ phá trừ nghiệp ác nơi chúng sanh. Hương Tân đều ba la: tân đầu là dòng sông chảy từ miệng trâu vàng đến nước Tín độ của ao A nậu đạt. Ba La: ngạn. Bồ-tát đủ trí huệ, biện tài vô ngại như bốn dòng sông chảy từ ao A nậu. Hương A lư na bạt để: hương xích sắc tiên minh, màu đỏ thuộc phương nam (quẻ ly như trước). Bồ-tát dùng ba trí không, bốn vô ngại biện tài dạy chúng sanh đạt giải thoát. Hương ô lạc ca chiên đàn: ô lạc ca: tên loài rắn. Chiên đàn: cây hương. Loài rắn này rất độc, luôn bị khí độc thiêu đốt nên nó quấn quanh cây-hương này để thoát nạn. Cũng thế, chúng sanh nghe hiểu pháp tâm cảnh rỗng lặng, mọi pháp không tánh tướng... thì đoạn trừ phiền não thiêu đốt. Tám hương chính là tám chánh đạo nhập trí Như Lai. Pháp vui vẻ gặp Phật: Bồ-tát khai ngộ chúng sanh nhập trí Phật, đạt pháp lạc. Hạnh thứ sáu chuyên tu Bát-nhã Ba-la-mật. 9,5 hàng kinh từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có bốn ý:

1) Đức thăng tiến.
2) Thành.
3) Vua.
4) Từ tạ ra đi.

Thành Đa la tràng minh tịnh: hạnh thứ bảy dùng trí xuất thế vào đời độ sanh, hiểu rõ căn tánh, tùy thuận lợi ích. Vua Vô yểm túc: luôn tạo lợi ích cho chúng sanh. Đoạn từ bấy giờ đến giải thoát như huyễn có 14 ý:

1) Suy xét pháp tiến tu.
2) Đến thành Đa la tràng.
3) Hỏi nơi ở của vua.
4) Mọi người chỉ chổ ở.
5) Đến nơi, Thiện Tài thấy vua an tọa nơi bảo tòa.
6) Cung điện là bằng bảy báu.
7) Vua chịu hình phạt.
8) Thiện Tài nghi ngờ.

9) Trong hư không phát tiếng đoạn nghi.

10) Thiện Tài trừ nghi, đảnh lễ thỉnh pháp.

11) Vua dắt Thiện Tài vào cung.

12) Vua dạy pháp, giải thích việc chịu hình phạt khổ đau là để độ chúng sanh, để chúng sanh pháp tâm bồ đề.

13) Vua nói rõ hạnh từ bi rộng lớn của mình.

14) Đức thăng tiến.

A-na-la-vương: vô yểm túc, hạnh độ kẻ ác, tự hóa thiện làm ác, chịu đau khổ để chúng sanh bỏ ác, chúng sanh thật tu thì chán ngán sanh tử, thành tựu đạo bồ đề. Vị này chuyên tu phương tiện Ba-la-mật. 8,5 hàng kinh từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có bốn ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Nơi ở.

3) Tên.

4) Đảnh lễ ra đi.

Thành Diệu Quang: đầy đủ trí căn bản và tri sai biệt. Đoạn từ bấy giờ Thiện Tài đến định tùy thuận thế gian có 15 ý:

1) Suy xét pháp tiến tu.

2) Đi về nước ấy.

3) Đến thành Diệu Quang.

4) Hỏi nơi ở của thiện tri thức.

5) Thiện Tài vui mừng khi biết được thiện tri thức ở thành này.

6) Thành Diệu quang nguy nga tráng lệ.

7) Cảnh đẹp, người hầu trong thành.

8) Đến cung của vua Diệu quang.

9) Y báo chánh báo trang nghiêm của vua.

10) Thiện Tài cúi lạy.

11) Thỉnh pháp.

12) Hạnh của thiện tri thức.

13) Tùy tâm, chúng sanh thấy Diệu quang đẹp xấu khác nhau.

14) Vua nhập định (sáu tướng chấn động, tới người cung kính).

15) Đức thăng tiến.

Đi về phương nam đến thành Diệu Quang: quán sát các pháp tăng trưởng trí bi, trí bi tự tại, đạt hạnh không dụng công. Mọi người chỉ thành Diệu quang: Thiện Tài đạt trí bi tự tại. Thiện Tài vui mừng: nhập pháp lạc. Thiện Tài suy xét mười pháp vào thành Diệu quang: từ bi không dụng công của hạnh thứ bảy hòa nhập trí không dụng công của hạnh thứ tám. Lầu gác trang nghiêm đều là quả của hạnh độ sanh

bằng bảy pháp bồ đề và mười Ba-la-mật. Vua an tọa nơi bảo tòa ở ngã tư đường trong thành: Bốn tâm rộng lớn và bốn nhiếp pháp. (Ý nghĩa các tướng tốt trang nghiêm, y báo chánh báo của vua như trước). Thiện Tài cúi lạy: bi trí của hạnh này dung nhiếp hạnh của năm vị. Vị thứ tám đang trong năm vị đều là người viên mãn hạnh nguyện, tiến tu hạnh Như Lai. Vua nhập định: hạnh từ bi tạo lợi ích cho chúng sanh để kẻ hậu học noi theo. Vì thể tánh của trí không nương tựa, ở Phật và chúng sanh đều như nhau. Đó là nơi quay về nương tựa của tất cả mọi loài. Như vua anh minh thì trời thần phục tùng, rồng lân hiện điềm lành. Cũng thế, trí bi căn bản là thể tánh của mọi loài. Cỏ cây sông núi đều hướng về nhà vua: trí bi hòa hợp. Vì chạy theo vọng tình nên chúng sanh không dung hợp được. Như cảnh giới Liên hoa tạng đủ vô số cõi nước, vượt trên vọng tình, bậc Thánh dùng trí chuyển vọng tình, chúng sanh đều nương tựa. 10 ngàn rồng: trí đi khắp mọi nơi, hành từ bi như rồng tuôn mưa. Các vua cõi Tha hóa tự tại... là hạnh từ bi. 4,5 hàng từ đảnh lễ... sự độ sanh nhiều ít, đức thăng tiến. Hạnh thứ tám chuyên tu nguyện Ba-la-mật. (Năm vị tu tập như trước). 16 hàng Kinh từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có năm ý:

1) Đức thăng tiến.
2) Phương hướng.
3) Nơi ở.
4) Tên.
5) Từ tạ ra đi.

Vương độ: nơi ở của hạnh Pháp vương thứ chín. (Trong năm vị, vị thứ chín đều có tài thuyết pháp) Ưu-bà-di: (Nữ cư sĩ) người nữ từ 20 tuổi trở lên không cưới chồng, tu đức thoát tục, không đắm nhiễm thế gian. Bất Động: nữ cu sĩ này trải qua vô số kiếp sanh trong cõi Diêm phù nhưng tâm không bị tham sân... năm dục khuynh động. Đoạn từ bấy giờ đến vui vẻ có 17 ý:

1) Suy xét pháp tiến tu.
2) Quyến luyến thiện tri thức.
3) Lúc đó, đức Phật sai chư thiên khuyên Thiện Tài đi về thành An trụ.
4) Xuất định, Thiện Tài đến thành An trụ.
5) Tìm nữ cư sĩ Bất Động.
6) Mọi người nói rằng: nữ cư sĩ sống chung với cha mẹ.
7) Thiện Tài đến nơi thấy rõ y báo của cư sĩ.
8) Nhờ ánh sáng chiếu đến thân, Thiện Tài đạt 500 tam muội.

9) Thiện Tài quan sát chánh báo của thiện tri thức.

10) Thiện Tài nói kệ khen ngợi, thỉnh thuyết pháp.

11) Thiện tri thức thuyết pháp.

12) Thiện Tài hỏi về cảnh giới của định.

13) Nguyên nhân đạt định.

14) Đức Phật ở trong hư không thuyết giảng giáo pháp.

15) Trải qua vô số kiếp, nữ cư sĩ đã ở cõi Diêm phù này tu tập hạnh xuất thế và kỹ xảo thế gian.

16) Nữ cư sĩ hỏi Thiện Tài về sự thấy biết hạnh tu tập không mỏi mệt của Bồ-tát.

17) Đức thăng tiến.

Vì sao Thiện Tài quyến luyến Thiện tri thức? Từ trí tu bi trọn vẹn mười lực của Như Lai.Vì sao Thiện tri thức này là người nữ? Vị Này từ trí không dụng công tu tập hạnh từ bi, độ thóat tất cả chúng sanh. Vua Điện Thọ: trí phá trừ mê hoặc nhanh như ánh chớp. Từ hạnh thứ sáu đến hạnh thứ bảy nương bi tu trí. Từ hạnh thứ tám trở về sau dùng trí tu bi. Hạnh thứ chín, từ trí hành bi không tập nhiễm sống với cha mẹ: phương tiện Ba-la-mật là cha, trí Ba-la-mật là mẹ, nuôi lớn tâm bi: nữ. Giải thoát tạng trí huệ khó khuất phục: trí hạnh điều phục tà luận, đạt mười lực của vị pháp vương. Ta từng nghe pháp cầu học trí lực biện tài của Phật: hạnh nhu hòa thanh tịnh khiêm nhường. Nơi ở trang nghiêm: ánh sáng giáo pháp của hạnh thứ chín. Ánh sáng chiếu đến thân, Thiện Tài đạt 500 tam muội, hiểu tướng các pháp vốn thanh tịnh sáng suốt, hiểu rõ trí không nương tựa, kkhông thuộc có không, tánh vốn tịnh tịnh, định này không đấm nhiễm thế gian. Định Phổ Nhãn xả đắc: mắt trí không nương tựa: xả; hiểu biết mọi pháp: đắc. Định Như Lai tạng: trong trí huệ đó đủ vô số công đức. 500 là hạnh của năm vị. Thiện Tài nhập định này như bảy ngày ở trong thai: người đạt vị này, dùng trí dung hợp từ bi nhu hòa. Chúng sanh thấy đồng nữ là đoạn trừ tâm đấm nhiễm và phiền não: tướng phước đức nhân từ đoan chánh, không đấm nhiễm, trời người thấy được đoạn trừ hoặc nghiệp. Định bất không luân: tu học các pháp thế, xuất thế. Định thập lực trí luân: viên mãn trí sai biệt của Phật. Định Phật chủng vô tận tạng: trí hóa độ rộng lớn. Ba định này là tướng chung, các định khác là tướng riêng. Nghĩa là một nhiều dung nhiếp, đan xen như lưới Đế Thích. Hạnh thứ chín chuyên tu lực Ba-la-mật; 15,5 hàng kinh từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có bốn ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Nơi ở.

3)Tên.

4) Đảnh lễ ra đi.

Thành vô lượng đô tát la: đô: vui vẻ, tát la: xuất sanh. Thành này có vô số việc làm cho mọi người vui vẻ. Hạnh này hiện thân sống trong thế gian đem lợi ích ban vui cho chúng sanh. Ngoại đạo xuất gia tên Biến Hành: đủ trí Phật: xuất gia. Vì độ ngoại đạo nên thị hiện xuất gia trong ngoại đạo. Vì lợi ích tất cả chúng sanh nên thị hiện hạnh nguyện như chúng sanh: Biến Hành. Hành hạnh không đắm nhiễm: xuất gia. Hạnh Bồ-tát hóa độ chúng sanh tà kiến: ngoại đạo. Đoạn từ bấy giờ Thiện Tài đến hạnh Bồ-tát có năm ý:

1) Suy xét pháp tiến tu.

2) Tìm thiện tri thức.

3) Thấy thiện tri thức đang thiền hành trên đỉnh núi.

4) Đến nơi, thỉnh thuyết pháp.

5) Thiệ tri thức dạy pháp.

Hạnh Bồ-tát hóa độ là đạo: Thông thường những người tiến tu nhưng chưa đạt lý trí diệu hạnh của pháp giới nhứt thừa, chưa đạt sự tự tại dung hợp một nhiều, giống khác, như hình tượng hiện trong lưới Đế Thích, đều là ngoại đạo tà kiến. Bồ-tát thị hiện hạnh độ thoát Thánh phàm: ngoại đạo Biến Hạnh, làm tất cả mọi việc để đem lại lợi ích cho chúng sanh không phân biệt đúng sai, tùy thuận độ sanh trong mọi lúc mọi nơi nhưng không đến đi qua lại câu: “Ta đã thành tựu định phổ quán thế gian, thần lực không tạo tác, không nương tựa, Bát-nhã Ba-la-mật, hiện vô số thân độ thoát tất cả chúng sanh nhưng chúng sanh không hồ biết ta là ai”. Trí Ba-la-mật của hạnh chơn thặt. Mười hạnh là hạnh Phổ Hiền (năm vị tu tập như trước).

■

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 37

Phần thiện tri thức thuộc vị hồi hướng của Thiện Tài. Từ như các Bồ-tát đến tạ từ ra đi có năm ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Nơi ở.

3) Tên.

4) Khuyên Thiện Tài cầu học.

5) Từ tạ ra đi.

Hạnh vô ngại tự tại độ sanh chính là phương tiện hạnh nguyện của vị hồi hướng. Hòa hợp hương hoa: hạnh dung hòa bi trí sanh tử Niết-bàn, không phân biệt tịnh nhiễm thành năm hương giải thoát của vị hồi hướng. Trưởng giả Thanh liên hoa: tự tại trong sanh tử-Niết-bàn. Nước Quảng đại: phát nguyện rộng lớn, hành vô số hạnh, cứu độ tất cả chúng sanh. Nguyện là gió của hạnh trí thổi tan tất cả vọng niệm, thành tựu thần thông tự tại, đạt vô số tam muội, dẫn dắt chúng sanh-những kẻ chấp tịnh nhiễm, thoát khỏi vọng chấp, sống trong sự tự tại của trí không nương tựa. Thiện tri thức đầu của hồi hướng là trưởng giả Chúc hương, biểu hiện sự dung hợp bi trí sanh tử Niết-bàn (Thanh liên hoa như trước). Đoạn từ bấy giờ đến pháp Điều hòa có năm ý:

1) Suy xét pháp tiến tu.

2) Đến nơi ở của trưởng gia.

3) Lạy tạ.

4) Thỉnh pháp.

5) Trưởng giả dạy pháp.

mười nguyện lớn biểu hiện cho hạnh dung hợp bi trí chơn tục của hạnh hồi hướng. Đi về phía nam: tăng tiến. Nước Quảng Đại: từ nguyện phát khởi trí hành vô số hạnh độ sanh. Câu: ta biết cách hòa hợp các hương có hai ý:

1) Biết hương thế gian.

2) Biểu hiện cho pháp.

Hương thế gian: tất cả các loại hương: thể chung, hương đốt, hương xoa... là tướng riêng. Nơi xuất pháp: nghiệp chúng sanh. Năm hương thế gian: trong cõi la sát có một, trong cõi trời có bốn. Hương: tánh không nương tựa, phát khởi pháp lành đoạn trừ nghiệp ác như tánh không nương tựa của đại nguyện, phát khởi vô số pháp lành, trí lớn, thuyết pháp bạch tịnh hành vô số hạnh từ bi, độ tất cả chúng sanh, đoạn khổ, phát tâm bồ đề. Nếu không có nguyện lớn thì không phát tâm bồ đề, dù tu pháp giải thoát vẫn là hàng nhị thừa. Hương tượng tạng: do loài rồng đấu nhau. Đốt một hòn hương này sẽ tạo thành đám mây lớn che khắp cung vua. Sau bảy ngày thành mưa phùn, mưa thấm vào thân, thân ánh lên. Tất cả hạnh nhẫn nhục từ bi trí định của vị hồi hướng đều là pháp thanh tịnh tự tại trong pháp giới. Nếu có gió thổi vào cung, ai ngửi được hương này bảy ngày đêm thoát khỏi khổ nạn, không lo sợ giận hờn, phát tâm từ, chí ý thanh tịnh, truyền nhau tin lành, phát nguyện tu bảy phần giác... biết thế ta thuyết pháp: khuyên chúng sanh phát tâm bồ đề, phát nguyện lớn, tâm thành kính kiên cố, học 37 phẩm trợ đạo đạt đạo chơn thật. Núi Ma la da: thuộc nước Ma lợi già da phía nam Thiên Trúc. Núi này có nhiều cây hương chiên đàn. Người xoa hương này, dù vào lửa vẫn không bị cháy. Cũng thế, nhờ nguyện lực, thành tựu giới thể pháp thân không tánh, vào hầm lửa sanh tử, lửa tham sân ái không thể thiêu đốt. Hương Vô năng thắng trong biển: nếu dùng hương này xoa vào trống trận thì âm thinh phát ra ghê sợ, kẻ địch tự rút lui. Cũng thế, hạnh này thành tựu nhẫn nhục vào sanh tử độ thoát chúng sanh. Với tâm nhẫn nhục, Bồ-tát nghe tất cả tiếng tốt xấu. Hương Liên Hoa Tạng trong dòng trầm thủy thuộc ao A nậu. Mỗi hòn hương này lớn bằng nốt rỗ, đốt một hòn hương này, mùi xông khắp cõi Diêm phù, chúng sanh ngửi được đoạn trừ độc ác, thành tựu giới thanh tịnh: thông đạt nghiệp ba cõi, sanh trong nhà Phật, thanh tịnh, dùng bốn nguyện lớn vào sông sanh tử độ chúng sanh nhưng không đắm nhiễm. Hương A lư na ở núi tuyết, (hương màu đỏ) dùng để nhuộm. Chúng sanh ngửi được hương này đoạn tâm tham đắm: thiền Ba-la-mật vào sanh tử, dạy chúng sanh đoạn tham, đạt thanh tịnh. Hương Hải tạng trong cõi la sát: (vật dùng của luân vương). Nếu đốt một hòn hương này, vua và bốn binh ngửi được đều bay lên hư không: vào sanh tử bằng trí ba không, dùng trí Bát-nhã, đốt hương trí huệ, hòa hợp bi trí (Hồi hương là hạnh chugn của sáu vị). 10 hàng từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có năm ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Phương hướng.

3) Nơi ở.

4) Tên.

5) Từ tạ ra đi.

Thành lâu các: hạnh dung hòa các tướng chung riêng giống khác của vị hồi hướng. Thuyền Sư Ba Thi la (tự tại): tự tại trong sanh tử. vị này vào sanh tử hành đại bi, thành tựu giới thể. Phần từ bấy giờ Thiện Tài đến nhớ rõ có năm ý:

1) Suy xét pháp tiến tu.

2) Đến thành lâu các.

3) Thấy thuyền sư trên bờ biển.

4) Kính lễ cầu pháp.

5) Thuyền sư dạy pháp.

Thuyền sư ở trên bờ biển với trăm ngàn thương nhơn, dắt dẫn thương nhơn vào biển tìm báu vật. Biển thật nguy hiểm, nếu không phải là bậc trí thì không biết hết được. Thiện tri thức đạt pháp chơn như thoát khổ đau, nhờ hạnh nguyện vào sanh tử độ sanh. Trăm ngàn thương nhơn: vô số chúng sanh: hạnh rộng lớn. Bồ-tát hành hạnh đại thừa, không sợ sanh tử. Nhứt thiết châu: đạt nhứt thiết trí; Nhứt thiết bảo xứ: biết căn lành của chúng sanh. Nhứt thiết bảo loại: biết hạnh của tất cả cúng sanh. Nhứt thiết bảo chủng: biết căn tánh lớn nhỏ. Nhứt thiết bảo khí: biết khả năng của chúng sanh (truyền dạy giáo pháp). Nhứt thiết bảo dụng: truyền pháp hợp khả năng. Nhứt thiết bảo quang minh: trí huệ của ba thừa một thừa. Tịnh nhứt thiết bảo: dùng 37 phẩm trợ đạo, mười Ba-la-mật... làm phương tiện độ sanh. Toàn nhứt thiết bảo: chỉ, quán. Xuất nhứt thiết bảo: biết khả năgn truyền pháp để chúng sanh hiển hiện trí lớn. Tác nhứt thiết bảo: tử trí vô tướng phát khởi trí sai biệt, phát nguyện hành từ bi độ sanh . Nhứt thiết long cung nạn xứ: Bồ-tát cõi tịnh như rồng, đạt một phần thần túc thông. Dạ xoa tượng trưng cho Thanh Văn, đoạn ba độc, đạt thần thông. La sát tượng trưng cho Duyên giác, ở trong Niết-bàn đoạn vô minh và trí Phật. Bồ-tát dùng nguyện lực vào tất cả cõi nước hiểu rõ 12 duyên, tự tại trong pháp giới. Sông sâu cạn: nghiệp ái. Sóng: vọng tình. Nước trong đục: tâm thiện ác. Trời, trăng, sao, dài, ngắn..biết các pháp thế gian. Chuyển hạnh tu tập của 3 thừa vào sanh tự độ sanh (năm vị tu tập như trước). 10 hành từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có năm ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Phương hướng.

3) Thành.

4) Tên.

5) Từ tạ ra đi.

Thành khả lạc: trưởng giả thông hiểu mọi pháp thế gian, thuyết giảng pháp xuất thế, chúng sanh được an vui. Trưởng giả vô thượng thắng: trong các hạnh, nhẫn là hạnh hơn hết, tài đức hơn người. Đoạn từ bấy giờ Thiện Tài đến lực thần thông không tạo tác có năm ý:

1) Suy xét pháp tiến tu.

2) Đến thành khả lạc.

3) Trưởng giả ở trong rừng vô ưu phía đông thành trăm ngàn thương nhơn vây quanh.

4) Đảnh lễ.

5) Cầu pháp.

Đến thành gặp trưởng giả vô thượng thắng: thăng tiến nhập vị. Trưởng giả ở phía đông thành: không an trụ pháp lạc, dùng trí độ sanh. (Phật: giác như trước). Rừng vô ưu: nhẫn Ba-la-mật, thành tựu hạnh hẫn, không lo buồn, hành mọi hạnh. Rừng: hạnh độ sanh rộng lớn của trưởng giả, chúng sanh được độ thoát, không lo buồn, trăm ngàn nhơn vây quanh: chúng được độ thoát, biến ngu thành trí, chuyển trí thành ngu, thiện thành ác, ác thành thiện: thương nhơn; luôn ở trong sanh tử, độ thoát chúng sanh bằng đức từ bi: cư sĩ. Thấy trưởng giả thuyết pháp cho đại chúng, Thiện Tài cúi lạy: mười hồi hướng chuyển chơn vào tục, từ bi nhẫn nhục như đất. Tự xưng tên: cầu pháp sâu xa, hiểu rõ ngã, vô ngã, thành tựu hạnh nhẫn. Trưởng giả dạy pháp: hạnh độ sanh rộng lớn của các đức Phật và Bồ-tát. Ba thiện tri thức đầu của vị hồi hướng đều là cư sĩ hiển hiện cho hạnh chuyển chơn vào tục của vị hồi hướng. Hồi hướng này chuyên tu nhẫn Ba-la-mật. 10,5 hàng từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có năm ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Cõi nước.

3) Thành.

4) Tên.

5) Từ tạ ra đi.

Thành Ca lăng lâm: (Tương đấu tránh) Tỳ kheo này thoát khỏi ràng buộc của ba cõi, sanh trong nhà Như Lai, chuyển chơn vào tục, thành tựu lòng từ không đắm nhiễm. Song trong hạnh hồi hướng không có tánh nam nữ. Ở đây là biểu pháp. Về thật tánh, Tỳ kheo ni là pháp của hồi hướng này, dung hợp chơn tục đúng sai tịnh nhiễm, thành tựu pháp trí pháp tánh, vào đời hành từ bi nhưng không đắm nhiễm, đoạn

trừ phân biệt chơn tục tốt xấu. Hành hạnh tinh tấn. Đấu tránh lâm: hạnh độ sanh rộng lớn là rừng. Nước Thâu na (dũng mãnh): tinh tấn, hạnh tinh tấn Ba-la-mật của hồi hướng này. Tỳ kheo ni tên Sư Tử Tần Thân: từ bi vui vẻ, đi khắp mười phương giáo hóa chúng sanh, không mệt chán. Như người đang vui vẻ thoải mái. Tuy vào đời đoạn trừ vọng chấp của chúng sanh nhưng tâm luôn vượt trên thế gian. Đoạn từ bấy giờ Thiện Tài đến giải thoát nhứt thiết trí có năm ý:

1) Đến nước Thâu na.
2) Tìm Tỳ kheo ni.
3) Mọi người chỉ nơi ở của Tỳ kheo ni.
4) Thiện Tài cầu pháp.
5) Tỳ kheo ni dạy pháp.

Về y báo của Tỳ kheo ni có 13 pháp:

1) Cây báu.
2) Ao ước, dòng suối, hoa báu.
3) Tòa sư tử dưới cây báu.
4) Mặt đất bằng báu.
5) Hoa thơm.
6) Cây cối, chuông, linh vang tiếng nhạc.
7) Áo trời.
8) Lầu gác, long báu.
9) Ánh sáng.
10) Cung điện.
11) Quả của hạnh cúng Phật.
12) Hạnh độ sanh bằng ba nghiệp của Tỳ kheo ni.
13) Đại chúng vây quanh.

Tất cả đều là hạnh độ sanh rộng lớn của Tỳ kheo ni. (Năm vị tu tập đan xen như trước). Hạnh bố thí của Tỳ kheo ni: trọn vẹn ba pháp trí, từ nhẫn. Tỳ kheo ni xuất gia bỏ sự trang sức: nhẫn; ni: từ bi. Thắng quang vương: trí. Từ nguyện lực, hồi hướng bào đời, hành vô số hạnh độ sanh, dung nhiếp pháp của năm vị, đủ thể dụng của pháp giới. Sư tử tần thân: pháp lạc trong pháp giới. Ba pháp trí từ nhẫn của vị này, đến hồi hướng bảy, tám sẽ được trọn vẹn. Song năm vị đều đủ những hạnh nguyện trên. Cây Ba lợi chất đa: Hương biến. Lá cành hoa của cây này đều tỏa mùi thơm ngào ngạt, xông đến cõi Đao lợi: hạnh rộng lớn. Áo ca lân: áo bông. Bà lâu na thiên: thủy thiên, mười pháp Bát-nhã... là pháp mà tyỳ kheo ni thuyết giảng. Vườn Nhựt quang: nhẫn trí từ là thể tánh của vườn. Thiện Tài chấp tay đứng thẳng cầu pháp đi quanh bên

phải, không lạy. Cây là quả của hạnh: trọn vẹn ba pháp nhẫn trí từ. Đi quanh: thể hội ba hạnh nhẫn trí từ. Tỷ kheo ni dạy pháp thành tựu nhứt thiết trí: trí sai biệt, nhẫn và từ trong trí căn bản. Từ ba pháp này độ thoát tất cả chúng sanh. Đại chúng đều đạt thần thông là trí kim cang của mười địa. Thiện Tài hỏi về cảnh giới của pháp này: từ trí sáng đạt vô số tam muội và ý sanh thân. Nghĩa là từ trí căn bản khởi từ, nhẫn, trí sai biệt hành vô số hạn, tự tại vô ngại hợp với cảnh giới của pháp giới. Và đó là hai Bồ-tát Quan Âm, chánh thú, là trí bi không dụng công. 12 hàng từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi. Nước Hiểm Nạn: chuyên tu thiền Ba-la-mật, thân tướng đoan nghiêm, biến khắp pháp giới, từ thân hiện vô số cõin nước thiện ác, tất cả đều thuộc thiền pháp giới, hành vô số hạnh, độ thoát vô số chúng sanh. Chúng sanh thấy hạnh nhiễm ô: khó tin. Thành Bảo Trang nghiêm: thấy nghe mà không tin là Hiểm nạn. Nếu tin tưởng liễu ngộ tâm cảnh đều không, hợp chơn tánh, đoạn trừ hoặc chúng sanh tử, đạt thần thông. Nhị thừa và Bồ-tát quyền giáo tuy thoát khỏi sự ràng buộc nhưng chưa chuyển thiền thanh tịnh không đắm nhiễm vào thế gian, làm mọi việc thế gian, tạo lợi ích cho chúng sanh, dù hiện những hạnh nhiễm ô nhưng tâm không đắm nhiễm. Vì thế tuy là nữ thân nhưng trong thân thể không có nam nữ. Thể tánh của từ bi lý trí chơn như như người nữ, không phải là nam nữ của thế gian. Người phân biệt nam nữ thì không hiểu được pháp môn này. Đó là hạnh từ bi xuất phát từ trí vi diệu của Bồ-tát. Bồ-tát vào đời tùy căn tánh của chúng sanh hiện sắc thân độ thoát. Nhờ đức ấy, Bồ-tát không chứng nhập chơn như, không bị thế tục ràng buộc. Pháp vốn cùng khắp, có gì là đúng sai? Việc này vượt trên sự hiểu biết của thế gian. Nếu không có trí hợp nguồn chơn và hạnh rộng lớn như pháp giới, chỉ có trí hiểu biết của thế tục thì không hiểu được. Bà Tu mật: thế hữu, thiên hữu là thầy bạn của trời người. Những hạnh như dùng ngọc báu đổi tiền, bán thân lấy tiền đều là những hạnh người đời không thể tin hiểu là hạnh cao cả. Hạnh đó tuy nhiễm nhưng không nhiễm, chỉ có trí Phổ Hiền mới hiểu được. Đoạn từ bấy giờ đến giải thoát lìa tham dục có năm ý:

1) Suy xét pháp tiến tu.
2) Đến thành Bảo trang ngiêm nước Hiểm nạn.
3) Tìm thiện tri thức.
4) Gặp Thiện tri thức ở ngôi nhà phía bắc thành.
5) Lễ tạ ra đi.

Thiện tri thức ở ngôi nhà phía bắc thành: sanh tử phiền não là thành phố. Phương bắc thuộc quẻ khảm, màu đen, ngu si: Bồ-tát ở trong

nơi ngu si tham ái, làm mọi việc như thế gian để độ thoát chúng sanh. Biển sanh sư tử của chúng sanh là nhà của Bồ-tát. Với lòng từ, Bồ-tát vào sanh tử hóa độ chúng sanh thành tựu hạnh Phổ Hiền, đầy đủ vô số công dức. Nhà của trang nghiêm mà Thiện Tài thấy là y báo của thiện tri thức. Thiện tri thức dạy pháp giải thoát lìa tham dục: tùy sự ham muốn của chúng sanh hiện thân độ thoát. Chúng sanh nào thấy ta sẽ lìa tham dục, đạt định hoan hỷ của Bồ-tát: từ định phát sanh trí huệ hiểu rõ âm thanh không thể tánh. Chúng sanh được nắm tay ta là lìa tham dục, đạt định đi khắp cõi Phật: dắt dẫn chúng sanh. Thăng tòa: trí vô tướng; nhìn ta: quán chiếu; tần thân: pháp lạc. Mục thuấn: thấy thật đế, nhập cảnh trí Phật. Ôm ta: nhiếp phục chúng sanh. Hôn ta: lãnh thọ giáo pháp. Nếu chúng sanh gần gũi ta sẽ lìa tham dục, đạt nhứt thiết trí: những người gần gũi đều thích lợi ích. Nhị thừa và Bồ-tát chỉ cầu thoát khổ, không đủ tâm bi. Ở đây, Bồ-tát chỉ cầu thoát khổ, không đủ tâm bi. Ở đây, Bồ-tát tuy sống trong pháp nhiễm tịnh nhưng hiểu rõ thể tánh khôn nương tựa, viên mãn trí sáng, tự tại độ sanh không trói buộc cũng không thoát khỏi. (Đó là trí bi tự tại rộng lớn như trước.) Thiện Tài hỏi hạnh tu, Thiện tri thức kể lại nhân xưa. Ngày xưa, khi đức Phật Cao Hạnh xuất thế, ta là vợ của một trưởng giả, ta thường bố thí bạc tiền. Sau đó, nhờ Văn Thù sư lợi khuyên phát tâm bồ đề. Vì thế, ta đạt giải thoát này. Bố thí tiền bạc: không tham. Văn thù khuyên phát tâm: không dục. Tiền tuy không nhiều nhưng tâm bố thí thật quí. Đó là thiền Ba-la-mật của hồi hướng này. Sáu hàng từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có năm ý:

1) Đức thăng tiến.
2) Cõi nước.
3) Nơi ở.
4) Hạnh của thiện tri thức.
5) Từ tạ ra đi.

Thành Thiện Độ: khả năng độ thoát chúng sanh. Cư sĩ Bính sắc: pháp chi la, Bao nhiếp: trí đạt lớn thông mọi pháp. Nếu nói đủ là Tất hằng lủ duệ: Từ thị, trí xuất thế, vào đời hành bi tạo lợi ích cho chúng san. Đoạn từ bấy giờ Thiện Tài đến giải thoát có năm ý:

1) Đến thành Thiện Độ.
2) Đến nhà cư sĩ, lễ kính.
3) Thành kính cầu pháp.
4) Thiện tri thức dạy pháp.
5) Pháp hiện hành.

Cúng dường tòa chiên đàn nơi tháp Phật: đạt tam muội Phật chủng

vô tận tạng: tâm phân biệt của chúng sanh là trí Phật (hạnh độ sanh của hồi hướng) Tòa chiên đàn trong pháp nhưng không có hình tượng: trí hiểu pháp khônh hình tướng. Cúng tà nơi tháp Phậthiện tại: trí đạt vô tướng , không phân biệt quá khứ hiện tại, vị lai. Trí huệ của các đức Phật và chúng sanh là một. Thiện tri thức dạy pháp này để chúng sanh hiểu và hướng nhập trí Phật. Cư sĩ Bính sắc: trí thổ của Phật và chúng sanh là một, không sanh diệt. Thiện tai hỏi về cảnh giới của tam muội, cư sĩ dạy: nhập định này thấy vô số Phật. Phật và chúanh san vốn là thổ tướng không sanh diệt. Cúng tà chiên đàn: dạy chúng sanh đạt trí huệ tánh tướng thân tâm không sanh diệt. 14 hàng từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có năm ý:

1) Đức thăng tiến.
2) Phương hướng.
3) Nơi ở.
4) Tên.
5) Từ tạ ra đi.

Núi Bổ hằng lạc ca: núi cây tiểu bạch hoa vì núi này có nhiều cây bạch hoa, hoa rất thơm, hương thoảng xa Bồ-tát tu hành từ bi khâm hạ. Hoa: hành muôn hạnh, hạnh độ sanh rộng lớn. Thiện tri thức tên Quán Tự Tại: Quan Thế âm: dùng ánh sáng từ bi chiếu soi thế gian, cứu khổ chúng sanh. Chúng sanh cầu cứu, Bồ-tát mới ứng hiện cứu độ: chuyển tâm chấp pháp lành để công đức ngày càng kiên cố. Bồ-tát Quán Tự Tại có từ bi sao phải dùng ánh sáng từ bi? Tên của các Bồ-tát biểu hiện cho hạnh nguyện; hạnh của Bồ-tát biểu hiện cho quả vị. Tuy các Bồ-tát đều đủ các trí bi nhưng nêu riêng trí bi để biểu hiện đức thăng tiến. Ở đây, vị hồi hướng này vào đời độ sanh bằng từ bi nên là Quan thế âm (Quan thế âm như trước). Đoạn từ bấy giờ Thiện Tài đến từ bi có năm ý:

1) Suy xét pháp tiến tu.
2) Đến núi Bổ Hằng lạc ca tìm thiện tri thức.
3) Thấy thiện tri thức an tọa nơi bảo tòa kim cang.
4) Thiện Tài vui mừng, Bồ-tát khen ngợi Thiện Tài.
5) Thiện Tài cầu pháp, Bồ-tát thuyết pháp.

Nham cốc: nơi hiểm ác; suối chảy quanh: từ bi rộng lớn. Cây cối um tùm: che chở. Cây cỏ thơm ngát: thuyết pháp, vui lòng chúng sanh. Hữu tuyền bố địa: chúng sanh thuận tùng. Bồ-tát Quan Thế âm ngồi tòa kim cang: hạnh từ bi xuất phát từ trí kim cang kiên cố. Kiết già phu tọa: bi trí đan xen. Vô số Bồ-tát ngồi bảo tòa: hạnh từ bi sâu rộng. Thiện

Tài định thần quan sát: chuyên tâm kính phháp quí người.Thiện Tài đến nơi, Quan Thế âm bảo: lành thay, hãy đến đây: Bồ-tát khen ngợi đức trí của Thiện Tài, lòng từ bi sâu xa kiên cố. Thiện Tài đảnh lễ cầu pháp, Quan Thế âm dạy pháp giải thoát từ bi: Bồ-tát trọn vẹn trí vào đời độ sanh. Hồi hướng này chuyên tu phương tiện Ba-la-mật. 18,5 hàng từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có năm ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Nơi ở.

3) Tên.

4) Khen ngợi đức của Thiện Tài.

5) Khuyên Thiện Tài cầu học.

Vì sao ở đây không có ý từ tạ ra đi? Vì Bồ-tát Quan âm gặp Bồ-tát Chánh Thú, trí bi viên mãn. Nghĩa là trọn vẹn từ bi, trí sáng tự hiện, trí bi cùng một thể tánh. Phương đông có Bồ-tát tên Chánh Thú: trí chơn tánh. Từ hư không đi đến: thể trí không nương tựa, không hình tướng, đủ thần thông, từ thể chơn không khởi thân huyễn hóa độ chúng sanh, tích tắc hiện khắp mười phương nhưng không đến đi (nghĩa bốn phương biểu pháp như trước). Bồ-tát Chánh Thú dùng ngón chân ấn vào mặt đất, sáu tướng chấn động: trí đoạn trừ mê hoặc vọng chấp. Trang nghiêm báu vật: đoạn vọng chấp, cảnh huyễn cũng không còn. Ánh sáng của Bồ-tát che khuất ánh sáng trời rồng tám bộ, chiếu đến địa ngục súc sanh. Công đức có từ tâm sanh diệt nên cũng thuộc sanh diệt, còn chấp mình người. Ánh sáng của nghiệp vô lậu không phân biệt mình người, pháp tánh thanh tịnh, đủ bi trí, thế gian không thể biết được, không bi chướng. Đoạn từ bấy giờ Thiện Tài đến giải thoát tốc tật hành có năm ý:

1) Vâng lời dạy, Thiện Tài đến nơi Bồ-tát Chánh Thú.

2) Đảnh lễ cầu pháp.

3) Bồ-tát chánh thú dạy pháp.

4) Thiện Tài hỏi nhân đạt pháp.

5) Chánh thú trả lời.

Ta học pháp này nơi Phật Phổ Thắng sanh cõi Diệu Tạng phương Đông. (Phương Đông như trước): trí căn bản khởi trí sai biệt, ứng hợp mọi mong cầu của chúng sanh. Tất cả công dụng đều từ trí căn bản. Vô số kiếp: trí căn bản vượt trên kiếp số. Cách vô số cõi nước: tánh rộng lờn cùng khắp của trí căn bản. Từ trí căn bản khởi trí sai biệt hành mọi hạnh. Vị này chuyên tu nguyện Ba-la-mật. Tám hàng kinh từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có năm ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Phương hướng.

3) Nơi ở.

4) Tên.

5) Từ tạ ra đi.

Thành đạt la bát để: hữu môn. Vị thứ chín thuyết pháp độ sanh. vì sao thiện tri thức của vị này là thiên thần? Trí thanh tịnh vượt khỏi sự trói buộc là thiên. Trí ấy không tạo tác, không nương tựa nhưng ứng hiện cùng khắp là thần. Tất cả sông núi sao trời trăng... trong Kinh đều là thần biến của Bồ-tát, vượt trên sự hiểu biết của quỉ thần thế gian. (Thiên quẻ càn, địa quẻ không... như trước). Đoạn từ bấy giờ Thiện Tài đến giải thoát Vân Vãng có năm ý:

1) Suy xét pháp tiến tu.

2) Đến thành Hữu môn.

3) Hỏi nơi ở của Thiên thần.

4) Đến nơi cầu pháp.

5) Thiên thần thuyết pháp.

Thiên thần dùng bốn tay lấy nước bốn biển rửa mặt: quí kính người phát tâm. rải hoa vàng cúng Thiện Tài: tôn kính người phát tâm dùng bốn tay lấy nước bốn biển: bốn tâm rộng lớn, bốn nhiếp pháp độ thoát chúng sanh. Rửa mặt: tắm mát chúng sanh bằng nước bi trí. Hoa phân đi lợi: hoa sen trắng trăm cánh xinh đẹp thnah khiết ai cũng thích ngắm. Cũng thế, tâm Bồ-tát đoan chánh thuyết giảng giáo pháp để chúng sanh được giải thoát. Pháp Vân Võng: mây từ bi, mưa chánh pháp cứu độ chúng sanh. Thiện Tài hỏi về cảnh giới của pháp môn này (rõ như trong kinh). Hồi hướng này chuyên tu lực Ba-la-mật. 10 hàng kinh từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có năm ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Nơi ở.

3) Tên.

4) Khuyên cầu học.

5) Từ tạ ra đi.

Vì sao không nói đi về phương nam? Vì đây là hạnh chuyển giải thoát vào sanh tử, độ sanh bằng trí bi viên mãn, rộng lớn cùng khắp pháp giới. Địa thần: từ bi viên mãn, đất nuôi lớn vạn vật, cũng thế lòng bi che chở hóa độ chúng sanh thoát khổ sanh tử. Trong đạo tràng Bồ đề: dung hợp năm pháp, địa thần An Trụ này viên mãn năm pháp. Đoạn từ bấy giờ Thiện Tài đến pháp bất khả hoại trí huệ có năm ý:

1) Đến nơi ở của thần An trụ.

2) Trăm vạn địa thần cùng khen ngợi Thiện Tài.

3) Trăm vạn địa thần phóng ánh sáng chiếu soi trăm vạn cõi nước.

4) Hiện nghiệp nhân xưa của Thiện Tài.

5) Pháp của Thiện tri thức.

Trăm vạn địa thần: viên mãn tâm bi, phóng ánh sáng: trọn vẹn bi trí. Vô số cõi nước chấn động: Thiện Tài viên mãn bi trí, đoạn vọng chấp sanh tử Niết-bàn tịnh nhiễm. Địa thần dùng ngón chân ấn vào mặt đất, xuất hiện vô số kho báu: hạnh nguyện của Thiện Tài. Thiện Tài đạt vị này nên có quả báu như thế. Pháp Bất Khả hoại trí huệ tạng: bi có từ trí nên không thể phá hoại được. Tạng: hạnh rộng lớn độ sanh của trí. Không chấp hạnh nguyện: giải thoát. Tất cả hạnh của trí sai biệt đều là hạnh của Bồ-tát, từ trí căn bản là hạnh Phật. "Từ thời Phật Nhiên Đăng đến nay, ta luôn tùy thuận cầu học hạnh Bồ-tát": từ trí căn bản khởi trí sai biệt học hạnh từ bi. Kinh dạy: lại nữa, thiện nam tử! cách nay vô số kiếp, vào kiếp trang nghiêm, ta đạt pháp nay nơi Phật Diệu Nhãn cõi Nguyệt Tràng, cúng dường vô số Phật: hạnh từ bi rộng lớn, không riêng hưởng pháp lạc. Đó là bi trí mỗi loài, dung nhiếp đanh xen như ảnh tượng hiện trong lưới Đế Thích. Vị này chuyên tu trí Ba-la-mật.

■

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 38

Phần thiện tri thức mười địa của Thiện Tài. Địa một, hạnh bi trí của địa thần An Trụ. Vì trí bi xuất thế của mười trụ mười hạnh phần nhiều là chấp tịnh nên nhờ hạnh nguyện của mười hồi hướng dung hợp hai trí chơn tục, luôn sống trong đời hành hạnh từ bi nhưng không phân biệt tịnh nhiễm. Tuy sống trong đời nhưng thanh tịnh như hoa sen trong bùn. Chín thiện tri thức sau đều thuộc nữ giới, không xuất gia. Vì đó là hạnh vào đời độ sanh. Dạ thần: đem ánh sáng pháp vào chốn vô minh tăm tối. Vào đời bằng trí vi diệu vượt trên sự trói buộc, nuôi dạy chúng sanh. Những kẻ chưa đạt trí là thần. Hiện thân thế tục thông tuệ để độ ngoại đạo tài trí. Hiện thân thần linh để che chở cho chúng sanh. Với trí vi diệu, Bồ-tát hiện khắp mười phương bằng mọi hình tướng, nhưng luôn sống trong pháp Phật. 7,5 hàng Kinh từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có năm ý:

1) Đức thăng tiến.
2) Nơi ở.
3) Thành.
4) Tên.
5) Từ tạ ra đi.

Thành Ca tỳ la (Hoàng Sắc): Nơi tu của một tiên nhơn tóc vàng: sống trong trung đạo. Vàng là màu phước đức, vui vẻ, Bồ-tát thông hiểu pháp Phật, hiện tướng phước đức (nước Ma Kiệt Đề như trước). Địa thứ nhứt đạt trí Phật, vào đời độ sanh. (Bà San bà diễn để như trước). Đạo từ bấy giờ Thiện Tài đến giải thoát có năm ý:

1) Suy xét pháp tiến tu.
2) Đến thành Ca Tỳ La.
3) Suy xét công đức của thiện tri thức bằng bốn pháp.
4) Thấy Dạ thần an tọa tòa sen trong hư không.
5) Thiện Tài thỉnh pháp.

Phần thấy Dạ thần có sáu ý:

1) Thân tướng Đan chánh.
2) Sự trang sức của dạ thần.
3) Tướng tốt.
4) Sự độ sanh của Dạ thần.
5) Định tự tại của dạ thần.
6) Thiện Tài lễ kính cầu pháp.

Thân Dạ thần chính là thân pháp giới. Đó là pháp dạy kẻ tu hành noi theo...

Phần thỉnh pháp có 17 ý:

1) Thiện Tài đạt pháp tạng khi chiêm ngưỡng thiện tri thức.
2) Dạ thần khen Thiện Tài và trao dạy pháp.
3) Tên pháp.
4) Hạnh từ bi.
5) Dạ thần nói kệ khuyên Thiện Tài học pháp.
6) Thời gian phát tâm của Dạ thần.
7) Thời guan đạt pháp.
8) Dạ thần trả lời.
9) Thời điểm phát tâm.
10) Tên cõi nước.
11) Vua cai trị nước ấy.
12) Tên thành.
13) Đức Phật xuất hiện vào thời ấy.
14) Thần mách bảo việc Phật xuất hiện.
15) Hoàng hậu (tiền thân Dạ thần) cúng Phật, phát tâm bồ đề hưởng pháp lạc.
16) Đời khác của Dạ thần (là trưởng giả Diệu Huệ Quang Minh nhờ thần mách bảo, đến nơi Phật Diệu Nhãn, học pháp đạt tam muội).
17) Oai lực của định (luôn được gặp Phật, nghe pháp, đạt pháp giải thoát, đoạn trừ ngu tối của chúng sanh, đi khắp các cõi Phật. Vào một kiếp khác, được gặp Phật nghe pháp, đạt trí điều phục chúng sanh trong ba đời và đạt giải thoát trên).

Đó là thời gian phát tâm, biểu hiện tâm bi sâu xa. Địa thứ một chuyên tu thí Ba-la-mật, vào đời nuôi lớn tâm bi. 15,5 hành Văn xuôi và 10 hàng kệ từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có năm ý:

1) Đức thăng tiến.
2) Nơi ở.
3) Thiện Tài khen ngợi đức của Dạ thần.
4) Thiện Tài đảnh lễ.

5) Từ tạ ra đi (tiền thân Dạ thần là hoàng hậu phát tâm tu học như trước).

Đạo tràng Bồ đề: vào đời bằng tâm bi trong thể bồ đề. Vì thể tánh của sự giác ngộ và thể bồ đề là một, nhân quả hòa hợp. Thiện Tài khen: nhiều kiếp ở cõi ác, giờ gặp Thiện tri thức, vui vẻ lãnh thọ, diệt trừ phiền não: vào đời độ sanh không mỏi mệt, thành tựu hạnh từ bi, hiển hiện đạo xuất thế. Nhiều kiếp là đối với thế tục, về chơn như thì một nhiều dung hợp. Đoạn từ bấy giờ Thiện Tài đến giải thoát có năm ý:

1) Suy xét pháp tiến tu.

2) Đến nơi cầu pháp.

3) Dạ thần thuyết pháp.

4) Tên pháp.

5) Pháp tu.

Giải thoát bồ đề tịch tịnh: giới Ba-la-mật, thể của giới là pháp thân, cũng là thể của thiền. Trí rộng lớn, đi khắp mọi nơi, hành từ bi. Vì trong pháp giới đầy đủ hạnh Bồ-tát. Đó là pháp lạc bồ đề trong sanh tử. Dạ thần Phổ đức Tịnh Quang: trí bi rộng lớn, chiếu soi đêm dài sanh tử: tịnh quang. Từ bi độ sanh: Đức. Trí độ sanh rộng lớn: thần. Thiền Thông đạt kiên cố không vọng niệm, cứu hộ tất cả chúng sanh: độ sang bằng pháp thân, trí căn bản, thành tựu tâm bi, không đắm nhiễm thế gian. Đoạn vọng nghiệp, độ thoát chúng sanh, vui tu thiền thứ hai. Đoạn vọng nghiệp: đoạn tâm bi thiên lệch; vui vẻ: niềm vui độ sanh của thiền thứ hai. Suy xét tự tánh thoát khỏi sanh tử, tu thiền thứ ba: chúng sanh đả tánh bồ đề. (Về sự thật, thiền thứ ba đoạn trừ khổ não của chúng sanh). Tu thiền thứ bốn: Bồ-tát nhứt thừa, phát tâm bồ đề, nương trí căn bản, tu hạnh đại bi, Vào đời, hiểu rõ tánh giác như Phật của chúng sanh. Vì thế luôn dùng trí sáng chiếu soi đêm dài tăm tối, cứu độ chúng sanh. Khác với ba thừa. Vì ba thừa chỉ riêng cầu pháp lạc thanh tịnh. Địa ly cấu thứ hai chuyên tu giới Ba-la-mật, đoạn chướng ngại, tự tại vào đời hành hạnh từ bi bằng tâm bồ đề. 2,5 hàng Kinh từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có năm ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Nơi ở.

3) Thiện tri thức nói kệ.

4) Thiện Tài đảnh lễ.

5) Từ tạ ra đi.

Cách đây không xa: bồ đề là hạnh nhẫn. Bên phải đạo tràng Bồ đề: bên phải là trí, bên trái là bi, từ bồ đề hành hạnh nhẫn bi. Nếu không

có nhẫn thì không có bi. Dạ thần Hỷ Mục, quan sát chúng sanh: quán chiếu. Ở vị trước, bồ đề là thể của giới, thanh tịnh tâm dục của ba cõi. Cõi dục, tâm tán loạn; hai cõi trên, thích thiền tịch. Địa thứ chín tu tập tám thiền nhưng không đắm nhiễm. Vào cõi dục nhưng không nhiễm tánh dục: dạ thiên. Trí hợp chơn như: thần. Vào ba cõi, tự tại độ sanh: thiên. Vị này thanh tịnh dục vọng ba cõi, hiểu rõ tướng giống khác (năm vị tu tập như trước. Tất cả những pháp trên là để kẻ tu học noi theo). Đoạn từ Thiện Tài đến giải thoát Phổ Hỷ tràng có năm ý:

1) Suy xét pháp tiến tu.

2) Thiện Tài định đến chỗ thiện tri thức.

3) Dạ thần ủng hộ để Thiện Tài được gần gũi cầu học.

4) Nhờ sự gia hộ, Thiện Tài hiểu rõ lợi ích gần gũi thiên tri thức.

5) Thiện Tài đến nơi ở quán sát việc làm của thiện tri thức.

Phần Thiện Tài gặp Dạ thần ngồi tòa sen có 11 ý:

1) (5,5 hàng) quán sát cảnh giới độ sanh của Hỷ Mục.

2) (83,5 hàng) độ sanh bằng mười Ba-la-mật.

3) (17,5 hàng) dạ thần hóa thân độ sanh.

4) (8 hàng) mười phương vang tiếng khen ngợi hạnh tu học của Dạ thần.

5) (46,5 hàng) hạnh độ sanh và phụng sự Phật của Dạ thần.

6) (8,5 hàng) thấy sự hóa độ của dạ thần, Thiện Tài đạt pháp giải thoát.

7) (1,5 hàng) Thiện Tài nói kệ khen ngợi công đức của Dạ thần.

8) Ý kệ.

9) (3 hàng) Thời gian đạt pháp của Dạ thần.

10) (16 hàng) Dạ thần trả lời.

11) (65 hàng) việc phụng sự Phật của Dạ thần; (các đức Phật đều biểu hiện sự tu tập mười Ba-la-mật của 11 địa như trước).

Kiếp phạm quang minh: địa thứ ba tu tám thiền đoạn trừ chướng ngại, tự tại vào đời độ sanh. Cõi Liên Hoa Đăng: hạnh thanh tịnh. Trang nghiêm bằng hạnh nhẫn: cực thù diệu. Vô số Phật: nhẫn tóm thâu tất cả hạnh; cúng dường vô số Phật: nhẫn là pháp tôn quý. Phật Bảo Tu di: hạnh khiêm nhường nhẫn nhục là hạnh thù thắng. Đức Phật này là thể, các đức Phật khác là dụng (vô số đức Phật kết hợp với Ba-la-mật của các vị như trước). Chuyển luân vương Thập phương chủ năng Thiệu Long Phật chủng chính là Văn Thù Sư lợi. Dạ thần chính là hóa thân của Phổ Hiền. Công chúa được Dạ thần hóa độ chính là thần Hỷ Mục này. Đó là trí sai biệt phát khởi từ trí căn bản, là hạnh từ bi vượt ngoài

kiếp số. Giải thoát Đại thế lực Phổ Hỷ Tràng: địa thứ ba tự tại tu tập bốn thiền tám tịnh của hai cõi trên, vào đời hành hạnh bi nhẫn, chúng sanh luôn được vui vẻ. Mượn kiếp số để trả lời thời gian phát tâm là biểu hiện tánh rộng lớn của hạnh nhẫn, trí dung nhiếp không trước sau. Điều kiện tu thiền Ba-la-mật: 37 phẩm trợ đạo, thí, giới, nẫhn, tinh tấn, tứ niệm xứ, năm cách điều phục tâm, 18 việc, chánh giáo, mười Ba-la-mật, bốn nhiếp giáo, bốn tâm rộng lớn. Địa thứ ba chuyên tu nhẫn Ba-la-mật đối trị hai chướng phân biệt nhiễm tịnh, giảm nghiệp chướng của chúng sanh, không ghét bỏ chúng. 14 hàng từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có năm ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Nơi ở.

3) Tên.

4) Khuyên cầu học.

5) Từ tạ ra đi.

Dạ thần ở trong đạo tràng này: viên mãn bi trí bồ đề.

Đoạn từ bấy giờ Thiện Tài... có 14 ý:

1) (6,5 hàng) suy xét pháp tiến tu.

2) (5 hàng) Dạ thần Phổ Chiếu phóng ánh sáng.

3) (39 hàng) nhờ ánh sáng Thiện Tài hiểu rõ pháp môn, thấy việc độ sanh của Dạ thần.

4) (5 hàng) Thiện Tài nói Kệ khen ngợi.

5) Nhắc lại pháp trên.

6) (3 hàng) Thiện Tài hỏi nhân tu.

7) (9,5 hàng) biết pháp sâu xa, Dạ thần nương oai lực của Phật thuyết giảng.

8) (97 hàng) cảnh giới trang nghiêm.

9) (48,5 hàng) nhờ đức Phổ Hiền mách bảo, vua và hoàng tộc đến chỗ Phật, nói Kệ khen ngợi Phật.

10) 32,5 hàng) nhờ công đức cúng dường, công chúa phát tâm bồ đề.

11) (16,5 hàng) nhân tu.

12) Sự cúng dường.

13) (10,5 hàng) sự tu tập đạt pháp, trí hạnh rộng lớn.

14) Đức thăng tiến;.

Cách vô số kiếp về trước, vào kiếp Viên mãn thanh tịnh: thể sáng soi của trí viên mãn. Cõi Tỳ-lô-giá-na oai đức: sự tự tại trước mọi pháp, sự rộng lớn của hạnh tinh tấn. Vô số Phật xuất hiện: quả của trí sai biệt,

Bảo đăng hoa tràng: tu trí sai biệt. Trăm vạn na do tha cõi nước: quả của trí nhứt thiết. Bảo hoa đăng: công dụng của trí sai biệt. Vua Tỳ-lô-giá-na Diệu Bảo Liên Hoa Kế sanh ra từ hoa sen: trí sai biệt có từ sự không sang không nhiễm. 32 tướng: quả của trí. Đủ bảy báu: bảy phần bồ đề. Vua cai trị bốn phương: bốn trí rộng lớn. Chỉ dạy mọi loài bằng chánh pháp: hạnh của trí, không tà hạnh. Ngàn người con: đủ mọi hạnh. Hoàng hậu công chúa: hạnh từ bi. Công chúa Phổ Trí Diêm Diệu Đức Nhãn: hạnh dung hợp của bi trí, tịnh uế, trí ngu, Thánh phàm. Ao nước thơm Bảo Hoa quang minh: năm phần hương. Hoa sen Phổ hiện tam thế nhứt thiết Như Lai trang nghiêm cảnh giới Vân: mười Ba-la-mật trong pháp giới hiển hiện vô số cõi Phật. Vô số Phật xuất hiện: các đức Phật ra đời từ mười Ba-la-mật, pháp thân. Hoa sen 10 lần phóng ánh sáng: thứ tự lợi sanh 10 ngàn năm trước, hoa sen phóng ánh sáng thần thông độ sanh của Phật, chúng sanh nào thấy ánh sáng này, tự hiểu rõ pháp: trí Ba-la-mật. 10 ngàn năm sau đức Phật ra đời: tất cả đều từ bi trí. Chín ngàn năm trước phóng ánh sáng nhứt thiết chúng ly cấu đăng: giới Ba-la-mật. Chín ngàn năm sau Phật ra đời: tu trí Ba-la-mật. Tám ngàn năm trước phóng ánh sáng nhứt thiết chúng sang nghiệp quả âm, chúng sanh nào thấy ánh sáng này sẽ biết được nghiệp quả: nhẫn Ba-la-mật. (Cứ thế tuần tự đến 7,6,5...) cúng dường vô số Phật, viên mãn hạnh trí, tâm hạnh,sự hiểu biết như Phật, cõi nước mười phương là Phật.1mười đức Phật trong phần kệ: nhân quả của mười địa, địa mười một. Phật Trí Diêm: địa hoan hỷ chuyên tu thí Ba-la-mật. Phật Hư Không Xứ: địa ly cấu chuyên tu giới Ba-la-mật. Phật Quang tràng: hạnh nhẫn của địa thứ ba. Vị sự dung hợp của trí Phật nên mọi pháp đều là Phật. Nếu thấy khác sẽ là tà kiến. Chuyển luân Vương Tỳ-lô-giá-na tạng Diệu Bảo Liên Hoa Kế chính là Bồ-tát Di lặc: viên mãn trí Phật, hạnh Bồ-tát. Hoàng hậu xinh đẹp: trí làm vui chúng sanh. Địa năm vui với pháp lạc thiền định. Thiện nam tử! vào kiếp Đại quang, 500 Phật xuất hiện ở cõi Bảo luân trang nghiêm, ta phụng sự cúng dường Phật: sự dung hợp của mười Ba-la-mật. Hóa hiện vô số thân: hạnh tùy vị của quả Phật. Kiếp sau cùng, Bồ-tát là kỹ nữ: pháp lạc Quả Phật, hạnh Bồ-tát ngay tự thân, không có chơn như ngoài thân. Hiểu quả hạnh là tương hợp với Phật. Phật ngoài thân chỉ là sự hóa hiện. Đó là sự dung nhiếp của mười Ba-la-mật. Địa bốn chuyên tu tinh tấn b ala mật, đối trị bệnh lười độ sanh, siêng năng giáo hóa chúng sanh. 8,5 hàng từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có sáu ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Nơi ở.

3) Tên.

4) Số đệ tử.

5) Khuyên Thiền Tài cầu học.

6) Lễ tạ ra đi.

Cách đây không xa: sự thăng tiến, mọi pháp đều từ thể bồ đề, tinh tấn. Dạ thần Tịnh Tịnh Âm Hải: tịch dụng tự tại. Tịch tịnh: định; Âm Hải: dụng. Thiền định phát sanh trí huệ, công dụng rộng lớn. Tòa sen ma ni tràng trang nghiêm: thể định thanh tịnh. Trăm vạn A-tăng-kỳ thần vây quanh: thể dụng rộng lớn của định. Đoạn pháp môn của địa năm có 10 ý:

1) (2,5 hàng) suy xét pháp tiến tu.

2) (5 hàng) Thiện Tài thỉnh pháp.

3) (2,5 hàng) Dạ thần thuyết pháp.

4) (65 hàng) phương tiện và hạnh nghiệp của Bồ-tát.

5) (17,5 hàng) cảnh giới của pháp.

6) (32 hàng) pháp tu.

7) (34 hàng) hạnh tu.

8) (16 hàng) cách tu.

9) (54,4 hàng) thời gian phát tâm.

10) (58 hàng) sự tu tập phụng sự Phật.

(Trong thể định, thời gian không thay đổi); Giải thoát trang nghiêm: độ sanh bằng pháp thiền. Tịch tịnh Âm Hải: lý tánh vô vi: tịch tịnh; lời lẽ hợp căn tánh chúng sanh: Âm hải. Âm thinh là công dụng của thể định. 48 hàng từ như Thiện Tài đến cõi Ta bà: Dạ thần nêu việc cúng dường phụng sự Phật, nghe pháp của mình để trả lời thời gian phát tam. Tu hạnh mười địa, sanh vào cõi ta bà, gặp ba đức Phật. Về sau gặp Phật Tỳ-lô-giá-na, đạt giải thoát của mười địa và địa mười một, đạt trí thông hiểu ba đời, gặp ba đời Phật, cúng dường phụng sự: thể rộng lớn của thiền. Cúng dường vô số Phật: trí rộng lớn: dung nhiếp một nhiều, không trong ngoài, chúng sanh và Phật là một. Cõi nhứt thiết tịnh quang bảo: thể của thiền thứ năm bao hàm các vị. Thế giới chủng tên Nhứt thiết Như Lai nguyệt quang minh âm: mười tâm không thể hoại của địa hoan hỷ. Trí bi là chủng, nương nguyện thù thắng của Phật phát tâm. Cõi Thanh tịnh quang trang nghiêm từ thiền định đạt trí Kim cang. Thể của thiền là nhứt thiết hương kim cang ma ni: năm phần hương. Lầu gác: trí đan xen vô cùng của mười địa xung quanh trang trí bằng các vật quí: tu bi nguyện. Nhứt thiết anh lạc hải: tu tập các hạnh. Mây cung điện quí che mất: trí bi không tánh,

rộng lớn, che chở chúng sanh. Tịnh uế tạp cư: trong pháp giới, thể bi trí của cõi Phật và cõi chúng sanh là một. Về quá khứ vào kiếp Phổ Quang tràng: trí sáng. Nước Phổ Mãn Diệu Tạng: chúng sanh đủ trí sáng. Đạo tràng Nhứt thiết Bảo tạng diệu nguyệt quang minh: thiền thanh tịnh là đạo tràng của địa năm, từ đó hiển hiện trí huệ. Phật Bất thoái chuyển Pháp giới âm: đạt pháp, đối trị hoặc chướng, tự tại thuyết pháp. Thành quả vô thượng bồ đề: đoạn vọng hoặc là bồ đề, không thành hoại. Thọ thần cụ túc, phước đức đăng quang minh tràng: trí vi diệu bồ đề trong lý tánh, từ trí hành bi đạt quả. Vì trí huệ quán sát độ sanh. trí không thể tánh nên không khuynh động, đoạn trừ phiền não chúng sanh. Thủ hộ đao tràng: thể định Kiên cố. (Sự cúng Phật của mười địa như trước). Địa năm chuyên tu thiền Ba-la-mật, đối tự hoặc chướng, tự tại độ sanh. Địa nam đắc: học kỹ thuật thiện xảo của thế gian.

■

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 39

Mười tám hàng Kinh từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có năm ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Nơi ở.

3) Tên.

4) Thiện Tài nói kệ khen ngợi.

5) Lễ tạ ra đi.

Trong đạo tràng Bồ đề: thể chơn như rộng lớn từ tâm bồ đề (Dạ thần như trước). Thần Thủ hộ nhứt thiết thành tăng trưởng oai lực: che chở chúng sanh, tăng trưởng trí lực, hiển hiện ba không, trí thế xuất thế, vượt biển sanh tử, vào đời độ sanh. Đoạn từ bấy giờ Thiện Tài đến giải thoát Thậm thâm tự tại diệu âm có 10 ý:

1) (4,5 hàng) suy xét pháp tiến tu.

2) (6 hàng) Dạ thần hiện vô số thân độ sanh.

3) (5 hàng) Thiện Tài cầu pháp.

4) (7 hàng) Dạ thần khen ngợi trí đức Thiện Tài.

5) (14 hàng) Dạ thần thuyết pháp.

6) (14 hàng) Dạ thần giảng 10 cách nhập cảnh giới Như Lai.

7) (29 hàng) đạt pháp độ sanh.

8) (35 hàng) Thời gian đạt pháp của Dạ thần.

9) (69,5 hàng) sự cúng Phật của Dạ thần.

10) Đức thăng tiến.

Về sự đạt pháp, ta đạt giải thoát khiến thế gian không còn lời thô ác: biến ngôn ngữ thế gian thành Bát-nhã Ba-la-mật. Kiếp ly cấu quang minh: thể tánh ba không của Bát-nhã. Nước Pháp giới công đức Vân: trí huệ là công đức chánh pháp trong pháp giới: Hiểu nghiệp chúng sanh: nhờ trí ba không tịch tịnh không tánh biết rõ nghiệp của chúng sanh. Như hình hoa sen: trí phân biệt rõ về thể đứng rỗng lặng không tạp nhiễm. Cõi này ở bên sườn núi Tu Di: trí huệ an trụ trong biện tài vô ngại của Như Lai. Phát ra âm thinh hạnh nguyện của Như Lai: tiếng

thuyết pháp vang khắp mười phương, khai ngộ tất cả chúng sanh. Trang nghiêm bằng hoa sen: chánh pháp ấy khiến chúng sanh đạt trí không nhiễm. Vô số hoa sen khác: trí vi diệu rộng lớn hiểu rõ sáu tướng giống khác của cảnh giới và nghiệp chúng sanh. Vô số ma ni: trí sắc biết giảng thuyết năm phần hương. Vô số cõi nước: bốn biện tài trong Bát-nhã phân biệt rõ nghiệp của chúng sanh. Nước Diệu tràng:bốn biện tài vô ngại. Cung vua: trí căn bản. Cung Phổ Bảo hoa quang: trí sai biệt trong trí căn bản. Cách đây không xa có đạo tràng Phổ Hiện Pháp Vương: trí căn bản khởi tâm bồ đề, thành tựu tâm bi và trí sai biệt, độ sanh bằng chánh pháp. Vô số Như Lai: biến phiền não chúng sanh thành Bát-nhã. Nhật Pháp Hải Lôi Âm Quang Minh Vương: trí căn bản khởi trí sai biệt, sự hiểu biết vượt trên vọng tình của thế gian, giỏi giảng thuyết, đoạn trừ hoặc nghiệp của chúng sanh, nhiếp phục tà luận. Chuyển Luân Vương Thanh Tịnh Nhựt Quang Minh Diện: trí sáng chiếu soi khắp nơi. Thọ trì chánh pháp: từ trí căn bản khởi trí sai biệt học pháp. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, vua xuất gia: địa sáu trọn vẹn trí vượt ba cõi, hộ trì pháp bằng trí ba không. Lúc chánh pháp sắp diệt, cần có người ủng hộ. Vì gần thời mạc pháp nghiệp chướng nặng nề, Tỳ kheo độc ác, không cầu phước đức: vị này chỉ tu trí, không hành bi. Vua hiện thần thông để chánh pháp tồn tại thêm sáu vạn năm ngàn năm: sáu vạn: sáu vị; năm ngàn: mỗi vị đủ pháp năm vị. Các đức Phật xuất hiện: trọn vẹn trí Bát-nhã Dạ thần cúng Phật: hạnh tu của mười địa. Vua, hoàng tộc đều xuất gia: Bát-nhã ba không là trí bi ra khỏi sanh tử. Chuyển luân vương: Phổ Hiền. Tỳ kheo ni: Dạ thần. Giải thoát thậm thâm tự tại Diệu âm: tiếng vang xa, không thể tánh, không phân biệt, độ thoát chúng sanh. Địa sáu chuyên tu Bát-nhã Ba-la-mật. Đoạn từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có sáu ý:

1) Đức thăng tiến.
2) Nơi ở.
3) Tên.
4) Nhắc lại pháp.
5) Thiện Tài nói kệ khen ngợi.
6) Lễ tạ ra đi.

Trong hội Phật: từ trí bồ đề không tạo tác, không suy xét, đủ phương tiện Ba-la-mật vào đời độ sanh. Đoạn từ bấy giờ đến Giải thoát xuất sanh quảng đại hỷ duyệt quang minh có năm ý:

1) (7 hàng) Thiện Tài đến nơi cầu pháp.
2) (15,5 hàng) Dạ thần dạy pháp.
3) (66 hàng) Dạ thần nói về cảnh giới của pháp.

4) (19 hàng) thời gian phát tâm.

5) Dạy pháp.

Phần từ thiện nam tử vào kiếp... có bốn ý:

1) Thời gian phát tâm.

2) Cõi nước.

3) Đức Phật.

4) Vô số Như Lai xuất hiện ở các cõi trong đó có cõi Diêm Phù. Thành kiên cố Diệu Bảo trang nghiêm Vân đăng, một vạn thành bao bọc, người sống vạn tuổi, vua tên Nhứt Thiết Pháp Âm Viên Mãn Cái, 600 đại thần, sáu vạn thể nữ, 700 người con, Bảo Quang Minh con gái của một trưởng giả và 60 đồng nữ xinh đẹp. Vua khen ngợi việc tin tu công đức của Bảo Quang nên tự tay thưởng áo báu. Vua Nhứt Thiết Pháp Âm Viên Mãn Cái chính là Phật Tỳ-lô-giá-na. Vua Quang Minh: vua Tịnh Phạn. Phu nhân Liên Hoa Quang: hoàng hậu Ma Da. Bảo Quang: dạ thần. Độ sanh bằng bốn nhiếp pháp: bồ đề. Đó là thời gian phát tâm, là hạnh từ bi rộng lớn không giới hạn của địa bảy. Cõi Phổ quang minh chơn kim ma ni sơn: từ trí sáng hành bi không trước sau. Chơn kim: pháp thân. Phật Phổ Chiếu Pháp Giới Trí Tuệ Sơn Tịch Tịnh oai đức Vương: trí sáng soi không cùng tận. Sơn: bất động, cao. Không tạo tác: tịch tịnh. Trí hiện, phiền não đoạn: uy đức. Lúc còn tu hạnh Bồ-tát, đức Phật luôn làm thanh tịnh cõi nước: trang nghiêm bằng trí căn bản. Vô số Phật xuất hiện: trí sáng dung nhiếp. Vua Nhứt Thiết Pháp Âm Viên Mãn Cái: hạnh tri bi. Phương tiện của năm vị: 500 đại thần; hạnh từ bi trong sáu thú: thể nữ. 700 người con: bảy phần giác. 60 đồng nữ: trí huệ trong sáu thú. Tác giả nói kệ: trí sáng chiếu soi chính là Phật, tùy thuận bổn nguyện là cha lành nuôi dưỡng chúng sanh là từ mẫu, lợi ích muôn loại là thể nữ. Vô số cõi nước: hạnh độ sanh bằng bốn nhiếp pháp. Mọi việc tu tập của vua và hoàng tộc đều là phương tiện Ba-la-mật của địa bảy, là hạnh từ bi trong đời. Đại Viễn hành: từ bi vào đời độ sanh, rộng lớn khắp mười phương. Địa này chuyên tu phương tiện Ba-la-mật. Phần từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có ba ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Tên.

3) Lễ tạ ra đi.

Trong đạo tràng: trí không dụng công hiện đủ công dụng của địa tám, không phân biệt ba đời. Dạ thần Đại nguyện tinh tấn lực cứu hộ nhứt thiết chúng sanh, Viên mãn trí bi không dụng công, tự tại độ sanh, được các đức Phật khuyên nhủ ủng hộ. Đoạn từ bấy giờ đến giải thoát

có sáu ý:

1) (15 hàng) Đến nơi, Thiện Tài thấy mọi việc sai khác của Dạ thần.

2) Phát mười tâm.

3) Thiện Tài đạt pháp, nói kệ khen ngợi.

4) (66 hàng) Dạ thần nói tên pháp.

5) (37 hàng) trí của Bồ-tát rộng lớn, vượt trên sự suy lường của thế gian.

6) Thời gian phát tâm của Dạ thần; Dạ thần ngồi tòa sư tử trang nghiêm lưới báu: thế trí tịch tịnh không dụng công, hiển hiện tất cả cõi nước, thuyết giảng giáo pháp, tùy thuận hiện thân độ thoát.

Thiện Tài kính lễ: trọng pháp. Thiện Tài đạt lợi ích. Văn sau có câu: Thiện Tài hỏi tên pháp môn, dạ thần dạy: đó là pháp giáo hóa chúng sanh, khiến chúng sanh phát căn lành. Vì tất cả chúng sanh đều từ trí không tạo tác, nhờ trí sáng phát phát sanh pháp lành, đoạn trừ khổ não. Vì không hiểu thể trí không tạo tác nên chúng sanh tạo nghiệp. Nhờ hiểu được pháp này, căn lành sanh khởi, khổ não đoạn diệt. Thiện Tài hỏi về thời gian phát tâm, dạ thần dạy: trí của Bồ-tát rộng lớn, vượt trên sự phân biệt hiểu biết của thế gian. Vì thể tánh thanh tịnh. Sáu ví dụ tiêu biểu trí:

1) Mặt trời trong hư không, không phân biệt đêm ngày.

2) Mặt trời ánh hiện trong tất cả mọi hiện tượng.

3) Thuyền sư lái con tàu giữa biển khơi.

4) Tánh không của tất cả các cõi nước vốn thanh tịnh, không phân biệt.

5) Hạnh nguyện như gió nâng vạn vật.

6) Như người giả tuy đủ tay chân nhưng không tri giác buồn vui lạnh nóng.

Cách đây vô số kiếp: thể tánh không phân biệt. Kiếp Thiện Quang: thể của trí không dụng công. Cõi Bảo Quang: trí không dụng công tùy vật hiển hiện công dung. Một vạn đức Phật xuất hiện: trí ứng hiện muôn hạnh. Đức Phật Pháp Luân Âm Hư Không Đăng Vương: trí không dụng công tự tại thuyết pháp độ sanh, không vướng chấp. Cung Bảo trang nghiêm: cảnh hóa hiện của trí. (Phương đông như trước). Vườn Diệu Quang: hạnh che chở chúng sanh. Đạo tràng Bảo hoa: độ sanh bằng hạnh nguyện, nở hoa bồ đề. Đức Phật thành đạo trên tòa sư tử: trí không dụng công luôn chiếu soi các cõi nhưng không đắm nhiễm, thể của trí không thành hoại. Trải qua 100 năm: mười Ba-la-mật trong mười địa.

Vua Thắng Quang: trí, dạy dỗ thái tử là hạnh. 500 đại thần muốn hại ta: 500 đệ tử của Bồ Đề Đạt Đa. Những tội nhơn ta cứu độ: 1000 Phật trong hiền kiếp. Trăm vạn A-tăng-kỳ Bồ-tát: vua Thắng Quang, luận sư Tát Giá Ni kiền Tử (ngoại đạo lõa thể, tu khổ hạnh). Hoàng tộc: Sáu vạn đệ tử của ngoại đạo. Đó là công dụng của trí. Phật tử! cứu tội nhơn xong, ta học đạo với Phật Hư Không Đăng Vương suốt 500 năm, thành tựu trăm vạn Đà-la-ni: thế trí không dụng công có trong năm vị. (Chỉ khác nhau là thành thục hay chưa thành thục thôi) (số đức Phật tùy theo các vị như trước). 11,5 hàng từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có ba ý:

1) Nơi ở.
2) Tên.
3) Lễ tạ ra đi.

Vườn Lâm Tỳ ni: hạnh độ sanh rộng lớn của địa chín. Thắng lạc: độ sanh bằng pháp lạc. Đó cũng là nơi Phật đản sanh. Đại chín thọ sanh bằng trí độ sanh. Đoạn nhập pháp có 10 ý:

1) (6 hàng) Thiện Tài đến gặp thiện tri thức.
2) (3 hàng) Thiện Tài cầu pháp.
3) (12,5 hàng) 10 cách thọ sanh.
4) Pháp thọ sanh.
5) (12 hàng) nhắc lại pháp, khen ngợi pháp.
6) (2,5 hàng) thời gian đạt pháp của thiện tri thức.
7) Cảnh giới của pháp.
8) (23 hàng) nhắc lại pháp.
9) Đức thăng tiến.
10) Nghĩa văn.

Thọ sanh: sau khi đạt pháp vô sanh nhẫn và trí không dụng công, vị này học pháp Phật, thuyết pháp cho chúng sanh, như phần kệ: siêng năng nghe pháp vui quán sát; thông hiểu ba đời không chướng ngại; thân tâm thanh tịnh như hư không. Đó là đạt pháp thọ sanh tạng. Cảnh giới của pháp: cảnh giới thọ sanh. Thời gian đạt pháp, đối với hạng yếu kém, đức Phật ra đời từ thai mẹ; với bậc thượng căn, Phật sanh từ hoa sen hoặc từ hư không; với bậc thông tuệ, trí Phật và chúng sanh là một. Phật có trong mọi hiện tượng. Một trăm năm đạt đạo: từ địa chín lên địa 10 là 100 năm. (Kiếp số thành Phật như trước) cõi Phổ Bảo: thổ của cõi nước là hạnh nguyện Phổ Hiền. Kiếp Duyệt lạc: địa chín sanh trong nhà trí tuệ của Như Lai. 80 na do tha Phật xuất hiện: đạt trí Phật. Phật Tự Tại Công Đức Tràng... trí bi. 20 ức na do tha thể nữ: hạnh bi trí. Vườn rừng lầu gác: trí vào đời, pháp lạc của Bồ-tát. Cây Nhứt thiết thi hỷ

quang: Bồ-tát dạy pháp vui lòng chúng sanh. Hoàng hậu vin cành cây, đản sanh Bồ-tát: với lòng từ Bồ-tát tạo duyên độ sanh, kỳ thật Bồ-tát không có sự thọ sanh. Cây Tát Lạc sai: (cao hiển) phước đức rộng lớn. Địa chín chuyên tu lực Ba-la-mật. Chín hàng từ như các Bồ-tát đến từ tạ ra đi có bốn ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Nơi ở.

3) Tên.

4) Lễ tạ ra đi.

Thành Ca-tỳ-la (như trước). Cù bà (cù di; Thủ hộ địa) giữ gìn hạnh từ bi của Bồ-tát (như trước). Đoạn Thái tử Oai Đức cưới Cù Bà có 10 ý:

1) Thái tử dạo chơi.

2) Thiện Hiện gặp và yêu thái tử.

3) Thiện Hiện tự biết thân phận hạ tiện.

4) Thiện Hiện nằm mơ gặp Phật, thiên nhơn mách bảo Phật ra đời.

5) Thiện Hiện tự xin làm vợ thái tử.

6) Thái tử hỏi về gia thế.

7) Công đức sự ra đời của Thiện Hiện.

8) Thái tử yêu cầu Thiện Hiện về việc hành hạnh Bồ-tát của mình.

9) Thiện Hiện đồng ý.

10) Thái tử cưới Thiện Hiện.

Phần công đức của Thiện Hiện có 10 ý:

1) Mẹ Thiện Hiện khen ngợi đức của con gái.

2) Thái tử và Diệu Đức và 10 ngàn thể nữ vào đọa tràng gặp Phật.

3) Thái tử và đồng nữ gặp Phật cúng dường.

4) Phật thuyết pháp.

5) Thái tử và đồng nữ nghe pháp đạt định.

6) Diệu Đức đạt định không thoái chuyển tâm bồ đề.

7) Từ tạ Phật, thái tử về cung thưa việc cùng phụ hoàng.

8) Nghe thế, vua triệu tập quần thần, truyền ngôi cho thái tử, rồi cùng hoàng tộc đến nơi Phật.

9) Sau khi gặp Phật, lễ kính, vua ngồi một bên, Như Lai dùng thần thông phóng ánh sáng hóa hiện pháp ba thừa.

10) Vua và hoàng tộc hiểu pháp, xuất gia tu học đạt định.

Phần thái tử lên ngôi 15 ngày đủ bảy báu có 10 ý:

1) Thái tử lên ngôi, tự nhiên xuất hiện bảy báu.

2) 80 nước nhỏ phòng hộ.

3) Thái tử thỉnh Phật vào cung.

4) Phật vào cung độ sanh.

5) Thái tử chính là Phật Tỳ-lô-giá-na.

6) Vua Thiện Chủ là Phật Bảo Hoa ở cõi phương đông.

7) Mẹ của Thiện Hiện chính là Thiện Mục.

8) Phu nhơn Diệu Đức chính là Cù Ba.

9) Sự cúng dường Phật.

10) 50 đức Phật.

Phần tiếp theo có 10 ý:

1) Đạt pháp.

2) Sau khi tu tập, siêng năng tu tập.

3) Khuyên tu pháp.

4) Tuy tu tập trong vô số kiếp nhưng chưa hiểu hết hạnh Bồ-tát.

5) Đức thăng tiến.

6) Khen ngợi đức của thiện tri thức sau.

7) Hiển hiện nơi ở của thiện tri thức.

8) Tên thiện tri thức.

9) Nhắc lại pháp trên.

10) Nhân tu ngày xưa.

Đó là thời gian đạt pháp của Bồ-tát. Trong ba thừa, các cổ đức nêu bốn ý về thiện tri thức này:

1) Đạt chơn không chứng.

2) Biết chơnh hành tục.

3) Sống trong thế tục nhưng không đắm nhiễm.

4) Độ sanh bằng từ bi.

Đó là hạnh Phổ Hiền của đức Tỳ-lô-giá-na. Ở đây nêu 10 ý:

1) Tùy thiện hiện thân độ sanh bằng trí không nương tựa.

2) Như tánh của bóng không bụi.

3) Trí vôn không phân biệt, tùy thuận hiển hiện.

4) Trí không kia đây như thấy tiếng vang tùy vật cản.

5) Sự hiểu biết của chúng sanh không phải là trí.

6) Trí không tạo tác, tùy thuận độ sanh.

7) Như người ảo có hình nhưng không chất, không tri giác.

8) Thể trí trống không, tùy chúng sanh hiển hiện.

9) Độ sanh bằng tâm bi không phan duyên.

10) Trí hiểu rõ thể tánh thanh tịnh của chúng sanh.

Đó là phương tiện đạt pháp địa mười một. Đoạn từ bấy giờ... có 6 ý:

1) (19 hàng) Thiện Tài đến giảng đường Quang Minh, Diệu Đức và vạn thần khác ra đón, khen ngợi đức của Thiện Tài.

2) (10 hàng) Diệu Đức khen ngợi hạnh của Thiện Tài.

3) (25 hàng) đến nơi ở Cù Ba, Thiện tài thỉnh pháp.

4) Cù Ba thuyết giảng hạnh nguyện bi trí của Bồ-tát và mười hạnh của thiện tri thức, nói kệ nhắc lại pháp trên.

5) (56 hàng) Cù Ba trả lời về cảnh giới của Pháp.

6) Thời gian đạt pháp.

Giảng đường Quang Minh: Hai trí thế xuất thế của địa 10 thanh tịnh bình đẳng, viên mãn bi trí, phá trừ u tối, dung nhiếp mọi pháp. Thần Vô Ưu Diệu Đức và một vạn thần nghinh đón khen ngợi Thiện Tài: Tiện Tài trọn vẹn bi trí. Một vạn thần trông coi cung điện: viên mãn mọi hạnh Thiện Tài lên giảng đường: nhập vị, hiểu rõ bi trí của Như Lai. Tìm kiếm khắp nơi: nhập vị dung hợp; ngồi tòa sen: không đắm nhiễm. Tám vạn bốn ngàn thể nữ: Tám vạn bốn ngàn phiền não. Từ bi độ thoát: cùng thuộc hoàng tộc. Thiện ác dung hợp: hạnh thô, lý tế: tà đạo độc ác: bất thiện; cầu học pháp lành: thiện. Ngoại đạo trời người tu pháp lành: thiện; điều phục khổ ba cõi: bất thiện. Nhị thừa và Bồ-tát cõi tịnh điều phục nghiệp ba cõi: thiện; chưa đạt trí Như Lai: bất thiện. Lại như tiền thân Cù Ba bố thí anh lạc vì lòng yêu thương và bất thiện, nhưng nhờ đó suốt 250 kiếp không vào cõi ác, sanh trong hoàng tộc, đạt mười địa là bất thiện dung hợp thiện. Ngoại đạo tà kiến không có sự hiểu biết chơn chánh nhưng vẫn cho mình là chánh, tuy phát tâm cầu đạo cứu cánh nhưng không đạt giải thoát. Vì tà kiến sanh vào cõi ác (như phần thế giới chủng trong phẩm cõi Hoa Tạng trước). Thời gian phát tâm có 10 ý:

1) Vô số kiếp ở quá khứ.

2) Kiếp Thắng Hạnh.

3) Cõi vô úy.

4) Vua cai trị bốn phương tên An ổn.

5) Cõi Diêm Phù.

6) Thành Cao Thắng Thọ.

7) Thành lớn nhứt trong 80 thành.

8) Vua Tài Chủ.

9) Sáu vạn thể nữ.

10) 500 đại thần 500 người con.

Kiếp Thắng Hạnh: từ bi nhập định quán sát; cõi vô úy: nhập định thoát khỏi năm nỗi sợ về sanh tử; vua cai trị bốn phương: Độ sanh bằng bốn nhiếp pháp. Thành Cao Thắng Thọ: hạnh thù thắng rộng lớn của mười địa. Thành lớn nhứt trong 80 thành: các vị đều tu học từ tám chánh đạo nhưng ở mười địa, tám chánh đạo là hạnh thù thắng. Thể nữ, đại thần, vương tử: tri bi. Các thần: hạnh độ sanh rộng lớn trong sáu đạo. Phật Thắng Nhụt Thân: trí căn bản. Vô số Phật: trí sai biệt từ trí căn bản (sáu vị đều đủ hai trí ấy như trước).

■

TÂN HOA NGHIÊM KINH LUẬN

QUYỂN 40

Phần thiện tri thức của địa mười một. Phần đức thăng tiến có bốn ý:

1) Đức thăng tiến.

2) Nơi ở.

3) Tên.

4) Lễ tạ ra đi.

Ở cõi này: cảnh giới Phật. Vì sau khi gặp Ma Da, Thiện Tài đạt trí quán cõi Phật. (Ma Da như trước): hạnh Phổ Hiền vào đời độ sanh. (Năm vị trước cũng thế). Với lòng từ bi, vị này nương nguyện lực, phát trí huyển, thị hiện thành Phật, độ vô số chúng sanh. mười thiện tri thức:

1) Với lòng từ bi, Ma Da phát trí huyển thị hiện thành Phật độ sanh.

2) Công chúa Thiên Chủ Quang- con vua Chánh Niệm- của cõi 35 hiểu rõ mọi pháp.

3) Đồng tử, thầy của thế gian.

4) Thiện tri chúng nghệ: thông đạt mọi kỹ xảo.

5) Nữ cư sĩ Hiền Thắng độ sanh bằng mọi phương tiện.

6) trưởng giả Kiên Cố: ở đời nhưng không đắm nhiễm.

7) Trưởng giả Diệu Nguyệt: trí sáng trong đời.

8) Vô Thắng Quan: hiểu pháp không tướng.

9) Tối Tịch tịnh nghĩa la môn: thành tựu thiện ngữ.

10) Đồng tử Đức Sanh, đồng nữ Hữu Đức: viên mãn bi trí.

Đoạn từ bấy giờ... có 11 ý:

1) (1,5 hàng) Thiện Tài tiến tu địa11.

2) (1,5 hàng) Thiện Tài khen ngợi thân tướng tốt đẹp của Ma Da.

3) (36 hàng) thần chủ thành chỉ nơi ở.

4) (40,5 hàng) thần khen ngợi Ma Da, Ma Da phóng ánh sáng từ khoen tai chiếu đến Thiện Tài.

5) 10 cách gần gũi thiện tri thức.

6) (11 hàng) tu mười định để được gần gũi thiện tri thức.

7) (27 hàng) Thiện Tài quán thân như huyễn nên gặp Ma Da. (Ba phương tiện đạt 11 địa: giữ tâm; hiểu tính cùng khắp của âm thinh; 10 tam muội).

8) (31,5 hàng) Thiện Tài thấy rõ thân huyễn ảo của Ma Da.

9) (37,5 hàng) Ma Da hiện vô số thân, Thiện Tài cũng hiện vô số thân để cầu pháp.

10) (107 hàng) Ma Da giảng pháp.

11) (27 hàng) thời gian đạt pháp.

Ma Da có ba pháp:

1) Thổ tướng thanh tịnh bình đẳng không hình chất của Phật và chúng sanh.

2) Trí bình đẳng không nương tựa, không tạo tác của Phật và chúng sanh.

3) Che chở chỉ dạy chúng sanh bằng trí không tạo tác ấy.

Chúng sanh vốn đủ ba pháp ấy nhưng vì mê muội nên Bồ-tát mượn mười phương tiện nhắc chúng sánh hiểu pháp:

1) Nguyện độ tất cả chúng sanh thoát khổ ba cõi thành Phật.

2) Nguyện cúng dường tất cả các đức Phật.

3) Nguyện cầu học với các bậc tài trí, tuy đạt trí xảo nhưng không kiêu ngạo, luôn giữ tâm từ bi.

4) Độ sanh bằng bốn niệm xứ, bốn chánh cần, năm căn năm lực;

5) Quán 12 duyên bằng bảy phần giác.

6) Luôn sống với tám chánh đạo.

7) Đã đạt đạo, vào sáu cõi độ sanh, không riêng hưởng pháp lạc, hiểu rõ tướng tịnh nhiễm đều không.

8) Tu tập thông đạt pháp năm vị.

9) Nhớ hạnh nguyện, hành mười Ba-la-mật, tùy thuận hiện thân độ sanh.

10. Với thân từ bi phát trí rộng lớn chiếu soi khắp nơi, hành hạnh Phổ Hiền.

Đó là hạnh thành Phật, vào đời độ sanh. Vâng lời la sát dạy, Thiện Tài quán sát khắp mười phương, thấy hoa sen xuất hiện: ngoài thân tâm không có cảnh giới nào khác. Quán thân tâm như mộng huyễn: hiểu rõ tánh tướng của các pháp là một, trí huyễn hiện tiền là gặp Ma Da. Hoa sen xuất hiện: pháp thân thanh tịnh là thể, vô số hạnh đều từ pháp thân. Cộng sen bằng Kinh Cang: trí căn bản, tất cả hạnh và trí sai biệt

đều từ pháp thân trí căn bản. Mọi sự trang nghiên của cõi nước cũng là nhân quả của trí ấy. Diệu bảo tạng: quả của hạnh từ bi. Cánh sen bằng ma ni: quả của hạnh thanh tịnh. Đài sen bằng ngọc báu sáng: quả của công dụng trí căn bản. Gương sen bằng ngọc: quả của năm phần hương. Lưới báu che bên trên: quả của hạnh thuyết pháp độ sanh. Lầu gác: quả của trí sai biệt. Dung nhiếp kho báu mười phương: quả của trí rộng lớn. Trang sức bằng ngọc báu: quả của hạnh vi diệu. Đất bằng kim cang: quả của pháp thân. Hàng ngàn trụ: vô số hạnh. Trụ bằng ma ni: quả của hạnh thanh tịnh. Vách bằng vàng diêm phù đàn: quả của hạnh nhu hòa nhẫn nhục. Xung quanh rã ngọc anh lạc: quả của hạnh độ sanh bằng bốn nhiếp pháp. Thời gian đạt pháp, cách vô số kiếp chỉ Phật biết được. Vì không có sự phân biệt thời gian. Dùng trí Phật, đoạn vọng chấp mới biết được. (kiếp số như trước). Kiếp Tịnh Quang: thể của kê1p số là pháp thân. Cõi Tu Di đức: Bất động là thể của cõi nước. Tuy có vô số cõi nước nhưng cõi này không tịnh uế: tâm tịnh cõi nước tịnh, Vạn pháp không nhơ. Nếu phân biệt tịnh uế, tâm bất định: trí bi rộng lớn. Cõi sư tử tràng: trí rộng lớn. Thành Tự Tại tràng: trí trong mười Ba-la-mật và tám chánh đạo. Vua Đại Oai Đức: trí tự tại vào đời nhưng không thoái chuyển. Giảng đường Mãn Nguyệt quang minh ở phía bắc thành: đoạn trừ vọng chấp. Thần Từ Đức: độ sanh bằng trí bi. Bồ-tát ly cấu tràng: hạnh từ pháp thân không nhiễm. Ác ma Kim Sắc Quang cùng quyến thuộc đến chỗ Bồ-tát, nhờ oai lực vua Oai Đức hóa hiện vô số binh chúng khiến ác ma chạy tán loạn: trong pháp thân, không có thật giả. Vì Bồ-tát chưa thấy đạt trí nên nương trí nhứt thiết để hiểu tâm cảnh là một, tùy thuận huyễn hóa, ác ma cũng là hạnh Phật. Thần Từ bi hoan hỷ: pháp vui vẻ. Thần xem vua như con: đoạn vọng chấp là trí, hành hạnh độ sanh là bi. Ở đây trí có từ bi. Vua là đức Tỳ-lô-giá-na. Thần là thiện tri thức: mượn ví dụ để chúng sanh dễ hiểu pháp, kỳ thật không có ác ma. Vì tâm không trong ngoài, vạn pháp không phân biệt, một nhiều dung hợp. Vô số đức Phật lúc sắp thành đạo đều phóng ánh sáng từ rốn chiếu đến thân ta và nhà ta: bi: cung; trí: điện nuôi dưỡng: nhà. Biển sanh tử: nơi ở. Rốn ở giữa bụng, khi thọ sanh, thai nhi sống bằng rốn. Như mầm cây, phần phát triển lên trên là thân cành, phần ăn sâu trong lòng đất là rễ. Cũng thế, từ bi là điều kiện chủ yếu sanh khởi trí huệ. (Ba lần tìm gặp Phổ Hiền như trước). Vua Chánh Niệm: trí thanh tịnh không vọng niệm, tự tại hiển hiện công dụng. Công chúa Thiên Chủ Quang: từ bi thanh tịnh, sự tự tại độ sanh không tạo tác. Giải thoát vô ngại niệm, đạt trí hiểu rõ ba đời trong một sát na, dung nhiếp không

đan xen trước sau. Đó là thời gian đạt pháp. Thiện tri thức thứ hai của địa mười một cũng hiển hiện trí rộng lớn đem lại lợi ích cho chúng sanh không ngăn ngại. (thành Ca tỳ la như trước). Đồng tử sư: độ sanh bằng trung đạo như Khổng Từ- bậc thầy của thế gian tên Khổng Thâu, tự Trọng Ni: đạo Khiêm cung như núi Ni Khâu. Họ Khổng: đức, các bậc Thánh không có họ tên như thế gian. Khổng: cứu; Khâu: chỉ dạy mọi người. (sơn thuộc quẻ vấn như trước). Đức hơn người, kiên cố. Thiện Tài đến nơi, Biến Hữu không dạy pháp, bảo Thiện Tài đến chỗ Thiện Tri Chúng Nghệ; về cách dạy dỗ, không dạy lý thuyết, chỉ giúp học trò giải đáp những nghi vấn. Biến Hữu là thầy, đồng tử là học trò. Cũng như Khổng Tử và Nhan Hồi... Thiện Tài thành kính cầu pháp, đồng tử dạy: ta đạt giải thoát biết rõ mọi kỹ xảo, nhớ các chữ cai (như chữ A: không nhập Bát-nhã Ba-la-mật: oai lực Bồ-tát nhập cảnh giới không sai biệt. Hiểu rõ các pháp rỗng lặng: oai lực Bồ-tát, đoạn hoặc chướng, nhập trí không dụng công, hiện khắp mọi nơi. Chữ Đa: nhập Bát-nhã vô biên sai biệt môn các pháp hữu vi là trí sai biệt, hạnh Phổ Hiền, hiểu rõ pháp tắc, hạnh nghiệp, sự hiểu biết của chúng sanh trong sáu cõi, tùy thuận hóa độ. Cứ thế từ 42 Bát-nhã Ba-la-mật nhập vô số Bát-nhã Ba-la-mật. Nữ cư sĩ Hiền Thắng: hiểu rõ pháp xuất thế và kỹ xảo thế gian, sống trong sanh tử độ thoát chúng sanh bằng nhiều phương tiện khác nhau. Song tất cả đều từ pháp thân Văn Thù, trí Phổ Hiền và quả Phật. Vị này chuyên tu thiền Ba-la-mật. Thành Bà Hằng Na (Hỷ Ích Tăng): làm lợi ích cho chúng sanh, chúng sanh được pháp lạc. Đạo tràng không nương tựa: pháp không nương dừng, thân cũng thế, hành vô số hạnh nhưng hạnh không thể tánh. Thành này ở phía nam Ấn. Thành Yêu Điền; đức trí độ sanh của thiện tri thức. Trưởng giả Kiên Cố giải Thoát: siêng năng cầu pháp. Pháp vô trước thanh tịnh niệm trang nhiêm: vị thứ sáu tu Bát-nhã Ba-la-mật, hiểu pháp không tướng nên không vọng chấp. Trưởng giả Diệu Nguyệt: độ sanh bằng phương tiện Ba-la-mật. Trí tịch diệt của địa Ba-la-mật là trí ở trong thế gian, phương tiện Ba-la-mật và từ bi là một. Vì trí có từ bi. Giải thoát Tịnh Trí Quang Minh: phá trừ hoặc chướng bằng ánh sáng trí bi. Thành Xuất Sanh: hạnh độ sanh từ nguyên Ba-la-mật của vị thứ tám. Trưởng giả Vô Thắng Quân chiến thắng tất cả tà mạn sinh tử ác độc. Giải thoát Vô Tận tướng: tất cả các pháp và nội tâm đều xuất hiện từ tướng Như Lai, Phát Khởi từ trí huyễn nên đều không có tướng. Xóm pháp: xóm làng không thể tánh. Bà-la-môn Tối tịch tịnh: công dụng tự tại của lực Ba-la-mật. Giải thoát Thành nguyện ngữ: lời lẽ chơn thật, hợp tánh chơn như. Thành Diệu Ý

hoa môn: viên mãn trí hạnh. Đồng tử Đức Sanh, đồng nữ Hữu Đức: trí bi quân bình. Giải thoát huyễn trụ: cõi Phật và chúng sanh đều từ trí huyễn, không phải thật, không phải hư, không có tình thức, không tân cảnh, tánh tướng dung hợp, một nhiều đan xen không trước sau. Đoạn gặp Từ Thị-Bồ-tát một đời thành Phật có 10 ý:

1) (Nữa quyển) đồng tử đồng nữ khen ngợi đức của Từ Thị để Thiện Tài tiến tu.

2) (30 hàng) nhớ lại nhân xưa, Thiện Tài hối hận, thành kính cúng dường, siêng năng học hỏi.

3) (32 hàng) Thiện Tài thành kính đảnh lễ, suy xét đạt pháp.

4) Chiêm ngưỡng lầu gác đẹp, khen ngợi đức Từ Thị.

5) Thiện Tài muốn gặp Di Lặc.

6) Thiện Tài trình bày sự phát tâm, Từ Thị khen ngợi.

7) Văn lầu gác Từ Thị, Thiện Tài biết rõ nhân quả.

8) (5,5 hàng) Từ Thị dạy Thiện Tài gặp Văn Thù, nhân quả dung hợp.

9) Sau khi đạt quả 1 đời thành Phật, Thiện Tài phát tâm rộng lớn, hiểu rõ pháp của 6 vị là 1. (việc Thiện Tài gặp Phổ Hiền, hiểu rõ mọi pháp như trước).

10) Phổ Hiền khen ngợi công đức độ sanh của quả Phật. Cõi Hải Ngạn: tiến tu đạt quả 1 đời thành Phật. Cõi này ở gần biển: trí Phật trong biển sanh tử. Về nơi ở của Từ Thị: vườn sanh tử, rừng vạn hạnh, trang nghiêm bi trí. Lầu Tỳ lô gía na: quả của trí căn bản và trí sai biệt. (ý nghĩa, công dụng thể tánh của lầu như trước) . Phần 1 có 5 ý:

1) (20,5 hàng) chỉ nơi ở của Thiện tri thức và khuyên Thiện Tài cầu học.

2) (14 hàng) đồng tử Đức Sanh khen ngợi đức của Từ Thị để Thiện Tài tiến tu.

3) (49,5 hàng) đồng tử khuyên Thiện Tài học rộng.

4) (34 hàng) đồng tử khuyên Thiện Tài không nên tìm lỗi của thiện tri thức, nên siêng năng tu học để đạt phước đức.

5) Kính pháp để đạt quả Phật.

Kinh dạy: không nên phụng sự thiện tri thức bằng sáu độ mười địa; vì thuộc pháp xuất thế,c hưa đoạn chấp tịnh, chướng ngại hạnh Phổ Hiền, không đạt quả tỳ vô giá na, chỉ đạt thân tướng tốt đẹp của hóa Phật. Sự trang nghiêm thân phước đức không phải là việc bỏtrang sức chán sanh tử mà là hiểu rõ vô minh chính là trí căn bản, tu tập hạnh phổ Hiền. (Các ý 2-5 như kinh). Bồ đề là nguồn gốc của hạnh nguyện

thần thông Bồ-tát, diệt khổ sanh tử, thanh tịnh phiền não, thành tựu nhứt thiết trí. Vì tâm bồ đề không nương tựa nên không sanh diệt,tự tại vô ngại, chúng sanh và Phật là một, không phân biệt. Di lặc búng tay thành tiếng, cửa lầu tự mở: tiếng; chấn động; búng tay: đoạn trừ hoặc chướng tự hiểu pháp môn. Thiện Tài vào trong, cửa tự đóng: trí không trong ngoài xuất nhập mê ngộ. Lầu gác rộng lớn như hư không: cảnh giới của trí. Sự trang trí trong lầu gác là quả của trí bi hạnh nguyện. Bồ-tát Di Lặc cũng từng cúng dường Phật, thuyết pháp cho Thiện Tài: vì tánh của trí xưa nay vốn vậy, dung hợp ba đời, vượt trên thần thông. Dâu Suất La Sắc: máu của sương tuyết. Kinh dạy: thiện nam tử! lúc ta nguyện đạt trí thành tựu quả bồ đề ngươi và Văn Thù đều thấy: trí dung hợp ba đời. Có ba ý:

1) (9 trang) đạt trí Phật, quán quả biết nhân, nhân quả là 1.

2) (9,5hàng) Di Lặc thâu thần, nhắc Thiền Tài trở về hiện tại.

3) (4 hàng) Thiện Tài hỏi pháp và xuất xứ của Di Lặc.

4) Pháp:

1) Tên pháp giải thoát trang nghiêm.

2) Nơi trở về.

3) Nơi xuất phát.

4) Nơi thọ sanh.

Tên pháp: nhập tam thế nhứt thiết cảnh giới bất vong niệm trí trang nghiêm tạng. Nơi về: nơi ban đầu. Nơi xuất phát: trí huệ thần lực nơi Bồ-tát có hai phương diện. Về pháp: các Bồ-tát không đến đi; về sự: đến từ nước Ma La đề: trí đức siêu việt của bậc Thánh. Cù ba la con trưởng giả: sống trong pháp thanh tịnh, Từ Thị dạy học pháp Phật. Nơi thọ sanh: về pháp có 10:

1) Tâm bồ đề;

2) Thâm tâm;

3) Thiện tri thức;

4) Ba-la-mật;

5) Đại nguyện;

6) Đại bi;

7) Đại từ;

8) Sự quán sát đúng;

9) Đại thừa;

10) Giáo hóa chúng sanh.

Trí huệ phương tiện, Bát-nhã là mẹ, phương tiện là cha, bố thí là vú nuôi, giới là mẹ nuôi, trang sức bằng nhẫn nhục, nuôi lớn bằng tinh

tấn, tắm rửa bằng thiền định, thầy là thiện hữu, bạn là pháp bồ đề, bà con là pháp lành, anh em là Bồ-tát. Về sự: sanh trong nhà Bà-la-môn xóm Câu Sách nước Ba la đề cõi Diêm phù. Xóm Câu Sách: (Da Gia) nhiều nhà ở chung trong một nhóm. Bà-la-môn: dòng thanh tịnh, trí không đắm nhiễm. Dạy pháp tùy sở thích chúng sanh: tùy thuận độ sanh bằng trí bi, biểu hiện phước trí vượt trên thế gian của Bồ-tát. Bồ-tát là người được thọ ký một đời thành Phật, như trưởng tử kế thừa sự nghiệp của cha, như thái tử kế thừa ngôi báu. Cũng thế, Bồ-tát đủ công dụng độ sanh như Phật. Vô số Bồ-tát Phổ Hiền xoa đầu Thiện Tài: viên mãn hạnh rộng lớn của Phật, dung hợp nhân quả của thế gian, có 10 ý:

1) (33,5 hàng) sự dung hợp đan xen của sáu vị.

2) (8 hàng) Thiện Tài thông đạt sự dung nhiếp nhân quả thể dụng.

3) (11 hàng) Thiện Tài thấy mười tướng trang nghiêm.

4) (17 hàng) Thiện Tài thấy mười ánh sáng.

5) (57 hàng) hạnh nguyện và thân tướng của Phổ Hiền.

7) (13 hàng) Thiện Tài đạt mười trí.

8) (14 hàng) vô số Bồ-tát Phổ Hiền xoa đầu và khen ngợi Thiện Tài.

9) (60 hàng) sự lợi sanh của Bồ-tát Phổ Hiền.

10) Thiện Tài quán sát vô số thân tướng và đạt pháp.

- Phần kệ có ba ý:

1) (8 hàng) Bồ-tát Phổ Hiền khuyên đại chúng nghe pháp.

2) (6 hàng) đại chúng vui nghe.

3) Công đức của Như Lai.

Đi qua 110 thành đến nước Phổ Môn: Phật và chúng sanh cùng 1 thể tánh, mọi pháp không trước sau, chuyên tâm mong gặp Văn Thù và thiện tri thức: tất cả đều từ trí thể của Văn Thù, dung hợp đan cài, không thể đo đếm. Phát tâm rộng lớn như hư không: từ thể trí kim cang thanh tịnh khởi vô số hạnh Phổ Hiền. Đó là nhân quả tu tập của các vị. Người tu hành nên suy xét thấu đạt ý này. Vì pháp không trước sau, dung nhiếp đan cài không cùng tận.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 130

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH

SỐ 1740

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1740

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH

Lược thuật đại ý từng quyển trong kinh
Bắc kinh Lý Thông Huyền ghi thuật.

Cuốn thứ nhất: "Hội thứ nhất tại Bồ đề đạo tràng thuyết sáu phẩm kinh đến cuốn thứ năm - phẩm thứ nhất: Thế Chủ Diệu Nghiêm". Phật thành đạo, ở tại nước Ma Kiệt Đề, thuyết pháp trong Bồ đề đạo tràng, từ đời kiếp trước kia cùng tu với Phật, nay khiến cho đại chúng vân tập.

Cuốn thư hai: Phẩm loại bàng sanh, chư thiên cõi phía trên,trong qủa hải của Như Lai, đều phần chứng giải thoát .

Cuốn thứ ba: Tứ vương bát bộ, các thần đủ loại, đều dùng ngôn từ tuyệt vời để thỉnh cầu, ca tụng ngâm nga giáo pháp khó nghĩ được.

Cuốn thứ tư: Vô số chủng loại hình sắc, ngàn vạn cách thức tuỳ thuộc, đều nói về pháp môn giải thoát, dùng kệ ca ngợi công đức của Như Lai.

Cuốn thứ năm: Nhờ uy lực bất tư nghì của Như Lai, Bồ-tát đều từ chổ ngồi đứng dậy,truyền đi khắp trời đất, thị hiện những cảnh giới tốt lành của hải hội cùng vô biên chư Phật .

Cuốn thứ sáu: "Phẩm thứ hai: Như Lai hiện tướng". Đại chúng chung ý nghĩ thỉnh cầu, Như Lai hiện tướng để đáp lại, ánh sáng và âm thanh triệu tập chúng sanh có duyên ở khắp mười phương vân tập thành hội chúng mới.

Cuốn thứ bảy: "Phẩm thứ ba: Phổ Hiền tam muội. Phẩm thứ tư: Thế giới thành tựu". Phổ Hiền đi vào tạng thân tam muội, Như Lai dùng Thánh lực gia trì, rời định thuyết về pháp môn thập hải, trình bày rộng

về sự thành lập thế giới.

Cuốn thứ tám: Phong luận ngữ lấy thuỷ đại, biển cả hiện ra hoa sen, an lập phân bố các loại sông thơm, thế giới trùng điệp ở giữa biển khơi.

Cuốn thứ chín: "Tiếp theo phẩm thế giới thành tựu. Phẩm thứ năm: Hoa tạng thế giới". Mười biển xoay quanh về bên phải, liên tiếp nhau theo thứ tự, cùng đan xen trùng trùng giống như lưới giăng quý báu của Đế Thích.

Cuốn thứ mười: "Đến cuốn thứ mười một, là phẩm thứ sáu: Tỳ Lô Xá Na". Những quốc độ biển cả đã phụ trách, thuận theo thẳng đến vòng quanh mọi pháp giới, hoa tạng trang nghiêm tuyệt vời, nêu ra quả khuyến khích cùng phát sinh niềm tin an lạc.

Cuốn thứ mười một: Tỳ Lô Xá Na, kiếp trước biết là thái tử Uy Quang, dâng cúng 10 núi tu di lên vi trần số các Đức Như Lai, khiến cho đạt được quả hải là 10 liên hoa tạng thế giới .

Cuốn thứ mười hai: "Hội thứ hai tại cung điện Phổ Quang Minh thuyết ra sáu phẩm kinh. Phẩm thứ bảy: Phật Danh Hiệu. Phẩm thứ tám: Tứ Thánh Đế". Danh hiệu của Như Lai có rất nhiều loại, dựa theo căn khí của chúng sanh khác nhau, thiết lập bốn Thánh đế, thuận theo xứ sở để lập thành tên gọi, đều làm cho nghe pháp mà chứng ngộ.

Cuốn thứ mười ba: "Phẩm thứ chín: Quang Minh Giác. Phẩm thứ mười: Bồ-tát Vấn Minh". Văn Thù Sư Lợi cùng với chín vị Bồ-tát đứng đầu, hỏi để sáng tỏ mười loại thậm thâm, đều là biểu hiện tánh tướng dung thông, phá trừ tất cả nghi ngờ chấp trước của chúng sanh.

Cuốn thứ mười bốn: "Phẩm thứ mười một: Tịnh Hạnh . Phẩm thứ mười hai: Hiền Thu". Tịnh hạnh phát khởi đại nguyện vô biên, Văn Thù khiến cho khéo dụng tâm đó, Hiền Thủ làm rạng rỡ đức hạnh, ca ngợi thu nhận biểu hiện niềm tin có đại dụng bao la.

Cuốn thứ mười lăm: "Tiếp theo phẩm Hiền Thủ". Mao quang chiếu ích tam muội, nêu lên ví dụ biểu thị cho ý chỉ sâu xa vô cùng khó hiểu, ca ngợi kinh giáo khó nghĩ được mà khuyến khích giữ gìn, chư Phật xoa đầu mà tuỳ hỷ hộ trì.

Cuốn thứ mười sáu: "Hội thứ ba tại cung trời đao lợi thuyết ra sáu phẩm kinh. Phẩm thứ mười ba: Thăng tu di đảnh. Phẩm thứ mười bốn: Kệ tán. Phẩm thứ mười lăm: Thập trú". Tu di và kệ tán, làm sáng tỏ Phật đức không xa rời mà lên cao trên cõi trời. Thập trú hiểu rõ pháp môn, phân rõ tông thú bước vào địa vị của Bồ-tát.

Cuốn thứ mười bảy: "Phẩm thứ mười sáu: Phạm hạnh. Phẩm thứ

mười bảy: Sơ phát tâm công đức”. Phạm hạnh khiến cho hiểu rõ cảnh giới không tịch, tâm không phát sinh hai loại kiến giải thiên lệch, phát tâm hiện có sẵn công đức vô biên, ý niệm ban đầu sẽ thành tựu chánh giác.

Cuốn thứ mười tám: “Phẩm thứ mười tám: Minh pháp”.Sáng tỏ pháp thuyết về Tam Bảo không gián đoạn, về sau có thể an lạc mà nơi đường trời người, mười loại pháp môn của thập hạnh, hướng lên trên cầu địa vị tiến mãi lên cao.

Cuốn thứ mười chín: “Hội thứ tư tại cung trời Dạ Ma thuyết ra bốn phẩm kinh. Phẩm thứ mười chín: Thăng Dạ Ma thiên cung. Phẩm thứ hai mươi: Kệ tán. Phẩm thứ hai mươi mốt : Thập Hạnh”. Hai phẩm Dạ Ma và Kệ Tán làm sáng tỏ công đức của Phật là không cùng tận; bao gồm biểu hiện rõ pháp môn của thập hạnh, luận bàn rộng rãi về hoạt dụng khéo léo tuyệt vời của Bồ-tát.

Cuốn thứ hai mươi: “Tiếp theo phẩm Thập Hạnh”. Bốn hạnh vô trước đẳng chân, trình bày về hai phần tự lợi và lợi tha. Bắt đầu chứng đạt đến nay thật khó nghĩ bàn, phần kệ tụng tiếp tục thu nhận công đức ở trước.

Cuốn thứ hai mươi mốt: “Phẩm thứ hai mươi hai: Thập vô tận tạng”. Mười kho tạng vô tận, ba đời chư Phật cùng tuân theo, không chỉ là nghĩa về pháp môn của thập hạnh, mà cũng vượt quá sự thẳng tiến của thập hồi hướng.

Cuốn thứ hai mươi hai: “Hội thứ năm tại cung trời đâu suất thuyết ra ba phẩm kinh. Phẩm thứ hai mươi ba: Thăng Đâu Suất thiên cung”. Lên trên cung trời Đâu Suất, hoá chủ thuận theo cơ duyên, nhìn thấy Đức Phật hiện thần thông phóng quang, Thiên Vương đạt được lợi ích .

Cuốn thứ hai mươi ba: “Phẩm thứ hai mươi bốn: Kệ Tán”. Cõi trời tri túc dùng kệ ca ngợi, thứ nhất là thập hồi hướng, biểu hiện Bồ-tát bi, trí bao la, vô số kiếp cứu hộ chúng sinh đau khổ.

Cuốn thứ hai mươi bốn : “Đến cuốn ba mươi ba, phẩm thứ hai mươi lăm : Thập Hồi Hướng”. Tâm kiên cố bất hoại, nhờ pháp môn của chư Phật, hạnh nguyện càng bền chắc, hồi hướng cho thời xứ thiện thệ.

Cuốn thứ hai mươi lăm: Nhân tốt lành chứa đựng quả, lập thành tên gọi kho tạng vô tận, thiện căn hợp với chân như, tức là cùng tánh chân như không giới hạn.

Cuốn thứ hai mươi sáu: Bắt đầu từ giúp cho xe - ngựa cho đến dùng thân mình, nhân tố vĩ đại trong 10 đoạn văn Trường Hàng, trong ngoài tất cả đều xoá bỏ.

Cuốn thứ hai mươi bảy: Bồ-tát xả bỏ ngay cả thịt da đầu tóc, cả đến cứu giúp cho hình hài còn thừa lại, dùng vạn hạnh trang nghiêm thân thể ấy, thành tựu mười loại tướng mạo trượng phu.

Cuốn thứ hai mươi tám: Từ đầu đến cuối nhìn thấy Đức Phật xuất hiện 60 loại pháp môn đại thí, văn trường hàng trước sau ba cuốn, toàn bộ thâu vào hồi hướng kiên cố.

Cuốn thứ hai mươi chín: Đã thuận theo chúng sinh vô tướng, luôn luôn tuỳ thuận tâm hành, cũng như hai pháp đại thí, rộng ra đến A-tăng-kỳ kiếp, nguyện chúng sinh đầy đủ pháp và tài vật.

Cuốn thứ ba mươi: Công đức của 100 pháp môn, hoàn toàn giống như xuyên suốt, hành thiện đồng đẳng với hư không, cũng cùng chung tánh tướng cùng rộng lớn.

Cuốn thứ ba mươi mốt: Bởi vô tướng nên mê hoặc ràng buộc được giải thoát gọi là hồi hướng, sáu loại pháp môn về trí vi tế, nguyện chứng được công đức của Phổ Hiền.

Cuốn thứ ba mươi hai: Bày một thân hướng về pháp giới, thâu lấy mọi cảng tượng vào đầu mảy lông, hồi hướng mọi thiện căn cho pháp giới, thành tựu vô lượng đại dụng của Phổ Hiền.

Cuốn thứ ba mươi ba: Hai quả y báo và chánh báo, đều dùng vô số vật báu trang nghiêm kết thành để ca ngợi, khuyến khích tu tập đầy đủ công hạnh của địa vị Phổ Hiền.

Cuốn thứ ba mươi bốn: "Hội thứ sáu tại cung trời Tha Hoá thuyết ra một phẩm kinh, đến cuốn ba mươi chín. Phẩm thứ hai mươi sáu: Thập Địa". Tại Ma Ni bảo điện ở cung trời tha hoa, bắt đầu mở ra pháp môn thập địa, ba lần gia trì - năm lần thỉnh cầu, mới trình bày rõ ràng về tướng đầu tiên của hàng sơ địa.

Cuốn thứ ba mươi lăm: Ly Cấu Địa Bồ-tát, tu pháp môn tam tụ thập thiện, tám thiền định và năm thần thông, phát ra vô biên tướng rực rỡ của diệu tuệ.

Cuốn thứ ba mươi sáu: Có năng lực chứng được tuệ rực rỡ của trí, tiến lên tu tập pháp môn của phần vị bồ đề, nương vào pháp môn quán xét bốn đế của Thanh Văn, biểu hiện tướng trạng thù thắng của địa vị Bồ-tát.

Cuốn thứ ba mươi bảy: Bát-nhã hiện tiền có mười loại pháp quán về duyên khởi, Viễ hành địa thời gian cò dài, bảy địa vượt lên trên công lao của đầu và cuối.

Cuốn thư ba mươi tám: Không chứng được lý vô sanh, vì vậy Đức Phật bảy lần khuyến khích dẫn dắt tiến lên, đại bi quán sát mười loại

chúng sanh nhiều như cây rừng, đại trí lưu thông Bồ-tát có đủ biện tài mà diễn bày giáo pháp.

Cuốn thứ ba mươi chín: Mây mưa công đức mở rộng hai hạnh Tự - Tha, tiểu phần chưa sánh bằng Như Lai, trong đó nhân quả đan xen lẫn nhau, nhiều ví dụ so sánh không thể diễn tả được. “Hội thứ bảy tại cõi trời Tam Thiền, văn bị thất lạc”.

Cuốn thứ bốn mươi: “Hội thứ tám lại diễn ra tại Phổ Quang pháp đường thuyết ra 11 phẩm kinh, đến cuốn bốn mươi ba. Phẩm thứ hai mươi bảy: Thập Định”. Quả vị cao nhất chắc chắn căn cứ vào Sơ tín, vì vậy pháp hội lập lại ở Phổ Quang pháp đường, Phổ Hiền vâng theo lời dạy mà tuyên dương, mới nhất định bày tỏ về tác dụng thù thắng của thập định.

Cuốn thứ bốn mươi mốt: Nhập định an trú khắp quốc độ, liền đạt đến mười loại trang nghiêm, thuyết về thần thông tự tại của Bồ-tát, hiển bày công đức vô tận của Phổ Hiền.

Cuốn thứ bốn mươi hai: Tác dụng xuất nhập của tam mội tự tại khác nhau không có phân chia gì khác. Miệng có bốn nghiệp dụng mà tâm cuộn sóng trào, bốn biện tài lưu thông để diễn thuyết.

Cuốn thứ bốn mươi ba : Vô ngại đại luân tam muội, khắp nơi pháp giới mà trở thành công năng thù thắng, như hoá thân thiên vương cai quản thiên chúng, giống như Đẳng giác mà cùng là Diệu giác.

Cuốn thứ bốn mươi bốn: “Phẩm thứ hai mươi tám: Thập thông. Phẩm thứ hai mươi chín: Thập nhẫn”. Cuộn vào tản ra biện tài tự tại, phân rõ về thân tướng của mười loại, thần thông pháp dụ, cả hai trình bày rõ ràng về tướng của thập nhẫn.

Cuốn thứ bốn mươi lăm: “Phẩm thứ ba mươi: A-tăng-kỳ. Phẩm thứ ba mươi mốt: Thọ lượng. Phẩm thứ ba mươi hai: Bồ-tát trú xứ”. A-tăng-kỳ và thọ lượng, hai phẩm biểu thị công đức không cùng tận của Phật. Cảm ứng thuận theo nơi chốn, chỉ ra trú xứ của Bồ-tát.

Cuốn thứ bốn mươi sáu: “Đến cuốn thứ bốn mươi bảy, phẩm thứ ba mươi ba: Bất tư nghị pháp”. Đại chúng hoài nghi nên nghĩ rằng phải thỉnh cầu, không biết đức tướng như thế nào? Hoa sen xanh bỗng nhiên hiện ra phân rõ để đáp lại, bàn về quả pháp bất tư nghì của Phật.

Cuốn thứ bốn mươi bảy: Phật sự rộng lớn từ đầu đến cuối, tu tập pháp môn ở nơi giải thoát, nêu cao pháp tràng hăng hái hơn mức bình thường, tuyên thuyết thông suốt tận cùng đến viên âm.

Cuốn thứ bốn mươi tám: “Phẩm thứ ba mươi tư: Như Lai thập thân tướng hải. Phẩm thứ ba mươi lăm: Tuỳ hảo quang minh công đức”. Hai

phẩm Thập thân tướng hải và Tuỳ hảo quang minh, đều hiển bày đức dụng khó nghĩ bàn của nhân quả sâu xa.

Cuốn thứ bốn mươi chín: “Phẩm thứ ba mươi sáu: Phổ Hiền hạnh”. Phẩm Phổ Hiền hạnh, chỉ rõ một niệm mê hoặctrở thành trăm vạn cửa ngõ chướng ngại. Phần kệ tụng tách biệt trình bày về thập hạnh, đan xen mà không lẫn tạp.

Cuốn thứ năm mươi: “Đến cuốn thứ năm mươi hai, phẩm thứ ba mươi bảy: Như Lai xuất hiện”. Như Lai xuất hiện, pháp và dụ có nhiều môn, mười thân thu nhận kín đáo mà lại dung thông, một lý bình đẳng như nhau mà chiếu rọi xuyên suốt.

Cuốn thứ năm mươi mốt: Miệng biện giải lưu loát là tướng của viên âm, đáp lại rõ ràng là mạch ngầm của dòng nước trí, phá sạch vi trần mà lộ rõ đại kinh, phân tích phàm tâm hiện rõ ra thành trí.

Cuốn thứ năm mươi hai: Cảnh giới thực hành cùng với thành tựu đẳng chánh giác, chuyển pháp luân cho đến Niết-bàn, thân cận thấy nghe không trống rỗng, thành chủng tử kiên cố bất hoại của kim cang.

Cuốn thứ năm mươi ba: “Hội thứ chín, lần thứ ba lại ở Phổ Quang Pháp đường thuyết ra một phẩm kinh đến cuốn thứ năm mươi chín, phẩm thứ ba mươi tám: Ly thế gian”. Bồ-tát ở giữa thế gian mà không nhiễm, tức là phẩm ly thế gian, hiện rõ ra phổ tuệ ngay lúc ấy, đưa ra sự việc bắt đầu thưa hỏi, Phổ Hiền theo đó trả lời tựa như nước trong bình rót ra.

Cuốn thứ năm mươi tư: Bắt đầu từ mười loại mừng vui thanh thản, cho đến pháp môn vô đẳng trú, hơn 300 đoạn văn trường hàng, dùng để trả lời về tướng của thập hạnh.

Cuốn thứ năm mươi lăm: Mười loại về ý của vô thường, về sau làm sáng tỏ các pháp môn tự tại. Chỉ thú trong đó không giới hạn, thuật về địa vị hồi hướng ở trước.

Cuốn thứ năm mươi sáu: Đầu đề là mười loại vô ngại, đến văn hiển bày về Đại sư tử hống, có vô số pháp môn, mở rộng công đức của thập địa ở trước.

Cuốn thứ năm mươi bảy: Đoạn trừ mười loại tập khí còn lại, sau đó luận về tâm thắng tiến, rộng ra có 32 phần, trình bày thông suốt về các hạnh ly cấu.

Cuốn thứ năm mươi tám: Bắt đầu từ các Bồ-tát hành thí thanh tịnh, xuống đến giáng sinh có mười phần. Hạnh nguyện trong đó không cùng tận, tướng nhân quả thực hiện đã đầy đủ.

Cuốn thứ năm mươi chín: Tám tướng từ lúc giáng sinh vào thai

mẹ, là kệ khuyến khích tu trì. Nhất tâm thực hành hai ngàn pháp môn xuất ly, là phần tu tập thành tựu của một bộ kinh.

Cuốn thứ sáu mươi: “Hội thứ mười tại trùng các giảng đường trong tinh xá Kỳ Hoàn thuyết ra một phẩm kinh đến cuốn thứ tám mươi, phẩm thứ ba mươi chín: Nhập pháp giới”. Như Lai không rời khỏi trong phạm vi rừng Thệ Đa, đi vào Sư Tử Tần Thân tam muội, Bồ-tát nhìn thấy sự thần biến của thân pháp giới, còn Thanh Văn như người đui điếc chẳng biết gì.

Cuốn thứ sáu mươi mốt: Phổ Hiền dùng năng lực mở ra 10 câu, Như Lai phóng ra một ánh sáng nơi tướng lông trắng, Văn Thù chỉ có thuận theo mà đi về phía nam, đều là hiển bày quả đức của pháp môn thiền định.

Cuốn thứ sáu mươi hai: Đại Thánh khuyên nhủ Thiện Tài, cầu thiện hữu nên đi về phía nam, tìm hiểu về hai thiện tri thức là Đức Vân và Hải Vân, chỉ bày cho pháp môn thiện trú, sâu xa khó hiểu không suy lường nổi.

Cuốn thứ sáu mươi ba: Gặp được Cù Di Ca và trưởng giả Giải Thoát, chứng được pháp môn vi diệu của Đà-la-ni; sau đó gặp Tỳ kheo Hải Tràng, nhìn thấy lông trên thân hiện rõ ra những việc thù thắng.

Cuốn thứ sáu mươi bốn: Chào thiện hữu Hưu Xả Cù Sa, mới nắm tay mà du lãm khắp mười phương, khuyến khích đến núi đao Thắng nhiệt, lao vào ngọn lửa mà đạt được tam muội.

Cuốn thứ sáu mươi lăm: Bắt đầu từ Từ Hạnh đồng nữ, sau đó đến Minh Trí cư sĩ, bốn người đó cùng là thiện hữu, đều nương vào pháp môn của thập hạnh.

Cuốn thứ sáu mươi sáu: Trưởng gỉa Bảo Kế Khổ Nhãn, quốc vương Vô Yếm Đại Quang, bất động bàn về nhân duyên trước kiađã lễ Phật, ý sâu xa là pháp môn bao gồm thuận nghịch.

Cuốn sáu mươi bảy: Đi khắp nơi hóa thân trong hình tướng chủng loại của sáu đường, cháo thơm (chúc hương) chủ yếu là pháp môn của Ngũ phần hương, tốt đẹp không gì hơn là đem bốn Thánh đế kẹp chặt để độ người, Sư Tử Ni ở nơi tòa kim cang bàn luận về giáo pháp.

Cuốn thứ sáu mươi tám: Bà Tu và Bồ-tát Quán Âm, Đại thiên cùng với An Trú Địa Thần làm thiện hữu, tu pháp môn hồi hướng, Bà San nói là Thánh vị của sơ địa.

Cuốn sáu mươi chín: Dạ Thần Phổ Đức, trao cho pháp môn Du bộ giải thoát, vui mừng mắt thấy thân bước trên mây, cúng dường nhiều đức Phật mà uy thế càng tiến xa.

Cuốn thứ bảy mươi: Đi khắp nơi cứu giúp từ trước đến sau chỉ một đạo hào quang, Thiện Tài đạt được tam luân thanh tịnh, hỏi đáp trình bày qua từng sự việc một với nhiều Tôn giả, từ đời kiếp lâu xa gặp được bạn tốt để thông suốt.

Cuốn thứ bảy mươi mốt: Ở hai thành Tịch Tịnh và Thủ Hộ, vì Thiện Tài mở cánh cửa giải thoát, mỗi một thành đều sâu rộng khó nghĩ đến được, lớp lớp chất chồng đều kết thành pháp hội xưa nay.

Cuốn thứ bảy mươi hai: Thiện hữu là hoa nỡ rộ trên cây, thuyết ra tên gọi giải thoát, Thái Hỷ Quang Minh Luân Vương, thiết lập đạo tràng thực hiện pháp thí, Dạ Thần cùng tu mắt nhìn thấy chuyện xưa .

Cuốn thứ bảy mươi ba: Đại nguyện pháp môn, Thiện Tài nhìn thấy thành ấp thắng diệu; vua cha thấy Phật, Thái tử tránh khỏi tội lỗi của hình phạt chém đầu.

Cuốn thứ bảy mươi tư: Diệu Đức Linh Thần, người chịu trách nhiệm lưu giữ mười loại thọ sanh; trong bụng mẹ MaDa, hiện bày ba ngàn thần biến kỳ lạ.

Cuốn thứ bảy mươi lăm: Thiện Tài tìm hiểu từ Cù Bà đức thần, bày tỏ nhắc nhủ cầu tìm thiện hữu, gặp Phật là nhân duyên của việc đã qua,cùng tu tập là duyên thù thắng của hạnh nguyện.

Cuốn thứ bảy mươi sáu: Ma Da là mẫu nghi của chư Phật, là quỹ tắc mực thước của ngôn hạnh nguyện xứ, là thiện hữu trong sáng chuẩn mực nhất của chúng ấy, đều là những nguyên do của pháp hội duyên vào đó nhập định.

Cuốn thứ bảy mươi bảy : Đồng Tử - Đồng Nữ, khuyên nhủ Thiện Tài làm bạn với trăm loại pháp môn quan trọng; Từ Thị - Từ Niệm, dùng kệ ca ngợi khiến cho trở về với Bổn Sư.

Cuốn thứ bảy mươi tám: Thiện Tài cảm Động được gặp mà bắt đầu bày tỏ, Di Lặc có đủ công đức nên luôn luôn dung nạp. Kinh có hơn 300 đoạn, hiển bày tâm bồ đề thù thắng mà công lao to lớn.

Cuốn thứ bảy mươi chín: Thiện Tài bước vào trong cánh cửa lầu gác, trông thấy vô biên sự việc từ bao đời kiếp của vô số thế giới, pháp dụ hỏi đáp mà rời khỏi chổ ngồi, sẽ thành tựu đạo quả ở thời gian vị lai.

Cuốn thứ tám mươi: Văn Thù Sư Lợi duỗi tay ra mà giống như giữ lại, công lao của Thiện Tài chứng đến quả cao nhất, Phổ Hiền xoa đầu rồi dùng kệ khuyến khích, cẩn thận đừng nghi ngờ đối với kinh này!

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH

Lược thuật đại ý từng quyển trong kinh

Ngày 18 tháng 2 năm Hợi niên hiệu Đại Vĩnh thứ bảy viết xong. Chí nguyện của người viết đã hoàn tất. Kinh Hoa Nghiêm là pháp luân căn bản của một đời thuyết pháp, trực tiếp hiển bày sự nội chứng của Như Lai. Người nào đã có một lần nghe kinh này lọt vào trong tai, sẽ vĩnh viễn xa rời khổ báo của sanh tử. Thông Huyền cư sĩ là tổ sư của Hoa nghiêm, giảng kinh hợp với ý Phật, cho nên từ trong miệng phát ra ánh sáng vàng rực, nói thế này nói thế kia, nếu không tin thì không thể náo có được điều đó. Nhưng mà đại ý của tám mươi cuốn vừa mới là mực viết trên giấy kẹp chặt tất cả trong tay, chính là yếu thuật vô cùng vi diệu. Hiến tôi từng ngày đối với tập này rất tôn kính, chẳng để ý gì đến chuyện giấy mực ít ỏi hiếm hoi, động viên cố gắng viết ra tập này. Nguyện Tam Bảo từ bi gia hộ, thương xót nạp thọ cho nhiều chổ tối tăm!

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 130

LƯỢC THÍCH TÂN HOA NGHIÊM KINH TU HÀNH THỨ ĐỆ QUYẾT NGHI LUẬN

SỐ 1741
(QUYỂN 1 → 4)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1741

LƯỢC THÍCH
TÂN HOA NGHIÊM KINH TU HÀNH
THỨ ĐỆ QUYẾT NGHI LUẬN

Tác Giả: Cư Sĩ Lý Thông Huyền - Bắc Ninh (Đời Đường)

QUYỂN 1

PHẦN A

Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm là pháp môn nêu rõ về quả Phật của viên giáo nhứt thừa. Thể của quả Phật không có thành hoại, vì hóa độ chúng sinh nên hiện việc thành tựu chánh giác. Về hình tướng để đạt quả Phật tạm nêu nhân quả năm vị cảnh giớihoá độ, quả báo trang nghiêm đều là nhằm để chỉ dạy người sau, phát khởi ý chí, nương pháp tu tập và làm cho người tu hành biết đúng đường đúng hướng. Nếu không hiểu được nhân phát tâm ban đầu, làm sao phát tâm tu đạo thành Phật? Dù có người vì sợ tội tu Phước, bỏ vọng niệm, an trụ tâm, nguyện sanh cõi thanh tịnh, đạt quả nhị thừa, vĩnh viễn ra khỏi ba cõi, vẫn chỉ là mong cầu mình thoát khổ, chưa biến nỗi khổ của trời, người, ba đường ác khắp mười phương và tâm vĩnh viễn thành cảnh giới trí tuệ. Vì tất cả các chúng sinh và các đức Phật, cùng một biển trí. Giáo pháp ba thừa chỉ nói về không để phá trừ chấp có, nhưng tất cả chúng sinh sẳn có bản tánh thanh tịnh. Hơn nửa ba ngàn đại thiên cảnh giới đều là cảnh giới báo ứng của Phật. Lại nói trãi qua vô số kiếp tu hạnh Bồ-tát, thành Phật. Hay nói ở nơi khác có cõi thanh tịnh, cõi này là cõi trược uế, đó đều là tùy thuận nhằm chỉ dạy chúng sinh, là thành biến

hoá, không chơn thật. Cảnh giới của trí nhứt thừa không có biên giới. Nói cõi nước, thân hình bằng số bụi trong mười cõi Phật đan xen nhau là muốn nói sự rộng lớn như hư không không ban lượng. Cảnh giới của trí hòa nhập lẫn nhau. Vì nhằm giáo hoá đem lại lợi ích cho mọi loài nên phải như vậy. Song, kiếp số ba đời không đến, đi không bao giờ thay đổi, không thấy có ba đời, không thấy thế gian chúng sinh, không thấy có người thành Phật, không có chánh, pháp, tượng pháp, mạt pháp, thời phần pháp, chỉ có tự tánh sáng suốt, trí lớn không do ai tạo ra như hư không, tâm đại bi bình đẳng vượt mọi sự tạo tác. Tùy thuận sự hiểu biết của chúng sinh mà làm lợi ích, không trái thời cơ, không thấy có pháp được tạo tác. Vì thế trí hiển hiện từ thiền định quán thiếu đó không phải do tu hành có được. Nhưng lòng từ bi lại được sanh khởi từ hạnh nguyện, không phải là tự nhiên. Vì lòng bi được thành tựu từ hạnh nguyện nên khi công đức tròn đủ thì hạnh nguyện không còn. Trong năm vị, vị thứ tám của mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng, mười địa, đều không còn dụng công, tùy ý dùng bi trí, thể hiện lợi ích. Đến vị Đẳng giác, bi trí mới tròn đầy nhưng thời gian không thay đổi, pháp cũng chẳng biến dời. Chỉ vì quả dị thục khác nhau chứ thời gian và giáo pháp xưa nay không khác. Cũng như sự sai khác của cảnh giới ba thừa và nhứt thừa mênh mông khó lường. Ở đây chỉ trình bày khái quát nếu trình bày đầy đủ thì không thể được. Chỉ muốn người tu hành thuận theo đường hướng vạch sẳn để không uổng công lao. Bộ kinh này tạm phân làm mười môn để làm khuôn mẫu tiến tu, mong những ai chưa đạt được bỏ thứa về chơn. Mười môn là:

1) Nêu quả Phật khuyên người tu hành phát sanh lòng tin. 2) Tự phát tâm tin hiểu tu hành. 3) Dùng định tóm thâu ba đời xưa nay. 4) Những chướng ngại của sự nhập quả Phật. 5) Tự tu hành thành tựu quả Phật. 6) Hạnh nguyện thường hằng của Phổ Hiền. 7) Trọn vẹn quả Phật, tất cả đều là pháp giới. 8) Thành Tựu quả Phật thuyết pháp thế gian. 9) Thuyết giáo khuyên tu. 10) Lên núi Diệu Phong tu hành nhập quả vị.

(1) ***Nêu quả Phật khuyên người tu hành phát sanh lòng tin; đó là sáu phẩm kinh của hội thứ nhứt.*** Sáu phẩm kinh:

1) Thế chủ Diệu nghiêm: Nói về sự thành tựu chánh giác biểu trưng cho đạo giác của Như Lai và thân trí rộng lớn. Trong kinh chép: Từ trong tất cả các pháp thành tựu tối chánh giác, cùng lúc xuất hiện ở cõi trời người khắp mười phương. Kinh nêu lúc mới thành chánh giác: Đoạn dứt chấp ba đời dài ngắn, không thấy có xưa, nay là thỉ mở đầu; trí hiển hiện, vọng tưởng mất lại thành; ba pháp lý trí, bi cùng một thể là

chánh; khi thông đạt cảnh giới của tâm thì tất cả vô minh liền thành trí lớn, chiếu soi mười phương, không thấy có pháp chứng đắc là giác; Tự thành tựu đạo là thành (những nghĩa khác đã nói rõ trong bản luận).

2) Hiện tướng: Từ Kim Khẩu Như Lai phóng áng sáng, bảo tất cả đại chúng: Đức Phật thành chánh giác, đại chúng hãy tập trung. Đó là nói Ngữ nghiệp và âm thanh Như Lai vang khắp.

3) Định Phổ Hiền: Nói về thể dụng rộng lớn của Như Lai.

4) Thế giới thành tựu: Nói về thân hành rộng lớn của Như Lai, mỗi một thề giới có vô số trụ xứ, hoặc vuông, hoặc tròn, hoặc không phải vuông, không phải tròn, vô số sự khác biệt, hoặc như dòng suối, như ánh sáng trên núi... vô số hình trạng khác nhau, ngang bằng hư không, không thể hạn lượng được. Nhưng hạnh nguyện của Như Lai cùng khắp, nơi nào cũng có Như Lai thuyết pháp. Như Lai ở trước mọi loài, giáo hoá hợp thời là tiêu biểu hạnh nghiệp và cõi nước của Như Lai cõi nước độ sanh và hạnh nghiệp rộng lớn.

5) Thế giới Hoa Tạng: Nói về trí bi viên mãn của Như Lai, đạt công đức rộng lớn. Thế giới Hoa Tạng trang nghiêm cò núi Tu di, do vô số phong luân tạo thành. Số phong luân ấy gồm mười hai lớp sự trang trí ở mỗi lớp khác nhau. Mười hai lớp phong luân tượng trưng cho mười địa, Đẳng giác, diệu giác. Tất cả đều do hạnh nguyện tạo thành, là tâm mong cầu quả Phật ban đầu của mười địa, và đều sinh khởi từ sức nguyện lớn. Vô số phong luân trên núi Tu di đều có nguyện lớn. Sự trang nghiêm ở đó cũng đều do hạnh nguyện lớn. Vì hạnh phát sinh từ nguyện. Lại từ nguyện có công đức hạnh nghiệp. Điều đó có nghĩa là quả có từ nhân. Vì vậy ngoài Phổ Hiền nói: Thế giới Hoa Tạng trang nghiêm đều do nguyện lực của Phổ Hiền. Vì Phổ Hiền là hạnh nghiệp sai khác của trí, nghĩa là hạnh phát sinh từ nguyện. Nếu nói thật thì hạnh nguyện không cùng. Lược nói Tu di là thể của bụi trần nghĩa là địa thứ nhứt vui tu hạnh của mười địa và hai vị Đẳng Giác, diệu giác. Trọn vẹn một hạnh nguyện bao hàm nguyện lớn không cùng. Như bốn nguyện rộng lớn tóm thâu vô số nguyện lớn. Nêu số ít bao quát số nhiều, như kinh chép: Đức Như Lai vì gần gũi vô số Phật, ở mỗi chỗ đức Phật tu vô số hạnh nguyện (rõ như trong kinh). Như trên, phong luân này có một biển nước thơm lớn. Trong biển nước thơm lớn có thế giới Hoa sen lớn. Trong đó lại có số biển nước thơm bằng số bụi trong mười cõi nước. Lại có vô số cõi nước nhiều bằng số bụi trong vô số cõi Phật, như lưới của Đế Thích. Trong đó lại có biển nước thơm tên Vô Biên Diệu Hoa Quang, ảnh hiện tất cả thân hình Bồ-tát. Đáy biển bằng ngọc Ma ni bảo

Vương Tràng. Có ao sen lớn tên Nhứt Thiết Hương Ma ni vương trang nghiêm, trên đó có các cõi chúng sinh. Trên dưới mỗi cõi nước có hai mươi tầng, càng lên trên càng rộng lớn. Trong mỗi tầng có đức Phật... (đã nói rõ kinh). Đó là nói về sự thăng tiến của mười địa. Trong mỗi địa, có người đã đạt quả, có người đang hướng đến. Hai hạng này đều có nhân quả báo ứng rộng lớn thù thắng. Từ đâu trở lên trên càng thù thắng hơn. Trong tất cả các cõi đó đều cò Phật... là nói nhân quả thăng tiến, đạt quả Phật. Trong mười địa có hai mươi tầng thế giới, hai mươi đức Phật. Đó đều là sự thăng tiến trong trí căn bản sáng suốt mà đặt tên nhưng thể tánh không sai khác. Trong Hoa sen có vô số cõi Phật nhặt số biển nước thơm và các cõi nước, đó là cảnh giới báo ứng của một đức Phật, dụ cho cảnh giới của trí không thể lường được, sự giáo hóa đem lại lợi ích không thể lường được. Chung quang núi Kim Cang luân vi có mười cõi nước, trên dưới đều có bốn tầng cõi nước nghĩa là dùng bốn nhiếp pháp và bốn tâm vô lượng giáo hóa tất cả chúng sinh. Sanh khởi từ tâm không hạn lương là tiêu biểu cho quả báo có từ nhân, quả không tự nhiên có. (Xin khái quát để biết, còn trong văn kinh và đại luận đã nói rất rõ).

6. Tỳ-lô-giá-na: Nêu thời đức Phật thời quá khứ để biểu hiện cho pháp xưa nay giống nhau, để phát khởi lòng tin, không nghi ngờ rằng: Xưa nay không có mà không tin tưởng. Với pháp trong giới này, người phát tâm Bồ Đề noi theo tu tập. Hơn nữa, trong phẩm Thế Thủ diệu Nghiêm thứ nhứt, có mười hội chúng Phổ Hiền và mười hội chúng khác như Nguyệt Quang... nghĩa là bao hàm tất cả mới thành tựu ý cùng khắp. Năm mươi chúng như trời, thần... chính là đại chúng của năm mươi vị mà đức Phật biến ra. Lại thị hiện thân nhập pháp. Nhập tức là đồng với sự hiểu biết với Phật. Ý nói, người tu hành thâm nhập tri kiến Phật, không tu lầm, (trong kinh đã nói rõ). Pháp thân không tướng, trí căn bản, trí sai biệt là nguồn gốc thần dụng của trí căn bản nhưng tạo tác, không hình tướng nhưng cùng khắp pháp giới, hư không. Bộ kinh này, nêu Văn Thù Sư Lợi (Trung hoa dịch là Diệu Đức) tiêu biểu cho trí Huệ pháp thân không hình tướng. Phật Tỳ-lô-giá-na (Trung hoa dịch là Vô số ánh sáng) dùng trí căn bản sáng suốt soi chiếu tất cả chúng sinh. Tùy thuận để độ chúng sinh là Phổ Hiền pháp thân không hình tướng là tiêu biểu cho sự thành tựu hạnh từ bi của Phổ Hiền, ở trong thế gian mà không đắm nhiễm. Trí căn bản tiêu biểu cho thần tánh sáng suốt vốn không có thể tánh căn bản. Biết rõ nguồn gốc nghiệp của tất cả chúng sinh là Trí sai biệt. Ba pháp này cùng một thể tánh. Hàng mới phát tâm

phải nhờ thiền định chiếu soi mới khơi sáng được. Dùng tâm tin tưởng an lập pháp năm vị và hanh tu tập để khơi sáng ba pháp này. Trong sự tu tập, thường đưa ra ba vị Văn Thù, Phổ Hiền, Tỳ-lô-giá-na làm thể xuyên suốt, như người tu đạo, tuy có ý mong thành Phật nhưng phần nhiều bị vướng trong một pháp, không biết còn đường tiến tu, vì mê nên chấp giữ, không mong cầu đạo thù thắng, được chút ít đã cho là đủ. Vì thế ở lần thứ nhứt, trong sáu phẩm đều có ba pháp này. Hàng mới phát tâm: biết tất cả pháp, lập chí nguyện như hạnh nguyện của Phật. Nhờ vô số hạnh nguyện đem lại sự thành tựu cho lòng tin. Đây là tin hạnh nguyện của Phật bên ngoài để thành tựu lòng tin nơi mình. (Lòng tin nơi mình đã được nói Diệu Phổ Quang Minh của lần thứ tư). Trong lần thứ nhứt, năm mươi hội chúng như thần, tám bộ quỷ vương là biểu hiện cho hạnh nguyện của Như Lai và nhân quả của năm vị. Che chở tất cả là biểu hiện trí nghiệp như hư không, không hình sắc nhưng công dụng cùng khắp, không đi mà đến, không tạo tác nhưng có công dụng. Tùy mọi vật thành tựu công dụng là thần. Thể tánh trong sạch không nhỏ, không bị ngăn ngại, ẩn hiện tự tại là trời. Vào trong sinh tử làm lợi ích cho chúng sinh bằng Trí chỉ trong tích tắc biết rõ mười phương nhưng lại chẳng phải trời, chẳng phải người, quỉ... Đó là biểu hiện công dụng thần diệu cùng khắp của Trí, vì thể ở trên, tạm nêu ra nhân, quả, cảnh, hạnh của năm vị để người phát tâm cầu thành Phật. Một mặt thực hành pháp như Phật đã hành, dùng sức nguyện lớn làm tất cả việc lành như thiền định, quán chiếu, ở mãi trong sinh tử, biến vô minh si, ái thành trí rộng lớn, biến biển lớn sinh tử thành biển bi trí lớn, không ra khỏi cũng không chìm đắm mà tâm không mệt mõi. Mặt khác như hạnh Phật đã hành, quyết định tâm ý, phát tâm Bồ Đề, tin tâm mình, tu hành pháp thành Phật (như phần sau sẽ nói). Những ai phát tâm mong cầu quả Phật nhứt thừa, tức chí nguyện bền vững, như hư không, không lay chuyển là vượt hơn hàng Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát ở cõi thanh tịnh. Vì ba vị này đều có tâm chán ghét sinh tử, không hiểu rằng vô minh sinh tử vốn là cảnh giới của Trí, tự tìm sự an lạc cho mình, không có trí bi lớn nên ở ngoài pháp nhứt thừa, chỉ mong cầu quả nhỏ, tránh khổ sinh tử. Hàng Nhị thừa dùng sức thiền định quán chiếu, vượt khỏi nghiệp hiện tại của ba cõi, tự đốt thân, tan biến như hư không, vĩnh viễn đoạn dứt bi trí. Có kẻ ham tu thiền định, trải qua vô số kiếp, cho là đánh trống bên tai vẫn không nghe thấy. Bồ-tát cõi thanh tịnh chán ghét sinh tử, sinh về cõi tịnh thấy Phật, nghe pháp, không có tâm bi lớn, chỉ tự hưởng diệu lạc, sau lại hồi hướng quả lành. Những vị này đều không biết vô minh

vốn là trí lớn, lại riêng tìm trí huệ nơi đạo nhỏ, ví như trong kinh Duy Ma, Pháp Hoa, những vị này đều không được nghe (Trong kinh đã nói rõ, ở đây không nói lại). Vì thế từ biển sinh tử thành tựu trí lớn, thực hành bi lớn, không ra khỏi, không chìm đắm là tiêu biểu cho hàng mới phát tâm vượt khỏi nghiệp quả xuất thế của ba thừa, nên trong phẩm Hiền Thủ của kinh đã nói rõ: Có người suốt một kiếp, đầu đội ba ngàn Đại thiên thế giới, thân không lay động, việc ấy vẫn chưa khó, người tin pháp này mới khó. Có người suốt một kiếp dùng tay nâng mười cõi Phật, ở trong hư không vẫn chưa là khó. Người tin pháp này mới khó. Có người suốt một kiếp đem lại an vui cho vô số chúng sinh, phước đức ấy vẫn chưa lớn. Phước đức người tin pháp này mới lớn. Có người suốt một kiếp phụng sự vô số Phật, phước đức vẫn không bằng phước đức của người tụng phẩm kinh này. Khi Bồ-tát Hiền Thủ nói kệ xong, cõi nước trong mười phương chấn động đủ sáu cách, cung ma bị che lấp, cõi ác tiêu diệt các đức Phật ở mười phương hiện ra, đưa tay phải xoa đầu Hiền Thủ, khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Ông vui vẻ nói pháp này, chúng ta đều tùy hỷ. Điều đó có nghĩa là người tin pháp mà Bồ-tát Hiền Thủ nói là người khế hợp tâm tướng chân thật, là sự cảm ứng, là phước đức (trong kinh đã nói rõ). Lại ở phần tụng của kinh có câu: Chúng sinh ở khắp các cõi nước, ít mong cầu pháp Thanh văn, cầu pháp Duyên giác càng ít hơn, cầu pháp Đại thừa thật là hiếm. Người cầu pháp Đại thừa còn dể có, người tin pháp này thật là khó có. Người tu pháp Đại thừa chỉ quán sự không để phá trừ ngã chấp và thực hành sáu Ba-la-mật. Song trong kinh chép: Có cõi thanh tịnh ở nơi khác nhau, đó là điều nghĩa đại thừa. Nhứt thừa là bi trí của Báo Phật Tỳ-lô-giá-na. Biến biển sanh tử vô minh thành biển bi trí lớn, không có ba đời xưa nay, sạch nhơ, đó là pháp giới. Người trí, kẻ ngu đều ở trong biển ấy, không bị ngăn ngại, như ảnh tượng dưới ánh sáng, không có cõi tịnh nào khác, đó là nhứt thừa. Đây là chỉ dạy nẻo giác ngộ cho chúng sinh có tâm lớn để chứng nhập tri kiến Phật. Giáo pháp ba Thừa đều nói: Tất cả đều trống không, tất cả chúng sinh đều có tự tánh thanh tịnh, cõi Phật bình đẳng. Chỉ vì phân biệt cõi này nhơ, cõi kia sạch, nên nhứt thừa giáo nói về sự trống không, không có mình người, sạch nhơ. Các đức Phật ba đời đều có tự tánh thanh tịnh, không có sự phân biệt xưa nay, tất cả đều là Phật, không có trước sau, tất cả chúng sinh đều có trí tuệ Như Lai. Trong mỗi hạt bụi có đủ phàm trí mười phương. Tất cả pháp không có sự phân biệt lớn, nhỏ, vừa. Tất cả đều như hư không. Lại nữa Thể dụng của Văn Thù, Phổ Hiền, Tỳ-lô-giá-na đều bình đẳng, đó là nhứt thừa. Người mới

phát tâm phải tin hiểu, quán sát tu tập, lãnh hội như vậy. Quán sát mình, người, trí, phàm, đều là cảnh giới của trí, không thấy có tướng khác, đều là tướng Như Lai, không sanh diệt. Nhờ trí tự tại, tâm bi tùy thuận thế gian nên phân biệt các pháp để trừ tâm mê mời. Bốn trí vốn không có một pháp nào để đạt. Dùng Trí Như Lai quán sát tất cả chúng sinh biết vì không hiểu trí Như Lai, vọng nghiệp chấp trước nên có thân hư giả. Phải hiểu rằng: nghiệp vốn không thật có, sự hiểu biết vốn như hư không. Sự hiểu biết sáng suốt tự tại là sự hiểu biết của Như Lai. Thấy tất cả mọi việc đều là việc Phật. Trong phần tụng của kinh có chép: Muốn biết tâm của Phật, hãy quán trí của Phật, trí Phật không nơi dừng, như hư không trống rổng. Vô số sự an lạc của chúng sinh, và trí huệ phương tiện, đều có từ trí Phật. Sự giải thích của Thanh văn, Duyên giác đều từ pháp giới. Nhưng phải biết rằng: Pháp giới không nương dựa vào đâu. Đức Như Lai lập ra giáo pháp là để trừ mê lầm. Để chúng sanh biết được cảnh giới không nương dựa này. Đó là giải thoát. Nhưng sự thật không có sự trói buộc hay giải thoát. Phải tin hiểu cảnh giới, tâm lượng, hạnh nguyện của Phật là như thế.

(2) ***Tự phát lòng tin tu hành***: Có sáu phẩm:

1) Danh hiệu Phật, tin danh hiệu Phật tùy thuận chúng sinh nên có khác.

2) Từ Đế: Nói về bốn Đế khổ, tập, diệt, đạo. Vì lòng ham muốn chúng sinh khác nhau nên giáo pháp khác nhau. Tuy tùy trình độ chúng sinh. Nhưng tất cả pháp đều không ngoài bốn Đế.

3) Quang Ming Giác: Nói dưới bàn chân Phật có tướng bánh xe đẹp. Đó là pháp môn để hàng phàm phu mới phát khởi lòng tin quán chiếu, để tâm trí ngày càng rộng lớn sáng suốt hơn.

4) Bồ-tát vấn minh: Nói về mười vị Bồ-tát như Văn Thù, Mục Thủ... mỗi vị thuyết một pháp tiêu biểu cho tâm phát khởi trí sáng của hàng mười tín.

5) Tịnh hạnh: Nói về một trăm bốn mươi nguyện là hạnh nguyện của hàng lòng tin thanh tịnh.

6) Hiền Thủ: Nói về Tam muội của Như Lai có tên là Phương Võng, không phân biệt giống khác, khiến cho người có lòng tin tu tập, khi thực hành trọn vẹn sẽ đạt pháp này, đều có thần thông công dụng lớn. Sáu phần này là pháp môn thành tựu mười tín. Lại nữa, ở phần đầu của hội thứ hai có chép: Lúc bấy giờ đức Thế Tôn ở Bồ Đề đạo tràng, nơi thanh tịnh, thuộc nước Ma Kiệt Đề thành tựu Thánh giáo. Phần đầu của Phẩm mười định và phẩm lìa thế gian đều có câu nầy. Đó là vì ở Bồ

Đề đạo tràng, Diệu Phổ Quang Minh của Hội thứ nhứt, phẩm mười định, phẩm lìa thế gian của hội thứ hai đều có kể lại thứ này. Nghĩa là kinh giáo này lấy trí sáng suốt thể của sự thành tựu chánh giác. Vì trí không có tánh dài ngắn, xưa nay. Giáo pháp trước sau là có biểu hiện sự thăng tiến khác nhau nên phân bộ khác nhau. Thời gian nói pháp không ngoài một niệm, âm thinh thuyết pháp không ngoài một âm thinh là biểu hiện cho toàn bộ kinh này dùng Trí căn bản làm Thể. Vì vô số pháp sai khác ấy không ngoài một pháp giới, một khoảng thời gian, một nháy mắt, nào có xưa nay. Tất cả đếu từ một âm thinh. Ở các lần lên trời cũng có chép: không rời Diệu Phổ Quang Minh của Bồ Đề đạo tràng mà lên các cõi trời Đao Lợi, Dạ Ma... Vì vọng thức của chúng sinh thế gian nên giả đặt có xưa nay, dài ngắn. Một khi hết mê, trí sáng biểu hiện thì không còn sự thấy biết như thế. Vì vậy trong kinh nêu: Trí có trong ba đời, không đến đi. Trí thấy hiện nay cũng chính là trí của các đức Phật ba đời xưa nay cùng lúc thành Phật. Thấy tất cả chúng sinh không có tướng chúng sinh, đều cùng một Trí. Vì vậy trong kinh chép: tâm Phật tâm chúng sinh, tâm mình đều không sai khác. Nói chung là dùng Trí sáng suốt cùng khắp làm Thể của pháp giác ngộ. Sự thăng tiến tuy khác nhau nhưng không ngoài trí sáng đó. Thể của sự giác ngộ không lệ thuộc thời gian, cứ thế trình bày bốn lần. Vì vậy khi nào cũng có Văn Thù Sư Lợi nói kệ: Tích tắc quán sát vô số kiếp, không đến không đi cũng chẳng dừng, do vậy hiểu biết pháp ba đời, vượt qua phương tiện, thành mười lực. Đó là tự tin tu tập. Mười Bồ-tát như Văn Thù, Giác Thủ... là người tu hành thành tựu mười tín, mười thế giới sắc vàng, sắc hoa sen, sắc vi diệu... là tâm tin hiểu của hàng mười tín. Vì mười tín tâm đó là tâm sắc sanh diệt của hàng phàm phu phát lòng tin, thành tựu mười thắng giải. Thế giới hình sắc như quẻ Tiệm trong Kinh dịch nói: "Con chim Hồng tiến dần đến bờ nước..." là nói rõ về người mới vào đạo tăng trưởng lòng tin. Vì chim Hồng và Hạc trắng đều thuộc loài Hạc, có hình sắc tiêu biểu cho hàng tín thứ nhứt. Có chỗ nói: Vì toàn một màu trắng nen gọi là chim hồng. Mười trí Phật như trời không lay động, trí không ngăn ngại... là quả của tín tâm. Bài tụng của Văn Thù Sư Lợi và chín Bồ-tát như Giáo Thủ... thường là pháp tin. Ánh sáng tướng bánh xe dưới thân nhập là pháp mà hàng tín tâm quán sát, theo ánh sáng để điều phục tâm, dần dần làm cho tâm rộng lớn. Trong hội thứ nhất, ánh sáng đó được phóng từ lông trắng giữa chân mày chiếu soi mười phương. Hình dạng của nó giống như ánh sáng của châu báu hoặc như mây sáng. Khi quán sát như thế, lần thứ nhất quán ánh sáng châu

báu trong suốt soi chiếu ba ngàn Đại thiên cõi nước. Thứ hai quán sát ánh sáng soi khắp mười cõi Phật ở phương đông, phương nam, tây, bắc, bốn phương, trên dưới cũng vậy. Thứ ba quán ánh sáng soi chiếu trăm cõi Phật khắp mười phương. Thứ năm quán ánh sáng chiếu soi mười ngàn cõi Phật khắp mười phương. Thứ sáu quán ánh sáng chiếu soi mười ngàn cõi Phật ở phương đông rồi chiếu đến trăm ngàn cõi Phật. Thứ bảy quán ánh sáng xuyên qua trăm ngàn cõi nước, chiếu đến trăm vạn cõi nước ở phương đông. Thứ tám quán ánh sáng xuyên qua trăm vạn cõi nước chiếu đến một ức cõi nước ờ phương đông. Thứ chín, quán ánh sáng xuyên qua ức cõi nước. Chiếu đến mười ức cõi nước. Thứ mười, quán ánh sáng xuyên qua mười ức cõi nước, chiếu đến trăm ức cõi nước ở phương Đông, chiếu ngàn ức cõi, trăm ngàn ức cõi, cùng pháp giới, khắp hư không... vô số cõi nước không sao đếm được. Quán áng sáng cứ tuần tự chiếu khắp bốn hướng trên dưới hư không. Song ánh sáng này chỉ tích tắc đã chiếu soi khắp mười phương. Lại chiếu soi tâm quán ánh sáng không thể tướng, không thân tâm, thẳng trong ngoài, không ở giữa, ở bên, không lớn nhỏ, tất cả đều không. Đó là pháp thân. Pháp thân này thuộc tánh không tạo tác. Thể của nói không có một vật gì, chỉ là trí không nương tực, vốn là tánh hư không, không có xưa nay, thể sáng suốt luôn soi chiếu mười phương, không có gốc ngọn, không từ phương hướng nào cả, đó là trí căn bản, là trí thân. Tất cả chúng sinh đều có nhưng vì mê mờ nên không hiểu. Vì tham sân bám víu ngã và sở hữu của ngã, trôi nổi trong cõi ác sanh tử. Vì vọng tưởng chấp chặt, tự chuyển theo nghiệp không lo ai khác. Những ai có khả năng quán như vậy, khi sức chiếu không còn, trí huệ hiển hiện, không phải do tu tập sanh khởi. Hòa nhập được như thế là trụ nẻo phát tâm thứ nhất của mười trụ. Như Thiện Tài lên núi Diệu Phong, đến chỗ Tỳ kheo Đức Vân, đạt pháp trí sáng của Phật, được sanh trong nhà chánh trí như các đức Phật. Câu: Vừa phát tâm đã thành chánh giác chính là hòa nhập trí không tạo tác này. Người đã qua vị mười tín, vào vòng pháp trí Ba-la-mật của mười trụ. Như toi luyện vàng càng ngày càng sáng đẹp. Một vị đã bao hàm nhân quả của năm vị, hạnh nghiệp quả năm vị cũng là hạnh nghiệp của một vị. Vì người ở trụ thứ nhứt đã khế hợp với trí căn bản. Thời gian không thay đổi, trí huệ chẳng khác sai. Nhưng trong quá trình ấy sự tăng tiến dần tinh tế hơn. Đến trụ thứ sáu của mười trụ. Tâm đạt thần thông biến hóa khôn lường. Như Thiện Tài đến chỗ Tỳ kheo Hải Tràng. Pháp này xưa nay chỉ do trí thấy biết, không do thức hiểu biết của thế gian. Câu: “Tâm thêm ánh sáng ngày thêm rộng lớn” có hai nghĩa: 1) Nhập

cảnh giới của Trí như hư không, không có khoảng cách. 2) Dùng trí hành từ bi, độ thoát chúng sinh. Lại như cảnh giới trí không giới hạn. Như phần tụng phẩm Quang Minh Giác có câu: Nhìn thấy chúng sinh ở cõi ác, luôn bị khổ đau, sanh, già, tu tập vô số pháp phương tiện, độ thoát tất cả là hạnh nghiệp. Nghe pháp tin hiểu không nghi ngờ, hiểu pháp vắng lặng không kinh sợ, tùy thuận cõi khắp mười phương, cứu độ chúng sinh là hạnh nghiệp. Như vậy thì ánh sáng dẫn dắt tâm, làm cho tâm trở về với cái sẵn có, hiển hiện cảnh giới trí huệ rộng lớn. Như trong phần Tịnh Hạnh có chép: Nhờ chúng sinh thành tựu hạnh từ bi lớn của một trăm bốn mươi hạnh nguyện lớn, còn làm cho hạnh nguyện đó sâu xa bền chắc, hoàn toàn không nghĩ thoát khổ riêng mình. Vì thế hàng mười tín mở rộng tâm như hư không, đi khắp cõi nước trong mười phương, không bỏ một chúng sinh nào. Dù chúng sinh dễ độ hay khó độ vẫn không xa lánh. Tất cả những ai mới phát tâm Bồ Đề thì phải có tâm nguyện như vậy. Phải có tâm vững chải mới tùy thuận chí nguyện, mong đạt nhứt thiết trí, đi lại trong sáu đường, ba cõi, mười phương tùy khả năng và sở thích của chúng sinh hiện thân hình dẫn dắt chúng để chúng được giải thoát. Từ tín tâm phát khởi hạnh nguyện, xem chúng sinh như Phật vì tất cả chúng sinh đều có nhân sanh khởi trí Phật. Đều ở trong biển trí của Phật. Những ai không còn mê mờ thì không thấy Phật mới thành, không thấy hết chúng sinh, vì pháp không thêm bớt, pháp không có chúng sinh, trí huệ không thành hoại, chỉ do nên ngộ nên thấy khác nhau. Những ai không còn mê mờ thì không thấy có Phật mới thành, cũng chẳng thấy có chúng sinh cũ vì trí huệ không có củ mới. Thấy tất cả chúng sinh như tướng hư giả, không có gốc ngọn, như người giả không có sống chết, gốc ngọn. Chỉ dùng trí không nương tựa để phân biệt, làm cho chúng thấy thể chân thật, chẳng thấy có phải, trái, đó là nhập tri kiến Phật. Vì vậy trong kinh có câu: Pháp trụ, Pháp vị này là tướng thường của thế gian. An trụ nơi pháp vị ấy mới biết rõ tâm không có bụi nhơ. Nếu ai thấy có phải trái thì thấy biết bằng hình thức rối loạn, biết bao giờ nhập đạo? Sẽ trôi dạt mãi mãi. Hãy suy xét kỹ để làm việc lợi ích, như trong kinh nói: Ở phương đông cách vô số cõi nước bằng số bụi của mười cõi Phật có cõi nước tên Kim Sắc, đức Phật tên bất Động Trí. Đó là biểu hiện cho hàng mới phát tâm làm lành, tâm giác ngộ vừa sanh khởi. Phương đông tiêu biểu cho sự tốt lành vui vẻ, mặt trời mùa xuân vừa lên, vạn vật sanh khởi. Đức thiện Động Trí nghĩa là phương tây chấn động. Ngay trong sự lay động đó là trí Bất động. Vì vậy câu: Cách vô số cõi nước bằng số bụi mười cõi Phật, có nước tên

Kim Sắc”, nói về sự mê mờ tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến. Cách vô số cõi nước bằng số bụi trong mười cõi Phật., là tiêu biểu cho phiền não chướng nhiều. Trí bất động căn bản: Vọng tưởng là động, là tự đắm chìm. Nếu luận về cõi Phật thì không có sư phân biệt ở giữa hay biên giới, làm gì có xa gần? Chỉ vì tình thức ngăn ngại nên thấy có xa gần. Nhờ hiểu được vọng tình vốn không nên có cõi nước tên Kim Sắc. Kim được biểu hiện bằng màu trắng, là trong suốt không nhơ, tiêu biểu cho pháp thân trong sạch có từ trí sáng bất động.

Hỏi: Kim được tượng trưng cho phương tây, vì sao ở đây lại nói phương đông có thế giới tên Kim Sắc?

Đáp: Vì Kim nhận khí sắc từ can dần, tượng thai thì can mão. Nghĩa là hàng mười tín như bào thai. Bồ-tát đứng đầu tên Văn Thù Sư Lợi là hiểu rõ vô minh vốn không tánh. Vì hiển hiện công dụng của trí nên có tên là Văn Thù Sư Lợi. Ở đây nói pháp thân không tướng, trí huệ màu nhiệm như hư không là biểu hiện sự chỉ đạo của trí căn bản. Văn Thù là thầy, là mẹ của tất cả các đức Phật. Thánh trí nhứt thiết ấy như trí trống không. Sanh khởi từ trí trống không ấy nên nơi nào cũng là cõi Kim Sắc, ơ đâu cũng là Phật Bất Động Trí, ở đâu cũng là Văn Thù Sư Lợi. Khi nào hết mê, không còn bụi trần, trí huệ bừng sáng, cảnh trí mười phương đều là Thánh pháp. Tất cả đều có từ công dụng của trí, của pháp nên gọi là Trí bất động, vì vậy nói nơi nào cũng là trí bất động. Từ trí trống rỗng biểu hiện lý này nên nói nơi nào cũng là Văn Thù. Bồ-tát Văn Thù cùng vô số Bồ-tát đến chỗ Phật là tiêu biểu trí căn bản, huệ mầu nhiệm siêu vượt cùng một thể dụng. Đến chỗ Phật tùy thuận cung kính nghĩa là hàng mới phát tâm dùng trí mầu nhiệm trống rỗng phân biệt. Trí căn bản hiển hiện, hành động phải bằng trí. Đến chỗ Phật, lạy Phật, ở phương đông hóa ra toà sư tử bằng hoa sen là biểu hiện trí phát sanh, dùng tâm trong sạch làm thể của tòa, trí cảnh trong sạch dung hợp muôn đức. Không đắm nhiễm là hoa sen. Đi lại trong sanh tử lo sợ ma không lo sợ là sư tử. Từ quả báo thanh tịnh của trí thể có vô số phước đức trang nghiêm như ánh sáng bóng hình, lớp lớp không ngăn ngại. Tất cả đều có sự trang nghiêm ấy. Ở đây nói biến hóa là để dắt dẫn chúng sanh, hàng mười tín mong đạt thật báo. Dù không nói là biến hóa nó vẫn luôn như vậy, không đến, không đi, như thế, làm cho người có lòng tin, tin mình có mười trí. Mười cõi nước đâu cũng là Bất động trí, là Văn Thù Sư Lợi, là trí sai biệt của Phổ Hiền. Ba pháp này là Thể của giáo pháp, người tu hành nên học theo. Trụ thứ nhứt chủ yếu là tu

bố thí Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Ở đây chỉ kể lại một pháp, chín pháp kia đã nói rõ trong luận. Tất cả đều tùy thuận nghĩa của phương hướng, biểu hiện cho sự thăng tiến. Tất cả kinh sách trong ngoài đều là để mọi người tự học tập thực hành, không thể vượt bậc suy tìm mà hợp với Hiền Thánh được. Các bậc Thánh không do giáo hóa, bản tánh vốn vậy. Đã nói xong mười tín. Còn mười trí Phật, mười Bồ-tát như văn thù... chỉ nói một pháp hợp với công dụng của quả Phật, trí huệ sâu mầu, hạnh nguyện từ bi. Trong sáu phẩm lấy mười trí Phật làm thể của tín tâm nên gọi là mười tín. Phương tiện trong mười tín là quán pháp vào đạo. Nhờ ánh sáng của tướng bánh xe dưới chân Phật dắt dẫn tâm dần dần rộng lớn. Đó là phương tiện đưa hàng mười tín vào Thánh vị. Những ai mong muốn, hãy nương pháp quán sát (Tuần tự như trước).

PHẦN B

Thứ Ba: Nhập vị khế chơn, hội Phật trí huệ: Như hàng mười trụ dùng việc lên đỉnh núi Tu Di để tiêu biểu. Đỉnh núi là nơi cao nhất. Thiện Tài lên đỉnh núi Diệu Phong cũng thế, đạt pháp, thấy tất cả pháp bằng trí sáng của Phật. Nêu nơi chốn biểu hiện đạo mà tâm tiến tu. Lên đỉnh núi ví như từ tín tâm hữu vi của hàng mười tín lên mười địa, trí trống không biểu hiện, thấu rõ tất cả cảnh giới của tâm. Thấy pháp bằng trí sáng là biểu hiện cho trí sáng không hình tướng, phá trừ bóng tối cố chấp lâu đời mãi trôi lăn trong sanh tử khổ đau. Giờ đây đạt vị này, trí chơn không hiển hiện, vô minh hoặc chướng kiên cố lâu đời phút chốc tan biến ví như lên đỉnh núi. Khi đạt tuệ sáng cùng tột, công sức không cần lên núi. Ở đây mượn nơi chốn để biểu hiện cho pháp tức là lấy việc lên núi Tu Di để biểu hiện. Trong đó nói về người thăng tiến đạt pháp, lấy pháp đạt được để đặt tên. Vì thế mười Bồ-tát đều có tên là Tuệ. Bồ-tát Pháp Tuệ là người đứng đầu. Mười đức Phật đều có tên là Nguyệt Phật có tên Thù Đặc Nguyệt là người đứng đầu. Đó là nói ánh sáng trí tuệ không hình tướng, xua tan sự nóng bức của phiền não tham sân si từ vô thỉ, được vui mát mả nên đức Phật có tên Thù Đặc Nguyệt. Mười Bồ-tát có tên Tuệ là người tu tập vị này. Mười cõi nước có tên là Hoa là tâm khai phát trí huệ vi diệu, là quả thanh tịnh của mười Ba-la-mật, tùy thuận tu tập mười Ba-la-mật. Sự phối hợp ở sau đều có ý nghĩa. Như Thù Đặc Nguyệt phối hợp với bố thí Ba-la-mật. Vì bố thí chính là xả bỏ. Nghĩa là vị nầy nhập trí chơn không xả bỏ vô minh phiền não nóng bức và nghiệp chướng lâu dày. Đó là sự phối hợp giữa Phật Thù Đặc Nguyệt và Trụ thứ nhứt. Vị này chủ yếu là tu bố thí Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Phật Vô Tận Nguyệt tiêu biểu cho pháp thân không hình tướng, là thể của giới, không có sự thành hoại, một lần lãnh thọ luôn luôn đều như vậy nên gọi là Phật Vô Tận Nguyệt. Vì thể của nhẩn như hư không, tâm không lay động nên tiêu biểu nơi Phật Bất Động Nguyệt. Trí chơn không của vị này càng sáng, luôn dùng trí chơn không quán sát các pháp, dần được sáng tịnh. Đó là tinh tấn. Ví như thể của gió vốn không nhưng có thể tạo ra các pháp thành hoại nên có Phật tên Phong Nguyệt. Nhờ thiền định thân tâm an lạc, làm sạch cấu nhơ nên có Phật tên Thủy Nguyệt. Nhờ trí biết đúng, có cõi nước tên Nhân Đà La Hoa (Nhân Đà La Trung Quốc dịch là người Chủ), nghĩa là dùng trí chơn không sáng suốt dắt dẫn chúng sanh, khai mở mắt tuệ sáng suốt. Cõi nước tên Ba Đầu Ma Hoa (Trung Hoa

dịch là hoa sen đỏ), nhờ giới thể, bên trong tịch tĩnh, nhờ giới tướng bên ngoài trang nghiêm, người thấy phát sanh pháp lành. Dùng màu đỏ tiêu biểu cho pháp ai thấy cũng thích xem. Ý của mười Ba-la-mật sau đều có nghĩa không. Hoa là chỉ cho vị này diệt hết tham sân si, trí tuệ khai mở (giải thích sơ lược như vậy, trong luận ban đã nêu rõ). Bồ-tát Pháp Huệ nhập Tam muội vô lượng phương tiện, vì tâm chuyên nhất, vọng niệm không còn, cảnh giới không còn. Cảnh giới không còn, trí huệ phát khởi. Nhờ diệu lực từ thiền định, ngoài số cõi nước bằng số bụi trong ngàn cõi Phật có số Phật bằng số bụi trong ngàn cõi Phật, đều cũng có tên Pháp Huệ. Các đức Phật đều hiện ra trước, an ủi khen ngợi, đưa tay xoa đầu Bồ-tát Pháp Huệ. Nghĩa là với kẻ mê mờ thì không biết số bụi trong ngàn cõi Phật nên nói là bên ngoài. Với người thanh tịnh bằng sức của thiền định thì vô số phiền não vô minh đều thanh tịnh, đều trở thành trí huệ, vô số trí huệ bằng số bụi trong ngàn cõi Phật hiển hiện. Đó là nhờ thiền định có huệ và là lúc định huệ hòa hợp, vô số Phật Pháp Huệ hiện ra đưa tay xoa đầu là định huệ hợp nhứt. Khen ngợi nghĩa là từ trí phát lời vi diệu. Trí do định sanh nên khen tâm định. Truyền trao trí cho Bồ-tát Pháp Huệ là công dụng không rời định khác với không định không huệ của nhị thừa. Trao tri cho hàng mười tín không nhập định nhưng thuyết pháp, vì tín là tâm sanh diệt, chưa nhập chánh vị. Định của vị này, không phải là định dừng tâm mà định tự tại, không dụng công, vốn thanh tịnh. Vì các pháp đều là định, công dụng tịch nhiên không ngăn ngại. Giống như nói Thiện Tài lên đỉnh núi khác gặp Tỳ kheo Đức Vân thiền hành. Núi mình ở là dừng tâm, không loạn động, có nương định. Ở núi khác thiền hành là công dụng tự tại, không có loạn định, cũng chẳng nương định. Đó mới là định. Định này vượt qua định chế phục tâm, nhập trí sáng của Phật. Tất cả định đạt bằng cách nhiếp tâm đều tùy theo sự sâu cạn mà phân thành định cõi sắc, định cõi vô sắc. Chấm dứt nghiệp ba cõi, tâm như hư không, phiền não hết, không sanh trong ba cõi, không có trí huệ lớn, đạt an lạc Niết-bàn là định của Thanh văn. Định của mười trụ không như thế. Vì tất cả pháp vốn là định, đều có khả năng phát sanh trí huệ, làm cho trí ngày càng sáng, thể của nó không mất nhưng phát sanh vô số huệ. Khi thành tựu trí huệ, dù ở mãi trong sanh tử nhưng không khiến hư hoại bản tánh, không tạo nghiệp. Vị này lên núi Tu Di, đến cung Đế Thích có hai nghĩa: 1) Như Lai thành đạo đi khắp mọi nơi; 2) Sự thăng tiến của mười trụ. Mượn nơi chốn để biểu hiện pháp. Câu: "Từ xa Đế Thích thấy Phật đi đến" là hàng mười tín phát tâm hướng đến mười trụ. Vì

lòng tin chưa thật khế hợp với trí của mười trụ. Câu: “Từ xa thấy Phật đến, liền dùng thần lực trang nghiêm cung diện” là sự suy xét của tâm. Bày tòa Sư tử trong điện Phổ Quang Minh chính là an định thân tâm, nhập định tự tánh vốn thanh tịnh không tạo tác, tóm thâu muôn cảnh, nơi nào cũng thanh tịnh vì thể hội được trí huệ vốn có nên có tòa Sư tử trong điện Phổ Quang Minh. Ở trong sanh tử, tâm lo sợ là Sư tử. Điện ấy được làm bằng ngọc quí là trang nghiêm bằng định huệ. Trí sáng vượt vô số phiền não. Mười ngàn bực cấp: Sự thăng tiến là bậc cấp (trong bản luận đã nói rõ) ở đây chỉ nói sơ lược. Đức Phật vào điện là định huệ hợp nhứt. Có sáu phẩm kinh nói về sự thành tựu mười trụ. Phẩm lên núi Tu Di là từ mười tín tiến lên. Phẩm nói kệ khen ngợi là biểu hiện các đức Phật xưa kia cũng nhập pháp này. Pháp xưa nay giống nhau để người chứng nhập không nghi ngờ. Phẩm mười trụ nói về mười trụ tức là mười cách thăng tiến đều lấy Ba-la-mật làm thể, trong một đủ mười, đan xen lẫn nhau, trong mười có trăm, năm vị đều như thế. Phẩm phạm hạnh là nói về giới thể, là tánh không có thành hoại. Phẩm phát tâm công đức thứ năm nói về người phát tâm rộng lớn không hạn lượng, lợi ích nhiều, được vô số công đức, hợp với tâm lượng, ngang bằng hư không. Tác giả nói kệ: Hư không tuy rộng không biên giới, không thể tạo ra các công đức, trí bi giác ngộ như hư không, nhưng lại tạo ra vô số đức. Trong phần tụng của kinh có câu: Chỉ phút chốc cúng dường vô số Phật, cung cấp nuôi dưỡng bao chúng sanh, nào là hoa thơm hoa thật đẹp, cờ phướn dù lộng quí báu, y phục đẹp, thức ăn, tòa báu, nơi thiền hành, tất cả cung điện đều lộng lẫy, ánh sáng rực rỡ, ngọc châu quí, Ma ni Như ý sáng long lanh, bất cứ lúc nào cũng như vậy, trải qua vô số kiếp khôn lường, phước đức người nầy tuy nhiều đấy, nhưng thật không bằng đức phát tâm. Đó là nói người tu tập đức hữu vi tuy không thể lường được, nhưng chỉ một tâm niệm ác độc cũng có thể làm tiêu tan tất cả. Cho dù tồn tại trong một kiếp, cuối cùng vẫn bị hư hoại. Người phát tâm Bồ Đề, trí vô vi biểu hiện bi trí hợp nhứt thì trong nháy mắt, được công đức hơn cả hư không, không thể đo lường được. Hư không chỉ là trống rỗng, chẳng có phước lành, không có bi trí, không có công đức. Trí sáng suốt rộng lớn là thể của giác ngộ nên công đức mới phát tâm không thể lường được. Nếu không hiểu thể của trí huệ thì tạo nghiệp cõi ác. Tất cả đều do mình tạo ra. Còn như phát tâm trong nháy mắt, trí không hiển hiện. Vì trí vốn thanh tịnh nên hạnh nghiệp có vô số công đức, huống gì công đức của hành động bằng bi trí rộng lớn, tạo lợi ích cho tất cả chúng sanh, có thể lường được sao? Người phát tâm phải

phát tâm cầu giác ngộ như vậy, phải mở rộng tâm như vậy, thệ độ tất cả chúng sanh, nhờ đó công đức không bao giờ tổn mất. Hãy tu tập theo đó thì công đức không uổng phí. Nếu phát tâm mà không dựa vào pháp nào thì cuối cùng sẽ đến đâu? Tuy biết phát tâm nhưng không biết phát tâm bằng cách nào, cầu tiến như thế nào? Như nói mười hạnh ở cõi Dạ Ma có hai ý: 1) Nói về thân nghiệp của Như Lai đem lại lợi ích cho tất cả chúng sanh. 2) Nói mười hạnh hơn những vị trước.

Lại nói cõi này ở trong hư không nghĩa là mười trụ nhờ đạt pháp trống không, bi trí hợp nhứt. Vị này nương pháp trống không để hành động nghĩa là hành động nhưng không bám víu. Mười hạnh được thuyết ở cõi Dạ ma vì cõi Dạ ma trụ trong hư không. Tòa Sư tử có vạn bậc cấp là biểu hiện đến vị kiến đạo, trí huệ rộng lớn, hết nghiệp phiền não, là thể chất của tòa Sư tử ở điện Phổ Quang Minh, vị này hóa ra tòa Sư tử bằng hoa sen báu. Vì nương pháp trống không để hành động nên nói hóa ra. Vì hạnh trống không, không đắm nhiễm nên có tên là hoa sen. Mười Bồ-tát sau đều có tên là Lâm, Bồ-tát Công Đức Lâm là người đứng đầu. Lâm nghĩa là mười hạnh có khả năng che chở cho chúng sanh. Mười đức Phật đều có tên là Nhẫn, Phật Thường Trụ Nhẫn là người đứng đầu. Mười cõi nước đều có tên là Huệ. Mười Bồ-tát có tên Lâm là người tu hành. Mười cõi nước có tên là Huệ là trí của người tu hành. Mười đức Phật có tên Nhẫn là nói người tu hành dùng trí biết khả năng của chúng sanh để làm lợi ích cho chúng sanh. Đó là pháp nhân quả tùy theo địa vị. Các việc khác như trước. Có bốn phẩm kinh nói về vị này, là pháp môn của vị này. 1) Phẩm lên cõi Dạ Ma nói về sự thăng tiến. 2) Ở cõi Dạ Ma nói kê khen ngợi: Nói về các đức Phật từ xưa đến nay đều nhập pháp này. 3) Phẩm mười hanh nói về hạnh nghiệp mà vị này thực hành. 4) Phẩm mười tạng không cùng tân nói về tín, giới, tàm, quí, văn, thí, huệ, niệm, trì, biện. Mười hồi hướng có ba phẩm, là pháp môn thành tựu vị hồi hướng. 1) Lên cõi Đâu Suất nói về sự thăng tiến. 2) Ở cõi Đâu Suất nói kệ khen ngợi, nói về các đức Phật xưa nay tuy có trí lớn, bi lớn nhưng lại nhưng lại là trí trồng rỗng, phần nhiều là trí ra khỏi đời. Vị này chuyển tâm ra khỏi đời của mười trụ, mười hạnh, vào trong sanh tử, nuôi lớn từ bi. Vì thế trong những thiện tri thức của Thiện Tài, ngng đầu của mười trụ, mười hạnh là Tỳ kheo, còn ở vị này, người đứng đầu lại là người thế tục. Trưởng giả Thanh Liên Hoa. Điều đó nói lên tâm giải thoát ra khỏi sanh tử, lại vào sanh tử, nuôi lớn hạnh từ bi, ở trong sanh tử mà không đắm nhiễm. Nên trong vị hồi hướng này, thiện tri thức đầu của Thiện Tài là trưởng giả Thanh Liên Hoa. Người thế tục.

Ở hai vị trước, nghinh đón đệ tử Phật chỉ có đại chúng cõi trời, không có người nữ, nghĩa là chỉ đạt trí huệ từ bi xuất thế gian, chưa đạt đức từ bi vào trong sanh tử, cùng sống với chúng sanh, làm việc lợi ích nên không có thiên nữ. Mười hồi hướng vào trong sanh tử hành hạnh từ bi, nên có đủ vô số chúng như thiên nữ, long thần... tám bộ (trong bản luận đã nói rõ) ở đây chỉ nói sơ lược để người phát tâm biết pháp và hướng đi đúng đắn, biết nhân quả. Thiên vương cõi Đâu Suất đặt tòa Sư tử Ma Ni tạng trăm vạn ức bậc cấp: Vị này ở trong sanh tử thành tựu hạnh từ bi, vượt tâm xuất thế của những vị trước. Vì thế tòa được trang sức bằng vô số châu báu, trăm vạn ức bậc cấp. Vị hồi hướng này ở trong giải thoát, phát trí nghĩ đến việc làm lợi ích cho chúng sanh và hạnh nguyện rộng lớn, thành tựu đạo Phổ Hiền đem lại lợi lạc cho vô số chúng sanh, dùng tâm trí giải thoát, ở trong sanh tử, hiểu sanh tử vốn là giải thoát, như Sư tử Chúa tự tại độ thoát tất cả chúng sanh, không dừng nghỉ. Mười địa và đẳng giáo đầy đủ nguyện lớn của mười hồi hướng nghĩa là không có gì sai khác. Vì thế khi nói về mười địa, không nói từ xa nhìn thấy, đi đến đón Phật... tức là đầy đủ nguyện lớn như vị này. Vị này được nói ở cõi Đâu Suất nghĩa là trí bi hợp nhất viên mãn. Cõi trời này tiêu biểu cho nghĩa Trung đạo. Vì nó ở khoảng giữa của cõi Dục. Phía dưới nó có cõi Đao Lợi, Dạ Ma, phía trên nó có cõi Hóa Lạc, Tha Hóa. Tất cả các đức Phật đều từ cõi này thị hiện việc ra đời, xuống trần như người phát tâm Bồ Đề biết rõ ý kinh để tu hành.

Hỏi: Mười hồi hướng đã vượt qua mười trụ, mười hạnh, mà mỗi vị này đều có mười pháp, tức là đều do biết tự tánh các pháp vốn không, không hình tướng, không tính chất nên trí huệ hiện tiền. Đến vị hồi hướng phát khởi vô số nguyện lớn, nghĩ đến vô số chúng sanh, phát khởi trí bi, đó không phải là tâm sanh diệt sao? Làm sao hợp đạo được?

Tác giả dùng kệ đáp: Mười trụ, mười hạnh là sơ tâm, nhờ duyên chơn như nên tăng trưởng, vì muốn đoạn trừ tập khí đó, nên phát nguyện lớn xin hồi hướng, thông đạt sanh diệt không sanh khởi, phát nguyện thương yêu không sanh diệt. Biết rõ thế gian là sanh diệt, nghi nhớ chúng sanh đều bằng trí, sơ tâm định huệ thường duyên chơn, vị này khởi nguyện biết nguồn gốc. Người biết nguồn gốc ở trong đời, đi lại ba cõi như Sư tử, như thế mới thường ở thế gian, độ thoát chúng sanh không ngừng nghĩ. Vì thế thành tựu đầy đủ mười địa, hòa nhập hạnh Phổ Hiền, dùng vô số Tam muội tìm Bồ-tát Phổ Hiền nhưng cuối cùng chẳng thấy được. Song chỉ cần nghĩ đến là có thể thấy. Bồ-tát Phổ Hiền đang ở chỗ các đức Phật mười phương, ngồi tòa hoa sen, hoặc từ nơi khác đến (Rõ

như phẩm mười định). Hàng mười địa còn có chướng ngại của Niết-bàn tam muội, huống gì mười trụ mười hạnh? Vì thế phải phát khởi nguyện lớn, thành tựu hạnh Phổ Hiền, vào trong sáu đường sanh tử, ở tất cả mọi nơi, dùng mọi phương pháp, phát khởi vô số nguyện, độ thoát vô số chúng sanh, suy xét phân biệt thành tựu vô số trí huệ ở bất cứ nơi nào cũng vậy. Chỉ có pháp không sanh mới trọn đủ công hạnh. Vô số phàm ngu và những người được tướng đẹp của Như Lai đều thuộc phàm phu. Chỉ có Phật mới là người rốt ráo. Phần một trong mười địa và mười định trong vị Đẳng giác đều nương hạnh nguyện của mười hồi hướng mà tu tập trọn vẹn đạo Phổ Hiền. Đó là pháp của sự thăng tiến, được thuyết giảng ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Mượn nơi chốn tiêu biểu cho pháp. Vì cõi trời tha hóa xem sự biến hóa của người khác mà vui. Cõi này còn gọi là cõi Thích sự biến hóa. Vui thích sự biến hóa của người khác, nghĩa là đạo nghiệp của Bồ-tát mười địa tu tập điều ấy. Việc đem lại niềm vui cho chúng sanh làm niềm vui cho mình. Địa này có ba mươi tám Bồ-tát, đứng đầu thành tịnh pháp mười địa. Ba mươi bảy Bồ-tát ban đầu có tên là Tạng. Bồ-tát Kim Cang Tạng là người đứng đầu. Còn một Bồ-tát tên là Giải thoát Nguyệt, ba mươi bảy Bồ-tát đều có tên là Tạng tiêu biểu cho ba mươi bảy phẩm Bồ Đề, là đạo nghiệp của tất cả Bồ-tát đều thành tựu, cũng chính là pháp để thành tựu Chánh đẳng giác. Bảy Bồ-tát tên Giải thoát Nguyệt chính là quả trong ba mươi bảy phẩm đó. Trong mười địa, Bồ-tát Giải thoát Nguyệt là người hỏi, Bồ-tát Kim Cang tạng là người thuyết pháp mười địa. Đó là nhân quả vốn sẵn có hỏi đáp. Những người khác không thể hiểu biết được. Ví như Địa Hoan Hỉ thứ năm, vì thấy sắc thân Như Lai và nghe pháp Phật nên luôn vui vẻ (Rõ như trong kinh). Vị này chủ yếu là tu Bố thí Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu, chỉ tùy thuận tu tập. Nhờ nghe pháp nên có thể ban cho cả thân mạng tài vật, không còn năm lo sợ: Sợ không sống, sợ đường ác, sợ uy đức đại chúng... Quán sát không có thật ngã vì không có nghiệp này. Sáu tướng chung riêng giống khác thành hoại của địa thứ năm đã bao hàm nghĩa mười địa và Như Lai. Phải biết rõ sự giống khác ấy, cho đến đem tất cả cõi nước nhập vào một cõi nước, như lưới của Đế Thích, tự tại không ngăn ngại. Tất cả pháp đều có sáu tướng, ở đây chỉ nêu một môn lưới báu của Đế Thích, các việc khác đều chuẩn theo đây. Trong cung của Đế Thích có lưới báu. Lưới này được làm bằng ngọc đẹp của cõi trời, ánh sáng giao thoa, trong mỗi hạt ngọc ảnh hiện vô số hạt ngọc. Vua Đế Thích, quyế thuộc của Vua, cung điện xinh đẹp... đều ảnh hiện trong đó. Mượn hình ảnh này để biểu hiện

cho cảnh giới của tâm ngang bằng hư không, không có các tướng trong ngoài, ở giữa, một bên. Tất cả cảnh giới đều như sự huyễn hóa, vốn ảnh hiện qua lại không ngăn ngại. Chỉ vì tâm chúng sanh hư vọng nên tạo nghiệp chấp chặt, tự ngăn che nên không biết. Nếu không vì nghiệp thì nó vốn như vậy, tất cả cảnh giới ảnh hiện lẩn nhau. Chỉ cần một thân trí này, cùng lúc ở khắp mọi nơi, biểu hiện trước chúng sanh, tùy thuận hiện thân hình, tùy thuận thuyết pháp làm cho chúng giải thoát, đạt an lạc. Những chúng sanh chưa đủ khả năng thì dùng phương tiện dẫn dắt. Vì trí không ở bên trong cũng chẳng ở bên ngoài. Tất cả các cảnh giới, chúng sanh đều cùng một tâm. Bồ-tát địa thứ nhứt biết đạo lý này, phát nguyện rộng lớn nên sớm đạt hạnh bi trí cao cả. Lại nữa, Bồ-tát địa thứ nhứt học tất cả pháp của mười địa và Như Lai địa, biết rõ pháp chung riêng giống khác mới dần tu tập thuần thục. Nếu trải qua vô số kiếp tu-ần tự tu tập mà tâm không lay chuyển là vì trí không có ba đời xưa nay, cũng chẳng thay đổi. Công dụng của Trí nơi mười địa đều thù thắng là riêng. Không có gì ngoài trí căn bản, cũng chẳng có xưa nay, từ trước đến giờ vốn vậy là chung. Thể của tâm tu tập và cảnh giới đều không tạo tác là giống. Mỗi vị đều khiến cho nghiệp chướng thanh tịnh, công dụng trí huệ tăng trưởng là thành. Mỗi vị tu tập nhưng không thấy có sự tu tập, không thấy thành tựu, không thấy có Bồ Đề, Niết-bàn... là hoại. Hơn nữa thân người do mắt, tai, lưỡi, tay, chân, xương, khớp tạo thành là chung. Tuy cùng một tâm nhưng tùy nghiệp dụng khác nhau nên có tướng riêng. Song tất cả đều do bốn đại đất, nước, gió, lửa tạo thành là giống. Sáu căn có tác dụng khác nhau là khác. Do nghiệp có thân là thành. Tất cả pháp đều có sáu tướng này, đều có sáu việc, dùng trí quán sát sẽ biết được. Mười Huyền môn cũng thế (đã nói ở trước). Kinh Hoa Nghiêm mười môn này để biểu hiện cho pháp không cùng tận, dùng trí quán sát sẽ thấy được.

1) Ở đây, Bồ-tát nơi địa hoan hỉ tu tập tất cả pháp của mười địa, quả Phật và hạnh nguyện luôn tạo lợi ích cho chúng sanh của Phổ Hiền. Vị này biết tất cả pháp, nghĩa là nhờ biết quả mới có thể tu tập. Như người đời muốn làm việc gì trước phải tạo mô hình mẩu. Như pháp bố thí là pháp đầu của mười Ba-la-mật. Lại như luyện vàng phải từ thỏi vàng luyện dần dần sáng đẹp, sau mới làm đồ trang sức trên Vương Miện của Chuyển Luân.

2) Địa Ly cấu chủ yếu là tu giới Ba-la-mật để trừ hoặc nghiệp nơi cõi Dục.

3) Địa Phát Quang chủ yếu là tu nhẫn Ba-la-mật để trừ phiền não

đắm trước thiền định nơi cõi sắc và vô sắc, nhập định tự tánh ba cõi thanh tịnh, bình đẳng, không tạo tác.

4) Địa Diệm Huệ tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, sanh vào nhà trí huệ Như Lai.

5) Địa Nan Thắng Quán bốn Đế, Chơn Đế, Tục Đế... hai mươi Đế.

6) Địa Hiện Tiền quán mười hai duyên sanh.

7) Địa Viễn Hành thành tựu phương tiện Ba-la-mật, không còn tu tập pháp không vô tướng, vô nguyện, luôn ở trong ba cõi, độ thoát chúng sanh (rõ như trong kinh). Có nghĩa là từ địa thứ năm đến địa thứ sáu tuy thường tu tập từ bi là chính, quán bốn Đế, mười hai duyên và giáo hóa chúng sanh nhưng luôn có tâm ra khỏi đời. Bồ-tát địa thứ bảy vì đạt ba pháp giải thoát: Không, vô tướng, vô nguyện nên luôn ở trong chúng sanh, độ thoát chúng sanh.

8) Địa Bất Động đạt tất cả pháp, nhẫn vô sanh và trí vô công hiển hiện, tâm luôn thanh tịnh, được các đức Phật ủng hộ, đưa tay xoa đầu, khuyên tu pháp phát khởi trí, khiến nhớ lại bổn nguyện, phát nguyện, thực hành tâm bi. Vì dùng trí vô công dụng tự tại tạo nghiệp nên phước đức đạt được Bồ-tát từ địa thứ nhứt đến địa thứ bảy không sao sánh được một phần trong trong vô số trăm ngàn ức phần (việc khuyên tu có bảy lần, đã nói rõ trong kinh).

9) Địa Thiện Huệ tự tại thuyết giảng giáo pháp.

10) Địa Pháp Vân lãnh thọ vị Nhứt thiết trí, ngồi trên hoa sen lớn bằng trăm vạn Tam thiên đại thiên cõi nước. Được trang sức đan xen các vật báu, hơn tất cả cảnh giới thế gian, phát khởi căn lành xuất thế, biết tánh các pháp như huyễn, do các duyên tạo thành, thường phóng ánh sáng chiếu soi các pháp. Xung quanh có vô số hoa sen bằng số bụi trong ba ngàn đại thiên thế giới, vô số Bồ-tát là bạn ngồi trên những hoa sen ấy. Đó là cảnh giới bi trí của Nhứt thừa giáo. Vị này phát tâm rộng lớn, lãnh thọ vị cao tột. Khác với sự lãnh thọ của Bồ-tát mười địa quyền biến trong ba thừa giáo, Hoa sen chỉ bằng một Tam thiên đại thiên thế giới. Vì tâm tin hiểu của Bồ-tát ba thừa hẹp hòi, sự hiểu biết của Bồ-tát mười địa ấy cũng còn hẹp hòi. Cảnh giới trí huệ Tỳ-lô-giá-na ở đây chỉ bằng một tam thiên đại thiên thế giới. Đó là vì khả năng hiểu biết khác nhau. Trong cảnh giới trí Như Lai của giáo pháp Nhứt thừa, tòa ngồi bằng pháp giới, hư không giới. Vì đó là cảm ứng của trí thật báo. Ở đây vì khả năng tin hiểu của mỗi người khác nhau. Nếu xét đến pháp cứu cánh chơn thật phải dùng trí huệ nhứt thừa làm tiêu

chuẩn. Những ai tin cảnh giới trí Như Lai của Nhứt thừa giáo để phát tâm, theo kinh này, lòng tin và trên hết. Vì mười cảnh giới, mười trí Như Lai vốn có trong tín. Văn Thù Sư Lợi là trí mầu nhiệm của chính mình, là tâm tin tưởng. Ở đây mười tín, mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng, mười địa, đẳng giác, Diệu giác đều lấy trí lớn sáng suốt sẵn có, pháp thân không hình tướng, trí sai biệt của Phổ Hiền làm thể tu tập. Sự hiểu biết và hạnh nguyện đều có từ Như Lai pháp giới. Phương tiện của năm vị thì vô số, chủ yếu là làm cho trí bi lớn được trọn vẹn sâu xa rộng lớn chơn thật (rõ như trong kinh). Các việc trong kinh nhiều nên khó ghi hết. Ở đây xin lược kể vài môn, khuyên những ai tu tập chưa trọn vẹn mà muốn tu tập thì dùng định huệ quán chiếu, tụng kinh, xem hạnh nguyện rộng lớn của Bồ-tát để không đi sai đường. Dù tu không được, chủng tử tin tưởng đã hình thành. Nhờ sức huân tập của lòng tin, dần phát trí nguyện không thối lui, tự nhiên thành tựu. Vì vậy Bồ-tát Phổ Hiền đã nêu ra pháp Thiển Duyệt Thực về một phần nơi pháp Tam muội Kim Cương dụ, vượt quá thân tướng thì tự nhiên thấu triệt ngay, nhưng phải đạt tới chỗ toàn diện của pháp định ấy thì mới an trụ, những ai nghe danh hiệu và pháp Như Lai dù không tin, chủng tử nghe đã được hình thành. Nhờ sự huân tập của một lần nghe pháp nên khi tự nhiên đạt trí kim cang của Phật mới an trụ. Người tu hành đừng cho kinh pháp này sâu xa, khó thông đạt chứng nhập. Nếu không phát tâm tin hiểu tu tập thì ơ mãi trong sanh tử không biết bao giờ ra khỏi, chi bằng phát tâm trong giây phút, dù tu không thành nhưng vẫn thường sanh trong cõi người cõi trời, được quả báo vui vẻ, dần dần thấy Phật, nghe pháp, giải thoát, thành tựu đạo vô thượng.

(3) Dùng Định tóm thâu ba đời xưa nay: Nơi phẩm mười định được thuyết ở Diệu Phổ Quang Minh. Nghĩa là trí sáng là thể của định. Pháp nầy được thuyết từ một ngôn ngữ, một tam muội, không có sự thuyết giảng trước sau. Cùng lúc thị hiện ba đời, Niết-bàn nên nói cảnh giới của Trí không có ba đời. Trong phẩm này có chép: “Lúc bấy giờ Thế Tôn ở Bồ Đề đạo tràng nước Ma Kiệt Đề thành tựu chánh giác và ở điện Phổ Quang Minh thành tựu chánh giác”. Người xưa nói: Ba lần đến điện Phổ Quang Minh, kỳ thật không có việc đi. Điều đó muốn chỉ rõ ba mươi chín phẩm kinh cùng lúc thuyết giảng không có trước sáu. Kể cả giáo pháp ba thừa cũng thế. Giáo pháp cùng lúc thuyết giảng tùy khả năng của mỗi chúng sanh mà nghe có pháp nhứt thừa, ba thừa sai khác. Theo kinh Bồ-tát Bổn Nguyệt Anh Lạc thì có mười lần, bốn mươi phẩm. Một lần ở cõi thiền thứ ba, thuyết phẩm Tam Muội của Phật Hoa. Phẩm

nay dạy Bồ-tát mười địa nhập hạnh Phổ Hiền. Vì Phổ Hiền là hạnh vào thế gian, cùng sống với chúng sanh. Bồ-tát mười địa là hạnh ra khỏi thếgian thành tựu quả Phật. Hòa nhập hai hạnh này, tự tại ở trong thế gian, không vướng hai bên, tâm không đắm trước, không còn chướng hoặc của tập khí hai bên. Tên mười định là do Như Lai nói. Công dụng của mười định là do Phổ Hiền nói. Về trí căn bản, Phật nói tên mười định. Công dụng lớn của trí là trí sai biệt của Phổ Hiền nên Phổ Hiền nói. Đức Phật bảo các Bồ-tát: Bồ-tát Phổ Hiền hiện ở trong đạo tràng này, bên cạnh ta. Đó là sự không dời chuyển. Muôn hạnh của trí sai biệt Phổ Hiền là hội chúng. Trí căn bản không lay chuyển là trụ xứ, ở đây nói người không mong cầu ra khỏi thế gian, chỉ tùy thuận thế gian, hạnh nghiệp không nhiễm là Phật. Xưa nay vốn vậy, chỉ vì mê mờ trôi lăn trong nhiều kiếp nên có mười địa ra khỏi thế gian. Khi trọn vẹn công dụng, thành tựu đạo nghiệp mới bỏ dụng công. Tất cả các việc thế gian đều thế. Việc xong, duyên hoại, công thành hạnh mất, việc chưa thành công không thể bỏ. Phần đầu phẩm mười định có chép: Trong một trăm Bồ-tát, ba mươi Bồ-tát tên Huệ, bảy chục Bồ-tát tên khác nhau. Vì mười địa đầy đủ trí huệ ba không, bảy phần giáo mới nhập hạnh Phổ Hiền, vừa bỏ vừa nhập, trí bi tự tại luôn luôn như vậy, hoàn toàn không có sự mong cầu như ba phẩm: Mười định, mười thông, mười nhẫn đều là hạnh Phổ Hiền của Mười trụ. Vị Đẳng giác... do Phổ Hiền nói. Điều đó có nghĩa là pháp Phổ Hiền thực hành lại là hạnh Phổ Hiền. Phật tự nói là pháp của quả Phật. Chuẩn theo đây sẽ biết.

(4) Những chướng ngại của việc nhập quả vị Phật. Phẩm: Bồ-tát Tâm Vương hỏi Phật về số tăng kỳ. Như Lai tự nói (số lượng đó đã nói rõ trong kinh). Số này chỉ Phật biết được, những vị khác không biết. Người không thể dùng mắt trí để biết số lượng rộng lớn và những tướng tốt của Như Lai là còn hai chướng, không đạt Nhứt thiết trí của quả Phật. Các Bồ-tát ở địa dưới và trời rồng ngoại đạo đều không thể biết được pháp này. Những ai muốn biết được pháp của Bồ-tát, mắt trí của Như Lai phải biết rằng điều đó không thể có. Từ mười địa trở về sau có mười một thứ thô chướng, hai mươi hai ngu si... chướng này chỉ Phật biết được. Bồ-tát Tâm Vương hỏi là vì tâm ngoài tự tại nên mới có thể làm người hỏi mười một thứ thô chướng biểu hiện từ địa thứ nhứt đến địa mười một chưa trọn vẹn hạnh Phổ Hiền. Mỗi vị có một sự mê lầm nên có mười một chướng. Song trong mỗi vị, có nhân quả, chốn hướng nên có hai mươi hai ngu si. Như Lai gia hộ Bồ-tát Thanh Liên Hoa, giảng pháp cao sâu của Phật, không thể dùng tâm suy nghĩ được. Vì Phật là trí

căn bản không tạo tác, không nói năng, nhưng với phương tiện tự tại, từ sự không nói năng mà nói năng. Trí căn bản là pháp thần dụng không tạo tác, là pháp cao sâu của Phật, là thần dụng trong quả Phật, Thanh Liên Hoa là trí mầu nhiệm của trí tự tại thanh tịnh Như Lai. Tánh của các pháp không ô nhiễm, là tên khác, dùng pháp hiển hiện của Văn Thù Sư Lợi. Phẩm trụ xứ của Bồ-tát do Bồ-tát Tâm Vương giảng giải là bất cứ nơi nào, đều làm người để chúng sanh nương tựa. Phẩm: mười thân tướng rộng lớn của Như Lai chép: công đức tướng tốt Như Lai là pháp thân của Như Lai, vốn có sẵn trong trí căn bản, tự tánh thanh tịnh không tạo tác nên do Như Lai giảng. Ở đây nói mười thân có số thân bằng số bụi trong mười thế giới Hoa Tạng. Văn sau chép: Có sô hình tướng bằng số bụi trong mười thế giới Hoa tạng. Mỗi thân trang sức bằng các thứ báu. Phẩm thế giới Hoa Tạng nói về báo thân và cảnh giới. Phẩm này do Bồ-tát Phổ Hiền thuyết, vì từ trí căn bản có trí sai biệt, thựa hành muôn hạnh, công đức cao cả, thân trang sức bằng trí căn bản. Phẩm Hạnh Nguyện Phổ Hiền do Bồ-tát Phổ Hiền thuyết, đến vị Đẳng giác trọn vẹn muôn hạnh.

(5) Tự tu hành thành tựu quả Phật. Chính là Phẩm Như Lai ra đời. Nói về quá trình từ mười tín, mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng, mười địa đến địa thứ mười một Đẳng giác. Nghĩa là người có lòng tin tự tu tập thành tựu quả Phật, đầy đủ ba Pháp: Văn Thù Sư Lợi, Phổ Hiền, Tỳ-lô-giá-na. Từ giữa chặng mày, Như Lai phóng ánh sáng chiếu đến đỉnh đầu Văn Thù. Đó là ánh sáng hỏi pháp. Từ Kim khẩu phóng ánh sáng đến Kim khẩu Phổ Hiền. Đó là ánh sáng giảng pháp để Phổ Hiền thuyết giảng. Điều đó có nghĩa là trí căn bản là trí không tạo tác, không nói năng. Văn Thù là trí mầu nhiệm, pháp thân không hình tướng, là người hỏi Phổ Hiền, là công dụng lớn của trí căn bản, là người thuyết pháp. Đầy đủ ba pháp nên sự ra đời của Như Lai... đều có trước sau. Vì ba pháp này là thể dụng. Đến đây công dụng đã vẹn tòa, như luyện vàng. Vẹn toàn công dụng gọi là ra đời. Việc dặn dò truyền giảng đều từ đây.

(6) Hạnh nguyện thường hằng của Phổ Hiền: Như phẩm lìa thế gian, nghĩa là sau khi thành Phật, luôn hành hạnh Phổ Hiền, luôn ở trong đời nhưng không bị ô nhiễm nên gọi là lìa thế gian. Hạnh thường của Phổ Hiền vốn từ trí căn bản sáng suốt nên được thuyết giảng ở điện Phổ Quang Minh. Điều đó cho ta thấy không ngoài công dụng của vị tín thứ năm, luôn tạo lợi ích cho chúng sanh, thường ở trong đời vẫn không ô nhiễm nên gọi là lìa thế gian.

(7) Trọn vẹn quả Phật, tất cả đều là pháp giới. Phẩm pháp giới được thuyết ở vườn Cấp Cô Độc. Mượn việc thăng tiến nói về việc lên các cõi trời. Thấy pháp giới không ngoài nơi nào, pháp giới ở trong pháp giới. Như Lai, Phổ Hiền, Văn Thù chính là công dụng và trí lớn của Pháp giới. Thể lớn bao quát mười phương. Đó là quả trọn vẹn mọi công, hạnh, là pháp giới. Bồ-tát nói: Có năm trăm vị, bốn chục Bồ-tát là bốn vị. Mỗi vị có một trăm, thành bốn trăm, gồm cả một trăm vị của Bồ-tát Bảo Quang thành năm trăm. Một trăm vị của Bồ-tát Bảo Quang là số chính của mười Ba-la-mật, là một trăm chúng trong mười. Bốn chục tâm trước, mỗi tâm có một trăm. Đến vị này trọn vẹn công hạnh. Trong mỗi hạt bụi của thế giới mười phương đều có Phật thuyết pháp, có Bồ-tát Phổ Hiền hóa độ vô số chúng sanh. Nghĩa là một người thành tựu đạo nghiệp, đầy đủ hạnh nguyện, nhập thể pháp giới như ánh sáng ảnh hiện của lưới Đế Thích, tất cả mọi người cùng lúc tập hợp, lưới báu che khắp. Lớp lớp đan xen cùng khắp pháp giới, tạo lợi ích cho tất cả chúng sanh. Sáu ngàn Tỳ kheo như Hải Giác... thể hiện đã có nhân đời trước nên đạt pháp lợi ích. Năm trăm Thanh văn như Xá Lợi Phất thể hiện đời trước không có nhân tin, không nghe cảnh giới trí của nhứt thừa như kẻ mù điếc, dù đối diện vẫn không nghe thấy.

(8) Thành tựu quả Phật thuyết pháp ở thế gian: Văn Thù Sư Lợi từ lầu gác đi ra tiêu biểu cho trí huệ sâu dày. Xá Lợi Phất từ lầu trệt đi ra tiêu biểu cho hàng nhị thừa không có trí lớn. Tự giải thoát là nhà trệt. Sáu ngàn Tỳ kheo đều là người mới xuất gia chưa đạt quả A-la-hán, tôn Xá Lợi Phất làm thầy. Tất cả đều theo Văn Thù Sư Lợi đi về thành giác ở phía nam. Xá Lợi Phất khuyên sáu ngàn Tỳ kheo quán sát phước đức của thân tướng Văn Thù Sư Lợi. Khuyên sáu ngàn Tỳ kheo cùng lúc quán sát công đức thân tướng nơi Văn Thù Sư Lợi, khi đi đường, qua trái, qua phải đều bước tám bước, đầy đủ đồ trang sức quí báu, tùy con đường mà trang sức thân, sanh từ tám hạnh chơn Thánh. Quán sát Văn Thù Sư Lợi liền qui y phát nguyện, lạy Văn Thù, tôn làm Hòa thượng. Văn Thù Sư Lợi liền giảng mười cách phát tâm Bồ Đề không mệt mỏi, an ủi khuyên nhủ bằng nhiều cách, cùng lúc đạt mười mắt, mười tai, mười thân, mười biện tài, dần đi về phía đông của thành gaíc. Sáu ngàn Tỳ kheo thông đạt sự tu hành của mười tín và năm vị cùng lúc thông đạt nên tiêu biểu cho sáu ngàn người. Những người trên đường đi phát tâm nghĩa là hàng Thanh văn có nguyện hạnh nhưng chưa có trí, ở đây đã phát tâm trọn đủ bi trí, bao gồm muôn hạnh.

(9) Thuyết pháp khuyên tu, đến phia đông thành giác tiêu biểu

sự phát khởi pháp lành. Miếu Phật xưa tiêu biểu cho giáo pháp thuyết giảng không khác xưa. Rừng Sa La (Trung Hoa dịch là cao tủng "cao hơn") cao hơn các rừng khác nghĩa là vượt qua hạnh của trời, người, ba thừa vào ngoại đạo. Trang nghiêm nghĩa là trang nghiêm trí căn bản bằng hạnh Phổ Hiền. Tràng là trí không lay chuyển, Văn Thù Sư Lợi đã đến thành giác, bốn chúng đi theo nhiều vô kể, nhưng chỉ nói có năm trăm người là chỉ cho người có khả năng nhập pháp năm vị. Loài rồng có một vạn, rồng tiêu biểu cho trí, vì từ trí phát khởi hạnh. Trong năm chúng, Thiện Tài là người đứng đầu, năm chúng đều là những người nhập pháp. Đêm Thiện Tài vào thai, sau mười tháng, chào đời. Mười Ba-la-mật là mười tháng. Lúc mới sanh trong nhà có năm trăm thứ báu nghĩa là năm vị đều phải có lòng tin. Đó là quả báo của năm trăm hạnh Ba-la-mật. Cao bảy khuỷu tay là quả sanh từ bảy phần giác. Văn Thù Sư Lợi giảng kinh, soi sáng khắp pháp giới là trí căn bản sáng suốt. Tất cả đều được lợi ích nhưng chỉ nêu Thiện Tài là người đứng đầu là để khuyến khích kẻ phát lòng tin từ phía nam đi đến phía đông thành giác.

■

LƯỢC THÍCH TÂN HOA NGHIÊM KINH TU HÀNH THỨ ĐỆ QUYẾT NGHI LUẬN

QUYỂN 2

PHẦN A

Mười Thiện Tài nhập quả vị khế hợp Chơn Như. Phần một: Từ đoạn tụng ba thành quách hữu vi của kinh Ba mươi bốn hạnh đến Thiện tài nói kệ: Nói về Khổ nơi ba Hữu và các phần Pháp. Phần hai: Từ đoạn văn xuôi và kệ tụng: Lúc bấy giờ Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi như voi chúa trở về. Đó là Văn Thù Sư Lợi khen đồng tử Thiện Tài phát tâm Bồ Đề và khuyên Thiện Tài không chán khổ sanh tử để đầy đủ hạnh nguyện Phổ Hiền. Phần ba: từ Văn Thù Sư Lợi nói kệ đến "Cáo từ đi về phía nam", đoạn văn xuôi này, Văn Thù Sư Lợi khen Thiện Tài phát Bồ Đề và thị hiện các thiện tri thức. Phần bốn: Từ đi về phía nam đến nước Thắng Lạc: Thiện Tài cầu học nơi các thiện tri thức. Từ đây đến cuối kinh, kể cả Văn Thù Sư Lợi, có năm mươi ba thiện tri thức. Năm mươi vị tiêu biểu cho mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng, mười địa, đẳng giác. Mỗi vị đều có mười thiện tri thức, cộng thành năm mươi vị. Ba vị Văn Thù, Di Lặc, Phổ Hiền là công dụng lớn của trí Phật. Năm mươi pháp môn trong năm vị chính là thể dụng nhân quả của trí. Sự thăng tiến của năm mươi vị đều có trí căn bản này, là pháp thân không hình tướng, là trí phân biệt mầu nhiệm. Các hạnh của trí sai biệt nơi Phổ Hiền chính là nhân quả. Trong nhân có năm chục, trong quả cũng có năm chục, cộng thành một trăm. Năm lớp nhân quả thường được kết hợp với mười Ba-la-mật làm hạnh thăng tiến nên thành một trăm mười. Thể dụng của mười Ba-la-mật là trí căn bản, là pháp thân không hình tướng là hạnh của Phổ Hiền nên khi người tu hành chưa phát tâm, pháp Sư tử chính từ vô thỉ là vô minh. Vị phát tâm thấy đạo của mười trụ đã cùng lúc đoạn trừ vô minh, chủng tử phiền não dầ dần ít đi.

Bốn vị Phật mới tuần tự đoạn trừ hết. Năm mươi thiện tri thức vốn có thứ lớp. Như trên đỉnh Diệu Phong, trụ thứ nhứt đến trụ thứ ba tâm luôn duyên nơi chơn như nên đưa ra ba vị Tỳ kheo để biểu hiện. Từ trụ thứ ba đến trụ thứ sáu có Tỳ kheo Hải Tràng... tiêu biểu xoay chuyển tâm duyên chơn như, hiểu rõ thế tục. Trưởng giả Di Già, trưởng giả Giải thoát. Một vị ở nơi thị tứ, một vị ở chùa, cùng Tỳ kheo Hải Tràng biểu hiện cho cõi đời ồn náo vốn là thanh tịnh. Sự học hỏi, mọi việc ở thế gian đều là giải thoát. Nêu ba vị, hai người thế tục, một Tỳ kheo biểu hiện cho pháp. Nghĩa là trước phải đầy đủ sáu Ba-la-mật. Sau mới nói đến giải thoát xuất thế gian và thế gian. Sau khi đạt hai giải thoát này, dùng hạnh thanh tịnh trụ thứ bảy, ở trong sanh tử, nuôi lớn từ bi, không chán sanh tử, nghĩ đến khổ não của chúng sanh, tu tập trí nghiệp đến trụ thứ tám mới thành tựu một phần trí vô công dụng trong trí thanh tịnh thế gian. Nên sau nêu nữ cư sĩ Mãn Nguyện và Tiên nhơn Kỳ Mục Cù Sa biểu hiện cho trí bi. Trụ thứ bảy, tám thành tựu bi trí của viên mãn một thể. Vì hai vị này đều ở chỗ Hải Triều. Trụ thứ chín nói về trí thanh tịnh không lo sợ của của trụ thứ tám, đạt thần thông không chết, cùng làm những việc như kẻ ngoại đạo tà kiến để dắt dẫn khuyên chúng bỏ tà về chánh. Nào là dùng năm lửa đốt thân, lửa cháy lên đến cõi trời. Nào là lên núi dạo mênh mông. vì lên núi dạo, vào lửa lớn nên tiêu biểu bằng Bà-la-môn Thắng Nhiệt. Trụ thứ mười hợp cả mười trụ, đầy đủ hạnh bi trí, tiêu biểu bằng từ hành. Con gái Vua Sư tử Tràng. Vua Sư tử Tràng là trí, từ Hành là bi. Nữ cư sĩ Mãn Nguyện của trụ thứ bảy (tiếng phạn là Hưu xả) trước, đã tìm phương tiện vào trong sanh tử, nuôi lớn từ bi vẫn còn tập nhiễm nên tiêu biểu bằng con gái vua Sư tử Tràng. Vốn là đồng nữ. Vì trí bi của năm vị thành thục, chưa thành thục khác nhau, nên phải căn cứ từ thể dụng của trí Phật Nhứt thừa giáo. Mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng, mười địa, Đẳng giác lớp lớp thuận nghịch, toi luyện qua năm mươi vị mới đạt được thiện xảo của bi trí, muôn việc trọn vẹn, đầy đủ công hạnh. Nếu người chỉ cầu đạt một pháp xuất thế giải thoát, dù là pháp khác với pháp nhỏ hẹp của nhị thừa vẫn không được gọi là thầy của trời người. Người cầu Nhứt thiết trí của Nhứt thừa giáo, tức là ở trong sanh tử, không ra khỏi, cũng chẳng chìm đắm, đầy đủ thiện xảo bi trí. Vì thế không thể xem kẻ không trí, không hiểu biết là Phật. Trong kinh chép: Phật dùng pháp làm thân, thông đạt tất cả pháp nghĩa là biết tất cả, hiểu hết thảy, là pháp thân Phật. Như vậy so hạnh của năm vị, gồm có một trăm mười lớp nhân quả là trí căn bản. Văn Thù, Phổ Hiền là thể dụng. Dùng trí mầu nhiệm của Văn Thù phân

biệt các pháp, dùng trí sai biệt của Phổ Hiền biết rõ khả năng của chúng sanh để sống với chúng. Dùng trí căn bản là Phật. Trí đó hoàn toàn không tạo tác, thể tánh như hư không, không thuộc ba đời, không có tánh xưa nay, đầu cuối, ngang với vô số kiếp của thế gian. Song trí không có thời gian, đầu cuối không giống nhau, hạnh quả chẳng biến đổi, ở trong đời mà không ô nhiễm. Vì trí căn bản là thể của muôn hạnh, là pháp của Nhứt thừa giáo, là quả Phật, là tâm phát khởi ban đầu, là một đời thành Phật, là quả tu hành của năm vị, là pháp của giáo hạnh. Vì trí căn bản hợp nhứt, không có sự sanh tử xưa nay nhiều ít nên thấy bản tánh của chúng sanh là không sanh, chỉ là một đời. Sự đạt đạo bây giờ cũng giống như sự thành Phật của các đức Phật thời quá khứ, vị lai. Như trong lầu gác của Di Lặc hiển hiện cho kiếp số ba đời, đều trong hiện tại. Vì cảnh giới trí vốn vậy. Người phát tâm lãnh hội trí nghiệp này cũng vậy, không thấy có nhiều đời, gọi là phát tâm Bồ Đề thứ nhứt. Trong cảnh giới của trí không có sự phân chia ba đời, xưa nay vì pháp vốn như vậy. Thấy có nhiều ít là thấy sai lầm, thuộc về hiểu biết của thức, là sanh tử là chấp trước, là thiên lệch. Hãy hiểu thật đúng. Vì thế năm mươi thiện tri thức chính là hạnh thăng tiến. Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc là nhân quả thể dụng của trí trong năm mươi vị. Trước sau không ngoài pháp ba đời, thành một trăm mười pháp như trước đã nêu rõ. Bốn đoạn trước nói về sự khen ngợi, khuyên Thiện Tài phát tâm Bồ Đề và đề cập đến nơi ở của thiện tri thức. Phần sau nói về Thiện Tài từ biệt để tiếp tục học hỏi, vào đúng nơi và tu hạnh Bồ-tát. Một đoạn sau nói về nhập trụ phát tâm thứ nhứt, là trụ đầu của mười trụ. Trụ này chủ yếu tu bố thí Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Phía nam có nước tên Thắng Lạc. Phía nam là đúng đắn, là sáng suốt, rõ ràng, là sự trống rỗng, là tốt đẹp. Tâm, lìa pháp là tâm đạt sự trống không. Tâm hiểu rõ là tâm sáng suốt, trí huệ chơn chánh biểu hiện. Vì thế lạy Phật trước phải đọc Nam Mô... Phương đông là khởi nguyên. Vì phương đông như mùa xuân, là mùa vạn vật sanh sôi nẩy nở, là sự bắt đầu của mọi việc. Phương nam là pháp môn, là đúng đắn, là hư tịch, là trí huệ chơn chánh nên phải đọc trước phương đông như mùa xuân, là mùa vạn vật sanh sôi nảy nở, là sự bắt đầu của mọi việc. Vì vậy chữ đông gồm chư mộc xuyên qua chữ nhựt. Chữ mộc là sanh sôi nảy nở. Chữ mộc bao quát các pháp ở mười phương. Phương nam cũng bao quát các pháp ở mười phương. Chữ mộc gồm chữ thập và chữa bát. Phương đông là rồng là trí, nên nêu ngài Phổ Hiền ở phương đông là biểu hiện ý đó. Bồ-tát Quan Thế Âm là từ bi nên biểu hiện ở phương tây. Phương tây thuộc hành

kim, là cọp trắng, là giết hại. Ý nói pháp từ bi được thực hiện trong cõi ác, trong sự chém giết. Vì thường mười hồi hướng hợp cả hai môn bi trí. Quan Thế Âm ở phía tây của núi Kim Cang, Bồ-tát Chánh Thú ở phương đông đi đến, hai vị gặp nhau. Chánh thú tiêu biểu cho trí huệ, Quan Âm tiêu biểu cho từ bi. Tất cả đều mượn phương hướng để biểu hiện pháp. Song, pháp của một phương bao gồm cả mười phương. Ở đây xin nêu vài ý nghĩa của phương đông để biểu hiện pháp không thể nói nhiều. Chữ Mộc (trong chữ đông) tiêu biểu trí có khắp mười phương, ngang dọc thấu triệt, đầy đủ tám quẻ, thông cả pháp của hai phương trên dưới nên nói trí có khắp trong các pháp thì được gọi là trí viên mãn. Vả lại, phương đông tiêu biểu là quả chấn. Chấn là cây, là trai trưởng, là tiếng nói, là hiệu lệnh, thông cả mười phương. Lại như ngôn ngữ phát xuất từ miệng. Miệng tiêu biểu quả Đoài. Quả Tấn là lời lẽ phong giáo. Quả Ly là tốt đạp, là tâm, là mắt, là hư tịch. Quả Càn là hoàn toàn thanh tịnh. Quẻ Khôn là mọi người tin thuận, là bụng. Quả Khảm là nước, là thần lực nơi bảy ngôi sao ở phương bắc, là gian tà, là đối tượng trừng trị của người trí. Quẻ Cấn là núi, là trai út, là trẻ thơ, là dừng lại. Phương trên là trời, bao hàm muôn Quẻ. Vì thế trong mười tín, cõi nước là phương tiện là Bình đẳng, đức Phật tên Quán sát trí tiêu biểu cho trí căn bản. Thể của trí ấy là hư không. Phương dưới có bốn mùa, hậu, tỵ, thổ, vương tiêu biểu cho trí bi đầy đủ, chuyên chở muôn vật, vì pháp của một phương có khắp mười phương. Tất cả các hiện tượng ở mười phương đều thuộc muôn loài ở thế gian. Vì thế đạo của quân tử là hiểu rõ các pháp ở mười phương, luôn dụng công bằng định mới là có trí huệ chơn chánh, là ánh sáng, là mặt trời, là tốt đẹp. Do vậy, chữ nam gồm các chữ thập, môn, bát, thiên tiêu biểu cho phương nam là đúng, là sáng. Vì mặt trời ở tám phương, mức chuẩn của tám thước đều được định bóng thừa thiếu ở phương nam. Sơ lược là thế, nếu nói đủ thì thật phiền toái. Cõi nước tên Thắng Lạc tiêu biểu cho từ lúc bắt đầu đến lúc đạt trước viên mãn sáng suốt, phá trừ bóng tối của đêm dài nên gọi là Thắng Lạc. Cõi ấy có núi tên Diệu Phong nghĩa là muốn đạt đạo không tu định thì không có gì bắt đầu, nếu muốn đạt trí thù thắng, trước phải tu phép chỉ đúng đắn. Núi là đình chỉ, là đình chỉ tâm, không lạm động, vững chải như núi, tự hiểu rõ cảnh giới của tâm, khi bỏ cả tâm lẫn tướng thì trí huệ chơn chánh phát khởi. Song, sự đoạn ảnh tướng là nhờ định. Trí được phát sanh từ định. Một khi định huệ hiển hiện, vọng chấp về chướng hoặc tan biến. Chướng hoặc tan biến thì trí lớn sanh khởi. Chấp tướng không còn, trí sáng hiển hiện nên gọi là Diệu Phong. Vì lên đến đỉnh

núi, trí chơn không luôn phát khởi từ lý trống không, không hình tướng, tất cả bụi nghiệp từ xưa đến nay bỗng tan biến sạch, thân tâm chẳng còn, không còn phân biệt trong ngoài, đoạn trừ năm hiểu biết sai lầm như thân kiến, kiến thủ, giới thủ, tà kiến... được gọi là thấy đạo. Khi đã thấy đạo thì trí chơn không luôn hiển hiện soi sáng, dùng đạo đoạn dứt chủng nghiệp. Chủng tử càng giảm, trí huệ càng sáng. Trí huệ đã tăng trưởng, luôn hành hạnh từ bi. Bao giờ độ hết chúng sanh, hạnh nguyện mới hết. Chúng sanh không độ hết, hạnh nguyện sẽ không dừng. Lòng từ lớn như mặt trời chiếu khắp mười phương. Lòng bi lớn như mặt trăng xoa diệu biển hữu. Trước sau như một không dừng nghĩ đó là tu đạo. Đỉnh diệu phong tiêu biểu cho quả vị kiến đạo, dùng trí căn bản sáng suốt làm thể của đạo. Dùng trì mầu nhiệm của Văn Thù tu hạnh nguyện Phổ Hiền, thành tựu đạo Phổ Hiền. Ở trong chúng sanh thựa hành lòng bi lớn, an lập hành tướng năm vị, hòa hợp thêm bớt trí bi, đến vị Diệu Giác mới tròn đủ. Trí lớn càng sáng, bi lớn càng rộng thông hiểu mọi pháp, thựa hành đủ bốn nhiếp pháp công đức từ bi trọn vẹn. (Thứ tự như ở phần sau). Cứ thế tuần tự tu tập đầy đủ hạnh nguyện, không ra khỏi một cảnh trí nhỏ nhoi nào. Hãy dùng trí biết rõ, đừng hiểu bằng hình thức. Trụ phát tâm thứ hai mược thiền định hiển hiện cho sự thông đạt chơn trí sáng suốt, vô minh rơi rụng được sanh vào nhà trí của Phật nên được gọi là ở chỗ Phật, đạt trí sáng của Phật, thấy tất cả pháp. Quả vị kiến đạo không thấy có xưa nay, hoặc khoảng giữa của xưa nay. Trãi quả năm vị, dũa mòn tập khí, thêm lớn từ bi, là tu đạo. Vì vậy có câu: Vùa phát tâm đã thành tựu sự hiểu biết đúng đắn mới có thể tu đạo. Nhưng vì trí cuả các vị trên chưa tròn đủ, cản trở hạnh nguyện của Bồ-tát nên lúc Thiện Tài đi về phía nam học hỏi các thiện tri thức đều nói rằng: Tôi trước đã phát tâm cầu đạo Bồ Đề, làm học hạnh Bồ-tát, tu đạo Bồ-tát? Mà nói rằng: Thêm lớn quả Phật, Do vậy trí căn bản nhờ định hiển hiện, không do tạo tác, không do tu tập, chỉ có tu đạo Bồ-tát, học hạnh Bồ-tát mà thôi. Song trì căn bản luôn được hiển hiện bằng hạnh không bám vúi, không nhiễm ô của Bồ-tát. Nó không có tánh sanh diệt sống chết. Nếu không đạt thể của sự hiểu biết chơn chánh thì các hạnh đều là vô thường, là nghiệp báo có sống chết của trời, người. Thiện Tài lên núi Diệu Quang hết bảy ngày. Bảy ngày là tiêu biểu cho bảy phần giác. Khát khao tìm kiếm khắp mười phương nghĩa nhập định quán sát mười phương, quán sát thể tánh của các pháp. Từ xa nhìn thất Tỳ Kheo Đức Vân ở đỉnh núi khác Thiền hành: Núi mình ở là sự tự tu chỉ quán. Nhìn xa là tin, vì sau khi tu chỉ quán, tin rằng: có pháp môn tịch dụng

hợp nhứt của định tuệ. Vì vậy thấy Tỳ kheo đang thiền hành ở đỉnh núi khác lên núi là định, thiền hành là dụng vì dụng không ngoài định tức là không ở trong vắng lặng, cũng không ở trong tán loạn nên đang thiền hành. Sau khi nhìn thấy Thiện Tài liền đi đến, đó là sự thăng tiến. Đến nơi chấp tay là hiểu được ý, lạy là được bản vị, đi vòng quanh là tin hiểu thực hành. Đi theo đông bắc tây nam là đi vòng quanh. Thiền hành giáp không theo hành trình là đi vòng quanh. Hiện nay người hành đạo lại đi ngược cách này. Tỳ kheo Đức Vân nói: Ta đạt sức tin hiểu đúng đắn, lòng tin thanh tịnh, ánh sáng trí chiếu soi, quán sát khắp nơi, đoạn trừ chướng hoặc, khéo léo quán sát, thấu triệt mọi thứ, đầy đủ hạnh thanh tịnh, đi lại khắp mười phương, cung kính cúng dường tất cả đức Phật, luôn nghĩ đến định và pháp của các đức Phật, thấy tất cả các cõi Phật ở mười phương. Thấy một đức Phật hai đức Phật... Vô số đức Phật chính là sự quán sát sau khi thấy đạo. Dùng mắt pháp trí để quán sát, thấy rõ như trước mắt, vì vậy nói ta đạt sức tin hiểu đúng đắn, mắt tin thanh tịnh, trí sáng chiếu khắp. Dùng mắt thanh tịnh, trí sáng suốt, soi thấy ở phương đông có một đức Phật, hai đức Phật... Vô số đức Phật. Phương tây, nam, bắc, bốn phương trên dưới đều như phương đông. Đó là pháp quán đạt trí Phật, tức cảnh giới Phật, cúng dường Phật, học thần thông của Bồ-tát, là trả lời câu hỏi của Thiện Tài. Làm sao sớm thanh tịnh đầy đủ hạnh Phổ Hiền. Người tu hành phải dùng mắt sáng, trí thanh tịnh nương pháp này, bắt đầu từ phương đông, quán sát tâm của tất cả chúng sanh như tâm mình, không thể tánh, không hình tướng, không tâm tánh. Không thấy có các tướng. Khổ vui tốt xấu, phải trái hay dở của chúng sanh. Chỉ dùng mắt trí thanh tịnh sáng suốt soi chiếu thấy thể chơn thật của chúng sanh, không thấy biết bằng mắt thường của tình thức. Chỉ thấy thể công đức, chúng sanh như tướng của các đức Phật, không thấy tướng trời, người, địa ngục... cõi ác. Tất cả cõi nước đều như ánh sáng, như bóng, không thật, không hư, bản tánh vốn không nhơ uế. Thể tướng của Phật, chúng sanh và mình từ xưa đến nay là một. Sắc thân, cảnh giới Phật đều có từ trí, đều là cảnh giới của pháp thân không tướng. Vì thể của trí là không. Muôn ngàn hình tướng đều trống không, tịch tịnh như lầu gác của Di Lặc. Từ nơi, không phải là nơi chốn hiện đến rồi diệt mất đi về nơi không phải là nơi chốn. Thấy tất cả cảnh giới của chúng sanh đều là cảnh giới của Niết-bàn, là cảnh giới Như Lai. Đó không phải là sự hiểu biết bằng tình thức sai lầm, mà là sự hiểu biết bằng trí sáng. Do vậy, tự tại trước có không, không hư mất thường. Thấy chúng sanh mà không hư mất pháp. Thấy cảnh giới vốn không thể tánh mà

không hư mất trí, biết muôn thứ giả có, thấy thân Phật tự tại, nhập trí không tạo tác, sự sáng suốt thần diệu đều do trí huyền ảo, không có trong ngoài. Từ phương đông đến bốn hướng... đều dùng trí thanh tịnh sáng mắt quán sát. Nếu muốn đạt tự tại phải dùng định tự tánh không tạo tác, hiển hiện cho pháp thân không hình tướng. Trí thanh tịnh sáng suốt không có nghiệp tham sân si, đủ tâm từ bi mới có thể an nhập trí huyễn ảo này, thản nhiên trước có không. Nếu không đủ hạnh nghiệp từ bi sẽ làm quỉ thần hung dữ, dạ xoa la sát ác độc. Như phẩm hạnh nguyện Phổ Hiền có chép: Đây là pháp quán sau khi thấy đạo. Người chưa an nhập cảnh giới trí huệ thì không thể lãnh hội được. Nếu chỉ quán sát sự trống không, diệt hết nghiệp tham, duyên lý trống không, thần thông hư giả, không hành diệu dụng thì bị vướng trong tịch tịnh. Đó là chủng tử của hạnh nhị thừa. Nếu người mê lý, không có thần trí vi diệu chỉ quán tướng có, đó là sự sanh diệt của hữu vi, như cách quán cõi thanh tịnh, Phật A Di Đà ở phương tây, đây là pháp quán về cảnh, trí của nhứt thừa. Người chỉ quán tưởng làm cho trí không tạo tác sáng suốt vi diệu. Từ trí lớn thanh tịnh sáng suốt, pháp thân không hình tướng thành tựu công dụng lớn, học thần thông của Bồ-tát, nhập đạo Phổ Hiền cũng không thể đạt được. Người chỉ chuyên tâm vào chơn như cũng không thành tựu được. Như trong kinh, Tỳ kheo Đức Vân khen ngợi sự học hỏi của Thiện Tài: Người cầu thần thông của Bồ-tát, cho đến cầu pháp môn Niết-bàn sanh tử của Bồ-tát, học sự quán sát hữu vi, vô vi của Bồ-tát mà tâm không bám víu thì nên chỉ dạy pháp nhập cảnh giới Phật. Hòa hợp sanh tử Niết-bàn, hữu vi, vô vi nhưng không bám víu. Phải dùng trí lớn thanh tịnh sáng suốt để an nhập. Vì thần thông diệu dụng của Bồ-tát luôn vắng lặng nên thiền hành ở trên đỉnh núi khác là biểu hiện đạt tự tại trước động tịnh nên thân không ngồi trên tòa. Người tu hành đạt vị kiến đạo rồi, dùng trí sáng đúng đắn quán sát như vậy. Như kinh nói về thể dụng làm cho người học đạo không thiên lệch, vướng vào công đức của mình. Dùng pháp quán đời này thành tựu thần thông diệu dụng tự tại của đời sau. Đó là chỉ trong giây phút, thấy trí viên mãn sáng suốt của đời sau. Pháp quán cõi thanh tịnh phương tây là quán tướng hữu vi, thành tựu tâm tưởng, đạt nghiệp báo thần thông biến dịch sanh tử. Hoặc tu mười nghiệp lành sanh lên cõi trời, đạt nghiệp báo thần thông. Lại như rồng quỉ dữ tạo nghiệp ác vô minh mà còn có thần thông, huống gì người đã khai mở mắt đạo, căn lành đầy đủ, có thần dụng trí huệ quán sát mà đời sau không đạt thần thông rộng lớn? Đó là biểu hiện cho người vừa phát tâm, thành tựu sự hiểu biết chân chánh, là trí

căn bản sáng suốt, pháp thân không hình tướng. Thể không tạo tác là là thể của chánh giác, từ đó thành tựu thần thông. Hạnh của Bồ-tát này là thể của trí biết đúng, nhờ sự phát tâm tương xứng của đời này nên đạt trí chơn chánh. Ngay trên phần đoạn hòa hợp này thành tựu quán tâm hành, tu tập pháp lành, học hỏi mọi hạnh, thành tựu quán tâm hành, đời sau đạt tâm biến dịch. Vì thân phần đoạn của Bồ-tát đời này là nghiệp quả của quá khứ. Đời này dùng trí tu tập, quán hạnh nghiệp nên đời sau được sanh bằng thần thông biến hóa. Đó là do mình thành tựu mọi công hạnh. Người thành tựu bằng công đức hạnh nguyện của mình là chơn. Người thành tựu bằng sự phù hộ của các đức Phật và của các Bồ-tát là không chơn chánh. Vì khi mất thần lực ủng hộ sẽ trở lại như trước. Ví như do sự ủng hộ của quỉ thần (ma nghiệp) biến đổi tâm người không tự tại, khiến tâm cuồng loạn, không thể giữ lấy được. Vì vậy hãy dùng sự thấy đạo của mình hiểu rõ cảnh giới của tâm không có vật thể, làm thanh tịnh nghiệp tham sân, si. Vì tánh vốn thanh tịnh bình đẳng, cùng một thể với nghiệp từ bi lớn, không thấy mà thấy, không biết mà biết, mọi việc đều chơn chánh. Dùng trí làm công dụng, dùng ấn trí in rõ nghiệp quả ba đời của chúng sanh, biết đó đều là cảnh giới của Phật nên đạt tâm không cấu nhiễm. Từ câu: "Chỉ ta đạt trí sáng suốt thấy rõ các pháp của Phật" trở về sau là nói sự thăng tiến. Đoạn từ đây nói về trước chép: Nhập tri kiến Phật, biết tất cả cảnh giới của ba đời các đức Phật đều thuộc một thời gian. Vì pháp chơn như không có tánh xưa nay, không thấy có Phật mới thành, Phật đã thành vì không có pháp xưa nay, mới cũ thành hoại. Vì dùng mắt thấy khắp để thấy.

2) Trụ trị địa: Vị này chủ yếu là tu giới Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như cách giải thích ở trước). Phương nam có cõi nước tên Hải Môn, nghĩa là giới Ba-la-mật là Thể của Hải Môn, vì biển lớn không chứa thây chết. Biểu hiện cho trí sáng nơi pháp thân là thể của giới tự tánh trong sạch, không chứa những xác chết tham, sân, si ác kiến vọng nghiệp. Vì khi trí này hiển hiện, biển sanh tử mười hia chi sẽ thành biển biện tài phước đức, công đức lớn của các đức Phật nên gọi là Hải Môn. Như trong kinh chép: Tỳ kheo Hải Vân tiêu biểu cho mười hai chi, là biển nghiệp phiền não lớn của chúng sanh đã hết. Ở đây dùng giới định tuệ để thanh tịnh, là trí sáng suốt, là biển trí lớn, là phước đức lớn của các đức Phật. Với pháp này, che chở lợi ích, khiến chúng sanh bừng ngộ. Lúc bnày mười hai chi thành Hải Vân nên Thiền Tài đến chỗ Tỳ kheo Hải Vân. Lạy sát chân biểu hiện cho sự thăng tiến, đạt đến vị giải thoát: Chắp tay là lãnh hội pháp của các vị

đó. Thiện Tài nói: Con dùng tâm vô thượng Bồ Đề đã phát khởi từ trước nhập trí vô thượng. Đó là Thiện Tài cầu pháp (rõ như trong kinh). Tỳ kheo Hải Vân khen Thiện Tài: Để phát tâm Bồ Đề sẽ đạt trí sáng chiếu khắp, đủ trí tam muội và đạo chân thật, phát sanh phước đức, nuôi lớn pháp giải thoát, phụng sự thiện tri thức, không mỏi mệt không tiếc thân mạng, không chứa nhóm (rõ như trong kinh) Tỳ kheo Hải Vân nói: Ta ở nước Hải Môn này đã được mười hai năm, ta luôn thấy biển lớn là cảnh giới trí. Nghĩa là thấy biển lớn có vô số châu báu (rõ như trong kinh). Ở nước Hải Vân mười hai năm là chuyên quán mười hai nhân duyên, quán sanh tử rộng lớn do mười hai duyên sanh nên thành tựu trí rộng lớn như biển có vô số châu báu đẹp. Vì không hiểu mười hai duyên sanh : Do vô minh có hành, do hành, có thức, do thức, có danh sắc, do danh sắc có sáu nhập... do sanh có già chết khổ đau buồn thảm. Quả khổ luôn theo không bao giờ ngừng. Giờ đây dùng diệu lực nơi tam muội quán sát thành tựu trí lớn sáng suốt, đây đủ công đức, trang sức bằng vô số châu báu, đạt trí lớn (rõ như trong kinh). Vì không hiểu mười hai chi này nên chịu vô số quả khổ, luôn ở trong địa ngục ngạ quỉ, súc sanh, nghèo cùng khốn khổ. Nếu dùng định huệ quán sát, dùng các phương tiện thành tựu công đức trí huệ của các đức Phật. Trong mười hai chi, tóm thâu chỉ có ba chi, tức là vì không hiểu: 1) Thể của tâm cảnh vốn không, cứ chấp chặt tâm cảnh hiện có là vô minh; 2) Xem danh sắc là cảnh giới; 3) Xem sáu căn là chủ thể. Vì ý căn mê lầm, tham danh sắc, căn cảnh đối xứng. Hành, xúc, thọ, ái, thủ, hữu là duyên sanh thức nghiệp. Vì ba duyên này nên mười hai duyên luôn tồn tại, quả khổ ba cõi không dứt. Giờ đây dùng sức nơi phương tiện để điều phục, thành tựu nghiệp trí lớn, đoạn dòng sanh tử khổ đau. Dùng thiền định đình chỉ ý căn, làm cho nó không tồn tại trong năm căn, không duyên cảnh giới, ý căn không sanh thì mắt tai mũi lưỡi thân căn cũng không sanh. Ý căn đã thanh tịnh thì không còn căn cảnh, không có những hình tướng trong ngoài lớn nhỏ, ba đời xưa nay. Hạt giống của thức cũng không còn. Vì ý diệt, mười hai duyên diệt, tất cả khổ đau trong ba cõi diệt, chỉ có trí chân thật biểu hiện rõ ràng, chiếu khắp mười phương, các pháp như trí, cảnh, giới... vốn không có thể tánh, vì trí không có thể tánh, vốn sáng suốt, rộng lớn như hư không, ngang với pháp giới, không có trong ngoài, thần dụng cùng khắp, không đến đi, có trong tất cả cảnh giới, như dơn nắng, như huyễn hóa, như bóng, như hư không, không lấy bỏ, không lật ngã, không ta người, không nương tựa, không do nương tựa vào cái khác mà tồn tại, ngang với pháp giới, mọi thứ đều có pháp.

Trí như ánh sáng vi diệu, hiển hiện mọi hiện tượng, bao hàm tất cả. Trí là thần cao cả, thể tánh vốn không nên phân biệt được mọi hiện tượng trong mười phương. Trí thanh tịnh như hư không, sanh khởi phước đức như ánh sáng vi diệu, như lưới của Đế Thích. Hiện thân hình trong tất cả cõi nước, ở trước chúng sanh rùy thuận nghiệp sai khác, hiện thân hình tương xứng, vì trí không đến đi. Trí như ngọc làm nước trong, trí vừa hiện khởi, làm sạch nước nhơ mười hai duyên. Vì vậy vô minh diệt thì biển khổ sanh tử... mười hai chi cùng diệt, trí sáng suốt thanh tịnh và các công đức cùng hiển hiện. Vì thế khuyên sáu căn cảnh thức... mười hai duyên để thành tựu công đức trí huệ của Như Lai. Tất cả các hình tướng ở núi Diệu Phong trước kia đều tan biến, trí sáng của Phật hiển hiện. Dùng đạo xuất thế quán sát mười hai chi-hành, sáu căn danh-sắc, thức... thông hiểu thế gian, thành tựu công đức trí huệ. Tỳ kheo Hải Vân nói: Thiện nam tử! Lúc ta nghĩ như vậy, trong biển sanh tử xuất hiện hoa sen lớn. Cộng sen bằng báu Nhân đà la (đó là lấy tên Đế Thích để đặt). Vì nó là loại ngọc quí nhất trong các báu vật. La ni là báu màu trong suốt, tiêu biểu cho trí căn bản hiển hiện nhờ ố thí Ba-la-mật phối hợp cả chín Ba-la-mật kia. Trăm vạn Vua A-tu-la cầm cọng sen. Vua tiêu biểu cho hạnh nguyện của Bồ-tát không ngoài trí căn bản sáng suốt, ở trong sanh tử nhưng không bị chìm đắm, luôn tự tại như A-tu-la ở trong biển nhưng không bị chìm. Trăm vạn rồng chúa phun nước thơm, tiêu biểu trí sai biệt là thể của giới. Trí này như rồng luôn tồn tại trong pháp không. Mưa pháp đem lại lợi ích cho chúng sanh là nước thơm, các nghiệp thanh tịnh. Thể của giới cũng như vậy. Như rồng bay trong hư không tuôn mưa. Ngoài ra còn phối hợp thực hành các Ba-la-mật khác, trang sức bằng các báu vật khác. Đó là quả báu sanh khởi từ mười Ba-la-mật. Hoa sen được hình thành như thế. Xòe nở tỏa hương, che kín biển lớn tiêu biểu cho thể tánh của muôn hạnh không nhiễm ô, bao trùm tất cả, ủng hộ chúng sanh trong pháp giới (biểu hiện bằng hoa sen). Vì vậy trong kinh có câu: Hoa sen lớn này được sanh từ căn lành xuất thế của Như Lai, biểu hiện khắp cõi nước trong mười phương, sanh khởi từ pháp huyễn hóa, từ nghiệp thanh tịnh, trang sức bằng pháp không tranh cãi, nhập ấn vô vi, an trụ nơi pháp không ngại, cùng khắp cõi nước trong mười phương, trên hoa sen có đức Phật an trụ, thân Phật cao đến cõi trời hữu đảnh. Nghĩa là trí căn bản là thể của Phật. Thể của trí vốn không, đủ diệu dụng thần thông, đoạn dứt biển hữu, có khắp mười phương, không thấy biên giới. Lên đến cõi trời Hữu đảnh là cùng tột của hình sắc thấy được. Đức Như Lai đưa tay phải xoa đầu. Tay phải

là công dụng của pháp. Xoa đầu là dẫn dắt hội nhập chơn như, hợp với đạo mới có thể trừ nghi. Giảng kinh Phổ Nhãn là biễu hiện sự lãnh hội, mắt trí cùng khắp ngang bằng pháp giới, quán sát tất cả căn cảnh, tùy khả năng mà chỉ dạy. Căn cảnh không cùng sự chỉ dạy cũng không hết. Nếu không có căn cảnh thì sự chỉ dạy cũng không có. Điều đó có nghĩa là người dùng trí căn bản tùy đối tượng chỉ dạy. Chỉ dạy tất cả chúng sanh gọi là Phổ Nhãn. Trong kinh dạy: Giả như có người dùng nước biển làm mực, núi Tu Di làm bút, chép một câu trong một nghĩa, một nghĩa trong một pháp, một pháp trong một môn, một môn trong một phần của pháp Phổ Nhãn thì không thể chép được một phần nhỏ, huống gì chép hết? Đó là vì sự chỉ dạy không tự nhiên có, phải tùy khả năng và hoàn cảnh. Vì chúng sanh quá nhiều, phiền não lại lắm, khả năng và hoàn cảnh không cùng nên sự chỉ dạy cũng không hết. Trí căn bản là Phổ Nhãn, trí sai biệt là kinh. Ta ở chỗ đức Phật đó suốt một ngàn hai trăm năm thọ trì pháp Phổ Nhãn. Mỗi người nghe học một pháp Tam muội, lãnh thọ vô số phẩm là biểu hiện cho pháp mười hai duyên sanh, mỗi chi có một trăm phiền não, có mười thứ vô minh nên cộng thành một trăm. Mười hai chi mỗi chi đều có mười thứ, cộng chung thành một ngàn hai trăm phiền não căn bản. Chúng sanh trong mười phương vì tạo vô số nghiệp mê mờ, trôi lăn trong biển lớn sanh tử. Nay dùng thiền định quán sát. Nhờ sức từ phương tiện, thành tựu trí căn bản sáng suốt thanh tịnh và trí sai biệt mầu nhiệm. Thọ trì kinh Phổ Nhãn trong suốt một ngàn hai trăm năm là biểu hiện cho trí sai biệt từ trí căn bản, tạo ra vô số pháp đem lại lợi ích cho chúng sanh. Ta ở chỗ đức Phật đó thọ trì đọc tụng là biểu hiện tướng núi Diệu Phong không còn, trở ra khỏi sự trói buộc, quán mười hai duyên sanh, điều phục biển khổ sanh tử, danh sắc, căn cảnh và thức. Vì thành tựu pháp Phổ Nhãn trí sáng thanh tịnh nên biến biển sanh tử thành biển trí. Từ câu: "Chỉ ta biết pháp Phổ Nhãn này trở về sau là nói sự thăng tiến". Như vậy tám vạn bốn ngàn trần lao đều không ngoài sáu căn, năm uẩn, sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nhưng danh sắc sáu căn lại do ý căn phối hợp với năm căn để nắm bắt cảnh danh sắc. Vì không hiểu nên có mười hai duyên sanh và mười phiền não lớn tạo thành tám vạn bốn ngàn trần lao. Như kinh này chép: Trong năm uẩn, mỗi uẩn có một trăm phiền não, năm uẩn có năm trăm phiền não, trên trong có năm trăm ngoài có năm trăm, cứ như thế có đến tám vạn bốn ngàn phiền não. Điều đó có nghĩa là trong năm uẩn, bên trong và bên ngoài có một ngàn. Trong mười sử mỗi sử có một ngàn phiền não. Mười sử có mười ngàn phiền não. Mười sử lại chia ra trong,

ngoài đều có mười ngàn, thành hai chục ngàn. Tham sân si có sáu vạn ba ngàn. Tham có hai vạn một ngàn, sân có hai vạn một ngàn, si có hai vạn một ngàn. Ba cái chung có ba vạn hai ngàn, thành tám vạn bốn ngàn. Bốn ngàn là số phiền não trong ngoài của năm uẩn, tám vạn là số phiền não của tham sân si, mười sử. Tất cả đều do sáu căn, danh sắc, thức tạo thành vô số phiền não, ngang bằng sự mê lầm của mười phương. Trong ba pháp đó, chủ yếu là ý căn. Nay chỉ dùng định làm thanh tịnh ý căn vốn không này, năm uẩn xưa nay không có chủ thể. Tất cả cảnh giới trong ngoài, sông núi, đất nước, gió, lửa đều do ý căn nắm bắt hình tướng sanh khởi thức, chấp chặt thành thức thứ bảy. Tức là đặt tên theo sự chấp chặt, không có thể riêng biệt nào. Tùy nghiệp có ba cõi, cõi hữu lậu nên có thức hạt giống thứ tám, thức này cũng không có thể riêng biệt nào. Tất cả chỉ do ý thức tạo thành. Nay người tu hành chỉ cần đình chỉ ý căn, vững chãi như núi, tâm cảnh tự nhiên dứt. Ý không còn, cảnh cũng chẳng có, thức diệt trí thành. Trần lao mê hoặc lâu xa vốn do mê ý mà có. Diệt ý, trí hiện, mười phương hiện rõ, tâm cảnh trống không gọi là Trí địa. Vì ánh sáng trí soi thấu muôn cảnh, không thể tướng. Vì không hiểu trống không nên giả có, không gốc ngọn, không sống chết. Tất cả cảnh giới trời người, địa ngục, sáu nẻo, ba cõi đều có ý vọng sanh. Ý không còn thì cảnh giới hư vọng cũng mất. Như cũi hết lửa tắt, ý diệt nghiệp không, bốn đại cũng chẳng còn, núi sông đất nước đều tan biến theo ý. Tình thức phóng túng này mất, suy nghĩ đều diệt là do chánh định, không do sự suy xét của tình thức. Tác giả nói kệ: Núi sông đất nước cùng gió lửa, cảnh giới ba cõi do ý sanh, ý thức diệt hết như hư không, tất cả cảnh giới cũng chẳng còn. Ý thức không còn, cảnh giới mất, chỉ còn chơn trí thật trang nghiêm. Cảnh trí trang nghiêm như ánh sáng, chiếu soi cùng khắp chẳng có không. Trí cảnh không thân nào thấy được. Nhờ nghiệp thanh tịnh được như vậy, dùng trí rộng lớn chiếu thế gian, không thấy thế gian chỉ thấy trí, dùng cặp mắt thường thấy thế gian, nhưng không đắm nhiễm cảnh giới ấy.

Hỏi: Trí căn bản vốn trong sạch, vì sao không là Phật? Lại bị mê mờ thành chúng sanh trong sáu cõi, trôi nổi trong biển khổ? Nếu do tu tập đạt được thì không còn sanh diệt, thường thuộc nhân quả của trời, người. Nếu không do tu tập, cớ sao không vốn là Phật mà lại là chúng sanh có khổ vui, sống chết trong sáu cõi.

Đáp: Vì trí chân thật vốn không có tánh, không có bản thể, nhưng luôn tồn tại. Nói mình là Phật là căn cứ trên tự tánh thanh tịnh. Vì không có tự tánh nên không có việc tự nhiên ta là Phật, ta thanh tịnh. Nếu tự

nhiên ta là Phật, ta thanh tịnh, ta là trí huệ, ta thành chánh giác thì còn có pháp để đạt được, đó thuộc về chấp thường, sẽ bị hư hoại. Hãy quán sát kỷ mười phương không có pháp ấy tồn tại. Nếu có không có pháp ấy thì không có ba cõi mười phương đủ khổ vui, sống lâu, chết yểu... muôn thứ sai khác, đủ mọi chúng sanh. Nếu không có tự thể tồn tại thì phải hội đủ điều kiện mới có được, không do tu tập đạt được. Hai cách này đều thuộc chấp đoạn thường, vì đều không có tự tánh. Vì không hiểu tâm cảnh, chấp trước, tạo nghiệp nhân, chấp có nhẹ nặng, trái thuận, sân, ái tham si, đủ loại khổ vui sai khác của sáu cõi sanh tử. Vì phiền não tham chấp yêu ghét vui buồn nên có đủ loại nghiệp. Do phiền não ít nên có quả vui của trời, người. Do biết khổ sanh tử nên biết được trí Phật. Nhờ thầy chỉ dạy phát tâm. Nghĩa là biết sanh tử dài lâu mới phát ý cầu đạo chơn chánh, không phải tự nhiên sanh ra là Phật. Chơn chánh là trí biết đúng, không có tự tánh. Nếu trời, người, rồng, thần biết được tội lỗi. Trôi lăn mãi trong sanh tử rồi tôn bậc thông đạt trí Phật làm thầy để thành tựu sự giác ngộ, làm thanh tịnh tâm cảnh mới có thể biểu hiện bản tâm không tánh. Biết cảnh đối tượng duyên của tâm đều là không tánh, tự tánh không sanh khởi. Tâm cảnh không sanh khởi là trí cảnh. Vì trí hiển hiện nên chiếu soi cảnh mà ý thức mê đắm. Biết tất cả đều không là trí cảnh. Tất cả nhân quả của ba cõi đều do nghiệp, đạt trí là nhờ định không tạo tác. Lúc này mới biết được trí vốn không tánh, không vô minh, không thành Phật. Vì trí vốn không tánh nên biết tất cả đều không tánh, không vô minh. Vì trí không tánh, không vướng mắc, vốn là Phật nên có kinh dạy: Các pháp không tự sanh vì do duyên sanh. Không do trí khác sanh vì duyên vốn không tánh. Không cùng sanh vì thể của trí và sự tu hành trống không, không tự tánh, không tan hợp, đều do nhân sanh. Phải do hiểu biết tu tập mới hiển hiện vì không tự nhiên thành tựu. Không thành mà thành, không hoại mà hoại vì trí không nương tựa, vốn không tự thành, cũng không tự hoại vì trí không nằm trong thành hoại. Không thuộc đoạn thường vì trí không tự tánh. Không thuộc sanh tử vì trí không nơi nương tựa, không thuộc sanh tử. Trí hiểu biết không nơi nương tựa thì không thể tu đạt được. Nhưng thần dụng của nó có khắp mười phương, tùy chúng sanh hiển hiện. Không nhanh nhưng có khắp ở trong thần nhưng không phải là thần mà có công dụng lớn, ở trong trí nhưng không phải trí mà lại rất sáng. Vốn trống không không thể tánh. Vì trống không nên nước lửa không hại được, dao bén không làm tổn thương được, sanh tử không làm biến khác được. Nói trống không nhưng có thần dụng của sự trống không. Nói có nhưng

không có hình tướng nào đạt được. Rộng nhưng không phìn ra, nhỏ nhưng không co lại. Vì tạo lợi ích cho những kẻ chưa hiểu biết mà giả đất tên, ở trong tên nhưng không có tên. Tất cả sự hiểu biết như tiếng vang, thể của Như Lai như ánh sáng, sự giáo hóa chúng sanh như dợn nắng, sự phát nguyện như gió, sự thực hành từ bi như mây tuôn mưa. Vì trí trống không bao hàm muôn pháp, cùng một thể với trí nhưng không ghét bỏ chúng sanh. Tùy chúng sanh hiện thân mình, giây phút đã có khắp mọi nơi nhưng không có người tạo tác.

PHẦN B

3) Trụ tu hành: chủ yếu tu nhẫn Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước). Từ đây đi về phía nam sáu mươi do tuần. Nghĩa là sau khi thành tựu pháp quán mười hai duyên sanh, quán sát sự hiện hành sai khác của sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, ra khỏi sự hiện hành ấy. Vì vị nước quán mười haiduyên sanh, quán sáu căn, danh sắc, thức thành tựu trí. Vị này ra khỏi sự hiện hành của sáu căn bằng trí. Câu từ đây đi về phía nam sáu mươi do tuần, đạo Lăng Già. Nghĩa là núi Lăng Già ở trong biển lớn, bốn bên đều là biển. Núi này cao vút không cửa ngỏ, khó lên đến. Trên núi nầy có đạo. Điều đó muốn nói từ trong mười hai chi, năm uẩn, sáu căn đạt đạo lớn, vượt khỏi sanh tử, sau căn trở thành trí cảnh, căn cảnh không ô nhiễm. Vượt biển sanh tử là biểu hiện cho sự khó lên núi ấy, nay đã lên được nên gọi là đạo Lăng Già. Tỳ kheo thiền hành trong hư không, biểu hiện cho việc muốn lên núi Lăng Già phải đi từ chỗ trống không. Điều đó có nghĩa là trong mười hai chi, ba pháp, sáu căn, danh sắc, thức hiện khởi thì khó qua được biển lớn, sanh tử vô minh, núi cao ngã mạn sân si, nay dùng thiền định soi rọi, dùng sức từ phương tiện biết căn cảnh trống không. Vô minh diệt, biển sanh tử cạn, núi ngã mạn đổ. Trí thanh tịnh sáu trần như mặt trăng tròn nên nói bên đạo Lăng Già có xóm tên Hải Ngạn. Nay sáu căn trở thành biển trí, năm uẩn, mười hai duyên, sáu căn, cảnh giới đều là pháp giới, là xóm trí huệ sáng suốt rộng lớn. Thiện tài đến đạo Lăng Già xóm Hải Ngạn quán sát mười phương, cần học nơi Tỳ kheo Thiên Trụ, nghĩa là quán sát biết tập khí của sáu căn trống không. Cảnh giới trong sáu căn và chúng sanh nơi mười phương đều trống không, từ đó dẫn đến sự thấy nghe tiếp xúc đều trống không, tạo nghiệp bằng trí huệ. Xóm Lăng Già là pháp giới, thấy nghe cảm nhận tiếp xúc đều là pháp giới. Tỳ kheo Thiện Trụ là khéo léo an trụ nơi pháp trống không, luôn tạo lợi ích cho mọi người. Không rời pháp trống không nên đi lại trong hư không. Thiện Trụ ở luôn trong biển sanh tử, làm mọi việc. Biển sanh tử và sự lợi ích cho chúng sanh đều không ngoài sự trống không, vì không đắm nhiễm. Phần sau có câu: "Thiên vương, Long vương, Thập vương cung kính" có hai nghĩa: 1) Sự chiêu cảm của đạo. 2) Thựa hành mười Ba-la-mật tự tại như vua (rõ như trong kinh). Ba thiện tri thức trên: 1) Tỳ kheo Đức Vân ở núi Diệu Phong tiêu biểu cho sự đạt được đoạn trừ hình tướng, trí huệ sáng sốt cao tột, vượt khỏi thế gian. 2) Tỳ kheo Hải Vân nước Hải Môn tiêu biểu cho sự đạt được lớn các tướng dùng trí

sáng của Phật quán sát tác dụng hiện hành của sáu căn, danh sắc, thức, mười hai duyên, mình người trong biển lớn sanh tử, thành tựu trí căn bản sáng suốt, đạo pháp Phổ Nhãn. 3) Tỳ kheo Thiện Trụ ở xóm Hải Ngạn bên đạo Lăng Già, nhanh chóng cúng dường các đức Phật thành tựu pháp giải thoát không ngại, tạo lợi ích cho chúng sanh của Bồ-tát, tiêu biểu cho sự quán sát chủng tử của sáu căn nên vượt biển sanh tử, đạt trí huệ trống không, ở trong sanh tử đem lại lợi ích cho chúng sanh nhưng vẫn tự tại. Ba vị này đã tự làm thanh tịnh phiền não của sáu căn, mười hai chi, năm uẩn, thành tựu trí huệ, hạnh nghiệp giải thoát xuất thế. Tuy chỉ làm việc độ sanh nhưng vẫn thực hành đạo xuất thế. Vì hòa nhập như vậy nên tiêu biểu bằng Tỳ kheo. Vì Tỳ kheo là hạnh xuất tục nên Thiện Tài đến chỗ vị này hỏi: Thế nào là tu pháp Phật luôn siêng năng tu tập đạo Bồ-tát? (Rõ như trong kinh) Đó là hỏi cả hai, dung hợp đạo Bồ-tát và pháp Phật, là thành tựu trí xuất thế. Bồ-tát mang hình tướng thế gian ở phần sau tiêu biểu cho việc không rời thí thanh tịnh căn bản nơi thế gian học trí thế gian của Bồ-tát. Điều đó có nghĩa là những thiện tri thức sau nếu là người thế tục như Di Già ở chợ giảng pháp nói về pháp: Luận tự trang nghiêm, trưởng giả giải thoát... tức là nơi ồn ào của thế gian chính là nơi giải thoát. Không cần phải ở trong núi, trong hư không chỉ cần chuyển tâm sẽ thành tựu đạo. Đó là sự thăng tiến: Trưởng giả Di Già, Giải thoát và Tỳ kheo Hải Tràng đã thành tựu pháp thế gian không ngoài pháp xuất thế gian. Vì thế nên người thế tục và Tỳ kheo để biểu hiện.

4) Trụ sanh qui, chủ yếu là tu tinh tấn Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam cũng như trước). Có nước tên Đạt Lý Ty Trà, nước này ở phía nam Ấn Độ (chưa dịch nghĩa tên ấy), thủ đô tên Tự Tại. Vì thiện tri thức này đạt trí xuất thế, hiểu rõ tục đế, thông cả hai đế chơn tục nên thủ đô tên Tự Tại. Trong nước đó có một người tên Di Già, vốn là người thế tục, lại ở trong chợ, một mặt vì giống tướng thế tục nên gọi người. Mặt khác vì ở trong chợ nên không thể gọi là Trưởng giả hay cư sĩ mà phải gọi là người. Di Già Trung Hoa dịch là hàng phục tà luận. Vì thế Di Già hỏi Thiện Tài rằng: Người đã phát tâm Bồ Đề chưa? Thiện Tài thưa: Đã phát tâm Bồ Đề. Di Già bước xuống, thành kính lạy Thiện Tài, rải hoa, báu vật, hương thơm cúng dường Thiện tài, sau đó mới giảng pháp: Luân tự Trang nghiêm. Nghĩa là Bồ-tát tôn kính tâm Bồ Đề mà Thiện Tài đã đạt trí căn bản sáng suốt của Phật. Di Già là hạnh nghiệp trong trí căn bản, tiêu biểu cho sự tôn kính vốn có. Thế gian kính trí xuất thế gian. Nghĩa là Bồ-tát ở trong thế gian hành đạo

Bồ-tát. Không ra khỏi, không chìm đắm, ở trong biển sanh tử, đạt vô số công đức, là nguồn gốc ra khỏi biển sanh tử, thực hành từ sáu mươi mốt lớn, là cung diện của Hạnh Phổ Hiền, là mẹ của chúng sanh, là y phục, cơm cháo nuôi lớn chúng sanh, là biển báu lớn, là căn lành của người trời. Vì kính người đã phát tâm như Phật nên Di Già nghe Thiện Tài đã phát tâm Bồ Đề liền cúi lạy, rải hoa cúng dường y phục hương thơm báu vật, cung kính lễ lạy sau mới thuyết pháp. Đây là việc không xem thường người chưa học, kính người học hỏi như Phật. Vì Thiện tài, từ miệng phóng ánh sáng là biểu hiện cho giáo pháp. Giảng pháp Luân tự, Luân là viên mãn, dùng từ ngữ của thế tục để thuyết pháp viên mãn thanh tịnh, phá trừ nghiệp ác sanh tử, tuần tự thuyết giảng văn nghĩa trọn vẹn. Những ai thấy nghe thọ trì sẽ đạt trí nghiệp thanh tịnh phá nghiệp sanh tử, lấp biển bất thiện, thành biển thiện lớn, lấp biển ngu si thành biển trí huệ, lấp biển nghèo khổ thành biển phước đức, mỗi câu đủ cả chủ thể khách thể, không mất ý đạo. Mỗi văn nghĩa được thuyết giảng như lưới Nhân Đà La cùng hỗ tương soi sáng lẫn nhau. Từ mỗi chữ mỗi lới, tùy khả năng của chúng sanh mà giảng vô số pháp. Mượn ngôn ngữ của thế gian để thành tựu pháp ra khỏi sanh tử, thy pháp thế gian bằng pháp Phật, biến ngu si của thế gian thành trí huệ, biến âm thanh nơi thế gian thành âm thanh của các đức Phật, làm vô số lợi ích. Xin trình bày sơ lược, hãy suy xét sẽ thấy được. Từ câu “Chỉ là biết pháp diệu âm Đà-la-ni sáng suốt của Bồ-tát” trở về sau là nói sự thăng tiến.

5) Trụ Cụ Túc Phương tiện: Chủ yếu là tu thiền Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam cũng giống như trước). Từ đây đi về phương nam có một xóm tên là Trụ Lâm. Ở vị này không nói cõi nước, thủ đô, chỉ nói từ đây đi về phía nam. Nghĩa là Di Già ở chỗ ồn ào mà lại là chỗ tịch tĩnh, tất cả trần lao, biển lớn sanh tử của thế gian an trụ trong thiền định. Xóm làng là nơi người ở, nơi ồn ào. Cùng một nơi ấy, chúng sanh ở lại là nơi ồn ào, người trí ở lại là rừng thiền, vị trước tên Di Già, vị này là Trưởng giả Giải thoát. Họ đều là những người ở trong nơi ồn ào sanh tử, phiền não của thế gian nhưng vẫn tịch tĩnh. Nói đi về phía nam thì không nói nơi nào, nước nào, thành nào vì Nam là đúng đắn, đi là sự thăng tiến, là chánh pháp, là thăng tiến. Nói: Từ đây đi về phía nam vì tất cả cõi bụi nhơ sanh tử của thế gian đều là nơi chánh pháp, là rừng thiền nên có tên là Trụ Lâm. Vì vậy là thể của thiền thứ năm. Cảnh giới của tất cả chúng sanh vốn là thiền nên tiêu biểu bằng trưởng giả Giải thoát, người thế tục. Chuyển tâm ra khỏi đời của ba vị Tỳ kheo trước để đi vào xóm làng sanh tử của chúng sanh vẫn

thấy đó là xóm làng thiền tịnh. Thiện Tài học pháp ở trưởng giả Giải thoát. Trưởng giả Giải thoát vốn có đủ sức từ căn lành, oai thần của Phật, khả năng ghi nhớ của Văn Thù Sư Lợi. Trí sẵn có, thể pháp thân thanh tịnh là sức từ căn lành. Trí căn bản vốn luôn tịch tĩnh, có đủ công dụng, ở khắp mười phương là oai lực của Phật. Trí thanh tịnh hiển hiện lúc đầu được phát khởi từ trí huệ trống rỗng, pháp thân không tướng là khả năng ghi nhớ của Văn Thù Sư Lợi. Lại nữa, trí vốn thanh tịnh này là pháp thiền, bản tánh trong sạch, tổng hợp thành một thân, tất cả cõi Phật dung nhiếp lẫn nhau như những ảnh tượng của ánh sáng. Tùy mỗi phương hiện mà đưa ra vô số cõi nước của các đức Phật ở mười phương, thân trang nghiêm thanh tịnh giống như gương sáng, chiếu soi các ảnh tượng, sắc tướng không bị chướng ngại. Từ thân này biểu hiện vô số Phật ra đời, nhập diệt, hiển hiện nghiệp quả ba đời không cùng tận của chúng sanh và Phật, là biểu hiện cho bản tánh vốn trong sạch, tánh thiền vốn có khắp, không nơi nào không có. Bao quát tất cả, trí thanh tịnh không tạo tác vốn như vậy, pháp thân quả ba đời tròn đủ vốn như vậy, không có tánh dài ngắn, không phải do tu tập đạt được. Đó là tự tánh thiền của tất cả pháp thế gian. Tất cả cảnh giới xưa nay vốn tịch tĩnh. Tiêu biểu bằng trưởng giả Giải thoát, người thế tục, nghĩa là không mong cầu những gì ngoài thế gian. Người tu hành phải tin hiểu như vậy. Người tu như thế, thấy tất cả cảnh giới trước mắt đều là rừng an trụ, rừng thiền. Chỉ vì người đời nắm bắt nó chấp vào đúng sai, tự phân chia cõi người, cõi mình. Từ tâm đã tạo ra các nghiệp phải có quả khổ, biết làm sao được? Từ câu: Chỉ ta biết pháp Giải thoát Trang nghiêm không chướng ngại của Như Lai” trở về sau là nói sự thăng tiến. Hai vị này biểu hiện cho thổ của thế tục là chân như, nơi ồn ào thế gian là nơi thanh tịnh. Tất cả cảnh vật, tất cả chúng sanh đều là pháp thiền.

6) Trụ Chánh Tâm: chủ yếu là tu pháp Bát-nhã Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Từ đây đi về phía nam, đến biên giới Diêm Phù Đề nghĩa là người tu hành đã đạt chỗ cùng tột của thế gian, xuất thế gian nên nói đến biên giới. Ba vị Tỳ kheo trước biểu hiện cho sự giải thoát và trí huệ xuất thế gian. Từ Trưởng giả Di Già đến Tỳ kheo Hải Tràng là biểu hiện cho sự Giải thoát và trí huệ xuất thế gian ngay trong thế gian, nên tiêu biểu bằng một vị Tỳ kheo, hai người thế tục. Có nước tên Ma Lợi Già La (chưa dịch nghĩa). Ở đó có Tỳ kheo tên Hải Tràng nghĩa là trụ thứ sáu thành tựu đạo Bát-nhã, ý tưởng thân tâm vắng lặng không sanh khởi, không còn chuyên chú nơi hơi thở. Từ mười ba phần của thân biến hóa vô số thân khác nhau, đi khắp mười phương, tạo lợi

ích cho mọi vật, trí huệ như biển, thân tâm tịch tĩnh, biết hết tất cả nên gọi là Tràng. Thiện tài thấy Tỳ kheo Hải Tràng đang thiền hành bên đường, sau đó tọa thiền, bỏ pháp quán hơi thở. Thiền hành là công dụng. Tọa thiền bỏ pháp theo dõi hơi thở là tịch tĩnh. Điều đó có nghĩa là tịch dụng không ngăn ngại. Dưới chân uất hiện vô số trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn tạo lợi ích khắp mười phương, tiêu biểu cho hạnh nghiệp của trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn luôn khiêm tôn. Vì không ngã mạn tự cao nên xuất hiện dưới chân. Hai gối xuất hiện vô số Sát lợi đế Bà-la-môn. Sát lợi đế là giai cấp vua chúa. Đầu gối là sự co duỗi tự tại. Vua là người tự tại đủ quyền lực trong thế gian, cũng như Bồ-tát ở trong sanh tử vẫn tự tại. Từ eo xuất hiện vô số tiên nhơn chúng sanh. Eo là nơi hành năm dục, tiên nhơn xa lìa năm dục, nghĩa là Bồ-tát ở trong cảnh dục nhưng không đắm nhiễm, không đắm nhiễm cũng không ra khỏi, luôn thanh tịnh nên tiêu biểu bằng tiên nhơn. Hai bên hông xuất hiện vô số rồng và rồng cái (long nữ) tạo lợi ích khắp mười phương. Hai bên hông là sự giữ gìn che chở, là tâm bi trí lớn nên tiêu biểu bằng rồng và rồng cái. Rồng tiêu biểu cho trí, rồng cái tiêu biểu cho bi. Như Bồ-tát luôn luôn ở trong pháp trống không, luôn đầy đủ bi trí, tuôn mưa pháp che chở, bảo vệ chúng sanh. từ chử Vạn ở trước ngực xuất hiện vô số A-tu-la. □ là chữ Vạn. Nghĩa là Bồ-tát ở trong sanh tử thực hành muôn hạnh nhưng không chìm đắm nên tiêu biểu bằng A-tu-la. Vì A-tu-la ở trong biển lớn, đứng sát đáy biển nhưng nước chỉ đến nữa thân. Trên lưng xuất hiện vô số Thanh văn, Độc giác. Vì Nhị thừa quay lưng với sanh tử, quay lưng với trí tuệ nên xuất hiện từ trên lưng. Hai vai xuất hiện vô số Dạ Xoa, La sát. Hai vai là nơi gánh vác mạnh mẻ. Vì Dạ xoa La sát đều có khả năng bay lên hư không. Lực dụng tự tại là hộ trì che chở. Nghĩa là Bồ-tát dùng oai lực che chở cho chúng Tăng và người lành. Từ bụng xuất hiện vô số Khẩn na la và Khẩn na la nữ. Bụng là sự bao hàm. Nghĩa là Khẩn na la là thần ca nhạc, Khẩn na la nữ tiêu biểu cho từ bi. Như bi trí lớn của Bồ-tát bao hàm muôn đức, thường đi lại trong sáu cõi mười phương, dùng pháp lạc làm vui chúng sanh, trừ hết khổ đau phiền não nên tiêu biểu bằng Khẩn na la vương, Khẩn nhiều la nữ. Vương là sự tự tại. Từ giữa bụng xuất hiện vô số Càn thát bà, Càn thát bà nữ. Đây là thần nhạc. Ví như đoàn hát ở trong núi Thập Bảo, lúc chư thiên cần nghe nhạc thì đến đó trổi nhạc. Đây cũng nhằm biểu dương cho bi trí của Bồ-tát bao hàm muôn đức và pháp lạc để làm vui chúng sanh, trừ hết khổ não. Từ miệng xuất hiện vô số Chuyển luân Vương. Miệng là nơi thuyết giảng chánh pháp, cũng như Bồ-tát thường dùng bốn Thiện

Tài không ngại làm bốn binh, bảy phần Bồ Đề làm bảy báu. Vì không nói những lời vô nghĩa thêu dệt, nên từ miệng xuất hiện Chuyển luân vương. Tất cả ngôn ngữ đều thành giáo pháp. Hai mắt xuất hiện vô số mặt trời, chiếu soi tất cả cõi ác địa ngục (mục là mắt, là tròng mắt của người) giống như Bồ-tát thường dùng mắt trí bi quan sát tất cả chúng sanh, tùy khả năng mà thuyết giảng giáo pháp để diệt trừ nghiệp ác. Từ tướng lông trắng xuất hiện vô số Đế Thích (Đế Thích, Trung Hoa dịch là Năng Chủ, nghĩa là người làm chủ, cai quản chư thiên). Tướng lông trắng giữa chân mày là nơi phóng ánh sáng trí bi viên mãn theo nẻo Trung đạo, chỉ dạy chúng sanh trong mười phương. Trên đầu xuất hiện vô số Bồ-tát. Đầu là nơi cao nhất. Đầy đủ hạnh bi trí mới đạt đến chỗ cùng tột, nên nêu số bụi trong vô số cõi Phật. Đỉnh đầu là nơi cao quí thù thắng nên xuất hiện các đức Phật, biểu trưng cho trí căn bản. Mười hai nơi biến hóa sau đều từ đỉnh đầu, kể cả lần này thành mười ba nơi. Vị này đã an trụ nơi tâm chơn chánh, bỏ pháp theo dõi hơi thở, tịch, dụng không ngăn ngại. Địa thứ sáu của mười địa giống vị này, đạt thần thông tịch tĩnh nhưng bi trí sâu rộng khác nhau. Mười Địa tiêu biểu bằng trời Dạ Ma. Vị này tiêu biểu bằng Tỳ kheo. Suy kỷ sẽ thấy được Thiện Tài an trụ, suy xét, quán sát suốt một ngày một đêm nghĩa là thành tựu viên mãn tâm bố thí Ba-la-mật. Bảy ngày bảy đêm là làm viên mãn bảy phần giới. Nữa tháng là làm viên mãn Nhẫn Ba-la-mật. Một tháng là làm viên mãn tinh tấn Ba-la-mật, đủ tự lợi, lợi người nên một tháng. Sáu tháng là thành tựu các hạnh Ba-la-mật. Sáu ngày là làm viên mãn sáu trí. Tỳ kheo Hải Tràng nói: Tam muội này tên là Phổ Nhãn xa đắc, vì mắt trí như hư không, chiếu khắp mười phương. Trí trống rỗng không thể tánh, mọi vật cũng vốn không, giác quan, ngoại cảnh luôn trống không nên soi thấu mọi nơi. Không đắm nhiễm ngoại cảnh nên gọi là Phổ Nhãn xả đắc, vì không lấy bỏ nên chánh trí hiển hiện. Đó là tri kiến Phật, còn gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Cảnh giới thanh tịnh sáng suốt còn gọi là Phổ Trang nghiêm thanh tịnh. Nghĩa là dùng trí huệ trống không, từ mười ba chỗ của thân này hóa hiện vô số thân như mây, đầy dẫy trong tất cả cõi Phật chúng sanh, thành tựu sự nghiệp hóa độ tất cả chúng sanh và tự hiểu rõ thân tâm. Đó là thần thông vi diệu không tạo tác, vượt ngoài hạn lượng của tình thức, tánh như hư không, công dụng tự tại. Từ câu: "Chỉ ta biết được Tam muội sáng suốt Bát-nhã Ba-la-mật" trở về sau là noí về sự thăng tiến. Sáu Ba-la-mật trên là đầy đủ tâm xuất thế gian và đoạn hết tâm thế gian, nữ cư sĩ Hữu Xả tiêu biểu cho sự thành tựu từ bi lớn, dùng phương tiện Ba-la-mật vào trong sanh

tử, cùng sống với chúng sanh. Những lẻ đủ vô số phiền não. Vị sau là như vậy (văn sau sẽ nói rõ). Nếu không như vậy sẽ thiên nặng về giải thoát xuất thế, không đủ từ bi lớn. Từ trụ thứ nhứt ở núi Diệu Phong, trụ địa ở Hải Môn, trụ Tu Hành ở Hải Ngạn, trụ sanh lý ở nước Đạt Lý Tỳ Trà, trưởng giả Di Già, đến trụ Cụ túc phương tiện ở xóm Trụ Lâm và trụ chánh tâm thứ sáu đều cùng một giải thoát. Từ trụ Bất thoái thứ bảy, trụ thứ tám, thứ chín, đến trụ Quán đảnh, nếu không thành tựu lẫn nhau thì người tu hành đạt được một pháp tự cho là đủ, không biết cầu tiến, chưa đạt cho là đạt, chưa đủ cho là đủ. Vì vậy có giáo pháp giống khác của năm vị. Hiểu đúng lý trí, hạnh giải, từ bi, thần thông, lực dụng thì không vướng mắc. Mà phát tâm đã thành chánh giác. Vì nhờ chánh giác mới đoạn trừ tập khí, công đức mới có diệu dụng, thành tựu đạo Phổ Hiền và mọi hạnh nghiệp. Từ trí không đầu cuối, không xưa nay, không ba đời. Thành tựu các đức để trọn vẹn trí sáng, đầy đủ hạnh nguyện Phổ Hiền. Không thể xem người chỉ hiểu một lý không tạo tác, không hiểu mọi việc là Phật. Đó là đạo Thanh văn, Độc giác, không phải là Phật.

7) Trụ Bất Thoái: Chủ yếu tu Phật Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Từ đây đi về phía nam, nghĩa là từ Tỳ kheo Hải Tràng ở trong thế gian thực hành trí sáng xuất thế gian, vào trong sanh tử, sống với chúng sanh, những kẻ đủ vô số phiền não, khéo léo dùng bốn nhiếp pháp tùy thời cơ chỉ dẫn chúng sanh, để chúng giải thoát (nghĩa phương nam như trước). Trụ xứ tên Hải Triều tiêu biểu cho hạnh Phương tiện của trụ thứ bảy. Dùng Thánh trí sáng suốt vào biển sanh tử, soi chiếu tám vạn bốn ngàn sóng phiền não của chúng sanh, tùy lớn nhỏ mà chỉ dạy. Trụ xứ tên Hải Triều là biểu hiện cho việc Bồ-tát biết khả năng và thời cơ để độ chúng sanh, không trái thời cơ. Vườn tên Phổ Trang nghiêm tiêu biểu cho hạnh Phương tiện ở trong sanh tử, đi lại trong đó, xem niềm vui của chúng sanh là niềm vui của mình, nên gọi là vườn. Dùng vô số hạnh nguyện, hiểu tâm tánh của tất cả chúng sanh, làm cho chúng vui vẻ phát tâm Bồ Đề, được niềm vui của cõi người, cõi trời nên gọi là Phổ Trang nghiêm. Trong vườn có nữ Phật tử tên Hữu Xả (Trung Hoa dịch là đầy đủ hạnh nguyện), nghĩa là hạnh nguyện lành, thoả mãn mọi ý nguyện của chúng sanh, thành tựu pháp lành, ở trong sanh tử luôn hóa độ chúng. Còn gọi là ý lạc vì thỏa mãn sở thích của chúng sanh, hồi hướng về tất cả pháp lành. Nơi nữ cư sĩ ở, tường rào bằng phẳng, cây cối trang trí bằng báu vật, trăm vạn gian nhà (rõ như trong kinh, không thể nói hết) đó đều là do sức tư bi sâu rộng của nữ Phật tử. Nơi ở xinh đẹp tiêu biểu quả không tự nhiên có, quả có từ nhân, xét quả sẽ biết nhân,

nhân quả tương xứng, biết được hạnh nghiệp. Thân là chánh báo. Thân sáng rực, tóc óng mượt, vương miện bằng ngọc Hải Tạng, hơn cả vòng vàng báu vật cõi đời, khoen tai bằng ngọc Ma Ni trong miệng Sư tử, chuỗi báu bằng ngọc như ý, toàn thân được bao bọc bằng lưới báu, ngồi tòa vàng ròng. Đó là quả báo của thân. Trong vườn luôn có vô số người hầu hạ là tiêu biểu cho hạnh từ bi lớn, trong mỗi hạnh có vô số hạnh, hộ trì tất cả chúng sanh. Thân thể và hoàn cảnh đều từ hạnh nghiệp từ bi. Thiện Tài hỏi nữ Phật tử phát tâm đã bao lâu. Nói sơ lược bằng số bụi trong một cõi Phật. Trong lúc kinh đầu chép: Đã tu tập phạm hạnh ở chỗ vô số Phật bằng số cát của ba mươi sáu sông Hằng (việc đó chỉ dùng trí Phật mới biết được). nghĩa là từ Tỳ kheo Hải Tràng đủ trí ba không, sáu Ba-la-mật. Trí ba không soi rọi phá trừ phiền não sáu căn, sáu trần, thành tựu trí sáng của Phật. Hàng Thập địa đã tu tập đầy đủ ba mươi bảy phẩm trợ đạo như ba không, sáu độ, bảy phần giác, bốn nhiếp pháp, bốn tâm vô lượng. Sau khi thành tựu quả Phật sẽ thành tựu hạng Phổ Hiền, tự tại làm mọi việc mới được ngừng nghĩ. Vì trí bi vô công, làm mãi không ngừng. Hành sáu Ba-la-mật, trụ tâm xuất thế đạt trí ba không, trọn vẹn đạo xuất thế, những vị trước tuy có từ bi giáo hóa chúng sanh nhưng trí trống không chưa sáng, chưa chiếu soi hết, thường thích đạo xuất thế. Đến trụ Chánh tâm thứ sáu, Tỳ kheo Hải Tràng trọn vẹn hạnh đức, bỏ pháp theo dõi hơi thở, trí huệ thần thông tự tại (như trước đã nói). Dùng trí ba không vào trong sanh tử thành tựu từ bi lớn, sống chung với chúng sanh, những kẻ đủ vô số phiền não. Từ trụ Quán đảnh trở về sau làm viên mãn trí bi (sau sẽ tuần tự nêu ra). Nếu không như thế đến trụ chánh tâm thứ sáu, thành tựu độ sanh bằng trí xuất thế sẽ không có trụ thứ bảy. Nghĩa là đoạn dứt hạnh vào sanh tử bằng từ bi lớn, sẽ không thành tựu công dụng lớn của ba vị sau. Vì thế đến trụ bất thoái thứ bảy, nữ Phật tử Mãn Nguyện nói rằng: “Từ lúc phát tâm, tađã trải qua vô số cõi Phật bằng số cát trong ba mươi sáu sông Hằng tịnh tu phạm hạnh”. Trước tiên nêu ra mười đức Phật như Phật Thiên Đăng. Sau đó chỉ đưa ra số lượng bằng số cát trong ba mươi sáu sông Hằng. Nghĩa là ba đời các đức Phật đều có đủ trí tuệ ba không và giải thoát nên nêu ra trước. Vì từ trí ba không, dùng sáu Ba-la-mật vào biển sanh tử thành tựu ba vị sau, làm cho trí huệ viên mãn, thành tựu hạnh Phổ Hiền. Vị trước tiêu biểu bằng Tỳ kheo. Vị này tiêu biểu bằng nữ Phật tử. Đó là một phần theo nghĩa từ bi của thế gian. Chủ yếu là nói người tu hành dù nam hay nữ đều phải đầy đủ từ bi như hòa nhẫn nhục, không bỏ chúng sanh. Thánh giáo sâu mầu, ngôn từ khó tả hết nên tiêu biểu

bằng Tỳ kheo, cư sĩ, trưởng giả, người nữ. Từ hình tượng hiểu được ý, đã hiểu được ý thì không cần hình tượng, không tạo tác. Từ ba không này pát khởi hạnh nguyện lớn, đi vào trong nẻo của ba cõi khắp mười phương, độ thoát tất cả chúng sanh. Nếu chưa độ thoát hết thảy chúng sanh thì hạnh Phổ Hiền không bao giờ hết. Mười địa cũng như đây. Dùng hạnh nguyện của địa thứ bảy thành tựu ba địa tám, chín, mười, hạnh Phổ Hiền và sự nghiệp như pháp giới, mười lực, bốn vô úy của Như Lai. Nếu không có hạnh lớn vào sanh tử của địa thứ bảy thì chỉ đến địa thứ sáu, hành Ba-la-mật, đạt thần thông xuất thế đã cho là đầy đủ, không biết hạnh nguyện khác, đoạn dứt địa bảy, tám, chín. Diệu giác, đẳng giác, quả Phật và hạnh nguyện Phổ Hiền. Pháp của mười địa giống như vị này nhưng trí bi rộng hơn, tập khí nhân quả khác nhau. Tỳ kheo, cư sĩ, trưởng giả, nữ Phật tử, tiên, Bà-la-môn, Vua, người nữ, của mười trụ giống như chín vị thần nơi cõi trời Dạ Ma, một người nữ tên Như Lai Thê Cù Ba của mười địa. Dùng thần thông phá trừ đêm dài sanh tử nhưng công hạnh có hơn kém khác, suy xét sẽ biết được. Thiện Tài hỏi: Thánh giả! Ngài đã thành tựu vô thượng Bồ Đề bao lâu? Nữ Phật tử đáp: Ta thành Phật không vì giáo hóa một chúng sanh. Lại nói: Giáo hóa hết thảy tất cả chúng sanh, nguyện ta mới hết. Chúng sanh tất cả Phật, trang nghiêm tất cả đạo tràng nguyện ta mới hết. Nghĩa là quả Phật Bồ Đề không có đầu cuối, hạnh Phổ Hiền không có đầu cuối. Từ câu: "Chỉ ta biết được pháp giải thoát an ổn không còn lo buồn" trở về sau là nói về sự thăng tiến. Biểu hiện cho vị này vào biển sanh tử, thành tựu từ bi lớn, không lánh nơi ồn ào vì tâm không phiền não. Cho dù có vô số chúng sanh cùng lúc não hại vẫn luôn vui vẻ nên gọi là giải thoát an ổn không lo buồn.

8) Trụ Đồng Chơn: Chủ yếu tu nguyện Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Ở phía nam cõi này có nước tên Na La Tố (Trung Hoa dịch là không lười mõi). Nghĩa là Bồ-tát này đạt một phần trí vô công, nhớ lại hạnh nguyện của mình, thực hành hạnh từ bi, không lười mõi, siêng năng gấp bội. Tên không lười mõi giống tên Hải Triều, vị trước là nuôi lớn từ bi, vị này trí huệ dần sáng, nghĩa là bi trí đồng một thể. Vì từ trụ thứ bảy nhập trụ này là từ bi khởi trí. Trụ Quán đảnh thứ mười là từ trí thực hành bi nên biểu trưng bằng Từ Hành. Con gái vua Sư tử Tràng. Cõi đó có tiên nhơn tên là Tỳ Mục Cù Sa (Trung Hoa dịch là tiếng nói có hùng lực làm người khác kinh sợ). Trụ đồng chơn thứ tám dần đạt một phần chánh trí, nói rằng làm cho ma kinh sợ. Vì sao vị này lại tiêu biểu bằng tiên nhơn? Có hai lý do: 1) Trí thanh tịnh như tiên không còn

năm dục; 2) Dần đạt trí sáng, tùy thuận giáo hóa kẻ tà kiến, khuyên họ tu tiên là khiến họ nhập chánh trí. Tiên nhơn xoa đầu Thiện Tài là thọ ký sẽ đạt trí này. Cầm tay Thiện Tài là biểu hiện cho sự chỉ dẫn. Lúc ấy Thiện Tài thấy mình đi qua vô số cõi nước bằng số bụi trong mười cõi Phật ở mười phương, đến vô số cõi Phật bằng số bụi trong mười cõi Phật. Thấy cõi Phật và Đại chúng (rõ như trong kinh). Nghĩa là dần đạt trí sáng, sự thấy biết và sự giảng thuyết tự tại như Phật. Vì trí như hư không nên thấy Phật và cảnh giới như hư không. Không đâu là không thấy. Chỉ giây phút dùng diệu lực của Tam muội, thấy rõ vô số kiếp. Tiên nhơn thả tay Thiện Tài trở lại như cũ. Nghĩa là Trũ Đồng Chơn vừa đạt một phần trí sáng, nhờ sự chỉ dạy dẫn dắt gia hộ của bậc Thánh mới thấy cảnh giới Phật. Nếu thành tựu quả Phật, mười phương luôn hiển hiện, không cần nhọc sức. Từ câu: “Chỉ tu đạt pháp Giải thoát không gì hơn của Bồ-tát” trở về sau là nói sự thăng tiến.

9) Trụ Pháp Vương Tử: Chủ yếu là tu lực Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Câu ở phía nam cõi này có nghĩa là vị trước tiếp nhận vị trụ (nghĩa phía nam như trước) vì vị này thành tựu trí ngay thật, thuyết giảng tạo lợi ích cho chúng sanh giỏi hơn vị trước, tùy thuận khả năng của chúng sanh nhưng không tà vạy nên gọi là trưởng Trực. Đó là nói tâm cảnh đều là pháp giới. Xóm đó có Ba-la-mật Thắng Nhiệt. Lửa thế gian sanh từ phiền não, trí huệ mát tịnh vượt qua phiền não. Vì vượt qua lửa phiền não nên lửa không đốt được. Trí này hòa nhập với công dụng thần diệu chẳng do tâm tạo nên. Vị này lên núi cao cao tột, vào đống lửa lớn trong chất đầy của cải, cháy ngút lên trời, nghĩa là người tu hành đạt đến vị này, nghiệp phiền não hết, có trí huệ, hàng phục kẻ tà kiến làm cho chúng trở về chánh kiến. Khuyên Thiện Tài lên núi dao, Thiện Tài nghi ngờ, chư thiên an ủi để dẹp tâm nghi. Nghĩa là định kim cáng sáng chói, thiêu cháy cũi phiền não, cắt đứt lưới tà kiến, quay về với chánh pháp. Người nhập định Kim cang phiền não đoạn trừ hết như ao nước mát trong chánh pháp trí trí huệ không hình tướng là núi dao, ánh sáng mầu nhiệm không tánh phá trừ hoặc chướng là định Kim cang này. Nếu còn thấy có một tia nhỏ Kim cang, thì không thể phá trừ trần lao chấp trước. Tác giả nói kệ: Trí sáng căn bản khắp hư không, sanh trí mầu nhiệm dao Kim cang, phá trừ nghiệp chấp của chúng sanh, thành tựu bản trí sáng vi diệu. Nghĩa là trí căn bản tạo ra vô minh, từ trụ thứ nhứt của mười trụ đã hiển hiện trí không hình tướng, đến vị pháp vương thứ chín từ trí căn bản khởi công dụng, trí huệ mầu nhiệm tạo lợi ích cho chúng sanh. Đó là lửa của định Kim cang. Khởi vô số núi dao trí huệ,

chiếu soi cắt đứt phiền não nơi đêm dài sanh tử của tất cả chúng sanh và dùng phương tiện chỉ dẫn những kẻ mê lầm khổ hạnh, bị năm ngọn lửa đốt thân.

10) Trụ Quán Đảnh: Chủ yếu là tu trí Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Ở phía nam có nước tên Sư tử Phấn Tấn, nghĩa là đạt trụ quán đảnh trí Ba-la-mật càng sáng. Vị này thực hành bi bằng trí, ở trong biển sanh tử hiển rõ thể của tâm cảnh. Trí căn bản vốn không sanh diệt, không sợ sanh tử. Vua tên Sư tử Tràng nghĩa là từ một trí, cùng lúc đi khắp mười phương, hiện thân trước chúng sanh như tiếng vang vọng khắp. Lại như Sư tử nhanh mạnh, cùng lúc toàn thân rung động. Cõi ấy có đồng nữ tên Từ Hành là con gái vua Sư tử Tràng. Vua Sư tử Tràng là trí, đồng nữ Từ Hành là hạnh từ bi. Nghĩa là vị này thực hành bi bằng trí, cùng làm mọi việc như thế gain, nhưng không đắm nhiễm nên tiêu biểu bằng đồng nữ. Như nữ Phật tử Hưu Xả ở trụ thứ bảy, từ hạnh từ bi thành hạnh trí huệ. Nghĩa là vì còn chủng tử nhiễm ô nên tiêu biểu bằng nữ Phật tử nhờ hình tượng biết được pháp, đạt pháp bỏ hình tượng suy xét sẽ thấy được. Năm trăm đồng nữ hầu hạ tiêu biểu cho phiền não trong năm uẩn. Trong kinh dạy: Mỗi uẩn có năm trăm phiền não. Năm uẩn có hai ngàn năm trăm phiền não. Vì hạnh này bao quát năm trăm hạnh Ba-la-mật của năm vị. Cùng sống với chúng sanh. Những kẻ đầy phiền não. Là người đứng đầu trong tám mươi bốn ngàn năm trăm người, ở trong điện Tỳ-lô-giá-na, nghĩa là hạnh từ bi lớn ở trong tạng trí căn bản sáng suốt. Đó là thể của cung điện. Ngồi trên tòa được bao bọc bằng lưới báu, thuyết giảng diệu pháp. Nghĩa là từ trí căn bản Sư tử Tràng Vương sanh khởi trí huệ vi diệu. Rồng mưa pháp lớn đem lại lợi ích cho chúng sanh. Chiên Đàn là tên loại hương. Hương này trừ rắn độc nhiệt não. Vào mùa nóng, vì nóng nực rắn quấn vào cây. Nóng mát tiêu biểu cho thiện tri thức này thuyết pháp, rắn vô minh được mát mẻ. Tòa bao bọc bằng lưới báu. Tuyến là xâu kết, võng là lưới pháp, là che chở. Nghĩa là xâu kết lưới pháp che chở chúng sanh nên được quả báu ngồi trên tòa này. Thiện Tài đến cung điện cầu học với đồng nữ ấy. Trí là vua, bi là cung điện, là nơi cầu học. Xét quả báo, tất cả mọi nơi đều có vô số Như Lai phát tâm học đạo, thành đạo thuyết pháp, Như Lai như ánh sáng ảnh hiện trong lưới Đế Thích. Dùng ấn Ba-la-mật in vào nghiệp ba đời, cùng tột tất cả cảnh giới. Đồng nữ bảo Thiện Tài: Thiện nam tử! Đây là pháp Phổ Trang nghiêm Ba-la-mật, ta ở chỗ vô số Phật bằng số cát ba mươi sáu sông Hằng cầu đạt pháp này. Ba không, sáu độ trí huệ là số Phật. Pháp mà đức Phật này giảng thì đức Phật không

giảng lại. Nghĩa là từ trí căn bản phát khởi ba không trí huệ đều là trí Phật. Và cũng là trí trong không, không tướng, không tạo tác, với sáu Phật Ba-la-mật, biến trần lao trong ngoài sáu căn của chúng sanh thành thanh tịnh. Trang nghiêm pháp giới chúng sanh bằng trí Phật: như Phật sau có chép: Vô số Bát-nhã Ba-la-mật đều lấy trí căn bản ba không làm thể tạo thanh tịnh cho tất cả chúng sanh, để chúng sanh thành tựu trí huệ Như Lai đều lấy trí ba không làm thể (rõ như trong kinh). Từ câu: "Chỉ ta biết được pháp Bát-nhã trang nghiêm này" trở về sau là nói sự thăng tiến. Nghĩa là từ trụ thứ bảy vào biển sanh tử, cùng sống với chúng sanh, những kẻ đầy vô số phiền não, đến trụ thứ mười mọi hành đều viên mãn, trí huệ viên mãn. Từ trí căn bản khởi ô số trí dùng biết không làm thể, phá trừ phiền não, trí huệ cũng chẳng có. Vì phiền não của chúng sanh nhiều nên trí Bát-nhã cũng nhiều. Như Lai hóa hiện thân hình cũng nhiều. Nghĩa là phước đức trí huệ thần thông diệu dụng mà mười trụ tu tập đều trở thành hạnh đạo lợi ích cho chúng sanh của mười hạnh. Còn làm cho những kẻ ở trong hoặc chướng tập khí sâu dày, tự điều phục mình, thành tựu Giải thoát.

Trên đây nêu mười thiện tri thức đủ cả phàm tục, xuất thế gian, ở thế gian. Những người đã dùng trí trống không, Giải thoát, từ bi, tùy thuận chúng sanh chỉ dạy lợi ích, để biểu hiện cho chánh pháp. Trong năm vị có những chỗ khác biệt trước sau nhưng sự tu hành không ngoài một thời, một pháp, một vị. Tóm thâu tất cả thời, pháp trước sau vì trong cảnh trí không có xưa nay.

■

LƯỢC THÍCH TÂN HOA NGHIÊM KINH TU HÀNH THỨ ĐỆ QUYẾT NGHI LUẬN

QUYỂN 3

PHẦN A

Mười Hạnh:

(1) ***Hạnh Hoan Hỷ:*** Phía nam có nước tên Tam Mục, ở đó có Tỳ kheo tên Thiện Kiến (nghĩa phía nam như trước). Nước tên Tam Mục là tiêu biểu cho mắt pháp, mắt trí, mắt huệ. Vì Thiện tri thức này luôn dùng ba mắt ấy để tạo mọi lợi ích cho chúng sanh. Mục là mắt, vì mắt pháp sáng sạch, luôn thấy pháp thân, mắt trí biết khả năng của chúng sanh, mắt huệ phân biệt lực chọn, thấy rõ đúng sai. Với ba mắt ấy, hạnh nghiệp không sai lầm. Nếu không có ba mắt ấy, bản thân còn mê lầm đắm nhiễm, làm sao tạo lợi ích cho chúng sanh, đưa chúng ra khỏi sự trói buộc che đậy? Vì hạnh nghiệp của Thiện tri thức nên nước có tên Tam Mục. Tỳ kheo tên Thiện Kiến vì dùng ba mắt này biết được khả năng của chúng sanh, tùy thuộc làm lợi ích, không phí công chỉ dạy. Vì sao vị đầu tiên của mười hạnh lại tiêu biểu bằng Tỳ kheo? Vì về hạnh nghiệp, trước dùng ba mắt soi sáng, ở trong thế gian nhưng không nhiễm đắm nên là Tỳ kheo. Tỳ kheo không đắm nhiễm là giải thoát. Hạnh đầu của mười hạnh tiêu biểu bằng Tỳ kheo là vì không đắm nhiễm. Hạnh đầu của mười trụ Tỳ kheo Đức Vân ở núi Diệu Phong là từ định quán sát. Vì xuất thế gian không còn chấp tướng. Hạnh đầu của mười hồi hướng. Trưởng giả Chúc Hương hiệu Thanh Liên Hoa là chuyển tâm xuất tục, vào trong sanh tử, thành tựu hạnh từ bi lớn, ở trong đời nhưng thấu biểu chơn như, không đắm nhiễm, nên tên là Thanh Liên Hoa Người thế tục. Như cư sĩ Tịnh Danh vậy. Địa đầu của mười địa tuêu biểu bằng Dạ Thần tên Bà San Bà Diễn Để (Trung Hoa dịch là Chủ Đương Xuân Sanh) vì mười hạnh với hạnh từ bi, luôn ở trong đêm dài sanh tử,

chỉ dẫn tất cả chúng sanh khiến mầm lành thêm lớn. Cũng là vị thần làm chủ mùa xuân, cây cỏ đâm chồi nẩy lộc. Thiện Tài đến nước Tam Nhãn, đi khắp xóm làng thành ấp, núi non, hang hốc để tìm kiếm (thành thì chúng ta đã biết). Lân, trong Đại truyện của sách thượng thư chép: năm nhà là Lân, ba Lân là Bằng, ba Bằng là Lý, năm Lý là Ấp. Đây là chế định của đời Ngu Hạ (ngoài ra chiếu theo đây sẽ biết). Thiện Tài đi khắp nơi tìm kiếm tiêu biểu cho sự quán sát các pháp, biết tịnh loạn không có thể tánh, ở đâu cũng không vướng mắc. Tỳ kheo ở trong rừng thiền hành tiêu biểu cho hạnh nghiệp như rừng che mát, nuôi lớn muôn loài. Đất có rừng trang sức cảnh đạp, người có hạnh trang sức đem lại lợi ích cho chúng sanh. Thiền hành là vì thể tánh không ở trong sanh tử, cũng chẳng ở trong Giải thích Niết-bàn. Tỳ kheo trẻ, khỏe tượng trưng cho sự khen che của thế gian không đánh bại được, luôn tạo lợi ích cho chúng sanh. Tóc óng mượt xoắn về bên phải, không rối, đỉnh đầu cao, da óng mịn, cổ ba ngấn, trán rộng bằng, mắt to dài như cánh sen xanh, đủ ba mươi hai tướng là thể hiện với ba mắt pháp trí huệ, bên trong trang nghiêm, bên ngoài hiển hiện hạnh lành, từ bi vui vẽ, biết khả năng để đối xử. Khi đi lại thong dong tự tại. Lúc quán sát có trời rồng tám bộ, Đế Thích, Phạm Thiên, Hộ Thế Thiên vương vây quanh là sự chiêu cảm của hạnh đức. Cai trị một cõi, tùy ý qua lại. Tám quẻ Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, Càn, Khảm, Cấn và hai phương trên dưới là mười phương. Nơi nào cũng có thần qua lại. Lại nữa trong pháp biểu Chấn là Mộc (cây). Vì mộc bao hàm mọi hiện tượng ở mười phương. Chữ mộc gồm chữ Thập và chữ Bát, Chấn là tiếng, là chấn động, là rồng xanh, là tốt lành, là trẻ trung, là phát minh, là pháp đầu của các pháp lành, ở đây tiêu biểu cho phương đông. Phương nam tiêu biểu với quả Ly, là hư vô, là đúng đắn, là mặt trời, là mắt, là tâm, là sáng đẹp, là thông suốt. Nếu đạt tâm trống không là có trí huệ sáng đẹp. Vì thế hỏi một lại biết mười, là thông suốt. Con rùa của mười bằng là tiêu biểu việc hỏi một biết mười, là trí huệ sáng. Phương Bắc là quẻ Khảm, là nước là thần Huyền Vũ, là sáng suốt. Phương này tiêu biểu cho sự tối sáng phân minh. Do là chữ Bắc nên ngày đông chí của tháng mười một là phần đầu của tối sáng bắt đầu phân chia hết tối lại sáng, sáng tối ngược nhau. Lại nữa, sự đúng đắn như Huyền Vũ, sự mê mờ như gian tà, lành dữ không hòa được, không thuận nhau, không thể so sánh, tối sáng luôn trái ngược, là chữ Bắc. Vì thế trên lưng Tỳ kheo Hải Tràng xuất hiện hàng nhị thừa. Lại nữa Khảm là bền chắc, là nước, nước nuôi lớn muôn loài. Đó là nghĩa tùy thuận qua lại khắp mười cõi ác. Phương đông bắc là núi, là đá,

là dừng, là trai út, là trẻ nít, bao gồm mọi thứ lớn nhỏ. Khoảng thời gian sữu, mùi là ranh giới của âm dương. Kim tiêu biểu cho giờ sữu, mộc tiêu biểu cho giờ mùi, mặt trời mọc ở giờ dần, mặt trăng mọc vào giờ thân. Quẻ Cấn là là núi, nghĩa là núi cao khó lên. Chữ cấn gồm chữ nhơn và chữ ba, ví như đạo của bậc Thánh khó đạt. tâm thanh tịnh không loạn động như núi, là lúc đạo hiển hiện là Cấn, là tùy thuận qua lại. Phương đông nam là quả Tốn, là gió, là con gái lớn, là lời lẽ, là gia giáo nên quẻ Tốn có ở Tân Sữu, Tân Mùi. Vì sữu là trai út, mùi là mọi người, là tin thuận. Tốn là lời lẽ gia giáo chỉ dạy mọi người, trẻ nít, trai út biểu hiện cho người đạt đạo, đức nhuần, cả trời đất, không còn chỉ dạy nhưng mượn gia phong phân định chánh tà đúng sai. Vì thế chữ tốn gồm hai chữ dĩ, cộng. Sơ lược là vậy. Pháp của mười phương khó lường. Pháp của một phương đủ pháp của mười phương, đan xen lẫn nhau, khó phân biệt hết. Chỉ tùy thuận pháp thế gian, xuất thế gian mà làm, nên trong kinh có câu: “Thần cai trị một phương tùy thuận qua lại là pháp. Điều đó có nghĩa là pháp không có thể cố định, tùy việc biến chuyển. Như người đạt đạo tùy thuận thế gian, hạnh nghiệp tự tại, đi lại khắp nơi chỉ dạy dẫn dắt, khuyến hóa tất cả chúng sanh. Vì sự chỉ dạy là việc cao cả. Dạ thần dùng hoa sen nâng chân: Thần là trí, làm mọi việc ở đời nhưng không đắm nhiễm vì thể tánh trong sạch. Thần rừng Diêm phù Tràng mưa các loại hoa. Rừng này gần ao A Nậu Đạt. Hạnh nghiệp như rừng, che chở mọi loài, không làm một hạnh mà làm vô số hạnh, độ thoát chúng sanh. Hoa là hạnh nghiệp. Thần vô tận quang phóng ánh sáng phá tan bóng tối nghĩa là dùng trí sáng phá mê lầm tăm tối. Thần đất bất động, tạng biểu hiện kho báu khiến chúng sanh làm lành, mở kho báu trí huệ. Thần hư không Phổ Quang Minh dùng trí sáng độ sanh, khiến chúng sanh làm mọi việc nhưng không chấp trước, phá trừ tăm tối, thành tựu phước đức khôn lường. Thần Đức Hải mưa ngọc Ma ni là hạnh từ bi làm sạch nghiệp nhơ của chúng sanh, thần núi Tu Di Vô Cấu tạng cung kính lễ lạy cúi mình chắp tay là tuy có trí cao cả, nhưng luôn khiến tốn, không cao ngạo. Thần gió vô ngại lực mưa hoa thơm. Đây là thần của quẻ Tốn, tức là dùng trí huệ giảng dạy gia giáo, ai nghe được đều vui vẻ là hoa thơm. Tốn là gia giáo. Dạ thần Xuân Hòa Chủ trang sức thân nơi đất, làm mọi việc lành là trang sức. Tất cả hạnh nghiệp không ngoài trí căn bản sáng suốt. Thần ban ngày cầm lọng báu ơ trong hư không phóng ánh sáng lớn. Pháp thân không tướng là hư không. Trí sáng căn bản là thể của lọng báu, vì tự tánh của trí trong sạch, sáng suốt là thể của sự chiếu soi. Luôn dùng trí căn bản sáng suốt soi rọi mười

phương. Làm mọi việc nhưng không thấy có pháp nào để đạt, dùng trí này để độ thoát chúng sanh, không nhầm lẫn. Vì ở trong thế gian nhưng không đắm nhiễm, ở trong đời giáo hóa chúng sanh, hành pháp mười hạnh không sai lầm. Mười vị thần này tiêu biểu cho mười Ba-la-mật của mười hạnh soi sáng thế gian, làm gương cho người tu hành. Từ câu: "Tôi nghe bậc Thánh dạy" trở về sau là thỉnh pháp. Tỳ kheo đáp: "Tôi còn nhỏ tuổi, vừa xuất gia" là từ mười trụ vào mười hạnh. Đời tôi đã trải qua vô số cõi Phật bằng số cát trong ba mươi tám sông Hằng tịnh tu phạm hạnh. Ba mắt pháp, trí, huệ, là ba mươi. Ba mắt ấy phá trừ trừ mười vô minh của tâm cảnh thức. Vì nếu dùng ba mắt này để quán sát thì tất cả cảnh của tâm thức đều không ngoài ba mắt pháp, trí, huệ. Sự hiểu biết luôn hợp với tám chánh đạo. Dùng ba mắt này quán sát vô số phiền não sai lầm, biết không pháp nào là không giải thoát, không ngoài sự hiểu biết của ba mắt pháp, trí , huệ. Không có pháp nào không thanh tịnh, thân miệng ý đều thanh tịnh. Vì thế nên nói ở chỗ vô số Phật bằng số cát ba mươi tám sông Hằng tịnh tu phạm hạnh. Vì ba mắt thanh tịnh nên tất cả cảnh thấy biết đều thanh tịnh. Đó là sự hiểu biết của Phật. Trong kinh dạy: hoặc ở chỗ một đức Phật tịnh tu phạm hạnh trong một ngày đêm, bảy ngày đêm, nữa tháng, một tháng, một năm cho đến vô số kiếp, nhập định vô sở chứng, gặp Phật, thành tựu quả Phật, thuyết pháp... không tạp loạn. Ví như mặt trăng không có đầu cuối gốc ngọn, mọi pháp dưới mắt vị này không có đúng sai chủ thể, khách thể. Đó là tịnh tu phạm hạnh. Vì tâm cảnh thanh tịnh là Phật. Tu hành là không thấy mình đúng, người sai, là thành Phật. Giả như trải qua vô số kiếp siêng năng khổ nhọc tu tập vẫn không thoát khỏi sanh tử, làm sao biết tâm cảnh thanh tịnh? Vì dùng ba mắt trên vào đời. Người tu hành luôn dùng ba mắt ấy để quán sát thế gian, biến tâm cảnh thừa thành trí nghiệp, tâm cảnh thanh tịnh, từ bi vui hòa chỉ dẫn chúng sanh không mệt mõi, không lo lắng, tự nhiên hiểu rõ pháp Phật. Từ câu: "Chỉ biết sự giải thoát sáng suốt không cùng của Bồ-tát" trở về sau là nói về sự thăng tiến. Dùng ba mắt pháp, trí, huệ hiển hiện chiếu soi, không mê tâm cảnh, mọi chủng tử của tình thức đều hết, chỉ còn trí huệ hiển hiện. Đó là pháp sáng suốt không cùng tận. Lại nữa, ví như dùng một ngọn đèn đốt trăm ngàn ngọn đèn dù tối tăm vẫn được soi sáng. Soi sáng mãi không cùng nên gọi là đèn sáng không cùng. Vị này chủ yếu là tu thí Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu.

(2) ***Hạnh Lợi Ích:*** Phía nam có nước tên Danh Văn (nghĩa phía nam như trước) tượng trưng cho trí đức cao xa của đồng tử Tự Tại, hiểu

mọi ngành nghề: Thư, số, kỷ xảo nên tiếng tăm vang xa. Đồng tử tên Tự Tại là vì đồng tử không chết, mọi thứ trên đời không hoại được. Ở trong sanh tử tùy thuận chúng sanh, tự tại hiện thân. Ở cạnh bãi nhỏ trên sông. Trong nước, những nơi ở được, lớn là châu, nhỏ là chữ (bãi nhỏ) chữ = chỉ (bải nhỏ giữa sông) dồn cát đùa chơi là pháp số nhiều ít tùy số cát dồn, có vô số hạt. Pháp mà đồng tử Tự Tại của pháp này biết được lược có mười: 1) Thư; 2) Toán; 3) Ấn; 4) Y; 5) Công Xảo; 6) Hòa thuốc; 7) Nông; 8) Buôn; 9) Tướng; 10) Biết khả năng của mỗi người để chỉ dạy. Dùng mười pháp này tạo lợi ích cho chúng sanh. Số A du đa Trung Hoa qui là một triệu, Na do tha là một ức, còn số khác bản tiếng Phạn chưa dịch. Từ câu "Chỉ ta biết pháp thần thông kỹ xảo" trở về sau là nói về sự thăng tiến. Vị này chủ yếu là tu giới Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Hàng Thập trụ quán mười hai duyên sanh, biến biển sanh tử thành biển trí, pháp, thành thể của giới. Mười hạnh dùng giới để thành tựu hạnh lợi sanh.

(3) ***Hạnh không trái nghịch:*** Chủ yếu là tu Nhẫn Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước) Thành lớn tên Hải Trụ. Ở hai vị trước, nêu nước... Vì sao vị này nêu thành...? vì sự hiểu biết của trí là nước. Vị này nhẫn chịu, phòng hộ thân miệng ý, không cao ngạo là thành. Thành tên Hải Trụ biểu thị cho tâm như biển dung nạp mọi dòng sông. Nữ Phật tử tên Cụ Túc vì đầy đủ năm pháp thí, giới, nhẫn, tinh tấn, từ bi. Ở trong thành là trang nghiêm hạnh nhẫn, không rời hạnh nhẫn. Xung quanh nhà trang trí vô số châu báu là nhờ tu hạnh nhẫn nên đạt được công đức tốt đẹp. Nữ Phật tử ngồi trên tòa báu, nhẫn là thể của tòa. Xinh đẹp nhu hòa đều là sự trang nghiêm của Nhẫn. Mặc y phục trắng, xỏa tóc dài, thân không trang sức vì bỏ những trang sức bên ngoài là tướng trạng của nhẫn. Thân xinh đẹp, uy đức là sự cảm ứng của nhẫn. Nhà rộng thoáng, mỗi gian bốn cửa là vì nhẫn, thí, nhân, từ rộng lớn, bốn nhiếp pháp, bốn tâm vô lượng khôn lường. Trước tòa, đắt một bát nhỏ. Tất cả chúng sanh đến xin ăn đều được no đủ, đều đạt đạo nhưng đều khác nhau. Vì tu pháp nhẫn, thí, giới, từ bi, khiêm cung, không cao ngạo là bát nhỏ. Công đức rộng lớn là bố thí tất cả. Ai tu đức nhẫn như hư không là được phước đức khôn cùng. Có bài tụng, thân tâm nhẫn nhục không giữa, bên; nào có lớn nhỏ như hư không; tâm tánh bình đẳng không cao thấp, bố thí mười phương không cùng cùng tận. Đó là hạnh nhẫn. Mười ngàn đồng nữ đều tiêu biểu cho hạnh nhẫn nhục nhu hòa. Trăm vạn A-tăng-kỳ thân thuộc tiêu biểu cho hạnh nhẫn nhục từ bi cùng khắp. Từ câu: "Chỉ ta biết pháp giải thoát

phước đức không cùng của Bồ-tát" trở về sau là nói về sự thăng tiến. Vì hạnh nhẫn tóm thâu muôn hạnh, đủ vô số công đức.

(4) ***Hạnh không Khuất Phục:*** Chủ yếu tu tinh tấn Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước). Thành tên Đại Hưng là nhờ hạnh tinh tấn Ba-la-mật bố thí rộng rãi cả tài pháp. Cư sĩ tên Minh Trí là nhờ trí tùy thuận thế gian, thực hành hai pháp thí trên đem lại lợi ích cho tất cả chúng sanh. Thiện Tài ngồi tòa báu trên đài bảy báu giữa ngã tư đường trong thành. Tòa này được trang trí bằng ba thứ báu (rõ như trong kinh). Đó là báo ứng của mười Ba-la-mật. Thể của tòa là đài bảy báu. Vì bảy phần giác là thể của muôn hạnh. Bảy phần giác: 1) Trạch pháp; 2) Tinh tấn; 3) Niệm; 4) Hỷ; 5) Ỷ; 6) Định; 7) Xả. Thân trưởng giả là trí căn bản nên tên là Minh Trí. Cư sĩ là người ở trong đời nhưng không đắm nhiễm, với trí sáng, sống trong bảy phần giác, thành tựu vô số hạnh cao thượng, tu hạnh lợi mình, lợi người, hiểu rõ mọi việc, quán sát, điều phục tập tính, ra khỏi mê lầm, siêng năng, thành tựu từ bi lớn nhưng luôn hiểu các pháp là không, trong sạch, thể của nó là trí sáng. Chỉ vì chủng tử tịnh nhiễm, tâm vui thích nơi thế gian nhiều ít nên có từ vi. Rộng hẹp, trọn vẹn, chưa trọn vẹn. An trụ trong hạnh tinh tấn của mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng, mười địa, Đẳng giác, Diệu giác là mục đích. Đó là mô hình mẩu cho người tu hành học hỏi đúng pháp Phật nên ngồi tòa bảy báu giữa ngã tư đường. Thể của tòa là bảy phần giác. Khơi dậy bốn nhiếp pháp, bố vô lượng tâm là ngã tư đường, bảy phần giác, mười Ba-la-mật và vô số hạnh nghiệp khác là báu vật trang sức. Luôn ở trong sanh tử phiền não là thành thị. Hạnh nghiệp của vị tinh tấn này là bố thí tài pháp. Cư sĩ dạy Thiện Tài quán sát vô số chúng sanh với sở thích khác nhau. Khi quán xong, cư sĩ nhìn lên hư không, lập tức vô số đại chúng từ trên không đi xuống. Vì thể của trí là trống không. Tất cả quả báo đều giả có từ trí trống không nên mượn việc nhìn lên hư không để biểu hiện cho phước báo có từ trí trống không. Với việc ấy, quán sát nguồn gốc biết nhân của quả. Tất cả tâm từ bi, bố thí tài pháp... đều có từ trí trống không. Mọi hạnh nghiệp đều bắt nguồn từ đó, kể cả nghiệp quả của chúng sanh cũng vậy. Như thế người tu hành sẽ biết được tất cả công đức phước báo nhân quả của chúng sanh... đều có từ trí trống không. Chúng sanh vì không hiểu biết nên tạo nghiệp thiện ác, không thấy trí trống không, nên trôi lăn trong sanh tử. Ai hiểu được pháp này sẽ được trí sáng, luôn tùy thuận thế gian, hành hạnh từ bi. Vô số phước đức bố thí cũng có từ đó. Bởi vậy, người tu hạc phải biết quán sát mọi thứ sanh khởi từ trí trống không để thực hành

mà không đắm nhiễm. Ví như hoa sen trong bùn lại trong sạch. Trụ tinh tấn thứ tư trong mười trụ. Trưởng giả Di Già (ở chợ) thuyết pháp: Luân tự trang nghiêm cho mười ngàn người, để chúng học pháp lành, biết trí thế gian, hiểu mọi việc ở đời như văn tự thư tịch... đều tác động qua lại. Trong mỗi câu chữ có đu vô số câu chữ, thành tựu lẫn nhau, vốn trống không. Ở đây, hạnh không khuất phục thứ tư trong mười hạnh thực hành pháp tinh tấn Ba-la-mật tiêu biểu bằng cư sĩ Minh Trí ở ngã tư đường vì sự tu tập bốn nhiếp pháp, tài thí, pháp thí... mọi hạnh đều bắt nguồn từ trí trống không (những nghĩa khác trong kinh đã nói rõ). Từ câu: "Chỉ ta biết pháp giải thoát tùy tâm sanh khởi phước đức" trở về sau là nói về sự thăng tiến.

(5) ***Hạnh Đoạn Trừ Mê Lầm***: Chủ yếu tu thiền Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước). Nước tên Sư tử Cung vì nhờ thiền định làm phát sanh trí lớn, ở trong sanh tử, thuyết pháp cho mọi người, kiên quyết đoạn trừ sanh tử, không lo sợ. Trí ấy không do người khác đem lại mà là được hiển hiện từ tâm tịch tĩnh của chính mình. Trí huệ là Sư tử. Thiện Tài gặp trưởng giả Bảo Kế trong chợ. Vị này không sống trong thiền tịnh mà ở trong phiền não sanh tử để chỉ dạy cho tất cả chúng sanh. Trưởng giả nắm lấy tay Thiện Tài đưa về chỗ ở của mình. Nhà của trưởng giả được làm bằng vàng rồng sáng loáng. Vách nhà bằng bạc, diện bằng pha lê, lầu gác bằng lưu ly xanh, cột nhà bằng xà cừ. Toàn nhà được trang trí bằng vô sô vật báu. Tòa xt làm bằng ngọc đỏ, phủ rèm ngọc, lưới che bằng chơn châu, ao nước bằng mã não, mnước ao thơm phức. Xung quanh có vô số hàng cây báu. Nhà mười tầng tám cửa. Thiện Tài xem xét kỷ lưỡng. Đó là quả báo của tám chánh đạo, thiền định, trí huệ. Xét quả sẽ biết được nhân. Xem xét ngôi nhà xong, Thiện Tài thành tựu đạo nghiệp. Tác giả nói kệ: Thiền định của tâm là ánh sáng, tự tánh trong sạch chính vàng ròng, xuyên suốt hư không chẳng biên giới, đó là nhà ở của người trí. Mắt trí quán sát tất cả pháp, trong sạch thanh tịnh không giữa bên, các pháp không thể lấy hay bỏ, là thành kiên cố của người trí. Hiểu rõ mọi pháp vốn trống không, điều phục tâm vương là cung điện. Với trí sáng tịnh quán thế gian. Xét soi mọi pháp là lầu gác. Những gì thấy nghe ở thế gian, không lấy chẳng bỏ nào lay chuyển, các pháp thấy nghe và hiểu biết, nghe thấy không chấp là cột báu, biết pháp thế gian đều không tánh, người trí dùng đó làm tòa báu, ở trong sanh tử khắp mười phương, sống bằng trí lớn không đắm nhiễm, thành tựu trí sáng không lo sợ, là tòa Sư tử của người trí, bày ra lưới pháp vớt chúng sanh tâm luôn thanh tịnh là

nước thơm.

Nhà có mười tầng và tam cửa đó là mười độ, tám chánh độ, tầng dưới dùng để cho thức ăn, tầng hai cho áo giới quý báu, tầng ba trang sức ngọc nhẫn nhục, tầng bên là thể nữ của hạnh tinh tấn và từ bi, tầng năm trang trí bằng tịnh huệ, Bồ-tát địa thứ năm an trụ ở đấy. Thứ sáu nương pháp không, vi diệu, là nơi an trú địa thứ sáu, tầng bảy phương tiện trụ sanh tử, tầng tám thành tựu trí võ công, tầng chín một đời thành chánh giác, tầng mười thành tựu quả vị Phật. Cứ thế tuần tự tu tập hết, biết rõ không có đầu, giữa, cuối. Với pháp trí huệ và thiền định tự tại với trí chẳng có không. Thiện Tài thưa: Tu pháp gì để đạt quả báo này? Trưởng giả đáp: Thiện nam tử! Ta nhớ cách đây vô số kiếp bằng số bụi trong một cõi Phật, có cõi nước tên Viên mãn Trang nghiêm, đức Phật tên là Vô Biên Quang Minh vương, là bậc Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác... đủ mười hiệu. Khi đức Phật vào xóm làng khất thực, ta trỗi nhạc và đốt nén hương cúng dường. Ta lại hồi hướng công đức đó khắp ba cõi, vĩnh viễn không còn nghèo khổ, luôn được gặp Phật, thiện tri thức, được nghe pháp, nhờ đó nên quả báo này. Vô số kiếp bằng số bụi trong một cõi Phật là sự mê mờ không hiểu biết. Cõi nước tên Viên mãn Trang nghiêm là trí căn bản sáng suốt vốn có đủ vô số công đức, luôn soi xét pháp giới hư không, thấy rõ chúng sanh đều có trí ấy, chỉ vì mê mờ nên có quả báo của ba cõi, sáu đường tốt xấu khác nhau. Những ai tương hợp thiền định không tu tập không tạo tác thì tất cả trần cảnh đều thanh tịnh và thành trí sáng không nương tựa, chẳng có không nhưng có công dụng soi chiếu khắp mười phương, trang nghiêm bằng vô số công đức. Chỉ vì không hiểu bản thể, không bỏ tham sân, vô minh, nếu chuyên tâm tịch tịnh, thoát khỏi mê mờ thì trí sáng hiển hiện. Song dùng năm mươi pháp môn của mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng, mười địa đều hòa quân bình trí bi, thành tựu hạnh Phổ Hiền. Song dùng năm mươi pháp môn của mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng, mười địa đều hòa quân bình trí bi, thành tựu hạnh Phổ Hiền mà thể của trí không ngoài tâm ban đầu, thời gian không thay đổi, trí huệ chẳng biến khác, chỉ làm cho công dụng của trí bi ngày càng tăng trưởng tốt đẹp, thông khắp như hư không, ngang bằng pháp giới, cùng với tất cả chúng sanh tâm an trụ nơi ấy, tùy tâm hiển hiện, đi lại khắp mười phương, trước sau vẫn như thế, tự tánh vốn thế, không cần nghĩ đến việc thần thông biến hóa vì sức từ bi vốn luôn như vậy, công hạnh mới trọn vẹn. Trưởng giả Bảo Kế dùng pháp thiền vốn biết các pháp không tạo tác để khai mở trí sáng, giáo hóa tất cả chúng sanh. Vì chúng sanh không hiểu về thời gian nên tạm

nêu số kiếp bằng số bụi trong một cõi Phật. Nếu hiểu được sẽ thấy xưa nay vốn không, không ngoài sự thăng tiến, không có xưa nay và khoảng giữa nhưng lại có sự chuyển dần như mây trong hư không, không ngoài thể trống không nhưng có tán hợp, vì thể trống không không thuộc thời gian. Vì thế nêu tổng quát là Phật Vô Biên Quang Minh pháp giới Phổ Trang nghiêm vương vào xóm khất thực, ta đốt nén hương thỗi nhạc chúng sanh nên đạt được công đức này. Tiếng nhạc là cảnh của năm trần, vì vui lòng sự thông hiểu năm trần vốn là thể của pháp, là cảnh giới của trí sáng, rộng lớn gọi là cúng dường. Đạt được là hồi hướng về ba cõi, vĩnh viễn đoạn trừ nghèo khổ, luôn gặp Phật và thiện tri thức, đạt vô số công đức là biến vọng thành trí để giáo hóa chúng sanh. Từ câu: "Chỉ ta đạt pháp giải thoát với vô số tạng phước đức" trở về sau là nói về sự thăng tiến. Vì ra khỏi vô minh mê muội, thành tựu trí sáng, giáo hóa chúng sanh là vô số tạng phước đức. Thân thiền định của trưởng giả Giải thoát trong mười trụ bao hàm mười cõi Phật rộng lớn. Vì cảnh có từ thể, đó là thể của thiền trong mười hạnh. Trưởng giả Bảo Kế dùng công dụng làm thể của thiền, mọi cảnh giới đều là thiền.

(6) ***Hạnh Thiện Hiện***: Chủ yếu là tu Bát-nhã Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước). Có cõi nước tên Tạng Căn, tiêu biểu cho trí huệ sâu xa bền vững của vị này, thấu suốt mọi nơi, không gì lay chuyển. Thành tên Phổ Môn vì trưởng giả này thông đạt mọi pháp ở đời, cứu giúp tất cả, thông hiểu mọi cách chữa bệnh, thị hiện đủ các phương tiện của đại thừa, tiểu thừa, nhứt thừa, nương pháp chỉ dạy thích hợp với thời cơ, ban cho mọi thứ hương thơm, nước tắm, y phục, thức ăn... Trưởng giả tên Phổ Nhãn biểu hiện cho trí huệ của vị này sâu xa tinh tế, hiểu mọi pháp ở đời, mọi hiện tượng trong mười phương, với trí huệ ấy, vị này thông hiểu về y dược, luôn ban cho tài pháp, lại dung hợp các thứ hương thơm cúng dường Phật (rõ như trong kinh). Từ câu: "Chỉ ta biết pháp làm cho chúng sanh gặp Phật, vui nghe pháp" trở về sau là nói sự thăng tiến. Vị này làm cho mọi người tu hành sau khi thấy đạo, tu tập từ bi tạo lợi ích cho chúng sanh khiến chúng tỏ ngộ. Vì trong phẩm Lợi sanh của mười trụ, Tỳ kheo Hải Tràng an nhập thần thông vắng lặng tạo lợi ích cho cả mười phương. Vị này, trưởng giả Phổ Nhãn đem chánh pháp đại thừa, tiểu thừa và sự thông hiểu pháp thế gian để tạo mọi lợi ích cho chúng sanh.

(7) ***Hạnh không bám víu***: Chủ yếu tu phương tiện Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước). Thành tên Đa La Tràng (Trung Hoa dịch là Minh Tịnh), vua tên Vô Yểm Túc, giỏi

cai trị, thương yêu dân, không ghét bỏ dân. Vì nhằm điều phục người đời, những kẻ đầy dẫy ác nghịch, bất thiện nên hiện uy nghiêm, tự hóa hiện mười vạn quỷ dữ độc ác, quần áo xốc xếch, cầm binh khí, giang tay trợn mắt, làm ra các các dụng cụ hình phạt, ai thấy cũng kinh sợ. Tự hóa hiện làm mọi việc ác, lại hóa hiện kẻ theo bắt, hoặc xẻo tai mũi, khoét mắt, dùng đủ hình phạt để cho chúng sanh kinh sợ, trừ bỏ không vi phạm, phát tâm cầu đạo vô thượng, biểu hiện hạnh từ bi của Bồ-tát điều phục pháp ác. Bên ngoài hiện uy nghiêm, bên trong đủ lòng từ bi. Vì tâm từ chơn thật không tổn hại một con trùng, cái kiến, huống gì con người? (Rõ như trong kinh). Từ câu: "Chỉ ta biết pháp giải thoát huyễn hóa" trở về sau là nói về sự thăng tiến.

(8) ***Hạnh khó đạt***: Chủ yếu là tu nguyện Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước). Thành tên Diệu Quang, vua tên Đại Quang. Diệu Quang là trí căn bản không hình sắc. Vua Đại Quang là công dụng rộng lớn của trí ấy, là trí sai biệt. Vì vị này thành tựu một phần của hạnh thuận lý không công dụng nhưng vẫn đủ tâm thuận giải thoát. Khác với trí tùy cơ không dụng công của địa thứ tám trong mười địa. Vì sự tùy thuận thể không tạo tác của trí trở ngại tâm từ bi nên từ mười trụ đến mười địa đều dùng nguyện Ba-la-mật để phòng hộ, khiến cho vị này nhớ lại nguyện xưa, tu hạnh từ bi, không an trụ nơi thanh tịnh, trí bi ngày một tăng trưởng. Khi thành tựu mười địa thì mọi hạt giống phiền não cản trở Niết-bàn tam muội rộng lớn kia mới bỏ được, thành tựu được sự tự tại của hạnh Phổ Hiền. Nếu chưa thành tựu mười địa thì không thể bỏ hạnh trợ đạo. Các pháp thế gian đều vậy, suy xét sẽ biết được. Tùy địa vị của mình mà vị thứ tám của mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng, đều đạt một phần của trí không dụng công, hòa hợp hạnh trí bi nhưng thể của nó có hơn kém khác nhau. Như nữ Phật tử Hữu Xả trụ thứ bảy trong mười trụ và tiên nhơn của trụ thứ tám đều ở chỗ Hải Triều, vì thể trí bi không hai. Còn ở hạnh thứ bảy và thứ tám của mười hạnh. Vua Vô Yểm Túc, vua Đại Quang ở Thanh Tịnh là hòa hợp với thể từ bi, nhưng tùy địa vị mà có hơn kém khác nhau nên tiêu biểu bằng tiên nhơn và vua, tùy địa vị mà sức dụng công khác nhau. Các vị khác chiếu theo đây sẽ biết, vị nào cũng như vậy, vì thể của đạo không hai. Song, mục đích là nói lên sự thù thắng của các vị như vị thứ bảy, thứ tám của mười hồi hướng tiêu biểu bằng bực Thánh nên nói Bồ-tát Quan Âm gặp Bồ-tát Chánh Thú. Một khi thành tựu thần thông công dụng sẽ càng sâu xa rộng lớn. Thành Diệu Quang rộng mười do tuần. Số một, số mười đều là chữ số chính của những số lớn (mẫu

là chính) là trí căn bản. Có mười ức con đường là hạnh nghiệp của trí sai biệt. Vì không ngoài thể của trí căn bản sâu xa mà có vô số công dụng hạnh nghiệp lớn. Mười, một đều là thể lớn của tất cả các số như mười ức, mười bất khả tư nghị. Mỗi con đường có vô số người ở, biểu hiện mỗi một hạnh của trí sai biệt tạo lợi ích cho vô số chúng sanh. Tuy căn tánh sở hích khác nhau nhưng ai ai cũng được toại nguyện. Mọi sự trang sức ở phần sau đều là quả báo của hạnh bi trí (rõ như trong kinh), xét quả biết nhân. Vua có hai mươi tám tướng tốt, vì chưa trọn vẹn hai hạnh pháp lành và chân thật ở sau. Trong mỗi hạnh đều có nhân quả, mà vua thiếu bốn tầng nhân quả này nên chưa đủ ba mươi hai tướng tốt. Khi đầy đủ hai hạnh sau là thành tựu trọn vẹn hạnh giáo hóa nên đủ ba mươi hai tướng tốt. Không ở trong lầu gác đại trí mà ở ngã tư đường là vì bốn nhiếp pháp và bốn tâm vô lượng bao quát mọi hạnh nên đầy đủ các tướng. Trong thành Diệu Quang có một cung điện tên Chánh Pháp Tạng trang trí bằng vô số vật báu sáng rực, xinh đẹp, không gì sánh bằng, ai thấy cũng thích, Vua Đại Quang ở đó. Cung điện là trí căn bản sáng suốt, vua Đại Quang là trí sai biệt. Các tòa lầu nguy nga trong thành là quả báo của mười Ba-la-mật. Tòa lầu ở giữa thành là thể báo ứng của trí căn bản. Vua Đại Quang ở tòa lầu đó, ngồi trên (không rời) tòa Sư tử hoa sen bằng ngọc Ma ni như ý. Vì không trụ nơi trí thanh tịnh nên nói không rời. Dùng y nhiếp pháp giáo hóa chúng sanh là ngã tư là ngã tư, tùy ý đem lại lợi ích cho chúng sanh là báu như ý. Trí trong sạch là Ma ni, luôn ở trong đời nhưng không đắm nhiễm là tòa sen lớn. Tùy nghiệp lực chúng sanh mà thành ấy tịnh nhiễm khác nhau. Nhập tam muội tùy thuận thế gian, chủ yếu là tâm từ lớn. Vì không trụ nơi trí thanh tịnh, tùy thuận thế gian, thực hiện hạnh từ bi đem lại lợi ích cho chúng sanh mà không đắm nhiễm là tam muội. Bồ-tát hành hạnh tùy thuận thế gian. Khi nhập định này, trong ngoài thành hiện đủ sáu thứ chấn động, cây cối nhà cửa mọi cảnh vật đều nghiêng về phía nhà vua như là cung kính nhà vua. Đó là do sức cảm ứng của định (rõ như trong kinh). Từ câu: “Chỉ ta biết tam muội tùy thuận thế gian tu tâm từ” là nói về sự thăng tiến. Vị này không trụ nơi trí thanh tịnh, tùy thuận thế gian, thực hành từ bi.

(9) ***Hạnh Pháp Thiện***: Chủ yếu tu lực Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước). Thành tên An Trụ. Trong năm vị, vị thứ chín là Pháp vương vì người đạt vị này thì thuyết pháp tự tại. Vị này tự giữ phép tắc, thân tâm thanh tịnh nên tên là An Trụ. Đó là đức cao cả của pháp sư. Nữ Phật tử tên Bất Động, là đức từ bi như hòa

vui vẻ của pháp sư, tâm không chạy theo cảnh là hạnh của pháp sư. Nữ Phật tử Bất Động là người nữ làm pháp sư. Nữ Phật tử nói: Đối với bà con của mình còn không giận hờn huống gì là người khác? Thiện Tài khen nữ Phật tử có ba hạnh, giữ gìn giới thanh tịnh, tu tập hạnh nhẫn nhục, siêng năng không lùi bước, oi sáng cho thế gian. Gặp nữ Phật tử, Thiện Tài chỉ cung kính chấp tay, không lễ lạy là vì pháp của vị này thuyết giảng không có tánh cao thấp. Không cúi lạy như kinh Vô Hành chép: "Đạt sự bình đẳng không ta, không người của tánh tướng". Văn Thù Sư Lợi bạch Phật: Gặp Như Lai không lễ lạy. Vì thế có tên là kinh Vô Hành. Người đạt đạo này không lễ lạy người trên, chỉ cần chấp tay quan sát tức là hợp với thể bình đẳng của đạo, đủ trí bi không cần cúi lễ. Sau khi đạt pháp mới cúi lạy, từ gia ra đi mới cúi lạy pháp sư. Kinh này có mười hạnh. 1) Từ bi; 2) Nhu hòa; 3) Khiêm nhường; 4) Tâm không giao động trước cảnh sắc; 5) Giữ giới; 6) Nhẫn nhục; 7) Siêng năng; 8) Giảng pháp đối trị thế gian xuất thế gian; 10) Lời lẽ hòa ái, an ủi chỉ dạy. Đó là đức cao cả của pháp sư. Từ câu: "Chỉ ta biết pháp, cầu pháp không õi mệt, vì chúng sanh thuyết giảng pháp mầu để chúng vui vẻ" trở về sau là nói về sự thăng tiến. Ý nghĩa nghĩa của vị này rất rộng, trong kinh đã rõ, ở đây chỉ lược nói đại ý. Muốn hiểu sâu hãy xem kỹ trong kinh để tự răn mình. Nữ Phật tử nói: Ta đã từng thọ trì pháp Như Lai không hề mõi mệt, không bỏ qua một câu một chữ, cho dù là sách vở về kỹ xảo trong thế gian ta đều học hỏi như vậy. Hãy xem gương người xưa để tự nổ lực.

(10) ***Hạnh Chân thật:*** Chủ yếu tu thí Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước). Thành lớn tên Vô Lượng Đô tát La (Trung Hoa dịch là Hữu Vô Lượng Đại Hỷ Lạc Sự). Vì thiện tri thức này dùng bốn nhiếp pháp để tạo lợi ích cho chúng sanh. Ngoại đạo xuất gia tên Biến Hành. Không đắm nhiễm ba cõi là xuất gia, sống với chúng sanh là Biến Hành, tức là sống với chín mươi sáu thứ ngoại đạo trong ba ngàn Đại Thiên cõi. Vị này đang thiền hành trên cùng đất bằng của đỉnh núi. Trí Ba-la-mật là trí cao cả xuất tục, là đỉnh núi. Tâm bi bình đẳng đẳng đem lại lợi ích cho chúng sanh là vũng đất bằng, với trí không nương tựa, thiện tri thức này vào cõi Diêm Phù Đề tùy thuận chúng sanh hiện thân nam nữ lớn nhỏ cùng loại với chúng để thuyết pháp, nhưng chúng sanh không biết vị này từ đâu tới, chỉ dạy cho chúng giáo pháp, tu tập đúng lý. Chúng sanh trong sáu đường trời, người đều như thế nên tên là Biến Hành. Từ câu: "Chi ta biết được hạnh đi khắp mọi nơi của Bồ-tát". Trở về sau là nói về sự thăng tiến. Mười thiện tri

thức này thành tựu mọi kỹ xảo ở đời nhưng lại luôn tu tâm xuất thế. Những ai luôn ở trong biển khổ sanh tử, không ra khỏi cũng không chìm đắm, thành tựu bi trí lớn và nhứt thiết trí. (Phần sau sẽ nói rõ).

PHẦN B

Mười Hồi Hướng.

(1) ***Hồi hướng cứu giúp tất cả chúng sanh*** nhưng không chấp tướng, chủ yếu tu thí Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước). Nước tên Quảng Đại. Vị này chuyển tâm giải thoát riêng mình của mười trụ, mười hạnh vào trong sanh tử, hòa hợp sanh tử Niết-bàn. Sự thăng tiến giáo hóa chúng sanh, đạt hương trí huệ, thành tựu hạnh Phổ Hiền của Bồ-tát năm vị đều bắt đầu từ đây nên nước tên Quảng Đại. Trưởng giả tên Chúc Hương, vì có khả năng làm hòa hợp các loại hương, tức là điều phục được sanh tử, thanh tịnh trí bi lớn và năm phần hương: Giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, huân tập chúng sanh để chúng phát tâm. Dung hợp sự giải thoát xuất thế gian với sanh tử, thành tựu trí bi lớn, hợp thành một thể không hai. Sự giải thoát ấy không mất, hòa cùng một thể với sanh tử. Ví như nước sạch trong bùn, như ngọc Ma Ni làm sạch nước. Vì nước ấy vốn không nhơ. Lại như cỏ thối trong rừng Chiên Đàn, hoa sen trong bùn, như một lạng A trạch ca dược làm biến đổi cả ngàn lạng đồng sắt thành vàng ròng, chỉ một chỗ vàng, không còn tánh đồng sắt. Những ai sống với trí căn bản sáng suốt trong giây lát là biến ác nghiệp vô minh từ lâu xa thành biển bi trí lớn của Như Lai. Ví như hòa lẫn các hương dược thành một khối, hương tỏa hòa quyện nhau tạo thành hương thơm vi diệu nhưng hương không tự biết, thuần tạp tùy ý. Mỗi một hương không có sự hòa hợp hay phân tán. Vì thế Bồ-tát hòa trí thanh tịnh với thể sanh tử, biến bốn vạn tám ngàn trần lao của chúng sanh thành biển bi trí lớn. Sanh tử không nhơ, trí chẳng thanh tịnh, nghĩa là trong nhiễm tịnh, mọi thứ đều là giải thoát. Trưởng giả tên Thanh Liên Hoa, tượng trưng cho việc ở trong sanh tử nhưng không đắm nhiễm. Cũng như vị hồi hướng, chuyển tâm xuất thế của mười trụ, mười hạnh vào trong sanh tử, thành tựu từ bi lớn, không đắm nhiễm nên tiên biểu bằng người thế tục. Trưởng giả Thanh Liên Hoa. Vị thứ nhứt của mười trụ, mười hạnh đều tiêu biểu bằng Tỳ kheo, biểu hiện phần nhiều là tâm xuất thế. Khi đã đạt tâm xuất thế, vào trong sanh tử, làm mọi việc độ sanh nên vị hồi hướng này mượn người thế tục để tiêu biểu. Ý phần sau suy xét sẽ biết. Vì chuyển tâm chơn như vào thế tục. Sống trong trần lao nhưng không đắm nhiễm bụi trần. Trưởng giả nói: Ta biết tất cả các loại hương nhưng vì tất cả chúng sanh đều có đủ hương năm phần pháp thân, chỉ vì thời gian phát tâm chưa đến. Biết các hương đốt vì ở trong sanh tử giáo hóa

chúng sanh để chúng biểu đạt, đốt sạch phiền não. Biết các hương xoa vì ở trong sanh tử an ủi khuyên nhủ chúng sanh để chúng vui vẻ phát tâm. Biết các hương bột vì làm cho chúng sanh nghiền nát phiền não. Biết nơi phát xuất của loại hương quí nhứt (vương hương), đó là hương trí căn bản xuất hiện. Ở trong vô minh hiểu rõ vô minh, thành tựu trí căn bản và sự hiểu biết của Phật. Tự Tại là vương (vua) vì mọi cảnh vật không đắm nhiễm được. Tám bộ chúng trời rồng... có tám loại hương, vì hòa hợp tám chúng trời, người, suy xét sai lệch thành tám đường chánh. Lại có mười ba thứ hương như thiện ác, thọ dụng... là hòa hợp mười hai phiền não thiện ác của căn cảnh nơi sáu đường và sự thọ dụng bằng hiểu biết của bậc Thánh thành mười ba. Những hương khác ở phần sau là trí sai biệt của năm vị. Vô số hương là tướng sanh khởi của mười trụ đều nêu vị sau sanh ra vị trước để người tu hành tiến mãi không dừng, tiếp tục nổ lực, nhanh chóng tăng trưởng trí bi, kỹ xảo, không vướng mắc một pháp. Hơn thế, từ trụ thứ nhứt đến trụ thứ ba tâm xuất thế hiển hiện. Trụ thứ tư, trưởng giả Di Già ở chợ là chuyển tâm xuất thế của những vị trước, biết ngay nơi ồn náo là tâm xuất thế vì được sanh khởi từ tâm vào trong sanh tử, không mong ra khỏi đời, thành tựu hạnh từ bi của trụ thứ bảy và hai trụ bốn, bảy. Mười trụ được sanh khởi từ mười hạnh, mười hạnh được sanh khởi từ mười hồi hướng năm vị đều như vậy. Nếu không đạt một pháp như thế thì tự cho mình đầy đủ không mong cầu. Ở thế gian có một loại hương tên Tượng Tạng vì do rồng đánh nhau mà có. Tượng (voi) là vật có sức mạnh, với đầy đủ công dụng lớn. Vì trí căn bản bị tham, sân, si che lấp, nay dùng sức quán chiếu định huệ, đánh nhau với tham, sân, si mới có được hương ấy. Chỉ đốt một nén hương này, khói xông khắp thành như hư không. Cảnh giới sanh tử là thành, bậc trí ở trong đó, bảy ngày mưa hương thơm, toàn thân một màu vàng óng. Vì đánh nhau với vô minh, trí căn bản hiển hiện thanh tịnh không nhơ. Từ trí căn bản có trí sai biệt nên giảng pháp vi diệu với bảy tài bảo thanh tịnh. Những ai lãnh hội được, thân tâm thanh tịnh, trong sạch nên có màu vàng óng. Y phục, cung điện, nhà cửa đều màu vàng là những pháp trợ đạo từ bi hỷ xả... Vì mọi hạnh đều bắt đầu từ trí căn bản. Gió thổi hương bay vào cung điện nghĩa là nhờ gió thuyết pháp thổi vào tâm chúng sanh khiến chúng tin nhận, quán bảy phần giác là bảy ngày bảy đêm. Vui mừng là pháp lạc (rõ như trong kinh). Từ "Hương Tượng Tạng" này trở về sau có mười vị hương mà năm vị đều đủ, như mười trụ, mỗi trụ tương xứng một loại hương. Mười hạnh, mười hồi hướbg, mười địa đều thế. Như hương trong núi tuyết thứ năm tiêu biểu cho thiền định;

hương trong cõi La sát thứ sáu. Vì trí huệ như quỉ dữ ăn thịt uống máu chúng sanh. Mượn sự khỏe mạnh để tiêu biểu cho pháp của vị ấy. Vì quỉ dữ trí huệ phá dẹp vô minh, không gì hơn được. Hương của cõi La sát tên Hải Tạng, vì trí huệ là biển lớn. Hương này chỉ Chuyển luân vương sử dụng vì vị thứ sáu thành tựu Bát-nhã Ba-la-mật mới thuyết pháp như Luân vương. Đốt một nén hương cùng bốn bộ binh bay lên hư không vì đến vị Bát-nhã Ba-la-mật, pháp thuyết giảng và bốn biện tài đều hợp với sự trống không. Mỗi thứ đều mượn hình tượng để biểu hiện, khi biểu hiện pháp sẽ bỏ hình tượng. Từ câu: "Chỉ ta biết cách hòa hợp các loại hương" trở về sau là nói về sự thăng tiến. Vì vị hồi hướng chuyển tâm ra khỏi sanh tử của mười trụ, mười hạnh, vào trong sanh tử nhưng không đắm nhiễm, phát khởi hạnh nguyện Phổ Hiền, cùng một thể với bi trí lớn của mười địa và đẳng giác và mười địa đều hành hạnh dung hòa trí căn bản và hạnh Phổ Hiền. Trong phần trước chép: Từ đầu gối phóng ánh sáng nói mười hồi hướng. Vì đầu gối tự do co duỗi, nghĩa là vị này tự tại dung hợp sanh tử-Niết-bàn nên mượn vị Chúc Hương để tiêu biểu.

(2) ***Hồi Hướng không hoại:*** Chu yếu tu giới Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Vì thể của giới ở vị này là thân trí không hoại, pháp thanh tịnh. Thể của giới thanh tịnh là từ bi lớn. Ở trong sanh tử thế gian nhưng biết tánh sanh tử thanh tịnh. Với người mê muội, mọi thứ là dây trói, với người tỏ ngộ thì mọi thứ đều là chơn như. Ở phương nam (nghĩa phương nam như trước) có thành lớn tên Lâu Các. Vì dùng trí sai biệt quán sát căn tánh khác nhau của chúng sanh là lầu; dùng trí rộng lơn tùy khả năng, tùy thời cơ giáo hóa chúng sanh là gác. Có vị thuyền trưởng tên Bà Thi La (Trung Hoa dịch là Tự Tại) vị này sống trong sanh tử bằng tịnh giới nên là Tự Tại. Vị này ở ngoài cửa thành là để giáo hóa chúng sanh. Không riêng hưởng công đức trí huệ mà hòa mình chỉ dạy chúng sanh. Trên bờ biển là vì vị này dùng từ bi làm thể của giới, vào biển sanh tử để độ chúng sanh không trái thời cơ như thủy triều lên xuống chừng mực. Trăm ngàn thương buôn và vô số người vây quanh là trọn vẹn muôn hạnh. Thuyền trưởng nói: Ta ở trên biển của thành này, thanh tịnh tu tập hạnh từ bi của Bồ-tát tức là ở trong dòng xoáy sanh tử tu tập hạnh từ bi của Bồ-tát. Ở trong sanh tử nhưng không bị sanh tử lay chuyển, phá trừ quân sanh tử. Thuyền trưởng tiêu biểu cho hai ý: 1) Bồ-tát thường ở trong đời cứu giúp chúng sanh, cùng sống với phàm phu, làm thuyền trưởng dẫn các thương buôn, biết nơi châu báu, hiểu rõ chủng loại châu báu, định đoạt giá cả. Nếu không phải là bậc

Thánh thì không thể biết được. 2) Tiêu biểu cho pháp. Nghĩa là vị này lấy từ bi làm giới thể. Mười trụ mười hạnh ra khỏi sanh tử, vị này quay trở lại sanh tử, cứu vớt chúng sanh đang trôi dạt trong biển sanh tử. Vì thế thuyền trưởng nói: Người nghe pháp ta mà không sợ sanh tử sẽ đạt nhứt thiết trí (rõ như trong kinh). Từ câu: Chỉ ta đạt pháp từ bi lớn" trở về sau là nói về sự thăng tiến.

(3) ***Hồi Hướng đồng Phậ***t: Chủ yếu tu nhẫn Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước) Thành tên Kha Lạc. Vị trước giải thích thành là sự thăng tiến. Ở đây thành là sự phòng hộ. Vì không không khởi tâm sân giận ganh ghét. Thành Khả Lạc là vì luôn hành hạnh nhẫn nhục. Gặp trưởng giả Vô Thượng Thắng ở phía đông thành, vì phía đông là mùa xuân, mùa của cây cỏ đâm chồi nẩy lộc. Vị này ở trong rừng Đại Trang nghiêm Tràng Vô Ưu là vì thành tựu hạnh nhẫn nhục, không còn lo sợ. Vô số thương buôn là mong cầu pháp bảo. Trăm ngàn cư sĩ là ở trong đời nhưng luôn sống với chơn như. Vây quanh trưởng giả là trọn vẹn hạnh độ sanh. Gặp trưởng giả, Thiện Tài cúi lạy sát chân, một lúc lâu mới đứng lên là nhờ hạnh nhẫn nhục kính lạy trí sâu xa. Trưởng giả Vô Thượng Thắng nói: Ta thành tựu thần thông đi lại khắp mọi nơi nhưng không nương tựa, không tạo tác. Đầu tiên ta đi lại khắp Tam thiên Đại thiên cảnh giới, tiếp đến ta đi lại khắp cõi đời ba mươi ba và những nơi ở của rồng thần... tám bộ, cho đến vô số cõi nước ở mười phương như địa ngục...Ta hóa thân như chúng để giáo hóa khiến chúng vui vẻ, tùy khả năng lãnh hội, tất cả đều thoát khổ. Vì khi thành tựu hạnh nhẫn, trí không nương tựa hiển hiện. Trí này không ở trong lớn nhỏ, không ở trung tâm hay biên giới. Không đi mà đến, không thuộc ba đời, ngang bằng pháp giới. Đó chính là không thần thông nhưng lại có thần dụng đầy đủ đầy đủ công dụng, không tạo tác nhưng có hình thành công dụng cùng khắp. Trong sáu nẻo mười phương, sống với chúng sanh, tùy chủng loại hiện hình, tùy khả năng chỉ dạy, sống với chúng sanh nhưng chúng sanh không thấy khác lạ. Từ cõi trời, người... mười phương đều như vậy. Đó là đạo thường của Phổ Hiền, là gương sáng cho người tu hành, ai chưa đạt thì vui tu để đạt. Tất cả đều như thế. Từ câu: "Chỉ ta biết pháp thần thông không nương tựa, không tạo tác, đi khắp mọi nơi của Bồ-tát". Trở về sau là nói sự thăng tiến. Ba vị đầu của mười hồi hướng đều vào trong sanh tử thành tựu hạnh từ bi nên tiêu biểu bằng ba cư sĩ: Trưởng giả Thanh Liên Hoa, thuyền trưởng Tự Tại, trưởng giả Vô Thượng Thắng, những người thế tục. Đến đoạn: "Ở phía nam có nước Du Na, Tỳ kheo ni Sư tử Tần Thân", là từ bi xuất

thế gian ngay trong sanh tử của mười hồi hướng. Ni là từ bi, Tỳ kheo là tướng xuất thế. Hạnh từ bi thanh tịnh ra khỏi sanh tử có ngay trong sanh tử. Điều đó muốn nói người tu hành phải hiểu tánh sanh tử là thanh tịnh. Thương thay! Những kẻ không hiểu biết phải ở mãi trong sanh tử, chẳng biết bao giờ ra khỏi.

(4) ***Hồi Hướng đi khắp mọi nơi***, vì với hạnh tinh tấn, vào trong sanh tử, qua lại khắp các cõi ác. Vị này chủ yếu tu hạnh tinh tấn Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước). Nước tên Du Na (Trung Hoa dịch là dũng mãnh) vị này ở trong sanh tử hành hạnh từ bi lớn như hư không. Tùy căn tánh của chúng sanh, thị hiện thân hình khắp sáu nẻo, cứu độ tất cả. Đó là do hạnh tinh tấn. Thành tên Ca Lăng Lâm (Trung Hoa dịch là Dấu Tránh Thời). Vị này ở trong đời nhưng không đắm nhiễm. Với tâm từ bi, vị này đi vào đời hòa giải mọi sự tranh giành. Tỳ kheo ni tên Sư tử Tần Thân là đặt tên theo hạnh đức. Trí thanh tịnh như Sư tử. Ở mãi trong sanh tử, với tâm từ bi cứu độ chúng sanh, không quản mệt nhọc, luôn vui vẻ là Tần Thân. Sư tử Tần Thân là thoái mái vui vẻ. Vị này ở trong vườn Thắng Quang vương xả thí là Tự Tại trong sanh tử hành hạnh từ bi ra khỏi sanh tử. Vườn xả thí là pháp từ bi. Vì ở trong sanh tử nhưng vượt khỏi sanh tử, lấy sự thực hành từ bi bố thí làm niềm vui cho chính mình. Vị này dùng trí căn bản sáng suốt, tùy ý hiện thân tạo lợi ích khắp mười phương. Từ một thân hóa hiện vô số thân, sống chung với tất cả chúng sanh thành tựu trí sai biệt. Vì hạnh tinh tấn từ bi này bao gồm tất cả chúng sanh trong sáu nẻo mười phương thành một, luôn hành hạnh từ bi, đem lại lợi ích cho chúng sanh để chúng sanh thoát khổ được vui, phát tâm Bồ Đề, thành tựu đạo vô thượng. Ở mãi trong vườn ấy, nếu chưa độ hết chúng sanh thì không ra khỏi. Các Bồ-tát đều hành hạnh ấy. Vì chúng sanh vốn là chơn như nên tiêu biểu là Tỳ kheo ni Sư tử Tần Thân. Trong vườn có vô số cây báu cao đẹp, nhà cửa... đều là quả báo tốt đẹp của hạnh nguyện (rõ như trong kinh). Từ câu: "Chỉ ta thành tựu Nhứt thiết trí" trở về sau là nói về sự thăng tiến.

(5) ***Hồi Hướng vô số công đức***. Chủ yếu tu thiền Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Phía nam có nước tên Hiểm Nạn, vì người nữ thông hiểu xảo thuật là trái với chân lý, người nghe khó tin. Thành tên Bảo Trang nghiêm là đạt đến đích nhưng với tâm từ bi, luôn ở trong biển sanh tử đem lại lợi ích cho chúng sanh, cùng sống với chúng sanh, biết tánh năm dục là không, không ngoài thể của thiền. Từ bi có ngay trong cõi đời với trí lớn. Ở trong thế tục nhưng không đắm nhiễm. Thông

thường, người vì sợ cảnh giới thế gian nên xa lánh thế gian, đó là nhị thừa. Kẻ đắm nhiễm yêu thích thế gian là phàm phu, Bồ-tát không giống hai hạng ấy, chỉ vì lòng từ bi nên ở trong sanh tử, cùng sống với chúng sanh , hiểu rõ cảnh giới thế gian và sanh tử vốn không, dùng trí hóa hiện thân hình ở trong thế gian như bóng, như người ảo hóa, tuy ở trong thế gian nhưng thế gian không làm cho đắm nhiễm được, lại chẳng có tâm đắm nhiễm nơi thế gian. Với lòng từ bi, ở trong đời làm mọi việc như chúng sanh . tuy ở thế gian nhưng biết thế gian là huyễn hóa, thân mình cũng giả tạm. Dùng trí đi vào đời nhưng đời không lay chuyển được, vì thế gian vốn không. Do vậy tuy ở trong thế gian nhưng luôn đứng ngoài cảnh dục. Với lòng từ bi ở trong sanh tử, tùy thuận thế gian tạo lợi ích cho mọi loài, đạt công đức lớn nên vị thứ năm này có tên là Vô Số Công Đức, thành tên Bảo Trang Nghiêm. Trí vốn không sáu dục nhưng vì nhằm đem lại lợi ích cho chúng sanh nên làm mọi việc. Vì thế trong kinh Tịnh Danh nêu rõ: Tuy hưởng thụ năm dục nhưng lại hành thiền định để chúng ma mê loạn không tìm được cơ hội. Trong lửa có hoa sen là hiếm, ở trong dục mà hành thiền cũng khó có. Vị này dùng từ bi làm thể của thiền ở trong thế gian nhưng không đắm nhiễm nên tiêu biểu bằng Cô Bà Tu Mật. Đó là hạnh từ bi của tất cả Bồ-tát. Người nữ thì không có hạnh thế-xuất thế, không có hạnh lìa thế gian, cũng chẳng có hạnh Bồ-tát. Vì hạnh của chúng sanh nhiều nên hạnh của Bồ-tát cũng nhiều. Khi chúng sanh hết bệnh, hạnh Bồ-tát không còn. Vị Tỳ kheo ni trước vào trong sanh tử thành tựu hạnh từ bi, đạt hạnh từ bi giải thoát thế gian đi vào cõi năm dục. Nghĩa là tâm từ bi của Bồ-tát không đắm nhiễm nhưng dường như đắm nhiễm, dường như đắm nhiễm nhưng thật không đắm nhiễm. Thị hiện hưởng thụ năm dục nhưng không mất hạnh người nữ, chẳng mất thiền vì tự tánh là không tạo tác. Cảnh giới mười phương tùy theo sự nhìn nhận của chúng sanh mà có sai khác, thân hình cũng sai khác. Thiện Tài gặp Bà Tu Mật (Trung Hoa dịch là Thế Hữu), tùy cảnh giới thế gian thị hiện thân hình ai cũng là bạn nên không xa cách, khiến mọi loài lìa khổ được vui. Thế Hữu ở phía bắc của thành. Vị này xem sanh tử trần lao là thành, mọi pháp vắng lặng là nhà. Nhà của vị này cao, rộng, xinh đẹp. Tất cả phòng, vách, tường, gác, vườn cây đều được trang trí bằng báu vật. Vì thể của thiền là cùng khắp, trọn vẹn mọi hạnh. Đó là quả báo tốt đẹp. Những ai nghe pháp sẽ được gần gũi, được lợi ích, bỏ ham dục (rõ như trong kinh). Nhà ở phía bắc thành vì phía bắc được tiêu biểu bằng thần Huyễn Vũ, là nơi ở của kẻ gian tà đạo tặc. Bồ-tát ở trong thành ấp vô minh sanh tử dắt dặt để chỉ dạy

kẻ mê mờ quay về chánh kiến, làm việc tham dục là phương tiện giáo hóa kẻ ngu. Thiện Tài hỏi: “Tu hạnh gì để đạt tự tại như thế?”, người nữ đáp: Vào thời xa xưa, có đức Phật tên Cao Hạnh, vì thể của thiền thù thắng cao cả vượt ngoài sự hiểu biết của tình thức. Nước tên Diệu Môn vì từ định phát huệ. Đức Phật vào cửa thành, mọi thứ ở đó đều lay chuyển là định huệ tương xứng, phá sạch phiền não. Thành ấy tự nhiên rộng ra, được trang trí bằng báu vật vì tương xứng với thể của thiền, không còn thấy trong ngoài, ngang bằng hư không, không mất thể của định. Vào thành sống chung với chúng sanh để chỉ dạy chúng nên được sự báo ứng tốt đẹp vì không rời thể tự tại của thiền định. Ta là người chủ, người vợ. Thiền định là chồng, từ bi là vợ. Vì không mất tâm thiền, nhưng vì lòng từ bi tùy thuận thế gian mà không đắm nhiễm. Ta đem một đồng vàng cúng dường Phật, vàng là vật trao đổi mua bán quí nhất, trí huệ là pháp cao thượng nhứt. Văn Thù Sư Lợi là thị giả Phật. Là trí huệ mầu nhiệm của trí căn bản. Trí căn bản là thể của định. Sanh khởi trí mầu nhiệm là thị giả giáo hóa chúng sanh, phát tâm Bồ Đề là sự tự tại của Bồ-tát. Vì không rời tâm định mà tùy thuận thế gian. Từ bi trí huệ của Bồ-tát là thể của thiền, ở trong chợ sanh tử bụi nhơ hay thanh tịnh không cản trở thiền định. Sự ồn náo thanh tịnh không có trong tánh thiền. Từ câu: “Chỉ ta biết pháp giải thoát tham dục” trở về sau là nói sự thăng tiến.

(6) ***Hồi hướng tùy thuận kiên cố***, chủ yếu tu Bát-nhã Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước). Thành tên Thiện Độ. Vì vị này thành tựu trí bi vượt bờ, khéo léo chỉ dạy chúng sanh. Cư sĩ tên Tỳ Sắt Phi La (Trung Hoa dịch là Bao Nhiếp). Vì vị này có trí rộng lớn, bao hàm muôn hạnh, hóa độ tất cả chúng sanh, thường cúng dường tòa Chiên Đàn nơi tháp Phật. Chiên Đàn là loại cây thơm, trị được nọc độc của rắn. Cư sĩ này thường ngồi nơi tòa thơm giải thoát, trí huệ, xoa diệu phiền não nóng bức của chúng sanh. Tháp là nơi thờ hình tượng Phật. Tháp này chỉ đắt một tòa Chiên Đàn, trên tòa không đặt tượng Phật, tiêu biểu cho sự an tọa nơi pháp tòa là là trí huệ trống không, đó là tháp Phật. Trí huệ trống không là pháp giải thoát, mở tháp tòa Chiên Đàn là đạt Tam muội nên nói hạt giống Phật không mất. Vì trí huệ trống không, không tạo tác hiển hiện, thấy rõ ba đời của các đức Phật, đó là sự tồn tại vĩnh viễn của Phật, trí huệ trống không, không tạo tác, không sanh diệt, tạo tác nhưng luôn tịnh định. Tất cả các đức Phật đều có công dụng tự tại trước sanh tử, như tiếng vang trong hư không, có khắp mười phương không đến đi. Vì thế cư sĩ cúng dường tòa Chiên

Đàn trong tháp Phật, đạt pháp tồn tại vĩnh viễn của Phật. Thể của tòa này là trí huệ trống không, nên tòa Chiên Đàn trong tháp Phật không có tượng Phật. Đó là pháp không diệt độ của Phật. Trí trống không là Phật, không diệt độ vì chỉ đến xem, đo đạt, ra đi, nên thành tên Thiện Độ. Từ câu: "Chỉ ta biết pháp giải thoát không diệt của Bồ-tát" trở về sau là nói sự thăng tiến.

(7) ***Hồi hướng tùy thuận chúng sanh***. Trong năm vị, vị thứ bảy của mỗi vị đều dùng trí trống không thứ sáu, tùy thuận chúng sanh. Ở trong sanh tử thành tựu hạnh từ bi lớn. Vị này chủ yếu là phương tiện Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu (nghĩa phương nam như trước). Núi tên Bổ Hằng Lạc Ca (Trung Hoa dịch là Tiểu Bạch Hoa Thọ). Núi này có nhiều cây hoa trắng biểu hiện cho Bồ-tát Quan Thế Âm hành hạnh từ bi, giáo hóa chúng sanh, khiến chúng không gây một lổi nhỏ, không bỏ một pháp lành nhỏ, làm mọi pháp lành. Vì lớn bắt đầu từ nhỏ, như từng giọt sương nhỏ đông lại thành băng, từng hòn sỏi nhỏ làm nên núi cao. Đó là dùng chánh pháp ngăn ngừa lổi nhỏ thì lổi lớn không có, làm pháp lành nhỏ dần thành pháp lành lớn. Vì tánh của các pháp trống không, không do tâm sanh, không có phải trái. Vì thế Bồ-tát Quan Thế Âm hành hạnh từ bi ở trên núi Tiểu Bạch Hoa. Trong bản kinh cũ chép: Tự tại là sai. Bản kinh mới chép: Quan Thế Âm là đúng, vì tiêu biểu cho nghĩa từ bi. Thiện Tài thấy Quan Thế Âm ở trong hang núi phía tây, thiền tọa trên tòa đá báu. Vô số Bồ-tát vây quanh. Vì với hạnh bi trí. Bồ-tát luôn ở trong cõi ác hiểm độc hành hạnh từ bi. Núi, hang đều là nơi hiểm ác. Phía tây là cọp trăng, là vàng là mùa thu, là hung hại. Nghĩa là ở trong cõi ác hành hạnh từ bi. Tất cả mọi nơi ở đông tây... mười phương đều thế. Chỉ ngồi trên tòa đá báu mà không có lầu gác cung điện, vì tâm từ bi kiên cố, không bỏ chúng sanh nơi cõi ác, luôn ở trong cõi ác, tùy thuận hiện thân, độ thoát chúng sanh không thối lui lay chuyển. Các Bồ-tát khác cũng ngồi trên tòa đá báu vì thường ở trong cõi ác, hiện thân hình như chúng sanh, không hiện sự trang nghiêm của báo ứng, thường giảng kinh từ bi cho mọi người, thuyết giảng pháp giải thoát từ bi cho Thiện Tài. Dù ở nơi nào cũng luôn đem lại lợi ích cho chúng sanh bằng ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Từ câu: "Chỉ ta biết pháp từ bi của Bồ-tát" trở về sau là nói về sự thăng tiến.

(8) ***Hồi Hướng tướng Chân thậ***t: Vì trí huệ của vị này tăng trưởng, tâm tánh đều là chơn như. Vị này chuyển trí chơn như vào trong sanh tử, không trụ nơi chơn như. Vị này chủ yếu là tu nguyện Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Lúc ấy ở phương đông có Bồ-tát tên Chánh

Thú. Các vị trước đều ở phương nam, vì sao vị này lại ờ phương đông?vì vị hồi hướng chuyển tâm chơn như vào thế tục, thành tựu hạnh từ bi. Vị thứ thứ bảy, thứ tám hòa hợp bi trí. Phương đông là trí, như mùa xuân là mùa cây cỏ đâm chồi nẩy lộc. Phía tây là bi, mùa thu là mùa thu hoạch. Bồ-tát Chánh Thú là Trí, Bồ-tát Quan Âm là bi, trí bi hòa hợp không hai. Vị này từ nơi Phật Phổ Thắng sanh nước Diệu Trang ở phương đông đến. Thời gian vị ấy đến là vô số kiếp như số bụi trong cõi Phật. Mỗi tích tắc đi qua vô số cõi nước, cõi Phật nào cũng đến, cúng dường các thức. Những thứ ấy được hình thành từ tâm vô lượng và từ sự chứng nhập trí không tạo tác. Đi khắp mọi nơi giáo hóa chúng sanh (rõ như trong kinh). Thiện Tài thấy Bồ-tát Chánh Thú gặp Bồ-tát Quan Âm tiêu biểu sự hòa hợp bi trí. Hơn nữa, vị thứ bảy bi nhiều, Bồ-tát Chánh Thú đạt trí tăng trưởng, trở lại hành từ bi nên gặp Bồ-tát Quan Âm. Từ nơi Phật Phổ Thắng Sanh nước Diệu Tạng ở phương đông đi đến là pháp thân, không thân, trí huệ không hình tướng. Trí căn bản sáng suốt vốn thanh tịnh có khắp mười phương là Phật Phổ Thắng Sanh. Từ trí này có trí sai biệt, trong chốc lát hiện ở khắp các cõi Phật mười phương, cõi chúng sanh, tùy chúng sanh hóa hiện thân, cúng dường Phật, giáo hóa chúng sanh nhưng không đến đi. Tác giả nói kệ: Ví như mặt nhựt nguyệt, hiển hiện trong biển sông, suối ao và đầm nước, không nơi nào không có, tướng nó không đến đi, ánh sáng soi cùng khắp, ánh sáng và bản chất, đồng tánh với hư không. Chúng sanh do nghiệp lực, tánh nghiệp không đến đi, trí căn bản cũng thế, thể tướng như hư không, ánh sáng chiếu ra mười phương, hiện trong nước chúng sanh, giáo hóa tất cả chúng, cúng dường các đức Phật, nhưng chẳng có người làm, vì trí vốn tự tại, công dụng nhuần mười phương, thần thông không thần thông, công dụng đều như vậy. Cứ thế với công dụng thần thông rộng lớn cúng dường các đức Phật. Đó đều là từ tâm vô thượng, từ pháp không tạo tác, vì thể của trí không tạo tác, có đủ vô số công đức tốt đẹp. Bồ-tát Chánh Thú, Quan Âm tiêu biểu cho sự hòa hợp bi trí, không có hai pháp. Vô số công đức của hồi hướng thứ mười đều không ngoài pháp bi trí của hồi hướng thứ bảy. Quan Âm là thể của từ bi, là bi trí rộng lớn không ngoài bản tánh. Dù là hàng mười địa, các đức Phật đều không ngoài Quan Âm. Trước đưa ra chuẩn mực, sau đều y theo đó. Từ câu: “Chỉ ta biết pháp giải thoát nhanh chóng cùng khắp của Bồ-tát” trở về sau là nói sự thăng tiến.

(9) ***Hồi Hướng giải thoát không đắm nhiễm***: Chủ yếu là tu lực Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Phương nam có thành tên

Đọa La Bát Để (Trung Hoa dịch là Hữu Môn). Vì vị này là vị pháp sư thứ chín có pháp lớn. Trong đó có thần trời tên Đại Thiên. Gặp vị này Thiện Tài cung kính cúi lạy thỉnh cầu. Đại thiên dùng bốn tay lấy nước bốn biển, tự rửa mặt, lấy hoa vàng rải cúng Thiện Tài là bày tỏ sự cung kính người mới phát tâm. Dùng bốn tay là bốn nhiếp pháp, tự rửa mặt là dùng mắt trí thanh tịnh quán sát chúng sanh, biết khả năng của chúng mà chỉ dạy, nói pháp Vân Võng cho Thiện Tài. Thiên là thanh tịnh, là từ bi là che chở, che chở nuôi lớn chúng sanh trong mười phương. Ví như mưa tuôn mưa thấm khắp, giáo hóa chúng sanh như lưới vớt chúng sanh. Vì thế dùng thần thông hóa vô số vật báu cho chúng sanh. Dùng năm cách quán dừng tâm, tùy theo khả năng lãnh thọ của chúng sanh mà giảng dạy. Nghĩa là người tu hành dùng trí hợp với trời và đạo mầu vượt trên sự hiểu biết của tình thức, tuy trí làm việc ban bố cho tất cả, tùy chơn như dụng ông hợp với thần thông của trời, làm người bạn tốt. Đó là thể không tạo tác của trí căn bản, nên là thiên thần. Mọi pháp đều có từ đây nên cõi nước tên Hữu Môn. Từ câu: “Chỉ ta biết pháp Vân Võng này của Bồ-tát” trở về sau là nói về sự thăng tiến.

(10) ***Hồi Hướng ngang bằng pháp giới***, chủ yếu tu trí Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Cõi Diêm Phù Đề có nước... Vì pháp của vị hồi hướng này cùng khắp. Đạo Tràng Bồ Đề nước Ma Kiệt, cõi Diêm Phù Đề tiêu biểu là vị này đạt thể của sự giác ngộ. Thần đất tên An Trụ. Thần trời trước là trí căn bản Thanh Tịnh. Vị này là thể của tư bi trong trí. Thần trời xuất hiện từ kho báu cõi trời. Thần đất xuất hiện từ kho báu trong đất, là phước đức của từ bi và là quả báo của việc lợi sanh. Thần trời là công dụng mầu nhiệm của trí, thần đất là sự tịch tĩnh của trí bi. Động như luôn tịnh nên tên là an trụ không lay động. Tên đó có từ sự chấn động của trời, sự bền vững của đất. Hai vị này tượng trưng cho người tu hành ở trong sanh tử tu tập đạt bản chất của tịnh dụng. Quả của mười địa cũng có từ hai pháp này. Đây là mô hình mẫu để mười địa đẳng giác thành tựu viên mãn trí bi. Hai pháp này tuy hai nhưng lại là một. Vì trời là che, đất là chở. Vì sự mê muội lớn không ngoài pháp trí bi. Sự nuôi lớn của đất trời là do nghiệp của chúng sanh. Sự nuôi lớn của đạo là do sự linh diệu của trí bi. Trời đất không riêng biệt, mọi vật đều phát triển. Đạo lớn không riêng biệt, mọi loài đều được cứu độ. Không làm nhưng thành, thành tựu công dụng khắp mười phương, không tạo tác nhưng lại hình thành, công dụng khắp pháp giới. Vì vậy thần đất An Trụ dùng ngón chân ấn vào đất, xuất hiện vô số vật báu. Thần đất bảo Thiện Tài: Kho báu này là của ngươi, đó là quả báu của căn lành từ

trước. Vị thần ấy kiên cố như đất, nên mặt đất xuất hiện báu vật trang sức thân, như thần trời mở kho báu, trời yên đất lặng là hình bóng của thần hợp đạo trí bi. Thần không làm nhưng phước đức ứng với vạn vật như người tu hành trí hợp với trời, trời yên, bi hợp với đất, đất lặng nuôi dưỡng mọi vật, thanh tịnh phước đức tự soi sáng. Vì thế, thần đất dùng ngón chân ấn vào đất, xuất hiện vô số báu vật. Vì khi bi trí vẹn toàn thì tự tại không cần dụng công, nhưng công dụng cùng khắp. Vì báu vật có từ quả báo phước đức trong trời đất, không do ý muốn và nghiệp, mà là do phước lực của trí bi không tạo tác nhưng tự tại cùng khắp pháp giới. Kinh dạy: Ta nhớ ngày xưa, từ thời Phật Nhiên Đăng đến nay, ta luôn cung kính ủng hộ Bồ-tát. Đó là động lực đầu tiên của sự phát tâm. Trí căn bản sáng suốt là Phật Nhiên Đăng, là động lực đầu tiên của sự phát tâm. Trải qua vô số kiếp như bụi đất của núi Tu Di, có kiếp tên Trang Nghiêm, cõi nước tên Nguyệt Tràng, đức Phật tên Diệu Nhãn. Sự mê lầm hoặc chướng từ lúc phát tâm đến nay nhiều như kiếp số. Khi hết mê, đạt pháp thanh tịnh là Nguyệt Tràng, trí huệ mầu nhiệm hiển hiện là Phật Diệu Nhãn. Trí huệ ấy không có hình tướng, thể tánh của nó như hư không, không thể phá hoại, bao hàm mọi hiện tượng nên gọi là Tạng (chứa). Từ câu: "Chỉ ta biết Tạng trí huệ mầu nhiệm không thể phá hoại" trở về sau là nói về sự thăng tiến.

Trên đây đã nói về mười hồi hướng ở trong sanh tử thành tựu đầy đủ trí bi, ví như sự che chở mênh mông của trời đất, nên vị cuối cùng mượn thần trời đất làm sự tiêu biểu. Chín Dạ thần và người nữ Cù Ba ở văn sau là mười địa nuôi lớn từ bi, phá vô minh sanh tử dằng dặc. Mười thiện tri thức trên đây thể hiện cho việc vào biển sanh tử, không ra khỏi cũng không đắm nhiễm để thành tựu trọn vẹn trí bi và Nhứt thiết trí. Công dụng như biển. Nếu dùng trí bi lớn lao ấy dần đạt đến chỗ không dụng công sẽ phá trừ đêm dài tăm tối, đi khắp mười phương, che chở mọi loài, tự tại độ sanh. Đó là Dạ thần của mười địa. Mười địa và Đẳng giác đều nương nơi pháp mười Hồi Hướng.

■

LƯỢC THÍCH TÂN HOA NGHIÊM KINH TU HÀNH THỨ ĐỆ QUYẾT NGHI LUẬN

QUYỂN 4

PHẦN A

Mười Địa

Chín Dạ Thần và người Nữ Cù Ba từng là vợ chồng của Như Lai, đến nay thành tựu đạo nghiệp lại là thiện tri thức (phần sau của kinh nói rõ). Mười thiện tri thức của mười địa và đẳng giác đều nương nơi hạnh nguyện viên mãn của mười hồi hướng. Sự thành tựu hạnh Phổ Hiền của hai vị Đẳng giác, Diệu giác cũng là hạnh nguyện viên mãn của mười hồi hướng. Kể cả quả của mười tín. Trí căn bản sáng suốt của mười trụ, sự thành tựu quả báo của mười hạnh đều từ một pháp này. Chỉ khác nhau là trọn vẹn hay chưa trọn vẹn, chẳng phải trí thay đổi.

(1) ***Địa Hoan Hỷ:*** Chủ yếu tu thí Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Ở đây chỉ nói nước Ma Kiệt Đề cõi Diêm Phù mà không nói phía nam, vì nước này là nơi Phật thọ sanh hợp với bản thể. Vì trí căn bản không có phương hướng tức là trí huệ viên mãn. Hơn nữa vị đầu của mười địa... Hai vị Đẳng giác, Diệu giác đều có từ sự thăng tiến trí bi trong trung đạo. Vị này vui thích tu tập cả trí và nguyện, sau mới an lập thứ tự trọn vẹn, chưa trọn vẹn, quân bình hạnh trí. Khiến người ra khỏi thế tục vào trong thế tục để thành tựu trọn vẹn trí bi. Sự thành tựu quả mười địa, Đẳng giác, Diệu giác đều bắt nguồn từ vị thứ nhứt của mười tín, mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng, mười địa. Các vị ấy đều phát khởi hạnh nguyện một lần để thành tựu vị sau. Nếu không có vị ban đầu làm gì có vị sau? Vì từ tâm ban đầu thành tựu vị sau. Ví như lầu cao trăm trượng đều từ nền móng. Vì nếu không có quả của nhân ban đầu thì không có quả của nhân sau. Như phải có hạt giống mới tạo nhân để có trái sau này giống với hạt giống ấy. Vì sự phát tâm của địa thứ nhứt bao

hàm các vị sau. Trí huệ trước sau không sai khác nhưng lại có sự trọn vẹn chưa trọn vẹn giữa trước sau. Địa hoan hỷ thứ nhứt là tâm phát khởi ban đầu, cùng sống với chúng sanh, chuyên tu pháp thí Ba-la-mật. Địa ly cấu thứ hai chuyên tu giới Ba-la-mật nên xa lánh vợ con. Uất gia tu tập tịnh giới, trừ bỏ tâm tham đắm, điều phục phiền não cõi dục. Địa Phát Quang thứ ba tu thiền cõi sắc, vô sắc, điều phục sự ham thích, trừ bỏ phiền não, vượt nghiệp ba cõi, những vị này phần nhiều là tu pháp ra khỏi ba cõi. Địa Diệm Huệ thứ tư tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, quán thân, thọ tâm, pháp, chuyển tâm chạy theo trần cảnh thành tâm thanh tịnh, chuyển tâm bám víu pháp ba cõi sanh vào nhà Như Lai. Địa Nan Thắng thứ năm dùng thiền định điều phục hai Đế khổ tập trong bốn Đế, thấy rõ phiền não thế gian vốn thanh tịnh, đều là diệt Đế, đạo Đế. Đó là pháp trị liệu hoặc chướng xa lánh chúng sanh, không bi trí, sợ khổ, trụ nơi Niết-bàn của Thanh văn và Bồ-tát cõi Tịnh. Địa Hiền Tiền thứ sáu quán mười hai duyên khởi, quán sáu căn, danh sắc, sự bám víu cảnh của thức. Thấy sáu căn, danh sắc xưa nay vốn trống không, không thể tánh, không có năm sự thấy biết sai lầm trong ngoài giữa... đó là trí. Khí có công dụng thần diệu tự tại là thành tựu công dụng của vô số trí huệ giải thoát, trừ khử sự chứng đắc pháp không qua pháp quán mười hai duyên sanh của Duyên giác. Không có trí huệ giải thoát, bỏ chướng ngại về từ bi, khởi công dụng thần thông của vô số trí, giáo hóa chúng sanh. Ba vị này đạt trí huệ xuất thế gian ngay trong thế gian. Sáu Ba-la-mật trên đều đạt giải thoát xuất thế ngay trong thế gian và xuất thế gian. Địa Viễn Hành thứ bảy vào trong sanh tử đủ nhiễm tịnh thành tựu từ bi, không bỏ chúng sanh, dần thành tựu viên mãn trí không dụng công của vị sau, vị Diệu giác và Như Lai. Trừ khử tướng hoặc không tự tại trong sanh tử, thành tựu tự tại mười lực, bốn biện tài, bi trí của Như Lai, luôn ở trong sanh tử không mong riêng mình ra khỏi thế gian. Địa Bất Động thứ tám thành tựu trí không dụng công. Trí đó có từ địa thứ bảy. Vị này thành tựu trọn vẹn bi không dụng công ngay trong sanh tử, trí sáng biểu hiện như sự gặp nhau của Bồ-tát Chánh Thú và Quan Âm. Đến vị này không biết hướng tiến lên nên phải nhờ Phật gia hộ để nhớ lại nguyện xưa, phát tâm bi đem lại lợi ích cho chúng sanh. Đó là trí sáng rộng lớn. Tâm bi phát khởi trong tích tắc của vị này những Bồ-tát địa trước không thể sánh kịp. Vị này có ba sự gia hộ: 1) Như Lai hiện thân; 2) Xoa đầu; 3) Khen ngợi. Bảy lời khuyên: 1) Khuyên tu mười lực, bốn vô sở úy, mười tám pháp bất cộng. 2) Khuyên tu tinh tấn, không bỏ pháp nhẫn vô sanh; 3) Thương yêu chúng sanh; 4) Nhớ lại nguyện xưa tạo lợi ích cho

chúng sanh; 5) Tu quả về thân tướng cõi nước của Như Lai; 6) Học vô số pháp Phật; 7) Biết nghiệp sai khác của vô số chúng sanh để phát khởi bi trí, không vướng mắc nơi trí không dụng công. Vì các địa trước ham tu pháp giải thoát đủ cả bi trí hòa hợp, mới học dụng công lớn lao nơi sự giải thoát của Phật. Với ba sự gia hộ, bảy lần khuyến khích, vị này không vướng mắc nơi trí không dụng công. Địa Thiện Huệ thứ chín đạt Biện tài không ngại, vào địa vị pháp sư, đủ bốn pháp vô ngại: 1) Pháp; 2) Nghĩa; 3) Từ; 4) Nhạo thuyết. Địa Pháp Vân thứ mười ngang với vị Phật, nhận vị Như Lai, ngồi trên tòa sen lớn bằng trăm ngàn vô số cõi nước. Bồ-tát ba thừa... địa thứ mười ngồi tòa sen lớn bằng trăm ngàn vô số cõi nước. Vị trọn vẹn hạnh mười địa của nhứt thừa này không chỉ ngồi tòa sen lớn bằng trăm ngàn vô số cõi nước mà còn có vô số tòa sen với vô số Bồ-tát bằng số bụi trong mười ba tam thiên đại thiên cõi nước vây quanh. Như vậy pháp của mười địa đều tóm thâu trong pháp của địa thứ nhứt. Vì thế nên ví trong thân của Dạ thiên có vô số cõi nước chúng sanh, kể cả từng lỗ chân lông nơi thân chứa cả mặt trăng mặt trời, sao và cảnh giới chúng sanh. Do vậy, nơi ở của thiện tri thức là cõi Diêm Phù mà không nói là ở phương nam. Thành tên Ca-tỳ-la (Trung hoa dịch là Đại Thể). Vì trong năm nước nhỏ của Ấn Độ riêng nước này có thủ đô nên có tên là Đại Thể, cũng còn gọi là Hoàng Vật. Lại vì bao gồm mọi nơi trong năm nước nhỏ của Ấn. Giống như Trung, Cung, Mậu, Ty, Thổ nên gọi là Hoàng Vật. Thiện Tài đi vào cửa đông của thành là vào địa thứ nhứt của mười địa. Phía đông là trí sáng tạo. Vào thành an nghỉ chưa bao lâu, thấy mặt trời mọc. Vì sau khi thành tựu mười hồi hướng, quán sát pháp tiến tu hòa hợp với pháp mười địa là vào thành. Dung hợp quả mười địa là an nghỉ chưa bao lâu. Hoặc chướng của vị trước không còn, trí huệ của vị này hiển hiện là mặt trời mọc. Hơn nữa, vị này luôn ở trong đêm dài sanh tử thuyết pháp giáo hóa chúng sanh nên là Dạ thần. Thấy Dạ thần ở trong lầu gác đẹp là pháp trống không, tùy hạnh từ bi phát khởi vô số trí huệ. Đó là quả báo. Ngồi trên tòa sen thơm Sư tử Tạng là biểu hiện cho việc Bồ-tát mười địa nuôi lớm hạnh từ bi. Hương (thơm) là trí căn bản, đầy đủ năm phần pháp thân: Giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Thành tựu hạnh nuôi lớn đức từ bi là thể của tòa. Đây là mượn hình tượng để tiêu biểu, suy xét sẽ biết được. Chín Dạ thần và người nữ Cù Ba đều thuộc nữ tính, biểu thị trong sự thăng tiến của mười địa, từ bi là pháp đầu tiên. Vì mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng đều lấy trí thanh tịnh làm pháp đầu tiên rồi thành tựu từ bi nên tiêu biểu bằng Tỳ kheo, trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn, Ưu-bà-di,

đồng nữ. Mười địa lấy từ bi làm pháp đầu nên tiêu biểu bằng nữ tính (chín Dạ thân đều thuộc nữ tính). Trời tượng trưng cho trí tự tại, thần là công dụng của trí. Dạ là phá trừ đêm dài sanh tử của chúng sanh. Mười hồi hướng hòa nhập hạnh từ bi trong đêm dài sanh tử, mười địa lại nuôi lớn hạnh từ bi nên lấy hoa sen thơm làm thể. Vì ở trong biển sanh tử nhưng không bị nhiễm ô. Thần tên Bà San Bà Diễn Để (Trung Hoa dịch là Chủ Đương Xuân Sanh là co khả năng phát sanh các pháp lành. Thân sắc vàng rực, mắt, tóc xanh óng là pháp thân trí thân trong sạch, thực hành tất cả hạnh thương yêu như hòa, thành tựu trọn vẹn bi thí. Vì trí trong sạch nên mắt tóc xanh óng. Thân ấy được hình thành từ trí bi. Dung mạo xinh đẹp ai cũng thích nhìn, trang sức mọi thứ báu. Anh lạc là hạnh dùng để nghiêm sức trí thân, thân mặc áo ngọc. Áo ngọc là áo đỏ, là màu của phương nam. Nam là mặt trời. Vì Dạ thần dùng mặt trời trí huệ phá trừ bóng tối nơi đêm dài của chúng sanh. Đội mũ cõi phạm thiên. Phạm là thanh tịnh vì trí luôn thanh tịnh. Các sao tỏa sáng soi là thân có khắp trong cõi nước nơi mười phương. Mỗi lỗ chân lông của thân hiện diệt độ vô số chúng sanh, vì trí không giới hạn, chúng sanh được giáo hóa cũng không giới hạn (những ý khác rõ như trong kinh). Việc tùy theo khả năng của chúng sanh trong cõi nước mười phương, hiện thân độ thoát cũng không giới hạn. Vì địa thứ nhứt bao hàm cả hai vị Đẳng giác, Diệu giác của quả Phật. Cùng lúc hiển hiện là pháp tiến tu không vướng mắc một pháp nào. Từ câu: "Chỉ ta biết pháp giải thoát phá trừ bóng tối nơi đêm dài sanh tử của chúng sanh của Bồ-tát" trở về sau là nói về sự thăng tiến.

(2) ***Địa ly cấu:*** Chủ yếu tu giới Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Ở đạo tràng Bồ Đề nước Ma Kiệt cõi Diêm Phù. Vì thể của giới là pháp thân, là trí căn bản có ngay trong cõi Diêm Phù. Dạ thần tên Phổ Đức Tịnh Quang là thầy của Bà San Bà Diễn Để. Vì muôn hạnh đều bắt nguồn từ trí căn bản nên là thầy. Dạ thần Phổ Đức là trí thanh tịnh như mặt trời, trí này là thể của giới. Chiếu soi khắp mọi nơi là Phổ Đức, thể của giới trong sạch là Tịnh Quang phá trừ khổ nơi đêm dài sanh tử là thần. Thần là không hình sắc, không tạo tác nhưng ứng dụng cùng khắp, cùng lúc cứu giúp nên tên là Phổ Đức Tịnh Quang. Thiện Tài xin giảng pháp. Dạ thần khuyên Thiện Tài tu mười pháp (rõ như trong kinh). Dạ thần tu mười pháp thiền: 1) Từ bi cứu hộ tất cả chúng sanh, chuyên tâm tu thiền thứ nhứt; 2) Chấm dứt vọng nghiệp, hóa độ tất cả chúng sanh, trí lực mạnh mẽ, vui tu thiền thứ hai; 3) Suy xét chúng sanh vốn thanh tịnh, vĩnh viễn đoạn trừ sanh tử tu thiền thứ ba; 4) Đoạn

trừ phiền não khổ đau của chúng sanh tu thiền thứ tư, thành tựu thân ở trong tất cả các cõi nước chúng sanh (rõ như trong kinh). Bốn thiền này tiêu biểu cho việc tùy thuận hạnh từ bi, tùy căn tánh giáo hóa chúng sanh đều là pháp thiền. Chỉ cần làm thanh tịnh ý nghiệp thì trí sáng hiển hiện, mọi thứ đều là thiền. Từ câu: "Chỉ ta biết pháp thiền định tịch tĩnh đi khắp mọi nơi của Bồ-tát" trở về sau là nói về sự thăng tiến. Vị thần này ở ngay trong đạo tràng Bồ Đề, dùng trí căn bản, pháp thân không hình tướng làm thể của giới, từ trí khởi công dụng hóa độ chúng sanh, tất cả đều là thiền.

(3) ***Địa Phát Quang:*** Chủ yếu tu nhẫn Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Ở bên phải cách Bồ Đề đạo tràng không xa. Không xa là không rời trí căn bản để làm mọi việc, bên phải là công dụng lớn, là thể của bi. Vì hạnh nhẫn luôn khiêm cung. Dạ thần Hỷ Mục quán sát chúng sanh. vì người tu hạnh nhẫn bên trong luôn trang nghiêm, vui vẻ từ hòa ai cũng thích nhìn. Để biết căn tánh chúng sanh tùy thòi cơ hóa độ nên phải quán sát. Thiện Tài thấy Dạ thần ngồi trên tòa sen Sư tử Tạng trong đại tràng Như Lai nhập pháp đại thí lực Phổ Hỷ Tràng. Vì nhẫn là cội nguồn của muôn hạnh. Ở trong Đại tràng Như Lai là không rời trí căn bản làm mọi việc. Hơn nữa trí là thể của nhẫn, đạo tràng là muôn hạnh. Vì mười hạnh dùng trí căn bản sáng suốt tu mười Ba-la-mật, như luyện vàng ngày càng sáng, vì mọi thứ trang sức không ngoài thể của vàng, cũng như công dụng cùng khắp của muôn hạnh không ngoài trí căn bản. Như Dạ thần này xuất nhập pháp Đại thí lực Phổ Hỷ Tràng đi khắp mọi nơi hóa độ chúng sanh. Từ mỗi lỗ chân lông hiện ra vô số thân, nơi nào cũng có, chúng sanh nào cũng được độ, giảng vô số pháp (rõ như trong kinh). Hàng mười địa đều dùng thân pháp giới dung nạp tất cả cõi nước, hoặc hiện vô số thân ngay trên mỗi lỗ chân lông. Song, chỉ khác nhau là từ sự đạt pháp gìn giữ thế gian, luôn ở trong sanh tử hóa độ mọi loài để phân biệt tâm từ bi cạn sâu. Địa thứ nhứt, Dạ thần Bà Lan Bà Diễn Để phát tâm Bồ Đề trải kiếp bằng số bụi núi Tu Di. Địa thứ ba Địa thần Hỷ Mục Quán chúng sanh, phát tâm Bồ Đề trải qua vô số kiếp bằng số bụi trong một cõi nước. Đó là nói lên tâm từ bi sâu cạn. Địa thứ hai, không nói đến thời gian phát tâm là vì đạt thiền tịch tĩnh đi khắp mọi nơi thì không thể nói được thời gian bao lâu, không có ba đời vì thể của thiền cùng khắp nên ngay trong đạo tràng Bồ Đề đạt trí căn bản. Từ câu: "Chỉ ta biết pháp đại thế lực Phổ Hỷ Tràng của Bồ-tát" trở về sau là nói về sự thăng tiến.

(4) ***Địa Diệm Huệ:*** Chủ yếu tu tinh tấn Ba-la-mật, chín Ba-la-mật

kia là thứ yếu. Trong hội này có Dạ thần tên Phổ Cứu Chúng Sanh Diệu Đức. Chỉ nói hội này mà không nói ở phương đông, tây, nam, bắc vì hạnh tin tấn không ngoài pháp nhẫn của Phật. Từ trí căn bản tu hạnh tinh tấn. Vì trí có khắp, hạnh cũng có khắp. Từ giữa chặng mày Dạ thần phóng ánh sáng chiếu đến đỉnh đầu Thiện Tài, lập tức Thiện tài đạt Tam muội thanh tịnh cứu cánh. Đạt tam muội này, Thiện Tài thấy hết đất nước gió lửa, ngọc báu, hương hoa, anh lạc... thấy sự thành hoại của vô số cõi nước nhiều như số bụi trong cõi Phật (rõ như trong kinh). Vì Bồ-tát địa thứ tư được sanh trong nhà Như Lai cảnh trí như Phật. Nhờ hạnh tinh tấn, vị này tu hạnh Phổ Hiền đạt trí vi tế như vô số thân chúng sanh, cảnh giới ảnh hiện trong lưới Đế Thích. Tùy thời cơ hóa độ chúng sanh. Với tâm Đại bi, trải qua vô số kiếp ở biển sanh tử, như trong kinh chép: Phát sanh nguyện lực hạnh lực của hạnh Phổ Hiền, tăng trưởng tâm từ bi của Bồ-tát. Nên Thiện Tài hỏi thời gian đạt pháp giải thoát này, Dạ thần đáp: Thiện nam tử! Việc này khó biết được, trời, người, nhị thừa không thể lường được. Vì sao? Vì đó là cảnh giới của hạnh Phổ Hiền, là cảnh giới của người tu hạnh từ bi (rõ như trong kinh). Lược nêu thứ tự của hạnh nguyện để biết hướng đi không sai lầm, vì văn kinh nhiều nên không thể chép hết. Người tu hành tự tìm hiểu trong kinh không vướng mắc sự chứng đắc nhỏ nhiệm ban đầu để tâm dần rộng lớn, nhập pháp Phổ Đức. Dạ thần nói thời gian phát tâm: Trải qua vô số kiếp xa xưa, vào kiếp viên mãn thanh tịnh, có cõi nước tên Tỳ-lô-giá-na đại oai đức, vô số Như Lai ra đời. Ta gần gũi cung kính nghe pháp, đạt pháp, hành hạnh Bồ-tát. Lúc đó ta là Luân vương nữ, thấy ánh sáng phước trí của Phổ Hiền, phá trừ đêm dài sanh tử của chúng sanh nên ta phát nguyện, nguyện như Phổ Hiền. Do vậy đến nay làm Dạ thần soi sáng phá trừ bóng tối mê mờ của chúng sanh (rõ như trong kinh). Vì tâm từ bi sâu xa như trí căn bản bền vững. Từ câu: "Chỉ ta biết pháp đi khắp mọi nơi điều phục chúng sanh của Bồ-tát" trở về sau là nói về sự thăng tiến.

(5) ***Chủ yếu tu thiền Ba-la-mật***, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Cách đây không xa có Dạ thần tên Tịch Tịnh Âm Hải. Vì thể của thiền thứ năm tóm thâu mọi cõi nước. Cách đây không xa là không rời đạo tràng của Phật, trí căn bản là thể của thiền. Nghĩa là đến vị này thì thể của trí càng sáng. Đó là sự thăng tiến. Vì trí sáng không ngoài trí căn bản nên không xa. Vì thể của thiền đầy đủ sắc thanh hương vị xúc thanh tịnh. Dạ thần ngồi tòa Ma ni quang tràng trang nghiêm hoa. Ma ni Trung Hoa dịch là ngọc làm sạch. Quang là sáng, tiêu biểu cho thiền vốn chơn tịnh, tâm cảnh trong sạch sáng suốt. Tràng tiêu biểu cho tâm cảnh và

các pháp bền vững nên cửa thiền thường gọi là tràng. Trăm ngàn tòa sen là ở trong sanh tử nhưng không bị sanh tử làm nhiễm ô. Trăm ngàn vô số Dạ thần vây quanh là trọn vẹn muôn hạnh, là sống trong thiền định, biết các pháp không tạo tác và thiền nhứt thiết trí có trong pháp giới, thiền từ bi không tạo tác che chở cho tất cả chúng sanh. Thiện Tài hỏi Dạ thần thời gian phát tâm. Dạ thần đáp: Trải qua vô số kiếp bằng số bụi trong hai cõi Phật và kiếp này, cúng dường đức Phật Ca La Cưu Tôn Đà, cúng dường gần gũi tất cả đức Phật đương lai. Cảnh giới Thanh Tịnh Quang Kim trang nghiêm của lúc mới phát tâm giống cảnh hiện giờ. Vì thể của thiền không có ba đời xưa nay, cùng tột ba đời. Sự cúng dường các đức Phật, nghe pháp, hành đạo Bồ-tát đều cùng một thời gian, không ngoài thiền trí thanh tịnh. Vị trước trải qua vô số kiếp bằng số bụi của một cõi Phật là nói thời gian tu hành. Vị này trải qua số kiếp bằng số bụi trong hai cõi Phật là tiêu biểu cho hạnh từ bi dần sâu rộng để kẻ hậu học noi theo. Thiện Tài nói kệ khen đức của Dạ thần: không chấp pháp trong ngoài, bền vững không gì ngăn, mắt trí huệ thanh tịnh, được sức thần của Phật, thân là kho chánh pháp, tâm là trí không ngại, đã đạt trí sáng suốt, che chở các chúng sanh, hành hạnh nguyện rộng lớn, trang nghiêm các cõi nước, biết thế gian do tâm, hiện thân như chúng sanh, nhưng biết đời như mộng, các đức Phật tựu bóng, các pháp là tiếng vang, để chúng sanh không chấp, vì chúng sanh ba đời, nên thị hiện thân hình, nhưng tâm không bám víu, đi khắp nơi giảng pháp, cùng tột mọi trụ xứ, cõi Phật cõi chúng sanh, đều nằm trong hạt bụi.

Đây là đề cao sức giải thoát, từ câu: "Chỉ ta biết pháp luôn hiện thân đem vui đến mọi loài" trở về sau là nói về sự thăng tiến.

(6) ***Địa Hiện Tiền***: Chủ yếu tu Bát-nhã Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Trong đạo tràng Bồ Đề của Phật, vì địa thứ sáu lấy trí làm thể của sự giác ngộ, là trí huệ hiển hiện. Vì trí huệ phát trừ vô minh, thành tựu trí bi lớn và vì hội chúng ấy không ngoài trí huệ. Dạ thần tên Thủ Hộ nhứt thiết thành tăng trưởng uy lực. Vì trí huệ chơn chánh này ngăn chặn giặc ác, vô minh không nhập tâm. Thể của tâm không có vô minh, giặc ác. Vô minh diệt, trí huệ hiển hiện. Thiện Tài thấy Dạ thần ngồi tòa Sư tử Nhứt thiết bảo quang minh ma ni. Ma ni là ngọc làm sạch. Địa thứ sáu trí huệ hiển hiện phá trừ phiền não, biến chúng thành thanh tịnh, tự tại như vua. Đó là thể của tòa, vì trí huệ sáng suốt phá trừ hoặc chướng chấp chặt tối tăm nên tòa có tâm như vậy. Vô số Dạ thần vây quanh là thành tựu việc độ sanh, hiện thân cùng loại với chúng sanh để tùy loại điều phục (rõ như trong kinh). Thiện Tài hỏi thời

gian phát tâm (Trong kinh chép là hơn số bụi trong một cõi Phật vì số chưa rõ ràng) (Sự giáo hóa lợi ích bằng Bát-nhã Ba-la-mật của địa thứ sáu trong kinh đã rõ). Thiện tài nói kệ khen đức của Dạ thần: Thành tựu trí huệ mầu nhiệm đó. Độ thoát vô số loài chúng sanh, sống lâu an ổn bằng thân trí, uy đức rực sáng giữa muôn loài, hiểu rõ tánh pháp như hư không, đi lại ba cõi không ngăn ngại, chỉ vì vọng niệm chạy theo cảnh, biết thế đoạn trừ tâm phân biệt. Hiểu rõ tánh không của chúng sanh, tu hành từ bi thương quần mê (ngoài ra văn sau sẽ nói). Từ câu: "Chỉ ta biết pháp giải thoát tự tại giảng thuyết sâu xa" trở về sau là nói về sự thăng tiến.

(7) ***Địa Viễn Hành***: Chủ yếu tu phương tiện Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Trong hội chúng của Phật, vì vị này lấy trí huệ làm sức giải thoát, không rời trí căn bản sáng suốt, vượt hẳn lên các cõi, không đắm nhiễm, dùng sức của phương tiện vào trong sanh tử, vượt biển hạnh nguyện lớn lao của Phổ Hiền. Dạ thần tên Khai Phu nhứt thiết thọ hoa vì địa thứ bảy có hạnh nguyện trở lại sanh tử, sống với chúng sanh trong sáu nẻo, không bỏ chúng sanh, thành tựu quả Phật. Trí bi lớn lao của Phật đều có từ đây, thuận dòng sanh tử, không rời sanh tử, thành tựu bi trí. Nếu không có hạnh trở lại sanh tử tạo lợi ích cho chúng sanh thì chỉ đạt sáu Ba-la-mật ra khỏi sanh tử, không có vị sau, không có bi... Mười lực của Phật. Vì vị này che chở khai ngộ chúng sanh nên có sáu mươi đồng nữ ở chỗ vua Bảo Quang Minh là người đứng đầu, nhờ nghe pháp âm viên mãn nên phát tâm Bồ Đề. Nghĩa là chuyển sáu Ba-la-mật, trí xuất thế gian vào trong sanh tử, thành tựu từ bi là sáu mươi đồng nữ. Chỗ vua chính là chỗ của Phật Tỳ-lô-giá-na. Vì tu tập sáu Ba-la-mật bằng trí căn bản. Lại dùng đạo xuất thế, sáu Ba-la-mật vào trong sanh tử nuôi lớn từ bi, biến biển sanh tử thành biển trí bi, sáu Ba-la-mật, mỗi pháp đều có mười nen thành sáu mươi. Những vị trước phần nhiều là tu tập xuất thế, vị này chuyên tu từ bi nên là đồng nữ phát tâm. Vào trong sanh tử, thân hiện cùng khắp, tất cả sao trăng soi rọi thân hình (rõ như trong kinh). Thời gian phát tâm: Trải qua số kiếp bằng số bụi của cõi nước. Có hai ý: 1) Từ bi sâu rộng; 2) Tiêu biểu cho pháp. Nghĩa là chuyển chướng tâm xuất thế Ba-la-mật vào trong sanh tử thành tựu từ bi. Chuyển hết bao hhiêu hoặc chướng nân là sáu mươi đồng nữ. Vì mười trụ còn chủng tử nhiễm. Vị này tuy sống với chúng sanh nhưng không còn chủng tử nhiễm nên tiêu biểu bằng sự chuyển tâm của đồng nữ, thể hiện sự thăng tiến. Đồng nữ chính là Dạ thần Khai Phu Thọ Hoa này. Vì địa thứ bảy vào trong sanh tử thành tựu bi trí, sống chung với

phàm phu, khai ngộ chúng sanh, tìm mọi cách đemlại lợi ích cho chúng sanh để được an lạc. Từ câu: "Chỉ ta biết pháp giải thoát, Bồ-tát vui mừng thị hiện thọ sanh" trở về sau là nói về sự thăng tiến. Bồ-tát này luôn ở trong biển khổ sanh tử tạo lợi ích cho chúng sanh, đó là niềm vui lớn nhứt của Bồ-tát. Ở trong mọi nơi, cùng lúc hiện vô số thân độ thoát chúng sanh, không dừng nghỉ. Đó là niềm vui lớn của Bồ-tát.

(8) ***Chủ yếu tu nguyện*** Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Trong đạo tràng này có một Dạ thần tên Đại Nguyệt Tinh Tấn Lực cứu hộ nhứt thiết chúng sanh. Nơi đạo tràng này là thành tựu trí trí không dụng công, không rời trí că bản, hòa nhập với trí căn bản. Vì thể của trí căn bản như hư không, bản tánh không nhơ. Khi tâm hợp với trí này thì không còn phiền não trói buộc. Vì trí ấy có khả năng trừ diệt chướng hoặc. Trong đạo tràng này có Dạ thần... là tiêu biểu cho Bồ-tát địa thứ tám thành tựu trí không dụng công, nhớ đến nguyện xưa, thực hành từ bi tạo lợi ích cho chúng sanh không dừng nghĩ. Đó là đặt tên từ hạnh nguyện. Thiện Tài thấy Dạ thần trong hội chúng là không rời trí căn bản, hành hạnh cùng khắp cõi chúng sanh của Phổ Hiền. Ngồi tòa Sư tử Phổ Hiền nhứt thiết cung điện Ma ni Bảo tạng là vị này hòa nhập với trí căn bản không tánh không tướng sáng suốt rộng lớn như hư không pháp giới. Không có trong, ngoài, lớn, nhỏ nhưng lại thâu nhiếp mọi cảnh giới, chẳng khác gì trí căn bản. Đó là thể của tòa. Trên tòa che phủ lưới báu Ma ni là khi hòa nhập trí căn bản, tùy ý đi lại khắp nơi giáo hóa chúng sanh. Sự giáo hóa đó chính là trí sai biệt được sanh khởi từ trí căn bản. Vì ngày xưa dùng lưới pháp cứu vớt chúng sanh nên có quả báo đó. Nghĩa là từ lúc phát tâm trở về sau, hội nhập trí căn bản nhưng đến vị này thì công lực cao xa, trí tịch tĩnh, hạnh nguyện lớn, hóa độ nhiều, lòng từ bi nhuần khắp tạo lợi ích cho mọi loài, báo ứng không cùng. Dạ thần hiện thành mặt trời, mặt trăng, sao, đủ loại thân hình, tùy sở thích của chúng sanh (rõ như trong kinh). Thấy vậy Thiện tài cung kính cúi lạy sát chân, một lúc sau đứng lên, chấp tay chiêm ngưỡng Dạ thần. Đất là nơi thấp nhất. Vì trí đức của thiện tri thức rộng lớn nên hạ mình cung kính, bỏ tâm kiêu ngạo, chấp tay là hội nhập, chiem ngưỡng là tôn quí trí đức. Thiện Tài hỏi Dạ thần thời gian phát tâm. Dạ thần trước dùng trí đáp lời, sau dùng thời gian đáp lời. Kinh chép: Tự tánh của các pháp, bình đẳng và hòa nhập, với tánh chân thật đạt pháp không nương tựa, xa lánh thế gian, biết mọi sự sai khác, hiểu rõ hình sắc xanh, vàng, đỏ, trắng đều không thật, không khác nhau, an nhập giải thoát, biết rõ tánh không sai khác của các pháp nên thị hiện vô số thân hình. Điều đó có

nghĩa là thể của trí ngang bằng thể của ba đời, tuy có đủ thần thông biến hóa nhưng chẳng có thời điểm đạt pháp nên ví như mặt trời trong hư không chẳng có thời lượng, như người ảo hóa ở đời chỉ dạy chúng sanh. Về thời gian kinh chép: Từ xưa, cách đây vô số kiếp bằng số bụi trong một cõi nước, kiếp đầu tiên là kiếp Thiện Quang, vua Thắng Quang, thái tử tên Thiện Quang Phục. Đó là nhân phát tâm ban đầu và cũng là thời gian đầu của sự phát tâm. Thái tử đó có hai mươi tám tướng đẹp, vì chưa hợp đủ nhân quả của hai địa chín, mười, nên chưa đủ ba mươi hai tướng. Lúc ấy, vì nhằm cứu khổ nơi địa ngục, ta phát tâm từ bi nên nay làm Dạ thần. Vì vị này từ trí không dụng công nhớ lại nguyện xưa, hành hạnh từ bi. Pháp của vị này hợp với pháp của Phật (được Phật ba lần gia hộ, bảy lần khuyên tu, tất cả đã được nói ở trước). Từ câu: "Chỉ ta biết pháp giáo hóa chúng sanh" trở về sau là nói về sự thăng tiến.

(9) ***Địa Thiện Huệ:*** Chủ yếu tu lực Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Cõi Diêm Phù có vườn tên Lam Tỳ Ni Lâm. Đây là nơi Như Lai ra đời. Không nói thành ấp chỉ nói cõi Điêm Phù là nơi Như Lai giáng thần, thọ sanh chào đời, giáo hóa chúng sanh. Rừng Lam Tỳ Ni Trung Hoa dịch là vườn Lạc Thắng Quang. Vì lúc Như Lai sắp giáng thần, các đức Phật trong mười phương đều phóng ánh sáng từ rốn chiếu đến vườn này và thân Ma địa. Lại vì mặt đất vườn này luôn có ánh sáng. Các thần trời rồng thường nổi nhạc cúng dường. Vườn này được trang trí bằng vật báu, hoa thơm, cỏ lạ, ai thấy cũng thích nên tên là Lạc Thắng Quang, còn gọi là Vô Ưu. Thấy thần Diệu Đức ngồi tòa sen báu trong lầu gác đẹp. Đó là mượn nơi ở để biểu hiện cho trí đức hạnh nguyện của thần. Ngồi tòa sen báu trong gác đẹp là biểu hiện cho việc thọ thân ra đời của Phật, là việc giáo hóa chúng sanh. Vô số trời cung kính vây quanh. Nói kinh "Sự Thọ Sanh Của Bồ-tát" là bi trí viên mãn. Vị này bi trí viên mãn nên hiện việc thọ sanh ra đời. Địa thứ mười lãnh vị Như ***Lai***, ngồi tòa sen báu lớn bằng trăm vạn Tam thiên Đại thiên cõi nước. Vô số Bồ-tát ngồi tòa sen vây quanh. Vì vậy địa thứ chín nói về sự viên mãn hạnh nguyện, địa thứ mười nói về sự trọn vẹn của quả đức. Kinh chép: Bồ-tát có mười cách thọ sanh (rõ như trong kinh). Như Diệu Đức nói trải qua một trăm năm, từ lúc Thế Tôn ở cõi trời Đâu Suất hạ sanh đến cõi này, tức là từ lúc địa thứ tám ở cõi Đâu Suất, đến địa thứ chín giáng thần, ra đời là một ngàn năm. Mỗi địa tu một hạnh Ba-la-mật. Mỗi Ba-la-mật lại có một răm hạnh nên khi thọ sanh ở vườn này thường lấy số một. Mười, một trăm tiêu biểu cho sự viên mãn của hạnh nguyện. Đó là hạnh thọ sanh, trong vườn có một trăm tướng (rõ như trong kinh).

Từ mỗi lỗ chân lông trên thân phu nhân Ma Da ảnh hiện vô số cõi nước, trong mỗi hạt bụi ảnh hiện Bồ-tát tự tại thọ sanh (rõ như trong kinh). Lúc Như Lai sắp thọ sanh, phía trước Ma Da có hoa sen lớn xuất hiện tên Nhứt thiết Bảo Trang nghiêm Tạng. Cộng sen bằng kim cương, tua sen bằng các thứ báu, đài sen bằng ngọc như ý. Vô số cánh sen bằng ngọc Ma ni nhiều như vô số bụi trong một cõi Phật (mọi thứ khác trong kinh đã nói rõ). Đó là tướng thứ mười của việc Như Lai ra đời, tiêu biểu cho phước trí của Như Lai. Các đức Phật trong mười phương phóng ánh sáng từ rốn tên Bồ-tát Thọ sanh Tự Tại Đăng. Vì rốn là nơi đầu của sự thọ sanh, phía trên rốn là phần đầu, phía dưới rốn là eo thân. Phía trên là dương, phía dưới là âm. Như phần cây, phần lên nơi mặt đất là thân, phần ẩn trong lòng đất là rễ. Như Lai thọ sanh dưới cây Tất Lạc Xoa (Trung Hoa dịch là Cao Hiển) vì cành thân của cây cao lớn. Thiện Tài hỏi Dạ thần về thời gian đạt pháp. Dạ thần đáp: Từ xưa trải qua vô số kiếp bằng sô bụi trong mười cõi Phật, có nước tên Phổ Hiền Duyệt Lạc, tám mươi Na do tha Phật ra đời. Đức Phật thứ nhứt là con của của phu nhân Hỷ Quang - Hoàng hậu của vua Bảo Diệm Nhãn. Lúc đó Diệu Đức ta là nhủ mẩu của Phật. Từ đó về sau ta luôn gặp Phật Tỳ-lô-giá-na, cung kính phụng dự vô số Bồ-tát thọ sanh, nghe pháp. Từ câu: "Chỉ ta biết pháp cung kính phụng sự Bồ-tát thọ sanh" trở về sau là nói về sự thăng tiến. Tác giả nói kệ khen hạnh tự tại thọ sanh của Bồ-tát: Thể trí sáng suốt như hư không, không mình, không người tánh bình đẳng, với tâm từ bi và hạnh nguyện phương tiện thọ sanh là từ phu, biến hóa thọ thân từ hoa sen, hiền mẫu chính là pháp từ bi, cứ thế hiển hiện khắp mười phương, tùy cơ hiện thân nhiều vô kể, không một nơi nào không hiện thân, tùy ý hiện hình chẳng đến đi, bản tính của trí không hình sắc; không dừng, chẳng tựa, nào nơi chốn. Sát na hiện khởi vô số thân, với đủ hình tướng khốn lường biết, trí không dụng công luôn tự tại, thọ sanh khắp nơi không ngăn ngại, từ không hình tướng hiện tướng mầu, chỉ dạy chúng sanh hiểu hư vọng, biết rõ tâm cảnh không một hai, tất cả cảnh tượng đều trống rỗng, dùng trí huyễn sanh trong các cõi, thể trí trống không lại tịch tịnh. Ai hiểu trí cảnh không thể tánh, nào đâu vết tích làm không làm? Nhờ thế Bồ-tát hiểu nguồn gốc, không hề bám víu các cảnh sắc, cũng chẳng phân biệt cũng chẳng vin theo, tất cả đều từ trí vô công. Trí lớn vô công tựa hư không, thọ sanh giáo hóa đều từ đấy, sát na hợp với pháp ba đời, mặt trời xưa nay không đầu cuối, vì trí không có lớn và nhỏ, nên ở cùng khắp mọi hiện tượng.

PHẦN B

(10) ***Địa Pháp Vân***: Chủ yếu tu trí Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Trong thành Ca Tỳ La có người nữ thuộc dòng họ Thích tên Cù Ba. Vì hạnh thứ mười không rời nơi cũ, cùng một nơi với địa thứ nhứt. Vì thể của Bồ Đề không có trước sau, đầu cuối không dời. Người con gái ấy xưa kia từng là vợ của thái tử. Từ xa xưa, cách vô số kiếp bằng số bụi trong một trăm cõi Phật, vua tên Trí Sơn, thái tử tên Thiện Quang, nữ Phật tử tên Tịnh Nhựt. Thái tử Thiện Quang xuất ở trong rừng Tịnh Đức. Một hôm, Tỳ kheo vào thành khất thực, thấy Tỳ kheo, Tịnh Nhựt quí kính, cởi chuỗi anh lạc bỏ vào bình bát, phát tâm Bồ Đề, suốt hai trăm năm mươi kiếp không đọa vào cõi ác, sanh vào nơi tốt đẹp, lại được gặp Tỳ kheo Thiện Quang, sau đó hóa thành hoa sen trong nhà Thiện Hiện. Thấy vua Tài Chủ có thái tử tên Oai Đức, thái tử cưới nàng. Từ đó về sau thường cùng thái tử cúng dường Phật, nghe pháp, đạt đạo. Đến lúc Như Lai làm thái tử, lại là vợ của Ngài. Vì nguyện luôn làm vợ. Người xưa dạy: Lúc Như Lai làm thái tử, có ba người vợ: 1) Mẹ của La Hầu La-Gia Du Đà La, sau làm Tỳ kheo ni; 2) Cù Bà là thiện tri thức của Thiện Tài trong địa thứ mười; 3) Ma Nô Xá (chưa biết ở đâu). Trí huệ thần thông của Như Lai như hư không, các thứ khác không sánh được . trí của Ngài thường không lường được. Vì với sự linh diệu không hình sắc, tùy căn cơ của chúng sanh, các bậc thiện căn, Như Lai hiện hóa từ hoa sen, với kẻ trung, hạ căn, Như Lai thọ sanh từ thai mẹ. Đó đều do sức thệ nguyện tùy vật hiện hình khắp mười cõi, nào có vợ con ở đời? Chỉ vì hóa độ chúng sanh nên hiện thân trong đời, cùng sống với chúng sanh mê hoặc, hóa hiện việc cưới vợ, sanh con là hóa độ chúng sanh. Thể hiện ở trong cõi đời trói buộc khó bỏ mà bỏ được. Đối với ba thừa, bỏ sự trang sức tốt đẹp, đối với nhứt thừa đủ chín mươi bảy tướng tốt và vô số tướng đẹp. Ở đây mượn Cù Bà biểu hiện cho trí Nhứt thừa, không riêng mình tìm sự giải thoát. Dùng trí căn bản in vào cõi đời, tất cả đều chơn tịnh, chẳng có cõi thanh tịnh nào khác. Vì công dụng của Cù Bà như tánh chơn như không lấy bỏ. Đó là mượn pháp để nói đạo nghiệp viên mãn của địa thứ mười. Pháp lạc là vợ, tất cả đều là pháp lạc. Vì thế Kinh Pháp Hoa nhập ba thừa thành một thừa, nên nói: Tướng thường trụ thế gian là pháp trụ pháp vị. Vì thế gian là giải thoát, chẳng có sự thích chán. Cũng trong kinh này nói có năm trăm cư sĩ nam, năm trăm cư sĩ nữ, năm trăm đồng tử, năm trăm đồng nữ, một vạn rồng đều là chúng thế gian, không có chúng xuất thế

gian. Vì là trí bi viên mãn của Như Lai, là tướng vui thích của thế gian. Ở đây mượn Cù Bà tiêu biểu cho pháp lạc không lấy bỏ của địa thứ mười. Trogn kinh Tịnh Danh dạy: Pháp lạc là vợ, tâm từ bi là người nữ. Thiện tài đến pháp đường Phổ Quang Minh, nơi đại chúng tập hợp nghe pháp, nghĩa là đến địa thứ mười, trọn vẹn trí thuyết pháp. Đó là trí căn bản sáng suốt của lần thuyết pháp thứ nhứt. Đạo tràng Bồ Đề, và cũng là diện Phổ Quang của lần thuyết pháp thứ hai. Từ lần thuyết pháp thứ hai phát khởi lòng tin tinh tấn tu tập đến địa thứ mười là vẹn toàn trí huệ, ngang bằng trí thuyết pháp của các đức Phật. Đó là điểm cuối cùng nên nói Pháp đường Phổ Quang Minh, nơi đại chúng tập hợp. Trong đó có vị thần khác đến nghinh đón Thiện tài, khen hạnh lành của Thiện Tài. Đó là nhân của địa thứ mười. Thấy Cù Bà là quả của địa thứ mười. Một vạn thần canh giữ cung điện là hạnh của trí bi nơi địa thứ mười. Cù Bà từng cúng dường vô số Phật, trải qua vô số kiếp phụng sự Phật Tỳ-lô-giá-na, tu tập đạt địa thứ mười. Nhưng lại nói chưa hiểu thân, hạnh nguyện, trí và đạo nghiệp của Bồ-tát là vì chưa đạt hạnh Phổ Hiền của Vị Đẳng Giác. Khi trọn vẹn đạo của địa thứ mười, tu tập trừ bỏ phiền não của vị kiến đạo của thiền, của pháp lạc thanh tịnh Niết-bàn, luôn vào đời, tùy chúng sanh hiện thân chỉ dạy lợi ích. Đó là việc thường làm, không thích cảnh giới giải thoát của Niết-bàn thiền định xuất thế. Cũng như trong kinh dạy: Trọn vẹn hạnh địa thứ mười, dùng vô số thiền định, tìm kiếm Phổ Hiền qua lại trong các cõi Phật khắp mười phương. Vì thế mượn Cù Ba làm mô hình mẫu để kẻ hậu học biết phương hướng tu hành không sai lệch. Từ câu: "Chỉ ta biết pháp quan sát định của Bồ-tát" trở về sau là nói về sự thăng tiến.

Trên đây đã nói xong thiện tri thức của mười địa. Hạnh Phổ Hiền của vị Đẳng giác thứ mười một là: Từ trụ thứ nhứt đến trụ thứ mười. Con gái của vua Sư tử Tràng là đạt một phần trí bi Thế, Xuất thế; từ hạnh thứ nhứt đến hạnh thứ mười, ngoại đạo xuất thế Biến Hành là đạt một phần sự tùy thuận thực hành nhưng không mất sự giải thoát không nhiễm của pháp xuất thế. Từ hồi hướng thứ nhứt đến hồi hướng thứ mười gặp thần trời, thần đất, vì nuôi lớn từ bi ngay trong sanh tử thế gian. Từ địa thứ nhứt đến địa thứ mười gặp Cù Ba hiện vô số giảng đường, thần Vô Ưu Đức. Một vạn thần canh giữ cung điện, vì đạo của mười địa ngang với trí bi của Phật, trí bi tự tại trong việc thuyết giảng. Về hạnh Phổ Hiền của vị Đẳng giác thứ mười một, từ phu nhân Ma địa đến trọn vẹn vị thứ mười một, gặp đồng tử Đức Sanh, đồng nữ Hữu Đức, thường đi lại trong sáu đường sanh tử, nhập pháp giả có. Đó là trọn vẹn hạnh của vị Đẳng

giác. Ba vị Văn Thù Sư Lợi, Phật Di Lặc, Bồ-tát Phổ Hiền tóm thâu thể dụng rộng lớn của lý trí bi nơi năm vị, mười tín... vì từ lúc mới phát tâm đến khi trọn vẹn năm vị không ngoài ba pháp này. Văn Thù là trí huệ mầu nhiệm của ba không, là lý phân biệt đúng sai. Phật Di Lặc đạt pháp này, chỉ còn một đời sẽ trọn vẹn quả Phật, là trí căn bản sáng suốt. Phổ Hiền là trí sai biệt tạo lợi ích cho chúng sanh của trí căn bản. Ba pháp này là Thể dụng, tự tại trước mọi sự, và cũng là thể của bộ kinh Hoa Nghiêm nên gọi là Nhứt thừa Viên Giáo. Từ mười tín đến khi chưa trọn vẹn mười vị luôn mượn Văn Thù là người dắt dẫn đầu tiên. Phổ Hiền là bạn trí căn bản, là thể không nhiễm của hai pháp này. Nếu trí căn bản chưa hiển hiện phải nhờ trí mầu nhiệm quán sát để hiển hiện. Nếu trí căn bản hiển hiện, trí huệ mầu nhiệm là công dụng hay của trí căn bản. Phổ Hiền là thể nơi muôn hạnh của trí căn bản. Gom lại là một pháp nhưng chia ra có thể dụng lý trí bi, ba pháp. Nếu không phân tích tổng hợp như thế, người tu hành không phân biệt được thể dụng bi trí mà tự tại trước mọi việc. Văn Thù Sư Lợi ra khỏi lầu Thiện Trụ đi về phương nam tạo lợi ích cho chúng sanh, chỉ dạy kẻ sơ học. Đầy đủ đó lúc chưa thấy đạo phải nhờ trí huệ để hiển hiện trí căn bản. Trí huệ là công dụng của Phật. Quán sát nghĩa lý sẽ biết được. Đó đều là tác động qua lại của thể dụng lý trí.

- *Vị Đẳng Giác thứ nhứt* chủ yếu tu thí Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Trong cõi này có thân mẫu của Phật tên Ma Da. Vì vị này ở trong sanh tử, với tâm từ bi lớn, tóm thâu mọi cảnh giới không thấy trong ngoài, đông, tây, nam, bắc. Thân mẫu của Phật là tâm từ bi lớn, có khả năng sanh khởi trí lớn, giáo hóa chúng sanh chứ chẳng phải cha mẹ thông thường của thế gian. Vì tâm từ bi không trái với tâm cầu đạo ban đầu. Đó là diệu lực của thệ nguyện hóa độ chúng sanh . song, để dể thấy ngài dùng trí hóa hiện cha mẹ vợ con, có lúc ngài hóa sanh từ hoa sen... đủ mọi cách, sống chung với chúng sanh. Tất cả đều là cảnh giới của trí Như Lai, tùy nghi hóa hiện, nào có việc cha mẹ, thọ sanh, vào thai, ra đời, xuất gia? Vì thể dụng của trí không hình sắc, không vết tích, chẳng sạch nhơ, thể tánh thanh tịnh. Vì thệ nguyện và tâm từ bi nên hiện có phước báo y chánh trang nghiêm. Đó chỉ như bóng nắng không thể sờ mó được, ẩn hiện tự tại như lầu gác của Di Lặc, như thế giới Hoa Tạng. Thân sống chung với chúng sanh không chướng ngại là thân chánh báo, đất nước là y báo. Song, y chánh tác động qua lại lẫn nhau. Ví như vô số ảnh tượng ảnh hiện trong lưới Đế Thích. Do vậy, Ma Da, quyến thuộc... do từ trí căn bản hóa sanh để chỉ dạy kẻ sơ

học. Từ bi là mẹ hóa sanh đức Phật. Vị cuối của mười trụ, từ trí sanh bi nên có con gái vua Sư tử Tràng, Từ hạnh. Ở đây từ bi sanh trí nên có mẹ của Phật. Thứ tự tiến tu là vậy. Thiện Tài khen: thân Ma Da là trí vượt sáu đường, không chấp trước, là pháp không ngại, đầy đủ pháp thân thanh tịnh nhưng dùng nghiệp huyễn hóa hiện thân, dùng trí huyễn hiện ra thế gian, dùng bóng huyễn nhiếp pháp thân Phật, cho đến thân không nương tựa (rõ như trong kinh). Trước tiên, Thiện Tài thấy thần giữ thành Bảo Nhãn cùng vô số quyến thuộc. Đó là mắt trí trong bi chỉ dạy chúng sanh nên phải thấy trước. Dùng vô số hoa rải cúng Thiện tài tiêu biểu cho việc nhập hạnh từ bi lớn không phải một hạnh mà là vô số hạnh. Lại dạy cho Thiện Tài hai mươi tám cach giữ tâm là muốn Thiện tài ở trong sanh tử nhưng không tham đắm, chỉ mong thành tựu mười lực của Như Lai (rõ như trong kinh) nghĩa là muốn vào sanh tử thành tựu hạnh từ bi thì không bỏ trí thanh tịnh pháp, trọn vẹn hạnh từ bi, cùng khắp mọi nơi, hòa hợp làm một, không vướng mắc. Hai mươi tám pháp điều phục tâm chính là hòa hợp trí bi, thành tựu hạnh độ sanh rộng lớn của Phổ Hiền, không đắm nhiễm cũng chẳng xa rời. Đó là phương tiện đầu cho việc vào sanh tử thành tựu từ bi nên trước thấy thần giữ thành Bảo Nhãn. Bảo Nhãn nói: Phật tử! Đại Bồ-tát tu tập như vậy là chứa nhóm được tất cả pháp lành. Vì sao? Vì đoạn trừ mọi chướng ngại như: Thấy Phật, nghe pháp, chúng sanh Phật, hóa độ chúng sanh, thanh tịnh cõi Phật. Đó là năm chướng ngại, là tâm thích pháp lành, sợ sanh tử, chẳng phải an nhập từ bi tự tại không tạo tác. Vì vậy ai muốn gặp thiện tri thức của vị này trước phải đoạn trừ năm chướng, không dụng công sẽ thấy được. Nghĩa là trọn vẹn hạnh mười địa, nhập vị đẳng giác, hành hạnh từ bi của Phổ Hiền. Ở trong biển sanh tử, phải trừ khử năm chướng trên mới thấy được Ma Da. Đó chính là tâm không mong ra khỏi đời, không cầu công đức, chẳng hy vọng gặp Phật, không tha thiết nghe pháp, tâm từ bi thuần khiết không tạo tác, luôn sống trong sanh tử, hóa độ đem lại lợi ích cho chúng sanh, không mong cầu quả báo, không sợ sanh tử. Lúc ấy có vị thần tên Liên Hoa Pháp Đức và vô số thần vây quanh từ đạo tràng đi ra ở trong hư không, dùng tiếng hay khen ngợi. Đó là trọn vẹn hạnh ở trong biển sanh tử, an trụ nơi pháp trống không, không đắm nhiễm. Từ vành tai Ma Da phóng vô số ánh sáng soi đến các cõi Phật để Thiện Tài thấy đạt các đức Phật ở khắp mọi nơi. Ánh sáng đó xoay tròn một vòng rồi thâu lại nhập vào đỉnh đầu Thiện Tài, chiếu khắp thân, ngay lúc đó Thiện Tài được mắt thanh tịnh sáng suốt vĩnh viễn đoạn trừ bóng tối ngu si, không gì chướng ngại, hiểu rõ bản tánh của

chúng sanh (rõ như trong kinh) vì sao phóng ánh sáng từ vành tai? Vì trong sáu căn, ý căn là điều kiện thành tựu trí nghiệp, trong năm căn còn lại, nhĩ căn là hơn hết. Nghĩa là dùng tâm từ bi vào biển khổ sanh tử, chúng sanh nghe thấy tiếng là được cứu độ không cần thấy thân. Hơn nữa tai nghe được tiếng xa hơn bốn căn kia. Như tiếng sấm cách hàng trăm dặm tai vẫn nghe được. Bốn căn kia không bằng. Nhĩ căn là thể của ánh sáng từ bi, ánh sáng chiếu đến cõi Phật, lại chiếu đến cõi chúng sanh. Vì ánh sáng từ bi dù chiếu cõi Phật, lại chiếu đến cõi chúng sanh vẫn chỉ có một thể. Nhập vào đỉnh đầu của Thiện tài, lại chiếu khắp thân là tiêu biểu cho ánh sáng từ bi soi rọi khắp nơi, dù cao hay thấp, thể của nó chỉ một. Ánh sáng của trí được phóng từ giữa chặng mày, ánh sáng thọ sanh được phóng từ rốn, ánh sáng từ bi được phóng từ vành tai Ma Da, ánh sáng bốn mươi tâm được phóng từ lòng bàn tay, ánh sáng mười tín phóng từ bánh xe dưới bàn chân, ánh sáng mười trụ phóng từ đầu ngón chân, ánh sáng mười hạnh phóng từ mu bàn chân, ánh sáng mười hồi hướng phóng từ đầu gối. Trụ thứ sáu trong mười trụ, ánh sáng hòa được phóng từ mắt của Tỳ kheo Hải Tràng soi đến cõi ác. Nhờ ánh sáng chiếu đến thân, Thiện tài hiểu được bản tính của chúng sanh, vì hòa hợp thể của từ bi. Tiếp đó, thấy quỉ vương La Sát ở trong Pháp đường Thủ Hộ Bồ-tát và một vạn La sát ở trong hư không. Vì Bồ-tát dùng trí trống không ở trong biển sanh tử, bảo hộ chúng sanh, không xa lánh chúng sanh. Đó là nhà ở, có khả năng ăn nuốt máu thịt phiền não tham sân si của chúng sanh nên mượn nữ La Sát có sức mạnh tàn hại nhanh lẹ để tiêu biểu. Rải hoa cúng Thiện Tài vì từ bi là hạnh nguyện khen ngợi khuyến khích Thiện tài nhập hạnh từ bi (rõ như trong kinh). La sát nói pháp cầu thiện tri thức cho Thiện Tài bảo: Thiện nam tử! Ông nên lễ lạy mười phương, hướng về mọi nơi, mạnh mẻ đi khắp chốn, quán sát tâm là huyễn hóa, là mộng, là bóng để cầu thiện tri thức. Thiện Tài lãnh thọ lời chỉ dạy của La Sát. Lúc đó, Thiện Tài thấy hoa sen lớn từ đất mọc lên (mọi thứ trang trí rõ như trong kinh). Từ bi là đất, hạnh từ bi là hoa sen, phát khởi tâm từ bi là phu nhân Ma Da sanh ra các đức Phật. Vì từ bi có trí, mọi thứ đều có từ bi trí, hóa hiện các pháp để hóa độ chúng sanh. Nghĩa là tự tại không ngại hóa hiện trong trí huyễn hóa mới đạt được sự không đạt được của bi trí. Trí thanh tịnh như hư không, tồn tại như hư không, không thể chỉ hành động bằng tâm bi mà không có trí, phải đủ cả bi trí. Như thần giữ thành, các thần khác, ánh sáng phát từ vành tay Ma Da, La Sát đều thể hiện sự hòa hợp bi trí. Cứ thế thành tựu trọn vẹn thứ tự quán hạnh, hoa sen mới xuất hiện với mọi thứ

tốt đẹp. Ma Da ngồi trên tòa sen báu hóa hiện vô số thân, hóa độ tất cả chúng sanh (rõ như trong kinh). Thiện Tài, mọi thứ biến hóa của Ma da đều hiển hiện trong tòa báu. Thân Ma Da như kho chứa, thu nạp vô số Bồ-tát, tám vạn trời rồng, Bồ-tát tuy vào thai Ma Da nhưng đi lại tự tại. Mỗi bước đi qua ba ngàn cõi nước, hành hạnh Phổ Hiền. Hạnh Phổ Hiền tóm thâu mọi việc thọ sanh, giáo hóa chúng sanh của Bồ-tát. Nên biết đó là thể chính của từ bi nơi các đức Phật (rõ như trong kinh). Thiện Tài hỏi thời gian đạt pháp. Ma Da đáp: Trải qua vô số kiếp nhiều đến nổi đạo nhãn thần thông của Bồ-tát chỉ còn một đời thành Phật cũng không thể đếm được. Đó là thời gian đạt pháp. Từ câu: "Chỉ ta biết pháp vì nguyện Bồ-tát dùng trí hóa hiện độ thoát" trở về sau là nói về sự thăng tiến.

- *Vị Đẳng giác thứ hai* chủ yếu tu giới Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Ở cõi trời ba mươi ba có vua tên Chánh Niệm, là Thiên Tử Chánh Niệm của mười trụ. Vua có con gái tên Thiên Chủ Quang, vì vị này lấy từ bi làm thể của giới. Thiên chủ là trí, con gái là bi. Vị này dùng trí bi viên mãn làm thể của giới. Thiên Chủ Quang, thiên là thanh tịnh, chủ là vào sanh tử, dùng pháp tạo lợi ích cho chúng sanh, Quang là ở trong sanh tử thực hành từ bi đem lại lợi ích cho chúng sanh nhưng không đắm nhiễm, đầy đủ giới thanh tịnh, đạt pháp trang nghiêm thanh tịnh không chướng ngại.

- *Vị Đẳng giác thứ ba* chủ yếu là tu nhẫn Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Trong thành Ca Tỳ La có thầy của đồng tư tên Biến Hữu, Thiện Tài đến đó cầu pháp. Vị ấy bảo: Trong thành có đồng tử tên Thiện Tri Chúng Nghệ. Hai vị tri thức này tạo thành chủ thể khách thể ví như Khổng Tử và Nhan Hồi của đạo Nho. Vì để chỉ dạy kẻ sơ học nên một vị là đồng tử giảng bốn mươi hai chữ (rõ như trong kinh). Lúc nói bốn mươi hai chữ cái lấy bốn mươi hai Bát-nhã Ba-la-mật làm cơ sở để nhập vô số Bát-nhã Ba-la-mật và pháp biết rõ mọi pháp của Bồ-tát.

- *Vị Đẳng giác thứ tư* chủ yếu tu tinh tấn Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu.

- *Vị Đẳng giác thứ năm* chủ yếu là tu thiền Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Nước Ma Kiệt Đề có thành tên Bà Hằng Ma, nữ Phật tử tên là Hiền Thắng. Thành này ở phía nam Ấn Độ (Trung Hoa dịch là Hỷ Tăng Ích) đạt pháp không nương tựa, thuyết pháp. Chúng sanh trong sáu đường tuy khả năng sai khác nhưng đều trí không cùng tận, hiểu rõ pháp thế gian và xuất thế gian. Thông đạt mọi kỷ xảo như âm dương, ngũ hành, y dược, dùng sự tùy thuận dụng công làm thể của

thiền.

- *Vị Đẳng giác thứ sáu* chủ yếu tu Bát-nhã Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Phía nam có thành tên Ốc Điền, trưởng giả tên Kiên Cố Giải thoát, đạt pháp thanh tịnh trang nghiêm không chấp trước của Bồ-tát. Vì thể của trí huệ không thể bám víu được, tất cả tâm cảnh đều không nên thanh tịnh. Trí huệ mầu nhiệm làm phát sanh tâm lành của chúng sanh nên thành tên Ốc Điền. Trí huệ phá trừ vô minh nên trưởng giả có tên Kiên Cố.

- *Vị Đẳng giác thứ bảy* chủ yếu tu phương tiện Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Ở thành này có trưởng giả tên Diệu Nguyệt, vì trí huệ vi diệu của vị thứ sáu chính là phương tiện Ba-la-mật, trí huệ có khả năng thanh trừ phiền não nên gọi là Diệu Nguyệt. Tuy dùng phương tiện vào sanh tử nhưng luôn sống trong trí thanh tịnh. Chỗ ở có ánh sáng là vì đạt pháp trí sáng.

- *Vị Đẳng giác thứ tám* chủ yếu là tu nguyện Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Phía nam có thành tên xuất sanh vì trí huệ không dụng công hiển hiển và vì nguyện xưa nên hành từ bi. Có trưởng giả tên Vô Thắng Quân, vì trí huệ không dụng công có khả năng phá trừ ngoại đạo, không ai hơn được. Đạt pháp vô tận tướng vì trí huệ không dụng công ngang bằng hư không, dù ở đâu, vẫn hiện thân giống như chúng sanh, đủ loại hình tướng hóa độ tất cả.

- *Vị Đẳng giác thứ chín* chủ yếu tu lực Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Phía nam thành có làng tên Pháp. Đây là vị pháp sư vì biến mọi cảnh tượng thế gian thành làng pháp. Bà-la-môn tên Tối Tịch Tịnh, mọi hiện tượng đều tịch tịnh, nơi nào cũng tịch tịnh. Nghĩa là mọi pháp trong đời đều tịch tịnh. Đạt pháp ngôn ngữ thành thật vì nói năng chơn thật không hư dối, phù hợp với sự mong mõi của chúng sanh và giữ đúng lời nói, đủ sức nhận lãnh pháp.

- *Vị Đẳng giác thứ mười* chủ yếu tu trí Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Phía nam có thành tên Diệu Ý Hoa Môn. Vì vị này trọn vẹn hạnh bi trí vi diệu, tùy sở thích của chúng sanh hiện thân cùng khắp. Có đồng tử tên Đức Sanh tiêu biểu cho trí, đồng nữ tên Hữu Đức tiêu biểu cho bi. Vị này trọn vẹn hai hạnh bi trí nên tượng trưng bằng một trai một gái. Lại vì luôn ở trong đời đem lại lợi ích cho chúng sanh mà trí bi không đắm nhiễm. Đồng nam đồng nữ là hạnh Phật. Nghĩa là làm mọi việc đều bằng từ bi như hòa khiêm thuận không kiêu ngạo. Dù ở đâu đều dùng trí huyễn hóa hiện vô số thân làm mọi việc, hóa độ vô số chúng sanh, không xưa nay, không đầu cuối, liên tục không ngừng, như

người ảo hóa ở đời hóa độ chúng sanh ảo huyễn, đạt pháp trụ huyễn hóa, vì trí huyễn có, trụ pháp huyễn, không có tâm ý thức hóa độ tạo lợi ích cho chúng sanh.

Năm mươi thiện tri thức phần sau là trọn vẹn hạnh nguyện năm vị. Như Phật Di Lặc ở nước Hải Ngạn là sự trọn vẹn của trí căn bản. Di Lặc ở trong lầu gác chỉ cho Thiện Tài thấy được Văn Thù - Thiện tri thức thứ nhứt là tiêu biểu cho quả có từ nhân, thời gian không đổi, trí huệ chẳng khác, nghe được tên Bồ-tát Phổ Hiền, cho đến ngồi tòa sen Kim cương ở đạo tràng Bồ Đề phát nguyện thấy thân mình, thân Phổ Hiền. Phổ Hiền xoa đầu Thiện Tài. Tất cả đều là sự tu tập một đời, trọn vẹn hạnh nguyện năm vị, không ngoài tâm Bồ Đề được phát khởi từ đầu, đạt trí căn bản sáng suốt, pháp thân không hình tướng, thành tựu hạnh hay của Phổ Hiền, thời gian không thay đổi, trí huệ chẳng biến khác, nơi chốn chẳng dời, ví như người mộng, cùng một con người, thời gian, nơi chốn mà mơ thấy những việc của nhiều ngày, đi khắp mọi nơi, làm nhiều việc. Khi tỉnh giấc vẫn y như cũ. Với trí căn bản, quán sát mọi pháp đều như mộng, chẳng đổi dời, như quáng nắng, như bóng, như người giả, không tâm thể, chẳng dài ngắn. Khắp nơi Văn Thù Sư Lợi đều nói kệ: Sát na xem xét vô số kiếp, không đến không đi chẳng dừng trụ, biết rõ mọi việc trong ba đời, thông hiểu phương tiện thành mười lực.

Vì Văn Thù là trí huệ trống không, là pháp thân không hình tướng. Phật là trí căn bản sáng suốt, Phổ Hiền là hạnh nguyện của trí sai biệt trong trí căn bản, vì ba pháp này là thể dụng, là pháp môn viên mãn, nhân quả trùng trùng của năm vị. Tất cả đều là thể của mười Ba-la-mật. Trong một đủ mười, trong mười đủ một trăm, tùy sự thăng tiến của năm vị nên có sai khác. Trong năm vị có năm trăm Ba-la-mật, năm mươi thiện tri thức. Mỗi vị đều có nhân quả, năm mươi vị thành một trăm, lại không ngoài mười Ba-la-mật, một trăm mười Ba-la-mật cũng không ngoài mười Ba-la-mật. Trí căn bản của Văn Thù - Phật, trí sai biệt của Phổ Hiền là thể của sự tu tập, học hỏi không sai lệch, đoạn trừ nghi ngờ. Ví như những bảng nhỏ trên đường, để người đi đường không lạc. Trong vị Đẳng giác, thực hành hạnh Phổ Hiền, cùng sống với người thế tục để chỉ dẫn kẻ ngu. Sau khi đạt đạo luôn ở trong sanh tử khắp mười phương, dùng trí huyễn hóa thân, chúng sanh không thấy khác lạ, luôn lợi ích mọi loài, an trụ nơi pháp huyễn, không ra khỏi, không chìm đắm. Vì thần dụng của trí cùng khắp như không tạo tác. Ví như âm vang của trí ứng vật thành tiếng, không có sanh trụ diệt. Vì trí sáng trống không, luôn sáng suốt chiếu soi mười phương, không ở giữa hay ở bên. Vì cảnh

giới của trí ảnh hiện mười thân như lưới báu của Đế Thích ảnh hiện vô số hình tượng không đến không đi. Như đồng tử Đức Sanh và đồng tử Hữu Đức trọn vẹn trí bi, sống trong pháp huyễn, dùng trí huyễn hóa hiện vô số thân, giáo hóa đem lại lợi ích cho chúng sanh, hành đạo Phổ Hiền không dừng nghỉ.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 130

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH NGUYỆN HÀNH QUÁN MÔN CỐT MỤC

SỐ 1742

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1742

ĐẠI PHƯƠNG QUÃNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH NGUYỆN HÀNH QUÁN MÔN CỐT MỤC

Hán dịch: Hạnh chơn-chùa Nghĩa Minh. Nha Trang-Khánh Hòa.

Kinh Hoa Nghiêm gồm 39 phẩm, Đức Phật giảng hai phẩm: A-tăng-kỳ và công đức tướng tốt của Như Lai, các phẩm khác do các Bồ-tát giảng.

Lần thuyết thứ một, ở đạo tràng Bồ Đề (gồm 6 phẩm, 11 quyển).

Phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm: đức Phật thành chánh giác ở đạo tràng Bồ đề nước Ma Kiệt Đề. Nhờ oai lực Phật, đạo tràng trang nghiêm thanh tịnh. Khác với "Sự thành đạo trong vô lượng kiếp ở Kinh Thọ Lượng, sự thành đạo ở cội Bồ đề trong kinh A Hàm và Viên giáo". Nhờ thần lực Phật, một sát na dung nhiếp cả pháp giới. Nghĩa là nhờ giáo pháp ngoài tự lực, thành tựu quả bồ đề. Nhờ quán các pháp, thông hiểu 3 đời, hiện thân khắp nơi, vô số chúng nghe pháp, từng cùng tu học pháp lành, thành tựu nguyện lớn, trọn vẹn hạnh Bồ-tát, đạt pháp giải thoát của Phật. (5 quyển).

Phẩm Như Lai hiện tướng: các Bồ-tát đều tự hỏi: vì sao không ai có thể chứng đắc cảnh giới, tam muội, oai lực, pháp vô úy của Phật? Mắt. Tai, mũi, lưỡi, thân,ý, âm thinh, ánh sáng. Vì sao tầm nhìn của Phật xa rộng không lường như vậy? Biết tâm niệm của đại chúng, đức Phật phóng ánh sáng từ răng, nói kệ tập hợp Bồ-tát. Các Bồ-tát nói kệ: "Chỉ vì lợi ích cho loài quần mê, tự hành hạnh nghiệp thanh tịnh ấy, hiện vô số thân khắp các cõi, đủ tướng trang nghiêm không ai bằng, sát

na hiện thân trong ba đời.” Từ ánh sáng giữa chặng mày, Bồ-tát nói kệ: Thân Phật hiện khắp cả pháp giới, tùy thuận chúng sanh Phật độ thoát, nhưng luôn sống trong pháp bồ. Mỗi lỗ chân lông trên thân Phật, vô số cõi nước vô số Phật, Bồ-tát vây quanh nghe pháp Phật (đó là sự dung nhiếp của tướng tốt Như Lai).

Phẩm Định Phổ Hiền: (quyển 7) nương oai lực Phật, Bồ-tát Phổ Hiền nhập định Nhứt thiết chư Phật Tỳ lô Như Lai tạng thân, đạt tánh bình đẳng rộng lớn của Phật, hiện vô số tam muội, trí tuệ, giải thoát, oai lực của Phật, trí Bồ-tát, vô số cõi nước, vô số Phật, vô số Bồ-tát Phổ Hiền nhập định, vô số Phật chứng minh, khen ngợi, xoa đầu Bồ-tát Phổ Hiền. Bồ-tát Phổ Hiền xuất định, nói kệ: Vô số cõi nước đều thanh tịnh, trong một sát na đủ vạn kiếp, Phổ Hiền an trụ suất ba đời, hiển hiện thần thông thật vi diệu.

Phẩm sự thành tựu của thế giới: Quan sát cõi nước chúng sanh, nghiệp căn tánh, pháp Phật, ba đời, nguyện lực, thần thông, Bồ-tát Phổ Hiền bảo các Bồ-tát: Đức Phật biết sự thành hoại của cõi nước, trí Phật thanh tịnh vi diệu đủ thần thông. Phần kệ: tất cả cõi nước từ thân ta, vô số đức Phật cũng như thế, hạnh nguyện Phổ Hiền không giới hạn, ta đã tu tập và chứng đạt. Lại nói: các đức Phật từng giảng về mười pháp tạo thành cõi nước: nhân duyên, sở trụ, hình trạng, thể tánh, trang nghiêm, thanh tịnh, Phật ra đời, Phật trụ thế, sai biệt, không sai biệt. (Nếu nói rõ thì cõi nước được tạo thành từ vô số pháp). Lại có 10 nhân đã đang sẽ hình thành các cõi nước: oai lực Phật, sự tự nhiên của pháp, nghiệp chúng sanh, trí Bồ-tát, căn lành của Bồ-tát và chúng sanh, nguyện lực trang nghiêm cõi Phật của Bồ-tát, pháp lành của Phật, oai lực tự tại lúc thành đạo của Phật, nguyện không thoái chuyển của Bồ-tát, trí thanh tịnh tự tại của Bồ-tát, nguyện lực thanh tịnh tự tại của Bồ-tát Phổ Hiền. (Nếu nói đủ thì có vô số nhân). Kệ: mỗi một thân hình vô số cõi, sát na thâu nhiếp cả đời, Phật dùng phương tiện hiện khắp chốn, đó là pháp tịnh Tỳ-lô-giá-na. Vì tất cả đều từ thể tánh.

Phẩm Cõi Hoa Tạng: (Ba quyển) Bồ-tát Phổ Hiền bảo đại chúng: cõi Hoa Tạng được hình thành từ sự tu tập hạnh Bồ-tát, gần gũi chư Phật, phát vô số nguyện lớn, trang nghiêm cõi nước của đức Tỳ-lô-giá-na. Kệ: trong mỗi hạt bụi cõi Hoa Tạng, bao gồm vô số cõi tịnh uế, vô số Phật hiện trong ánh sáng. Đó là cõi nước của Như Lai. Lại có vô số núi lớn, đất bằng kim cang, trong đó có vô số sông nước thơm bằng ngọc báu. Trong mỗi sông có vô số sông nhỏ cũng bằng ngọc báu. Hạnh nguyện của Phật hiện rõ. Trong mỗi sông nhỏ lại có vô số cõi nước

đuợc trang nghiêm bằng công đức thanh tịnh. Trong mỗi cõi nước có vô số loài hình dáng khác nhau. Kệ: vô số cõi nước khắp mười phương, đều được tóm thâu trong cõi Phật, tuy hiện cõi nước như bụi trần, nhưng thật không đến cũng chẳng đi. Một cõi bao gồm vô số cõi, vô số cõi nước trong một cõi, thể tướng đan xen không phân biệt, không thể đo lường không gì sanh. Trong các cõi nước trong mười phương, vô số Như Lai độ chúng sanh. Cõi nước ấy đan xen dung hợp như ảnh tượng trong lưới Đế Thích. Ở giữa là cõi Vô biên diệu hoa quang thủy hải. Xung quanh có 20 tầng cõi nước. Kệ: cõi Hoa Tạng của Phật, rộng lớn như pháp giới, trang nghiêm và thanh tịnh, trụ ở giữa hư không.

Phẩm Tỳ-lô-giá-na. (quyển 11) Bồ-tát Phổ Hiền bảo đại chúng: vô số kiếp về trước, có cõi nước tên Phổ Môn quang minh. Trong đó có cõi nhỏ tên Thắng Âm, hình thành từ hoa Ma ni, vô số cõi nước vây quanh, mặt đất trang nghiêm bằng 30 lớp báu vật, mây báu che phủ, y phục thức ăn tùy sở thích. Trong đó có sông nước thơm tên Thanh tịnh quang minh. Trong sông có hoa sen lớn, trên có rừng hoa Ma ni xinh đẹp, được bao bọc bằng vô số thành, vô số chúng sanh sống ở đó. Phía đông rừng có thành Diệm Quang minh- Kinh thành của vua. Xung quanh có vô số nước nhỏ. Thời kỳ đầu, ở đây có vô số Phật xuất hiện. Đức Phật đầu tiên Nhứt Thiết Công Đức Sơn Tu Di Thắng Vân. Vua tên Hỷ Kiến Thiện Huệ, cai trị vô số cõi. Ba ngàn bảy vạn thể nữ cung phi, 500 người con. Thái tử Đại Oai Quang có 10 ngàn vợ. Nhờ căn lành đời trước, thái tử thấy ánh sáng, đạt mười pháp. Nhờ oai lực của Phật, tiếng pháp vang khắp cõi Thắng Âm. Nghe tiếng pháp, vua và hoàng tộc đến chỗ Phật, nghe phá. Thái tử đạt trí sáng. Sau khi đức Nhứt Thiết Công Đức... Niết-bàn, Phật Ba-la-mật Thiện Căn Trang Nghiêm xuất hiện. Lúc ấy, thái tử gặp Phật, đạt 10 ngàn định. Cứ thế các đức Phật ra đời, thái tử đều được gặp và đạt pháp.

Lần thuyết thứ hai: ở điện Phổ quang minh, thuyết sáu phẩm (bốn quyển).

Phẩm Danh hiệu Như Lai: (quyển 12) sau khi thành đạo ở đạo tràng Bồ đề, Phật đến điện Phổ quang minh, an tọa tòa sen, vô số Bồ-tát- một đời thành Phật- từ các nơi đến đây. Vì đoạn trừ phiền não chúng sanh, các Bồ-tát nói pháp mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng, mười tạng, mười địa, mười thông, mười nhẫn, quả Phật, thần thông, tam muội, trí huệ biện tài... Biết tâm Bồ-tát, Phật hóa hiện vô số cõi Phật, Phật, Bồ-tát. Phương đông có cõi Kim sắc, Bồ-tát đứng đầu là Văn Thù. Nương oai lực Phật, Bồ-tát nói: các Phật tử! cõi Phật, pháp Phật,

sự trang nghiêm, thanh tịnh, thành đạo, xuất hiện... của Phật đều không thể suy lường được. Vì sao? Vì tùy thuận khả năng của chúng sanh, đức Phật hiện vô số thân khác biệt để độ thoát. Có khi Phật là đức Nhứt Thiết Nghĩa Thành, có khi là đức Viên Mãn Nguyệt, đức Thích Ca Mâu Ni, đức Tỳ-lô-giá-na... bao nhiều cõi nước là bấy thân tướng.

Phẩm Tứ Thánh Đế: Bồ-tát Văn Thù bảo đại chúng: các Phật tử! Trong cõi ta bà, khổ Thánh đế còn gọi là tội, bức bách, biến dị, phan duyên, tụ thích. Tập Thánh đế còn gọi là Hệ phược, diệt hoại, ái trước, vọng niệm. Diệt Thánh đế còn gọi là Vô tránh, ly trần, tịch tịnh. Đạo Thánh đế còn gọi là Nhứt thừa, thú tịch, đạo dẫn. Cứ thế trong mười phương, bốn Thánh đế có bốn trăm ức 10 ngàn tên gọi khác nhau.

Phẩm Quang minh giác (quyển 13). Bấy giờ, đức Phật phóng ánh sáng dưới bàn chân chiếu soi vô số cõi nước. Nhờ thần lực Phật, tất cả chúng sanh đều thấy Phật và vô số Bồ-tát chúng. Văn Thù là Bồ-tát lớn. Lúc ấy, ở vô số cõi nước đều có vô số Bồ-tát Văn Thù nói kệ.

Phẩm Bồ-tát Vấn minh: Bấy giờ Bồ-tát Văn Thù hỏi Bồ-tát Giác Thủ: tâm tánh là một, vì sao có thiện ác khổ vui ngu trí tốt xấu khác nhau? Tâm nghiệp, nhân quả, tâm thọ, nhân duyên, trí cảnh, không tự biết? Bồ-tát Giác Thủ đáp: vì các pháp không tạo tác, không thể tánh nên không tự biết. Như vô số giọt nước chảy liên tục trong dòng sông, chúng không biết nhau. Cũng thế mắt tai mũi lưỡi thân ý luôn hiện tác dụng nhưng chúng không tự biết. Ví tánh pháp vốn không sanh, chỉ đủ duyên thì hiển hiện, không phân biệt chủ thể khách thể. Những pháp thật giả, vọng chơn, thế xuất thế đều là phương tiện. Văn Thù hỏi Bồ-tát Tài Thủ: Phật tử! Vì sao Như Lai tùy thuận tất cả chúng sanh-với sở thích, sự hiểu biết, nghiệp quả khác nhau-hiện thân độ thoát? Bồ-tát Tài Thủ đáp: quan sát kỹ nội thân, có gì thật là ngã, nhờ hiểu biết như thế, nên không chấp ngã sở. Văn Thù hỏi Bồ-tát Bảo Thủ: chúng sanh được hình thành từ bốn đại, không ngã ngã sở, vì sao trong pháp giới vốn không phân biệt lại có khổ vui tốt xấu hiện báo hậu báo? Bồ tá Bảo Thủ đáp: ví như gương sáng lớn, tùy ảnh tượng trước gương, chiếu hình bóng sai khác, tánh nghiệp cũng như thế; từ trong thai tạng ấy, hình thành thân chúng sanh, thể tướng không đến đi, tánh nghiệp cũng như thế, lại trong như địa ngục, đủ mọi sự khổ đau, khổ không từ đâu đến, tánh nghiệp cũng như thế. Bồ-tát Văn Thù hỏi Bồ-tát Đức Thủ: pháp mà Như Lai chứng ngộ chỉ có một. Vì sao Như Lai thuyết giảng vô số pháp, luận vô số cõi, độ vô số chúng sanh: Đức Thủ đáp: như tánh lửa tuy một, thiêu cháy tất cả củi, ngọn lửa không phân biệt, pháp của Phật

cũng thế. Như từ một mặt đất, hiện vô số mầm cây, đất không hề sai khác, pháp Phật cũng như vậy. Văn Thù hỏi Bồ-tát Mục Thủ: ruộng phước của Như Lai bình đẳng không sai khác. Vì sao chúng sanh cúng dường Phật đạt phước đức khác nhau? Mục Thủ đáp: như từ một mặt đất, hiện vô số mầm cây, mặt đất không ghét thương, ruộng phước Phật cũng thế. Như nước biển một tướng, tùy vật chứa sai khác, lại như chiếc gương sáng, tùy vật hiện hình bóng. Như thuốc A-dà-đà, chữa trị tất cả bệnh. Văn Thù hỏi Bồ-tát Cần Thủ: giáo pháp của Phật chỉ có một, vì sao chúng sanh trong ba cõi-những kẻ đủ ba độc năm ấm-nghe pháp đạt lợi ích khác nhau? Vì sự siêng năng tu tập khác nhau. Văn Thù hỏi Bồ-tát Pháp Thủ: như Phật dạy: "Chúng sanh nào thọ trò pháp Phật đều đoạn trừ tất cả phiền não" vì sao có người thọ trì pháp nhưng không đoạn phiền não? Đáp: như người vị sợ chìm, không dám uống nước nên bị chết khát. Cũng thế, người tuy nghe pháp nhưng không tu tập thì không đoạn phiền não. Như người bày thức ăn ngon, tuy đói mà không ăn. Người bệnh tuy được thuốc hay nhưng khong uống, người đếm tiền cho kẻ khác, người sống trong cung vua nhưng chịu đói lạnh, người điếc không nghe tiếng nhạc, người mù không thấy sắc tướng. Văn Thù hỏi Bồ-tát Trí Thủ: trong pháp Phật, trí là pháp tiên quyết thành đạo, vì sao Như Lai khen ngợi giới, thí, tâm vô lượng... nhưng không có pháp nào đạt bồ đề? Trí Thủ đáp: biết tâm tánh chúng sanh sai khác nên Phật tùy thuận hóa độ. Với kẻ keo kiết, Phật dạy bố thí... Văn Thù hỏi Hiền Thủ: các đức Phật đều nương một pháp thành tựu đạo bồ đề. Vì sao cõi Phật khác nhau? Hiền Thủ đáp: pháp xưa nay vốn vậy, chỉ có một pháp môn, nhưng chỉ dạy tất cả, một pháp vượt sanh tử. Thân của các đức Phật, la` pháp thân rộng lớn, một tâm một trí huệ; lực, bô úy cũng vậy. Tất cả các cõi Phật, đều trang nghiêm viên mãn, tùy hạnh nghiệp chúng sanh, nên cõi nước sai khác. Cõi Phật không phân biệt, không yêu cũng không ghét, chỉ vì tâm sai khác, chúng sanh thấy tốt xấu. mười Bồ-tát lại thưa Bồ-tát Văn Thù: chúng tôi đã nói xong, xin hiền giả giảng về cảnh giới, trí huệ, nhân tu, sự độ sanh, sự chứng đắc của Phật. Văn Thù nói kệ: cảnh giới của Như Lai, rộng lớn như hư không, chúng sanh vào cõi Phật, nhưng kỳ thật không vào. Cảnh giới của Như Lai, có từ pháp thù thắng, dù giảng nói trăm kiếp, vẫn không thể hết được. Nhờ thần lực của Phật, vô số cõi nước mười phương đều hiện mười pháp sai khác: pháp, sai biệt, nghiệp, thế gian, thân, căn, thọ sanh, trì giới, phạm giới, cõi nước.

Phẩm Tịnh Hạnh (quyển 14): Bồ-tát Trí Thủ hỏi Văn Thù: Phật

tử! Làm thế nào để không tội lỗi, thân ngữ ý nghiệp không hại, không hủy hoại, không thoái chuyển, không khuynh động? Trí thù thắng thanh tịnh không đắm nhiễm, là pháp tiên quyết đạt thân tướng trí huệ hạnh nguyện, mười lực, sáu độ, mười thiện, bảy giác... Là chỗ nương tựa của chúng sanh? Văn Thù đáp: vì lợi ích tất cả trời người, các Bồ-tát khéo léo tu tập, đạt công đức thù thắng, tự tại trong pháp Phật. Pháp Phật vốn không phân biệt. Như Bồ-tát Phổ Hiền là người trọn vẹn hạnh nguyện độ sanh, vì nguyện chỉ dạy chúng sanh, Bồ-tát xuất gia tu học, Bồ-tát sống ở thế gian, nguyện chúng sanh biết tánh không của các pháp, thoát khổ não, hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự Phật, nuôi dạy tất cả, thương yêu vợ con, bình đẳng trước kẻ oán người thân, đoạn khổ tham dục. Luôn an ổn, vui với pháp lạc, hiểu pháp không, an tọa thiền định, căn lành kiên cố, đạt địa bất động. Khi bước đi là vượt biển sanh tử, đủ pháp lành; sửa áo buộc dây là giữ pháp lành; đại tiểu tiện là bỏ tham sân si, trừ tội lỗi; tẩy rửa là sống thanh tịnh; rửa mặt là đạt pháp thanh tịnh, không cấu nhiễm; thấy làm vườn là nhổ trừ cỏ ái; thấy người vui là được an lạc; vui cúng Phật là đạt trí căn bản, diệt trừ khổ não; thấy người bệnh biết thân trống không, đoạn tranh chấp; gặp Sa môn là đạt tịch tịnh rốt ráo, sống bằng thiền định, vui với pháp lạc; tắm rửa thân tâm là đoạn khổ não; rửa chân là đủ thần lực đi khắp mọi nơi; ngủ nghỉ là thân an ổn, tâm không loạn.

Phẩm Hiền Thủ (quyển 15). Vì hiển hiện công đức của tâm bồ đề, Bồ-tát Văn Thù nói kệ hỏi Bồ-tát Hiền Thủ: ta vì tất cả các Bồ-tát, nói hạnh thanh tịnh của chư Phật, công đức thù thắng hạnh tu hành. Bồ-tát Hiền Thủ nói năm pháp (715 hàng) Câu một: khuyên dạy: lành thay! Hiền giả hãy lắng nghe. 15 câu tiếp, tâm bồ đề, hạnh khiêm nhường: công đức thù thắng khó suy lường, tùy trí chúng sanh tôi thuyết giảng, như một giọt nước trong biển lớn. Hai câu, nhân phát tâm: Bồ-tát phát tâm cầu bồ đề, không phải không nhân không duyên cớ, chín hàng tiếp, chính thức thuyết nhân phát tâm: Tam bảo, bồ đề, chúng sanh, cõi nước là duyên; tâm tin hiểu là nhân. Kệ: cung kính tin tưởng Phật pháp tăng, nhờ đó phát khởi tâm rộng lớn, không tham năm dục và ngôi vua, giàu sang danh vọng hay khoái lạc, đoạn trừ tất cả khổ chúng sanh, phát tâm là để độ quần mê. Vì muốn làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, trang nghiêm cõi nước cúng dường Phật, thọ trí pháp Phật tu trí học, đạt pháp bồ đề-đạo vô thượng; 14 hàng, lòng tin thù thắng, tiếp theo là phân nhân quả và công dụng.

Lần thuyết thứ ba: Ở cõi Đao lợi, thuyết sáu phẩm.

Phẩm lên núi Tu di: (quyển 16) nhờ thần lực Phật, chúng sanh trong mười phương đều thấy Như Lai ở cội bồ đề, rời tòa, Phật lên cung Đế Thích. Thấy Phật đến, Đế Thích đặt tòa cúng dường Phật, thỉnh Phật vào điện. Nhận lời, Phật vào cung điện. mười phương đều như vậy. Nhờ lực Phật, cung điện vang tiếng nhạc. Nhớ nhân tu đời trước, Đế Thích nói kệ khen ngợi. Bảy đức Phật quá khứ đều bảo nơi này là nơi an lành. mười phương đều thế. Sau khi Phật an tọa, cung điện tự nhiên rộng lớn, mười phương đều thế.

Phẩm nói kệ khen ngợi: ở khắp mười phương, Bồ-tát đứng đầu và vô số Bồ-tát bạn từ các nơi đến đây. Mỗi cõi có mười Bồ-tát lớn, mười đức Phật an tọa tòa sư tử. Từ dưới bàn chân, Phật phóng vô số ánh sáng chiếu khắp mười phương, chúng sang đều thấy được, mười Bồ-tát nói kệ khen ngợi Phật. Bồ-tát Nhứt Thiết Huệ nói: cho dù trăm ngàn kiếp, thường được gặp Như Lai, không hiểu nghĩa chơn thật, quan sát đấng cứu thế, chấp giữ các hình tướng, tăng trưởng tam ngu muội, ở trong ngọc sanh tử, mù đui không thấy Phật, tánh pháp vốn trống không, không lấy bỏ gặp thấy, tánh không chính là Phật không th6ẻ suy lường được. Ai biết tánh các pháp, xưa nay vốn như vậy, sẽ vĩnh viễn thoát khổ, không phiền não ái trước, phàm phu thấy các pháp, ch6áp hành tướng lớn nhỏ, không hiểu pháp không tướng, vì thế không gặp Phật. Bồ-tát Thắng Huện nói: hiểu rõ tất cả pháp, tự tánh vốn không thật, là gặp đức Tỳ lô. Vì 5 uẩn sanh khởi, nên liên tục thọ sanh, hiểu rõ pháp tánh ấy, là luôn gặp chư Phật. Bồ-tát Công Đức Huệ nói: ta từng chịu khổ đau, vì ta không gặp Phật, nên dùng mắt thanh tịnh, quán sát mọi hiện tượng, không thấy tức là thấy, thấy rõ tất cả pháp, nếu chấp sự thấy biết, thì không thấy thật pháp. Bồ-tát Tính Tấn Huệ nói: chúng sanh vì phân biệt, nên pháp thế gian sanh, hiểu pháp vốn không sanh, mới thật thấy thế gian. Nếu thấy thế gian thật, trí thấy thuộc thế gian. Người thấy được thật tướng, mới thật là thấy biết, tánh pháp vốn thanh tịnh, như hư không không tướng, không tu tập chứng đắc, là thấy đức Như Lai. Bồ-tát Thiện Huệ nói: trí là pháp rộng lớn, không thể nói năng được, tánh trí không cùng tận, không th6ẻ suy lường hết, trong pháp không cùng tận, chúng sanh không chứng đắc, biết rõ tánh chúng sanh, là thấy đức Như Lai. Bồ-tát Trí Huệ nói: người này không mắt trí, nên không thấy Như Lai, còn chấp là sanh tử, đoạn chấp đạt Niết-bàn. Sanh tử và Niết-bàn, đều không thể chứng đắc. Bồ-tát Chôn Thật Huệ nói: thà chịu khổ địa ngục, mà được nghe tên Phật, không tham hưởng diệu lạc, lại chẳng gặp được Phật. Hiện tại không hòa hợp, khứ lai cũng như vậy, tất cả pháp

không tướng, thể chơn thật của Phật. Người quán sát suy xét, nghĩa sâu xa của pháp, là gặp tất cả Phật. Tướng pháp thân chơn thật, biết một là tất cả, tất cả ở trong một, các pháp không nương tựa, tất cả do duyên sanh. Bồ-tát Vô Thượng Huệ nói: ánh sáng Phật chiếu soi, phá trừ đêm đen tối, ánh sáng vôn không chiếu, không chẳng phải không soi. Các pháp vốn không hai, cũng chẳng phải là một. Bậc trí lớn thấy rõ, an trụ trong thật pháp, không ở giữa ở bên, pháp không ấy cũng không, ba cõi đều rỗng lặng. Đó là trí của Phật.

Phẩm mười trụ: nương lực Phật, Bồ-tát Pháp Huệ nhập định Vô lượng phương tiện, vô số Phật Pháp Huệ xuất hiện khen ngợi: lành thay Phật tử! Nhờ căn lành công đức an nhập tam muội, các đức Phật đầu gia hộ ông. Hãy thuyết giảng giáo pháp, tăng trưởng trí Phật, an nhập pháp giới, hiểu rõ cõi chúng sanh, tự tại vô ngại, đạt vô số phương tiện, nhập tánh trí nhứt thiết, hiểu mọi pháp, biết căn tánh chúng sanh, giảng diễn pháp mười trụ của Bồ-tát. Lúc ấy các đức Phật trao mười trí cho Bồ-tát, đưa tay xoa đầu. Xuất định, Bồ-tát Pháp Huệ nói với đại chúng: Phật tử! trụ xứ của Bồ-tát rộng lớn như hư không. Bồ-tát trụ thứ một nương mười pháp phát tâm: mười lực học mười pháp, siêng cúng dường Phật, vui sống trong sanh tử, chỉ dạy chúng sanh, đoạn trừ ác nghiệp, dạy pháp thù thắng, khen ngợi pháp Vô thượng bồ đề, học công đức Phật, sanh trong nhà Phật, được Phật độ thoát, diễn giải định tịch tịnh, khen ngợi việc thoát khỏi vòng sanh tử, là nơi nương tựa của chúng sanh. Bồ-tát mười trụ đều phát mười tâm.

Phẩm Phạm Hạnh (quyển 17) Thiên Tử Chánh Niệm thưa với Bồ-tát Pháp Huệ: Bồ-tát khắp các cõi nương pháp Như Lai, nhuộm áo xuất gia, tu tịnh hạnh gì? Pháp Huệ đáp: Bồ-tát nương mười pháp, ba nghiệp, giới, Phật pháp tăng... quán sát sự rỗng lặng của các pháp, biết pháp Phật bình đẳng nên trọn vẹn pháp Phật. Đó là tu hành phạm hạnh. Bồ-tát lại học mười lực, học hiểu nghĩa rộng của pháp phát tâm bi, quan sát độ thoát chúng sanh nhưng không cầu quả báo, biết cảnh giới huyễn hóa, không phân biệt tịnh nhiễm, hiểu pháp Phật, vừa phát tâm là đạt quả vô thượng bồ đề, biết pháp từ tâm, tự đạt trí huệ.

Phẩm Công Đức phát tâm: lúc ấy Đế Thích thưa với Bồ-tát Pháp Huệ: công đức phát tâm nhiều hay ít? Đáp: Công đức ấy sâu xa rộng lớn khó suy lường diễn giảng được. Song, nương lực Phật, ta sẽ giảng giải: như có người suốt một kiếp cung cấp tất cả mọi vật cho chúng sanh, về sau dạy cho chúng sanh thọ trì năm giới, phước đức nhiều không? Đáp: rất nhiều. Pháp Huệ nói: công đức ấy không bằng một phần trong trăm

ngàn phần công đức phát tâm. Cũng thế, dù trăm kiếp dạy chúng sanh hành mười pháp lành, ngàn kiếp dạy chúng sanh tu bốn thiền, trăm ngàn kiếp dạy chúng sanh tu bốn tâm rộng lớn, ức kiếp dạy chúng sanh tu bốn địa cõi vô sắc, trăm ức kiếp dạy chúng sanh an trụ thứ I... vẫn không đạt được một phần trong trăm ngàn phần công đức phát tâm. Vì sao? Vì sự phát tâm của các đức Phật không như thế. Như có 10 người, một sát na đi qua vô số cõi nước, ta không thể biết được. Cũng thế, không thể suy biết được công đức phát tâm. Vì sao? Vì trong thực tế, không thể đi qua vô số cõi nước ấy, chỉ có thể biết được cõi nước có hình tướng thô trong mười phương. Song, một nhiều tịnh uế đan xen nhau. Trong một lỗ chân lông đủ vô số cõi nước. Lại nữa, Bồ-tát không thể biết được sự thành hoại của tất cả kiếp mà là biết kiếp thành hoại. Nghĩa là biết kiếp dài ngắn, có Phật, không Phật. Một sát na, tất cả kiếp, kiếp, phi kiếp. Pháp tâm bồ đề biết được một sát na đủ kiếp thành hoại ba đời. Cũng thế, Bồ-tát phát tâm biết sự sai khác của chúng sanh.

Phẩm Minh Pháp (quyển 18) lúc ấy Bồ-tát Tinh Tấn Huệ thưa với Bồ-tát Pháp Huệ: công đức phát tâm bồ đề rộng lớn như vậy, các đức Phật thọ ký sẽ đạt bồ đề. Vì sao trong pháp Phật dạy tu tập viên mãn hạnh nguyện, độ chúng sanh, để Tam Bảo trường tồn? Pháp Huệ đáp: nương lực Phật, tôi xin giảng một phần. Bồ-tát phát tâm trừ mười sự phóng túng, đạt mười pháp thanh tịnh, tu mười pháp được Phật khen ngợi, tu mười pháp đạt các địa. Đủ các pháp ấy, dần dần nhập vị Phật. Lúc này một sát na Bồ-tát biết tất cả pháp nhưng Bồ-tát chưa biết được Như Lai- đấng tối tôn, không thấy nhục kế của Phật.

Lần thuyết thứ bốn, ở cõi Dạ Ma, thuyết bốn phẩm.

Phẩm Lên cõi Dạ Ma. Nhờ oai lực Phật, chúng sanh khắp mười phương đều thấy Phật.

Phẩm nói kệ khen ngợi. Nhờ lực Phật, các Bồ-tát mười phương đến chỗ Phật. mười Bồ-tát tên Lâm nói kệ khen Phật. Bồ-tát Tinh Tấn Lâm nói: chúng sanh phi chúng sanh, đều không phải chơn thật. Vì thế tánh các pháp, không thuộc có và không. Bồ-tát Lực Lâm nói: phân biệt rõ các uẩn, trống không và tịch tịnh, không sanh diệt thêm bớt. Đó là nghĩa không sanh. Chúng sanh đã như vậy, chư Phật cũng như thế, Phật và pháp của Phật, tự tánh không sở hữu. Bồ-tát Hạnh Pháp, hiểu rõ tất cả pháp, thấy được thân của Phật, thanh tịnh như các pháp, vốn tịch tịnh Niết-bàn, là thấy được Như Lai, không vướng trụ vọng chấp. Bồ-tát Giác Lâm nói: ví như nhà họa sĩ, pha trộn các màu sắc, tuy các sắc khác nhau, nhưng vốn không sai khác. Trong pháp giới không sắc,

sắc không thuộc pháp giới, cũng không ngoài pháp giới. Nếu chỉ thấy sắc màu, sẽ không thấy bức họa, tâm tánh không thường trụ, rộng lớn khó suy lường, hiển hiện tất cả sắc, các sắc không biết nhau. Như nhà họa sĩ ấy, không tự biết tâm mình, vẽ hình tượng tùy hứng, năm uẩn có từ đó. Các pháp đều do duyên, tâm Phật tâm chúng sanh, thể tánh thật rộng lớn. Người biết rõ tâm này, tạo ra mọi hình ảnh, là thấy rõ thân Phật, hiểu tánh chơn của Phật. Tâm không ở trong thân, thân không ở trong tâm, nhưng đủ mọi công dụng, tự tại không chấp có. Người nào muốn biết rõ, các đức Phật ở ba đời, nên quán tánh pháp giới, tất cả đều do tâm. Bồ-tát Trí Lâm nói: không gì nắm bắt được, không gì thấy biết được, không gì nghe hiểu được, tâm ấy thật vi diệu, không thể suy lường được. Không thể nắm bắt được, tâm rộng lớn vi diệu, tựa hạt ngọc như ý, hiển hiện đủ màu sắc, không sắc như đủ sắc, các đức Phật cũng thế, như hư không thanh tịnh, không có một hình sắc, tuy đủ các ảnh tượng, nhưng không nắm bắt được. Các đức Phật cũng thế, hiển hiện vô số thân, tâm không thể suy xét, không ai thấy biết được.

Phẩm mười hạnh. Nương lực Phật, Bồ-tát Công Đức Lâm nhập định Thiện tư duy vô số Phật Công Đức Lâm xuất hiện, dạy Bồ-tát: các đức Phật mười phương đều gia hộ ông. Hạnh thứ một là đại trí chủ, tu hạnh Phật để độ sanh bố thí nhưng không chấp ngã. Vì thấy pháp vốn không hình tướng, không có không. Quán thân chúng sanh đều hoại diệt nên giảng tánh không hoại, bình đẳng. Hạnh thứ hai thọ trì tịnh giới, tùy thuận Như Lai, trọn vẹn pháp Phật, an trụ pháp bình đẳng, quán sát chúng sanh. Hạnh thứ ba an trụ pháp Phật, hiểu thân trống không, không ngã và ngã sở, không khổ vui, độ sanh đạt Niết-bàn. Hạnh thứ bốn tu pháp tinh tấn, độ sanh đạt Niết-bàn. Hạnh thứ năm thành tựu chánh niệm, thanh tịnh, hiểu rõ về âm thinh, tự tại trước sanh trụ diệt, đạt định sâu xa. Hạnh thứ sáu, hiểu ba nghiệp trống không, phương tiện hiện tướng không sanh, hóa độ mọi loài. Hạnh bảy vào các cõi nước, trang nghiêm cõi Phật, phụng sự Phật, nhập pháp giới trụ nơi Phật trụ, thuyết pháp vi diệu, suất vô số kiếp tu hạnh Bồ-tát, nhập pháp giới nhưng không chấp. Hạnh tám thành tựu pháp khó thành, không gì lay chuyển được, tự tại đủ oai lực, Đạt tánh Phật, vào cõi chúng sanh như vào pháp giới, không thêm bớt. Vì các pháp dung hợp. Không một nhiều. Vì độ chúng sanh Bồ-tát thuyết pháp phương tiện. Như hư không tuy không nắm bắt được, nhưng không phải không có. Hạnh thứ chín đạt Đà-la-ni, lòng bi kiên cố, độ thoát chúng sanh, vào các cõi, hiện đủ thân hình, thuyết pháp Phật. Hạnh 10 dần đạt nguồn chơn của pháp Phật.

Phẩm mười tạng Vô tận (quyển 21). Bồ-tát Công Đức Lâm bảo các Bồ-tát: có mười tạng rộng sâu mà các đức Phật đều giảng: tín, giới, tàm, quí, văn, thí, huệ, niệm, ttì, biện. Tín: tin pháp không, vô tướng vô nguyện, không tạo tác, không phân biệt, không nương tựa, không thể suy lường, không gì hơn được, vượt trên chấp không. Với lòng tin như vậy nên nghe pháp vi diệu mà không khiếp sợ. Đó là pháp nghe Phật, Phật, chúng sanh, hư không, Niết-bàn, quá khứ, hiện tại, vị lai, nhập, nhứt thiết kiếp. Vì sao? Vì lòng tin kiên cố, trí rộng lớn, tâm không thoái chuyển. mười tạng giới: lợi ích tất cả, không thọ, không trụ, không hối hận, không trái nghịch, không tổn não, không tạp uế, không tham cầu, không lỗi lầm, không hủy phạm. Tàm: xấu hổ khi nhớ đến những nghiệp ác đời trước; quí: thẹn với những lỗi hiện tại. Văn: biết rõ nhân duyên, bốn đế, ba thừa. Thí có 10: thí một phần, thí suốt đời, nội thí ngoại thí, nội ngoại thí, nhứt thiết, quá, hiện, vị, cứu cánh. Thí một phần: ăn uống là nuôi tám vạn côn trùng nơi thân. Thí suốt đời: cho đến khi bỏ thân; nội: thân thể. Ngoại: tài sản. Nhứt thiết: thân, vợ con, báu vật, ngôi vua. Quá khứ: hành hạnh Phật và Bồ-tát. Vị lai cũng thế. Hiện tại: không tham ngôi vua của ba cõi, không học pháp nhị thừa. Cứu cánh: dù trải qua vô số kiếp thọ thân khuyết tật, Bồ-tát cũng không hối hận, qúan thân bất tịnh. Huệ: hiểu lý bốn đế, nhân duyên, thấy trong mỗi nến đủ bốn đế 12 chi. Như biết thanh văn, pháp thanh văn, nhân thanh văn, sự tịch diệt của thanh văn, biết các pháp không hư hoại. Niệm: nhớ hạnh nghiệp kiếp trước, nhớ danh hiệu Phật, sự ra đời của Phật, kinh luận, định phiền não, chúng sanh, hội thuyết pháp. Trì: học tu kinh Phật. Biện: thuyết pháp cho chúng sanh.

Lần thuyết thứ năm, ở cõi Đâu Suất, thuyết ba phẩm (12 quyển).

Phẩm lên cõi Đâu Suất: (quyển 22) Nhờ lực Phật, chúng sanh mười phương đều thấy Phật và đại chúng.

Phẩm nói kệ khen ngợi: (quyển 23) Bồ-tát Kim Cang Tràng nói: sắc thân không phải Phật, âm thinh cũng như thế, nhưng không ngoài sắc thinh, thấy sức thần của Phật, hiểu rõ pháp chúng sanh, không ngại không ngăn trở, hiện hình tướng chúng sanh khắp tất cả cõi nước. Bồ-tát Kiên Cố Tràng nói: vì sao bậc trí lớn, nghe pháp và gặp Phật, không tu nguyện thanh tịnh, hành những hạnh của Phật? Bồ-tát Dũng Mãnh Tràng nói: như người được của báu; thoát nghèo cùng khốn khổ; Bồ-tát đạt pháp Phật; đoạn cấu tâm thanh tịnh; dù trảo vô số kiếp, dâng mọi vật cúng Phật, không biết thật tướng Phật, không phải là bố thí. Như hư không rộng lớn, không sanh cũng chẳng diệt, pháp của Phật cũng

thế, hoàn toàn không sanh diệt. Bồ-tát Quang Minh Tràng nói: hiểu tánh pháp tịch tịnh, tất cả đều huyễn hóa, hạnh nghiệp không cùng tận, đạo sư hiện các hạnh. Các đức Phật ba đời, pháp thân thật thanh tịnh, tùy thuận độ chúng sanh, hiện vô số thân tướng. Bồ-tát Trí Tràng nói: trong tất cả cõi nước, hiện vô số thân hình, thân không ở nơi nào, không vướng chấp các pháp. Như mặt trăng tròn sáng, chiếu soi trong dòng nước, tuy đủ các hình tưởng, nhưng chỉ một mặt trăng. Cũng thế trí vô ngại, thành tựu đẳng chánh giác, hiện ở khắp các cõi, thể Phật chỉ có một. Bồ-tát Tinh Tú Tràng nói: chúng sanh vọng phân biệt, là Phật là thế gian, người thông hiểu tánh Phật, không Phật không thế gian. Bồ-tát Pháp Trành nói: tất cả các chúng sanh, chưa phát tâm bồ đề, nếu nghe được tên Phật, sẽ Thánh đạo chánh giác. Người thông minh tài trí, một niệm phát đạo tâm, thành đấng đẳng chánh giác, cẩn thận đừng nghi ngờ. Như Lai đấng tự tại, vô số kiếp khó gặp, nếu phát tâm tin tưởng, sẽ sớm đạt bồ đề. Dù mọi lúc mọi nơi, cúng dường vô số Phật, nhưng chưa tỏ nguồn chơn không gọi là cúng dường. Dù trải vô số kiếp, đi khắp các cõi Phật, không cầu pháp vi diệu, không thành tựu bồ đề.

Phẩm mười hồi hướng: Bấy giờ, Bồ-tát Kim Cang Tràng nhập định Trí quang, vô số Phật Kim Cang Tràng xuất hiện, nêu tên mười hồi hướng. Hồi hướng một, hành sáu độ bốn tên rộng lớn, chuyển pháp lành lợi ích cho chúng sanh, chúng sanh vĩnh viễn đoạn trừ khổ não, đạt mười trí nhứt thiết, nhập tánh bình đẳng của các pháp, bình đẳng đem lại lợi ích cho chúng sanh, như mặt trời chiếu soi thế gian, không bị thành càn-thát- bà, tay A-tu-la. Cây cao cõi Diêm Phù, hang sâu, mây mù che khuất. Hồi hướng hai, phát tâm cầu nhứt thiết trí, dạt lòng tin kiên cố, chuyển pháp xuất thế, tu tập pháp lành, đạt thật tướng của pháp, đủ hạnh Bồ-tát,không chấp tướng. Hồi hướng ba, chuyển pháp Phật, nhổ cỏ chấp thủ. Hồi hướng bốn, tu các pháp lành, đi khắp mọi nơi bằng oai lực công đức, chỉ dạy chúng sanh, hợp tâm Phật. Hồi hướng năm, sám hối nghiệp chướng, tu căn lành trang nghiêm cõi Phật, không phân biệt, đạt mười tạng vô tận. Hồi hướng sáu, làm vua cai trị nước lớn, uy đức rộng lớn, tất cả đều phục tùng, cai trị bằng chánh pháp, đi khắp mọi nơi, tự tại trước mọi pháp, ai thấy cũng kính sợ, không trừng phạt, hóa độ bằng đức, dạy dân bằng bốn nhiếp pháp, hành hạnh bố thí, nói công đức bố thí. Kệ: hiểu rõ thể tánh của các pháp, không hề phân biệt pháp đúng sai, biết rõ tánh không không phân biệt, bình an thâm nhập trí của Phật, tánh pháp hiển hiện khắp mọi nơi, chúng sanh cõi nước đều như vậy, gồm đủ ba đời không thừa thiếu, không có hình tướng không chứng

đắc. Hồi hướng bảy tu tập pháp lành, bố thí tất cả, trọn vẹn trí Phật. Hồi hướng tám, quán sát chúng sanh bằng trí, nghĩ pháp lành, chuyển pháp lành bằng pháp chơn như bình đẳng. Hồi hướng chín thành tựu hạnh nguyện Phổ Hiền, đem lại lợi ích cho chúng sanh bằng tâm bồ đề, nuôi lớn pháp lành trong một sợi lông, một trụ xứ, một phương của cõi Phật có vô số Bồ-tát thành tựu trí huệ.

Lần thuyết thứ sáu, ở cõi Tha Hóa, thuyết một phẩm (6 quyển)

Phẩm mười địa: Đức Phật an trụ ở cọi Tha Hóa-vô số Bồ-tát-bậc bất thoái chuyển-ở các nơi đến đây. Vô số Phật Kim Cang Tạng xuất hiện trước Bồ-tát Kim Cang Tạng vì Bồ-tát nhập định trí quang. Vô số Phật gia hộ, trao trí, xoa đầu Bồ-tát Kim Cang Tạng. Xuất định, Bồ-tát Kim Cang bảo đại chúng: hạnh nguyện pháp lành của Bồ-tát thanh tịnh, không thể so lường được, rộng lớn như pháp giới, hư không, độ tất cả chúng sanh, được Phật gia hộ, nhập trí Phật. Sau đó Bồ-tát nêu tên mười địa nhưng không nói pháp. Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt ba lần thỉnh thuyết, các Bồ-tát cùng thỉnh. Phật phóng ánh sáng lực diệm minh từ chặng mày và vô số ánh sáng khác chiếu soi khắp mười phương. Nói xong, Bồ-tát trụ trong hư không. Để tăng lòng tin của đại chúng, Bồ-tát nói kệ. Nói xong, Bồ-tát khen ngợi công đức của các địa. Phật tử! An trụ địa Hoan Hỷ, nhờ niệm Phật nên tâm hoan hỷ. Nhờ nhớ pháp Phật, Bồ-tát, hạnh Bồ-tát, các Ba-la-mật, địa thù thắng, lực kiên cố của Bồ-tát, sự giáo hóa của Phật, phương tiện trí của Phật, thoát cõi thế gian, gần gũi Phật, không sống trong địa phàm phu, sống trong trí tuệ, không sanh trong cõi ác, là chỗ dựa cho chúng sanh, gặp Phật, sanh trong cõi Phật, nhập tánh bình đẳng của Bồ-tát, không kinh sợ. Vì sao? Vì không còn năm nỗi sợ. Bồ-tát phát mười tâm sâu xa nhập địa hai, tự đoạn nghiệp sát, thương yêu chúng sanh đạt mười lực, bốn vô úy của Phật. Tội sát sanh sanh trong địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh. Nếu sanh trong cõi người bị hai quả báo: chết yểu, nhiều bệnh. Nhờ nguyện lực gặp vô số Phật, hiện thân vua. Địa ba đạt thần thông rộng lớn. Vì một thân là nhiều thân và ngược lại, cai trị 33 cõi. Địa bốn làm vua cõi Dạ Ma. Địa năm vào đời độ sanh bằng các kỹ xảo, dạy chúng sanh an trụ pháp Phật, làm vua cõi Đâu Suất. Địa sanh bằng tâm bi, hiển hiện trí Bát-nhã, làm vua cõi Thiện Hóa. Địa bảy viên mãn trí huệ hạnh nguyện nhưng không chứng đắc, thường làm vua cõi tự tại. Địa tám dụng trí không dụng công nhập hạnh trí Phật, tu hạnh Bồ-tát, thường làm vua Đại Phạm. Địa chín dùng bốn vô ngại biện tài, diễn giảng pháp Phật, cai trị hai ngàn cõi. Địa 10 đạt vô số thần thông, trí huệ, độ sanh bằng bi nguyện, thần thông vô úy,

phước trí, tích tắc hiện khắp mọi nơi, diễn pháp Phật, đoạn ác, đủ thần thông. Nghe thế đại chúng nghi ngờ. Bồ-tát Kim Cang Tạng liền nhập định nhứt thiết Phật quốc thổ thể tánh, đại chúng tự thấy mình ở trong thân Bồ-tát với vô số sự trang nghiêm khác nhau.

Lần thuyết thứ bảy, ở điện Phổ quang Minh, thuyết 11 phẩm (13 quyển)

Phẩm mười định. Sau khi thành đạo ở cội Bồ Đề nước Ma Kiệt Đề, Phật đến điện Phổ quang minh, nhập định sát na tế chư Phật, an trụ tướng không tướng, vô số Bồ-tát thuộc vị quán đỉnh đủ hạnh Bồ-tát từng tu hạnh Bồ-tát với đức Tỳ-lô-giá-na. Bồ-tát Phổ Nhãn hỏi Phật về Bồ-tát Phổ Hiền và sự an trụ hạnh nguyện Phổ Hiền, định giải thoát của Bồ-tát. Phật khen ngợi, diễn giảng về Bồ-tát Phổ Hiền với đủ thiền lực vi diệu. Ai nghe tên Phổ Hiền là dạt vô số định, tam tịch tịnh. Phổ Nhãn thưa: Bồ-tát Phổ Hiền hiện ở đâu? Phật dạy: hiện ở trong đạo tràng này. Bồ-tát Phổ Nhãn và đại chúng qúan sát nhưng không thấy. Phật dạy: Bồ-tát Phổ Hiền an trụ pháp sâu xa, trí rộng lớn hiện nhập định sư tử phấn tấn, đạt công dụng tự tại, đủ mười lực Phật, thân như pháp giới, tích tắc đạt trí Phật. Nghe Phật dạy, Phổ Nhãn dạt 10 ngàn A-tăng-kỳ định. Nhờ sức định, Bồ-tát muốn gặp Phổ Hiền nhưng không gặp. Phật dạy: ai thấy hình, nghe tên, phụng sự, suy xét, tin tưởng, tiến tu, phát nguyện sẽ đạt vô số công đức. Các ông hãy thành kính cầu gặp, tưởng tượng Bồ-tát Phổ Hiền ở khắp mười phương, tin hiểu sâu xa, bỏ chấp, thệ học hạnh Phổ Hiền, nhập pháp chơn thật, biết căn tánh chúng sanh. vâng lời Phật dạy, Phổ Hiền hiện thân, các Bồ-tát đều thấy. Bồ-tát Phổ Hiền an tọa bảo tọa hiện khắp mười phương, thuyết giảng pháp Phật. Gặp Phổ Hiền là gặp Phật. Nhờ oai lực của Phật, lòng tin của Bồ-tát, nguyện lực của Phổ Hiền, vô số pháp xuất hiện, ánh sáng chiếu khắp các cõi, không thể nói hết hạnh Phổ Hiền và sự thành tựu hạnh Phổ Hiền, sự thành tựu quả bồ đề từ hạnh Phổ Hiền. Phổ Nhãn khen ngợi Phổ Hiền, Đức Phật chứng minh, dạy Bồ-tát Phổ Hiền: ông hãy giảng mười định cho các Bồ-tát. Người thành tựu mười định là đạt nhứt thiết trí, mười lực của Phật. Người trụ định này vượt trên thế gian. Như Tỳ kheo quán pháp bất tịnh. Cũng thế Bồ-tát quán vô số chúng sanh đều từ thân mình, hiểu pháp thế gian nhưng không chấp. Đó là định Phổ quang minh. Định Diệu quang minh: nhập vô số cõi, hiện vô số thân, mỗi thân phóng vô số ánh sáng, mỗi ánh sáng vô số màu sắc, mỗi màu sắc ánh hiện vô số cõi, độ vô số chúng sanh. Như mặt trời chiếu vào núi báu, ánh sáng báu vật ánh triệt lẫn nhau. Cũng thế, Bồ-tát am trụ tam muội

này không lìa bỏ cõi nước, không trụ trong ngoài, không phân biệt, tự tại vào đời. Định Biến vãn chư quốc thổ thần thông, không phân biệt kiếp số dài ngắn, pháp phi pháp. Định Thanh tịnh thân tâm hành: biết thân Phật như chúng sanh, cúng dường Phật, cung kính, tôn trọng, đảnh lễ, học hỏi, hoằng dương chánh pháp, hiểu biết mọi pháp, không phân biệt, xuất định nhớ rõ mọi việc vào đời, Niết-bàn. Định tri quá khứ trang nghiêm: biết kiếp số, cõi nước, pháp Phật, niềm vui nghe pháp, tuổi thọ Phật tùy thuận chúng sanh, an trụ trong định suốt trăm ngàn vô số kiếp. Định Trí quang minh tạng: biết các pháp vị lai, một sát na biết rõ tất cả kiếp số. Định liễn tri nhứt thiết thế giới Phật trang nghiêm: tuần tự đi khắp mười phương, thấy cõi Phật, thần lực Phật, đại chúng, thấy mình thuyết pháp, làm mọi việc độ sanh. Định nhứt thiết chúng sanh sai biệt thân: không tham đắm, tự tại hiện thân vào các cõi. Định pháp giới tự tại, hiểu rõ tất cả. Định vô ngại luận: thông đạt không chướng ngại. Bồ-tát Phổ Nhãn thưa Bồ-tát Phổ Hiền: đã đạt pháp như vậy, vì sao không phải là Phật, là đấng đạt mười lực, nhứt thiết trí, lại còn hành hạnh Phổ Hiền, không bỏ hạnh Bồ-tát? Phổ Hiền đáp: Bồ-tát là Phật nhưng vì luôn hành hạnh Bồ-tát nên gọi là Bồ-tát. Bồ-tát thâm nhập các lực Phật được gọi là đấng đủ mười lực. Nhưng nếu còn quán sát, dần tăng trưởng lực thì thì là Bồ-tát. Thông hiểu tất cả các cảnh giới, thành tựu chánh giác ở cõi Phật, tích tắc đạt quả vô thượng bồ đề, hoặc một giờ, một ngày, nữa tháng, một tháng, vô số kiếp thành Phật.

Phẩm mười thông:

1) Tha tâm thông: biết tâm của chúng sanh trong sáu đạo, ba thừa, tám bộ... tất cả các cõi nước.

2) Thiên nhãn thông: với mắt trí thanh tịnh thấy rõ mọi việc rỗng chết tốt xấu tội phước... của tất cả chúng sanh.

3) Tức mạng thông: biết sự sống chết khổ vui, nghiệp quả... của chúng sanh, biết sự vào thai, thành đạo, độ sanh, Niết-bàn của tất cả các đức Phật.

4) Trí biết vô số kiếp vị lai: biết nhân quả nghiệp thiện ác của chúng sanh, danh hiệu hạnh nguyện của các đức Phật trong vô số kiếp.

5) Thiên nhĩ thông: nghe tất cả âm thinh của chúng sanh trong vô số cõi nước.

6) Trí an trụ tánh không không tạo tác, đi khắp các cõi Phật, nghe biết Phật ra đời, dù ở nơi nào Bồ-tát đều đến.

7) Trí hiểu ngôn ngữ của chúng sanh: biết rõ ngôn ngữ của phàm Thánh trong vô số cõi.

8) Trí hiện vô số thân: nhập pháp giới, hiện vô số thân đủ loại hình sắc.

9) Trí thông nhứt thiết pháp: biết các pháp không tên gọi, không giòng họ, không đến đi, không giống khác, tùy phương tiện lập pháp.

10) Định diệt tận: sống trong định diệt tận giữ vững đạo Bồ-tát, làm mọi việc của Bồ-tát. Những Bồ-tát khác không thể biết được mười thông này.

Phẩm mười nhẫn. Phổ Hiền nói: Bồ-tát tu mười nhẫn, đạt địa vô ngại nhẫn, hiểu rõ pháp Phật. mười nhẫn: âm thinh, thuận, vô sanh, như huyễn, như diện, như mộng, như hưởng, như ảnh, như hóa, như không. Âm thinh nhẫn: nghe pháp Phật nhưng không kinh sợ, tin hiểu tu tập. Thuận nhẫn: suy xét các pháp bình đẳng, tùy thuận tu tập. Vô sanh nhẫn: hiểu pháp không sanh diệt, tịch tịnh, không tham cầu, không tạo tác, không đến đi. Như huyễn nhẫn: biết các pháp do duyên sanh, hiểu sự dung hợp đan xen bình đẳng của các pháp như nhà ảo thuật hóa hiện các vật nhưng tánh duyên sanh không thay đổi. Thể tánh năm nhẫn tiếp giống nhau.

Phẩm A-tăng-kỳ: Bồ-tát Tâm Vương bạch Phật: A-tăng-kỳ, sự không thể suy lường... là gì? Phật dạy: vì muốn chúng sanh đạt trí Phật, p6ng đã hỏi nghĩa này. Trăm lạc xoa là một câu chi, câu chi câu chi là một a du du, a du đa a du đa là một na do tha. Cứ thế có đến 124 tầng thứ. Đức Phật nói kệ: "Không thể nói năng không suy lường, trọn ven năm tóm thâu không thể biết, không thể diễn giảng các kiếp số, vượt ngoài ngôn ngữ trí hiểu biết, cõi Phật vô biên không gì sánh, ví như bụi đất nào ai biết, số lượng bao nhiêu đo bằng gì, một nhiều tất cả đều như thế, dung hợp đan xen như lưới trời. Công đức rộng lớn của Phổ Hiền, không thể nói năng hay suy xét, trong mỗi sợi lông đủ vô số, Bồ-tát Phổ Hiền độ chúng sanh, cõi nước thân Phật ánh sáng soi, lá hóa rực rỡ đan xen nhau, như ánh trời trăng luôn ánh triệt, Báu vật đủ màu càng thêm đẹp. Tất cả dung hợp như lưới trời."

Phẩm Thọ Lượng: Bồ-tát Tâm Vương bảo các Bồ-tát: một kiếp ở Ta bà là một ngày đêm ở cực lạc. Cứ thế đến chín tầng. Lại nói: vô số cõi nước ở quá khứ, cõi sau cùng là cõi Thắng Liên hoa. Một kiếp ở đây là một ngày đêm ở cõi Phật Hiền Thắng. Vô số Bồ-tát đều ở đó.

Phẩm Trụ Xứ của Bồ-tát: Bồ-tát Tâm Vương bảo các Bồ-tát: ở phương đông có một cõi nước tên Tiên Nhơn Sơn. Vô số Bồ-tát đã từng ở đây. Hiện có Bồ-tát tên Kim Cang Thắng, với 300 quyến thuộc, thường giảng thuyết pháp Phật. Núi Thắng Phong phía nam có Bồ-tát

Pháp Huệ cùng 500 quyến thuộc. Núi Kim Cang Diệm ở phía tây có Bồ-tát Tinh Tấn Vô Úy Hành và 300 quyến thuộc. Núi Thanh Lương ở phía đông bắc có Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi cùng một vạn quyến thuộc. Núi Kim Cang ở giữa biển có Bồ-tát Pháp Khởi cùng 1200 quyến thuộc. Núi Chi Đề ở đông nam có Bồ-tát Thiên Quang và một ngàn quyến thuộc. Núi Quang Minh ở tây nam có Bồ-tát Hiền Thắng cùng ba ngàn quyến thuộc. Núi Hương Phong ở tây bắc có Bồ-tát Hương Quang cùng năm ngàn quyến thuộc. Ở trong biển có hanh Trang Nghiêm, từng là nơi ở của các Bồ-tát. Ở phía nam Tỳ Xá Ly có nơi tên Thiện Trụ Căn. Ở thành Ma Độ La có hanh Mãn Túc. Ở thành Câu Trần na có nơi tên Pháp Tòa thanh tịnh. Ở thành Bỉ Ngạn có hang Mục Chơn lâu đà. Ở Ma Lan Đà có nơi tên vô ngại, do vua rồng xây dựng. Ở Tát Giá có nơi Xuất Sanh Từ. Ở Chấn Đán có hanh Na La Diên. Ở Sơ Lặc có núi Ngưu Đầu. Ở Ca Diếp Di La có nơi Thứ Đệ Tăng Trưởng. Thành Hoan Hỷ có hang Tôn Giả. Ở An Phù Lô Ma có Kiến ức tạng quang minh. Ở Càn Đà La có hạnh Khổ Bà La.

Phẩm pháp bất tư nghì của Phật: Lúc ấy các Bồ-tát suy xét hạnh nguyện, sự thọ sanh, âm thinh, trí huệ, pháp giải thoát tự tại vô ngại của Phật. Bồ-tát Thanh Liên Hoa Tạng đạt trọn vẹn hạnh Phổ Hiền, biết rõ pháp Phật, Như Lai gia hộ và dạy Bồ-tát: trụ xứ của Phật khôn lường, lòng từ bi rộng lớn, sắc tướng thanh tịnh, vào các cõi nhưng không đắm nhiễm, nhìn các pháp bằng mắt không chướng ngại, nghe tất cả âm thinh bằng tai không chướng ngại, đạt pháp giải thoát bằng tỷ căn thanh tịnh, nói pháp vi diệu bằng thuật căn vô ngại, hiện vô số thân độ sanh, an trụ trong pháp giải thoát vô ngại, pháp thân bình đẳng, hiển hiện thần lực khôn lường, thanh tịnh cõi nước tùy chúng sanh, viên mãn hạnh Phổ Hiền. Các đức Phật đủ mười trí vượt đời, mười trí hợp cơ, là điều kiện thành chánh giác, Bồ-tát tùy tâm hiển hiện. Lại có mười pháp cao tột, mười trí, mười pháp rộng lớn, mười pháp khó tin, mười công đức, mười sự cứu cánh, 10 việc Phật... Bấy giờ Bồ-tát Phổ Hiền bảo: tôi sẽ diễn giảng tướng rộng lớn của Như Lai. Đỉnh đầu của Như Lai đử 32 tướng tốt, mỗi tướng biến khắp mười phương... cứ thế 97 tướng tốt. Sanh, về thật thể, các đức Phật có vô số tướng tốt.

Phẩm công đức tướng tốt của Như Lai: Khi ấy, Phật bảo Bồ-tát Bảo Thủ: Như Lai có tướng tốt tên Viên Mãn Vương, phóng ánh sáng Xí thạnh và bảy trăm vạn A-tăng-kỳ ánh sáng. Lúc ở Đâu Suất, ta phóng ánh sáng Quang Tràng Vương chiếu vô số cõi nước, đến địa ngục cứu khổ chúng sanh. Chúng sanh đạt sáu căn thanh tịnh sanh về Đâu

Suất. Ở đó có trống Thậm Khả ái lạc phát tiếng: nhờ tâm không phóng dật, tuồng căn lành trong pháp Như Lai, gần gũi bạn lành, nhờ oai lực của đức Giá Na nên được sanh về đây. Kế đó, Phật phóng ánh sáng từ tướng bánh xe dưới bàn chân...

Phẩm Hạnh Phổ Hiền: Lúc ấy, Bồ-tát Phổ Hiền nói với các Bồ-tát: những gì vừa giảng thuyết chỉ là tùy thuận khả năng của chúng sanh. Vì chúng sanh không trí hiểu biết, luôn chấp ngã. Sau khi nói về chướng hoặc Bồ-tát nói về mười pháp tu hành như không bỏ chúng sanh đạt mười pháp thanh tịnh, thông hiểu thanh tịnh sâu xa đạt mười trí lớn, biết tâm hạnh chúng sanh đạt mười pháp, dung nhập các cõi nước vào một lỗ chân lông, vô số cõi thân vào một thân, vô số kiếp vào một sát na, tất cả pháp Phật vào một pháp; vô số cõi vào một cõi, vô số căn vào một căn, căn vào phi căn, vô số vọng tưởng vào một vọng tưởng, vô số âm thinh vào một âm thinh, ba đời vào một đời... đan xen dung hợp nhau. mười tâm vi diệu, mười trí thiện xảo...

Phẩm Như Lai xuất hiện: lúc ấy Phật phóng ánh sáng Như Lai xuất hiện từ giữa chặng mày và vô số ánh sáng khác chiếu khắp các cõi nước độ thoát chúng sanh. Sau đó, ánh sáng chiếu đến đỉnh đầu Bồ-tát Diệu Đức, Bồ-tát chuyên tâm hướng về đức Phật, nói kệ khen ngợi Phật. Từ Kim Khẩu Phật phóng ánh sáng vô ngại vô úy chiếu đến Kim Khẩu Phổ Hiền, tòa báu của Bồ-tát lớn hơn, Phật hỏi ý nghĩa hiện tướng. Phổ Hiền thưa: tánh pháp trống không, không thay đổi; ví như hư không vốn thanh tịnh, thể tánh của chu Phật cũng thanh tịnh; tánh ấy là không, không có không, tánh pháp vượt ngoài các ngôn ngữ; không thể nói năng, luôn thanh tịnh; tánh của cõi nước cũng như thế, không thể biện biệt bằng ngôn ngữ. Lại nói: ở nơi nào cũng gặp Như Lai. Vì sao? Không nên nhìn Như Lai từ một thân một pháp một việc, một cỏi nước, cỏi chúng sanh. Như hư không tóm thâu tất cả sắc phi sắc, không đến đi và không phải không đến đi. Vì sao? Vì hư không trống không. Cũng thế, Phật ở khắp mọi nơi, mọi chúng sanh, mọi pháp, thân, không thân. Vì chúng sanh Phật hiện thân. Đó là cỏi tướng của thân Phật. Như mặt trăng có bốn điều kỳ lạ:

1) Che lấp ánh sáng của các sao.
2) Tùy lúc tròn khuyết.
3) Hiện bóng khắp nơi.
4) Ai cũng thấy mặt trăng.

Cũng thế Như Lai che khuất cả thanh văn duyên giác, tùy chúng sanh tuổi thọ khác nhau, hiện khắp mọi nơi, chúng sanh đều tự cho rằng

Phật hiện độ mình. Phổ Hiền nói mười tướng âm thinh của Như Lai, mười tướng tâm của Như Lai. Lại hỏi: nước biển do Long Vương tạo. Cũng thế, trí Như Lai có từ hạnh nguyện. Phía nam có 2500 dòng sông, phía tây có 5000 dòng, phía đông có 7500 dòng, phía bắc có một vạn, nước của những sông ấy nhiều không? Đáp: rất nhiều. Phổ Hiền nói: vô số sông đều chảy về biển như sông trong cung thái tử Bà Kiệt, sông trong cung vua Bà Kiệt, nước trong xanh, lên xuống có chừng mực, vì thế thủy triều trong biển cũng lên xuống chừng mực. Trí Như Lai còn hơn thế. Như chim đại bàng bay trong hư không, nhìn rõ mọi nơi, dùng hai cánh quạt nước biển, tìm cắp những con rồng sắp hết mạng số. Cũng thế, Như Lai biết chúng sanh nào đã thuần thục thì dạy pháp độ thoát. Tất cả ví dụ trong kinh đều nêu việc thành đạo, thuyết pháp, Niết-bàn, hiện thần thông, độ sanh...

Lần thuyết thứ tám, ở điện Phổ quang minh, nói một phẩm (7 quyển)

Phẩm ly thế gian: lúc ấy, Phật an tọa tòa sư tử ở điện Phổ quang minh vô số Bồ-tát một đời thành Phật từ các nơi đến đây, khen ngợi Như Lai. Bồ-tát Phổ Hiền nhập định Phật Hoa Trang Nghiêm. Phổ Hiền xuất định, Phổ Huệ hỏi: thế nào là nơi nương tựa, ý tưởng thù diệu, thiện tri thức, sự siêng năng tu tập an ổn, đạt giới, vào cõi chúng sanh, thông đạt kiếp số của Bồ-tát? Phổ Hiền đáp: về ý tưởng thù diệu: tự hành các hạnh nguyện. mười pháp an ổn tâm đều là hành hạnh độ sanh. 10 giới là lợi ích chúng sanh: không bỏ tâm bồ đề, không tu giới nhị thừa, quán sát lợi ích chúng sanh. mười pháp biết mình được thọ ký: phát tâm bồ đề hiểu rõ pháp, không bỏ hạnh bồ đề, luôn hành hạnh Bồ-tát, tu tất cả pháp Phật, tin pháp Phật, tu pháp lành, dạy chúng sanh sống trong bồ đề, noi học Thiện tri thức, xem thiện tri thức như Phật. 10 cách hòa nhập hạnh chúng sanh, 10 cách vào đời, 10 cách hiểu kiếp số. 10 cách hiểu việc thành đạo hạnh nguyện, thuyết pháp, Niết-bàn, định... của Phật. 10 nhân phát tâm bồ đề đều đặt nền tản ở chúng sanh. 10 vườn, sanh tử là vườn của Bồ-tát, luôn đem lại lợi ích chuo chúng sanh. Cõi tịnh ở ngay trong cung ma, suy xét lý hạnh của các pháp, thuyết pháp hành đạo. 10 cách phát rộng lớn: quán pháp Phật, quán chúng sanh, cõi nước, kiếp số, pháp trống không, hạnh rộng lớn của Bồ-tát, các đức Phật, nghiệp quả, trang nghiêm cõi Phật, nghe giảng pháp, quán âm thinh Như Lai. 10 công dụng vô ngại của Bồ-tát: chúng sanh, cõi nước, pháp thân, nguyện cảnh giới, trí, thần thông, lực. Về thân có 10: nhập thân của tất cả chúng sanh vào thân mình, thân mình nhập trong thân của tất cả chúng sanh,

nhập tất cả thân Phật vào một thân và ngược lại, nhập tất cả cõi nước vào một thân, từ một thân hiện vô số thân, nhập định hiện thân thành Phật, từ một thân chúng sanh hiện pháp thân và ngược lại. 10 chủng tử của Bồ-tát: tâm bồ đề, thiện căn, độ sanh, gặp Phật, thọ snh, hạnh nguyện, các độ, suy xét pháp bình đẳng, cảnh giới sai biệt. 10 mắt: mắt thường thấy các hình sắc, thiên nhãn thấy tâm chúng sanh, huệ nhãn biết khả năng chúng sanh, pháp nhãn thấy thật tướng, Phật nhãn thấy mười lực Phật, trí nhãn thấy các pháp, quang minh nhãn thấy ánh sáng Phật, xuất sanh tử nhãn thấy Niết-bàn, vô ngại nhãn thấy tất cả, nhứt thiết trí nhãn thấy pháp giới. 10 tai: nghe tiếng khen không tham chấp, nghe tiếng chê không giận, nghe pháp nhị thừa không cầu học, vui mừng khi nghe đạo Bồ-tát, nghe khổ địa ngục phát lòng từ, nghe pháp trời người biết sự vô thường, nghe hạnh Phật siêng năng tu học, phát tâm tu tập khi nghe sáu độ bốn nhiếp pháp, hiểu nghĩa sâu xa của âm thanh, luôn vui nghe pháp, không bỏ chúng sanh. 10 mũi: không nhờm gớm khi ngửi mùi hôi, không tham đắm mùi thơm, bình thản trước mùi thơm hôi, không chấp các mùi, biết nghiệp hạnh của chúng sanh khi hiểu y báo chánh báo của chúng sanh, biết rõ vật ẩn tàng, biết hạnh của chúng sanh nơi sáu cõi, trụ trí nhứt thiết khi biết tiếng nói hạnh nghiệp. 10 lưỡi: chỉ dạy chúng sanh giảng pháp, khen ngợi công đức Phật, tài biện bác, diễn giảng pháp đại thừa, che chở tất cả chúng sanh, hiện thân chỉ dạy khắp mười phương, giác ngộ chúng sanh, xứng đáng với hạnh Phật, hàng phục ngoại đạo, đạt tịch tịnh. mười thân: thân người độ loài người, thân phi nhơn độ chúng sanh ba cõi ác, thân trời độ ba cõi, thân tu học dạy pháp, thân vô học hiển hiện pháp La Hán, thân độc giác độ độc giác, thân Bồ-tát thành tựu đại thừa, thân Như Lai tắm mát bằng nước trí, ý sanh thân tùy thuận thọ thân, thân vô lậu pháp thị hiện độ sanh bằng trí không dụng công. 10 ý: Thượng Thủ ý phát căn lành, an trụ ý: lòng tin kiên cố; thâm nhập ý tùy thuận hiểu pháp Phật; nội liễu ý biết sở thích chúng sanh; vô loạn ý đoạn hoặc; minh tịnh ý không chấp thế gian; quán chúng sanh ý hợp thời cơ; thiện trạch sở tác ý không sống vô ích; mạt hệ chư căn ý điều phục tán loạn; thiện nhập tam muội ý nhập định Phật. 10 tiếng rống sư tử: tâm bồ đề: ta sẽ thành Phật; tâm từ bi: độ thoát chúng sanh; báo ân Phật: hưng thịnh tam bảo; lòng tin kiên cố: nghiêm tịnh cõi Phật; giữ gìn tịnh giới: đoạn ác nghiệp; phước đức viên mãn: trọn vẹn ba hạnh nghiệp Phật và các tướng trang nghiêm; tu hạnh chơn chánh đoạn phiền não: hàng phục ma và nghiệp ma; vô sanh nhẫn: đoạn chấp ngã, thanh tịnh ba không; tu hành đúng pháp: thân sau cùng

của Bồ-tát sanh trong hoàng tộc xuất gia tu học. 10 cách cầu pháp: trực tâm siêng năng đoạn hoặc chướng cho chúng sanh, tự độ độ người đạt trí huệ, vượt trên sanh tử đem lợi ích cho chúng sanh, đoạn nghi hoặc của chúng sanh, viên mãn pháp Phật... mười nghiệp ma: lười nhác, không siêng tu, đạt một ít đã cho là đủ, không phát nguyện lớn, thích tịch tịnh, không vào sanh tử, không tu hạnh Bồ-tát, không độ chúng sanh, phỉ báng chánh pháp. mười hạnh Phật: phát tâm bồ đề, không đoạn tâm bồ đề, không làm việc ma, hành đúng pháp, không ngại khổ, quán pháp sâu xa đạt quả, không chấp chướng, không trụ vô vi, thọ sanh từ pháp không sanh, đạt trí hành hạnh. 10 việc của Bồ-tát khi ở cõi Đâu Suất: độ chúng sanh kém cõi, đoạn trừ vọng chấp "Bồ-tát tự nhiên hóa sanh", độ cha mẹ bà con những người từng cùng làm lành nên thị hiện thọ sanh, mỉm cười, bước bảy bước, làm đồng tử, sống trong cung vua, xuất gia hành khổ hạnh, đến cây bồ đề, hàng phục ma, thành Phật, thuyết pháp Niết-bàn.

Lần thuyết thứ chín, ở vườn Cấp Cô độc rừng Thệ Đa nước Thất La Phiệt, 500 Bồ-tát nghe pháp. Phổ Hiền, Văn Thù là hai Bồ-tát đứng đầu, 140 Bồ-tát thành tựu hạnh Phổ Hiền. Biết tâm các Bồ-tát và với lòng từ, Phật dùng phương tiện nhập định sư tử tần thân, tất cả cõi nước đều thanh tịnh, lầu gác vườn rừng tự nhiên rộng lớn với đủ sự trang nghiêm. Vì sao? Vì công dụng của Như Lai vi diệu. Vô số Phật, Bồ-tát từ khắp nơi đều xuất hiện. Song các thanh văn như Xá lợi Phất... đều không thấy được việc kỳ lạ ấy. Vì họ không tu tập pháp để tam bảo trường tồn, chỉ tu học pháp cầu xuất ly. Ví như vô sắc ngạ quỉ đang bị khát, tuy ở bên dòng sông nhưng không thấy sông, hoặc thấy sông khô cạn. Thanh văn cũng thế. Ví như trên núi Tuyết có vô số cỏ thuốc nhưng chỉ có lương y mới thấy được, những kẻ săn bắn không hay biết. Lại như trong đại chúng, có Tỳ kheo nhập định, đi khắp các cõi nước nhưng đại chúng không thấy được. Như người lúc chào đời luôn có hai thần trời bảo hộ (Đồng Sanh, Đồng Danh). Hai thần trời thấy người ấy nhưng người ấy không thấy họ. Lúc ấy, nương nguyện hạnh của đức Tỳ-lô-giá-na, mười Bồ-tát nói kệ, khuyên Thanh Văn quán sát Như Lai và các Bồ-tát, thuyết giảng hạnh nguyện của Như Lai và Bồ-tát. Bồ-tát thứ một dạy các Duyên giác và Thanh Văn không biết cảnh giới hạnh nguyện của Bồ-tát. Bồ-tát Phổ Hiền quán sát đại chúng, dùng vô số phương tiện thuyết giảng định sư tử tần thân cho các Bồ-tát, nói rõ về công dụng tự tại của y báo chánh báo vì muốn các Bồ-tát nhập định ấy, Như Lai phóng ánh sáng Phổ chiếu tam thế pháp giới môn từ giữa chặng

mày, chiếu soi vô số cõi nước, hiển hiện thần lực vi diệu của Như Lai. Nương lực Phật, Bồ-tát Văn Thù nói kệ nhắc lại pháp trên. Các người hãy quán rừng Thệ Đa, nhờ thần lực Phật nên rộng lớn, dầy đủ vô số sự trang nghiêm, cõi nước mười phương đều như thế. Nhờ ánh sáng Phật, các Bồ-tát nhập định, đạt tâm bi vi diệu, hóa độ chúng sanh mười phương. Cúng dường Phật xong, Bồ-tát Văn Thù rời đạo tràng đi về phương nam. Nhờ lực Phật, Xá lợi Phất thấy việc ấy, tự nghĩ: ta nên cùng đi. Xá lợi Phất và sáu ngàn Tỳ kheo đến xin phép Phật. Được Phật cho phép, các vị ấy đi quanh Phật và đến chỗ Bồ-tát Văn Thù. Sáu ngàn Tỳ kheo ấy là những người mới xuất gia, từng cúng dường vô số Phật, trí hiểu biết sâu rộng, lòng tin kiên cố, tâm rộng lớn quán biết cảnh Phật, hiểu tánh của các pháp, tạo lợi ích cho chúng sanh, luôn cầu học công đức Phật. Nhờ Bồ-tát Văn Thù hóa độ, Xá lợi Phất dạy các Tỳ kheo quán thân tướng Văn Thù và đại chúng. Nghe dạy, các Tỳ kheo thanh tọnh tâm ý,lòng tin kiên vững vui mừng đoạn khổ, đủ khả năng của Bồ-tát, đạt lực của Bồ-tát, hiểu rõ cảnh giới, thưa: xin thầy đưa chúng con đến chỗ Bồ-tát Văn Thù. Xá lợi Phất đưa họ đến đó, thưa với Văn Thù: các Tỳ kheo này xin phụng sự Bồ-tát. Các Tỳ kheo thưa: chúng con xin học pháp của Bồ-tát. Văn Thù khuyên các Tỳ kheo hành hạnh Bồ-tát. Các Tỳ kheo đạt định vô ngại nhãn, thấy rõ cõi Phật, y báo chánh báo của Phật, biết nghiệp quả trong 10 đời của chúng sanh, nhớ rõ hạnh độ sanh thành đạo Niết-bàn... của Phật, thành tựu 10 ngàn định. Văn Thù khuyên các Tỳ kheo hành hạnh Phổ Hiền. Sau đó, Văn Thù đi về phía đông thành giác, ở trong rừng Ba La, giảng kinh, vô số rồng sanh trong cõi trời người, một vạn thân đạt quả bồ đề không thoái chuyển, chúng sanh hiểu pháp ba thừa, 500 đồng tử, 500 đồng nữ đến chỗ Văn Thù. Thiện Tài là đồng tử tái trí nhứt trong số đó. Quán sát nhân duyên cúng Phật của Thiện Tài, Văn Thù thuyết giảng pháp Phật để Thiện Tài phát tâm cầu học bồ đề. Sau khi Thiện Tài nhớ lại nhân xưa, tự trách mình, Văn Thù liền dạy Thiện Tài cầu học thiện tri thức. Thiện Tài hỏi: thế nào là học hạnh Bồ-tát, tu hạnh Bồ-tát, hành hạnh độ sanh, sớm viên mãn hạnh Phổ Hiền? Văn Thù khuyên Thiện Tài gần gũi thiện tri thức. Từ đây đi về phương nam, đến nước Thắng Lạc, gặp Tỳ kheo ĐứcVân ở núi Diệu Phong, Tỳ kheo dạy: ta đạt trí lực tự tại, lòng tin thanh tịnh, trí sáng soi cùng khắp, đoạn chướng ngại, đủ hạnh thanh tịnh, đi khắp mười phương, cúng dường Phật, thọ trì pháp Phật. Thiện nam tử! Ta đạt trí thấy biết cõi Phật, hiểu rõ mọi pháp, đâu chỉ đạt trí của Bồ-tát. Từ pháp niệm Phật, ta thấy rõ tất cả cõi nước, vô số

Phật. Sau đó Tỳ kheo dạy Thiện Tài đến nước Hải Môn gặp Tỳ kheo Hải Vân. Thiện Tài hỏi: làm sao thoát khỏi vị phàm phu, đạt quả Như Lai? Hải Vân dạy: ta ở đây 12 năm, quán sát biển lớn. Lúc ấy trong biển xuất hiện hoa sen lớn, Phật an tọa trên hoa sen, thuyết pháp Phổ Nhãn cho ta. Người hãy đến xóm Hải Ngạn bên đạo lăng già gặp Tỳ kheo Thiện Trụ. Thiện Tài đến đó thấy Tỳ kheo thiền hành trong hư không, Tỳ kheo bảo Thiện Tài: ta đạt giải thoát vô ngại, hiểu rõ tâm hạnh của chúng sanh, tự tại cúng dường Phật. Người hãy đến thành Tự Tại nước Đạt Lý tỷ Trà gặp đại sĩ Di Già. Đại sĩ dạy Pháp Diệu Âm Đà-la-ni quang minh. Đến xóm Trụ lâm gặp trưởng giả Giải Thoát, đạt giải thoát vô ngại trang nghiêm của Như Lai. Đến nước Ma Lợi Gìa La ở biên giới Diêm Phù đề gặp Tỳ kheo Hải Tràng, đạt Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh quang minh. Đến vườn Phổ Trang nghiêm xóm Hải Triều gặp nữ cư sĩ Hưu Xả, đạt giải thoát ly ưu an ổn tràng. Đến nước Ma La Tố gặp Tỳ Mục Cù Sa, đạt giải thoát Vô Thắng Tràng. Sau khi Thiện Tài hỏi cảnh tướng của giải thoát, Tỳ Mục xoa đầu Thiện Tài, dắt tay Thiện Tài đi khắp vô số cõi nước, thấy mọi cảnh tượng, đạt định Tỳ-lô-giá-na. Đến xóm Y Sa Na gặp Bà-la-môn Thắng Nhiệt, đạt giải thoát Vô Tận luân. Đến thành Sư tử Phấn Tấn gặp đồng nữ Từ Hành an tọa điện Tỳ lô. Sau khi quán sát cung điện thấy rõ mọi việc thành đạo độ sanh của vô số Phật, đạt Bát-nhã Ba-la-mật Phổ trang nghiêm. Đến nước Tam Nhãn gặp Tỳ kheo Thiện Kiến. Thiện Kiến kể lại hạnh tu của mình, từng cúng dường Phật, tu học pháp Phật, trọn vẹn hạnh Bồ-tát, đạt giải thoát tùy thuận đăng. Đến nước Danh Văn gặp đồng tử Tự Tại chủ cùng 10 ngàn đồng nữ đang chơi trò vun cát, đạt giải thoát Nhứt Thiết Công xảo đại thần thông trí quang. Đến thành Hải Trụ, gặp nữ cư sĩ Cụ Túc, đạt giải thoát Vô tận phước đức tạng. Thức ăn tuy ít nhưng chúng sanh trong mười phương đều no đủ. Đến thành Đại Hưng gặp cư sĩ Minh Trí ở giữa chợ cùng quyến thuộc, đạt giải thoát Tùy ý xuất sanh phước đức tạng. Đến thành Sư tử gặp trưởng giả Bảo Kế, đạt giải thoát Vô lượng phước đức bảo tạng. Đến thành Phổ Môn nước Đằng Căn, gặp trưởng giả Phổ Nhãn chửa bệnh, thuyết pháp cho chúng sanh, đạt pháp nhứt thiết Phổ Kiến chư Phật hoan hỷ. Đến thành Đa la tràng gặp vua Vô Yểm Túc với vô số hình phạt để độ chúng sanh độc ác, đạt giải thoát như huyễn. Đến thành Diệu Quang gặp vua Đại quang độ chúng sanh, đạt giải thoát tùy thuận thế gian định. Đến kinh đô An Trụ gặp nữ cư sĩ Bất Động độ thoát chúng sanh, đạt giải thoát nan phục trí huệ tạng. Đến thành Đô Tát la gặp ngoại đạo xuất gia Biến Hành đang đi lại trong

núi Thiện Đắc, 10 ngàn chúng phạm thiên vây quanh, đạt giải thoát chí nhứt thiết xứ. Đến nước Quảng Đại gặp trưởng giả chúc Hương đạt pháp điều hòa hương. Đến thành lâu cát gặp thiền sư Ba Thi La cùng trăm ngàn thương nhơn ở trên bờ biển, đạt hạnh đại bi tràng. Đến thành Khả lạc gặp trưởng giả Vô Thượng Thắng ở trong rừng vô ưu, trăm ngàn cư sĩ vây quanh, đạt hạnh thanh tịnh chí nhứt thiết xứ. Đến vườn Nguyệt quang thành Ca Lăng nước Thâu Na, gặp Tỳ kheo ni sư tử Tần Thân đạt giải thoát thành tựu nhứt thiết trí. Đến ngôi nhà ở ngoại thành Bảo Trang Nghiêm nước Hiểm Ngạn gặp cô Bà Tu mật Đa, đạt giải thoát ly tham dục tế. Đến thành Thiện Độ gặp cư sĩ Bỉnh Sắc chi la, đạt giải thoát Bất bát Niết-bàn tế. Đến núi Bổ Hằng lạc ca gặp Bồ-tát Quán Tự Tại đạt giải thoát từ bi hạnh, hiện khắp cõi Phật, cõi chúng sanh, hiện thân độ sanh. Gặp Bồ-tát Chánh Thú từ phương đông đến, Quán Tự Tại dạy Thiện Tài cầu học, đạt giải thoát Phổ Môn tốc tật. Đến thành Đọa La Bát để, đạt giải thoát Vân Võng. Đến đạo tràng bồ đề nước Ma Kiệt Đề gặp thần An Trụ, đạt giải thoát Bất khả hoại trí tuệ. Đến thành Ca Tỳ La gặp thần Bà Sang Bà Diễm Để, đạt giải thoát phá nhứt thiết chúng sanh ám pháp quang minh. Đến đạo tràng bồ đề nước Ma Kiệt Đề gặp Dạ Thần Phổ Đức Tịnh quang, đạt giải thoát tịnh tịnh thiền định nhạo phổ du bộ. Gặp dạ thần Hỷ Mục quán sát đạt giải thoát Bất tư nghì đại thế lực Phổ Hỷ Tràng. Đến đạo tràng gặp Dạ thần Phổ cứu chúng sanh Diệu Đức đạt giải thóat Phổ Hiện nhứt thiết thế gian điều phục chúng sanh. Gặp dạ thần Tịnh Tịnh âm Hải, đạt giải thoát niệm niệm xuất sanh quảng đại hỷ trang nghiêm. Đến chổ Phật gặp Dạ thần Thủ hộ Nhứt thiết Thành Tăng trưởng oai lực, đã giải thoát thâm tự tại Diệu âm. Gặp dạ thần khai phù Nhứt Thiết Thọ Hoa, đạt giải thoát Quảng đại Hỷ quang minh. Gặp dạ thần Đại Nguyện Tinh Tấn lực cứu hộ nhứt thiết chúng sanh, đạt giải thoát giáo hóa chúng sanh linh sanh thiện căn. Đến vườn Lâm Tỳ Ni gặp dạ thần Diệu Đức Viên Mãn, đạt giải thoát thị hiện thọ sanh tự tại. Đến thành Ca Tỳ La gặp đồng nữ Cù Ba, đạt giải thoát đại nguyện trí huyễn trang nghiêm. Đến cõi Đao lợi, gặp đồng nữ Thiên chủ quang, con vua chánh niệm, đạt giải thoát vô ngại niệm thanh tịnh trang nghiêm. Đến thành Ca Tỳ La gặp Biến Hữu dạy cầu học với đồng tử Thiện Tri chúng Nghệ học trí tự của Bồ-tát, đạt giải thoát của Bồ-tát, dạy 42 chữ nhập Bát-nhã. Đến thành Bà Sất Na nước Ma Kiệt Đề gặp nữ cư sĩ Hiền Thắng đạt giải thoát vô y xứ đạo tràng. Đến nước Yêu Điền gặp trưởng giả Kiên cố giải thoát đạt pháp vô trước niệm thanh tịnh trang nghiêm. Gặp trưởng giả Diệu

Nguyệt đạt giải thoát tịnh trí quang minh. Đến thành Xuất sanh gặp trưởng giả Vô Thắng Quân đạt giả thoát vô tận tướng. Đến xóm pháp gặp Bà-la-môn Tối Tịch Tịnh đạt giải thoát thành nguyện ngữ. Đến thành Diệu y Hoa môn gặp đồng tử Đức sanh, đồng nữ Hữu Đức, đạt giải thoát huyễn trụ. Gặp Bồ-tát Di lặc ở lầu gác lớn torng vườn Đại trang nghiêm thuộc nước Hải Ngạn. Nhớ lại kiếp xưa, Thiện Tài không lễ kính, nhớ lại hạnh nguyện đoạn trừ lỗi lầm, đạt vô lượng pháp, xem xét lầu gác, nhập biến nhứt thiết trí thân bình đẳng, hiện thân ở khắp mọi nơi.Thiện Tài ở trước lầu gác thành kính đảnh lễ, chuyên tâm chiêm ngưỡng, đi quanh vô số vòng, nghĩ: lầu nay là nơi ở của đấng thông đạt không, vô tướng, vô nguyện. Sau khi khen ngợi các Bồ-tát, Thiện Tài thành tâm mong gặp Di Lặc. Thấy Bồ-tát Di Lặc từ nơi khác đến, vô số thiên nhơn hầu hạ, Thiện Tài thành kính đảnh lễ. Quan sát xong, Di Lặc nói công đức của Thiện Tài cho đại chúng nghe: Thiện Tài là người đủ trí huệ, tâm thanh tịnh. Vì cầu pháp bồ đề nên đến đây. Nghe lời ấy, Thiện Tài vui mừng. Nhớ oai lực Văn Thù, trong tay Thiện Tài có nhiều hoa báu, rải cúng Di Lặc. Di lặc xoa đầu, khen ngợi Thiện Tài. Thiện Tài nói kệ tán thán Di lặc, thưa: các đức Như Lai thọ lý tôn giã một đời thành Phật, vượt trên hạnh nguyện của Bồ-tát, trọn vẹn pháp địa Bồ-tát. Di lặc hỏi đại chúng có nghe thấy Thiện Tài không. Thiện Tài đã thọ pháp với Bồ-tát Văn Thù ở thành Phước, sau lại cầu học với 1mười thiện tri thức, giờ lại đến đây. Di lặc dạy Thiện Tài: vì độ chúng sanh, ông đã phát tâm bồ đề. Tâm bồ đề phát khởi pháp Phật, tâm bồ đề là ruộng tốt nuôi lớn tịnh pháp của chúng sanh. Bồ-tát Di lặc lại nêu 105 ví dụ để chỉ tâm bồ đề. Khen ngợi xong, Di lặc khuyên Thiện Tài vào lầu gác. Thiện Tài đi quanh Di lặc, thưa: xin ngài mở cửa cho con. Di lặc búng tay, cửa tự mở, Thiện Tài bước vào, cửa tự đóng. Lầu ấy đủ vô số sự trang nghiêm, ảnh hiện vô số cõi nước, cảnh tượng. Thâu thần xong, Di lặc vào lầu, búng tay, dạy: Thiện nam tử! hãy đứng lên. Tánh pháp vốn như vậy. Đó là sự hiểu biết về tướng mộng huyễn do duyên sanh của các pháp nơi Bồ-tát. Thiện Tài đứng lên, Di lặc lại dạy: ông đã an trụ nơi giải thoát không thể nghĩ bàn của Bồ-tát. Đó là giải thoát Nhập tam thế nhứt thiết cảnh giới Bất vong niệm trí trang nghiêm tạng. Trong đó có vô số pháp giải thoát, Bồ-tát một đời thành Phật đạt được. Thiện Tài hỏi: những hiện tượng này sẽ về đâu? Đáp: về chỗ đến. Từ đâu đến? Từ trí huệ thần lực của Bồ-tát nhưng không đến đi, không thường đoạn. Thiện Tài hỏi: Đại Thánh từ đâu đến? Đáp: Bồ-tát không đến đi, không qua lại. Hỏi: Nơi thọ sanh của Bồ-tát là gì?mười tâm bồ

đề là nơi thọ sanh của Bồ-tát. Thọ giác xong, Thiện Tài đi qua 110 thành, đến thành Tô Ma Na nước Phổ Môn, suy nghĩ pháp mà Bồ-tát Văn Thù dạy. Văn Thù dùng thần lực đưa tay phải xoa đầu Thiện Tài, thuyết pháp,khuyên Thiện Tài tu hành Phổ Hiền. Thiện Tài suy xét, mong gặp Văn Thù và các thiện tri thức. Bồ-tát Phổ Hiền an tọa tòa sư tử đủ mười tướng trang nghiêm, mười tướng ánh sáng chiếu khắp mọi nơi, đoạn khổ của chúng sanh, hiện mây lành che khắp hư không. Thiện Tài đạt mười Ba-la-mật, được Phổ Hiền xoa đầu, đạt vô số định. mười phương đều như vậy. Phổ Hiền nói kệ khen Phật.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 130

HUYỀN NGHĨA
KINH HOA NGHIÊM

SỐ 1743

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1743

HUYỀN NGHĨA KINH HOA NGHIÊM

Sa môn Tịnh Cư chùa Đại An Quốc

Kinh Hoa Nghiêm gồm 80 quyển, 39 phẩm được thuyết chín lần ở bảy nơi.

- *Lần một ở đạo tràng Bồ đề, thuyết sáu phẩm:*

1) Thế Chủ Diệu Nghiêm (5 quyển).

2) Như Lai hiện tường (1 quyển).

3) Định Phổ Hiền.

4) Thế giới thành tựu (2 phẩm gồm 1 quyển).

5) Cõi Hoa Tạng (3 quyển).

6) Tỳ-lô-giá-na (1 quyển).

- *Lần hai ở điện Phổ quang minh, thuyết sáu phẩm.*

7) Danh hiệu Như lai.

8) Bốn Thánh đế (2 phẩm gồn 1 quyển).

9) Quang minh giác.

10) Bồ-tát vấn minh (2 phẩm gồm 1 quyển).

11) Tịnh hạnh.

12) Hiền Thủ (2 phẩm gồm 2 quyển).

- *Lần ba ở đỉnh Tu di, thuyết sáu phẩm:*

13) Lên núi Tu di.

14) Nói kệ khen ngợi.

15) mười trụ (3 phẩm gồm 1 quyển).

16) Phạm hạnh;

17) Công đức phát tâm (2 phẩm gồm 1 quyển).

18) Minh pháp (1 quyển).

- *Lần bốn ở Cung Dạ ma, nói bốn phẩm:*

19) Lên cung Dạ ma.
20) Nói kệ khen ngợi.
21) mười hạnh (3 phẩm gồm 2 quyển).
22) mười tạng vô tận (1 quyển).
- *Lần năm ở cung Đâu Suất nói ba phẩm:*
23) Lên cung Đâu Suất (1 quyển).
24) Nói kệ khen ngợi.
25) mười hồi hướng (2 phẩm gồm 11 quyển).
- *Lần sáu ở cõi Tha Hoa nói một phẩm:*
26) mười địa (6 quyển).
Lần bảy ở điện Phổ Quang Minh nói 11 phẩm:
27) mười định (4 quyển).
28) mười thông.
29) mười nhẫn (2 phẩm gồm 1 quyển).
30) A-tăng-kỳ.
31) Như Lai thọ lượng.
32) Trụ xứ Bồ-tát (3 phẩm gồm 1 quyển).
33) Pháp bất tư nghì của Phật (2 quyển).
34) mười tướng vi diệu của Như Lai.
35) Công đức tướng tốt của Như Lai (2 phẩm 1 quyển).
36) Hạnh Phổ Hiền (1 quyển).
37) Như Lai xuất hiện (3 quyển).
Lần tám ở điện Phổ Quang Minh nói một phẩm:
38) Ly thế gian (7 quyển).
Lần chín, ở rừng Thệ Đa nói một phẩm:
39) Nhập pháp giới.

HUYỀN NGHĨA KINH HOA NGHIÊM

Đại phương quảng Phật hoa nghiêm: Đại phương quảng: Pháp; Phật hoa nghiêm: nhơn. Đại: thể rộng lớn. Phương quảng: công dụng. Phật: người thuyết Hoa Nghiêm: tu nhân trang nghiêm quả. Lần một ở đạo tràng Bồ đề nói sáu phẩm: quả đức của Phật. Đức Tỳ-lô-giá-na thành chánh giác, 40 chúng như chúng cõi trời Đại tự tại, Bồ-tát... đến chỗ Phật: phẩm thế chủ diệu nghiêm. Phật hiện oai nghi chơn chánh: phẩm Như Lai hiện tướng. Tướng chơn như vượt trên hình tướng, Bồ-tát kém trí không thể hiểu được. Vì thế Bồ-tát Phổ Hiền nhập định tự tại, chứng cảnh giới Phật: phẩm định Phổ Hiền. Phật có y báo... ấy đủ nhơn duyên: Phẩm thế giới thành tựu. Cõi nước để an trụ: phẩm cõi Hoa Tạng. Nên rõ y báo, chánh quả trang nghiêm: phẩm Tỳ-lô-giá-na, điều kiện phát lòng tên. Rời đạo tràng bồ đề, Phật đến điện Phổ quang minh-nơi do rồng xây-nói sáu phẩm: lòng tên vì chúng sanh Phật hiện ba nghiệp. Về thân nghiệp có phẩm danh hiệu Như Lai; ngữ nghiệp có phẩm bốn Thánh đế; ý nghiệp độ sanh: phẩm quang minh giác. Để có lòng tin chơn chánh cần hiểu đúng: phẩm Bồ-tát vấn minh. Hiểu mà không hành như người đói không được ăn nên cần phải tu hành: phẩm tịnh hạnh. Từ hạnh thành tựu đức, hạnh là nguồn gốc pháp lành: phẩm Hiền Thủ. Lần này tuy nói về lòng tin chơn chánh nhưng chưa lập trí căn bản như sợi lông bay theo gió, không an định. Rời đạo tràng, Phật nhận lời thỉnh của thiên vương, lên cung Đao lợi, nói sáu phẩm: phát khởi trí căn bản. Phẩm lên cõi Đao lợi; độ chư thiên, phẩm nói kệ khen ngợi (như các lần trước). Phẩm mười trụ: trí của mười trụ. Phẩm Phạm Hạnh: hạnh của mười trụ. Phẩm công đức phát tâm: đức của mười trụ. Ba phẩm này là phần chính. Phẩm minh pháp: đức thăng tiến. Lần này đã nêu trí căn bản. Rời đạo tràng, Phật lên cõi Dạ ma, nói bốn phẩm, nhờ trí căn bản phát hạnh chơn chánh: phẩm lên cõi Dạ ma. Tùy vật ứng hợp: phẩm nói kệ khen ngợi. Hai phẩm này là phần dẫn nhập. Phẩm mười hạnh: pháp đạt mười hạnh. Phẩm mười tạng vô tận: tiến tu. Lần này tuy đã có thân cây nhưng chưa có cành lá. Không rời đạo tràng, lên cõi Đâu Suất, nói ba phẩm: hạnh nguyện của hồi hướng, độ thoát tất cả chúng sanh. Phẩm

lên cõi Đâu Suất: tâm cảm ứng Phật. Phẩm nói kệ khen ngợi: hợp đức. Phẩm mười hồi hướng: phần chính. Hồi huóng: hồi tự hướng tha,hồi tiểu hướng đại, hồi sự hướng lý, nhờ đó đạt ba thần. Năm lần trước an trụ ba hiền. Không rời đạo tràng đến cõi Tha hóa Tự Tại (1 phẩm) vào hàng Thánh, an trụ mười địa. Hiền: thiện; Thánh; chánh. Ba hiền: mười trụ là hiền bậc thấp (đoạn hoặc bằng trí); mười hạnh là hiền bậc trung (tiến tu pháp lành). mười hồi hướng là hiền bậc thượng (nguyện tự lợi, lợi người). Địa: sanh thành trí vô lậu sanh khởi bồ đề, thành tựu quả đức Phật, xoay lưng với phàm phu, chứng nhập Thánh vị, đoạn chướng chứng chơn, sanh vào nhà Phật: hoan hỷ địa. Ly cấu địa: tịnh tu ba nghiệp như luyện vàng, không phạm giới. Địa phát quang: tu chứng thiền định, hiển hiện thần thông, phóng ánh sáng trí. Địa Điệm huệ: từ định phát huệ, đốt củi phiền não bằng lửa 37 phẩm trợ đạo. Địa nan thắng: đủ hai trí chơn tục, tương hợp hành tướng. Địa Hiện Tiền: trí Bát-nhã hiểu 12 duyên, nhổ gốc vô minh, nhập ba giải thoát, hiểu lý pháp trống không. Địa viễn hạnh: thường an trụ pháp định, tự tại đủ công dụng, vượt trên có không, những vị trước không hiểu đc. Trời người nhị thừa cũng có thể tu hành pháp của sáu địa trước. Địa này chỉ là pháp của Bồ-tát. Địa Bất động: chứng vô sanh nhẫn, không dụng công, nhờ Phật khuyên bảy lần, khởi 10 thần, 10 tự tại, tự tại thuyết pháp, không dụng ý. Địa Thiện Huệ: vị trước chứng thể của pháp, vị này khởi công dụng, chuyên học hạnh pháp sư, nói năng ngủ nghỉ đều đủ 40 tướng chúng sanh vô ngại biện, là đại pháp sư, cứu độ tất cả. Địa pháp vân: mây trí pháp cách xa hoặc chướng nơi cõi trần, lãnh thọ tất cả pháp Phật, thuyết pháp độ sanh. Trời người cũng tu ba địa đầu; nhị thừa tu ba địa tiếp; địa bảy là hạnh của đại thừa; ba địa sau là hạnh nhứt thừa. Đó là 10 Thánh. Không rời đạo tràng, đến điện Phổ quang minh (11 phẩm). Trước nêu ba hiền bảy Thánh. Ở đây nêu nhân quả viên mãn. Phẩm mười định: tu mười định, hiểu pháp có là không. Phẩm mười thông: phát 10 huệ, biết không không phải không. Phẩm mười nhẫn: định huệ quân bình: không, có là một. Phẩm A-tăng-kỳ: đức lớn, không thể suy lường được. Phẩm Như Lai thọ lượng: lâu xa. Phẩm trụ xứ Bồ-tát: khắp mười phương sáu phẩm trên đều nêu công đức của Bồ-tát, là nhân của đẳng giác. Phần tiếp là quả diệu giác. Cần chứng pháp vi diệu để đạt quả diệu giác: phẩm pháp bất tư nghì. Từ diệu pháp thành tựu thân vi diệu: phẩm mười thân tướng rộng lớn của Như Lai. Hạnh đức: phẩm công đức tướng tốt. Đủ hạnh đức tạo lợi ích cho chúng sanh: phẩm hạnh Phổ Hiền. Phổ Hiền là tâm nhưng cần có quả tướng trình tự: phẩm Như Lai

xuất hiện. Lần tám, ở điện Phổ Quang minh, thuyết phẩm ly thế gian: từ sự hiểu biết viên mãn hạnh. Bồ-tát Phổ Huệ nên 200 câu hỏi. Bồ-tát Phổ Hiền trả lời bằng hai ngàn hàng kinh pháp tu hành ấy không tánh không tướng, ở ngay trong đời. Không rời đạo tràng đến rừng Thệ Đa, nói phẩm pháp giới: Phật nhập định sư tử tần thân để đại chúng chóng đạt pháp rộng lớn. Văn Thù rời gác Thiện Trù đi về phương nam, gặp đại chúng ở miếu cổ phía đông thành giác. Thiện Tài phát tâm bồ đề, địa qua 110 thành cầu học thiện tri thức, đạt định, giải thoát, sau cùng gặp Bồ-tát Phổ Hiền chứng pháp giải thoát.

Lần thứ một nêu đức Phật của vị tín, lần hai nêu lòng tin, lần ba nêu sự hiểu biết nhờ lòng tin, lần bốn từ sự hiểu biết hành hạnh, lần năm từ hạnh phát nguyện, lần sáu trọn vẹn hạnh ba hiền, sắp vào Thánh vị, lần bảy từ nhân thành quả, lần tám không có không, chơn vọng, lần chín cảnh trí hợp nhứt, không thể nắm bắt được. Nói chung, lần một nêu y báo chánh báo, đức Phật đề phát lòng tin lần chín nêu người tin thành Phật. Nghĩa là trước sau hợp nhứt. Chính là chư Phật ở đề kinh. Lần hai, lần tám là nhân Phật. Chính là chữ Hoa ở đề kinh. Nhân có thứ lớp nên có bảy lần. Quả không hạn định, chỉ Phật đạt được. Nghiêm: trang nghiêm quả Phật pháp thân bằng nhân nguyện hạnh. Hơn nữa, Phật hoa Nghiêm: người truyền pháp. Đại phương quảng: pháp được truyền. Từ pháp thành nhơn: đại phương quảng. Nhờ nhơn truyền pháp: Phật hoa Nghiêm. Trong nhơn có nhân quả: Phật. Trong pháp đưa dụng về thể: đại (pháp giới chứng đắc). Phật: trí chứng đắc. Phật, Đại như ánh sáng và hư không, ngoài hư không không có ánh sáng, ngoài Đại không có Phật. Ánh sáng và hư không là một. Phật là sự dung hợp không thể phân biệt được, không thể suy xét bằng tâm, không thể diễn đạt bằng ngôn ngữ. Kinh: biểu hiện ý nghĩa đó, từ lý thành giáo pháp, nhờ Pháp thấy lý. Kinh dạy: nhờ ánh sáng mặt trời hành đạo của Phật. Phật là pháp thường còn. Kinh pháp cũng vậy. Vì sao? Vì không có mặt trời nào không có ánh sáng. Kinh dạy: người cõi Diêm phù ở xa núi Tu di nên thấy mặt trời mọc lặn. Những vật ở trong mặt trời, luôn chuyển động theo mặt trời nên không thấy mặt trời mọc lặn. Phàm phu vì vô minh nên thấy Phật ẩn hiện. Các Bồ-tát luôn sống với pháp Phật nên không thấy Phật ẩn hiện. Mặt trời là thể, ánh sáng là dụng. Thể phải đủ dụng. nhờ ánh sáng, người thấy đường, làm mọi việc. Cũng thế nhờ nghe hiểu suy xét pháp Phật, chúng sanh biết đạo xuất thế, tu tập giới định huệ. Ví dụ một bộ kinh to bằng ba ngàn cõi nhưng chứa trong một hạt bụi. Cõi mười phương cũng thế. Một người đủ trí huệ, nhìn pháp bằng mắt

tịnh, vượt trên văn tự kinh, độ tất cả chúng sanh. nghĩa của kinh Đại phương quảng Phật hoa nghiêm sâu xa, khó trình bày hết, chỉ xin trình bày một phần sự hiểu biết về kinh này. Nếu hiểu được nghĩa lý một câu một kệ thì phước đức thật khôn lường.

■